

NGUYỄN ĐÌNH THỐNG

CÔN ĐẢO
TỪ GÓC NHÌN LỊCH SỬ

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CÔN ĐẢO
từ góc nhìn LỊCH SỬ

NGUYỄN ĐÌNH THỐNG

CÔN ĐẢO
từ góc nhìn LỊCH SỬ

(Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Côn Đảo xưa gọi là quần đảo Côn Lôn "Nguy nga đứng trấn giữa biển Đông" (theo "Đại Nam nhất thống chí") như một pháo đài tiền tiêu trấn giữ vùng biển Đông - Nam của Tổ quốc. Từ năm 1862, thực dân Pháp chiếm Côn Đảo, xây dựng nhà tù, dày ải những người Việt Nam yêu nước. Côn Đảo là nhà tù đầu tiên, qui mô lớn nhất và nổi tiếng tàn bạo như một "địa ngục trần gian" của chế độ thực dân ở Đông Dương. Lịch sử 113 năm của "địa ngục trần gian" Côn Đảo kể từ khi thực dân Pháp thiết lập nhà tù cho đến ngày hoàn toàn giải phóng (1862 - 1975) gắn với những trang sử tranh đấu oai hùng của nhiều thế hệ người Việt Nam yêu nước đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc Việt Nam.

Phong trào đấu tranh của tù nhân Côn Đảo qua các thời kỳ cách mạng giải phóng dân tộc, kháng chiến chống Pháp và kháng chiến chống Mỹ thực sự là bản anh hùng ca về ý chí kiên cường, trở thành tượng đài về lòng yêu nước và tinh thần lạc quan cách mạng của bao lớp tù nhân yêu nước, như lời Tổng Bí thư Lê Duẩn:

"Côn Đảo là một di tích lịch sử vĩ đại; Côn Đảo là một trường học lớn cho các thế hệ mai sau".

37 năm qua kể từ ngày giải phóng (1975 - 2012), Côn Đảo là một huyện của tỉnh Hậu Giang (1977), một quận của đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo (1979), một huyện của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (1991), một huyện đảo tiền tiêu trên thềm lục địa phía Nam với sự phát triển trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng. Côn Đảo trở thành mảng đề tài có sức hấp dẫn lớn đối với các nhà nghiên cứu.

Là một người gắn bó suốt nhiều năm với vùng đất Bà Rịa - Vũng Tàu, nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Thống đã dành nhiều thời gian và tâm huyết nghiên cứu mảng đề tài này. Ông là tác giả và đồng tác giả của nhiều công trình viết về Côn Đảo như: ***Nhà tù Côn Đảo 1862 - 1975, Hòn đảo của những di tích và danh thắng, Di tích lịch sử nhà tù Côn Đảo, Chiếm tàu địch vượt Côn Đảo, Tiếng hát nữ tử tù, Võ Thị Sáu - Con người và huyền thoại, Có Bác mãi trong tim, Nhà tù Côn Đảo - Nhà lao Phú Quốc...*** *mà Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh đã hân hạnh giới thiệu và được đông đảo bạn đọc xa gần đón nhận.*

Cuốn sách ***Côn Đảo - Từ góc nhìn lịch sử*** *là tập hợp những chuyên khảo của ông về Côn Đảo trên các diễn đàn khoa học. Cuốn sách đem*

đến một góc nhìn mới, thông qua từng sự kiện lịch sử, từng nhân vật lịch sử giúp người đọc hiểu sâu hơn về cuộc đấu tranh khốc liệt của những người yêu nước và cách mạng trong cảnh ngộ nghiệt ngã ở "địa ngục trần gian" này, gắn với những bước phát triển thăng trầm của cách mạng Việt Nam. Từng bài viết trong sách đều tái hiện một cách sinh động, chân thực bối cảnh lịch sử và chân dung những nhân vật tiêu biểu trên từng góc độ, ở mỗi thời kỳ, từ khi nhà tù Côn Đảo mới được thành lập (theo nghị định ngày 1-2-1862 của Đô đốc Bonard) cho đến ngày hoàn toàn giải phóng (1-5-1975). Không chỉ có sự kiện và nhân vật, từng tảng đá tại Cầu Tàu lịch sử, từng khe nứt trên vách Chuồng Cọp Côn Đảo hay mỗi tấm bia mộ tại Nghĩa trang Hàng Dương, cũng hiện lên thật sinh động trong lịch sử đấu tranh kiên cường, bi tráng và xúc động lòng người.

Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, Côn Đảo vẫn sừng sững, hiên ngang, là nơi lưu giữ những chứng tích về tội ác man rợ của thực dân, đế quốc. Cuốn sách ***Côn Đảo - Từ góc nhìn lịch sử*** *dẫn dắt người đọc tìm về cội nguồn Côn Đảo, một di tích lịch sử đặc biệt cấp quốc gia, nơi có nghĩa trang Hàng Keo - Hàng Dương, hàng vạn nấm mộ có tên và không tên của những người con ưu tú từ mọi miền đất nước, được ví như "bàn thờ Tổ quốc". Nơi ấy ghi sâu trong lòng người đọc những giá trị thiêng liêng*

của độc lập tự do và đánh thức những khát vọng vươn tới lẽ sống cao đẹp, vượt qua những hạn hẹp của đời thường.

Năm 2012 là dịp tròn 150 năm khởi đầu lịch sử đấu tranh bất khuất của các thế hệ người Việt Nam yêu nước ở nhà tù Côn Đảo, là dịp kỷ niệm 37 năm ngày giải phóng nhà tù Côn Đảo và 37 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh xin trân trọng giới thiệu tác phẩm **Côn Đảo - Từ góc nhìn lịch sử** *đến đông đảo bạn đọc xa gần.*

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CÔN ĐẢO
TỪ GÓC NHÌN LỊCH SỬ[1]

Sau 55 phút bay từ Vũng Tàu hoặc Thành phố Hồ Chí Minh, du khách đặt chân lên sân bay Cỏ Ống. Những cảm giác bồng bềnh của trời mây sẽ tan biến khi bạn hòa nhập vào khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ ngay trên con đường về thị trấn quanh co bên sườn núi, soi bóng dưới vịnh Cỏ Ống biếc xanh.

Mặc dầu vậy, phần lớn du khách vẫn thích đến Côn Đảo bằng tàu thủy. Tàu nhổ neo lúc chiều tà, hoàng hôn đổ bóng trên giàn cọc đáy lặng lẽ bên hàng dừa Bãi Trước (Vũng Tàu). Bình Minh vừa hé lên, tàu cặp bến Côn Đảo.

Cách Vũng Tàu 97 hải lý, Côn Đảo gồm 16 hòn đảo, sừng sững trấn giữ vùng biển Đông Nam của Tổ quốc với những thắng cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp cùng tiềm năng giàu có của biển, của rừng.

Côn Đảo từng nổi tiếng là "địa ngục trần gian" ở xứ Đông Dương, song những ai đã một lần đặt chân đến đều không sao quên được vẻ đẹp say mê lòng người, những cảnh sắc kỳ thú của biển trời, đồi núi, rừng cây, bờ bãi mà thiên nhiên ban tặng. Một rặng vông đỏ rực soi bóng trên bãi Đầm Trầu, một bầy vích con bò lổm ngổm trên

1 *Thông tin Khoa học lịch sử Bà Rịa - Vũng Tàu* số 13, năm 2006.

bãi cát trước thung lũng Hòn Cau, một đợt sóng trào sôi ập vào cửa Đầm Tre giữa mùa gió chướng đều có thể đưa con người đắm chìm vào thiên nhiên với những cảm giác hùng vĩ, mênh mang và sâu lắng. Mười sáu hòn đảo quây quần bên nhau giống như một hạm đội tiền tiêu canh giữ vùng biển, vùng trời Tổ quốc.

Nhà tù Côn Đảo được thiết lập theo Nghị định ngày 1-2-1862 của Đô đốc Bonard để giam những người yêu nước, chống Pháp. Trung úy Félix Roussel được chỉ định làm Chỉ huy trưởng quần đảo kiêm Quản đốc đầu tiên của nhà tù Côn Đảo.

Trong hơn nửa thế kỷ đầu, nhà tù Côn Đảo chỉ có một trại giam (Bagne Noi). Banh II được khởi công năm 1916, đưa vào sử dụng năm 1928. Banh III tiếp tục được xây dựng và được sử dụng năm 1939. Banh phụ của Banh III cùng 2 dãy Chuồng Cọp được sử dụng từ năm 1944.

Trong 20 năm sau cùng của nhà tù này, Mỹ - ngụy đã tăng quy mô từ 4 trại lên 8 trại. Trại V được xây dựng năm 1962. Trại VI, Trại VII và Trại VIII được xây dựng gần như cùng một lúc, vào năm 1968, hoàn thành cơ bản vào cuối năm 1970. Ba trại giam này được ngân sách MACCORD (Chương trình viện trợ quân sự và kinh tế của Mỹ) chi tiền, chuyên gia xây cất nhà tù của Mỹ thiết kế và Hãng thầu Mỹ RMK- BRJ xây cất. Trại IX cũng đã được đổ móng, đúc cột rồi bỏ dở khi hãng RMK-BRJ rút khỏi Việt Nam (năm 1972).

Trong 50 năm đầu, con số tù nhân ở nhà tù Côn Đảo biến động ở mức trên dưới 1.000 người. Trong 15 năm tiếp theo, số lượng tù nhân ở đây dao động mức trên dưới 2.000. Thời Pháp thuộc, nhân số nhà tù tăng lên cao nhất

vào thời điểm sau cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ (23-11-1940). Báo cáo ngày 15-1-1943 của nhà tù cho biết nhân số hiện hữu là 4.403 người. Hàng ngàn người tù đã chết trong những năm khủng bố ác liệt này.

Tháng 9-1945, hơn 2.000 tù chính trị còn sống sót sau những năm khủng bố trắng đã nổi dậy giành quyền làm chủ Côn Đảo và trở về đất liền tham gia kháng chiến. Gần 1.000 tù thường phạm còn lại được sinh sống tự do, bình đẳng với số công chức và gác ngục. Ngày 18-4-1946, thực dân Pháp tái chiếm Côn Đảo, lập lại nhà tù. Số lượng tù nhân kháng chiến bị giam giữ ở đây trung bình là 2.000 người. Thời Mỹ - ngụy, số lượng tù nhân Côn Đảo tăng dần từ 4.000 đến mức 8.000 vào những năm 1967 - 1969 và gần 10.000 trong những năm 1970 - 1972.

* * *

Di tích lịch sử đầu tiên mà du khách chiêm ngưỡng khi đến thị trấn là Cầu Tàu Côn Đảo. Cầu Tàu được khởi công từ năm 1873, mở rộng và sửa chữa nhiều lần, cho đến ngót một thế kỷ sau mới có dạng như ngày nay. Có người gọi Cầu Tàu bằng danh số 871; 914; 915 để tưởng nhớ số người đã chết trong lúc xây dựng Cầu Tàu. Những con số đó mang tính ước lệ và chắc chắn là chưa đủ.

Đứng trước Cầu Tàu, dấu ấn sâu lắng nhất đọng lại là những phiến đá. Hàng ngàn, hàng vạn, hàng triệu tảng đá ngổn ngang, sắp lớp theo kè ngang, kè dọc. Cụ Võ An Ninh, nhà nhiếp ảnh lão thành đã ba lần ra đảo, mê mẩn nâng ống kính trước những tảng đá. Những tảng đá lớn hàng thước khối, nặng nhiều tấn kia đã làm kiệt quệ và đè nát bao nhiêu thân tù khi họ xeo chúng từ

Núi Chúa về đây. Bọn gác ngục người Pháp có lối giết tù bằng lao động khổ sai. Xeo đá, tảng lớn: 12 người. Xeo không nổi, chúng đánh một trận rồi bớt ra 2 người, bắt xeo. Không nổi lại đòn, lại bớt người, xeo tiếp. Không xeo được sẽ chết vì đòn roi, xeo được thì chết vì kiệt sức.

Bây giờ, những phiến đá mang đầy kỷ niệm đau thương ấy bình yên soi mình trước tấm gương xanh trải rộng trong vịnh Côn Lôn, trầm lặng và kiên nhẫn. Nhiều du khách đã ngồi rất lâu trên những tảng đá ấy, đắm chìm suy tư vào quá khứ trước biển cả gợn sóng biếc xanh, đổi muôn sắc màu huyền ảo theo góc soi của trời chiều ngả dần trên Núi Chúa.

Nước Mỹ có một khu bảo tàng lớn, được xem như nếu chưa đến đó, chưa biết nước Mỹ. Hiện vật duy nhất còn lại là một viên đá mà người da trắng đầu tiên đã đặt chân lên lục địa này từ vài thế kỷ trước. Cầu Tàu lịch sử có hàng triệu tảng đá có thể làm nên những bảo tàng như vậy.

* * *

Cạnh lối bước ra Cầu Tàu là một ngôi nhà kiến trúc kiểu Tây phương rợp mát dưới tán bàng đại thụ. Trên bức tường hướng ra đại dương có gắn một tấm biển đồng, vuông chừng 4 tấc, khắc hàng chữ: *"Dans cette maisson vécut le grand compositeur Camille Saint Saens du 20 Mars au 19 Avril 1895, il y acheva l'opera Brunehilda"*. Đây là ngôi nhà khách (Maison de passager) được xây dựng từ cuối thế kỷ XIX, sau gọi là Công Quán, nơi dừng chân cho lữ khách đến thi hành công vụ tại đảo. Nhạc sĩ kì tài của nước Pháp Camille Saint Saens đã lưu lại đây tròn một tháng, từ ngày 20-3 đến ngày 19-4-1895. Tại

đây, ông đã hoàn tất vở nhạc kịch nổi tiếng *Brunehilda*. Nỗi đau quằn quại của những người tù khổ sai hòa trộn giữa nắng trời, sắc biển kỳ thú của Côn Lôn đã tạo cho ông những cảm xúc mãnh liệt và đi vào giai điệu tuyệt tác trong chương cuối bản nhạc kịch *Brunehilda* mà nhạc sĩ Guirand, người bạn quá cố của ông ủy thác.

* * *

Giờ đây, đến Côn Đảo, người ta vẫn còn choáng ngợp bởi một hệ thống trại giam được xây dựng quy mô với 8 trại giam chính, mỗi trại rộng từ 10.000 đến 25.000m^2 cùng hàng chục trại phụ với 20 hầm đá, 14 xà lim, 31 gian biệt lập Chuồng Bò, 120 Chuồng Cọp Pháp, 384 Chuồng Cọp Mỹ, chưa kể đến hàng chục khu biệt lập nhất thời để duy trì an ninh đối với những người tù trong tay không một tấc vũ khí.

Còn đây hệ thống trại giam, những di tích Cầu Tàu, cầu Ma Thiên Lãnh, Sở Tiêu, Cỏ Ống, Bến Đầm, Hòn Cau, Bảy Cạnh - những công trình xây dựng bằng mồ hôi, xương máu của tù nhân. Hàng chục cây số đường dọc ngang trên đảo, hàng ngàn mét tường đá dày bao quanh các trại giam, hàng triệu tảng đá ngổn ngang dọc Cầu Tàu như còn âm vang câu ca trường hận của tù nhân: "*Côn Lôn ơi, viên đá mạng người...*".

Còn đây Nghĩa trang Hàng Keo, Nghĩa trang Hàng Dương, Nghĩa trang Hòn Cau, Nghĩa trang Cỏ Ống với gần 2 vạn nấm mồ có tên và không tên. Nghĩa trang Hàng Dương và Nghĩa trang Hàng Keo đang được bảo tồn như một di tích lịch sử đặc biệt, được mệnh danh là "Bàn thờ Tổ quốc", nơi yên nghỉ của hàng vạn người con

ưu tú của dân tộc trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội giữa lao tù, xiềng xích. Nơi ấy chứa đựng nỗi đau chung của dân tộc Việt Nam, của các dân tộc bị áp bức.

Nghĩa trang Hàng Keo và Nghĩa trang Hàng Dương còn mang tính chất một nghĩa trang quốc tế. Nhiều người yêu nước của các dân tộc Lào, Campuchia, Thái Lan, Quảng Châu Loan (Tô giới Pháp ở Trung Quốc) đã bị đày ải và hy sinh tại đây. 89 tội phạm chiến tranh Nhật Bản đã bị thực dân Pháp đày ải trong những năm 1947 - 1950, có ít nhất là 2 người đã gửi xác lại.

Nghĩa trang Hàng Keo, Hàng Dương với 2 vạn nấm mồ là chứng tích tội ác của chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Gần 2 vạn nấm mồ không tên và hàng triệu mẩu xương không địa chỉ như một lời tố cáo hùng hồn những kẻ đang lớn tiếng đòi nhân quyền cho vài trăm hài cốt của những tên xâm lược.

* * *

Côn Đảo không chỉ có nhà tù, hầm đá, xà lim, Chuồng Bò, Chuồng Cọp, nghĩa trang, hài cốt... Côn Đảo còn có những bãi tắm tuyệt đẹp, bãi cát mịn, nước trong vắt, với muôn màu huyền ảo tựa như có một họa sĩ thiên tài đã hòa sắc màu của trời, của biển với màu xanh của cánh rừng nguyên sinh, nay là rừng quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên với hàng trăm loài cây đại diện cho rừng Việt Nam ở các miền, với tầng sinh thái và thảm thực vật đặc trưng như một bảo tàng về rừng của đất nước. Đấy là nơi lý tưởng dành cho du lịch sinh thái và nghiên cứu khoa học, là môi trường lý tưởng tôn tạo cảnh quan cho khu di tích lịch sử có một không hai này.

Cảnh quan gần gũi nhất với di tích là thị trấn Côn Đảo. Đó là một thị trấn có cấu trúc đặc biệt: thị trấn tù của một hòn đảo tù. Ngoài nhà tù và các cơ sở phục vụ bộ máy trị tù, thị trấn Côn Đảo không có một cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội nào khác. Kiến trúc sư Nguyễn Trọng Huấn, người phác thảo bản quy hoạch tổng thể đầu tiên cho Côn Đảo đã đề nghị bảo tồn kiểu dáng kiến trúc của thị trấn này, từ dãy phố công sở đến những hàng cây, con đường, tường rào, kè đá... Anh đã thiết kế bản quy hoạch với một ý niệm tâm đắc: Côn Đảo là một hòn đảo di tích.

Không thật rộng, không thật cao, từ ngoài vịnh nhìn vào, dãy biệt thự như một đường viền duyên dáng của thị trấn Côn Đảo, được bao bọc ba bề bởi Núi Chúa và mũi Lò Vôi, mũi Cá Mập. Vị trí, kích thước, đường nét và màu sắc của chúng thật hài hòa trong khung cảnh thiên nhiên. Mái ngói đỏ tươi cùng những bức tường vôi trắng như thể tô điểm cho sắc trời, sắc biển, càng rực rỡ cùng hàng cây phượng vĩ khi hè về. Bông bằng lăng tím biếc, bông điệp đỏ, điệp vàng làm duyên khi xuân đến, thu sang. Mùa đông, con đường ấy lắng đọng trong âm sắc xao xác của những cành bàng gầy guộc, lẫn trong tiếng sóng vỗ ầm ào.

Xa xưa, những người tù làm khổ sai trên con đường này đã tìm mọi cách lén đem về trại những đọt bàng non hoặc trái bàng xanh để làm thuốc chữa bệnh kiết lỵ và tăng thêm nguồn sinh tố cho những bạn tù đang kiệt sức. Lá bàng khô là món quà quý chia nhau dùng vào việc vệ sinh, và lãng mạn hơn, để chép thơ tặng nhau. Gốc cây, khe đá là những hộp thư để chuyển cho nhau tin tức, vật dụng hiếm hoi có được. Cụ Tôn Đức Thắng trong những

năm làm thợ máy tại Sở Lưới đã gửi qua hộp thư ấy từng lọ mắm tép nho nhỏ, từng lon cá vụn kho mặn cho các đồng chí bị cấm cố. Mỗi thước đường, mỗi gốc cây, gộp đá trên hòn đảo này đều chứa đựng những điều bí ẩn và kỳ thú.

Trước ngày giải phóng, toàn bộ những công trình trên đảo đều được xây dựng bằng lao động khổ sai của tù nhân: cầu tàu, trại giam, nhà cửa và những con đường... Từ thị trấn Côn Đảo, có 2 tuyến giao thông về 2 phía: Bến Đầm và Cỏ Ống. Tuyến đường từ thị trấn ra Bến Đầm được khai phá từ những năm đầu thế kỷ XX. Năm 1952, chúa đảo Jarty lập dề án mở rộng con đường này để sử dụng hữu hiệu vịnh Bến Đầm.

Đề án mở đường của Jarty đã tạo tiền đề cho cuộc vượt ngục có một không hai, diễn ra trong mùa gió chướng năm ấy. Gần 200 tù binh làm đường ở Bến Đầm đã trở thành lực lượng xung kích để thực hiện phương án võ trang giải thoát của Đảo ủy. Những người lính xuất thân từ thợ mỏ Hòn Gai - Cẩm Phả đã thiết kế một căn hầm bí mật theo kiểu hầm lò ngay dưới nền trại giam. Họ khoét đất bằng muôi múc cơm, đựng đất trong ống quần, vạt áo mà chuyển ra ngoài, rút gỗ từ sạp nằm để chèn, chống, kiên trì tạo dựng 2 căn hầm bí mật, vừa dài, vừa rộng, đủ để đóng 5 con thuyền vượt biển. 11 giờ trưa ngày 12-12-1952, cuộc bạo động đã nổ ra, 28 tổ xung kích tay không đã trói gọn 28 tên lính Âu Phi, thu toàn bộ vũ khí. 5 chiếc thuyền khung gỗ, ốp mây đan, quét sơn và hắc-ín đã được hạ thủy tại Bến Đầm. Chuyến đi ấy biển trời không thuận, 117 người bị tàu Pháp đuổi theo bắt lại, 81 người khác đã không trở về.

Tám năm trước đây, cụ Nguyễn Văn Họa, người tổ trưởng tổ đào hầm dạo ấy đã cùng đoàn tù chính trị Côn Đảo tỉnh Quảng Ninh trở lại đây xác định dấu vết căn hầm và dựng tấm bia tưởng niệm những người đã hy sinh trong cuộc vũ trang giải thoát. Có thể là một ngày không xa, lớp con cháu cụ, những người thợ mỏ hôm nay sẽ tìm về nguồn cội và khôi phục di tích này để ghi tạc một chiến công đã trở thành biểu tượng cho ý chí tự giải phóng của các bậc tiền bối.

* * *

Như để cân bằng tiềm năng ở 2 đầu hòn đảo, thiên nhiên đã tạo dựng một thung lũng bằng phẳng phía Đông - Bắc thị trấn, vừa đủ để xây dựng một sân bay: sân bay Cỏ Ống. Cỏ Ống là tên gọi của một ngôi làng cổ, nơi sinh sôi của một loài cỏ ống mà người ta thường dùng đan đệm, nón, giỏ xách. Cho đến bây giờ, ngoài phạm vi của sân bay, cảnh sắc ở thung lũng này còn nguyên sơ như tên gọi. Bởi thế, Cỏ Ống có sức hấp dẫn đặc biệt. Chỉ bước qua đầu đường băng phía Tây vài chục thước thôi, du khách đã phải sững sờ trước vẻ đẹp hiếm có của bãi Đầm Trầu. Một bãi cát mịn trải dài như dải lụa vàng thắt ngang tấm thảm xanh, nửa vắt lên cánh rừng, nửa buông xõa trên mặt biển. Một vách đá dựng đứng tôn thêm dáng núi uy nghiêm; một triền đá thoai thoải trải dài đến tận mép nước như thân thiện, chào mời; một rặng vông nở hoa đỏ rực giữa sắc xanh của trời, của biển và những tảng đá cô độc hay sóng đôi lô nhô quanh đây đều khiến những ai vô tình nhất cũng trở nên bâng khuâng, xao xuyến. Ấn tượng hùng vĩ của thế núi, cảm giác thẳm sâu của biển cả và sắc xanh bất tận là nguồn

cảm hứng khơi dậy những khát vọng cao cả, nhân ái, thánh thiện, vĩnh hằng.

Không chỉ riêng có bãi Đầm Trầu, mà đến bất cứ nơi nào, bãi Rong, bãi Ông Đụng, bãi Ông Câu, Đầm Tre, Hòn Cau, Hòn Tài, Hòn Trác... phong cảnh thiên nhiên vẫn hiện ra với dáng vẻ thật riêng như ta chưa từng gặp bao giờ.

* * *

Hơn một phần ba thế kỷ đã trôi qua, kể từ ngày hoàn toàn giải phóng, Côn Đảo được bảo tồn như một di tích lịch sử lớn của đất nước. Hàng vạn lượt du khách trong và ngoài nước đã đến đây để suy ngẫm về sứ mệnh "khai hoá văn minh" của người Pháp và "bảo vệ tự do" của người Mỹ, để hiểu được cái giá mà các thế hệ tiền bối đã phải trả cho độc lập, tự do của Tổ quốc. Mỗi di vật trên hòn đảo chứa đầy di tích này luôn nhắc nhở con người biết trân trọng quá khứ, biết cảnh giác với chiêu bài tự do, nhân quyền giả hiệu.

PHẦN THỨ NHẤT

TỔNG QUAN VỀ CÔN ĐẢO

QUẦN ĐẢO CÔN LÔN VÀ NHÀ TÙ CÔN ĐẢO[1]

1. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ TIỀM NĂNG CÔN ĐẢO

Côn Đảo là một trong những quần đảo tiền tiêu của nước ta, "nguy nga đứng trấn giữa biển Đông" (*Đại Nam nhất thống chí*), bao gồm 14 hòn đảo lớn nhỏ, với tổng diện tích là 72,18 km^2, trải ra trên một vùng biển có tọa độ địa lý từ 106°31' đến 106°45' kinh độ đông; từ 8°34' đến 8°49' vĩ độ bắc. Từ năm 1995, Nhà nước ta giao cho huyện Côn Đảo được quản lý thêm 2 hòn đảo mang tên Hòn Anh và Hòn Em. Với 16 hòn đảo kể trên, Côn Đảo có tổng diện tích là: 76,71 km^2.

Đường biển từ Côn Lôn đến Vũng Tàu dài 179 km, đến Thành phố Hồ Chí Minh dài 230 km, đến cửa sông Hậu dài 83 km, đến thành phố Cần Thơ dài 165 km. Sử sách nước ta xưa nay gọi hòn đảo lớn nhất là *đảo Côn Lôn* (gọi tắt là Côn Đảo), cả quần đảo này cũng gọi chung bằng địa danh ấy - *quần đảo Côn Lôn*. Người ta cũng thường gặp những biến dạng gần gũi của từ đó như: Côn Lôn Sơn, Côn Sơn, Côn Nôn. Từ ngày thành lập đặc khu Vũng Tàu -

1 Chuyên đề khoa học, Đề tài cấp bộ đặc biệt 2001 - 2004: *"Lịch sử đấu tranh của các chiến sĩ yêu nước và cách mạng tại nhà tù Côn Đảo (1862 - 1975)"* (Chủ nhiệm đề tài: PGS. TS. Nguyễn Trọng Phúc; Thư ký đề tài: TS. Nguyễn Đình Thống - ThS. Trần Trọng Thơ). Mục này do TS. Nguyễn Đình Thống biên soạn.

Côn Đảo (30-5-1979), Côn Đảo là địa danh chính thức của hòn đảo lớn nhất cũng như của cả quần đảo.

Đảo Côn Lôn là một hòn đảo lớn từ Đông sang Tây, dài 15 km, chỗ rộng nhất là 9 km, chỗ hẹp nhất khoảng 1 km. Với diện tích 51,52 km^2, đảo Côn Lôn chiếm gần 2/3 tổng diện tích quần đảo. Trên đảo có thị trấn Côn Đảo nằm ở tọa độ 8°40'57" vĩ độ bắc, 106°36'10" kinh độ đông. Nói đến quần đảo Côn Lôn là nói đến hòn đảo này, vì đời sống kinh tế - chính trị và xã hội của cả quần đảo tập trung ở đây. Từ khi Pháp thiết lập nhà tù, Côn Đảo không còn dân thường. Không kể tù nhân, bộ máy cai trị (kể cả vợ con họ) ở Côn Đảo trước Cách mạng tháng Tám (năm 1945) không đến 500 người.

Hòn Bà tiếp giáp với hòn Côn Lôn về phía Tây - Nam, hai đảo chỉ cách nhau bằng khe nước Họng Đầm không quá 20 m. Giữa hai đảo này là *Vũng Đầm*, còn gọi là vịnh Tây - Nam, giống hình cái quạt mở về hướng Tây - Bắc. Vũng Đầm sâu, lại ở vào nơi khuất gió, thuận tiện cho việc xây dựng một bến cảng tốt.

Hòn Bảy Cạnh nằm trước mặt thị trấn Côn Lôn, trên đó có ngọn *Hải Đăng Côn Đảo*, rọi đường cho tàu bè quốc tế đi lại.

Hòn Bông Lan nằm sát Hòn Bảy Cạnh, từ xa trông giống như nửa chiếc bánh bông lan.

Hòn Cau cách Côn Lôn chừng 12 km về hướng Đông - Bắc, nơi chim yến hay làm tổ. Dưới thời phong kiến, người dân ở đây phải thu lượm tổ yến (yến sào) để dâng nộp cho triều đình sản vật đặc biệt này. Đất đai Hòn Cau phì nhiêu, cây cỏ tươi tốt. Xưa kia ở đây có loại cau quả to, vỏ hồng, vị ngon, người Gia Định rất ưa chuộng, mua với giá cao (*Gia Định thành thông chí*).

Hòn Tài Nhỏ, Hòn Tài Lớn, Hòn Trác Nhỏ, Hòn Trác Lớn, họp thành một chuỗi đảo nhỏ nối tiếp Hòn Bảy Cạnh, kéo dài từ Đông - Bắc xuống Tây - Nam, che chắn cho đảo Côn Lôn.

Hòn Trọc, còn gọi là Hòn Trai vì ở đó có nhiều trai ốc biển. *Hòn Tre Lớn, Hòn Tre Nhỏ* tiếp nối nhau che chắn phía Tây và Tây - Bắc đảo Côn Lôn.

Hòn Trứng, còn gọi là Hòn Đá Bạc nằm xa đảo Côn Lôn về hướng Đông - Bắc. Ở đây không có cây cối nhưng lại là nơi trú chân, làm tổ, đẻ trứng của các loài chim biển, biến đảo này thành một trong những "sân chim" của miền Nam nước ta.

Hòn Vung trông giống như chiếc vung nồi úp chụp xuống mặt biển xanh, là một hòn đảo nhỏ ở phía Tây - Nam quần đảo.

Diện tích 13 hòn đảo kể trên cộng lại chỉ bằng nửa diện tích đảo Côn Lôn. Đất canh tác ở đây không đáng kể, trừ mấy hòn đảo lớn như: Hòn Bà, Hòn Bảy Cạnh, Hòn Cau, các đảo khác trông như những trái núi đá vượt lên khỏi mặt biển với những bãi cát nhỏ, chói lòa ánh nắng trong những ngày đẹp trời.

Hòn Anh và Hòn Em (còn gọi là Hòn Trứng Lớn và Hòn Trứng Nhỏ): cách trung tâm thị trấn Côn Đảo 27 hải lý về phía Tây (chếch Nam 5^0), không có dân cư, cây cối ít, phần lớn là núi đá, quanh năm đều có các loài chim biển về làm tổ. Hai hòn này mới được giao về cho huyện Côn Đảo quản lý từ năm 1995.

Địa hình quần đảo Côn Lôn chủ yếu là đồi núi. Diện tích núi đồi là 6.328 hécta, chiếm 88,4% tổng diện tích tự nhiên, đá lộ tương đối nhiều. Những ngọn núi cao nhất

đều ở đảo Côn Lôn, như Núi Chúa cao tới 515 m. Ngọn núi phía Nam thị trấn Côn Đảo cao 577 m.

Thị trấn Côn Đảo nằm trên một thung lũng hình bán nguyệt, dài từ 8 đến 10 km, rộng từ 2 đến 3 km, ba bề có núi bao bọc, mặt trông ra vịnh Côn Lôn (còn gọi là vịnh Đông - Nam hay vịnh Đề Lao). Khu vực tương đối bằng phẳng thứ hai là làng Cỏ Ống. Hai thung lũng này đất đai bằng phẳng, có nhiều chỗ trũng tạo thành hồ nước và ruộng trồng lúa. Côn Đảo không có sông mà chỉ có những dòng suối cạn, hai con suối đáng kể đều ở trong khu vực thị trấn. Dòng suối thứ nhất bắt nguồn từ phía Sở Tiêu, Sở Lò Gạch chảy vòng phía sau thị trấn và đổ ra vịnh Đông - Nam gần Sở Muối An Hội. Dòng suối thứ hai bắt đầu từ khu vực Sở Ruộng dưới chân Núi Chúa và chảy ra cống Lò Bò gần mũi Lò Vôi. Đất đai nông nghiệp chiếm 3,2% tổng diện tích, chủ yếu tập trung ở hai khu vực này và ở Hòn Cau.

Khí hậu Côn Đảo là loại khí hậu đại dương. Nhiệt độ trung bình hàng năm là 26,9°C. Lượng mưa trung bình là 2.200 mm. Côn Đảo có 2 mùa rõ rệt: mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4. Tháng 1 là tháng khô nhất trong năm. Mùa khô thời tiết mát mẻ hơn, nhiệt độ trung bình là 24°C, tháng 2 là tháng mát nhất, nhiệt độ trung bình là 22°C. Oi bức nhất là tháng 5, có lúc tới 34°C. Độ ẩm trung bình hàng năm trên đảo là 80%. Gió mùa Đông - Đông Bắc ở Côn Đảo thường rất mạnh, từ cấp 6 đến cấp 7, nhân dân ta gọi là *gió chướng*, gây nhiều trở ngại cho sinh hoạt. Người tù thường lợi dụng mùa gió này để thả bè vượt ngục trở về đất liền. Nhìn chung, khí hậu Côn Đảo trong lành, thuận lợi cho sức khỏe con người. Nhưng điều này còn tùy thuộc

rất nhiều ở vị trí cụ thể, nơi ở cao hay thấp, có chướng ngại che chắn gió nhiều hay ít. Nước ngầm là nguồn nước ngọt chủ yếu ở đảo để dùng trong sinh hoạt cũng như trong mọi hoạt động kinh tế.

Về thực vật, Côn Đảo có những loài đại diện cho những vùng khác nhau trên đất nước ta. Theo thống kê sơ bộ, Côn Đảo có các cây thuộc 22 bộ, 71 họ, 191 chi, 285 loài. *Quăng* và *găng* là hai thứ gỗ quý ở Côn Đảo. Ở đây cũng có nhiều cây thuốc có giá trị như: thiên niên kiện, ngũ gia bì, sâm nam, hà thủ ô, cam thảo, đỗ trọng, hương nhu, ngải cứu ở Hòn Bảy Cạnh nổi tiếng là tốt, nhân dân ta gọi là *ngải Bảy Cạnh* dùng chữa các chứng bệnh đường ruột.

Chim và thú ở Côn Đảo có tới 100 loài thuộc 50 bộ, 22 họ. *Sóc mun* và *chim gầm ghì trắng* chỉ ở Côn Đảo mới có. Những sản vật quý như: tổ yến, đồi mồi, vích (loại rùa biển khổng lồ có con dài tới 1,50 m, nặng cả tạ), cá heo, cá mập, rau câu, rong mơ, hải sâm... với trữ lượng đáng kể. Từ hàng trăm năm trước, sách *Gia Định thành thông chí* đã ca ngợi sự giàu có trên hòn đảo này: *"Đảo ở giữa Đông Hải, từ cảng Cần Giờ chạy thuyền đi về hướng Đông mặt trời mọc 2 ngày mới đến. Từ năm Minh Mệnh 19 (1838) về trước thuộc tỉnh Gia Định quản hạt, từ năm 20 (1839) về sau thuộc tỉnh Vĩnh Long quản hạt. Trên đảo có ruộng đất trồng tỉa lúa đậu. Thổ sản có trâu ngựa; núi không có hùm beo. Có thôn cư An Hải ở đấy, dân thôn ấy thuộc vào đội Thanh - Hải ở giữ chỗ ấy không đi đâu cả, và phải thâu trữ yến sào, ốc tai voi, đồi mồi, trạnh biển (con ba ba) và mây sa - đằng để cung nạp. Trong đảo có nhiều cỏ tốt, năm Canh Tuất (1790) sau khi trung hưng thường đem chăn nuôi ngựa quan ở đấy.*

"Xét trong Minh - Chí chép: nước Tân Đồng Long tiếp giáp với Chiêm Thành, có núi Côn Lôn đứng cao giữa đại hải, đối lập giữa Chiêm Thành và Đông Tây Trúc, hình núi vuông rộng mà cao; biển ấy gọi là biển Côn Lôn, muốn qua Tây Dương phải đợi cho thuận gió, đi bảy ngày đêm mới qua được. Vì thế người đi ghe có ngạn ngữ rằng: "Thượng phạ Thất Châu hạ phạ Côn Lôn, châm mê thuyền thất, nhơn thuyền mạc tồn" (trên sợ chỗ Thất Châu, dưới sợ chỗ Côn Lôn, nam châm mờ ám, thuyền đi thất lạc, khi ấy người và thuyền chẳng còn)[1]".

Côn Đảo có tiềm năng lớn để phát triển du lịch. Riêng đảo Côn Lôn đã có 24 bãi biển lớn nhỏ. Ngay từ khi xâm lược nước ta, thực dân Pháp đã có ý định biến đảo này thành một nơi dưỡng bệnh. Nhưng dưới chế độ thực dân cũ và mới, Côn Đảo đã trở thành một nhà tù, hơn nữa lại là một nhà tù dã man nhất, chất chồng những tội ác "trời không dung, đất không tha" của chủ nghĩa đế quốc đối với nhân dân ta.

2. ĐÔI NÉT VỀ LỊCH SỬ QUẦN ĐẢO CÔN LÔN

Những di tích khảo cổ học đã được phát hiện cho thấy vào giai đoạn hậu kỳ thời đá mới, cách đây khoảng 4 đến 5 ngàn năm, lớp cư dân đầu tiên đã có mặt tại Côn Đảo. Họ đã biết làm nông nghiệp bằng cuốc kết hợp với thu lượm hải sản, săn bắt; sau đó họ cũng đã biết đến nghề luyện đồng và sắt, đã dùng kim loại trong đời sống hàng ngày. Những di tích khảo cổ học phát hiện được ở Côn Đảo cho phép kết luận chắc chắn về mối quan hệ văn hóa giữa cư dân Côn Đảo thời xưa và những

1 Sách "Đại Nam nhất thống chí", tập "Vĩnh Long" - "Sơn Xuyên - Côn Lôn quần đảo".

chủ nhân các di tích khảo cổ thuộc hậu kỳ thời đồ đồng thau - sơ kỳ thời đồ sắt ở lưu vực sông Đồng Nai, thuộc miền Đông Nam Bộ. Những phát hiện lẻ tẻ, ngẫu nhiên khác như: tiền cổ, đồ trang sức bằng kim loại quý gây ấn tượng về một quá trình phát triển ít nhiều liên tục đã diễn ra ở đây trong thời kỳ phong kiến.

Do vị trí thuận lợi giữa biển Đông, trên đường giao lưu Đông - Tây, Côn Đảo được người phương Tây biết đến từ rất sớm. Năm 1294, đoàn thuyền gồm 14 chiếc của nhà du hành người Ý, Máccô Pôlô (Marco Polo), dạt vào trú tại Côn Đảo sau khi bị bão đánh chìm 8 chiếc. Trong tập hồi ký của mình, Máccô Pôlô đã miêu tả quần đảo này như một nơi giàu đẹp.

Năm 1516, nhà hàng hải Bồ Đào Nha, Anđơrađơ (Fernão Perès de Andrade) đã tới Côn Đảo vào trung tuần tháng 9. Ông cho biết hải đảo này là nơi các nhà đi biển rất hay lui tới, thường là để kiếm nước ngọt; thủy thủ của ông đã thấy ở đây có bán nhiều gà, rùa biển và họ còn thấy có cả nho nữa.

Khoảng giữa những năm 60 thế kỷ XVI, thi hào Bồ Đào Nha Camôiđơ (Luis Vaz de Camões) - người đã làm rạng danh nền văn học Bồ thời Phục hưng cũng đã ghé qua Vũng Tàu và Côn Đảo đem theo tập bản thảo cuốn sử thi bất hủ *Os Lusiadas* còn giữ lại được sau nạn đắm tàu ở cửa sông Tiền. Đây là tập thơ đầu tiên của nền văn học phương Tây có viết về đất nước ta, trong đó có những dòng về miền Nam.

Trong quá trình lập nghiệp ở Đàng Trong, các chúa Nguyễn rất quan tâm đến việc thực hiện chủ quyền của đất nước đối với các quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa, Côn Lôn... Đời chúa Nguyễn Phúc Chu (1691 - 1725), việc

tuần tiễu, khai thác hải sản ở các quần đảo được tiến hành chu đáo, cẩn mật và thường xuyên. Côn Đảo thời đó do đội Hoàng Sa quản lý[1].

Cuối thế kỷ thứ XVII và đầu thế kỷ thứ XVIII, tư bản Anh, Pháp đã bắt đầu nhòm ngó các nước phương Đông. Nhiều lần các Công ty Đông - Ấn của Anh, Pháp cho người tới Côn Đảo điều tra, dò xét tình hình mọi mặt với âm mưu xâm lược.

Tháng 11 - 1686, Công ty Đông - Ấn của Pháp đã phái Vêrê (Véret) tới điều tra lập cơ sở ở Côn Đảo.

Năm 1687, Uyliêm Đampiê (William Dampier) - nhân viên Công ty Đông - Ấn của Anh đã tới vẽ bản đồ ở vịnh Tây - Nam Côn Đảo.

Năm 1702, đời chúa Nguyễn Phúc Chu, năm thứ 12, Công ty Đông - Ấn của Anh ngang nhiên đổ quân lên Côn Đảo xây dựng pháo đài. Giám đốc Công ty là Alen Kếtpôn (Allen Catch-pole) đích thân chỉ huy cuộc chiếm đóng trái phép này. Ông ta đưa một số lính người Macátxa[2] tới xây dựng một pháo đài lớn, ký hợp đồng với họ làm trong 3 năm.

Đêm 3-2-1705, những người lính Macátxa đã vùng lên tiêu diệt bọn chủ người Anh. Chỉ có rất ít người chạy thoát như bác sĩ Paođơ (Pound) và ông Xalômôn Lyốt (Salomon Llyod) đang ở bên ngoài pháo đài. Thật ra, nguyên nhân chính của cuộc nổi dậy này không phải ở chỗ người Macátxa không chịu đựng nổi khí hậu và cuộc sống quá thiếu thốn trên đảo, cũng không phải vì đã hết

1 Lê Quý Đôn: Phủ biên tạp lục, quyển 2, tờ 84 a - b.

2 Dân đảo Sulavêdi thuộc quần đảo Inđônêxia Poulo Condore: T. F. E. O. Sài Gòn 1947, trang 7.

hạn hợp đồng mà bọn chủ người Anh không làm theo lời hứa đưa trả họ về quê hương. Sách *Đại Nam nhất thống chí* cho biết:

"Đời vua Hiển Tông triều Nguyễn (1691 - 1725) vào năm Nhâm Ngọ (1702) có thuyền An - liệt của bọn hải phỉ vào đậu ở đảo Côn Lôn. Tù trưởng là bọn Tô Thích, Già Thi chia người làm 5 ban và đảng lõa hơn 200 người, kết lập trại sách, tích trữ của báu như núi và những đồ bánh trái hào soạn, bốn mặt đều đặt hỏa pháo phòng thủ. "Quan trấn thủ ở Biên Trấn là Trương Phúc Phan, mộ 15 người nước Đồ Bà, mật khiến chúng trá hàng. Nhân khi ban đêm phóng lửa đốt cả trại sách của chúng. Giết được ban nhất, ban nhì, bắt được ban năm, còn ban ba và ban tư thì trốn thoát ra biển.

Trương Phúc Phan được tin bèn khiến binh thuyền ra đảo, tóm thâu được cả đồ vàng lụa đem dâng nộp"[1].

Như vậy cuộc nổi dậy của người Macátxa đêm 3-2-1705 là do chính quyền nhà Nguyễn chủ trương, tổ chức và chỉ huy nhằm bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ xứ Đàng Trong. Kế hoạch được chuẩn bị chu đáo: chúa Nguyễn khôn khéo cài người vào nội bộ địch, lợi dụng bọn lính Macátxa đánh thuê đang bất mãn đối với bọn chủ người Anh để gây nên cuộc binh biến, kết hợp với sự hỗ trợ từ bên ngoài.

Năm 1771, cuộc khởi nghĩa to lớn của nông dân Tây Sơn bùng nổ và phát triển mau lẹ. Tháng 3 năm 1782, thủy quân của Nguyễn Ánh bị đại bại ở cửa Cần Giờ. Tháng 6-1783, thủy quân Tây Sơn đánh Phú Quốc.

1 "Đại Nam nhất thống chí", tỉnh Vĩnh Long, Sơn Xuyên.

Nguyễn Ánh trốn chạy sang đảo Côn Lôn, đem theo hơn 100 gia đình thuộc hạ để sau này lập nên ba làng: An Hải, An Hội và Cỏ Ống, xây dựng căn cứ, tính kế phục thù. Chiến thuyền Tây Sơn đuổi theo, Nguyễn Ánh chạy thoát về Phú Quốc vì thuyền Tây Sơn gặp bão.

Sau thất bại này, theo lời khuyên của giám mục Bá Đa Lộc, Nguyễn Ánh đã chọn con đường cầu viện nước Pháp chống Tây Sơn để giành lại ngôi báu.

Bá Đa Lộc là Khâm sai tòa Thánh ở Gia Định từ năm 1765, đã giúp Nguyễn Ánh khi bị Tây Sơn đánh đuổi vào đây, sự gắn bó giữa họ với nhau đã là nguồn gốc cho việc Pháp can thiệp ngày càng sâu vào Việt Nam. Tháng 12-1784, Nguyễn Ánh đã giao ấn tín và hoàng tử Cảnh cho Bá Đa Lộc sang Pháp cầu viện. Chủ trương phản động này đã bị chính Phi Yến, người thứ phi phản đối, nhưng Nguyễn Ánh không nghe và đày bà lên hòn Côn Lôn Nhỏ cho đến chết. Hòn đảo từ đấy mang tên Hòn Bà.

Ngày 28-11-1787, thay mặt Nguyễn Ánh, Bá Đa Lộc đã ký Hiệp ước Vécxai (Versailles) với đại diện vua Pháp là Đờ Môngmôranh (De Montmorin), theo đó thì Pháp hứa giúp Nguyễn Ánh 4 tàu chiến, 1.200 lính, 200 pháo thủ, 250 lính người Phi. Để đổi lại, Nguyễn Ánh nhượng cho Pháp chủ quyền ở Cửa Hàn (Đà Nẵng), cho Pháp được độc quyền thương mại ở Nam Kỳ. Quần đảo Côn Lôn cũng bị nhượng cho Pháp (điều 3 và 5, Hiệp ước Vécxai).

Từ tháng 2 đến hết tháng 12-1787, khâm sứ của giáo hoàng Bá Đa Lộc đã được yết kiến của Lu-i XVI, chính tay ông ta đã vạch ra mấy phương án thực hiện cuộc xâm lược. Nhưng chế độ quân chủ chuyên chế Pháp đang khủng hoảng trầm trọng. Cuộc khủng hoảng tài chính đã

trở thành nguyên nhân trực tiếp chủ yếu dẫn đến cuộc cách mạng 1789, cuộc cách mạng tư sản đã dập tan chế độ phong kiến, đem lại thắng lợi cho giai cấp tư sản Pháp.

Trong tình hình như vậy, triều đình Pháp không thể thực hiện được những cam kết, Bá Đa Lộc đã trở về tay không! Bá tước Đờ Môngmôranh đã gửi những chỉ thị mật cho Cônuây (Conway), người chỉ huy lực lượng Pháp ở Ấn Độ không thực hiện cuộc can thiệp vì tình hình tài chính không cho phép.

Không cam chịu thất bại, vị giám mục thực dân này ghé qua Pôngdiséri vận động một số thương nhân Pháp hùn tiền mộ lính, mua súng ống giúp Nguyễn Ánh. Tháng 9 năm 1788, tàu Đơriađơ và La Gron đã chở tới Côn Đảo 1.000 khẩu súng trường và mấy khẩu thần công.

Tháng 7 năm 1857, sau nhiều lần khiêu khích, gây hấn dưới chiêu bài phản đối chính sách bế quan tỏa cảng và chính sách cấm đạo, Pháp quyết định xâm lược Việt Nam, bảo đảm sự có mặt của Pháp ở Viễn Đông. Ngày 1-9-1858, Pháp tấn công Đà Nẵng, chiếm đóng bán đảo Sơn Trà, chuẩn bị đánh Huế. Những cuộc đồn trú hao người tốn của ở Đà Nẵng làm suy yếu nhanh chóng lực lượng Pháp, viện binh không có, sự ủng hộ của giáo dân cũng không, mặc dù các cố đạo đã hứa hẹn. Việc đánh Huế cũng khó khăn vì quân triều đình đã co cụm lại và tổ chức phòng thủ... Tất cả sự việc đó buộc quân Pháp phải thay đổi phương hướng chiến lược, đánh chiếm Gia Định. Tháng 2 năm 1859, sau những trận đẫm máu ở Vũng Tàu (10-2-1859), Cần Giờ (11-2-1859), giặc Pháp hạ thành Gia Định (17-2-1859).

Sau một thời gian củng cố lại lực lượng, tháng 4 năm 1861, Pháp đánh chiếm Định Tường. Chính trong

thời gian này, Pháp khẩn cấp đặt vấn đề chiếm Côn Đảo, sợ Anh nhảy vào hớt tay trên vị trí chiến lược quan trọng này.

10 giờ sáng ngày 28-11-1861, Lơpexơ (Lespès) đã cho tàu Noócdagaray tới Vũng Đầm, kéo lá cờ Pháp rồi lập một số tờ biên bản về việc chiếm lãnh với lời lẽ huênh hoang của một tên xâm lược. Từ Sài Gòn, đô đốc Bôna đã báo cáo về Pháp và gởi kèm theo tờ biên bản.

Đúng như Bộ trưởng Hải quân Pháp lo ngại, phía Anh đã phản đối việc làm không mấy vẻ vang này. Họ cho rằng, việc tuyên bố chiếm lãnh Côn Đảo không có giá trị pháp lý vì được thực hiện dưới danh nghĩa thi hành Hiệp ước Vécxai - một hiệp ước mà chính người Pháp không thi hành. Cũng vì vậy, trong Hòa ước Nhâm Tuất ký ngày 5-6-1862, Pháp đã buộc phải ghi thêm việc vua nước Nam phải nhường cho Pháp đảo Côn Lôn (Điều 3 Hiệp ước), nghĩa là vẫn phải hợp thức hóa hành động chiếm lãnh ngang ngược này.

Sau khi chiếm Côn Đảo, Bôna phái ngay thông báo hạm Mônggiơ (Monge) ra đảo làm công tác an dân và điều tra tình hình mọi mặt. Thái độ của quan lại triều đình là quy thuận và hợp tác với Pháp. Viên Chánh bát phẩm thơ lại đem lá cờ Pháp treo ngay trên tư dinh (!). Ngày 14-1-1862, chiếc tàu chở hàng Nievơrơ (Nièvre) chở một số nhân viên ra đảo thay thế cho thông báo hạm Mônggiơ. Họ có nhiệm vụ tìm vị trí dựng tạm Hải Đăng Côn Đảo, chống chế nếu có nước nào phản kháng hành động xâm lược vừa rồi.

Quan trọng hơn nữa là việc chuẩn bị cơ sở đón nhận 50 tù nhân sắp gởi ra. Phêlích Rútxen (Félix Roussel),

Quản đốc tương lai của nhà tù Côn Đảo được giao nhiệm vụ này. Ông ta thăm dò đám quan lại và ngục tốt cũ của triều Nguyễn còn đóng ở đây, báo cáo về Sài Gòn xin lập một đại đội lính bản xứ tuyển ngay trong số những người đó, đồng thời làm một số nhà tạm bằng tranh, tre, nứa, lá đủ sức chứa 200 tù, như Bônа đã chỉ thị.

Ít lâu sau, tàu Écô (Écho) chở 50 người tù ra đảo, đây là chuyến tù đầu tiên tới Côn Đảo. Trên đảo lúc đó còn 119 người tù của triều đình Huế, có một đơn vị ngục tốt gồm 80 người, và 4 thơ lại dưới quyền điều khiển của viên hải trấn (hàm bát phẩm thơ lại). Tất cả đóng trong một tòa thành đất, xung quanh có những nhà tranh nhỏ của gia đình những người tù cựu trào.

Cho tới lúc này, dân trên đảo và những người tù cũ cũng như đám ngục tốt trên hải đảo vẫn chưa biểu lộ thái độ chống đối gì. Thông báo hạm Noócdagaray lúc ấy do Trung úy Hải quân Sơvaliê (Chevalier) chỉ huy cũng vừa ghé qua đảo. Sơvaliê tỏ ra hài lòng về đơn vị ngục tốt người bản xứ vừa được thành lập, cho đó là "một lực lượng chân chính có tinh thần cao". Ngày 1-2-1862, Bônа quyết định thành lập nhà tù ở Côn Đảo, Saxơlu Lôba đã phê chuẩn. Khi nhận được báo cáo của Rútxen, Bônа liền bổ sung thêm một số điều khoản liên quan tới việc đãi ngộ đám nhân viên mới thu dụng, cử Rútxen làm quản đốc đầu tiên của nhà tù. Một thuyền chiến bằng gỗ mới đóng mang tên Giôdép (Saint Joseph) trên đó có 12 lính do một thiếu úy chỉ huy được đưa ra đảo làm nhiệm vụ "một trạm gác nổi" để bảo đảm an ninh cho nhà tù vừa thành lập. Lực lượng tại chỗ của Pháp yếu hẳn đi sau khi chiếc tàu Nievơrơ được lệnh rút.

Đã đến lúc người dân Côn Đảo tỏ rõ thái độ trước việc quân Pháp chiếm Côn Đảo, phản đối việc triều đình Huế đầu hàng, ký hòa ước Nhâm Tuất cắt nhượng Côn Đảo và ba tỉnh miền Đông cho giặc.

Đêm 28-6-1862, tù nhân bắt đầu cuộc nổi dậy. Họ phá xiềng vào nhà tên Chúa ngục Rútxen. Binh lính và chỉ huy đơn vị người Việt vừa thành lập đã liên kết với tù nhân để hành động. Viên đội chỉ huy đã đem súng trang bị cho tù nhân. Họ đốt phá công sở, thiêu cháy nhà tù Côn Đảo. Một người tù gốc Hoa đã phản bội, mật báo nên Rútxen đã cùng với 3 thuộc hạ người Pháp, 2 lính công binh và 1 thủy thủ chạy trốn trên chiếc pháo thuyền Xanh Giôdép. Nghĩa quân hoàn toàn làm chủ Côn Lôn.

Ngày 13-7-1862, nửa tháng sau khi cuộc khởi nghĩa bùng nổ, Bôna mới phái thông báo hạm Noócdagaray vừa được tăng cường thêm một số lính tới đánh chiếm lại Côn Đảo. Nghĩa quân chống lại mạnh mẽ, nhiều trận chiến đấu đã diễn ra ở An Hải. Rútxen cũng đã quay lại phối hợp với Sơvaliê tổ chức những cuộc càn quét khủng bố nhân dân trên đảo. Tên tù người Hoa phản bội lại dẫn quân Pháp đi lùng sục. Nhân dân đã cùng nghĩa quân rút lên núi. Họ lập trại, đóng thuyền để đưa người về đất liền.

Giặc chia thành nhiều mũi càn quét, giết chết 2 người và bắt được hơn 100 người, trong đó có một số tù nhân. Cả viên đội chỉ huy người Việt chỉ huy đơn vị coi tù cũng bị bắt, chính ông là người đã phát súng đạn cho nghĩa quân. Nghĩa quân cũng đã tổ chức cho 30 người tù, 2 người lính và 6 dân thường dùng thuyền vượt biển. Họ giết được 30 tên địch.

Sau 13 ngày càn quét, khủng bố, Pháp đã thiêu hủy 12 lán trại, đốt 1 thuyền to. Ngày 25-7-1862, quân Pháp đem 20 nghĩa quân bị bắt ra xử bắn. Trong ký ức của nhân dân Côn Đảo còn ghi lại một chuyện căm thù: sau một cuộc săn lùng ráo riết, ngoài số người chúng đã giết tại chỗ, giặc bắt về 20 người. Chúng bắt họ đào một hố to chôn hơn 100 xác người bị chúng giết. Lấp xong ngôi mộ tập thể đó, chúng đem chôn sống cả 20 người kia.

Tháng 5 năm 1863, Thiếu úy Hải quân Risa (Richard) được phái đến Côn Đảo để ổn định tình hình, tiếp tục xây dựng nhà tù Côn Đảo đã bị cuộc Khởi nghĩa tháng Sáu 1862 làm đình trệ. Số người bị Pháp bắt giam trong các cuộc càn quét ở ba tỉnh miền Đông Nam Bộ ngày một nhiều. Viên quản đốc mới của nhà tù Côn Đảo được phái ra cùng với chuyến tàu chở tù gồm 45 người.

Theo báo cáo của Risa, giữa năm 1863, nhà tù Côn Đảo trống trơn, tình cảnh của dân chúng khốn quẫn đến mức "không sao tả xiết". Mùa màng thất bát, vườn tược bỏ hoang, lương thực thực phẩm thiếu thốn nghiêm trọng, thóc giống cũng không có. Nạn đói hoành hành trên đảo. Người dân phải ăn củ rừng, thằn lằn, dơi, chuột.., tất cả những gì tìm được. Cả Côn Đảo lúc đó còn có 317 người, trong số đó có 76 phụ nữ là dân đảo; 20 người là vợ con tù nhân; số tù cũ còn lại 17 người. Người dân Côn Đảo đã chọn con đường đấu tranh đầy gian khổ, hy sinh để bảo vệ hải đảo.

Cuộc Khởi nghĩa tháng Sáu 1862 là lời cảnh báo đanh thép đối với bọn xâm lược.

3. HỆ THỐNG NHÀ TÙ

3.1. Các trại giam

BANH I: Hình thành từ năm 1862, bắt đầu xây kiên cố từ năm 1889, đến năm 1896 thì hoàn chỉnh. Từ năm 1960 - 1973 gọi là Trại II. Thời kỳ từ 1973 - 1975 đổi tên là trại Phú Hải. Đây là trại xưa nhất, nằm ở khu trung tâm thị trấn. Tổng mặt bằng 12.015 m^2, bao gồm 10 khám lớn trong đó có 1 khám tử hình, 20 hầm biệt giam bằng đá, 1 khám đặc biệt, hầm xay lúa đồng thời là phòng trừng giới. Ngoài ra còn có các công trình phụ: câu lạc bộ, nhà bếp, giếng nước, nhà hớt tóc, nhà ăn, nhà kho, văn phòng và sân tập hợp. Từ năm 1963, trong sân trại này mọc lên một nhà thờ Thiên Chúa giáo gọi là nhà nguyện. Dãy nhà giam phía trái có hai phòng đầu được ngăn riêng. Vào thời kỳ đầu thế kỷ, hai phòng này dành riêng để giam các tù quốc sự trong phong trào Cần Vương, Văn Thân, chống thuế. Cụ Huỳnh Thúc Kháng và nhiều sĩ phu yêu nước đã bị giam ở phòng này.

Banh I cũng là banh lưu lại nhiều dấu ấn cán bộ lãnh đạo của Đảng bị giam giữ thời chống Pháp như các đồng chí: Tôn Đức Thắng, Ngô Gia Tự, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Nguyễn Duy Trinh, Trần Văn Giàu, Nguyễn Chí Diểu, Tạ Uyên, Tống Văn Trân, Võ Thúc Đồng... Đây cũng là nơi ra đời của tờ báo bí mật trong tù lấy tên là *Tiến lên* và *Ý kiến chung* do các đồng chí: Phạm Hùng, Lê Văn Lương phụ trách vào thời kỳ 1936 - 1939. Đây cũng từng là nơi chi bộ đặc biệt mở lớp huấn luyện Chủ nghĩa Lênin do Giáo sư Trần Văn Giàu giảng lý luận trong những năm 1935 - 1936.

BANH II: Xây dựng năm 1916. Từ năm 1960 - 1973 gọi là Trại III. Từ 1973 - 1975 đổi là trại Phú Sơn, kế bên Banh I. Tổng diện tích là 13.228 m^2 gồm 12 phòng giam lớn, 1 khu biệt giam 14 xà lim, 1 khu hầm tối ở sát phòng giám thị, 8 phòng biệt giam dành cho loại tù vượt trại bị bắt lại hoặc tù tử hình sắp thi hành án. Dãy nhà bên phải có tới 3 giếng nước. Tù nhân đã phát hiện 1 trong 3 giếng đó có chứa nhiều xương người, có lẽ là nạn nhân của những cuộc thảm sát tù vào đầu thế kỷ. Banh II từng là nơi giam giữ nhiều đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta như: Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Hoàng Quốc Việt, Lê Thanh Nghị, Trần Huy Liệu...

BANH III: Xây dựng từ năm 1925. Từ năm 1960 - 1973 gọi là Trại IV. Từ năm 1973 - 1975 đổi là trại Phú Tường. Khu trại này cách hai trại kia khoảng 1 km. Diện tích mặt bằng phòng giam chiếm 962 m^2 gồm 8 phòng giam lớn. Công trình phụ chiếm 152 m^2, sân vườn khoảng 5.000 m^2. Banh III thường giam tù mới đến, cần cách ly với tù cũ.

BANH III PHỤ: Xây dựng từ năm 1930. Từ 1960 - 1973 gọi là Trại I. Từ năm 1973 - 1975 đổi là trại Phú Thọ. Tổng diện tích là 12.700 m^2, phòng giam chiếm 1.200 m^2, gồm 10 phòng giam lớn. Trong đó phòng số 10, sang thời Mỹ - ngụy ngăn ra thành 15 phòng biệt giam (xà lim).

CHUỒNG CỌP PHÁP: Nằm trong khu vực Banh III và Banh III phụ. Xây dựng từ năm 1940; tổng diện tích mặt bằng là 5.472 m^2 gồm 120 phòng giam, 60 phòng phơi nắng được chia thành hai khu; mỗi khu có 60 phòng giam, 30 phòng phơi nắng. Khu trại giam này được ngăn

cách với bên ngoài bởi 2 lớp tường kín, chỉ có 1 cánh cửa hẹp để ra vào nên tuy rộng lớn đến thế mà rất biệt lập. Gọi là Chuồng Cọp vì mái trần của loại phòng giam này được làm bằng song sắt như chuồng nhốt cọp trong sở thú. Danh từ này cũng có thể hiểu thêm nghĩa bóng: đối với bọn chúa ngục, đây là nhà giam dành cho những tù nhân mà chúng cho là nguy hiểm và đáng sợ như cọp.

Năm 1970, chế độ đày ải man rợ tại Chuồng Cọp Côn Đảo bị phơi bày ra ánh sáng và bị dư luận tiến bộ trên thế giới lên án dữ dội. Để đối phó với dư luận bất lợi này, Mỹ - ngụy buộc phải giải thể khu Chuồng Cọp Pháp, đập bỏ mái che và song sắt để phi tang. Tuy vậy, người tù vẫn phải tiếp tục chịu đựng sự hành hạ trong một hệ thống biệt giam khác gọi là Chuồng Cọp Mỹ[1].

Ngoài ra còn có hàng chục nhà giam, khám tù rải rác ở các sở tù để giam giữ số tù khổ sai đang hành dịch. Đó là nhà giam ở các Sở Chuồng Bò, Sở Muối, Sở Lưới, Sở Rẫy v.v... Xa hơn, có các nhà giam ở Hòn Cau... Nơi đâu cũng có ngục đá âm u và máu đào, xương trắng của người tù. Hệ thống nhà tù Côn Đảo hiện nay được bảo tồn trong khu di tích lịch sử cách mạng Côn Đảo với chủ đề hòn đảo địa ngục, ghi đậm dấu vết tội ác của chủ nghĩa thực dân, đế quốc đối với dân tộc ta và các dân tộc bị áp bức.

Tháng 3-1955, thực dân Pháp bàn giao lại nhà tù Côn Đảo cho ngụy quyền Sài Gòn. Hệ thống trại giam khi đó gồm 3 trại giam chính: Banh I, Banh II, Banh III lúc đó được gọi là Lao I, Lao II, Lao III và nhiều lao phụ.

Riêng Lao III có 1 lao chính, 1 lao phụ (Annexe du Bagne III) và 2 dãy biệt lập (Chuồng Cọp Pháp).

1 Xem hệ thống nhà tù thời Mỹ ở phần III của sách này.

Lao III phụ còn sử dụng được ngay khi đưa tù nhân ra và mang tên **Lao III.**

Lao III chính được sửa chữa và sử dụng vào tháng 7-1959 mang tên **Lao IV.**

Năm 1960, ngụy quyền đặt lại tên các lao: Lao I là Trại Cộng Hòa. Lao II là trại Nhân Vị. Lao III và Lao IV là trại Bác Ái và chi nhánh trại Bác Ái. Sau khi chính quyền Ngô Đình Diệm bị sụp đổ, các trại lại mang tên theo số hiệu: Trại I, Trại II, Trại III, Trại IV.

Trại V được xây dựng từ năm 1962, cùng một kiểu cấu trúc như 4 trại trước.

Trại VI, Trại VII và Trại VIII được Mỹ chi tiền, thiết kế và thầu xây cất. Ba trại này được xây dựng vào năm 1968, hoàn thành cơ bản vào năm 1970 - 1971. Trại IX và Trại X đã được đổ móng, đúc cột, xây vài bức tường rồi bỏ dở sau Hiệp định Paris 1973.

Ngày 1-11-1974, ngụy quyền Sài Gòn cải tên Đặc khu hành chánh Côn Sơn thành thị xã Phú Hải, đặt trực thuộc tỉnh Gia Định, được phép sử dụng lính dù và cảnh sát dã chiến của vùng 3 chiến thuật ứng chiến khi cần. Chúng ra sắc lệnh đổi tên các đảo và đổi tên các trại tù theo những cái tên mĩ miều giống như tên các hòn đảo mà chúng vừa thay đổi: Trại I thành trại Phú Thọ; Trại II thành trại Phú Hải; Trại III thành trại Phú Sơn; Trại IV thành trại Phú Tường; Trại V thành trại Phú Phong; Trại VI thành trại Phú An; Trại VII thành trại Phú Bình; Trại VIII thành trại Phú Hưng.

3.2. Các sở tù: Ngoài các trại giam chính được xây dựng kiên cố, Côn Đảo còn có nhiều trại giam phụ, xây dựng tại các sở tù, nơi bóc lột lao động khổ sai của tù

nhân. Trại giam phụ được xây dựng tương đối kiên cố ở các sở tù có công việc chuyên môn cố định như: Sở Lưới, Công Xưởng, Nhà Đèn, Lò Than, Lò Vôi, Chuồng Bò... Một số cơ sở khác có trại dựng bằng gỗ lá như: Sở ruộng Quang Trung, Sở rẫy An Hải, Sở Muối, Cỏ Ống, Bến Đầm. Tính đến khoảng năm 1930, ở Côn Đảo có ít nhất 18 sở tù sau đây đã đi vào hoạt động: Sở Lưới, Sở Ruộng, Sở Đá, Sở Kéo Cây, Sở Chuồng Bò, Sở Lò Gạch, Sở Lò Vôi, Sở Muối, Sở Bản Chế, Sở Tiêu, Sở rẫy An Hải, Sở Cỏ Ống, Sở Hòa Ni (vanilliers), Sở Bông Hường, Sở rẫy Ông Lớn (Sở rẫy Giám đốc), Sở Ông Đụng, Sở Vệ Sinh, Sở Đất Dốc.

Sở Lưới: chuyên đánh bắt hải sản, quản lý ghe xuồng, khi cần thì truy bắt tù vượt ngục trên biển.

Sở Ruộng: chuyên đóng cày bừa, sản xuất dụng cụ canh tác.

Sở Làm Đá: ở dưới chân Núi Chúa. Chuyên khai thác đá bằng cốt mìn và các dụng cụ thủ công và đập thành đá hộc, đá dăm để làm đường.

Sở Kéo Cây: sở này còn gọi là Sở Ông Câu, chuyên khai thác gỗ lớn, thả theo sườn núi cho lăn xuống rồi kết thành bè chờ xà lúp kéo về.

Sở Chuồng Bò: có 2 công việc: Chăn nuôi bò, heo và kiếm 4 loại củi khác nhau: củi dùng cho nhà máy nhiệt điện, củi đốt than, củi nung vôi và củi nấu bếp ở các banh. Đây là một trong những sở nặng nề lao lực đáng sợ nhất.

Sở Lò Gạch: sản xuất gạch xây dựng các nhà ở và trại giam.

Sở Lò Vôi: sở này do kíp tù ở khám Chỉ Tồn phụ trách 2 khâu: đi lấy san hô ngoài biển đem về và nung san hô thành vôi bột.

Sở Muối: làm ruộng muối ở làng An Hội.

Sở Bản Chế (Bagne des Métiers): là xưởng tiểu thủ công, khai thác tay nghề của tù để làm các nghề mây, cẩn ốc, đồi mồi, mộc, cơ khí...

Sở Tiêu: là một nông trường rộng lớn, đầy lam sơn chướng khí. Người Pháp cho trồng cây mít rồi sau đó trồng tiêu, cho tiêu leo lên cây mít. Tiêu và mít ở sở ấy đến nay vẫn còn thu hoạch khá tốt.

Sở rẫy An Hải: là nông trường ở làng An Hải. Trồng nhiều loại cây ăn trái và cung cấp giống cây trồng cho toàn đảo.

Sở Cỏ Ống: nông trường lớn hơn ở An Hải, thuộc làng Cỏ Ống. Cây trồng cũng phong phú đa dạng hơn nhưng chủ yếu là lúa. Sở này ở cách khu trung tâm 12 km nên việc chuyên chở đi lại rất khó khăn vất vả.

Sở Hòa Ni (vanilliers): trồng cây va ni để đưa về Sài Gòn bán.

Sở Bông Hường: lúc đầu trồng hoa hồng, sau chuyển sang trồng rau quả.

Sở rẫy Ông Lớn: là khu vườn rộng của viên quản đốc nhà tù, trồng cây ăn trái và nuôi vích, đồi mồi.

Sở Ông Đụng: trồng cây màu như: khoai, sắn, bầu bí. Sở này ở xa nhất, bên sườn phía Tây Núi Chúa.

Sở Vệ Sinh: trưng dụng tù ở các trại để lo các việc quét đường, hốt rác, đổ phân... Đúng ra đây chỉ là khâu tạp dịch hằng ngày.

Sở Đất Dốc: trồng cây ăn trái và chăn nuôi gia cầm gia súc.

Thời Mỹ - ngụy, nhằm triệt để tận dụng lao động khổ sai của tù nhân, ngụy quyền Côn Đảo củng cố và mở rộng quy mô tất cả các sở tù, kể cả các sở mà thực dân Pháp đã bỏ hoang hóa từ lâu. Chúng còn mở thêm nhiều sở mới như: Sở Chăn nuôi (sau thêm Hướng nghiệp), Sở rẫy Đông Phong, Sở rẫy Thiên Thu...

4. ĐIỂM MẶT CHÚA NGỤC CÔN ĐẢO

Bản tài liệu hiện trưng bày tại Bảo tàng Côn Đảo có ghi danh sách 53 đời chúa ngục từ 1862 đến tháng 4-1975, trong số đó có 4 tên đã từng ngồi ở cương vị này 2 nhiệm kỳ:

Pasquet de la Brouc: (1876 - 1877) và (1878 - 1882).

Bouvier: (1927 - 1934) và (1935 - 1942).

Bạch Văn Bốn: 1955 và (1957 - 1960).

Nguyễn Văn Vệ: (1965 - 1971) và (1973 - 1974).

Bản danh sách nói trên căn bản phù hợp với các tài liệu lưu trữ còn lại. Có hai trường hợp nằm ngoài danh sách ấy mà các tài liệu của người Pháp không thừa nhận là:

Lê Văn Trà: một thông phán bản xứ, do quân đội Nhật dựng lên trong dịp "trao trả" độc lập tháng 8-1945.

Trương Văn Thoại (tự Sơn Vương): một người tù thường phạm được những tù nhân tự do trên đảo bầu ra từ tháng 12-1945 đến tháng 4-1946.

Chúa đảo - Chúa ngục, như cách gọi của tù nhân, đó là kẻ có quyền sinh quyền sát cao nhất trên đảo, dù chế độ

thực dân gọi nó bằng chức danh gì. Sau đây là chức danh, quyền hạn và gương mặt của một vài tên trong số đó.

* * *

Chưa đầy ba tháng sau khi chiếm Côn Đảo, thiếu tướng Bonard - Thống đốc đầu tiên của xứ Nam Kỳ thuộc địa đã ký một nghị định vào ngày 1-2-1862, quyết định thành lập tại Poulo Condore (Côn Đảo) một trại giam để lưu đày các phạm nhân và tù binh chiến tranh. Nghị định tiếp theo vào ngày 1-3-1862 đã quy định để lao P.C (viết tắt của từ Poulo Condore) được cai quản bởi một Thanh tra bản xứ vụ (Inspecteur des affaires indigènes) Trung úy Félix Roussel, Phó Hạm trưởng Hải quân Pháp được cử giữ chức Quản đốc đầu tiên của nhà ngục với quyền hành pháp và tư pháp trên toàn quần đảo, tương xứng chức danh Thanh tra bản xứ vụ cai quản tại các tỉnh. Chức vụ này lại đặt dưới quyền của viên Chỉ huy trưởng Đồn quân trú trên đảo.

Trong một thời gian dài mà các hải quân đô đốc cai trị ở Nam Kỳ, quản đốc nhà ngục thường là các sĩ quan Hải quân với chức năng hành chính và quân sự được phân định từ đầu. Tình trạng này gây trở ngại khi giải quyết các vấn đề cấp bách vì mỗi chức danh này phải nhận lệnh trực tiếp của một thượng cấp tại Phủ Thống đốc Sài Gòn, trong điều kiện liên lạc giữa đất liền và hải đảo rất khó. Để khắc phục tình trạng nói trên, ngày 14-5-1876, Thống đốc Mác Mahon đã ký sắc lệnh xác lập chức vụ Chỉ huy trưởng đặc biệt (Commandant particulier) trên quần đảo P. C. Viên Đại tá Hải quân lục chiến Pasquet de la Broue sắp đến hạn nghỉ hưu đã được chỉ định đảm nhận chức vụ này với quyền hạn cao nhất về hành pháp,

tư pháp và quân sự trên quần đảo. Ông ta được báo cáo và nhận chỉ thị trực tiếp từ Thống đốc Nam Kỳ.

Việc tập trung các quyền hạn cao nhất trên quần đảo vào trong tay một người làm cho các cơ quan Nội vụ, Cải huấn tại Sài Gòn không kiểm soát được tình hình ở Côn Đảo. Theo đề nghị của Bộ trưởng Hải quân và Thuộc địa, Tổng thống Pháp Jules Grévy đã ký sắc lệnh vào ngày 16-5-1882 bãi chức "Chỉ huy trưởng đặc biệt", đặt Poulo Condore như một quận của Nam Kỳ, đứng đầu là một viên Tham biện bản xứ vụ với chức danh là Giám đốc quần đảo và Nhà tù Côn Đảo. Chức danh này tồn tại cho đến ngày cáo chung của thực dân Pháp trên bán đảo Đông Dương. Bắt đầu từ đây, những tên chúa ngục đến cai trị Côn Lôn với nhiều màu áo khác nhau. Số sĩ quan Hải quân thưa dần, thay vào đó là các quan chức thuộc ngạch hành chính, văn phòng, giám thị trưởng, đôi khi là cử nhân luật, cảnh sát trưởng, hiến binh... Các sĩ quan Pháp chỉ được điều trở lại vào 9 năm tiến hành chiến tranh tái xâm lược (1946 - 1955) ở xứ này.

* * *

Trừ quyền hạn về quân sự có lúc tập trung, lúc phân định còn lại các quyền hành chính và tư pháp trên toàn quần đảo bao giờ cũng tập trung trong tay giám đốc nhà tù. Đối với tù nhân, Giám đốc thực sự là Chúa Đảo, nắm trọn quyền sinh quyền sát trong tay. Giám đốc có toàn quyền đối với các nhân viên chức trách và tù nhân trên đảo, đích thân trông coi việc làm của tù, chịu trách nhiệm về những biện pháp cần thiết để đảm bảo an ninh các trại giam và đưa tù nhân vào vòng kỷ luật. Quy chế nhà tù đã quy định như vậy. Tù nhân gọi Giám đốc là Ông

Lớn, gọi nhà của hắn là Dinh Ông Lớn, gọi khu vườn của hắn là Sở rẫy Ông Lớn.

Trong lịch sử nhà ngục này, hiếm hoi mới có một vài Ông Lớn tỏ ra "dễ chịu" đối với tù nhân. Hồi ức của lớp "Tù quốc sự" trong hai thập kỷ đầu thế kỷ nhắc tới O'Connel với chính sách coi tù khai phóng. O'Connel (1914 - 1916) lần đầu tiên đã thực thi qui chế tù chính trị ở nhà ngục này. Tù chính trị được ở riêng Khám B, được bố trí các công việc khổ sai bớt nặng nhọc hơn tù thường phạm. Những người mang án phát lưu được lao động và có thể lưu trú ngoài nhà ngục. Tù án khổ sai cũng ít bị phạt đòn roi, còng xiềng và nhận đủ phần tiền công lao động khổ sai ít ỏi mỗi ngày 1 xu. Đó là thời họ được tương đối yên ổn với thân phận tù trên một hòn đảo lưu đày vô vọng và tủi nhục.

Trong khi khó tìm ra những tên chúa ngục làm theo chức trách kiểu O'Connel thì lại không thể kể hết những tên bạo chúa ở nhà ngục này. Andouard là một trong số đó. Andouard, một trung úy trừ bị, cụt tay phải trong trận Verdun, được gắn huân chương Bắc đẩu bội tinh, cải ngạch làm Chúa ngục từ năm 1917. Báo chí Sài Gòn thời đó gọi hắn là "tên đao phủ khát máu". Tù nhân gọi hắn là "*Ông Lớn một tay*", "động một chút là phạt rất nặng, nhất là đối với tù chung thân thì kẻ hầm, người xiềng, không mấy người không khỏi" (Huỳnh Thúc Kháng, *Thi tù tùng thoại*).

Andouard nuôi một con chó berger, đi đâu cũng dẫn theo. Không ưa người tù nào, hắn xuýt chó nhảy vào cắn cổ. Để đàn áp tù vượt ngục, Andouard ra lệnh bắn giết thẳng tay. Cứ bắn chết một người tù, cắt một tai đem về

là được lãnh thưởng 10 đồng (tương đương với vài tạ gạo). Không ít người tù bị chết oan nghiệt vì khoản tiền thưởng bất nhân này. Bọn lính coi ngục thiếu tiền ăn nhậu, bày trò thí mạng tù nhân để lãnh thưởng. Chúng sai một người tù nào đó đi hái lá rừng về nấu canh chua. Thế rồi người tù xấu số ấy bị bắn gục ngay tại bìa rừng, nộp cho hắn cái tai trị giá 10 đồng tiền thưởng về tội "mưu toan vượt ngục" mà chúng vừa dàn dựng. Phải đến khi Andouard đến tội, khoản tiền giết người này mới bị bãi bỏ.

* * *

Người kế tục được nhiều chất tàn bạo của những tên chúa ngục kiểu Andouard phải kể đến Bouvier - Chánh tham biện, làm Chúa đảo liên tục 2 nhiệm kỳ, trong 15 năm, từ năm 1927 đến năm 1942, chỉ trừ có 1 năm về nghỉ phép ở Pháp (1934). Bouvier là tên Chúa ngục của 2 thời kỳ khủng bố trắng (1930 - 1934) và (1939 - 1942) ở nhà ngục này. Trong vòng 5 năm, từ năm 1930 đến năm 1934, chế độ khủng bố thời Bouvier đã giết hại 802 người tù. Sau Nam Kỳ khởi nghĩa (11-1940), chế độ khủng bố còn rùng rợn hơn. Tù chết hàng loạt, có thời kỳ, mỗi ngày chết vài chục người. Chỉ trong hai năm 1941 - 1942, số lượng tù nhân đã vợi hẳn đi hàng ngàn người. Chúa ngục Bouvier phải cho mở thêm nghĩa địa mới mang tên Hàng Dương để chôn tù. Báo *Thần chung* hồi ấy đã gọi Côn Lôn là "địa ngục trần gian" dưới "chế độ giết người Bouvier".

Báo *La Lutte 1935* đăng bài về phiên tòa đại hình tại Sài Gòn, xử tù nhân Huỳnh Văn Giáp, can tội giết một gác ngục Pháp dưới thời Bouvier. Huỳnh Văn Giáp đã tự bào chữa rất hùng hồn bằng cách khai rõ sự thật, làm

năm 1930 đến năm 1935, đã có 3.664 lượt tù nhân Côn Đảo vượt ngục; 3.220 người đã bị bắt lại trên đảo; 444 người thoát được ra biển. Trong số hơn 400 người ấy, chắc chắn nhiều người đã chết chìm trên biển, chỉ một số ít do may mắn về được đất liền. Đối với họ, dù bị chết đói trên rừng, dù làm mồi cho cá mập dưới biển còn sung sướng hơn là sống dưới bàn tay tên đao phủ Bouvier.

Có tù nhân đã lấy cái chết của mình để cảnh tỉnh tên chúa đảo khát máu. Ông Nguyễn Văn Biểu - Đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng trèo lên một cây cao cạnh đường ra Lò Vôi, đợi khi Bouvier đi tới, ông lao đầu xuống con đường đá dăm, vỡ nát óc chết ngay trước mặt hắn. Bourvier thản nhiên bước qua và lạnh lùng bảo tên Giám thị Catelin đi cùng rằng: "*Thêm một thằng, bớt một thằng cũng không sao*".

Vài tháng sau, chức chúa đảo rơi vào tay thiếu tá Tisseyre, Tiểu đoàn trưởng bộ binh thuộc địa. Việc một sĩ quan thực dân đã thạo nghề chinh chiến trở lại hòn đảo ngục tù này liên quan đến chiến lược phòng thủ Côn Lôn, trong lúc phát xít Nhật đã cho một trung đội lính đóng đồn tại đảo. Nhưng Tisseyre không cứu vãn nổi tình thế. Chưa đầy 60 phút trong đêm chính biến, Tisseyre cùng cả một đại đội lính bộ binh thuộc địa dưới quyền y bị tước vũ khí.

Cuộc chính biến của quân đội Nhật vào rạng sáng ngày 10-3-1945 đã đưa giám thị trưởng Hilaire lên địa vị Chúa ngục. Chức trách của y là giúp quân Nhật duy trì tù nhân trong vòng kỷ luật. Các quyền hành chính, tư pháp, quân sự trên đảo không còn thuộc về người Pháp nữa.

Trong 6 đời chúa đảo còn lại của thời Pháp, Đại úy Lê dương Hornecker đem lại được một thoáng dễ chịu cho tù nhân kháng chiến (1946 - 1947). Là người Pháp gốc Đức, từng là tù binh (của phát xít Đức), ông dễ đồng cảm và có cảm tình thật sự với cuộc kháng chiến của dân tộc ta. Bọn thực dân cũng sớm nhận ra điều này và thay thế bằng những tên chúa ngục khác giàu thủ đoạn như Brulé, thâm độc như Lafosse, tàn bạo như Jarty...

Tháng 3-1955, Thiếu tá Aloise Blanck đã bàn giao nhà lao Côn Đảo cho Bạch Văn Bốn - Thiếu tá quân đội Sài Gòn thuộc Phân khu Đông, chấm dứt gần một thế kỷ chồng chất tội ác của thực dân Pháp trên quần đảo. Nhà lao Côn Đảo khi ấy chỉ còn lại hơn 600 tù thường phạm. Không lâu sau, Bạch Văn Bốn được điều về đối phó với các phe phái đối lập và trở ra nhận chức Tỉnh trưởng đầu tiên, khi Ngô Đình Diệm ra Sắc lệnh 141-NV ngày 22-10-1956 thành lập tỉnh Côn Sơn. Đó là một "tỉnh tù", không hơn, không kém. Ngoài tù nhân và bộ máy trị tù, tỉnh không có một cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội nào khác.

Nhà tù Côn Đảo được thiết lập lại dưới cái tên rất lừa mị là Trung tâm huấn chính (TTHC) Côn Sơn (từ năm 1960 đổi thành Trung tâm cải huấn). Quản đốc đầu tiên của TTHC là Đại úy Bùi Văn Năm. Từ tháng 9-1958, ngụy quyền Sài Gòn tập trung quyền lực giao cho Tỉnh trưởng Bạch Văn Bốn kiêm luôn chức Quản đốc TTHC, Chỉ huy trưởng Tiểu khu quân sự. Với bản chất tàn bạo và hiếu thắng, Bạch Văn Bốn ra sức đánh giết tù để tiến thân. Trong nhiệm kỳ hơn 3 năm, Bốn đã tổ chức nhiều chiến dịch khủng bố, giết hại 350 tù chính trị. Do bất lực về phương diện cải huấn, không tổ chức học tố cộng được đối với hơn 1.000 tù chính trị Lao I Côn Đảo trong nhiều năm,

nên Bốn vẫn không được lên sao và phải nhường chức cho Lê Văn Thể - một tên tàn bạo và hiếu thắng hơn nhiều.

Lê Văn Thể không từ một thủ đoạn tàn bạo nào. Hắn nhốt chật tù nhân vào mùa hè, xối nước tù nhân vào mùa đông, cho tay chân xúm vào đánh tù nhân bằng củi chẻ đến tàn phế hoặc chết tươi ngay tại Chuồng Cọp, đày ải man rợ cho chết đi sống lại hàng trăm lần, bắt tù nhân đào mả lấy xương tù về xông cho đàn vịt khỏi chết dịch... Nhưng rốt cuộc Thể cũng mất chức vì không khuất phục được những người tù chính trị chống ly khai còn lại. Nội bộ ngụy quyền Côn Đảo mâu thuẫn sâu sắc vì thói tham tàn bạo ngược của Thể. Hắn sỗ sàng tuyên bố: "*Cục cứt trên đảo này cũng là của thiếu tá Tỉnh trưởng*" và cho tay chân đi giành từng thùng cầu ở các trại tù về bón rau trong rẫy riêng của hắn đặng bán rau cho nhà bếp tù kiếm lời.

Kế vị Lê Văn Thể là Thiếu tá Cao Đài ly khai Nguyễn Văn Sáu. Sáu sinh năm 1915 tại Ô Môn - Cần Thơ, từng giữ các chức vụ Tiểu đoàn trưởng, Quản đốc Trung tâm cải huấn Thủ Đức, TTCH Chí Hòa. "Đương sự là một sĩ quan ưu tú trung thành và chính trực, luôn luôn tích cực trong mọi công tác, được tín nhiệm đặc biệt. Đã được ân thưởng hai Anh dũng bội tinh với ngôi sao đồng, 5 Anh dũng bội tinh với ngôi sao bạc và 7 lần được tuyên dương công trạng". Bộ trưởng Nội vụ ngụy đã phê trong phiếu trình Tổng thống Diệm khi để bạt Sáu như vậy.

Sáu nhận chức từ ngày 16-7-1963 rồi trao lại cho Tăng Tư vào ngày 3-6-1964. Tăng Tư (tự Tăng Sao) là người Hoa, sinh năm 1925 tại Sa Đéc, tốt nghiệp Trường Võ bị Liên quân Đà Lạt 1953, được cử đi tu nghiệp tại Trường

Võ bị Bộ binh thực hành Saint Maixent thuộc tỉnh Deux Sèvres miền Tây nước Pháp. Ra Côn Đảo tháng 10-1960, với chức vụ Phụ tá Quản đốc, Tăng Tư leo dần lên Phó Tỉnh trưởng rồi Tỉnh trưởng trong thời điểm tranh giành quyền lực quyết liệt của chế độ Sài Gòn, nhiều tướng tá rơi sao mất chức.

Khôn ngoan ngay từ khi mới ra Côn Đảo làm Phụ tá Quản đốc, Tăng Tư đã nhận trông coi 200 tù chính trị thuộc các đảng phái quốc gia đối lập với chính quyền Diệm tại một Sở rẫy ở Cỏ Ống và ban nhiều ân huệ cho bọn này. Sau ngày chính quyền Ngô Đình Diệm sụp đổ, đám tù quốc gia được ân xá về, nhiều tên leo lên cao đến ghế Thủ tướng (Phan Khắc Sửu), Bộ trưởng (Trần Văn Ân, Phan Quang Đán), Nghị sĩ Quốc hội ngụy (Hồ Hữu Tường), Tư lệnh sư đoàn (Phan Trọng Chinh)... Nhờ đó, Tăng Tư được mở rộng thanh thế, lên sao, lên chức với nhiều bổng lộc ân huệ. Con đường công danh đang mở rộng thì vụ cướp tàu vượt đảo thắng lợi của 57 tù chính trị lên vùng vịnh trước Dinh Chúa đảo ngày 27-2-1965 đã quật đổ ghế Tỉnh trưởng của Tăng Tư.

* * *

Trong ký ức của nhiều tù nhân, Nguyễn Văn Vệ là "con hùm xám", là "siêu đẳng" trong nghề trị tù, Vệ từng ngự trị 9 năm, 2 nhiệm kỳ tại Dinh Chúa đảo Côn Lôn. Nguyễn Văn Lâm, người tù thường phạm mang 3 bản án về các tội trộm cướp, tàng trữ vũ khí, giết người, phá rối trị an sau nhiều năm ở tù đã nhận xét:

"Là một chuyên gia về quản trị và đàn áp tù, Vệ đi tới đâu là nơi đó phải được bình định. Trong phong trào đấu

tranh của tù chính trị có lúc trồi lên, trụt xuống, chính mắt tôi đã mục kích những lần Vệ chỉ huy đàn áp, trước hết bế môn tỏa cảng, rồi lựu đạn cay, phi tiễn bắn vào, sau khi nằm la liệt, hàng trăm tù (trật tự) ác ôn, dùng dùi cui ma trắc đánh đập man rợ, và đem những người đại diện xuống phòng an ninh, giam ở khu biệt lập.

Một màng lưới tổ chức tình báo thật là tinh vi, biết đặt người vào nằm trong hàng ngũ đấu tranh của anh em tù chính trị, biết trước được mọi kế hoạch, những dự định của anh em bị phá hỏng, tài liệu báo chí, đài, phương tiện truyền thanh bị tịch thu. Những lần đó tù chính trị hết sức khốn khổ.

Đầu não đấu tranh bị tan rã, bị trấn áp, khủng bố, đánh đập dã man dưới bàn tay sắt của Nguyễn Văn Vệ. Phải nói rằng Vệ là siêu dẳng. Có những người cộng tác cho Vệ mà chính tôi cũng không ngờ được, những người mà đôi lần tiếp xúc, tôi đã quý mến họ và anh em tù chính trị đã tin tưởng vào họ".

Lời cáo giác mộc mạc của người tù thường phạm mang án cướp của giết người dẫn trên đối với Nguyễn Văn Vệ là hoàn toàn chính xác. Vệ đã từng gây biết bao tội ác với tù nhân Côn Đảo. Chính hắn đã trực tiếp chỉ huy những trận khủng bố tàn bạo nhất. Ngày 12-5-1967, Vệ chỉ huy hàng trăm trật tự ác ôn, đàn áp tù chính trị ở Chuồng Cọp I, gây ra cái chết thảm khốc của Lâm Tường Bảo và Lê Văn Tâm (tức Lê Thế Lý, Lê Ngọc Bửu), đồng thời làm hàng trăm người thương tích, đổ máu, 10 người bị thương tích nặng.

Vệ đã thiết lập kỷ luật nghiệt ngã nhất ở Chuồng Cọp Côn Đảo với những cây còng Mỹ siết chặt vào cổ

chân người tù, làm cho hàng trăm người bị teo cơ, bại liệt và vĩnh viễn không thể đứng lên bằng đôi chân được nữa. Sào nhọn bịt đồng, vôi bột, gậy gộc và đạo quân trật tự an ninh do Vệ tổ chức đã gây nên những tội ác mà vụ "Chuồng Cọp Côn Đảo" tai tiếng năm 1970 đã làm chấn động lương tri loài người.

Nguyễn Văn Vệ sinh ngày 12-7-1922 tại Sài Gòn, tốt nghiệp bằng huấn luyện viên thể dục thể thao tại Trường Cao đẳng Thể dục Đông Dương ở Phan Thiết, sau đó Vệ dự tuyển và tốt nghiệp bằng Huấn luyện viên thanh niên tại Trường Cao đẳng Thanh niên. Làm Thư ký thông ngôn cho Sở Công an Nam Việt từ năm 1942, 10 năm sau, Vệ leo lên chức Trưởng ty Công an Châu Đốc (1952) rồi Trưởng ty Công an Bạc Liêu. Giữa năm 1954 do Pháp giật dây, Nội các Bảo Đại đưa Lai Văn Sang làm Tổng Giám đốc Công an, Nguyễn Văn Vệ đứng về phía bất mãn do Mai Hữu Xuân, nguyên Tổng Giám đốc Công an Nam phần gia nhập ngành An ninh Quân đội nhằm chống lại lực lượng của Lai Văn Sang, tay chân của phòng nhì Pháp. Bắt đầu từ đó, Vệ thuộc về phía thân Mỹ và trở thành một tên tay sai trung thành của chế độ Mỹ - ngụy.

Đám công an ly khai được đồng hóa thành sĩ quan quân đội. Mai Hữu Xuân mang lon đại tá làm Tổng Giám đốc An ninh Quân đội; Trần Bá Thành mang lon Trung tá làm Phụ tá; Nguyễn Văn Vệ mang lon Trung úy làm Đại đội trưởng Ninh động đội 11. Không lâu sau, các Ninh động đội 11, 12, 13 (phần lớn là nhân viên công an, cảnh sát ly khai gia nhập) được tổ chức thành Tiểu đoàn 530, Nguyễn Văn Vệ làm Tiểu đoàn phó. Lúc đầu, An ninh quân đội làm nhiệm vụ giữ trật tự trị an ở các

địa bàn xung yếu nội đô Sài Gòn, bảo vệ các dinh tướng lĩnh ngụy, chống lại sự quấy nhiễu của lực lượng công an do Bình Xuyên nắm.

Tháng 4-1955, bọn quân phạm ở khám Chí Hòa làm bạo loạn, chiếm đóng nửa khám đường, đòi Tòa án quân sự ngụy tha bổng tội trạng của chúng. Tiểu đoàn 530 của Vệ được điều đến đàn áp, dưới sự chỉ huy trực tiếp của Thiếu tướng Mai Hữu Xuân. Sau cuộc dẹp loạn, Nguyễn Văn Vệ được tuyên dương công trạng, được đặc cách thăng cấp Đại úy trừ bị (1-6-1956) và nhận chức Khám đường Chí Hòa, chuyển sang ngạch Quản ngục.

Tháng 3-1965, Vệ được cấp học bổng của chương trình Colombo đi tu nghiệp ở Anh quốc về quản trị khám đường. Mãn khóa, Vệ về nước và được điều ra Côn Đảo tháng 11-1965. Khi đó ngụy quyền Sài Gòn ra Sắc lệnh 75-NV (21-4-1965) bãi bỏ tỉnh Côn Sơn, thiết lập trên quần đảo một cơ sở hành chính trực thuộc chính quyền Trung ương. Chức danh của Vệ là Đặc phái viên hành chính kiêm Quản đốc Trung tâm cải huấn Côn Sơn.

Trước sự bất lực của chính sách cải huấn chính trị phạm, cố vấn Mỹ đã chỉ đạo Nha cải huấn thực nghiệm một "Chương trình Tâm lý chiến thí điểm Côn Sơn". Bản soạn thảo đầu tiên được trình bày tại Hội đồng Bình định - xây dựng Trung ương ngụy ngày 1-8-1969, dự kiến xin 300 sĩ quan tâm lý chiến để thành lập 10 tiểu đoàn Tâm lý chiến Côn Sơn. Hội đồng chấp thuận thành lập một tiểu đoàn thí điểm và biệt phái cho Côn Sơn 30 sĩ quan tâm lý chiến. Sau 6 tuần lễ huấn luyện tại Sài Gòn, chúng được cấp học bổng đi tu nghiệp 5 tuần lễ tại Đài Loan về chương trình Tâm lý chiến - cải huấn. Nguyễn

Văn Vệ được cử làm Trưởng phái đoàn đưa 30 tên sĩ quan tâm lý chiến đi Đài Loan vào tháng 5-1970 rồi trở lại Côn Đảo khai mạc Tiểu đoàn Tâm lý chiến thí điểm tại Côn Sơn vào ngày 31-8-1970.

Thời điểm ấy, tội ác của Vệ với tù nhân đã chất cao như núi. "Vụ Chuồng Cọp Côn Sơn" tháng 7-1970 phơi bày hình ảnh Chuồng Cọp man rợ với hàng trăm người bại liệt, phải lết đi trên đôi tay của mình và hàng trăm phụ nữ trong đó có cả những bà cụ mù lòa trên 60 tuổi, cùng những em gái tuổi vị thành niên sặc sụa giữa lớp vôi bột dày ở Chuồng Cọp làm phẫn nộ lương tri loài người. Cuộc đồng khởi chống chào cờ và chống khổ sai của trên 4.000 tù nhân Côn Đảo cuối năm 1970 đã kết thúc nhiệm kỳ gần 7 năm của tên đao phủ Nguyễn Văn Vệ.

* * *

Người kế vị Vệ là Trung tá Cao Minh Tiếp, một sĩ quan tình báo có hạng của ngụy quyền Sài Gòn. Tiếp sinh ngày 1-2-1950 tại Huế. Tốt nghiệp trường Võ bị địa phương Huế 1951, Tiếp nhảy vào ngạch tình báo quân đội ngụy từ tháng 8-1952 với chức vụ Phụ tá trưởng phòng 2 Quân khu II (1954), Trưởng phòng 2 Sư đoàn khinh chiến II (1955), Trưởng phòng 2 Bộ Tổng tham mưu hành quân rồi được đi đào tạo tình báo tác chiến tại OKINAWA năm 1960, và theo học tiếp khóa huấn luyện tình báo cao cấp tại Hoa Kỳ vào năm 1964. Sau khóa học, Tiếp được cử làm Trưởng khối tình báo hỗn hợp Việt - Mỹ (1966), Phụ tá Tổng thư ký Ủy ban Phượng hoàng Trung ương (1969).

Thay chân Vệ, Cao Minh Tiếp không chỉ thực hiện công việc quản trị đơn thuần hay thủ đoạn lừa mị nhằm

xoa dịu sự phẫn nộ của tù nhân. Việc điều Cao Minh Tiếp, một sĩ quan tình báo lành nghề làm quản ngục Côn Đảo nằm trong kế hoạch hậu chiến của Mỹ - ngụy. Một bản tài liệu mật còn lưu lại cho biết, Mỹ - ngụy đã lập hồ sơ 278 đối tượng tù chính trị với mục đích cài cấy người vào hàng ngũ của ta, thông qua trao trả tù binh, tù chính trị. Ban U (phản tình báo) của Phủ đặc ủy Trung ương tình báo lập một Đội công tác đặc biệt do Trung tá Hồ Văn Kiệt - Trưởng ban U là Đội trưởng. Kiệt phái Nguyễn Tư Thái - một tên mật vụ sừng sỏ từ thời Ngô Đình Nhu ra Côn Đảo với 11 hồ sơ đầu mối trong tay, để phối hợp với Cao Minh Tiếp thực hiện kế hoạch hậu chiến trong tù chính trị. Hàng loạt cuộc tiếp xúc bí mật, trắc nghiệm tâm lý, mạn đàm chính trị mà bọn chúng thực hiện trong thời gian này đã gây xáo trộn trong tâm lý, tư tưởng, ngờ vực trong nội bộ tù nhân và để lại hậu quả chia rẽ nghiêm trọng trong tù chính trị những năm sau đó.

Trong suốt nhiệm kỳ, Cao Minh Tiếp được sự ủng hộ và giám sát trực tiếp của 5 tên cố vấn Mỹ thường xuyên nằm tại khu nhà các dinh chúa đảo chừng 100 m. Cao Minh Tiếp kế tục Nguyễn Văn Vệ trong "Chương trình Tâm lý chiến thí điểm Côn Sơn". Tiểu đoàn tâm lý được Vệ thành lập tháng 8-1970 với 800 trại sinh là tù chính trị câu lưu đã được Cao Minh Tiếp bế mạc vào tháng 10-1971 với 368 trại sinh tốt nghiệp. Chương trình Tâm lý chiến thí điểm tại Côn Sơn đã được phiên họp Hội đồng Nội các ngày 27-12-1971 đánh giá "là một thành quả rất cao so với các hoạt động cải huấn trước đây". Được sự khuyến khích của Nội các ngụy và cố vấn Mỹ, Cao Minh Tiếp khởi xướng thành lập Tiểu đoàn Tâm lý chiến thí điểm thứ 2 tại Côn Sơn, dành cho tù án chính trị vào đầu năm 1972.

Thời Tiếp cai trị, Trại VII cấu tạo bằng 384 xà lim đặc biệt với tên gọi là Chuồng Cọp Mỹ (Lao VII) đã được đưa vào sử dụng. Bằng thủ đoạn của một tên tình báo chiến lược cấp cao, Tiếp đã thực hiện chiến lược "phân vùng giam giữ" và "chiêu hồi sản xuất" nhằm đẩy mạnh chế độ khổ sai và siết chặt chế độ kỷ luật theo kiểu "cây gậy và củ cà rốt" của Mỹ, những người chấp hành nội qui nhà tù, chấp nhận làm khổ sai, Tiếp cho hưởng 40% sản phẩm. Có lúc, để xoa dịu phong trào đấu tranh chính trị, Tiếp đã tăng mức hưởng hoa lợi lên đến 60-70%. Ngược lại các phần tử chống đối bị cấm cố nghiệt ngã tại các khu kỷ luật.

Khu vực Trại II, Trại III nằm tại trung tâm thị trấn được dành cho các tù nhân chấp hành nội quy. Khu vực Trại VI, Trại VII, Trại VIII xây dựng theo kiểu mẫu của Mỹ là nơi giam lực lượng tù nhân chống đối. Những phần tử nguy hiểm nhất được đưa về Trại VII (Chuồng Cọp Mỹ). Trại IV, Trại V và Trại I là khu vực trung chuyển của các đối tượng đang trong quá trình "chiêu hồi sản xuất". Nguyên tắc "phân vùng giam giữ của Tiếp được những tên chúa ngục sau này tiếp tục duy trì và bổ sung thêm kế hoạch phòng thủ hữu hiệu cho từng khu vực. Sau khi ổn định các khu vực giam giữ và thực hiện chương trình Tâm lý chiến thí điểm Côn Sơn, Cao Minh Tiếp được thăng cấp Đại tá, về làm Giám đốc Nha cải huấn vào tháng 5-1972.

Trung tá Hải quân Đào Văn Phô biệt phái về Bộ Nội vụ nhận chức danh Đặc phái viên hành chính kiêm Quản đốc TTCH Côn Sơn từ 17-5-1972. Theo bản năng nghề nghiệp, Phô phác thảo kế hoạch phòng thủ Côn

Lôn nhằm chống lại một cuộc tấn công quy mô của hải quân Bắc Việt trong lúc lực lượng yểm trợ Mỹ đang giảm dần. Riêng lãnh vực quản trị nhà tù, Đào Văn Phô chưa có kinh nghiệm nên hầu như bất lực trước các cuộc đấu tranh của tù nhân, đành phải bàn giao lại chức danh cho Nguyễn Văn Vệ vào tháng 3-1973.

Trung tá Nguyễn Văn Vệ trở lại Côn Sơn với nhiệm vụ thanh lọc số tù chính trị đã có trong danh sách trao trả và chuyển tất cả số còn lại thành án thường phạm với cái tội "Gian nhân hiệp đảng" - điều mà Đào Văn Phô hoàn toàn bó tay. Đi khảo sát từng trại thấy tù chính trị phản ứng quyết liệt, Nguyễn Văn Vệ đã bay về Sài Gòn ngay trong tháng 4-1973, trực tiếp trình Thủ tướng ngụy một kế hoạch đối phó. Được Trần Thiện Khiêm cho phép và chi viện 2 đại đội cảnh sát dã chiến cùng 15 nhân viên cảnh sát chuyên làm thẻ căn cước, Nguyễn Văn Vệ tổ chức các cuộc đàn áp dã man từng trại để thanh lọc danh sách và chuyển án phi pháp. Nguyễn Văn Vệ ra lệnh cho bọn cảnh sát dã chiến bắn lựu đạn cay và phi tiến qua các ô thông hơi từng phòng giam. Khi tù nhân đã ngất xỉu, chúng mới mang mặt nạ phòng độc lôi từng người ra sân để lăn tay vào các danh chỉ bản lập sẵn. Cuộc đàn áp ngày 2-5-1973 tại Trại VI khu B đẫm máu, 202 người trọng thương. Các anh: Nguyễn Kim Cúc, Hồ Chí Tặng, Huỳnh Tấn Lợi và Phạm Ngô đã bị đánh chết tại chỗ. Nguyễn Văn Vệ cho xe Jeep chở xác các anh ra nghĩa địa lấp cát phi tang, nhưng ngay sau đó, Phó Quản đốc Nguyễn Phú Hội lại tức tốc đưa bọn chuyên viên căn cước ra Hàng Dương bới xác Nguyễn Kim Cúc và Hồ Chí Tặng lên để lăn tay người chết vào danh chỉ bản mà chúng chưa kịp làm.

Trong vòng hai tháng trở lại nhận chức, Nguyễn Văn Vệ đã tổ chức hàng chục cuộc đàn áp làm đổ máu hàng ngàn tù chính trị, thanh lọc 4.081 người tại Côn Đảo có tên trong danh sách 5.081 nhân viên dân sự trao trả và lập trên 2.000 bản án phi pháp để chuyển những người còn lại thành tội danh thường phạm không trao trả.

Tên chúa ngục cuối cùng là Trung tá Bộ binh Lâm Hữu Phương, nổi tiếng ăn chơi trác táng và chuyên làm áp phe (buôn lậu, chạy chọt). Vì lợi ích của mình, Phương không từ một thủ đoạn nào. Khi biết sự sụp đổ của chế độ Sài Gòn là không thể cứu vãn nổi, Phương đã từ giã chức vụ, bỏ thầy, bỏ tớ, bỏ cả kế hoạch tử thủ Côn Lôn, thủ tiêu tù chính trị để lưu vong sang Mỹ vào đêm 29-4-1975.

Xét đến cùng, mỗi đời chúa ngục chỉ là những tên tay sai trung thành với mức độ khác nhau của bọn thực dân, đế quốc. Với bản năng riêng, mỗi tên chúa ngục có cách riêng để ghi dấu ấn về những thủ đoạn trị tù cùng những tội ác của chúng đối với dân tộc ta, với những người yêu nước và cách mạng Việt Nam trong hơn một thế kỷ đau thương khi chúng dựng lên "địa ngục trần gian" trên Côn Đảo.

DANH SÁCH 53 ĐỜI CHÚA NGỤC CÔN LÔN

Từ năm 1962 đến tháng 5-1975

1. Roussel 1862 - 1863: Lieutenant de Vaisseau (Trung úy Hải quân, Phó hạm trưởng)
2. Bizot 1863 - 1864: Lieutenant de Vaisseau (Trung úy Hải quân, Phó hạm trưởng).
3. Benoist 1864 - 1866: Enseigne de Vaisseau (Trung úy Hải quân)

4. Boube 1866 - 1869: CPT. Inf. de Vaisseau (Đại úy Hải lục quân)
5. Steidel 1869 - 1870: L. T. de Vaisseau (Trung úy Phó hạm trưởng)
6. Claudot 1870 - 1871: L. T. de Vaisseau (Trung úy Phó hạm trưởng)
7. Gaudot 1871 - 1872: L. T. de Vaisseau (Trung úy Phó hạm trưởng)
8. Chevillet 1872 - 1874: CPT. Inf. de Marine (Đại úy Hải lục quân)
9. Symphoz 1874 - 1875: CPT. Inf. de Marine (Đại úy Hải lục quân)
10. Morin 1875 - 1876: Administrateur (Tham biện)
11. Pasquet de la Broue 1876 - 1877: Colonel Inf. de Marine (Đại tá Hải lục quân)
12. Disnematin Dorat 1877 - 1878 Chef de Bataillon Inf de Marine (Tiểu đoàn trưởng hải lục quân)
13. Pasquet de la Broue 1878 - 1882: (Đại tá về hưu)
14. Bocquet 1882 - 1884: Administrateur (Tham biện)
15. Caffort 1884 - 1887: (Quan cai trị)
16. Sellier 1887 - 1890: (Quan cai trị)
17. René 1890 - 1892: Chef de Bureau Secrétariat général (Chánh văn phòng thư ký vụ)
18. Jacquet 1892 - 1896: Agent administrateur (Quan chức ngạch hành chính)
19. De Colbert Turgis 1896 - 1898: Chef de Bataillon Inf. de Marine en retraite (Tiểu đoàn trưởng hải lục quân về hưu)

20. Morizet 1898 - 1908: Licencié en Droit (Cử nhân Luật khoa)
21. Malaye 1908 - 1909: Administrateur (Tham biện)
22. Cudenet 1909 - 1913: Administrateur (Tham biện)
23. De Gailland 1913 - 1914: Administrateur (Tham biện)
24. O'Connel 1914 - 1916: Administrateur (Tham biện)
25. Royer 1916 - 1917: Administrateur (Tham biện)
26. Andouard 1917: L. T de reserve P. C (Trung úy Phó hạm trưởng dự bị)
27. Lambert 1919: CPT. Inf. Conlonial (Đại úy Bộ binh thuộc địa)
28. Bouvier 1927: Administateur (Tham biện)
29. Crémazy 1934: Commissaire de Police (Cảnh sát trưởng)
30. Bouvier 1935: Administateur (Tham biện)
31. Brouillonnet 1942: LT. de Gendarmerie (Trung úy Hiến binh)
32. Tisseyre 1943: Chef de bataillon Inf. Colonial (Thiếu tá Tiểu đoàn trưởng Bộ binh thuộc địa)
33. Hilaire 1945: Gardien chef (Giám thị trưởng)
34. Gimbert 1946: CPT. de Vaisseau (Đại úy Hải quân)
35. Hornecker 1946 - 1947: CPT. Légion étrangère (Đại úy Lê dương)
36. Brulé 1947 - 1948: CPT. Légion étrangère (Đại úy Lê dương)

37. Lafosse 1948 - 1951: Chef de Bureau Inf. Colonial
38. Jarty 1951 - 1953: Chef de bataillon Inf. Colonial (Thiếu tá Tiểu đoàn trưởng Bộ binh thuộc địa)
39. Blanck 1953 - 1955: Chef de bataillon Inf. Métropolitaine (Thiếu tá Tiểu đoàn trưởng)
40. Bạch Văn Bốn 1955: (Thiếu tá Quân đội Sài Gòn)
41. Trần Văn Thiều 1955 - 1956: (Cán bộ hành chánh)
42. Hồ Chi Thiền 1956 - 1957: (Đại úy bảo an Quân đội Sài Gòn)
43. Bạch Văn Bốn 1957 - 1960: (Thiếu tá Quân đội Sài Gòn)
44. Lê Văn Thể 1960 - 1963: (Thiếu tá Quân đội Sài Gòn)
45. Nguyễn Văn Sáu 1963 - 1964: (Thiếu tá Quân đội Sài Gòn)
46. Tăng Tư (tự Sao) 1964 - 1965: (Trung tá Quân đội Sài Gòn)
47. Nguyễn Thế Ty 1965: (Thiếu tá Quân đội Sài Gòn)
48. Nguyễn Phát Đạt 1965: (Thiếu tá Quân đội Sài Gòn)
49. Nguyễn Văn Vệ 1965 - 1971: (Thiếu tá Quân đội Sài Gòn)
50. Cao Minh Tiếp 1971 - 1972: (Trung tá Quân đội Sài Gòn)
51. Đào Văn Phô 1972 - 1973: (Trung tá Quân đội Sài Gòn)
52. Nguyễn Văn Vệ 1973 - 1974: (Trung tá Quân đội Sài Gòn)

53. Lâm Hữu Phương 1974 - 1975: (Trung tá Quân đội Sài Gòn)

5. MỘT VÀI SỐ LIỆU VỀ TÙ NHÂN QUA CÁC GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ Ở NHÀ TÙ CÔN ĐẢO

Khi Pháp đánh chiếm Côn Đảo (1861), Nhà Nguyễn còn giam giữ ở đây 129 phạm nhân, án phát lưu. Họ là những người có thái độ đối lập với triều Nguyễn. Địa phương chí tỉnh Côn Sơn 1968 cho biết có nhiều người trong số đó là dân Khmer, bị bắt trong các cuộc giao tranh ở biên giới. Số phạm nhân này sau đó được giải tỏa về đất liền cùng phần lớn số dân trên đảo.

Tháng 3-1862, sau khi ra Nghị định thành lập nhà tù, Đô đốc Bonard cho tàu Echo chở 50 phạm nhân đầu tiên ra Côn Đảo. Tính đến tháng 7-1867, nhà tù Côn Đảo đã có 500 tù nhân.

Trong 50 năm đầu, con số tù nhân ở nhà tù Côn Đảo biến động ở mức trên dưới 1.000 người. Theo báo cáo của nhà tù, tháng 11-1881 có 807 tù nhân, trong đó có 698 người Việt, 72 người Trung Hoa, 22 người Khmer. Họ bị kết án khổ sai, án tù giam, cấm cố, phát lưu, lưu xứ với mức án từ một vài năm đến chung thân. Đến ngày 31-12-1890, số tù nhân đã lên đến 1.422 người.

Theo yêu cầu của công cuộc khai thác thuộc địa, Toàn quyền De Lanessan đã ra nghị định ngày 12-7-1891 cho phép sử dụng lao động khổ sai là tù nhân trong các công trình dân dụng và quân sự trên toàn xứ Đông Dương. Những đợt tuyển mộ lao động khổ sai cho công trình mở con đường số 4 Lạng Sơn đi Tiên Yên và cho các đồn điền thuộc địa ở Guyane, Nouvelle Caledonie đã làm tăng số lượng tù nhân. Khi đó, Côn Đảo chỉ mới có Trại giam số

1 vừa hoàn thành sau nhiều năm xây dựng. Trong phiên họp Hội đồng thuộc địa Nam Kỳ ngày 29-9-1899, nhiều quan chức thực dân đã nêu ý kiến nên đóng cửa nhà lao Côn Đảo vì số lượng tù nhân ở đây không tương xứng với chi phí quá lớn. Họ đề nghị giải tỏa tù nhân ở đây về các nhà giam tại các quận để sử dụng vào những việc công ích. Sau nhiều cuộc tranh cãi, rốt cuộc nhà tù Côn Đảo vẫn cần thiết để đảm bảo an ninh cho nền thống trị ở Đông Dương. Ngân sách Liên Bang đã đài thọ cho xứ Nam Kỳ quản trị nhà tù này. Chi phí cho mỗi tù nhân đày đi Guyane lên đến 300 F, trong khi tiền nuôi dưỡng một tù nhân tại P. C. chỉ có 266 F/năm. Cải tạo Poulo Condore thành một nhà lao thực thụ sẽ có lợi cho ngân sách thuộc địa. Với quyết định này, số tù nhân lại tăng dần đến mức 1.200 vào ngày 11-9-1908, 1.142 vào tháng 5-1909 rồi vượt quá con số 2.000 vào năm 1926. Ngân sách Liên Bang đã được duyệt cấp cho việc mở rộng nhà tù Côn Đảo. Banh II được khởi công xây dựng năm 1916 và Banh III vào năm 1925.

Trong 15 năm tiếp theo, số lượng tù nhân ở đây dao động mức trên dưới 2.000. Theo báo cáo của Thanh tra thuộc địa, ngày 31-12-1927, nhà tù Côn Đảo có 2.038 người, trong đó có 32 án chính trị, 1.749 án tù giam và khổ sai, 257 án lưu. Các năm tiếp theo, số lượng tù nhân (tính đến ngày 31-12) là:

Năm 1928: 2.102 người; Năm 1933: 2.483 người

Năm 1929: 1.941 người; Năm 1934: 2.818 người

Năm 1930: 1.992 người; Năm 1935: 2.399 người

Năm 1931: 2.116 người; Năm 1936: 2.436 người

Năm 1932: 2.276 người; Năm 1937: 2.018 người

Theo báo cáo của Thanh tra thuộc địa Ruffel làm tại Côn Đảo ngày 4-7-1939, số tù giam ở đây gồm 3.126 người (trong đó có 2.566 người đã định án và một số chưa phân loại, chờ xử lại) chia ra các loại án sau:

- Án phát lưu giam: 3 người
- Án phát lưu thường: 3 người
- Cấm cố: 1.006 người
- Khổ sai: 1.293 người
- Cấm cố hầm: 32 người
- Cấm cố thường: 372 người
- Án tù giam: 30 người
- Án lưu: 387 người

Biên bản thống kê số người tù đang bị giam giữ tại Côn Đảo do Giám đốc Bouvier lập ngày 31-5-1940 xác định số tù nhân ở đảo là 2.293 người.

Con số tù nhân Côn Đảo thời Pháp thuộc lên cao nhất vào thời điểm sau Nam Kỳ khởi nghĩa (23-11-1940). Trong hai năm (1941 - 1942), Banh I, Banh II, Banh III và các Sở tù đều nhốt chật người, mỗi ngày có từ 10 đến 20 tù nhân chết, vậy mà cuối năm 1942 vẫn còn lại 4.403 người (báo cáo ngày 15-1-1943 của Thống đốc Nam Kỳ gửi Toàn quyền Decoux). Hơn 1.000 tù nhân đã chết trong hai năm tiếp theo. Tháng 5-1945, một bản báo cáo cho biết nhân số nhà tù là 3.308 người.

Tháng 9-1945, hơn 2.000 tù chính trị đã nổi dậy giành quyền làm chủ và được đón về đất liền tham gia kháng chiến. Côn Đảo còn lại khoảng 1.000 tù thường phạm, được sinh sống tự do, bình đẳng với công chức, gác ngục.

Nhiều người tiếp tục vượt biển về quê hương. Cuộc bầu cử chính quyền trên đảo vào tháng 3 năm 1946 cho biết số cử tri là 816, trong đó có chừng trên 100 cử tri vốn là gác ngục người Việt và vợ con họ, còn lại là tù thường phạm mới được tự do. Một tài liệu của Jacques Brulé - Đại úy lê dương, Giám đốc quần đảo vào nhà tù năm 1947 xác nhận, khi Pháp tái chiếm chỉ còn lại 400 tù thường phạm.

Ngày 18-4-1946, thực dân Pháp tái chiếm Côn Đảo, lập lại nhà tù. Chuyến tàu đổ bộ chở 300 tù binh kháng chiến lưu đày ra Côn Đảo đã cập bãi Nhà thờ vào trưa 27-5-1946, trong đó có 56 án tử hình. Tháng 12-1947, Cao ủy Pháp tại Đông Dương đã quyết định chuyển đến Côn Đảo một số lượng lớn nhất tù nhân để giảm bớt mật độ và tình trạng căng thẳng ở Khám Lớn - Sài Gòn. Tất cả tàu chiến ở Hạm đội Viễn Đông hoạt động trong vùng đều được tham gia vận chuyển và tiếp tế cho Côn Đảo. Quyết định này đã nâng số lượng tù nhân này lên mức 1.500 vào giữa năm 1948, trong đó, có 63 tù nhân án tử hình, 69 tù binh tội phạm chiến tranh Nhật Bản.

Trong 9 năm tiến hành cuộc chiến tranh tái xâm lược đất nước ta, thực dân Pháp đã lưu đày ở đây lúc cao nhất là hơn 2.000 tù nhân kháng chiến. Báo cáo số 2270 (ngày 5-1-1953) của Giám đốc quần đảo và nhà tù cho biết, đến ngày 31-12-1952, Côn Đảo hiện giam giữ 548 tù binh và 1.739 tù án. Hai năm tiếp theo, số lượng tù nhân tăng giảm không nhiều. Cho đến ngày 30-7-1954, trước lúc nổ ra cuộc Tổng đình công bãi thực đòi trao trả theo Hiệp định Genève 1954, Ban Chấp hành Đảng ủy Côn Đảo đã kiểm điểm lại lực lượng tham gia, có 2.252 người, gồm 593 tù binh và 1.659 tù án. Sau cuộc đấu tranh, thực dân Pháp đã trao trả cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng

hòa 4 đợt, tổng số 593 tù binh và 1.150 tù án. Côn Đảo còn lại 603 tù nhân án tư pháp (thường phạm) trong đó có vài chục vốn là người kháng chiến, bị chúng kết án tư pháp nên không được trao trả.

Tháng 3-1955, thực dân Pháp bàn giao lại nhà tù Côn Đảo cho ngụy quyền Sài Gòn. Số lượng tù nhân cho đến khi đó biến đổi không nhiều. Tháng 12-1956, một Ủy ban Liên Bộ (Nội vụ - Tư pháp - Quốc phòng) đã ra Côn Đảo khảo sát để chuẩn bị lưu đày lớp tù chính trị của giai đoạn này. Bản phúc trình của Ủy ban Liên Bộ cho biết, Côn Đảo hiện giam giữ 674 tội nhân.

Ngày 11-1-1957, chuyến tàu há mồm của Hải quan ngụy chở 390 tù chính trị thuộc các tỉnh miền Đông Nam Bộ, từ nhà lao Biên Hòa rời cảng Sài Gòn ra Côn Đảo. Trong năm 1957, chúng liên tục lưu đày 10 chuyến, tổng số 3.080 người, trong đó có 100 phụ nữ, một số cháu nhỏ chưa đầy năm, tất cả đều là tù chính trị bị câu lưu, không có án tiết.

THỨ TỰ VÀ SỐ LƯỢNG 10 CHUYẾN LƯU ĐÀY TÙ CHÍNH TRỊ NĂM 1957[1]

Stt	Ngày tháng	Nơi xuất phát	Số lượng
1	11-1-1957	Sài Gòn	360
2	20-1-1957	Sài Gòn	235
3	21-3-1957	Sài Gòn	384
4	24-3-1957	Phú Quốc	285

1 Theo phúc trình không số của Công an viên Nguyễn Văn Hòa ngày 5-9-1958, biệt phái làm Trưởng Trại I - Trung tâm huấn chính Côn Sơn.

5	30-4-1957	Sài Gòn	212
6	30-4-1957	Trung - Việt	391
7	17-5-1957	Trung - Việt	409
8	7-7-1957	Sài Gòn	391
9	27-7-1957	Trung - Việt	175
10	3-12-1957	Sài Gòn	233

Tổng cộng 10 chuyến = 3.075. Từ Sài Gòn ra lẻ tẻ = 5.

Bản phân tích theo "Mẫu A" của Quản đốc Trung tâm huấn chính Côn Sơn Bùi Văn Năm cho biết, tính đến ngày 30-12-1957, nhân số hiện hữu của Trung tâm là 2.983, con số này đã vắng mặt ngót 100 người chết trong năm 1957 (riêng tháng 12 chết 26 người). Bản phân tích "Mẫu A" còn cho biết, trong thành phần 2.983 tù chính trị có 2.951 Việt cộng, 8 Hòa Hảo, 19 Cao Đài, 3 Đại Việt, 2 Bình Xuyên. Số lượng tù chính trị câu lưu bị đày ra Côn Đảo lên đến hơn 4.000 vào tháng 12-1959 rồi giảm dần trong những năm sau do mãn hạn câu lưu và chuyển về các nhà lao trong đất liền. Tháng 10-1962, chỉ còn lại 499 tù chính trị câu lưu (Báo cáo số 429-BQĐ-HC-01 ngày 22-10-1962 của Ban Quản đốc TTCH Côn Sơn).

Trong hơn 10 năm đầu thời Mỹ - ngụy, nhân số tại nhà lao Côn Đảo biến động ở mức trên dưới 4.000 người. Trong lúc số lượng tù chính trị câu lưu giảm dần thì tù án tăng lên một cách đáng kể từ năm 1959. Cũng theo bản báo cáo đã dẫn ngày 22-10-1962, Côn Đảo có 3.415 tù án. Một báo cáo khác, lập ngày 15-5-1962 cho biết rõ thành phần trong tổng số 3.201 phạm nhân mang án như sau:

- Thường phạm: 949 người
- Quân phạm thường án: 172 người
- Quân phạm chính trị: 137 người
- Chính trị phạm: 1.372 người
- Án tử hình: 116 người
- Phá án: 455 người

Từ khi Mỹ - ngụy leo thang, đẩy mạnh chiến tranh, số lượng tù nhân Côn Đảo cũng tăng dần dần đến mức 8.000 vào những năm 1967 - 1969 và gần 10.000 người trong những năm 1970 - 1973. Bản báo cáo đề ngày 15-4-1970 của Trung tâm cải huấn Côn Sơn cho biết nhân số lúc đó là 9.448 người, trong đó có 38 án tử hình.

Giữa năm 1972, sau chiến dịch Quảng Trị, ngụy quyền cho di tản ra Côn Đảo 1.226 người dân Thừa Thiên thuộc diện nghi can cùng 53 cháu bé từ 1 đến 5 tháng tuổi. Một phái đoàn Bộ tư lệnh Cảnh sát quốc gia ngụy được phái đến Côn Đảo để phân loại tù nhân. Phiếu trình số 878-ĐB-E225 ngày 2-6-1972 của Đoàn công tác cho biết, tính đến ngày 27-5-1972, Côn Đảo có 8.441 can phạm, trong đó có 2.924 can phạm cộng sản an trí (không án), 4.237 can phạm thành án, 828 nghi can cộng sản, số còn lại chưa phân loại.

Một bản báo cáo khác do những người tù làm khổ sai tại văn phòng Ban Quản đốc nhà lao Côn Đảo lấy được, gửi qua đường dây đặc biệt đến Ban An ninh Trung ương Cục, nay còn lưu giữ được đã xác định, tính đến 19-3-1973, tổng số tù nhân Côn Đảo là 9.892, phân loại như sau:

- Thường phạm: 274 người
- Quân phạm thường tội: 940 người

- Quân phạm đặc biệt (chính trị): 636 người
- Can phạm đặc biệt (chính trị): 4.020 người
- An trí đặc biệt (chính trị): 3.498 người
- Nghi can: 37 người
- Chưa phân loại: 487 người

Sau nhiều đợt phân loại chuyển tù, 4.075 tù chính trị Côn Đảo đã được trao trả trong danh sách 5.081 nhân viên dân sự toàn miền Nam. Số lượng tù nhân tại nhà lao này được bổ sung và biến động ở mức 8.000 người cho đến ngày giải phóng. Những con số ghi chép trong sổ công tác của đồng chí Trịnh Văn Tư - Bí thư Đảng ủy lâm thời, ngày giải phóng 1-5-1975, Côn Đảo có 7.448 tù nhân, trong đó 3.214 là thường phạm, quân phạm và 4.234 tù chính trị (có 494 phụ nữ).

Trong tháng 5-1975, tàu hải quân đã chuyển trên 4.000 tù chính trị về an dưỡng tại Vũng Tàu rồi đưa về các địa phương, 153 người tình nguyện ở lại theo yêu cầu quân quản, nhiều người còn phục vụ ở Côn Đảo cho đến ngày hôm nay.

MỘT VÀI TRUYỀN THUYẾT VỀ CÔN ĐẢO[1]

1. SỰ TÍCH HÒN CAU VÀ BÃI ĐẦM TRẦU

Vào khoảng cuối thế kỷ XVIII tại làng Cỏ Ống có một gia đình nọ sống bằng nghề chài lưới và làm vườn. Ông làm chức Hương Cau, hai vợ chồng sinh hạ được một cậu con trai đặt tên là Trúc Văn Cau. Lớn lên cậu trai này có tiếng là thông minh, tài hoa nhất làng. Lúc đó trong làng cũng có cô Mai Thị Trầu là con gái duy nhất của ông Đinh và bà Bèo. Trầu là một thiếu nữ mặn mà duyên dáng, theo nghiệp bút nghiên, văn thơ chẳng kém chàng Cau.

Một hôm, nàng Trầu mang giỏ lên rừng bẻ măng bỗng gặp chàng Cau đi thăm bẫy gà rừng, bên cạnh bờ suối Ông Tạ. Cả hai vốn có thiện cảm từ lâu nhưng chưa có cơ hội thuận tiện để tỏ tình luyến ái, mãi đến hôm ấy, tình cờ gặp nhau nơi rừng vắng, chàng Cau mượn một câu ca dao cổ cất lên tiếng hát ướm thử lòng nàng xuân nữ:

"Gặp đây anh mới hỏi nàng
Cau xanh ăn với Trầu vàng xứng không?".

1 Tư liệu sưu tầm của tác giả. Bài đăng trên báo Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nghe Cau khéo lựa một câu có tên chàng và có cả tên mình, nàng Trầu không khỏi bồi hồi xúc động, quả tim vàng như cả mộng yêu đương. Nàng bèn ứng dụng câu đối có hai từ của hai họ Trúc, Mai với giọng oanh vàng hát lên một cách tình tứ để đáp lại tình người quân tử:

"Mai vàng chen với trúc xanh

Duyên em sánh với tình anh tuyệt vời!".

Bốn câu thơ này quả là bức tranh tuyệt tác vì không những hai bên nói lên nỗi lòng thầm kín của mình, về mặt văn chương còn có cái thú chơi chữ rất là tao nhã, hai họ Trúc, Mai của chàng và nàng đối với hai câu Trầu Cau của chàng thành một vế đối rất chỉnh.

Sau khi có cơ hội trao đổi tâm tư thầm kín ấy, rồi mặt nhìn mặt cạn lời non nước, tay nắm tay kết chặt dải tâm đồng, lửa gần rơm lâu ngày cũng bén, sức nào ngăn được sóng biển tình. "Song song như bóng với hình, khi yêu thôi có tiếc mình nữa ai".

Nhưng đây mới chỉ là mối tình thầm lén giữa trai tài, gái sắc chớ nào đã được sự chấp thuận của mẹ cha. Vì cha mẹ của cả hai bên đều chưa hay biết. Một hôm chàng Cau ngỏ lời cùng cha xin cưới nàng Trầu làm vợ, khi thoạt nghe ông Hương Câu liền biến sắc, sau một vài giây nghĩ ngợi, ông Câu bảo với con việc này đáng lẽ cha phải giấu kín mãi trong đáy lòng vì nó liên hệ đến một người khác, cha không có quyền tiết lộ. Nhưng hôm nay nếu cha không nói thật, hai con sẽ lầm lạc: nàng Trầu tiếng bên ngoài là con ông Đinh, nhưng trong thầm kín thì nó là máu thịt của cha, tức là em cùng cha khác mẹ

của con đó, vì trước khi về với ông Đinh, bà Bèo đã mang thai với cha, qua bao lần ái ân thầm vụng. Vừa nghe qua chẳng khác nào sét đánh ngang tai, chàng Cau hết sức đau khổ, xót xa, liền âm thầm bỏ xứ ra đi, thả bè trôi qua một hòn đảo chơi vơi cách làng Cỏ Ống hơn 10 dặm, là nơi được mang tên chàng sau này tức Hòn Cau ngày nay.

Để quên lãng mối tình ngang trái, sau đó ít lâu chàng kết hôn với một nàng sơn nữ áo nâu và suốt đời ở lại bên đó không về. Thảm hại thay cho người cô phụ là nàng Trầu, giữa cơn hương lửa đang nồng nàng đã mang thai, nỗi mừng chưa mãn nguyện thì người yêu bỗng dưng bặt tích vắng tăm. Nàng âm thầm đau khổ với đứa con nàng mang trong lòng và sớm hôm tựa cửa trông chờ ngày sinh nở đứa con ra đời, vẫn chưa thấy bóng chàng về. Đau lòng vì định mệnh quá khắt khe thêm câu chuyện tư thông giữa mẹ nàng và ông Hương Cau bị phát giác, nàng phẫn uất đến cực độ phải trầm mình tự tử kết thúc cuộc đời tủi nhục. Nơi nàng tuyệt mạng là một đầm nước gần bãi biển, do đó ngày nay nơi đó có tên là *Bãi Đầm Trầu*, chỗ thung lũng nơi mà nàng trầm nình ngày nay đã bị cát lấp cây mọc thành rừng không còn thấy nữa nhưng cái tên Bãi Đầm Trầu vẫn còn mãi với thời gian.

Sau chuyện tình bi đát ấy xảy ra, ông Hương Cau thấy cắn rứt lương tâm phải bỏ làng Cỏ Ống lánh sang một bãi bên sau Núi Chúa mà ở. Sau ngày ông qua đời, người ta gọi nơi ấy là *Bãi Ông Câu*. Đồng thời bà Bèo cũng không sống nổi với tiếng bấc tiếng chì trong cảnh

gia đình xào xáo nên bà phải bỏ nhà vô tận trong bưng để sống độc thân, nơi ấy sau này gọi là *Bưng Bèo*. Về sau ông Đinh cũng chẳng kém gì, vì quá thua buồn do chuyện vợ con, ông vào tu trong một hốc núi bên cạnh con đường qua nhà người anh cả là ông Cường. Do đó sau này mới có tên là *Bãi Ông Cường* và *Hốc Ông Đinh*.

Riêng bà Tranh (vợ ông Câu) tuy rất thương chồng và nhớ con song không tội gì phải bỏ đi đâu, bà vẫn ở trong ngôi nhà cũ, vì không có người thừa tự nên sau khi bà mất, dân trong ấp được chia nhau thừa hưởng hoa lợi trong khu vườn cây trái của bà. Để nhớ ơn bà, dân trong ấp lấy tên bà đặt tên cho ấp.

Từ đó, nơi đây được mệnh danh là ấp Trảng Tranh. Đến ngày nay dân làng Cỏ Ống vẫn truyền miệng câu thơ diễn tả nỗi niềm bi đát của mối tình ngang trái giữa chàng Cau và nàng Trầu:

"Đi đâu mà chẳng thấy về
Hay là quấn tía dựa kề áo nâu
Ai về nhắn với ông Câu
Hòn Cau cách bãi Đầm Trầu bao xa?".

2. SỰ TÍCH HÒN TRÁC - HÒN TÀI

Vào hạ tuần tháng 5 năm Ất Dậu (1885) tại tỉnh Thừa Thiên có một cuộc nổi dậy của quân lính, nguyên do là vì tên thống tướng De Courcy vừa từ Pháp mới sang chưa đầy hai tháng, hắn đã dùng mưu mô để bức bách triều đình Huế và đã xâm phạm chủ quyền của Việt Nam. Vua Hàm Nghi cùng các quan phụ chính đại

thần không sao chịu đựng nổi sự đè nén của lũ thực dân tham bạo, nên vua Hàm Nghi xuống Chiếu Cần Vương chống Pháp. Cuộc nổi dậy bùng nổ trong đêm 22-5-1885 (Ất Dậu), nhưng bởi nỗi thế cô, sức kém mặc dù đem tâm can và quyết chí hy sinh để chọi lại với súng đồng vẫn không lại và rút cuộc vua Hàm Nghi phải rời bỏ cung điện đi kháng chiến rồi sau đó bị bắt và bị đày sang Angiêri (thuộc Pháp). Trong đám tùy tùng theo vua Hàm Nghi có hai anh em sinh đôi nhà họ Đặng là Đặng Phong Tài và Đặng Trác Vân cùng ứng lệnh vua đứng lên kháng Pháp. Tài bị bắt và đày ra Côn Đảo vào khoảng mùa đông năm 1889. Chế độ của Pháp lúc đó vẫn còn dễ dãi nên Tài được lấy vợ ở tại làng An Hải. Vợ Tài là một thiếu nữ có tên Đào Minh Nguyệt. Cha của nàng là vị Hương Cả đương nhiệm của làng An Hải và là một nạn nhân của triều đình Huế còn lưu lại. Sau khi gả nàng cho Tài, ông xây dựng cho vợ chồng nàng một khu vườn khá rộng tại ấp An Hội để cho vợ chồng nàng có cơ sinh sống với một cơ đồ biệt lập.

Có một lần ông Tài đi vắng mãi đến mấy hôm sau mới thấy trở về. Theo thói quen như bao lần trước, khi thấy mặt chồng, nàng liền bước ngay đến để được tặng một nụ hôn nồng ấm, nhưng lần này nàng hết sức ngạc nhiên vì chưa kịp làm theo ý định đã bị người đưa tay ra ngăn lại bởi đó là Đặng Trác Vân, em của Đặng Phong Tài vừa từ đất liền mới bị đày ra Côn Đảo, đến để được xin vào ấp và sống chung cùng với anh chị. Khi đó Đào Minh Nguyệt ngẩn người ra song cũng gắng gượng hàn huyên gạn hỏi từ đầu mọi sự. Thì ra từ ngày thoát nạn,

Trác Vân theo về với cụ Phan Đình Phùng tiếp tục cuộc kháng chiến. Thời gian ở trong quân đội của cụ Phan, Trác Vân dưới quyền chỉ huy của Lãnh Thạc. Thạc là một tướng tài giỏi nhất của cụ Phan, Thạc cũng như Trác Vân cả hai đều tài giỏi. Trác Vân được Lãnh Thạc phó thác cho việc theo dõi tên Ngọc suốt mấy năm trường mới hạ được hắn vào ngày 24-12-1893. Sau khi giết được kẻ thù, Thạc vẫn tiếp tục cuộc kháng Pháp dưới sự điều khiển của cụ Phan Đình Phùng. Còn Trác Vân thì tự ý đến cửa quan nạp mình chịu tội và xin được đày ra Côn Đảo để gặp anh.

Giữa lúc kể lể chuyện nhà chuyện nước thì ông Tài về tới, hai anh em mừng mừng, tủi tủi. Trong giây phút trùng phùng hy hữu ấy, Đào Minh Nguyệt chăm chú ngắm nhìn hai chàng một mặt mà lòng riêng những bồi hồi, quả tim vàng xáo động như muốn vỡ làm đôi bởi những cảm giác lạ lùng khó tả. Đối với Tài thì chàng bao giờ cũng là một người chồng đáng kính của nàng, nhưng khi nhìn qua chú Trác Vân thì chàng cũng là mẫu người phong nhã dễ yêu...

Trước tình thế lưỡng long nhất phụng chạnh niềm riêng ấp ủ mộng yêu đương, nửa yêu ai, nửa lại thương chồng, nhưng tình san sẻ tình không thực hiện. Tình tuy đáng trách nhưng lý không nên trách, bởi yêu là yêu chung chứ nào có ai phụ ai. Thế nên khi nhìn thấy chú Trác Vân, Đào Minh Nguyệt mang nặng mối cảm hoài song vì danh tiết nàng không tiện ngỏ lời tâm sự.

Rồi một hôm, ông Tài có việc qua làng Cỏ Ống không rõ vì vô tình hay cố ý mà lớp tuồng nhìn lầm hôn lộn lại

được diễn ra lần nữa. Nhưng Trác Vân vẫn một mực lòng ngay dạ thẳng khiến nàng Nguyệt hết sức ngỡ ngàng vì chủ tâm của nàng muốn đem tấm thân trong ngọc trắng ngà đãi đằng người thiếu thốn tình yêu, để cho Trác cùng được người anh chung hưởng, ngờ đâu Trác lại vô tình bất động, khi đó nàng chẳng còn biết nói gì hơn là viện cớ nhìn lầm để rồi xin lỗi người em.

Tuy nhiên Trác vẫn nhận thấy ẩn tình của người chị dâu lãng mạn, chàng đâm lo ngại, biết đâu một ngày nào đó mình chẳng sa ngã trước một sắc đẹp mê hồn rồi ra lỗi đạo luân thường. Để tránh trước sự việc đáng tiếc đó xảy ra, Trác Vân bèn kết bè trốn sang một hòn đảo nằm phía trước hòn chánh Côn Lôn, ông Tài vì thương em lại tìm sang. Nhưng khi qua đến nơi thì Trác Vân đã tránh sang hòn đảo khác, thành ra hai anh em lại ở hai hòn hòn lớn là hòn Tài, hòn nhỏ là hòn Trác. Thảm thương thay cho số phận nàng Nguyệt giữa lúc tình nồng duyên thắm nàng lại phải sống với cuộc đời cô độc quạnh hiu, trong những chuỗi ngày sầu thương chiếc bóng, còn gì não lòng hơn cái tuổi xuân tàn tạ mỏi mòn khiến nàng:

Thổn thức tình xuân, vò chín khúc
Ngẩn ngơ hồn điệp xót năm canh
Khóc mưa thu tiếng cuốc mỏi mòn...
Sầu nắng hạ mình ve khô héo.

Dưới đây là những câu hát dân ca người địa phương sáng tác để diễn tả tình tiết lâm ly của nàng Nguyệt gặp cảnh éo le:

Ai sang hòn Trác hòn Tài
Cho em xin gởi một vài câu thơ
Đêm sương gió lạnh sao mờ
Trăng khuya chếch bóng vẫn chờ đợi mây
Chừng nào Núi Chúa hết mây
Côn Lôn hết đá dạ này hết thương

Xuyên qua cuộc tình bộ ba của hai anh em nhà họ Đặng và cô Đào Minh Nguyệt ta thấy: Trong tên họ ông Tài có chữ phong (là gió) đệm ở giữa thành ra Đặng Phong Tài. Kế đó tên họ cậu Trác có chữ Vân (là mây) nối bên sau gọi là Đặng Trác Vân. Tên vợ của ông Tài là Đào Minh Nguyệt (có nghĩa là mảnh trăng trong tỏa sáng khắp phương trời)...

Hỡi ôi
Nhớ gió thương mây sầu vạn kiếp
Phòng không lẻ bóng thảm cho ai
Dẫu rằng vật đổi sao dời
Hết tròn lại khuyết muôn đời còn trăng.

3. SỰ TÍCH NÚI CHÚA

Núi Chúa cao 515 m, nằm ở khu vực trung tâm sừng sững như bức tường thành che chắn cho thị trấn Côn Đảo, phía Tây Bắc. Chưa phải là ngọn núi cao nhất, (Núi An Hải cao 575 m) nhưng Núi Chúa gắn với truyền thuyết thời chúa Nguyễn Ánh bôn tẩu ra Côn Đảo.

Năm 1883, bị quân Tây Sơn đánh cho đại bại ở cửa Cần Giờ, Nguyễn Ánh chạy dạt ra Côn Đảo. Sợ vía quân Tây Sơn, Nguyễn Ánh leo tuốt lên núi ở, buộc quân sĩ

phục dịch rất cực khổ. Một viên cận thần đánh bạo khuyên can: *"Tâu chúa công, thần trộm nghĩ dưới đất bằng thiếu chi nơi hiểm trở, tiến dễ công, thoái dễ thủ, sao chúa công không ở mà phải ngự trên núi cao, khiến quân sĩ trăm đường khổ sở"*. Nguyễn Ánh cả giận phán rằng: *"Ta là bậc vương tử, thay trời trị dân, chỉ dời non lấp bể, ta muốn ở đâu thì ở. Các ngươi là phận bầy tôi, phục dịch ta, sao dám quản gian lao"*.

Chẳng bao lâu, quân Tây Sơn đưa chiến thuyền đuổi đến, Nguyễn Ánh tháo chạy ra đảo Thổ Chu, bỏ lại hàng trăm thân quyến, trong đó có vị cận thần nói trên và bà thứ phi đã dám khuyên can Ánh đừng nên "cõng rắn cắn gà nhà". Ngọn núi được mang tên Núi Chúa như một địa danh Chúa ngự, vừa hàm ý chê cười chúa Nguyễn Ánh tham vọng lớn mà khí phách, can trường chẳng có được bao nhiêu.

Trên núi còn dấu tích một bàn cờ khắc trên đá, vừa tầm hai người ngồi chơi, tục truyền do quân sĩ tạo dựng làm nơi vui chơi cho chúa. Năm 1962, Chúa đảo Lê Văn Thể cho quân truy tìm, sửa sang lại bàn cờ, chuẩn bị rước Tổng thống ngụy Ngô Đình Diệm ra thăm vào dịp lễ Noel năm ấy, nhưng cuộc đón tiếp của Thiếu tá Thể không thành. Ngô Đình Diệm bãi bỏ chuyến đi vì phong trào cách mạng miền Nam đang tiến công mạnh mẽ.

4. SỰ TÍCH HÒN BÀ

Hòn Bà nằm kế hòn lớn Côn Đảo, cách nhau một doi nước hẹp, gọi là Họng Đầm, tạo hợp với hòn Côn Đảo

thành vịnh Bến Đầm, nước sâu, kín gió, có thể xây dựng thành hải cảng rất tốt. Hòn Bà có diện tích hơn 5 km², trên đỉnh có một tảng đá dựng, tựa hình vọng phu có người nói rằng, vì thế mà có tên Hòn Bà.

Một cách giải thích khác cho rằng, Hòn Bà do chữ Bến Đầm, Họng Đầm (tiếng Pháp: dame là bà, phụ nữ) mà ra.

Những người dân Côn Đảo lại có cách giải thích riêng, gắn với truyền thuyết về Bà. Theo truyền thuyết Bà là thứ phi của Nguyễn Ánh, tên tục là Nguyễn Thị Răm, được tôn là Phi Yến. Biết Nguyễn Ánh định gửi con Bà là hoàng tử Cải làm con tin để cầu viện binh Pháp, chống quân Tây Sơn, Bà đã lựa lời khuyên:

- Việc chúa công đánh nhau với Tây Sơn nên mộ binh trong xứ. Nếu nhờ ngoại viện, có thắng cũng chẳng vẻ vang gì, mà thiếp e có nhiều chuyện rắc rối về sau.

Nổi giận vì trái ý, Nguyễn Ánh ghép Bà vào tội thông đồng với Tây Sơn. Nhờ các cận thần can gián, Bà khỏi tội chém, nhưng bị giam vào hang núi trên hòn đảo nhỏ, nay mang tên Hòn Bà. Vừa lúc quân Tây Sơn đuổi tới nơi, Ánh cùng đám cận thần lên thuyền chạy. Hoàng tử Cải không thấy mẹ, khóc lóc thảm thiết. Nguyễn Ánh dứt tình, cho rằng hoàng tử đồng lòng phản trắc với mẹ nên sai quẳng cậu bé vô tội xuống biển. Xác cậu trôi dạt vào Cỏ Ống, được dân làng an táng và lập miếu thờ cậu. Dân làng Cỏ Ống cho người sang Hòn Bà đón Bà Phi Yến về phụng dưỡng.

5. MIẾU BÀ VÀ CHÙA AN HẢI

Ở Bến Đầm, gần Họng Đầm, đối diện với Hòn Bà, có miếu Bà được dựng nên để ghi công người phụ nữ can đảm dám can chúa Nguyễn Ánh đừng "Công rắn cắn gà nhà". Sau khi Phi Yến chết, ngôi chùa thờ Bà được dựng nên tại làng An Hải, gần trung tâm thị trấn Côn Đảo. Việc xây ngôi chùa thờ Bà tại An Hải có một lý do lịch sử.

Rằm tháng bảy năm Ất Hợi (1875), Ban Hương chức làng An Hải cử đại diện qua làng Cỏ Ống thỉnh Bà về dự lễ xá tội vong nhân. Buổi lễ kéo dài đến khuya, sau đó Bà nghỉ đêm trong nhà việc tại làng An Hải để ngày hôm sau về Cỏ Ống. Năm ấy Bà 24 tuổi, dung nhan còn lộng lẫy. Trong làng có tên đồ tể, tên là Biện Thi đem lòng tà dục, mò vào cấm phòng nắm lấy tay Bà. Nghe tiếng Bà tri hô, dân làng kéo đến đóng gông tên Biện Thi chờ ngày xử tội. Tủi phận mình, Bà đã chặt đứt cánh tay bị xâm phạm rồi quyên sinh giữ vẹn danh tiết.

Tên Biện Thi được giải về làng Cỏ Ống xử tội chết. Dân làng An Hải lập miếu thờ, tạ tội với Bà, hàng năm cúng kiếng, có đủ mặt giới chức và dân làng Cỏ Ống. Từ khi Pháp chiếm Côn Đảo lập nhà tù, thường dân bị đưa về đất liền.

Ngôi miếu cổ uy nghi đã hoang tàn, xiêu vẹo. Năm 1958, những công chức trên đảo đã xin phép nhà cầm quyền, quyên góp tiền bạc và huy động sức tù xây lại ngôi chùa trên vị trí của tòa miếu cổ. Bài vị thờ Bà đặt tại ngôi chính điện, với đôi câu đối:

Mẫu nghi xưng hậu ấm côn bang

Thánh đắc phối thiên an hải quốc.

Hai bên tả - hữu thờ hoàng tử Cải và quan đô đốc Ngọc Lân, người đã can gián chúa Nguyễn, xin Bà khỏi tội chết khi Ánh khép Bà vào tội thông đồng với Tây Sơn. Trên hàng cột trước cửa chùa được khắc nổi đôi câu đối của một tù chính trị để tặng người Nữ Trung Hào Kiệt:

Trung nghĩa gián quân thiên cổ chiếu

Tiết hạnh quyên sinh vạn đại truyền.

PHẦN THỨ HAI

NHÀ TÙ CÔN ĐẢO DƯỚI THỜI THỰC DÂN PHÁP (1862 - 1954)

CUỘC BẠO ĐỘNG VƯỢT NGỤC CỦA TÙ NHÂN TẠI HẢI ĐĂNG BẢY CẠNH NGÀY 27-8-1883[1]

Hải Đăng Bảy Cạnh như con mắt của Côn Đảo, lung linh và huyền ảo giữa đại dương. Giống như nhiều ngọn hải đăng khác, Hải Đăng Bảy Cạnh được xây dựng trên một ngọn núi, với tầm nhìn rộng mở và ngọn đèn cần mẫn, chớp sáng suốt đêm, làm bạn với người đi biển.

Có một chút khác biệt, đó là suốt một thời, kể từ khi xây dựng, Hải Đăng Bảy Cạnh gắn với lịch sử đau thương và kiên cường của Côn Đảo. Một trong những dấu ấn lớn là cuộc nổi dậy của tù nhân trong thời điểm xây dựng Hải Đăng Bảy Cạnh, ngày 27-8-1883.

Hải Đăng Bảy Cạnh là một trong những ngọn hải đăng được định hình từ rất sớm. Ngay từ khi hoạch định việc đánh chiếm Côn Đảo, Đô đốc Bonard đã nhận được chỉ thị từ Bộ trưởng Hải quân Pháp về tầm quan trọng của quần đảo Côn Lôn, như một pháo đài quan sát cần phải chiếm ngay lập tức, và xây dựng ngay tại đây một ngọn hải đăng. Bởi vậy, ngay sau khi đánh chiếm Côn Đảo (28-11-1861), Đô đốc Bonard đã cử người khảo sát và dựng tạm ngọn hải đăng trên một ngọn đồi phía Bắc thung lũng Cỏ Ống, vào tháng 1 năm 1862.

1 Tập san *Thông tin Khoa học Lịch sử Bà Rịa - Vũng Tàu*, số 7-2004.

Ít lâu sau, ngọn Hải Đăng Côn Đảo được chuyển đến một mỏm núi phía Đông hòn Bảy Cạnh, với độ cao và tầm chiếu sáng ưu thế hơn. Kể từ ấy, ngọn Hải Đăng ở Côn Đảo được gọi là Hải Đăng Bảy Cạnh.

Bảy Cạnh là hòn đảo lớn thứ hai trong quần đảo này, cách đảo lớn 7 km về phía Đông Nam, diện tích 5.500 km^2. Vào thời điểm ấy, ngoài đảo chính (hòn Côn Lôn lớn) là nơi giam giữ tù nhân thì đây là hòn đảo thứ hai tập trung tù nhân, được sử dụng lao động khổ sai vào việc xây dựng Hải Đăng. Đây cũng là tiền đề cho cuộc bạo động, vượt ngục chấn động thời bấy giờ. Để hình dung về cuộc vượt ngục này, có thể điểm qua tình hình Côn Đảo khi đó.

- Dưới thời các chúa Nguyễn, Côn Đảo do đội Hoàng Sa kiêm quản.

- Tháng 11-1686, Công ty Đông - Ấn của Pháp phái Véret tới điều tra tình hình Côn Đảo.

- Năm 1687, Công ty Đông - Ấn của Anh cử Williams Dampier tới vẽ bản đồ Côn Đảo.

- Năm 1702, Công ty Đông - Ấn của Anh chiếm Côn Đảo xây dựng pháo đài. Đêm 3-2-1705, những người lính Macátxa đã nổi dậy tiêu diệt bọn chủ người Anh.

- Tháng 6-1783, bị quân Tây Sơn đánh đại bại ở Cần Giờ, Nguyễn Ánh trốn chạy sang đảo Côn Lôn, đem theo hơn 100 gia đình thuộc hạ, lập nên ba làng An Hải, An Hội và Cỏ Ống, tính kế phục thù.

- 10 giờ sáng ngày 28-11-1861, thực dân Pháp đánh chiếm Côn Đảo.

- Ngày 1-2-1862, Đô đốc Bonard ký quyết định thành lập nhà tù ở Côn Đảo. Trung úy hải quân Félix Rousel -

Phó Hạm trưởng được cử làm Quản đốc đầu tiên của nhà tù. Cho đến thời điểm nổ ra cuộc bạo động Bảy Cạnh, có 14 đời Quản đốc kế vị.

Bocquet là đời chúa đảo thứ 15, cầm quyền tại Côn Đảo từ năm 1882 đến 1884. Trong thời gian này, số tù nhân dao động ở mức 800 người, dưới sự kiểm soát của 1 Giám thị trưởng, 2 Giám thị hạng nhất, 3 Giám thị hạng nhì, 2 Giám thị hạng 3 và 4 lính tagan. Lực lượng phòng thủ Côn Đảo gồm một phân đội lính thủy đánh bộ (tương đương trung đội) và một chi đội lính tập bản xứ (1 viên đội hạng nhất, 2 viên đội hạng nhì và 63 lính) được huy động chi viện khi cần thiết, nhất là khi đưa tù nhân lao động khổ sai bên ngoài trại với số lượng lớn.

Việc xây dựng kiên cố hải đăng đã được chuẩn bị trong nhiều năm. Tại một thung lũng phía Bắc, dưới chân hòn Bảy Cạnh, Quản đốc nhà tù đã cho xây dựng một nhà kho đựng vật liệu và thuốc nổ, một nhà ở cho Giám thị, binh lính và một trại tạm giam dành cho tù nhân.

Tháng 7-1883, Quản đốc Bocquet đưa 150 tù nhân qua dọn mặt bằng xây dựng Hải Đăng Bảy Cạnh. Phụ trách việc xây dựng hải đăng là Jules Pièrre Dulong - Kiểm định viên công chính. Phụ tá cho Dulong là đốc công Bidault. Việc kiểm soát tù nhân do Giám thị Gaston Cabilic phụ trách với sự trợ giúp của 22 lính tập.

Công việc của tù nhân ở đây là phá đá, san mặt bằng, xẻ gỗ, chuyển vật liệu lên ngọn núi cao hơn trăm thước để xây hải đăng. Đây là công việc hết sức nặng nhọc. Bản tường trình ngày 6-9-1883 của Quản đốc Bocquet mô tả tình hình lao dịch của tù nhân ở Bảy Cạnh như sau:

"Các tù nhân phơi mình suốt ngày ngoài mưa nắng để xây mặt bằng hải đăng. Từ sáu tuần nay, họ không hề được nghỉ ngơi. Chủ nhật cũng như ngày thường, họ làm việc từ 5 giờ sáng đến 11 giờ và từ 1 giờ rưỡi đến 6 giờ. Tên nào ca cẩm, mệt lả hoặc bị bệnh xin được nghỉ đi nhà thương đều bị ông Dulong đánh bằng roi mây... Việc san mặt bằng hải đăng tiến triển rất chậm. Đến nay chỉ mới dọn được 5.000 m^3 đá trong số 17.000 m^3 dự tính. Còn những 12.000 m^3 phải đánh mìn để bắt tay vào việc dựng hải đăng. Lại còn phải mở một con đường leo lên đỉnh, vì cho đến nay vẫn chỉ có một lối mòn, tù nhân vừa trèo vừa bám rất cực nhọc".

Theo nhận định của Bocquet, trong nhiều nguyên nhân dẫn đến cuộc nổi dậy thì nguyên nhân trực tiếp chính là nạn lao dịch khủng khiếp của tù nhân tại công trường xây dựng Hải Đăng Bảy Cạnh. Bản tường trình của Quản đốc Bocquet cho biết chi tiết cuộc nổi dậy như sau:

Sáng thứ hai, ngày 27-8-1883, vào lúc 4 giờ 45 phút, Dulong đến báo cho Giám thị Cabillic mở cửa trại giam đưa tù nhân lên hải đăng làm việc. Tù nhân ra khỏi trại giam, sắp thành hai hàng, đối diện với hàng lính đứng dọc theo trại. Điểm danh xong, viên xếp báo cáo với Cabillic rằng tù nhân đã đủ mặt.

Ngay lúc đó, một người tù tên là Duong hô lên: *"Các cha!"*. Thế là tất cả tù nhân nhất loạt hô to đáp lại và xông tới hàng lính đứng cách chúng khoảng 2 mét. Cuộc xung đột diễn ra trong nháy mắt, 15 trong số 17 lính bị tước súng. Bọn lính bỏ chạy lên núi theo nhiều ngả, mặc cho tù nhân tung hoành.

Chiếm được những khẩu súng đầu tiên, một tốp tù nhân xông đến tiến công Giám thị Cabillic. Cabillic chống trả quyết liệt cho đến khi té xuống đống đá và tắt thở. Tù nhân kéo đến nhà kho cướp buồm và mái chèo của chiếc xuồng và chiếc ca nô cứu nạn.

Kiểm định viên công chính Dulong và Đốc công Bidaut cũng chống cự quyết liệt tại căn nhà dành cho giám thị. Tường vách ngôi nhà xây khá kiên cố, tù nhân dùng rìu phá cửa. Dulong và Bidaut dùng súng ngắn bắn vào tốp tù nhân đang xông tới. Tù nhân liền kéo đến kho thuốc súng, phá cửa, lôi ra một két lớn đựng thuốc nổ mìn, rải quanh nhà và trong chốc lát ngọn lửa đã bao trùm.

Bidaut và Dulong cùng Vo Van Luong chạy ra khỏi nhà, mỗi người lăm lăm một khẩu súng lục trong tay và một súng săn, vừa đi vừa bắn mở đường, tiến về phía bến tàu với hy vọng đoạt lại chiếc ca nô từ tay tù nhân để giải thoát. Dulong bị đập chết tại chỗ, còn Bidaut thì bị lưỡi lê đâm trúng ngực, bất tỉnh. Vo Van Luong khôn ngoan hơn, đã đào thoát trong khi tù nhân đối phó với Bidaut và Dulong.

Lực lượng tù nhân nổi dậy sắp xếp người xuống thuyền trong trật tự. Chiếc xuồng và ca nô cứu hộ chỉ đủ chỗ cho 60 người. Họ mang theo 15 khẩu súng "mousqueton" cướp được của lính, 3 khẩu súng lục của Bidaut, Dulong và Cabillic, 2 khẩu súng săn của Bidaut và Dulong cùng một két thuốc nổ mìn của Sở Lục lộ. Bản tường trình của Quản đốc Bocquet xác nhận không có sự tranh giành giữa những người được chỉ định xuống thuyền và những người ở lại. Những người ở lại tản vào núi...

Khoảng 6 giờ sáng, khi 60 tù nhân nổi dậy đã vượt biển ra khơi thì tại Đảo Lớn mới nhận được tín hiệu đầu tiên, có một ánh lửa xuất hiện ở mũi phía Nam hòn Bảy Cạnh, tín hiệu về một sự bất trắc trên hòn đảo này.

Khoảng 8 giờ, ánh lửa thứ hai xuất hiện ở eo biển Bảy Cạnh. Biết là có chuyện chẳng lành, Bocquet điều lính, cùng bác sĩ Jouenne và quan hai chỉ huy đồn binh xuống ca nô qua Hòn Bảy Cạnh, tận mắt chứng kiến quy mô của thảm họa.

Dulong và Cabillic đều đã chết, Bidaut còn hấp hối được băng bó và chở ngay về Đảo Lớn. Hiện trạng nhà ở và các cơ sở phụ, nhà kho của Sở Lục lộ chỉ còn là một đống tro tàn. Tài sản duy nhất còn vớt vát được là những bao ximăng trị giá hơn 15.000 frs...

Chiếc xà lúp được huy động truy đuổi tốp tù nhân vượt ngục. Những tù nhân còn lại được đưa về nhà giam trên đảo lớn. Đến 17 giờ chiều, chiếc xà lúp trở về Bảy Cạnh sau khi đã chạy hơn 15 dặm lên phía Bắc nhưng không phát hiện được dấu hiệu nào ở chân trời.

Phân tích những nhân tố khác nhau gây nên "thảm họa Bảy Cạnh", Bocquet đổ lỗi cho thái độ tồi tệ của bọn lính tập (người bản xứ); đổ lỗi cho Dulong không biết tranh thủ bọn này nên chúng không hăng hái đối phó với tù nhân nổi dậy. Sự cứng rắn gần như tàn nhẫn của Dulong làm cho lính chán nản. Còn Cai ngục Cabillic vốn là một thủy thủ dày dạn kinh nghiệm nhưng lại quá khinh suất, không cảnh giác với mọi bất trắc...

Những nguyên nhân mà Quản đốc Bocquet đưa ra đều là một phần sự thật. Nhưng có một sự thật lớn hơn mà Bocquet không biết hoặc không muốn nhắc tới, đó là

những tù nhân mà chúng coi là "phiến loạn" hầu hết là những người yêu nước, tham gia phong trào kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ, những người không cam chịu thân phận nô lệ và không cam chịu cảnh tù đày. Bất cứ khi nào có cơ hội là họ liên kết, nổi dậy phá ngục, trở về tiếp tục cuộc kháng chiến. Việc điều động tù nhân từ nhà ngục qua làm Hải Đăng Bảy Cạnh là một cơ hội lớn. Khổ sai nặng nhọc quá sức và sự tàn bạo của bọn gác ngục, đốc công càng củng cố thêm quyết tâm chiến đấu, tự giải phóng của những người tù. Ngày 22-8, Dốc công Bidaut đưa từ Đảo Lớn đến Bảy Cạnh một chiếc ca nô cứu nạn loại lớn có sức chở được 40 người đã tạo thêm phương tiện và cơ hội cho họ trở về đất liền, thôi thúc cuộc bạo động sớm nổ ra và giành thắng lợi.

Thắng lợi của cuộc nổi dậy trên Hòn Bảy Cạnh đã làm cho thực dân Pháp rất hoang mang. Báo chí Pháp gọi cuộc khởi nghĩa ở Hòn Bảy Cạnh là "cuộc cách mạng ở Côn Đảo". Pháp phải tăng cường thêm một trung đội thủy quân lục chiến ra bảo vệ việc xây dựng Hải Đăng Bảy Cạnh, Quản đốc Bocquet bị khiển trách. Tháng 5 năm 1884, Hải Đăng Côn Đảo mới xây xong.

Tường trình của Quản đốc Bocquet cho biết nhà tù đã áp dụng những biện pháp trừng phạt. Ngoài 60 người tù trốn thoát bị kết tội vắng mặt, còn 63 người tù khác bị cáo buộc có tham dự đã đặt trong chế độ giam giữ nghiêm ngặt, chịu hình phạt, tùy theo mức độ nặng nhẹ...

Sau cuộc nổi dậy 1883, chế độ nhà tù được siết chặt hơn. Theo quy chế mới được ban hành năm 1889, Giám ngục Pháp được quyền bắn vào tù nhân khi cần thiết; việc quản lý tàu thuyền trên đảo càng thêm chặt chẽ;

hình phạt đối với tù nhân nặng thêm; khu kỷ luật Trại giam số I hình thành... nhưng vẫn không dập tắt được ý chí đấu tranh của những người yêu nước. Các cuộc đấu tranh, bạo động, vượt ngục vẫn liên tiếp xảy ra.

Và ngay tại Hải Đăng Bảy Cạnh, hơn nửa thế kỷ sau, một cuộc bạo động chiếm pha, vượt ngục thành công đã xảy ra, khi sửa chữa và nâng cấp ngọn hải đăng này. Một lần nữa, những người tù kháng chiến lại giành toàn thắng.

Nhưng đó là cả một câu chuyện dài, sẽ được giới thiệu trong một dịp sắp tới.

SỰ CHUYỂN BIẾN TƯ TƯỞNG CỦA ĐỘI NGŨ SĨ PHU YÊU NƯỚC BỊ ĐÀY RA CÔN ĐẢO SAU CUỘC VẬN ĐỘNG DUY TÂN VÀ CHỐNG THUẾ Ở TRUNG KỲ (1908)[1]

1. TỪ DUY TÂN, CHỐNG THUẾ ĐẾN NHÀ TÙ CÔN ĐẢO

Từ khi nổ ra vụ chống thuế Trung Kỳ, chính quyền thực dân đàn áp quyết liệt các phong trào yêu nước. Hàng trăm người chết dưới lưỡi lê, họng súng, ngay trong cuộc nổi dậy chống thuế. Không kể đến hàng ngàn người bị bắt, tù đày ở các nhà lao các tỉnh, hầu hết các sĩ phu yêu nước, lãnh tụ các phong trào Duy Tân, Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, Chống thuế Trung Kỳ lần lượt bị đày ra Côn Đảo, gần trăm sĩ phu yêu nước, hầu hết là lãnh tụ phong trào với những gương mặt tiêu biểu như: Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Thành, Trần Cao Vân, Phạm Cao Chẩm, Ngô Đức Kế, Đặng Nguyên Cẩn, Lê Văn Huân, Dương Bá Trạc, Nguyễn Quyền, Lê Đại, Võ Hoành,...

Dù thuộc phái quân chủ hay dân chủ, dù chủ trương bạo động hay bất bạo động, tất cả đều bị đàn áp, người chết dưới lưỡi gươm, làn đạn, người lâm vòng lao lý, người

1 Bài tham dự Hội thảo khoa học kỷ niệm 100 năm phong trào Duy Tân và Chống thuế Trung Kỳ do Khoa Lịch sử trường ĐH KHXH & NV - ĐHQG TP. Hồ Chí Minh tổ chức, tháng 10-2008.

bị đày ra đến Côn Lôn, một "địa ngục trần gian" rùng rợn. Đây là một tổn thất lớn cho phong trào, đồng thời cũng ghi dấu ấn đậm nét trong cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước. Điều đó khiến cho các sĩ phu yêu nước đều phải suy ngẫm, suy ngẫm ngay trong nhà tù đế quốc. Phải chịu đựng chế độ lao tù rất khắc nghiệt, phải giữ vững chí khí của bậc sĩ phu, phải ngẫm lại tất cả những việc đã qua, và tìm ra đâu là hướng đi cho dân tộc thoát cảnh nô lệ.

Chuyên khảo này giới thiệu những khuynh hướng cơ bản về sự chuyển biến tư tưởng của các sĩ phu yêu nước sau sự biến chống thuế Trung Kỳ, được thể hiện qua văn thơ, bút ký và hoạt động thực tiễn, đấu tranh trong tù cũng như sau khi được trả tự do.

Từ khi các sĩ phu yêu nước bị đày ra Côn Đảo, trong hoạt động và tranh đấu của tù nhân đã xuất hiện những nét mới, trước hết là sự ra đời của "***Thi đàn Côn Đảo***".

2. THI ĐÀN CÔN ĐẢO - CHÍ KHÍ CỨU NƯỚC CỦA CÁC SĨ PHU

Vào thời điểm đó, thực dân Pháp vẫn chưa áp dụng chế độ tù chính trị trong các nhà tù ở Đông Dương. Các sĩ phu yêu nước vẫn phải làm khổ sai như tù thường. Án nặng[1] thì phải đập đá trong banh. Án nhẹ hơn thì đi làm rẫy, đốn củi, dọn tàu,... Đó là một thử thách nghiệt ngã đối với các nhà khoa bảng mà trước đó, cả một đời chỉ biết có bút nghiên[2].

1 Từ 20 năm đến chung thân khổ sai

2 Cụ Huỳnh Thúc Kháng, trong *Thi tù tùng thoại* cho biết: "*Lúc chúng tôi ra đảo có dọn tàu hai lần, rất là tệ mê bãi hoải, rước lấy vô số là roi! Đám quan to duy có hai ông Phong Thử và Ngô Xá là vác nổi bao lúa nặng 60 kg, còn bao nhiêu đều quỵ liệt cả, đến 2 người cũng không rề nổi... Có đánh cũng chỉ nằm quay ra đó mà chịu, không làm nổi việc*". Huỳnh Thúc Kháng, *Thi tù tùng thoại*, Nxb Nam Cường, Sài Gòn, trang 65.

Nhưng còn một thử thách lớn hơn luôn khiến các cụ day dứt là gánh nặng về tinh thần. Cho đến thời điểm này, mọi con đường cứu nước mà các cụ đang theo đuổi đều rơi vào ngõ cụt. Nhiệm vụ quan trọng nhất đặt ra lúc này là phải giữ vững chí khí cứu nước, và từ đó mà tìm kiếm giải pháp, mưu nghiệp lớn. Các cụ tập hợp quanh "Thi đàn Côn Đảo", bắt đầu là giãi bày nỗi niềm, bày tỏ chí hướng, xướng họa cùng nhau, tìm mối đồng cảm, chung lo "Quốc sự". Người được các sĩ phu đánh giá là đứng hàng đầu trên thi đàn là nhà khoa bảng Phan Chu Trinh. Từ kinh đô Huế, trên đường đi đày ra Côn Đảo, Phan Chu Trinh đã ứng khẩu bài tứ tuyệt nổi tiếng "*Xuất đô môn tác*" (Huỳnh Thúc Kháng dịch như sau):

Xiềng gông cà kệ biệt đô môn,
Khẳng khái ngâm nga lưỡi vẫn còn,
Đất nước dấm chìm nòi giống mỏn,
Thân trai nào sợ cái Côn Lôn![1].

Khi các cụ Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Nguyên Cẩn, Ngô Đức Kế cùng hàng chục thân sĩ Bắc, Trung, Nam bị đày ra Côn Đảo thì cụ Phan đã được đưa ra giam riêng ở Sở rẫy An Hải, cụ gửi thư động viên các bạn chiến đấu: "*Thoạt nghe anh em ra đây, dậm chân than trời một tiếng, đoạn tự nghĩ: anh em vì quốc dân mà hy sinh đến phải ra đây, chắc có trăm điều vui mà không chút gì buồn. Đây là trường học thiên nhiên, mùi cay đắng trong ấy, làm trai giữa thế kỷ XX này không thể không nếm cho biết...* "[2].

1 Huỳnh Thúc Kháng *Thi tù tùng thoại*, Nxb Nam Cường, Sài Gòn, trang 12.

2 Huỳnh Thúc Kháng, sách đã dẫn, tr. 42.

Phan Chu Trinh còn làm thơ động viên các bạn tù:

Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn
Lừng lẫy làm cho lở núi non
Xách búa đánh tan dăm bảy đống
Ra tay đập bể mấy trăm hòn
Thảng ngày bao quản thân sành sỏi
Mưa nắng chi sờn dạ sắt son
Những kẻ vá trời khi lỡ bước
Gian nan nào xá sự con con.

(Đập đá ở Côn Lôn)

Thi đàn Côn Đảo trở thành sinh hoạt thường nhật của các sĩ phu yêu nước sau mỗi ngày lao động khổ sai, khi nhận được tin thắng trận của nghĩa quân Hoàng Hoa Thám tại Phồn Xương, mừng vui đưa tiễn một người bạn tù mãn án, xót thương vĩnh biệt một người bạn xấu số vừa vùi xác ở đảo hoang, gửi gắm cho nhau niềm tin, nuôi dưỡng chí khí cứu nước,...

Tháng 8-1911, kỷ niệm 3 năm ngày bị đày ra Côn Đảo, cụ Huỳnh Thúc Kháng cùng một số sĩ phu yêu nước khởi xướng thi đàn, lấy 7 chữ "ngày này năm ngoái đến Côn Lôn" làm đề mục. Thi đàn Côn Đảo đã nở rộ, mỗi người đều làm thơ, cùng xướng họa. Bài thơ của cụ Huỳnh Thúc Kháng được nhiều người tâm đắc (DỊCH):

Ngày này năm ngoái đến Côn Lôn
Cay đắng mùi tù cứ nuốt ngon
Thềm gạch ban ngày đan chiếu lác
Kể phên chiều tối học bài con
Gió đưa thu đến sầu thêm bội
Cây trải đông qua trái vẫn còn

Chót núi nơi nào dung tớ đứng
Ngắm xem bể Á lớp triều dồn[1].

Các cụ: Ngô Đức Kế, Đặng Nguyên Cẩn, Tiểu La Nguyễn Thành cũng đều là những cây bút xuất sắc của Thi đàn Côn Đảo. Ngô Đức Kế đậu Tiến sĩ năm 1901, tham gia thành lập Triêu Dương thương quán ở Vinh, chủ bút tờ *Hữu Thanh* và sáng lập *Giác Quần thư xã*, bị bắt và đày ra Côn Đảo 13 năm (1908 - 1921). Ông được cụ Huỳnh Thúc Kháng đánh giá là một ngôi sao sáng của Thi đàn Côn Đảo, để lại nhiều vần thơ đầy khí tiết:

Bút chả xong, gươm cũng dở dang
Mười năm nín tiếng chốn cùng hoang
Non sông hun đúc người sau đấy
Cầu nguyện thường đêm cứ đốt nhang.

Nguyễn Thành còn gọi là Nguyễn Hàm, hiệu Tiểu La, từng tham gia phong trào Cần vương, giữ chức Tán tương quân vụ, giữ vai trò liên lạc giữa Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng. Tại ngục tù, ông thường nói với đồng chí của mình: "*Thời cuộc xoay vần, cơ hội tốt sẽ đến. Guồng máy Đông Á sau này còn biến đổi. Anh em hãy gắng lên*" và để lại nhiều vần thơ chứa chan nỗi niềm về thế sự:

Một việc chưa thành tóc nhuộm mầu
Non sông ngoảnh lại thẹn mày râu
Vá trời thiếu sức bàn nghe dễ
Cứu thế không tài tránh ở đâu
Cuộc biến ngại gì mây đổi sắc
Tình người e nỗi sóng thêm sâu

1 Huỳnh Thúc Kháng, sách đã dẫn, tr. 110.

Mở toang hai mắt trông trời đất
Ngẫm thử mười năm vẫn thế ru[1].

Thơ ca xướng họa trong tù đề cập đến nhiều chủ đề, nhưng nhiều hơn cả vẫn là nỗi lòng thương bạn, nhớ quê, trăn trở trong nỗi đau mất nước, bày tỏ cốt cách và tâm sự riêng, chung, ngưỡng mộ những tấm gương dũng liệt vì sự nghiệp cứu nước. Cụ Huỳnh Thúc Kháng đã ghi lại trong *Thi tù tùng thoại*, ca ngợi sức mạnh di dưỡng tinh thần của những vần thơ được cất lên giữa chốn lao tù: *"Đến cảnh tù, trăm điều tự do không còn một chút gì, đến cả cái xu xác cũng không phải của mình, chỉ lựa có một chút tự chủ về tinh thần mà muốn an ủi cho tinh thần thì thi văn lại là món ăn tu dưỡng tinh thần, đã không phương hại gì mà lại có sự bổ ích rất rõ ràng. Trong trường học thiên nhiên 13 năm (1908 - 1921) cả bọn đồng thời với tôi, cả thân sĩ cho đến người dân, kẻ chết không nói, người còn mà được tha về, vẫn giữ được tấm lòng không thay đổi. Biết đâu không nhờ món nuôi tinh thần đầm thấm đó mà không tự biết (...). Thi cùng mà sau mới hay, cái đó không dám chắc. Song thi văn có thể làm món nuôi tinh thần trong cảnh cùng thì chính tôi là một người đã nhờ món quà ấy mà nuôi tinh thần được sống đến ngày nay"*[2].

3. NUÔI CHÍ PHỤC VIỆT

Thi đàn Côn Đảo tưởng chừng đại diện cho khuynh hướng ôn hòa lại ấp ủ một chí khí cứu nước thường trực trong tâm trí các sĩ phu yêu nước. Dưới hình thức xướng

1 Nguyễn Q. Thắng - Nguyễn Bá Thế, *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nxb Văn hóa, 1999, tr. 633.

2 Huỳnh Thúc Kháng, *Thi tù tùng thoại*, Sđd, tr. 272.

họa, bình thơ, ngâm vịnh, "Thi đàn Côn Đảo" trở thành những buổi sinh hoạt chính trị, đánh giá lại quá trình hoạt động, phác thảo con đường tiếp tục đấu tranh giải phóng dân tộc. Nhiều cuộc tranh luận về duy tâm - duy vật, về quân chủ - dân chủ kéo dài, trở thành diễn đàn chính trị của các sĩ phu yêu nước trong tù, sinh hoạt thường xuyên, nhiều khi gay gắt, nhất là khi đụng đến những vấn đề chủ thuyết, duy vật, duy tâm, vận nước, mệnh trời,.... Qua ***Thi tù tùng thoại*** của Huỳnh Thúc Kháng, có thể thấy được những nét phác họa về cuộc tranh luận về chủ thuyết của các sĩ phu yêu nước trong tù:

- **Tú tài Phạm Văn Ngôn (Tùng Nham)** *là người thủy chung, chỉ chuyên một mặt thiết huyết* (thiết huyết = sắt và máu; thiết huyết chủ nghĩa = trường phái dùng võ lực để chống quân địch và giữ trật tự trong nước = chỉ những người theo khuynh hướng bạo động)[1].

- **Cụ Phan Chu Trinh** vẫn tâm đắc một cách sâu sắc với thuyết "Dân quyền"[2].

- **Cụ Đặng Nguyên Cẩn (Thái Sơn)** thường có những phản ứng gay gắt khi phái cựu nho đưa ra thuyết mệnh trời, từng tranh luận nảy lửa với nhà nho thủ cựu Đặng Văn Bá (Nghiêu Giảng) về thuyết lý - số.

- **Đặng Văn Bá (Nghiêu Giảng)** *"có tánh mê tín di truyền và cố chấp thành kiến" mỗi khi nghe anh em nói chuyện khoa học, triết học, cùng các học thuyết Âu - Tây thì không muốn nghe, mà xem ý không lấy làm phải. Đến khi bàn dịch lý, nói số học mà có ai kích bác thì Đặng*

1 Huỳnh Thúc Kháng, *Thi tù tùng thoại*, Sđd, tr. 137.

2 Huỳnh Thúc Kháng, *Thi tù tùng thoại*, Sđd, tr. 128.

quân khăng khăng kiên chấp, cho mình là phải, đáo để, không chịu khuất, rõ là một nhà "chân thủ cựu" vậy [1].

- **Nguyễn Quyền** (1869 - 1941) *ưa bàn chủ nghĩa, thường dùng việc y dược ví với việc nước, chia bạn đồng tội và tân đảng trong nước thành 3 phái: phái ôn hòa; phái bài ngoại; phái ỷ Pháp*[2],... Qua các cuộc tranh luận, mỗi người đều tự chiêm nghiệm, tìm lấy sự đồng cảm từ những người cùng chủ thuyết, củng cố niềm tin, kiên trì dấn thân vào con đường cứu nước với ý chí quyết tâm tìm kiếm con đường mới, xây dựng tổ chức mới. Các cuộc tranh luận cũng chưa ngã ngũ khi bình chọn một con đường hoạt động cứu nước sau khi ra tù, nhưng đã manh nha hình thành trong ý tưởng một tổ chức yêu nước mới mang tên Phục hưng Việt Nam (thường gọi tắt là Phục Việt hoặc Hưng Nam) mà các sáng lập viên là Lê Văn Huân, Nguyễn Đình Kiên, Ngô Đức Kế, Trần Hoành và Cử Ngò với khuynh hướng hoạt động như sau:

- Nghiên cứu về các nguyên nhân thất bại của các hoạt động trước đó;

- Liên lạc với Phan Bội Châu và các đồng chí ở Trung Quốc;

- Khi ra tù sẽ tuyên truyền vận động, xây dựng tổ chức Phục Việt[3].

---

1 Huỳnh Thúc Kháng, *Thi tù tùng thoại*, Sđd, tr 147.

3 Huỳnh Thúc Kháng, *Thi tù tùng thoại*, Nxb Nam Cường, Sài Gòn, trang 122. Nguyễn Quyền quê ở làng Thượng Trì, huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh, từng làm huấn đạo Lạng Sơn. Ông là sáng lập viên và giám học trường Đông Kinh Nghĩa Thục. Ông bị đày ra Côn Đảo vào khoảng tháng 2-1909 cùng với Lê Đại, Võ Hoành... với án chung thân (cùng Lê Đại, Võ Hoành; Dương Bá Trạc án 7 năm). Ra tù, Nguyễn Quyền bị an trí ở Bến Tre, sau về Sa Đéc và mất ở đó.

1 *Đấu tranh của các chiến sĩ yêu nước và cách mạng ở nhà tù Côn Đảo 1862 - 1975* - Đề tài cấp Bộ của Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Bản thảo đã nghiệm thu, trang 37.

Một số thành viên hăng hái trong nhóm Phục Việt đã vượt ngục về xây dựng tổ chức. Tháng 8-1917, Nguyễn Đình Kiên (Tú Kiên), Trần Hoành (Cửu Cai) và Phạm Kim Đài cùng 3 tù thường phạm ở Nam Kỳ tổ chức kết bè vượt ngục. Sau nhiều ngày lênh đênh trên biển, bè dạt vào tỉnh Bình Thuận. Ba người chia làm 2 ngả: Trần Hoành (Cửu Cai) vào Nam Kỳ, Nguyễn Đình Kiên (Tú Kiên) và Phạm Kim Đài đi ra miền Trung, tìm đường sang Trung Quốc để gặp Phan Bội Châu, mưu lập Hội Phục Việt. Trần Hoành giả dạng làm thầy dạy học, lúc giả làm người buôn trầm, quế ở các tỉnh Nam Kỳ, rồi bị bắt, giải về Trung Kỳ, đày trở lại Côn Đảo. Nguyễn Đình Kiên (Tú Kiên) qua Trung Quốc tìm Phan Bội Châu và bị bắt tại Thượng Hải, đày ra đảo sau Trần Hoành vài tháng.

Trong khi ấy, Lê Văn Huân và Cử Ngò được trả lại tự do. Sau mấy năm vận động và chuẩn bị, năm 1924 Lê Văn Huân mới gặp được một số thanh niên nhiệt thành. Ngày 14-7-1925, Lê Văn Huân đã cùng Tôn Quang Phiệt, Trần Mộng Bạch, Ngô Đức Diễn đã nhóm họp và quyết định ra mắt Phục Việt[1]. Cũng trong năm 1924, Nguyễn Đình Kiên (Nguyễn Hy Cao, Tú Kiên) được trả tự do. Ông tham gia Hội Phục Việt (sau đổi tên thành Tân Việt cách mạng Đảng) và được cử làm Bí thư Kỳ bộ Nam Kỳ của Tân Việt cách mạng Đảng[2].

1 Sau đó phát triển thêm Trần Phú, Hoàng Đức Thi. Trần Phú giới thiệu Lê Duy Điếm; Tôn Quang Phiệt giới thiệu Ngô Đức Trì; Trần Mộng Bạch giới thiệu Phan Kiêm Huy, Trần Văn Tạng; Ngô Đức Diễn giới thiệu Hà Huy Tập; Lê Văn Huân mời được Cử Ngò và Nguyễn Trác.

2 *Nhà tù Côn Đảo 1862 - 1975*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, trang 96.

4. TIẾP TỤC CON ĐƯỜNG BẠO ĐỘNG, CHỐNG PHÁP

Bạo động, giết gác ngục, cướp tàu về đất liền, tiếp tục tham gia các cuộc khởi nghĩa khi đó vẫn là khuynh hướng chủ đạo trong phong trào đấu tranh của phần lớn tù nhân Côn Đảo trong nửa cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Lớp tù Quốc sự bị đày ra Côn Đảo đầu thế kỷ XX gồm đủ các khuynh hướng chính trị, tham gia rất nhiều phong trào, từ Duy Tân, Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, Chống thuế Trung Kỳ, Hà thành đầu độc,... Có một số người tiếp tục cổ vũ cho khuynh hướng đấu tranh bạo động trong tù. Cụ Huỳnh Thúc Kháng đã khắc họa chân dung tú tài Nguyễn Văn Ngôn, một trong những đại diện của khuynh hướng bạo động như sau: *Nguyễn Tùng Nham tên Văn Ngôn, người Nghệ (dùng ra là Hà Tĩnh, khi đó thường gọi chung là Nghệ - Tĩnh hoặc xứ Nghệ), bạn chí thiết của Hải Côn[1] tiên sinh (Đặng Thái Thân), tánh khảng khái, có phong thái kiếm hiệp đời xưa, mà học cũng uyên súc, văn rất cứng cỏi. Văn hào võ hiệp, một tay gồm cả hai bên, trong bọn đồng thời rất là xuất sắc, mà cả nhà Tùng Nham lại hy sanh vì việc nước (...). Tùng Nham là người thủy chung, chỉ chuyên một mặt thiết huyết (bạo động)*[2].

Sau khi tú tài Nguyễn Văn Ngôn (Tùng Nham) bỏ mình nơi Côn Đảo, những gương mặt tiêu biểu cho khuynh hướng

1 Đặng Thái Thân - Ngư Hải, Ngư Ông, 1874 - 1910, quê làng Hải Côn, tỉnh Nghệ An. Năm 1904 cùng Phan Bội Châu lập Hội Duy Tân, đề xướng Đông Du, cùng Tiểu La Nguyễn Thành lo việc bố trí người xuất dương. Năm 1908, bị truy lùng, rút vào núi tạm lánh. Năm 1910, bị bọn phản bội chỉ điểm, giặc Pháp bao bắt khi ông về hoạt động tại làng Nghi Kim, Nghi Lộc. Ông bắn chết tên tay sai Một Độ và tự sát, thủ tiêu hết tài liệu. NVLS-142.

2 Huỳnh Thúc Kháng, *Thi tù tùng thoại*, Nxb Nam Cường, Sài Gòn, trang 137.

bạo động còn lại là Trần Cao Vân, Nguyễn Sụy và Phạm Cao Chẩm. Trần Cao Vân tên thật là Trần Công Thọ, sinh năm 1866, tại làng Tư Phú, tổng Đa Hòa, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam[1]. Năm 1892, ông vào hoạt động ở Bình Định, Phú Yên, làm cố vấn cho cuộc khởi nghĩa của Võ Trứ, bị bắt giam nhiều lần tại nhà lao hai tỉnh này. Bị kết tội xúi dân phiến loạn, ông lại bị đưa về giam tại Quảng Nam. Năm 1908, sau vụ chống thuế Trung Kỳ, ông bị đày ra Côn Đảo, đến năm 1914 mới được thả. Ông tham gia tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Nam, cùng Thái Phiên liên lạc với vua Duy Tân xúc tiến cuộc khởi nghĩa.

Nguyễn Sụy và Phạm Cao Chẩm đều quê ở Quảng Ngãi. Phạm Cao Chẩm (1872 - 1918) đỗ tú tài Hán học, một trong những yếu nhân của Hội Duy Tân ở Quảng Ngãi[2]. Ông bị bắt và đày ra Côn Đảo sau vụ chống thuế Trung Kỳ,... Sau khi mãn hạn tù, ông và Nguyễn Sụy tham gia cuộc khởi nghĩa Duy Tân (1916). Nguyễn Sụy bị sát hại cùng Trần Cao Vân và Thái Phiên.

Phạm Cao Chẩm bị đày ra Côn Đảo lần thứ 2. Tháng 2-1918, Phạm Cao Chẩm cùng Nguyễn Trọng Thạc (con trai Nguyễn Thiện Thuật) lãnh đạo cuộc nổi dậy, phá khám, giết gác ngục ngày 14-2-1918 của khám tù chung thân ở Banh I. Quản đốc nhà tù Andouard trực tiếp chỉ huy cuộc đàn áp, xả súng vào những người nổi dậy, giết

1 Lúc đi học lấy tên là Trần Cao Đệ, đi tu lấy pháp danh là Như Ý, hoạt động cách mạng đổi tên là Trần Cao Vân, biệt hiệu là Hồng Việt, Chánh Minh, Bạch Sĩ.

2 Thành lập năm 1906, do Lê Đình Cẩn làm Hội chủ, ông được Hội cử cùng Từ Hữu Lập ra Hà Nội tiếp xúc với Lương Văn Can, Nguyễn Quyền để học tập kinh nghiệm Đông Kinh Nghĩa Thục,... Trở về Quảng Ngãi, các ông mang theo nhiều tài liệu rồi nghiên cứu và biên soạn lại cho phù hợp để giảng dạy, nâng cao dân trí, thức tỉnh lòng yêu nước của đồng bào.

chết hơn 80 tù nhân, trong đó có Nguyễn Trọng Thạc và Phạm Cao Chẩm[1].

Mặc dù không cùng chủ kiến với khuynh hướng võ trang bạo động thuần túy (thiết huyết), phần lớn các nhà khoa bảng đều kính cẩn nghiêng mình trước tấm gương dũng liệt, xả thân cứu nước của Trần Cao Vân, Nguyễn Sụy, Phạm Cao Chẩm.

5. MỌI CON ĐƯỜNG CỨU NƯỚC ĐỀU QUI VỀ ĐỘC LẬP TỰ DO DÂN TỘC

Trong quá trình chuyển biến về tư tưởng, cụ Huỳnh Thúc Kháng là một trường hợp đặc biệt. Huỳnh Thúc Kháng[2], sinh năm 1876 tại thôn Thanh Bình, tổng Tiên Giáng Thượng, huyện Tiên Phước, phủ Tam Kỳ (nay là xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam). Thuở nhỏ nổi tiếng là người học giỏi, từng được tôn vinh là "Tam hùng", "Tứ hùng", "Ngũ hổ" của tỉnh Quảng Nam; đỗ Giải Nguyên (khoa Canh Tý). Năm 1904 (29 tuổi), đậu Tiến sĩ Hán học tại Thừa Thiên Huế, không ra làm quan. Cũng từ đó, cụ bắt đầu học chữ quốc ngữ cùng với ông Trần Quý Cáp, Phan Chu Trinh và phát động phong trào Duy Tân ở Quảng Nam, Trung Kỳ, sau đó lan ra cả nước. Cụ bị đày ra Côn Đảo năm 1908, đến năm 1921 được tha. Mười ba năm ở tù, cụ Huỳnh Thúc Kháng vẫn không nao núng tinh thần, cùng cụ Ngô Đức Kế và một

1 Nhà tù Côn Đảo 1862 - 1975, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, trang 92. Vụ thám sát dã man do Andouard chỉ huy đã bị báo chí Sài Gòn và Pháp lên án mạnh mẽ khiến hắn phải ra hầu tòa vào ngày 1-10-1918 nhưng rút cuộc viên Chúa đảo gian ác vẫn được tha bổng và trở lại nhiệm sở tại Côn Đảo. Ngày 3-12-1919, Andouard đã phải đền tội. Một tù nhân tên là Sửu Nhỏ đã dùng súng lục hạ sát tên Quản đốc khát máu ngay tại phòng làm việc của hắn.

2 Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947), tên thật: Huỳnh Hanh; tự: Đới Sanh; hiệu: Minh Viên; bút danh: Sử Bình Tử, Xà Túc Tử, Ngu Sơn, Chuông Mai, Hải Âu, Thôn dân Tha Sơn Thạch.

vài người nữa học tiếng Pháp qua từ điển Pháp - Việt của Trương Vĩnh Ký.

Ra tù, cụ Huỳnh ứng cử vào Viện Dân biểu Trung Kỳ (1925), nhằm đấu tranh công khai cho quyền lợi đồng bào. Cụ được bầu làm Viện trưởng (1926 - 1928). Qua thực tế nghị trường, các đề nghị của cụ như: tự do mở trường học, giảm bớt các thứ thuế, bãi bỏ những hình luật hà khắc,... đều bị bọn thực dân cự tuyệt thẳng thừng. Nhận thấy ý tưởng dùng cánh cửa nghị trường để đấu tranh cho độc lập tự do chỉ là ảo tưởng, cụ từ chức Viện trưởng, rút khỏi nghị trường, chuyển qua làm báo.

Báo ***Tiếng Dân*** - tờ báo Quốc ngữ đầu tiên ở Trung Kỳ do Huỳnh Thúc Kháng làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút ra mắt bạn đọc ngày 10-8-1927. Gần 16 năm tồn tại, Báo *Tiếng Dân* là cơ quan phản ánh tiếng nói của dân, bênh vực quyền lợi chính đáng của dân. Báo *Tiếng Dân* là một trong những cơ quan ngôn luận có uy tín hàng đầu ở miền Trung và cả nước. Những bài viết của cụ Huỳnh với nhiều bút danh, nhiều thể loại đã khôn khéo lách qua chiếc áo kiểm duyệt khắc nghiệt của chính quyền thực dân, góp phần truyền bá tư tưởng tiến bộ, chống nạn cường hào, ác bá ở nông thôn, giáo dục lòng yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, tố cáo tội ác của bọn thực dân, phong kiến. Báo *Tiếng Dân* đã tập hợp được đông đảo các nhà trí thức Tân học và Nho học; trong đó, có nhiều người cộng sản có tên tuổi sau này như: Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Diểu, Hải Triều...

Khi phát xít Nhật làm đảo chính lật đổ thực dân Pháp, chúng âm mưu lôi kéo Huỳnh Thúc Kháng tham gia chính phủ bù nhìn nhưng cụ đã khôn khéo từ chối.

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Nhận lời mời của Hồ Chủ tịch, cụ Huỳnh tham gia Chính phủ Liên hiệp, giữ chức vụ Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Pháp dự Hội nghị Fontainebleau, cụ Huỳnh được giao trọng trách quyền Chủ tịch nước. Với cương vị nguyên thủ quốc gia, cụ Huỳnh đã vận dụng lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh **"Dĩ bất biến ứng vạn biến"**, dẹp yên vụ phản loạn của Quốc dân đảng ở phố Ôn Như Hầu, trấn áp bọn tay sai núp bóng quân Tàu Tưởng, thu phục nhân tâm, nâng cao uy tín của Chính phủ Liên hiệp kháng chiến, giữ vững nền độc lập trong tình thế "ngàn cân treo sợi tóc".

Cuối năm 1946, cụ là đặc phái viên của Chính phủ tại Liên khu 5. Tháng 3-1947, cụ đi kinh lý các tỉnh miền Trung và lâm trọng bệnh. Biết không qua khỏi, cụ gởi Hồ Chủ tịch những lời hết sức cảm động: *"Tôi bệnh nặng chắc không qua khỏi. Bốn mươi năm ôm ấp độc lập và dân chủ, nay nước nhà đã được độc lập, chế độ dân chủ đã được thực hiện, thế là tôi chết hả. Chỉ tiếc không được gặp Cụ lần cuối cùng. Chúc Cụ sống lâu để dìu dắt quốc dân lên đường vinh quang hạnh phúc"*.

Cụ qua đời ngày 21-4-1947[1]. Lễ quốc tang cụ Huỳnh Thúc Kháng được cử hành trọng thể. Ban tổ chức lễ tang đã trang trọng đọc bức điện của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi vào: *"Cụ Huỳnh là người học hành rất rộng, chí khí rất bền, đạo đức rất cao. Vì lòng yêu nước mà Cụ trước*

1 Cụ qua đời tại gia đình chị Võ Thị Tuyết được dùng làm trụ sở của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Trung Bộ ở Chợ Chùa, thôn Phú Bình, xã Hành Phong, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, thọ 71 tuổi. Theo tâm nguyện của cụ, nhân dân đã đưa cụ lên an táng trên đỉnh núi Thiên Ấn, đệ nhất thắng cảnh của Quảng Ngãi - "Thiên Ấn niêm hà".

đây bị bọn thực dân làm tội, đày ra Côn Đảo. Mười mấy năm trường gian nan cực khổ, nhưng lòng son dạ sắt, yêu nước thương nòi của Cụ chẳng những không sờn, mà lại thêm cương quyết.

Cụ Huỳnh là người giàu sang không làm siêu lòng, nghèo khó không làm nản chí, oai vũ không làm sờn gan.

Cả đời cụ Huỳnh không cần danh vị, không cần lợi lộc, không thèm làm giàu.

Cả đời Cụ Huỳnh chỉ phấn đấu cho dân được tự do, nước được độc lập, đến ngày nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập, Chính phủ ta mời Cụ ra. Tuy đã 71 tuổi nhưng Cụ vẫn hăng hái nhận lời, Cụ nói: "Trong lúc phục hưng dân tộc, xây dựng nước nhà thì bất kỳ già, trẻ, trai, gái, ai cũng ra sức phụng sự Tổ quốc.

Cụ Huỳnh tạ thế, nhưng cái chí vì nước, vì nhà của Cụ vẫn luôn sống mạnh mẽ trong lòng hai mươi triệu đồng bào chúng ta".

Bài điếu văn "*Thương tiếc cụ Huỳnh Thúc Kháng*" đầy xúc động của đại diện Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Quảng Ngãi đã kết thúc bằng câu đối đầy ý nghĩa: "*Làm nghệ sĩ không vinh, tù Côn Lôn không nhục, khí tiết cội Tùng trơ mộ gốc. Lãnh Bộ trưởng trọn tài, quyền Chủ tịch trọn đức, tinh anh sao Vĩ chiếu ngàn thu*".

Huỳnh Thúc Kháng là một trường hợp đặc biệt trong sự chuyển hóa về tư tưởng của các sĩ phu yêu nước đầu thế kỷ XX, kể từ sau vụ chống thuế Trung Kỳ. Cụ sát cánh với Phan Chu Trinh, cổ vũ Duy Tân, chấn hưng dân trí, từng học tiếng Pháp, ứng cử Dân biểu Trung Kỳ, đấu tranh nghị trường cho quyền lợi của dân rồi đoạn tuyệt

nghị trường khi biết điều đó chỉ là ảo tưởng, rồi cụ sáng lập báo *Tiếng Dân*, thực hiện đúng tôn chỉ mục đích là: "*Làm đúng như tên Tiếng Dân, thà chết, quyết không để cho cái gì lay chuyển hay lôi kéo đi đường khác*" (...). "*Giữ cái tinh thần phương Đông "quốc hữu" cùng nuôi đám lửa nhiệt thành ái quốc của các nhà tiên thời trong đống tro tàn, không để dứt mất*".

Cụ không theo đường lối bạo động của Phan Bội Châu, nhưng không tỏ thái độ phản đối. Cụ không đứng hẳn về lập trường chuyên chính vô sản, không bài xích các đảng phái "quốc gia", nhưng vì lợi ích quốc gia, cụ vẫn sẵn lòng nhận lời tham gia Chính phủ Liên hiệp. Khi được trao quyền Chủ tịch nước, cụ đã kiên quyết trừng trị bọn phản động núp dưới danh nghĩa "cách mạng quốc gia" mưu toan lật đổ Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, giữ vững nền độc lập cho Tổ quốc, thực hiện dân chủ cho nhân dân.

Lời đánh giá rất cao của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng như lòng kính trọng của toàn thể dân tộc Việt Nam dành cho cụ đã khẳng định con đường cụ chọn là đúng, "*Cả đời cụ Huỳnh không cần danh vị, không cần lợi lộc, không thèm làm giàu. Cả đời Cụ Huỳnh chỉ phấn đấu cho dân được tự do, nước được độc lập (...), Cụ Huỳnh tạ thế, nhưng cái chí vì nước, vì nhà của Cụ vẫn luôn sống mạnh mẽ trong lòng hai mươi triệu đồng bào chúng ta*".

Chủ trương Phục Việt, Hưng Nam của các cụ: Lê Văn Huân, Nguyễn Đình Kiên,... đã đưa một bộ phận sĩ phu yêu nước đến với Tân Việt cách mạng đảng, một trong ba tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam sau này.

Chủ trương bạo động chống Pháp trong mọi hoàn cảnh, khi có thời cơ mà Đặng Thái Thân, Phạm Cao Chấm chủ trương đã tô thắm thêm truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc, để lớp lớp người sau đứng lên chống Pháp, để các sĩ phu yêu nước đương thời suy ngẫm, lựa chọn con đường cứu nước, cứu dân sau này.

Mọi con đường cứu nước đều hướng về mục tiêu giành độc lập dân tộc mà sau này, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã tìm ra và lựa chọn đều bắt đầu từ những trang sử hào hùng một thời kỳ Duy Tân mà lớp sĩ phu yêu nước tiên tiến đầu thế kỷ XX khởi xướng, với những trăn trở, day dứt của cả một thế hệ, để có được sự lựa chọn đúng, sau những thành công, thất bại và biết bao tổn thất, hy sinh.

BIẾN NHÀ TÙ ĐẾ QUỐC THÀNH TRƯỜNG HỌC CÁCH MẠNG[1]

Từ năm 1930, những người cộng sản bị đày ra Côn Đảo ngày càng nhiều. Tù chính trị cộng sản đã hình thành tổ chức, lãnh đạo đấu tranh, biến nhà tù thành trường học cách mạng, thành nơi rèn luyện ý chí và đào tạo đội ngũ cán bộ cho Đảng. Học tập và tự học tập là một trong những nội dung quan trọng được Ban Lãnh đạo các trại tù chính trị quan tâm tổ chức.

Tù chính trị ở Banh II không phải đi làm khổ sai nên anh em sớm có điều kiện tổ chức học tập. Từ năm 1931, bằng trí nhớ của mình, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã chép lại bản *Luận cương chính trị* (10-1930) của Đảng ta để huấn luyện cho anh em.

Nhờ sự giúp đỡ của binh lính, thủy thủ và những công chức tiến bộ ở bưu điện, nhà thương, nhà đèn, những người tù chính trị ở Côn Đảo đã mua được nhiều tác phẩm lý luận của Mác, Ăngghen và Lênin được Nhà xuất bản Xã hội của Đảng Cộng sản Pháp xuất bản lúc đó. Sách được chép ra thành nhiều bản để sử dụng, còn bản gốc được bảo quản rất kỹ trong các "tủ sách" bí mật trong khám. Ban Lãnh đạo tổ chức tóm tắt, lược dịch nhiều tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác như: *Tuyên ngôn*

1 Bài in bản tin *Giáo dục - Khuyến học - Hội Khuyến học* tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, số tháng 11-2007.

của Đảng Cộng sản, Tư bản, Chống Đuyrinh, Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán, Làm gì? Bệnh ấu trĩ tả khuynh trong phong trào cộng sản, Hai sách lược của Đảng xã hội dân chủ, Nguyên lý của chủ nghĩa Lênin, Những vấn đề của chủ nghĩa Lênin v.v... Các cuốn sách *Những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác* của Pơlêkhanốp, *Kinh tế chính trị học* của Lapiđuýt cũng được dịch và biên soạn thành chương trình học tập cho các đối tượng có trình độ khác nhau. Ban Lãnh đạo còn tổ chức một bộ phận chuyên sao chép các tài liệu ra nhiều bản để phục vụ các lớp học và gửi cho Chi bộ Banh I, gửi về đất liền.

Nhóm học lý luận được tổ chức thành các lớp phù hợp với trình độ của từng đối tượng. Lớp học chính trị phổ cập nghiên cứu *Chánh cương, Sách lược vắn tắt và Luận cương chính trị* của Đảng ta. Các vấn đề cơ bản như: *Yêu cầu khách quan của xã hội Việt Nam, tính chất và nhiệm vụ cách mạng, động lực chủ yếu của cách mạng và sách lược đấu tranh* được tù chính trị dành nhiều thời gian thảo luận.

Lớp B học chương trình trung cấp, nghiên cứu các môn triết học và kinh tế chính trị học. Một số đồng chí có trình độ lý luận đã qua các lớp huấn luyện của đồng chí Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu hoặc tốt nghiệp Đại học Phương Đông ở Liên Xô về được chỉ định làm giảng viên. Từng bài học đều được giảng viên nghiên cứu kỹ rồi trình bày trước lớp. Các đề mục và nội dung chính được viết trên nền khám bằng những mẩu san hô hoặc gạch non. Sau mỗi bài giảng, anh em lại thảo luận sôi nổi trong từng nhóm và thảo luận chung trong lớp.

Lớp A học chương trình cao cấp, tập hợp các đồng chí có trình độ văn hóa, lý luận và ngoại ngữ, trong đó có các đồng chí: Bùi Công Trừng, Nguyễn Kim Cương, Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng... Lớp học này không có giảng viên, mọi người cùng nhau nghiên cứu các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin từ nguyên bản tiếng Pháp. Mỗi đồng chí đọc kỹ một tác phẩm rồi trình bày nội dung chủ yếu cho anh em nghe, sau đó mới trình bày kỹ từng chương, từng đoạn, giải nghĩa từng câu, từng ý, trên cơ sở đó mà thảo luận. Những vấn đề về bạo lực cách mạng và chuyên chính vô sản được thảo luận rất sôi nổi. Mỗi bài học còn được liên hệ với quá trình vận động cách mạng ở Việt Nam và rút ra những kinh nghiệm bổ ích.

Cùng với việc học lý luận, tù chính trị ở Banh II còn thảo luận nhiều vấn đề thuộc các lĩnh vực chính trị, kinh tế, triết học, lịch sử, thời sự và văn học nghệ thuật. Cuối năm 1933 có cuộc thảo luận về vụ án Đimitơrốp (Dimitrov).

Năm 1934 có cuộc tranh luận vấn đề Liên Xô vào Hội Quốc Liên (tiền thân Liên Hợp Quốc). Có ý kiến cho rằng, Liên Xô và Hội Quốc Liên sẽ bị thiểu số, rằng Lênin khi còn sống đã từng vạch mặt Hội Quốc Liên... song nhiều ý kiến khác phân tích tình hình lúc này: chủ nghĩa đế quốc đã đi vào con đường phát xít hóa, mâu thuẫn nội bộ chúng tăng lên, vì vậy cần phải lợi dụng diễn đàn này để tuyên truyền chính nghĩa, cô lập bọn hiếu chiến, lập mặt trận rộng rãi đấu tranh cho hòa bình, chống chiến tranh và bảo vệ các nước nhỏ yếu.

Các vấn đề chính trị, triết học được thảo luận hằng ngày, vấn đề gì chưa hiểu rõ thì dừng lại đọc thêm tài

liệu và nghiên cứu sách kinh điển của chủ nghĩa Mác, cố gắng nắm bản chất của vấn đề rồi liên hệ với tình hình thế giới, liên hệ với truyền thống dân tộc Việt Nam và rút ra những bài học kinh nghiệm. Những vấn đề lý luận được anh em dành nhiều thì giờ tranh luận. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ và đồng chí Lê Duẩn thường có những ý kiến phân tích sâu và xác đáng, có sức thuyết phục. Đồng chí Bùi Công Trừng là người thường tranh luận đến cùng, có khi theo đối tượng vào tận nhà cầu để không bỏ dở cuộc tranh luận. Đồng chí Mười Cúc (Nguyễn Văn Linh) cũng là một tấm gương tiêu biểu về tinh thần học tập, phấn đấu vươn lên của tù chính trị ở Côn Đảo. Khi vào tù, đồng chí mới 16 tuổi, nhờ say mê học tập, trong vòng ba tháng, đồng chí đã tham gia dịch thuật các tác phẩm lý luận dưới sự hướng dẫn của các đồng chí: Phạm Văn Đồng, Nguyễn Kim Cương.

Văn học cũng là một bộ môn được anh em tù chính trị đặc biệt quan tâm. Các đồng chí giỏi ngoại ngữ thường đọc, trao đổi ý kiến và thảo luận sôi nổi các tác phẩm văn học có ở Banh II lúc đó, từ các tác phẩm văn học nổi tiếng của Coócnây (Corneille), Môlie (Molière), Vinhi (Alfred de Vigny), Huygô (Victor Hugo), Muyxê (Alfred de Musset), Dola (Émile Zola), Phơrăng (Anatole France), Rôlăng (Romain Rolland), Bácbuýt (Henri Barbusse)... cho đến các tác phẩm văn học Việt Nam lúc đó như: *Đoạn tuyệt* của Nhất Linh, *Cô Tư Thung* của Nguyễn Công Hoan, thơ của Xuân Diệu, Huy Cận, Thế Lữ v.v...

Các môn văn hóa như: lịch sử, địa lý, văn hóa nghệ thuật và ngoại ngữ (tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Trung Quốc) thu hút đông đảo anh em tù chính trị ở mọi trình độ. Giờ tắm nắng, tù chính trị đem tấm bản đồ thế giới

vẽ to bằng chiếc chiếu treo trên gốc cây bàng, rồi ngồi quây quanh nghe các "giáo sư" giảng giải. Bài học về đất nước Liên Xô, về Cách mạng tháng Mười được giảng viên trình bày rất kỹ và được học viên tiếp thu một cách hào hứng, say mê. Lãnh thổ Liên Xô rộng lớn được tô màu đỏ nổi bật trên bản đồ.

Việc học tập văn hóa, lý luận và thưởng thức nghệ thuật ở Côn Đảo ngày càng lôi cuốn nhiều anh em Quốc dân đảng tham gia. Mặc dù các lãnh tụ cực đoan ra sức tuyên truyền xuyên tạc chủ nghĩa cộng sản nhưng phần lớn đảng viên và quần chúng Quốc dân đảng đều nhận thấy những người cộng sản sống có tổ chức, có tình thương và có ý chí học tập, vươn lên, phấn đấu cho lý tưởng cách mạng. Các anh: Trần Xuân Độ, Tưởng Dân Bảo, Nguyễn Đức Chính, Nguyễn Văn Xuân tổ chức một lớp học văn hóa mà thực chất là học chủ nghĩa Mác - Lênin ngay trong khám giam tù chính trị Việt Nam Quốc dân đảng. Anh em học các môn lịch sử, thời sự, ngoại ngữ, bình luận văn học, nghệ thuật và bí mật nghiên cứu sách báo mácxít. Những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin được thảo luận một cách khéo léo dưới dạng phê phán những xu hướng tư tưởng trước Mác, phê phán các quan điểm duy tâm, các quan điểm nghệ thuật vị nghệ thuật lúc đó. Nhiều đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng đã giác ngộ và gia nhập hàng ngũ cộng sản khi hiểu rằng *chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được đất nước khỏi ách thực dân*. Riêng Phạm Tuấn Tài, một lãnh tụ Quốc dân đảng đã nghiên cứu nhiều tác phẩm lý luận của Mác, Ăngghen và Lênin ở Côn Đảo. Với cương vị một người sáng lập ra Quốc dân đảng, anh rất trăn trở, nhiều lần dự thảo cương lĩnh mới của Quốc dân đảng, với

tư tưởng ngày càng xích gần đến chủ nghĩa Mác - Lênin. Khi được ân xá, anh đã tâm tình với những người còn ở lại: *"Quốc dân đảng đã quá thời rồi, các anh em còn chân chính cách mạng nên đi theo con đường cộng sản"*.

Ở Banh I, từ những năm 1931 - 1932, các đồng chí: Nguyễn Hới, Tôn Đức Thắng, Tống Văn Trân... đã huấn luyện cho anh em những vấn đề về tổ chức Đảng, về Công hội đỏ, Nông hội đỏ, Đoàn Thanh niên Phản đế, về cách tổ chức quần chúng, tổ chức biểu tình... Cuối năm 1933, đồng chí Ngô Gia Tự ra làm khổ sai đã tổ chức cho anh em học tập thấu đáo các vấn đề cơ bản của chủ nghĩa cộng sản, về những đặc điểm giai cấp trong xã hội Việt Nam và đường lối, phương pháp lãnh đạo của Đảng ta. Bài giảng của Ngô Gia Tự thường ngắn gọn, dễ nhớ, dễ hiểu, lý lẽ đơn giản mà có sức thuyết phục. Đồng chí thường động viên anh em: *"Phải tranh thủ mọi thời gian để học tập. Bất cứ ở đâu chúng ta cũng hoạt động cho chủ nghĩa cộng sản được"*.

Từ giữa năm 1935, do phong trào đấu tranh của tù chính trị phát triển mạnh, chúa ngục Côn Đảo ra lệnh cấm cố toàn bộ tù chính trị ở Banh I vào dãy khám 6-7-8-9-10. Không phải đi làm khổ sai, *Chi bộ đặc biệt* quyết định tổ chức học tập lý luận một cách có hệ thống cho cán bộ, đảng viên. Đồng chí Trần Văn Giàu được chỉ định làm giảng viên. Giáo trình là những bài giảng của các giáo sư đỏ của Liên Xô và Quốc tế Cộng sản đã "nằm lòng" khi theo học tại trường Đại học Phương Đông (Liên Xô). Giống như chương trình ở Đại học Phương Đông, lớp học Chủ nghĩa Lênin ở Banh I nghiên cứu các vấn đề lý luận cơ bản như:

1. *Tầm quan trọng của lý luận và mối quan hệ hữu cơ giữa chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa Lênin.*
2. *Lý luận Mác - Lênin về cách mạng vô sản.*
3. *Chuyên chính vô sản.*
4. *Đảng Lêninnit của giai cấp vô sản.*
5. *Chiến lược và chiến thuật.*
6. *Vấn đề nông dân.*
7. *Vấn đề dân tộc và thuộc địa.*
8. *Vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô*
9. *Chiến tranh và cách mạng.*

Mỗi bài học đều được giảng viên trình bày một cách có hệ thống, học viên tập trung tinh thần nghe giảng để ghi nhớ. Các đề mục của bài học được viết trên nền khám. Sau khi nghiên cứu, trao đổi nội dung bài học, hội viên nêu ra các vấn đề chưa hiểu để giảng viên giải đáp. Buổi thứ ba, giảng viên nêu câu hỏi để học viên thảo luận. Sau cùng, giảng viên tóm tắt bài học bằng cách phê phán những ý sai, đề cao những ý đúng, nhấn mạnh những vấn đề cơ bản nhất và liên hệ lý luận với thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Nhờ được học tập và rèn luyện trong nhà tù Côn Đảo, khi được mãn hạn tù, được ân xá hay vượt ngục thành công, những người tù chính trị đã góp phần đắc lực khôi phục lại phong trào cách mạng. Có những đồng chí trước kia là công nhân, nông dân mà nay ở tù về diễn thuyết rất hay, biết phân tích tình hình thế giới, tình hình Đông Dương và xu thế cách mạng tất yếu của thời đại làm cho quần chúng khâm phục và tin tưởng.

Nhiều đồng chí đã trở thành những cán bộ lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta trong cao trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936 - 1939) như: Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Quốc Việt, Lê Duẩn, Nguyễn Chí Diểu, Ung Văn Khiêm, Lê Thanh Nghị, Nguyễn Văn Linh, Hà Huy Giáp, Trần Huy Liệu... Đồng chí Nguyễn Văn Cừ được cử vào Ban Thường vụ Trung ương (3-1938) và sau đó giữ chức Tổng Bí thư của Đảng.

Nhiều đồng chí khác sau này cũng trở thành lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá: "*Biến cái rủi thành cái may, các đồng chí của ta đã lợi dụng những ngày tháng ở tù để hội họp và học tập lý luận. Một lần nữa, việc đó chứng tỏ rằng chính sách khủng bố cực kỳ dã man của kẻ thù chẳng những không ngăn trở được bước tiến của cách mạng mà trái lại, nó đã trở nên một thứ lửa thử vàng, nó rèn luyện cho người cách mạng thêm cứng rắn, mà kết quả là cách mạng đã thắng, đế quốc đã thua*"[1].

1 Hồ Chí Minh, *Tuyển tập*, tập II, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1980, tr. 147.

NGÔ GIA TỰ
NGƯỜI LÃNH ĐẠO XUẤT SẮC TRONG NHÀ TÙ CÔN ĐẢO[1]

Đêm 14-5-1933, con tàu Ácmăng Rútxô chở 89 tù cộng sản, trong đó có Ngô Gia Tự ra Côn Đảo[2]. Năm ấy, Côn Đảo có 2.483 tù nhân[3], chừng 1/3 là tù mang án chính trị bị đưa về giam ở Banh II. Ngô Gia Tự mang số tù 9688 cùng những người mang án khổ sai về Banh I. Banh I rộng 12.015 m^2, có 10 khám giam, một khu kỷ luật, có nhà bếp, giếng nước, có sân rộng làm nơi lao động khổ sai cho các đối tượng nguy hiểm không được ra khỏi Banh. Công việc khổ sai của tù nhân "được tổ chức theo kiểu không để cho một tù nhân nào rảnh việc"[4].

Bọn chúa ngục Côn Đảo chia tù khổ sai về các sở, mỗi sở làm một công việc nhất định, như: Sở Củi, Sở Rẫy, Sở Vệ sinh, Sở Thợ hồ, Sở Lưới... Ngô Gia Tự bị đưa vào kíp tù khổ sai làm những việc không nhất định, khi xe củi, xe đá, khi dọn tàu, mò san hô... Kíp tù khổ

1 Kỷ yếu Hội thảo khoa học về đồng chí Ngô Gia Tự - Cuộc đời và sự nghiệp tại Tỉnh ủy Bắc Ninh tháng 6-2003. Bài in trong sách *Ngô Gia Tự - cuộc đời và sự nghiệp*, Tỉnh ủy Bắc Ninh xuất bản tháng 10-2003.

2 Lê Minh, *Người thợ máy Tôn Đức Thắng*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội, 1987, tr 183.

3 Số liệu của Thanh tra thuộc địa Pháp, dẫn theo cuốn Révolutionnaires Viêt-nammienes et pouvoir colonial en Indochine của Daniel Hémery, Frangois Maspéro Paris 1975, tr 185.

4 Qui chế của Quần đảo và nhà ngục Côn Đảo ngày 17-5-1916, Điều 33, Chương VII.

sai này bao giờ cũng tập trung đông nhất, có khi đến vài trăm tù, gọi chung là Sở Chỉ Tồn, hoặc êkíp Chỉ Tồn (équipe la corvée générale, corvées diverses). Tù nhân Sở Chỉ Tồn ở toàn bộ dãy khám 6-7-8-9-10 phía bên trái Banh I, từ cổng nhìn vào, gọi chung là khám Chỉ Tồn. Ở đấy có tù chính trị và tù thường phạm, đủ loại lưu manh, giang hồ, đầu gấu có hạng. Thực dân Pháp coi tất cả là đối tượng nguy hiểm, đày họ ra đây để cách ly với xã hội, bắt làm khổ sai cật lực để "đền tội", cho ăn uống khổ ải và đánh đập thẳng tay để giết dần mòn cả thể xác lẫn ý chí họ. Khi Ngô Gia Tự đến, Banh I đã có Chi bộ Đảng thành lập từ đầu năm 1932, tại khám Chỉ Tồn do Nguyễn Hới là Bí thư.

Chi bộ đang thảo luận vấn đề lãnh đạo cuộc đấu tranh ở nhà tù Côn Đảo. Cuộc thảo luận kéo dài vì Côn Đảo không giống bất cứ nhà tù nào trong đất liền. Ở Hỏa Lò (Hà Nội) hay Khám Lớn (Sài Gòn), đấu tranh bằng hình thức tuyệt thực làm chấn động dư luận, được báo chí đưa tin, đồng chí, đồng bào ủng hộ. Heo hút như ngục Sơn La, 43 tù chính trị chết trong vòng 8 tháng (1933) cũng làm xôn xao dư luận, buộc Công sứ, Toàn quyền Đông Dương phải tìm biện pháp giải quyết. Nhưng cùng thời gian ấy, năm 1933, nhà tù Côn Đảo có 85 tù nhân chết, trong vòng 4 năm, từ năm 1930 đến năm 1934 thực dân Pháp đã giết hại 708 tù nhân tại nhà ngục này[1] mà dư luận không hề hay biết. Côn Đảo biệt lập giữa biển khơi mênh mông, không có dân cư, chỉ có tù nhân, cai ngục và sự đọa đày. Đó là một nhà tù "lý tưởng" mà bọn thực dân đã sớm chọn để có thể khủng bố những người chống

1 Số liệu của thanh tra thuộc địa Pháp, tài liệu đã dẫn, tr 185.

đối chúng một cách man rợ nhất, bất chấp dư luận và luật pháp. Tất cả các yêu sách của tù nhân đều được trả lời bằng đòn roi và hình phạt. Các cuộc bạo động đều bị đàn áp bằng súng máy và lưỡi lê. Có ý kiến cho rằng, ở Côn Đảo không thể đấu tranh bằng hình thức lãn công, bãi công, tuyệt thực được mà chỉ có thể bạo động cướp chính quyền.

Ngô Gia Tự đã từng lãnh đạo nhiều cuộc đấu tranh tại Khám Lớn - Sài Gòn, có những cuộc tuyệt thực hàng trăm người tham gia, có cả phụ nữ, tù vị thành niên và nhiều tù thường phạm (25-12-1932)[1]. Ngô Gia Tự tham gia ngay cuộc tranh luận ở Côn Đảo, khẳng định một cách kiên quyết rằng: "*Phải đấu tranh giành lấy quyền sống, không thể để cho bọn chúa ngục muốn làm gì thì làm!*"[2]. Theo quan điểm của Ngô Gia Tự, đấu tranh trong tù được xác định là một bộ phận trong toàn bộ cuộc đấu tranh cách mạng nhằm chống lại chế độ lao tù hà khắc, bảo vệ sinh mạng, duy trì tinh thần chiến đấu và rèn luyện, đào tạo đội ngũ cán bộ đảng viên.

Cùng với Nguyễn Hới, Ngô Gia Tự viết nhiều bài trên báo *Tiến lên* và *Ý kiến chung* nhấn mạnh rằng: "*Ở Côn Đảo không thể bạo động cướp chính quyền được mà chỉ có thể tập hợp lực lượng, lãnh đạo đấu tranh bằng các hình thức lãn công, bãi công, tuyệt thực đòi cải thiện chế độ lao tù*". Quan điểm này được phần lớn tù cộng sản ở Banh I tán thành và trở thành chủ trương chỉ đạo của Chi bộ. Ngô Gia Tự, bằng những ý kiến xuất sắc trong

1 Báo cáo số 4317 ngày 30-12-1932 của Mật thám Nam Kỳ gửi Thống đốc Nam Kỳ và Giám đốc Tổng nha chính trị và mật vụ Hà Nội. Tài liệu của Cục lưu trữ Trung ương Đảng, khối tài liệu chính quyền cũ, đơn vị bảo quản 186, tờ 17-18.

2 *Nhà tù Côn Đảo 1862 - 1945*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1987, tr 88.

cuộc tranh luận đã chiếm được cảm tình và tín nhiệm của những người tù cộng sản, được cử làm Bí thư Đảng ủy[1]. Nhiệm vụ của Đảng bộ được xác định rõ:

- Lãnh đạo tương tế.

- Lãnh đạo đấu tranh.

- Lãnh đạo học tập và tự học tập.

- Tổng kết kinh nghiệm đấu tranh, biên soạn và dịch thuật tài liệu cho Đảng.

- Tổ chức trốn.

Để tập hợp rộng rãi lực lượng, Đảng ủy đã phát triển "Hội người tù đỏ" do Nguyễn Hới, Tôn Đức Thắng, Tống Văn Trân lập ra từ năm 1930 thành "Hội tù nhân thống nhất", tập hợp được trên 300 hội viên. Mặc dù phần lớn hội viên là tù chính trị, song tôn chỉ, mục đích của Hội vẫn thể hiện tính chất quần chúng rộng rãi:

- Giúp nhau trong lúc đau yếu và trong việc làm (khổ sai).

- Đấu tranh đòi cải thiện sinh hoạt và giảm nhẹ khổ sai.

- Tổ chức học tập văn hóa.

Ngô Gia Tự, Nguyễn Hới, Trần Quang Tặng được bầu vào Ban Lãnh đạo chung toàn đảo. Cuộc đấu tranh đầu tiên đòi giảm nhẹ khổ sai đã nổ ra ở kíp Chí Tôn vào mùa hè năm 1934. Ngô Gia Tự đã thảo luận thật kỹ trong Ban lãnh đạo về mức khổ sai hợp lý cho từng công việc, rồi giao cho Ban đấu tranh ở từng kíp tù, từng sở tù

1 Chi ủy lúc này đóng vai trò của một Đảng ủy, cùng với Ngô Gia Tự, nhiều cán bộ xuất sắc được cử vào Đảng ủy như: Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Nguyễn Chí Diểu, Trần Quang Tặng, Lê Quang Sung cùng các đồng chí trong Chi ủy cũ như: Nguyễn Hới, Tôn Đức Thắng, Tống Văn Trân...

lãnh đạo. Ngô Gia Tự dặn dò anh em rất kỹ về các mục tiêu đấu tranh phải kiên quyết thực hiện bằng được, phải có lý lẽ thuyết phục, tránh manh động để kẻ thù đàn áp.

Giữa năm 1934, Ngô Gia Tự, Trần Quang Tặng, Phạm Hùng, Lê Văn Lương trực tiếp chỉ đạo cuộc đấu tranh ở kíp xe củi, đòi tăng từ 5 người lên 7 người một xe, và giảm chuyến từ 5 xuống 3 chuyến một ngày. Tại bãi củi An Hải, kíp xe củi cử đại diện trình bày yêu sách. Tên gác ngục Ludowic de Lys không nghe, vung roi đánh túi bụi. Theo sự chỉ đạo từ trước, cả kíp tù bỏ việc, vây quanh xe. Chấp hành kỷ luật đấu tranh, không ai rời vị trí. Đánh đập, giằng co, tranh cãi hơn một giờ, bọn gác ngục phải nhượng bộ để 7 người đẩy một xe, kíp tù mới chịu làm việc. Đến một đoạn đường dốc, lấy cớ là đi chậm, bọn gác ngục đánh trả thù. Theo hiệu lệnh chung, tất cả lại bỏ xe hô khẩu hiệu phản đối cho đến khi bọn chúng ngừng đánh đập, anh em mới tiếp tục đi. Lần ấy, ai cũng chuẩn bị tinh thần bị phạt còng, xiềng nhưng không ai bị phạt.

Các kíp chở gạch từ Lò Gạch về xây Banh III, chở thóc từ Cầu Tàu về kho cũng đấu tranh đòi 7 người một xe, 3 chuyến một ngày. Ban Lãnh đạo chỉ định người cầm càng, định tốc độ đi, định từng chặng nghỉ sao cho vừa đúng 2 chuyến là hết buổi sáng, một chuyến là hết buổi chiều, địch đánh là bỏ xe hô khẩu hiệu phản đối. Tư tưởng chỉ đạo lúc ấy: đã đấu tranh là phải kiên quyết đến cùng, bất chấp đòn roi, hình phạt song tuyệt đối không được manh động.

Có cuộc đấu tranh diễn ra đúng vào lúc Chúa đảo Bouvié đi kiểm tra, bọn gác ngục đánh tù như điên như

dại, anh em vẫn lãn công, bỏ việc, chịu thương tích đầy người. Sếp Banh I phải dành cả khám số 10 để giam riêng tù bị thương. Thiếu nhân công, tốc độ xây Banh III chậm lại, chúa ngục, sếp chánh phải điều chỉnh chế độ, để cho tù nhân tự quản công việc bọn gác ngục bớt đánh tù.

Là người lãnh đạo ở cấp cao nhất, Ngô Gia Tự bao giờ cũng đi đầu trong đấu tranh. Ở kíp vận chuyển, anh cầm càng xe. Việc chở đá, chở củi trên núi về có những đoạn xuống dốc quanh co nguy hiểm, chỉ sơ suất một chút là lao vào núi hoặc đổ xuống sườn núi. Trong cả hai trường hợp thì người cầm càng đều bị tai nạn. Anh em thương Ngô Gia Tự, muốn nhận phần việc ấy thay anh, song Ngô Gia Tự thường nói rằng: "*Mình ăn nặng, có chết cũng không sao, các cậu ăn nhẹ, còn có cơ hội về hoạt động cho Đảng*".

Ở Côn Đảo khi ấy vẫn còn chế độ cặp rằng. Bọn gác ngục chọn những tên tù thường phạm lưu manh nhất cho làm cặp rằng để cai quản các kíp tù, sở tù, khám tù. Bọn này tập hợp đám lưu manh "đàn em" làm vệ sĩ để áp bức những người tù khác, buộc họ phải làm việc khổ sai thay cho chúng; đến bữa, có miếng gì ăn thừa chúng mới cho; tối về khám phải đấm bóp và quạt cho chúng ngủ. Ai không nghe, chúng đánh đến thành tật. Nhiều khi chỉ vì một miếng ăn, vì giành nhau chức cặp rằng, chúng đã giết cả một mạng người. Có lần chúng đánh anh Tăng Văn Thiều (tù chính trị) ngất đi khiến tù nhân hết sức phẫn nộ. Không lâu sau, tên Tư Nhỏ, cặp rằng kíp san hô lại đánh Nguyễn Ngọc Cư (tức Trần Cung) trọng thương. Nguyễn Ngọc Cư là tù chính trị từ Sơn La bị đày ra Côn Đảo cuối năm 1933, bị sốt rét, sưng gan, phù thũng, không thể lấy đủ số san hô chúng quy định.

Tối ấy Đảng ủy họp, quyết định trừng trị Tư Nhỏ. Ngô Gia Tự, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Phan Văn Bảy (Bảy Cùi), Vũ Duy Cương... trực tiếp thực hiện quyết định này. Tư Nhỏ bị đánh một trận nhừ tử ngay trong khám. Bọn đàn em sợ không dám can thiệp. Do tù chính trị tổ chức chặt chẽ và có lý lẽ đối đáp với bọn gác ngục nên Tư Nhỏ bị phạt xà lim. Khám Chỉ Tồn bầu ngay Ngô Gia Tự làm cặp rằng. Ngô Gia Tự tổ chức lại công việc của kíp san hô, người khỏe kèm người yếu, người biết làm dạy người chưa biết làm. Nhờ vậy, ngày nào kíp san hô cũng lấy đủ số lượng trước giờ quy định, không ai bị gác ngục đánh, bị bọn tù lưu manh hành hạ nữa. Thời gian chờ con nước lên để chở san hô vào bờ, Ngô Gia Tự cho anh em bắt cá, bắt cua cải thiện. Số san hô dư thừa của những tốp làm giỏi được gom lại để tương trợ cho những tốp làm yếu, hoặc để lại ngoài biển dự phòng cho những ngày hôm sau. Tù thường phạm gọi đó là "Đống san hô cộng sản". Họ thường nói: "*Xem đống san hô cộng sản làm là biết tài của cộng sản*". Tù thường phạm tham gia Hội tù nhân ngày càng nhiều[1], nhiều người sau đó đã trở thành cộng sản, trở về tham gia kháng chiến. Có những người đã hy sinh rất anh dũng như: anh Thắm ở Nhà Bè, anh Kiệm ở Cần Giuộc... Theo sự chỉ đạo của Đảng ủy, các kíp tù, sở tù cũng lần lượt lật đổ chế độ cặp rằng lưu manh, bầu những cặp rằng là tù cộng sản. Kíp nhà bếp cử Đào Gia Lựu làm cặp rằng lo việc cải thiện đời sống cho tù nhân.

Thực hiện chủ trương của Đảng ủy về việc biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng, từ năm 1932,

1 *Nhà tù Côn Đảo 1862 - 1945*, sđd, tr 93.

Nguyễn Hới, Tống Văn Trân... đã huấn luyện cho tù chính trị Banh I những vấn đề về tổ chức Đảng, về Công hội đỏ, Nông hội đỏ, Đoàn Thanh niên Phản đế, về cách tổ chức quần chúng, tổ chức biểu tình v.v...

Cuối năm 1933, Ngô Gia Tự tổ chức cho tù chính trị Banh I học tập thấu đáo các vấn đề của chủ nghĩa cộng sản, những đặc điểm giai cấp trong xã hội Việt Nam, sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản, đường lối và phương pháp cách mạng của Đảng ta. Ngô Gia Tự thường động viên anh em: *"Phải tranh thủ mọi thời gian mà học tập. Bất cứ ở đâu chúng ta cũng hoạt động cho chủ nghĩa cộng sản được"*[1].

Bài giảng của Ngô Gia Tự ngắn gọn, dễ nhớ, dễ hiểu, lý lẽ đơn giản mà có sức thuyết phục. Nhớ lại một lần dự lớp huấn luyện do Ngô Gia Tự tổ chức, đồng chí Lê Văn Lương đã phát biểu: *"Anh giải thích các vấn đề một cách rõ ràng, dễ hiểu, làm cho chúng tôi dễ tiếp thu, dù tất cả chúng tôi đều lần đầu tiên được học lý luận và đường lối cách mạng. Vì vậy chúng tôi đều nghe một cách say mê. Điều làm cho chúng tôi thích thú nhất, thích thú đến mừng rỡ, cảm thấy như người từ trong bóng tối lâu ngày bỗng được ra ánh sáng, ấy là anh nói về nguồn gốc sự đau khổ của người thợ"*[2].

Học lý luận, Ngô Gia Tự nhắc anh em phải biết vận dụng vào thực tiễn, vận dụng ngay vào cuộc đấu tranh trong tù, hoạt động, đấu tranh rồi lại phải tổng kết kinh nghiệm, đưa lý luận ra soi xét. Ai thắc mắc điều gì anh

2 *Nhà tù Côn Đảo 1862 - 1945*, sđd, tr 116.

1 Lê Văn Lương: Nhân ngày thành lập Đảng nhớ anh Ngô Gia Tự, Tạp chí *Lịch sử Đảng* số 1-1990, tr 9.

đều giảng giải cặn kẽ, dù là phút giải lao ngắn giữa bãi san hô hay đêm khuya trên sàn khám lạnh. Sau mỗi bài học, Ngô Gia Tự căn dặn anh em: làm cách mạng phải biết hy sinh, người cách mạng phải vững vàng, kiên định, không bao giờ lùi bước; hoạt động cách mạng có thể vấp váp, sai lầm, có lúc phải đi đường vòng, hoặc phải chịu thất bại tạm thời, khi lâm cảnh ngộ ấy phải bình tĩnh kiểm điểm lại công việc, thành thật tự phê bình, sửa chữa sai lầm để tiếp tục tiến lên. Ngô Gia Tự còn tham gia dịch tài liệu lý luận phục vụ việc học tập.

Khi mới ra, còn ở Banh II ít ngày chờ làm thủ tục và phân loại tu nhân, Ngô Gia Tự đã biên soạn lại tài liệu *Cộng sản sơ giản* và cùng đồng chí Hà Huy Giáp dịch *Tuyên ngôn cộng sản* và một số tác phẩm của Các Mác - Ăngghen.

Trở về hoạt động cách mạng luôn luôn là niềm khát khao của người tù chính trị. Đảng ủy Chi Tồn đã lập Quỹ giải phóng để ủng hộ các cuộc vượt ngục. Bác Tôn Đức Thắng khi ra lái ca nô ở Sở Lưới đã kỳ công làm những hộp thuốc lá khâm xà cừ, những tẩu thuốc lá bằng gỗ găng hoặc thân cây dương nước bán cho các thủy thủ và góp tiền vào Quỹ giải phóng. Sau nhiều chuyến thất bại đau đớn, tháng 4-1934, chuyến vượt ngục của Tống Văn Trân, Vũ Công Phụ, Tạo Gồng... hạ thủy bằng thuyền tại Đá Trắng đã thành công.

Đảng ủy quyết định tổ chức một chuyến vượt ngục thật chu đáo, đưa Ngô Gia Tự và một số cán bộ xuất sắc về hoạt động. Đảng ủy giao cho Tôn Đức Thắng tổ chức chuyến đi này. Bác Tôn đã chọn những tay thợ

lành nghề, đóng thuyền bằng gỗ búng[1]; rộng rãi và chắc chắn. Cùng thời gian đó, từ một nguồn tin mật báo, mật thám Nam Kỳ đã báo cáo Thống đốc Nam Kỳ, đồng thời thông báo cho Giám đốc quần đảo và nhà tù Côn Đảo biết: *"Tù chính trị ở Côn Đảo đã có được mọi thứ cần thiết cho một cuộc chạy trốn đồng loạt. Họ đã có được nhiều bè mảng và thức ăn dự trữ"*[2]. Báo cáo còn cho biết thêm, nguồn tin mà chúng khai thác được có mối liên lạc thường xuyên với những tù nhân của "Vụ án Ngô Gia Tự và đồng bọn".

Ngô Gia Tự, Tôn Đức Thắng và các đồng chí mình không hề biết rằng ngoài bốn bức tường nhà giam, còn có những vòng vây mới đang siết chặt. Cuộc vượt ngục vẫn được chuẩn bị khẩn trương, chu đáo, thận trọng. Tháng 11-1934, gió chướng đã nổi lên. Một buổi chiều tà hẹn trước, Ngô Gia Tự, Tô Chấn, Lê Quang Sung, Nguyễn Văn Hanh, Nguyễn Văn Ó cùng một số người được Đảng ủy chỉ định đã lặng lẽ rời kíp khổ sai lên núi khiêng thuyền hạ thủy. Đêm ấy nhiều sao, biển êm, gió nhẹ, ai cũng hy vọng. Chúa đảo Bouvié tức điên người, tổ chức các toán lính, gác ngục và Sở Tầm nã truy lùng ngay trong đêm. Đích thân hắn xuống Sở Lưới huy động ca nô truy đuổi nhưng chiếc ca nô tự dưng trở chứng từ chiều hôm trước. Người thợ máy Tôn Đức Thắng đã xin lệnh Chủ sở Lentali và dỡ tung máy ra để "tìm bệnh" rồi. Nhận điện tín của Bouvié, Sở Mật thám Nam Kỳ phát lệnh truy nã tù vượt ngục khắp các tỉnh nhưng vô hiệu. Gần một năm sau, mật thám Nam Kỳ báo cho Thống đốc

1 Một loại gỗ rất nổi, có nhiều ở rừng Côn Đảo.

2 Báo cáo số 2107/s ngày 2-7-1934 của Mật thám Nam Kỳ gửi Thống đốc Nam Kỳ. Tài liệu của Cục lưu trữ Trung ương Đảng, đã dẫn, tờ 33-34.

Nam Kỳ nguồn tin mà chúng đang cố công săn đuổi và hy vọng:

"Những người đốn củi trong một khu rừng ở Cà Mau đã tiếp tế lương thực từ khoảng 2 tháng trước đây cho 2 tù khổ sai chạy trốn mà các dấu hiệu phù hợp với nhận dạng của Ngô Gia Tự và Lê Quang Sung"[1]. Bản báo cáo số 5353-s ngày 7-10-1935 đã dẫn trên còn chú thích Ngô Gia Tự là "rất nổi tiếng, trốn tháng 11-1934". Chúng vẫn tiếp tục săn đuổi Ngô Gia Tự.

Các đồng chí ở Côn Đảo cũng mong tin Ngô Gia Tự đến cháy lòng, nhưng tuyệt vô âm tín. Sau ngày cách mạng thành công, nhiều đồng chí, bạn tù còn có dịp đi tìm kiếm Ngô Gia Tự ở tận Malayxia, Inđônêxia, Thái Lan với niềm hy vọng mong manh rằng con thuyền năm xưa đã trôi dạt về nơi ấy.

Cho đến những năm gần đây, những người đồng chí của Ngô Gia Tự mới thật tin rằng anh đã không trở về.

1 Tài liệu của Cục lưu trữ Trung ương Đảng, đã dẫn, tờ 66-67.

NHÂN CÁCH BÁC TÔN[1]

Trong tất cả các lãnh tụ tiền bối của Đảng và Nhà nước ta, có hai người được toàn Đảng, toàn dân tôn kính và mến yêu đến độ từ trẻ tới già đều gọi Người là Bác. Đó là Bác Hồ và Bác Tôn. Mỗi người một tầm vóc, một tính cách, một sự nghiệp, song có lẽ có một điểm chung thật lớn, đó là đức độ lớn, nhân cách lớn. Nhân cách Bác Tôn là một vấn đề thật lớn, tỏa sáng suốt cuộc đời và hoạt động của Bác - tỏa sáng đến tận hôm nay và mai sau. Bài viết dưới đây chỉ đưa ra những nét phác họa ban đầu về nhân cách Bác Tôn trong khoảng 15 năm ở tù Côn Đảo.

1. HẾT LÒNG VÌ LỢI ÍCH TẬP THỂ, CHẤP HÀNH NGHIÊM TÚC SỰ PHÂN CÔNG CỦA TỔ CHỨC, ĐOÀN THỂ

Thuộc vào lớp cộng sản tiền bối, bị đày ra Côn Đảo từ rất sớm (7-1930), Bác Tôn có những đóng góp xuất sắc vào việc tổ chức và lãnh đạo trong tù. Bác Tôn là người khởi xướng thành lập Hội người tù đỏ làm hạt nhân đoàn kết, tập hợp anh em tù nhân, thương yêu giúp đỡ nhau trong cảnh lao tù hà khắc. Anh em đề nghị

1 Tham luận tại Hội thảo khoa học về Chủ tịch Tôn Đức Thắng với cách mạng Việt Nam và quê hương An Giang do Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Tỉnh ủy An Giang tổ chức ngày 15-8-2003 tại An Giang.

Bác làm Hội trưởng. Hội lập quỹ cứu tế, mỗi người góp 1 xu từ tiền lao động khổ sai được lĩnh. Thời Pháp thuộc, theo quy chế, lao động khổ sai được trả công, ngày 3 xu, người tù được lãnh 2 xu, 1 xu ký quỹ, mãn tù mới được lãnh. Bác Tôn đề nghị mỗi người góp 1 xu vào quỹ dùng chung, mua thuốc men, đường sữa, đậu xanh (ở Hợp tác xã tiêu thụ) về cải thiện và cứu tế cho những bạn tù yếu đau, hoạn nạn. Có tập thể, có tổ chức, người tù thấy ấm áp tình người, vững tin hơn để sống và tranh đấu. Anh em tham gia tổ chức ngày càng đông.

Những năm tiếp theo, nhân số nhà tù tăng khá nhanh, trong đó có rất nhiều người là đảng viên cộng sản. Vấn đề đặt ra lúc này là phải thành lập tổ chức Đảng để lãnh đạo đấu tranh. Những người tiên phong vận động thành lập tổ chức Đảng là Nguyễn Hới, Tống Văn Trân Tạ Uyên, Nguyễn Văn Hoan... Rất nhiều ý kiến đồng tình và không đồng tình, phân vân và băn khoăn, có nên không, có được không, có đúng không, Đảng có cho phép không, mình có đủ tư cách đứng ra thành lập tổ chức Đảng trong tù không v.v...

Bác Tôn không nhiều lý luận nhưng Bác cảm nhận được lẽ phải, cảm nhận được chân lý. Sứ mệnh của đảng là tổ chức, lãnh đạo quần chúng làm cách mạng, giành độc lập. Trong tù cũng phải lãnh đạo quần chúng, lãnh đạo đấu tranh. Yêu cầu trước mắt là phải đấu tranh chống chế độ lao tù hà khắc, đòi quyền sống để trở về tiếp tục hoạt động cách mạng. Đảng có yêu cầu, quần chúng có yêu cầu, tất cả mọi người tù, kể cả thường phạm đều có yêu cầu. Phải vì yêu cầu của Đảng, của quần chúng, của tập thể mà tổ chức, lãnh đạo, đấu tranh. Lý lẽ của Bác đơn giản vậy thôi nhưng thuyết phục được nhiều người.

Dường như Bác thuyết phục bằng chính nhân cách của mình hơn là bằng lý lẽ. Bác nói, Bác làm là mọi người tin, tin rằng Bác luôn vì cách mạng, vì lợi ích tập thể, vì tình thương yêu con người thực sự mà làm.

Chi bộ nhà tù đã được thành lập tại Banh I năm 1932 tại khám Chỉ Tồn (dãy khám 6-7-8-9-10) nên thường gọi là Chi bộ Chỉ Tồn. Nguyễn Hới làm Bí thư, Bác Tôn trong Chi ủy. Cuối năm 1933, Chi ủy được bổ sung nhiều cán bộ có năng lực mới bị đày ra đảo như: Ngô Gia Tự, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Nguyễn Chí Diểu, Trần Quang Tặng... Ngô Gia Tự được cử làm Bí thư. Nhiều cơ sở Đảng được phát triển rộng khắp các sở lao động khổ sai. Chi ủy hoạt động như vai trò một Đảng ủy.

Để tập hợp rộng rãi lực lượng, Đảng ủy chỉ đạo cải tổ "Hội người tù đỏ" thành "Hội tù nhân thống nhất". Bác Tôn được cử phụ trách Hội tù nhân. Hội tù nhân tập hợp được trên 300 hội viên. Tù thường phạm tham gia Hội tù nhân ngày càng nhiều, nhiều người sau đó đã trở thành cộng sản, trở về tham gia kháng chiến. Ở cương vị nào Bác Tôn cũng có uy tín, cũng hoàn thành nhiệm vụ mà tập thể giao phó.

Ngoài công việc tham gia chỉ đạo trong Đảng ủy, trực tiếp lãnh đạo Hội tù nhân, Bác Tôn còn trực tiếp đảm nhiệm nhiều công việc cụ thể: giao liên, cứu tế, vận động binh lính Pháp, gác ngục Pháp. Bác nói tiếng Pháp chuẩn, giao thiệp nhiều, biết nhiều chuyện, nhiều binh lính Pháp và cả một số gác ngục Pháp vốn có tiếng là hung bạo cũng phải nể Bác. Trong số binh lính và công chức Pháp ở Côn Đảo, có một số người tham gia Đảng Xã hội Pháp. Bác Tôn đã tranh thủ được sự ủng hộ và nhờ

họ mua giúp sách báo tiến bộ, nhất là các sách kinh điển của Chủ nghĩa Mác - Lênin do Nhà xuất bản Xã hội Pháp ở Paris ấn hành. Đây là nguồn tài liệu quan trọng giúp anh em tù chính trị tổ chức học tập, nghiên cứu lý luận, biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng, đồng thời dịch thuật, lược thuật chuyển về đất liền, cung cấp tài liệu cho Đảng ta.

Khi làm khổ sai ở Sở Tẩy (Sở Vệ sinh), hàng ngày Bác Tôn phải quét dọn trong ngoài khám, dọn thùng cầu, gánh nước cho các khám và các xà lim cấm cố, Bác đảm nhiệm việc liên lạc chủ yếu giữa các khám trong Banh I và liên lạc giữa Banh I và Banh II, từ Banh I đến các sở ngoài, kiêm luôn việc cứu tế, chăm sóc anh em ở xà lim cấm cố. Mỗi khi Bác vào dọn vệ sinh hay gánh nước cho anh em ở xà lim tấm, Bác đã bí mật chuyển vào nhúm muối, trái ớt xanh, đọt bàng non... giúp anh em cầm hơi khi bị phạt "ăn cơm nhạt - uống nước lạnh", kèm theo đó là những thông tin cần thiết cho người tù. Bác Tôn có mặt ở đâu, ở đó ấm áp tình đồng chí, tình bạn, tình người.

2. NGƯỜI CẶP RẰNG CỘNG SẢN ĐẦU TIÊN Ở HẦM XAY LÚA

Cuối năm 1932, do bị lộ trong một ca liên lạc giữa Banh I và Banh II, Bác Tôn bị phạt giam ở Hầm xay lúa. Xay lúa vốn là công việc khổ sai bình thường nhưng bọn chúa ngục Côn Đảo đã biến thành một hình phạt khủng khiếp. Nơi đặt cối xay lúa giống như một khám giam, tường đá dày xây kín ba mặt, nóng như một cái hầm, mặt còn lại đặt song sắt lớn để bọn gác ngục kiểm soát.

Cối xay lúa làm bằng thùng tôn đựng rượu vang, loại 150 lít cưa ra, phải 6 người mới quay nổi một cối. Khi xay lúa, bụi trấu bay mù mịt, nóng bức rất khó chịu. Tù nhân bị đưa vào đây đôi ba tháng là kiệt sức, toét mắt và mang bệnh lao phổi mãn tính.

Thêm vào đó là nạn áp bức của cặp rằng (caporal: cai tù). Thực dân Pháp chọn những tên lưu manh loại "anh chị" làm cặp rằng để tiếp tay cho chúng áp bức bóc lột tù nhân. Bọn này áp bức tù nhân không chỉ trong công việc khổ sai mà cả trong sinh hoạt thường ngày. Trong khám, chỗ nào thoáng mát chúng nằm, có miếng ăn tươi chúng giành, công việc nặng nhọc chúng bắt những người khác làm hết. Cặp rằng ở Hầm xay lúa thường là dữ dằn hơn ở các kíp khác. Hầm xay lúa được mệnh danh là "nhà tù trong nhà tù, địa ngục trong địa ngục". Phạt Hầm xay lúa là hình phạt khủng khiếp nhất lúc đó.

Bác Tôn vào Hầm xay lúa đúng vào lúc bọn lưu manh đang thanh toán lẫn nhau. Cặp rằng Bảy Tốt bị hai tên đàn em đập bể đầu bằng khúc gỗ lim vuông cạnh. Giám thị trưởng Ferandini chỉ định ngay Bác Tôn làm cặp rằng, đẩy Bác vào chỗ chết, hoặc vì tay bọn lưu manh, hoặc không làm được sẽ bị chúng trừng trị.

Trong tình thế khốn cùng, Bác Tôn vẫn nghĩ đến những khả năng tích cực nhất. Bác tổ chức anh em tù chính trị thành hạt nhân, đoàn kết toàn thể tù nhân, không phân biệt tù chính trị hay thường phạm, bố trí lại công việc cho hợp lý, người khỏe thì đứng cối, xay lúa, vác thóc; người yếu hơn thì sàng sảy, đóng bao, chuyển gạo, quét trấu; ai cũng phải làm việc, thay nhau làm những việc nặng nhọc. Công việc xay lúa không còn là nỗi kinh

hoàng của người tù; Hầm xay lúa không còn là nơi để thực dân Pháp thực hiện chính sách "dùng tù trị tù" như trước.

Bác Tôn tổ chức gom gạo rơi vãi nấu cơm cho anh em ăn. Buổi tối, Bác cùng anh em tù chính trị dạy văn hóa cho những người chưa biết chữ. Không khí đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ nhau đã thay thế bạo lực, thù hằn, độc ác. Bác Tôn đã xây dựng được tổ chức Hội tù nhân ở Hầm xay lúa, mà nòng cốt là tù chính trị và một số tù thường phạm đã giác ngộ.

Mô hình cặp rằng cộng sản Tôn Đức Thắng ở Hầm xay lúa đã được Chi bộ nhà tù nhân rộng. Theo chủ trương của Chi bộ, tù chính trị các khám tổ chức lực lượng lật đổ chế độ cặp rằng lưu manh, bầu cặp rằng cộng sản. Ngô Gia Tự được bầu làm cặp rằng khám Chí Tổn (Sở lao động khổ sai làm các công việc nặng nhọc nhưng không cố định); Phạm Hùng làm cặp rằng kíp lấy san hô, Đào Gia Lựu làm cặp rằng kíp nhà bếp...

Đó chính là bước khởi đầu cho việc đoàn kết, tập hợp lực lượng, tổ chức tù nhân thành đội ngũ, chuẩn bị cho một cao trào đấu tranh cải biến chế độ nhà tù trong những năm tiếp theo.

Mãn hạn phạt Hầm xay lúa, Giám thị trưởng Ferandini ngạc nhiên hỏi Bác Tôn: "*Mécanicien*[1]*? Chưa chết hả?*".

Tên giám thị độc ác không thể nào hiểu được vì sao Bác Tôn không chết (không bị bọn lưu manh "anh chị" giết chết), lại càng không biết, không hiểu được rằng Bác

1 Bọn gác ngục Pháp vẫn kính nể gọi Bác Tôn là Mécanicien - Người thợ máy (trước đây Bác làm thợ máy tàu trong hải quân Pháp) thay vì gọi bằng số tù như đối với các tù nhân khác.

đã cùng những người tù chính trị trung kiên cải tạo cả chế độ làm việc ở Hầm xay lúa, xây dựng tổ chức tù nhân ở Hầm xay lúa và khởi đầu cho cả quá trình lật đổ chế độ cặp rằng tay sai - thủ đoạn dùng tù trị tù của thực dân Pháp trên khắp "địa ngục trần gian" Côn Đảo.

Đã có nhiều bài báo, cuốn sách, tham luận đề cao sự kiện này, và kiến giải nguyên nhân thành công là do có sự lãnh đạo của Đảng, có sự đoàn kết nhất trí của anh em tù chính trị, có phương pháp và sách lược cách mạng đúng đắn... Tất cả những nguyên nhân ấy đều có, đều đúng, đúng ở mọi nơi. Nhưng ở đây, ở Hầm xay lúa vào thời điểm ấy, nguyên nhân quan trọng nhất để cảm hóa đám tù thường phạm lưu manh giết người không ghê tay ấy có lẽ trước hết phải kể đến - *Nhân cách Bác Tôn.*

3. NHIỆM VỤ NÀO CŨNG HOÀN THÀNH

Là người lãnh đạo có uy tín, Bác Tôn vẫn tham gia mọi hoạt động theo sự phân công của tổ chức. Làm giao liên, cứu tế, lãnh đạo hội tù, sáng lập chi bộ, làm cặp rằng Hầm xay lúa, ra Sở Lưới lái ca nô, giữ đường dây liên lạc với các đồng chí ở Sài Gòn và các thủy thủ Pháp - Việt, nhận tài liệu và sách báo chuyển vào trong Banh I... Việc gì Bác Tôn cũng hoàn thành xuất sắc.

Bác cần mẫn như một người thợ. Lái ca nô đưa tù nhân Sở Lưới đi đánh cá, Bác lượm từng con cá vụn về kho, lượm tép moi về làm mắm gửi cho anh em trong các khám cấm cố. Kiếm được khúc cây dương nước, Bác gọt thành tẩu thuốc lá kiếm được khúc gỗ găng, Bác chế thành hộp thuốc lá, mài vỏ ốc xà cừ khảm vào. Những vật phẩm thủ công mỹ nghệ độc đáo qua bàn tay người

thợ Tôn Đức Thắng trở thành những món hàng có giá trị, bán lấy tiền góp vào quỹ cứu tế, lúc cần sẽ dùng làm quà tặng cho các thủy thủ đã giúp việc giao liên. Lượm được một mẩu thép, Bác mài giũa, đột thành kim khâu cung cấp cho anh em bạn tù, làm kim máy may, lúc cần sửa máy cho vợ con gác ngục để tranh thủ họ.

Thực hiện chủ trương của Đảng ủy về việc biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng, Bác Tôn đã tổ chức cho tù chính trị Banh I học lý luận một cách bài bản, mời Trần Văn Giàu làm giảng viên, dạy lý luận theo Chương trình Chủ nghĩa Lênin ở Đại học Phương Đông (Liên Xô). Bác Tôn cũng theo học nghiêm túc như một học viên gương mẫu. Lối giảng của Trần Văn Giàu khiến học viên nắm bài rất chắc, học tới đâu nhập tâm tới đó, ngay cả đối với những người mà trình độ văn hóa không cao. Học đến phần Kinh tế chính trị, nhiều anh em không hiểu thế nào là giá trị thặng dư. Từng là công nhân, Bác Tôn đem những ví dụ cụ thể về các kiểu bóc lột của bọn chủ giảng giải cho anh em trong những giờ thảo luận. Trường học sau song sắt này đã đào tạo nên một thế hệ cán bộ có lý luận, trưởng thành trong đấu tranh gian khổ, góp phần làm nên Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 thành công. Đó cũng là trường học cách mạng lớn nhất mà Bác Tôn đã học sau những năm đấu tranh và thử thách trong trường đời.

4. TRUNG TÂM ĐOÀN KẾT, HẾT LÒNG THƯƠNG YÊU CON NGƯỜI

Trở lại thăm Côn Đảo tháng 8-1976, đồng chí Lê Duẩn đã nói chuyện thân mật với cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Côn Đảo. Đồng chí nói nhiều về Bác Tôn:

"Bác Tôn bị tù ở Côn Đảo 17 năm nhưng lúc nào cũng lạc quan yêu đời. Đó là một chiến sĩ cách mạng không bao giờ và không gì lay chuyển được, một con người hết sức nhiệt thành, trung thực, quên mình, nay đã 88 tuổi rồi mà vẫn luôn nhẹ nhàng, thanh thản. Tuổi già vậy mà bác luôn trẻ. Đối với kẻ thù thì bất khuất, đối với anh em mình thì thương yêu vô cùng, có cọng rau, cái kẹo cũng chia sẻ cho nhau. Nay Bác làm Chủ tịch nước, vậy mà tình nghĩa với anh em cùng ở tù ngày trước vẫn như xưa, không khác trước chút nào hết. Đến nay, khi gặp nhau nói chuyện, Bác vẫn yêu cầu chúng tôi phải xưng hô với Bác như khi ở trong tù vậy; xưng hô khác đi là Bác không chịu đâu. Ở trong tù thương yêu nhau, ngọt bùi chia sẻ, gian khổ càng gắn bó. Sau này cũng thế, mãi mãi như thế, không bao giờ khác được. Vậy mà ở nơi khác không phải như thế đâu."

Nhiều người bạn tù cùng thời cũng giữ lại những kỷ niệm rất đẹp về Bác Tôn. Bác Tôn đi tới đâu là đem đến một không khí đoàn kết, tình thương yêu và sự giúp đỡ. Không chỉ là những đọt lá bàng non hay nhúm muối cho người bạn ở xà lim cấm cố, không chỉ là những thùng sách kinh điển của Chủ nghĩa Mác - Lênin để tổ chức nghiên cứu lý luận trong tù, ấn tượng lớn về Bác Tôn là một nhân cách lớn, như một người cầm lái con tàu vững vàng giữa bão táp biển khơi.

Có một người bạn tù cùng thời, xuất thân là trí thức yêu nước, đã bỏ nhiều công tìm đến các tổ chức cách mạng thời ấy: Thanh niên Cao vọng đảng của Nguyễn An Ninh, Việt Nam Quốc dân đảng, Tân Việt cách mạng đảng và cuối cùng đến với Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, nhưng chưa vừa ý với một tổ chức nào, vì

đảng nào cũng còn nhiều thiếu sót, từ đảng viên đến người lãnh đạo, anh có ý đi tìm một tổ chức cách mạng "hoàn thiện hoàn mỹ" hơn. Gặp Bác Tôn trong một cuộc sinh hoạt với Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, anh đem những nhận xét của mình ra tâm sự. Bác Tôn nghe rồi trả lời: *"Tôi đã từng đi tìm tổ chức cách mạng ở trong nước và ngoài nước, tôi cũng thấy rằng không có một đảng nào, từ lãnh đạo đến đảng viên hoàn toàn không có khuyết điểm. Có một điều tôi thấy rõ ràng là trong các đoàn thể cách mạng hiện nay, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là tổ chức yêu nước tập hợp được nhiều thanh niên yêu nước Bắc Trung Nam hơn hết. Vì vậy mà tôi vào tổ chức này. Mỗi người có một cái hay, nhiều người gộp lại sẽ được nhiều cái hay. Tôi sẽ học cái hay của tất cả các đồng chí trong Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Tôi có gì hay, tôi cũng hết sức góp phần cho tổ chức này mạnh hơn, tốt hơn, để biến tổ chức này thành "lý tưởng của mình".*

Chưa dễ gì thay đổi được cách nhìn, trong thời gian sinh hoạt với Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, anh bạn trẻ vẫn bỏ công đi tìm một tổ chức cách mạng "hoàn thiện hoàn mỹ hơn", nhưng rốt cuộc không thành công. Sau này, khi gia nhập Đảng Cộng sản, anh mới tâm sự: *"Quan niệm của tôi lúc đó thật mơ hồ, tôi không nhìn vào thực tế xã hội mà chỉ chạy theo những ảo ảnh "lý tưởng hóa", thành ra lao đao lận đận mãi. Giá hồi đó tôi nghe Anh Hai (Bác Tôn) thì đỡ tốn công vô ích mà công sức của mình đem ra phụng sự cách mạng được sớm hơn và nhiều hơn".*

Trong nhà giam, có đồng chí phạm sai lầm, bị đồng chí khác thành kiến, rất buồn phiền, Bác Tôn biết chuyện,

khuyên: *"Việc thành kiến như vậy, thường là do ấu trĩ của hai bên, nhưng về phía người bị thành kiến nên kiểm điểm xem mình có sai lầm khuyết điểm gì không, hoặc việc làm đúng mà thái độ không tốt khiến cho người ta thành kiến với mình. Về phía anh em, thành kiến với đồng chí là không đúng. Muốn xóa bỏ hết thành kiến chỉ có một cách: nỗ lực hoạt động cho cách mạng với tất cả nhiệt tình của mình. Đồng chí bị thành kiến cũng phải hăng hái làm cách mạng. Đôi ba năm sau, chậm lắm là năm mười năm sau, cả hai bên đều tiến bộ cả; hai bên sẽ đoàn kết thêm hơn và câu chuyện thành kiến trở thành không đáng kể. Đó là một cách có hiệu quả nhất".*

Trong tù, có nhiều lúc Bác Tôn đi đi lại lại, trầm ngâm, suy tư. Có đồng chí hỏi Bác nghĩ gì thì Bác Tôn trả lời: *"Kiểm điểm lại trong đời hoạt động, tôi đã gặp rất nhiều người trong giới lao động, kể cả lao động ngoại quốc, trong đó có nhiều người rất tốt. Vậy mà có người chưa được tôi tuyên truyền gì cả, hoặc có nhưng chưa thấm vào đâu. Có người đã giác ngộ rồi mà tôi chưa tìm mọi cách để giúp đỡ họ trở thành đảng viên tốt. Tôi rất ăn năn, vì như vậy là mình thiếu tinh thần trách nhiệm đối với cách mạng. Xét cho cùng, mình vẫn thiếu một nhiệt tình cách mạng đầy đủ".*

Ở tù, Bác Tôn thích chơi cờ tướng. Đối thủ đi hớ nước nào là được Bác chỉ cho, ai muốn hoãn nước nào cũng được. Phần mình, Bác Tôn suy nghĩ rất kỹ, đi nước nào là chắc nước ấy, không bao giờ hoãn. Thấy Bác rộng lượng, anh em xúm vào một phía, vừa đánh vừa la nhưng Bác không bao giờ nổi nóng. Bác nói: *"Tôi đánh cờ để học tập rèn luyện chứ không phải để ăn thua với anh em. Đời tôi có nhiều lần làm rồi mới biết sai, nói rồi mới biết lỡ.*

Những sai sót ấy không phải do mình kém khôn ngoan mà do thiếu cẩn trọng. Vì vậy, tôi đánh cờ để tập tính thận trọng. Phải tính toán hết nước, nhưng nếu trí thông minh và sức tính toán của mình chỉ đến nước ấy thôi thì đành chịu".

5. BÁC TÔN - NGƯỜI CẦM LÁI VĨ ĐẠI

Nhắc đến Bác Tôn, không ai không quý trọng. Nhưng đề cập đến vai trò của Bác ở Côn Đảo, các cuốn sách, tham luận thường dè dặt ở mức "người cộng sản kiên cường" hay những đánh giá tương đương, đại thể là như vậy. Riêng cụm từ "xuất sắc", hình như chưa ai nói về Bác mà chỉ dành cho các đồng chí: Lê Duẩn, Nguyễn Văn Cừ, Ngô Gia Tự... Có lẽ, như vậy chưa thỏa đáng.

Mỗi một nhân vật lịch sử, trong mỗi hoàn cảnh lịch sử đều có thể lập nên những chiến công xuất sắc mà người khác, ở trong hoàn cảnh khác không làm được. Đồng chí Lê Duẩn, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã từng là những học viên xuất sắc ở những lớp nghiên cứu lý luận tại Banh II. Đồng chí Ngô Gia Tự đã từng thể hiện vai trò xuất sắc trong việc xác định chủ trương, định hướng về tổ chức và lãnh đạo đấu tranh trong tù. Và, Bác Tôn đã thực hiện xuất sắc tất cả những nhiệm vụ mà tập thể, tổ chức giao.

Nhưng trên hết, Bác Tôn là người sáng lập và lãnh đạo Hội tù nhân, sáng lập và lãnh đạo Đảng bộ Côn Đảo, cùng với các đồng chí: Nguyễn Hới, Ngô Gia Tự, Lê Văn Lương, Phạm Hùng, Nguyễn Duy Trinh... là trung tâm đoàn kết của Hội tù nhân và Đảng bộ nhà tù Côn Đảo mà Bác Tôn là xuyên suốt và là trụ cột, trong suốt 15 năm,

kể từ khi có Đảng cho đến Cách mạng tháng Tám thành công. Vào một ngày trong thời điểm hào hùng ấy, chính tay người thủy thủ Tôn Đức Thắng đã cầm lái chiếc ca nô mang tên Giải Phóng đưa Ban Chỉ huy Đoàn Phòng thủ Côn Lôn chỉ huy cả đoàn ghe tàu do Ủy ban Hành chính Nam Bộ đưa ra rước chính trị phạm vượt biển trở về đất liền. Bác Tôn quả là người cầm lái vĩ đại, không phải chỉ trên chiếc ca nô này mà trong suốt 15 năm trong ngục Côn Đảo.

Nhiều nhà nghiên cứu đã dành cho Bác Tôn những lời đánh giá hết sức trang trọng: Người chiến sĩ cộng sản kiên cường - Một gương mẫu đạo đức cách mạng - Người tiêu biểu cho tinh thần Đại đoàn kết dân tộc - Một chiến sĩ cộng sản quốc tế - Một con người bình thường mà vĩ đại v.v... và v.v... Nhưng dường như các nhà nghiên cứu cũng rất dè dặt khi nói về vai trò to lớn, thậm chí là xuất sắc của Bác Tôn trong cương vị lãnh đạo. Chỉ nói riêng trong phạm vi 15 năm ở nhà ngục Côn Đảo, Bác Tôn luôn luôn xuất sắc trong mọi cương vị - mọi cương vị lãnh đạo. Vai trò người lãnh đạo, người cầm lái của Bác Tôn không thể hiện bằng lý luận mà bằng ***bản lĩnh và nhân cách của người cộng sản Tôn Đức Thắng.***

Bác Tôn không tỏa sáng rực rỡ như hàng trăm ngọn nến mà Người lung linh như ánh sao, lấp lánh mãi trên bầu trời, soi bể nào cũng sáng trong, tỏa hơi ấm đến muôn người, muôn đời.

ĐỒNG CHÍ NGUYỄN DUY TRINH NGƯỜI BÍ THƯ ĐẢNG ỦY TRONG NHÀ TÙ CÔN ĐẢO[1]

1. TÌNH HÌNH NHÀ TÙ CÔN ĐẢO TRƯỚC NĂM 1935

Tính đến tháng 12 năm 1934, nhà tù Côn Đảo có 2.818 tù nhân[2], được giam ở 2 trại giam chính và một vài trại phụ[3]. Banh II là nơi giam tù chính trị, Banh I giam những người mang án khổ sai, trong đó có cả tù thường phạm và những người hoạt động chính trị nhưng bị kết án khổ sai và án tù giam.

Dưới thời tên chúa ngục khát máu Buviê (Bouvier, 1927 - 1934), nhà ngục Côn Đảo thực sự là một "địa ngục trần gian". Năm 1930, nhà ngục Côn Đảo vùi xác 311 người tù, tỷ lệ chết là 15,6%, cao nhất trong các nhà tù ở Đông Dương[4]. Từ năm 1930 đến năm 1933, thực dân Pháp đã giết hại 708 tù nhân tại nhà ngục

---

1 Bài in trong sách *Nhà tù Côn Đảo - Nhà lao Phú Quốc*, Nxb Lao Động, Hà Nội, 2005.

1 Số liệu của Thanh tra Thuộc địa Pháp. Theo tài liệu của Viện Lịch sử Đảng.

2 Như Sở Lưới, Bán Chế (công xưởng), Sở Cùi - Chuồng Bò, Sở rẫy An Hải, Cỏ Ống.

3 Số liệu của Thanh tra Thuộc địa Pháp. Theo tài liệu của Viện Lịch sử Đảng.

này. Riêng năm 1931, nhà tù Côn Đảo có 2.146 tù nhân thì có 209 người đã chết, tức là cứ đày 10 người tù ở Côn Đảo là mỗi năm chúng giết được 1 người. Với tốc độ giết người như vậy, sau 10 năm đày ải, bọn thực dân có thể giết sạch một lớp tù.

Khác với các nhà tù ở đất liền, có sự liên hệ và sự hỗ trợ của các tổ chức cách mạng và phong trào cách mạng của quần chúng, của dư luận tiến bộ, nhà tù Côn Đảo được xây dựng trên một hòn đảo biệt lập giữa biển khơi mênh mông, không có dân cư và phong trào cách mạng, chỉ có tù nhân, cai ngục và sự đọa đày. Ở đấy, bọn thực dân có thể khủng bố những người cách mạng một cách man rợ nhất, bất chấp cả dư luận và pháp luật. Tất cả các yêu sách của tù nhân đều được trả lời bằng roi vọt và những hình phạt khắc nghiệt. Các cuộc bạo động đều bị đàn áp bằng súng máy.

Trước tình thế hoặc là chịu chết dần mòn trong lao tù, hoặc là đấu tranh giành lấy sự sống, những người cộng sản đã thảo luận phương châm tổ chức và đấu tranh chống chế độ khủng bố, đọa đày. Chi bộ đặc biệt ở nhà tù Côn Đảo được thành lập năm 1932 tại khám Chỉ Tồn[1] Banh I làm nhiệm vụ lãnh đạo tù nhân đấu tranh đòi cải thiện đời sống, chống chế độ khủng bố giết người. Sáng lập viên Chi bộ đặc biệt là các đồng chí: Tôn Đức Thắng, Nguyễn Hới, Tống Văn Trân...; trong đó, đồng chí Nguyễn Hới làm Bí thư Chi bộ. Năm 1933, Chi bộ được tăng cường nhiều

1 Chỉ Tồn: Corvées Rénérales, một êkip làm các công việc khổ sai không cố định, được điều động hàng ngày theo yêu cầu công việc, khi thì dọn tàu, khi xe củi, chở thóc, chở gạch theo điều động của Giám thị trưởng và Sếp Banh. Khi đó, khám Chỉ Tồn là lực lượng khổ sai đông nhất, tập trung ở cả dãy khám 6-7-8-9-10 Banh I.

cán bộ có năng lực như: Ngô Gia Tự, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Nguyễn Chí Diểu, Trần Quang Tặng... Các cơ sở Đảng phát triển rộng rãi ở khám 1, khám 2, khám 3, khám 4, khám 5, Nhà Đèn, Nhà Thương, An Hải, An Hội, Bến Đầm, Sở Muối, Đá Trắng, Cỏ Ống. Đảng ủy được thành lập do đồng chí Ngô Gia Tự làm Bí thư Đảng ủy. "Hội người tù đỏ" do Bác Tôn sáng lập năm 1930 đã tập hợp được trên 300 hội viên, Đảng ủy quyết định cải tổ thành Hội tù nhân thống nhất nhằm tập hợp rộng rãi lực lượng, kể cả quần chúng, tù thường phạm. Bác Tôn thay mặt Đảng ủy chỉ đạo Hội tù nhân. Các đồng chí: Ngô Gia Tự, Nguyễn Hới, Trần Quang Tặng được cử vào Ban Lãnh đạo chung toàn đảo.

Giữa năm 1934, Đảng ủy đã phát động những cuộc đấu tranh đầu tiên đòi giảm nhẹ khổ sai. Đảng ủy thảo luận với Hội tù nhân về mức khổ sai hợp lý cho từng kíp việc, rồi giao cho Ban tranh đấu chỉ đạo đấu tranh. Kíp vận chuyển gạch, củi, đấu tranh đòi 7 người đi một xe, thay vì 5 người một xe như trước đây, ngày chỉ đi 3 chuyến, thay vì 5 chuyến. Địch khủng bố rất dã man nhưng Ban tranh đấu chịu trách nhiệm chỉ đạo các kíp tù kiên quyết đấu tranh đòi thực hiện bằng được. Các cuộc đấu tranh đều được Chi ủy chỉ đạo chặt chẽ, giao nhiệm vụ từng người, kiên quyết đấu tranh theo yêu sách đã định nhưng tuyệt đối không manh động để địch kiếm cớ đàn áp. Lần đầu tiên nổ ra các cuộc đấu tranh có tổ chức, bọn gác ngục đánh tù như điên như dại. Nhiều người phải nằm nhà thương, nhiều người bị phạt xà lim nhưng không ai bỏ cuộc. Kíp đập đá đấu tranh đòi giảm định mức từ 0,3 m^3 xuống 0,2 m^3. Kíp đốn củi, kíp kéo gỗ đấu tranh đòi hạ mức đốn gỗ. Kíp lấy san hô đấu tranh đòi tự

tổ chức công việc của mình. Sau hàng loạt cuộc đấu tranh kiên quyết của tù nhân, bọn gácdang buộc phải đồng ý cho tù nhân tự quản công việc, tổ chức công việc khổ sai theo định mức hợp lý.

Hội tù nhân vận động anh em đoàn kết tương trợ nhau, người khỏe kèm người yếu, người biết làm hướng dẫn người chưa biết làm. Kíp dọn tàu tổ chức thành 2 ca, luân phiên nhau vừa làm, vừa nghỉ. Kíp dọn tàu còn phát hiện bọn chủ thầu cung cấp lương thực thực phẩm câu kết với bọn gác ngục trộn lẫn nhiều sỏi và đất vào các bao thóc cho tù nhân và đấu tranh yêu cầu nhà kho không nhận. Cuộc đấu tranh được Đốc tờ Nhã, một bác sĩ có lương tâm, một thành viên trong Ban tiếp nhận đồng tình nên chúa đảo buộc phải chấp nhận hủy các bao thóc trộn nhiều sỏi, đất. Đời sống và chế độ lao động khổ sai của tù nhân được cải thiện một bước. Những cuộc đấu tranh quyết liệt của tù nhân Côn Đảo đã có tác động tích cực, cùng với phong trào đấu tranh trong nước và quốc tế hạn chế phần nào chế độ khủng bố giết người ở Côn Đảo cũng như các nhà ngục khác ở Đông Dương. Bọn thực dân ở Đông Dương cũng đang chuẩn bị đưa ra những thủ đoạn mới để đối phó với phong trào.

2. THỬ THÁCH "HẦM XAY LÚA"

Theo chính sách của thực dân Pháp thỏa thuận với triều đình nhà Nguyễn, những tù nhân xứ Trung Kỳ (trừ thành phố Đà Nẵng) bị án khổ sai, cấm cố hay lưu đày đều được đưa lên các nhà đày Công Tum, Lao Bảo, Buôn Mê Thuột. Chỉ trong những trường hợp đặc biệt, chúng mới đưa ra Côn Đảo, theo đề xuất của Bộ Tư pháp Nam Triều và được sự đồng ý của Khâm sứ Trung Kỳ. Hai

chuyến tù chính trị từ Lao Bảo và Buôn Ma Thuột bị chuyển ra Côn Đảo năm 1935 là trường hợp đặc biệt[1].

Tháng 5-1935, chuyến tù chính trị đầu tiên ở nhà đày Lao Bảo bị đày ra Côn Đảo gồm các đồng chí: Hà Thế Hạnh (Hà Phú Hương), Võ Sỹ (Lê Văn Sỹ) và Võ Thúc Đồng. Cuối tháng 6-1935, chuyến tù thứ 2 từ nhà đày Buôn Mê Thuột ra Côn Đảo gồm 6 tù chính trị, trong đó có đồng chí Nguyễn Duy Trinh[2]. Tất cả đều bị đưa vào Hầm xay lúa. Trước khi 2 đoàn tù chính trị từ các nhà đày Lao Bảo và Buôn Ma Thuột bị đày ra, Bác Tôn Đức Thắng và một số tù chính trị cộng sản cũng bị phạt Hầm xay lúa.

Hầm xay lúa vừa là một hình thức khổ sai để tận dụng lao động của tù nhân, vừa được cấu tạo một cách đặc biệt để đày đọa người tù và trở thành một hình phạt khủng khiếp, địch gọi là "khu trừng giới" (quartier diciplinaire). Bọn chúa ngục Pháp chọn những tên lưu manh loại "anh chị" làm cặp rằng để tiếp tay cho chúng áp bức tù nhân. Trực tiếp điều hành trong Hầm xay lúa là 1 cặp rằng chính và 4 cặp rằng phụ do Sếp Banh chọn trong số tù lưu manh loại "anh chị". Bọn này tập hợp hàng chục tên lưu manh đàn em để phục dịch và đấm bóp cho chúng. Mỗi tên cặp rằng lại chọn những tên tay chân vào loại "dao búa", sử dụng luật giang hồ để điều hành tù nhân trong công việc khổ sai và trong sinh hoạt thường ngày. Cả bọn cấu kết với nhau trút tất cả những công việc khổ sai nặng nhọc lên đầu những người

1 Năm 1941, những binh lính tham gia khởi nghĩa Đô Lương (Nghệ An) cũng bị đày ra Côn Đảo.

2 Bị bắt ngày 17-4-1931, án khổ sai chung thân, giảm xuống 13 năm khổ sai, sau nhiều lần bị tăng án vì tích cực đấu tranh trong tù, tính đến ngày 23-6-1935 (ngày rời nhà đày Buôn Ma Thuột đi Côn Đảo), thời hạn thụ án còn 18 năm 1 tháng.

tù khác. Đây là một kiểu "dùng tù trị tù" phổ biến thời Pháp thuộc.

Được sự dung túng của gác ngục, bọn lưu manh trong Hầm xay lúa được toàn quyền hành hạ người tù, chúng hung dữ như một bầy quỷ sứ. Công việc khổ sai và ách áp bức của cặp rằng nặng gấp nhiều lần quy chế nhà tù. Hầm xay lúa được coi là "nhà tù trong nhà tù", "địa ngục trong địa ngục", là hình phạt nặng nhất thời ấy. Bị áp bức đến cùng cực, tù nhân Hầm xay lúa trở nên hung bạo, thỉnh thoảng họ lại đập chết những tên cặp rằng hung ác. Thế rồi một cặp rằng mới lại được chỉ định, và chế độ tồi tệ nhất tại nhà ngục này tiếp tục diễn ra tại Hầm xay lúa.

Bác Tôn bị đưa vào Hầm xay lúa khi bọn lưu manh đang chuẩn bị thanh toán lẫn nhau. Vài ngày sau khi Bác Tôn có mặt ở Hầm xay lúa, cặp rằng chính Bảy Tốt bị hai tên đàn em đập bể đầu bằng khúc gỗ lim vuông cạnh. Giám thị trưởng Ferandini chỉ định ngay Bác Tôn làm cặp rằng, mưu toan đẩy người cộng sản kiên cường mà chúng chưa khuất phục được vào chỗ chết, hoặc vì tay bọn lưu manh, hoặc không làm được sẽ bị chúng trừng trị.

Trong tình thế rất khó khăn, Bác Tôn đã tập hợp một số tù chính trị cộng sản bàn cách nên nhân dịp này nắm quyền điều hành, tranh thủ tù thường phạm, đấu tranh đòi cải thiện chế độ Hầm xay lúa. Tù chính trị cộng sản ở Hầm xay lúa khi đó còn rất ít, ngoài Bác Tôn mới có đồng chí Nguyễn Văn Hoan, Tô Chấn, Tô Hiệu[1]... trong tổng số gần trăm tù thường phạm, trong số đó có nhiều tên lưu manh. Tuy nhiên, một điều kiện khá thuận

1 Tô Chấn và Tô Hiệu vốn là đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng, được giác ngộ cộng sản trong tù.

lợi là Bác Tôn rất có uy tín, không chỉ trong tù chính trị mà đối với cả tù thường phạm.

Mọi người đều nhất trí với đề xuất của Bác Tôn. Vào thời điểm đó, phong trào đấu tranh do những người tù chính trị cộng sản lãnh đạo đã phát triển mạnh. Tại các khám Chí Tôn, tù chính trị đang chiếm được lòng tin của tù thường phạm cũng như đối với tù chính trị thuộc các đảng phái khác. ở một số khám, tù chính trị đã lãnh đạo toàn thể tù nhân đoàn kết lật đổ chế độ cặp rằng lưu manh, thay thế bằng "cặp rằng cộng sản", đấu tranh với bọn chúa ngục để tổ chức lại lao động khổ sai cho hợp lý và vừa mức, vừa sức.

Vào thời điểm đó, 2 đoàn tù chính trị từ các nhà đày Lao Bảo và Buôn Ma Thuột bị đày ra đảo và bị đưa về Hầm xay lúa, nâng tổng số tù chính trị cộng sản bị giam ở đây lên 11 người, trong đó có nhiều đồng chí có kinh nghiệm lãnh đạo và có tinh thần đấu tranh như: Tôn Đức Thắng, Nguyễn Văn Hoan, Nguyễn Duy Trinh, Trần Ngọc Danh, Hà Thế Hạnh (Hà Phú Hương), Võ Sỹ, Võ Thúc Đồng. Đồng chí Nguyễn Duy Trinh cùng các đảng viên mới ra đã đoàn kết xung quanh Bác Tôn, cảm hóa tù thường phạm, tiến hành cải tạo chế độ Hầm xay lúa.

Lần đầu tiên những công việc ở Hầm xay lúa được tổ chức lại. Tất cả mọi người đều làm việc. "Cặp rằng" Tôn Đức Thắng và những "phụ tá" là tù chính trị cộng sản cùng làm việc như mọi người, không còn cảnh tù nhân áp bức nhau, không còn cảnh những người tù khốn cùng phải nai lưng ra lao động khổ sai thay cả phần cặp rằng và một lũ tay chân ăn theo. Những người yếu được bố trí vào kíp sàng gạo và đóng bao, người khỏe thì xay và khuân vác

thóc. Kíp đứng cối nặng nhọc nhất được bố trí thêm người, thay nhau người làm người nghỉ. Phần lớn tù thường phạm đều bất ngờ và chấp nhận sự đổi thay như một làn gió mới. Công việc khổ sai đã có phần dễ chịu hơn.

Nhóm tù chính trị cộng sản trở thành hạt nhân đoàn kết toàn thể tù nhân, không phân biệt tù chính trị hay thường phạm, tích cực giáo dục, cảm hóa tù thường. Hội cứu tế tù nhân được tổ chức trong Hầm xay lúa. Những người ốm đau được chăm sóc chu đáo. Buổi trưa, khi bọn gác ngục về hết, Hội tù tổ chức gom gạo rơi vãi nấu cơm ăn thêm để bảo đảm sức khỏe; buổi tối tổ chức học văn hóa, nói chuyện truyền thống, giáo dục lòng yêu nước cho tù thường.

Không khí đoàn kết, học tập và giúp đỡ lẫn nhau dần dần thay thế cho sự thù hằn, chia rẽ. Tù thường phạm phấn khởi tham gia học văn hóa. Có người viết được thư về cho vợ, và khi nhận được thư nhà thì cảm động đến phát khóc, như có một sự thay đổi kỳ diệu trong cuộc đời. Những người tù thường phạm đã nhiều lần bị phạt Hầm xay lúa hết sức ngạc nhiên, lần đầu tiên họ thấy một ông cặp rằng không hề đánh tù mà ôn tồn chỉ bảo cho từng người cách làm việc, cách cư xử với nhau. Họ thấy những người cộng sản rất đoàn kết và độ lượng, sẵn sàng chia sẻ với mọi người từng việc nặng, từng miếng ăn, sẵn sàng đỡ đòn cho nhau khi bị khủng bố. Nhiều người tù thường phạm xuất thân lưu manh nhờ cảm phục những người cộng sản mà bớt hung hãn hơn. Có người giác ngộ, sau về tham gia kháng chiến.

Cùng với việc tổ chức học văn hóa, bộ phận tù chính trị cộng sản trong Hầm xay lúa cũng sinh hoạt chính

trị, nghiên cứu lý luận, tổng kết kinh nghiệm đấu tranh. Đồng chí Nguyễn Duy Trinh cùng đồng chí Hà Thế Hạnh đã trao đổi những kinh nghiệm đấu tranh trong phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh (1930 - 1931) và phổ biến những chủ trương của Đảng cho các đồng chí bị đày ra Côn Đảo trước đó.

Mãn hạn phạt Hầm xay lúa, Bác Tôn, đồng chí Nguyễn Duy Trinh và các đồng chí tù chính trị cộng sản khác lần lượt trở về Banh I. Đây cũng là thời điểm mà phong trào đấu tranh do tù chính trị lãnh đạo đã phát triển mạnh mẽ trên toàn đảo. Để đối phó với phong trào, bọn chúa ngục tập trung toàn thể những người từng hoạt động cộng sản nhưng bị kết án khổ sai (traveaux forcé) và án tù (prison) đang làm khổ sai và bị giam rải rác ở một số nơi (kể cả Hầm xay lúa) về tập trung cấm cố ở dãy khám 6-7-8-9-10 Banh I, áp dụng chế độ "nửa chính trị" (semi politique).

3. CHẾ ĐỘ "NỬA CHÍNH TRỊ"

Lần đầu tiên trong đời tù, Nguyễn Duy Trinh được hưởng chế độ "nửa chính trị". Cùng hoạt động chính trị nhưng có những người bị chúng kết án chính trị (détention, déportation, réclution) như các đồng chí: Phạm Văn Đồng, Lê Duẩn, Hoàng Quốc Việt, Lê Thanh Nghị bị giam ở Banh II theo chế độ "tù chính trị"; ngược lại rất nhiều người bị kết án khổ sai (chung thân hoặc hữu hạn), án tù như: Bác Tôn, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Nguyễn Duy Trinh bị áp dụng chế độ khổ sai như thường phạm (án tư pháp). Từ tháng 9-1935, địch mới thực hiện chế độ "nửa chính trị" ở nhà tù Côn Đảo. Đối với chế độ tù thì "chính trị" và "nửa chính trị"

không khác nhau bao nhiêu, nhưng khác hẳn với chế độ khổ sai, "nửa chính trị" cũng giống như "chính trị" là phải chịu chế độ cấm cố. Cấm cố thiếu ánh nắng, khí trời và những chất tươi kiếm được khi đi làm khổ sai, nhưng bù lại, những người tù "nửa chính trị" được tập trung lại và có điều kiện học tập văn hóa, lý luận một cách bài bản.

Toàn bộ những người được áp dụng chế độ "nửa chính trị" bị giam ở dãy khám 6-7-8-9-10. Khám 6-7 là khám cấm cố trước đây, trong đó có các đồng chí: Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Trịnh Đình Cửu, là nơi đặt Văn phòng Đảng ủy. Bác Tôn cùng các đồng chí: Nguyễn Duy Trinh, Trần Ngọc Danh, Hà Thế Hạnh, Võ Sỹ, Võ Thúc Đồng và những người mới tập trung về bị giam ở khám 8-9. Đồng chí Trần Văn Giàu mới bị đày từ Khám Lớn ra cũng bị đưa vào đây. Khám 10 giam tù chính trị Quốc dân Đảng và một số tù chính trị cộng sản mới bị đưa ở các sở lao động khổ sai về.

Trong điều kiện mới, có nhiều nhân tố mới, nhất là các đồng chí có trình độ, vừa ở các nhà lao trong đất liền ra, nắm vững tin tức và chủ trương của Đảng, Đảng ủy được mở rộng. Văn phòng Đảng ủy được chuyển sang khám 8-9, đồng chí Tôn Đức Thắng là Bí thư, các đồng chí Nguyễn Duy Trinh, Trần Ngọc Danh được bổ sung vào Đảng ủy. Các đồng chí trong Đảng ủy cũ ở khám 6-7 như: Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Hồ Văn Long... chuyển thành Tổ cố vấn. Hai tờ báo *Tiến lên* và *Ý Kiến Chung* cũng được chuyển qua khám 8-9.

Với đức tính khiêm tốn, có kiến thức lý luận sâu, thận trọng khi tranh luận hoặc mỗi khi đưa ra ý kiến, quyết định, đồng chí Nguyễn Duy Trinh được Bác Tôn và

các đồng chí trong cấp ủy tín nhiệm. Đồng chí có nhiều đóng góp với Đảng ủy trong công tác tổ chức nghiên cứu lý luận và xây dựng những chủ trương chỉ đạo của Đảng bộ trong thời kỳ này.

Có điều kiện ở tập trung và không phải đi làm khổ sai, Đảng ủy quyết định tổ chức học tập lý luận một cách có hệ thống cho cán bộ, đảng viên. Đồng chí Trần Văn Giàu được chỉ định làm giảng viên. Giáo trình là những bài giảng của các giáo sư đỏ của Liên Xô và Quốc tế Cộng sản đã "nằm lòng", được giảng viên thuyết trình theo phương pháp "tuồng bụng".

Bác Tôn, đồng chí Nguyễn Duy Trinh và các đồng chí trong Đảng ủy đều tham dự lớp nghiên cứu lý luận nghiêm túc như các học viên. Một số trí thức Việt Nam Quốc dân đảng bị giam ở Banh I như: Thanh Giang, Nghiêm Toản cũng xin dự nghe các bài giảng về chủ nghĩa Lênin. Nội dung cơ bản của các bài học được biên soạn và đăng trên tạp chí *Ý kiến chung*, xuất bản ở khám 8-9, phục vụ có hiệu quả cho việc học tập lý luận ở Banh I. Đây là lớp nghiên cứu lý luận bài bản nhất tại nhà tù Côn Đảo trong thời kỳ này.

Cùng với việc nghiên cứu lý luận, học tập văn hóa, những cuộc sinh hoạt chính trị tư tưởng trong tù diễn ra thường xuyên. Bất cứ một tin tức gì mới, một sự kiện gì mới ở trong nước và quốc tế đều được tù chính trị thảo luận rất sôi nổi. Đồng chí Nguyễn Duy Trinh ít tham gia tranh luận mà thường lắng nghe, suy ngẫm và chỉ có ý kiến khi đã nắm được cơ sở lý luận và thực tiễn. Nhờ chịu khó học hỏi, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, thận trọng suy nghĩ mỗi khi đưa ra ý kiến, đồng chí Nguyễn Duy

Trinh đã có những đóng góp tích cực với Đảng ủy để xác lập những quan điểm chỉ đạo đấu tranh trong tù.

Tháng 1-1936, Mặt trận Nhân dân Pháp công bố cương lĩnh tranh cử, đặt lên trên hàng đầu khẩu hiệu Tổng Đại xá (Amnistie- générale) trong đó có vấn đề ân xá tù chính trị ở Đông Dương. Cuộc thảo luận về chủ trương đấu tranh của tù chính trị diễn ra rất sôi nổi. Có đồng chí nêu ý kiến rằng: chúng ta là tù chính trị, mục tiêu đấu tranh của chúng ta là lật đổ chế độ áp bức bóc lột chứ không phải chờ đợi thực dân Pháp "đại xá". Đồng chí Nguyễn Duy Trinh đứng về phía ý kiến có cơ sở lý luận vững chắc hơn, bảo vệ quan điểm cho rằng "đại xá" là khẩu hiệu chung của nhân dân Pháp, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Pháp, đồng thời là một điểm trong chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương. Nêu khẩu hiệu "đại xá" là hoàn toàn đúng và phù hợp với lợi ích thiết thực của tù chính trị.

Đảng ủy quyết định phát động một phong trào đấu tranh mạnh mẽ chống chế độ khủng bố, đòi đại xá tù chính trị với các yêu sách đòi thả hết tù chính trị, cải thiện bữa ăn hằng ngày, không được đánh đập, ngược đãi tù nhân. Hình thức đấu tranh là trực diện đưa yêu sách, nếu địch khủng bố thì sẽ bãi thực, hò la phản đối; các sở tù khổ sai sẽ phối hợp đấu tranh bằng cách bỏ việc. Bác Tôn và các đồng chí: Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Nguyễn Duy Trinh, Trần Ngọc Danh được cử vào Ủy ban Tranh đấu. Cuộc đấu tranh nổ ra ngày 18-3-1936, bọn gác ngục đàn áp đẫm máu, hàng trăm người bị thương ở đầu, bị gãy tay, tù nhân Khâu (số tù 5930) bị đánh chết ngay tại chỗ. Đồng chí Phạm Hùng, người đứng ra đưa yêu sách cho quản đốc bị phạt xà lim.

Đảng ủy phát động tuyệt thực phản đối khủng bố và đòi các quyền lợi chính đáng đã ghi trong yêu sách. Cuộc tuyệt thực kéo dài 9 ngày ở các khám tù cấm cố, 6 ngày ở một số khám tù khổ sai. Các sở tù khổ sai đều nghỉ việc để hưởng ứng. Cuộc đàn áp đẫm máu của Buviê sau đó đã được báo La Lutte đưa tin và bị dư luận tiến bộ công phẫn lên án. Thống đốc Nam Kỳ buộc phải chỉ thị cho Quản đốc Côn Đảo cải thiện chế độ nhà tù, chấp nhận phần lớn yêu sách của tù nhân. Riêng yêu sách đòi ân xá tù chính trị sẽ do Thống đốc Nam Kỳ và Toàn quyền Đông Dương quyết định.

Được tin Mặt trận Nhân dân Pháp giành thắng lợi lớn trong cuộc bầu cử Quốc hội Pháp ngày 3-5-1936. Đảng ủy quyết định tiến thêm một bước nữa. Ngày 28-5-1936, Đảng ủy thảo yêu sách gửi Thống đốc Nam Kỳ, Bộ trưởng Bộ thuộc địa và Thủ tướng Pháp đòi đại xá tù chính trị. Ngày 11-6-1936, một cuộc bãi thực, lãn công lại nổ ra trên toàn đảo để nhắc lại các yêu sách ngày 28-5-1936 đòi tổng đại xá. Những cuộc đấu tranh quyết liệt do Đảng ủy nhà tù Côn Đảo lãnh đạo đã góp phần vào cao trào đấu tranh chung của Đảng, buộc chính quyền thuộc địa phải điều chỉnh thái độ.

Tháng 6-1936, Chính phủ phái tả của Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở Pháp đã thi hành một số quyền lợi cho quần chúng lao động ở trong nước và các thuộc địa theo cương lĩnh của Mặt trận Nhân dân Pháp. Ngày 14-7-1936, thực dân Pháp tập trung hơn 90 tù chính trị ở Côn Đảo về khám 10 Banh I, chuẩn bị đưa về Sài Gòn đòi ân xá. Giữa lúc đó, Đảng ủy nhận được bản báo cáo của đồng chí Manuinxki (Manouinsky) tại Đại hội của Đảng bộ thành phố Lêningrát về những vấn đề cơ bản

của Đại hội lần thứ 7 Quốc tế Cộng sản. Bản báo cáo phân tích sâu sắc bản chất và nguy cơ của chủ nghĩa phát xít, đề ra mục tiêu trước mắt của giai cấp vô sản, không phải lựa chọn giữa nền chuyên chính vô sản và dân chủ tư sản mà phải lựa chọn giữa nền dân chủ tư sản hay chủ nghĩa phát xít; nhiệm vụ cấp bách của giai cấp vô sản lúc này là phải tập hợp mọi tầng lớp nhân dân, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, xu hướng chính trị, để lập Mặt trận Nhân dân rộng rãi, đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít và chiến tranh, đòi tự do, cơm áo, hòa bình.

Ngay đêm 14-7-1936, đồng chí Nguyễn Duy Trinh cùng các đồng chí trong Đảng ủy phổ biến ngay nội dung những vấn đề cơ bản của Đại hội lần thứ 7 Quốc tế Cộng sản đến các đồng chí tù chính trị chuẩn bị được ân xá. Đây là một cẩm nang vô cùng quý giá để lớp tù chính trị được ân xá trở về góp phần quan trọng cho Đảng ta trong cao trào cách mạng 1936 - 1939.

Đồng chí Nguyễn Duy Trinh nghiên cứu rất kỹ những vấn đề cơ bản của Đại hội lần thứ 7 Quốc tế Cộng sản và thay mặt Đảng ủy phổ biến đến toàn thể tù chính trị trong khám. Bản tài liệu còn được chép thành nhiều bản, chuyển đến các khám tù chính trị trong Banh I và Banh II, giao cho các đồng chí được ân xá đem về đất liền phổ biến. Trong vòng 4 tháng cuối năm 1936 đã có hơn 500 tù chính trị ở Côn Đảo được trả lại tự do trong đó có đến một nửa là đảng viên cộng sản, chiếm khoảng 50% số tù chính trị được ân xá lúc đó[1]. Đây là một nguồn cán bộ quý của Đảng, đã trưởng thành về lý luận, dày dạn trong đấu

1 Theo số liệu công bố trên báo chí đương thời: tháng 7-1936, 92 tù chính trị Côn Đảo được đưa về Hải Phòng, tháng 10-1936, 292 tù chính trị Côn Đảo được đưa về Hà Nội.

tranh cách mạng và nắm được sự chỉ đạo mới nhất của Quốc tế Cộng sản đối với phong trào cách mạng thế giới. Đội ngũ cán bộ từ nhà tù Côn Đảo trở về đã tăng cường cả về số lượng và chất lượng lãnh đạo cho Đảng ta, vừa đúng lúc Đảng ta nắm được thời cơ, phát động cao trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương sâu rộng, hiếm có ở một nước thuộc địa. Nhiều đồng chí đã trở thành những cán bộ lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta trong cao trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936 - 1939).

Thắng lợi của phong trào Mặt trận Nhân dân Pháp và phong trào Mặt trận dân chủ Đông Dương đã làm giảm hẳn số lượng tù chính trị ở Côn Đảo. Năm 1937, nhà ngục Côn Đảo còn 2.018 tù nhân, trong đó chỉ còn khoảng hơn 200 tù chính trị. Qua báo chí tiến bộ, Đảng ta đã nhiều lần đòi Chính phủ Pháp phải lập tức trả lại tự do cho tất cả tù chính trị mà chúng còn giam giữ ở Côn Đảo và các nhà tù khác ở Đông Dương. Chính quyền thuộc địa Đông Dương tìm mọi lý do để không thả những người tù còn lại. Tuy vậy chúng cũng buộc phải giảm án và để cho tù nhân được hưởng những quyền lợi mà họ đã đấu tranh giành được trong những năm 1934 - 1936. Đồng chí Nguyễn Duy Trinh được giảm án 10 năm tù.

4. NGƯỜI BÍ THƯ ĐẢNG BỘ NHÀ TÙ CÔN ĐẢO

Banh I khi ấy còn khoảng một trăm tù chính trị không được ân xá, bị dồn vào khám 6-7. Hội tù nhân được củng cố lại, đồng chí Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch hội. Đồng chí Nguyễn Duy Trinh được cử làm Bí thư Đảng ủy, Đảng ủy viên có các đồng chí: Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Trần Ngọc Danh, Hồ Văn

Long. Thường trực Đảng ủy, cũng là Ban Lãnh đạo chung có các đồng chí: Nguyễn Duy Trinh, Bác Tôn và đồng chí Hồ Văn Long. Đây là thời kỳ mà Đảng ủy nhận được nhiều báo chí và tin tức tài liệu, có điều kiện tổ chức học tập, nghiên cứu sâu sắc nhiều vấn đề lý luận, chính trị, thời sự cũng như đường lối và sách lược đấu tranh của Đảng ta.

Các đồng chí từ nhà tù Côn Đảo trở về hoạt động trong phong trào Mặt trận Dân chủ (1936 - 1939) đã gửi ra Côn Đảo những tờ báo công khai như: *Tin tức*, *Nhành Lúa*, *La Lutte* (Tranh đấu), *Notre Voix* (Tiếng nói của chúng ta), *L'Humanité* (*Nhân đạo* - cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Pháp), tạp chí *Thư tín Quốc tế*... Tờ báo *Dân chúng*, cơ quan ngôn luận công khai của Đảng Cộng sản Đông Dương lúc đó đã vạch trần những thủ đoạn giả dối của Bộ trưởng Thuộc địa Mutê (Marius Moutet) và bọn phản động thuộc địa đang chống lại chương trình của Mặt trận Nhân dân Pháp; tố cáo bọn chúng còn giam giữ nhiều người cộng sản như: Nguyễn Lương Bằng, Phạm Quang Lịch... ở Sơn La; Tôn Đức Thắng, Nguyễn Duy Trinh, Phạm Hùng, Nguyễn Công Khương (Lê Văn Lương)... ở Côn Đảo.

Giữa năm 1937, bức thư của đồng chí Nguyễn Chí Diểu gửi ra Côn Đảo thông báo chính sách mới và phương châm tổ chức mới của Đảng. Đồng chí Nguyễn Duy Trinh cùng các đồng chí trong Đảng ủy tổ chức nghiên cứu một cách nghiêm túc chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân chống phát xít của Quốc tế Cộng sản và chủ trương thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương của Đảng ta. Đồng chí đã đưa vấn đề "Sách lược đấu tranh" ra thảo

luận và vận dụng vào chủ trương của Đảng ủy. Qua thảo luận, Đảng ủy nhận thức rõ hơn về sách lược, hình thức đấu tranh được vận dụng một cách mềm dẻo hơn.

Những hình thức đấu tranh trực diện được sử dụng phổ biến trước đây, nay được xác định cần phải phối hợp nhiều hình thức, kể cả kiến nghị, gây dư luận, vận động, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của những người trong hàng ngũ địch, phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù chủ yếu...

Năm 1938, nguy cơ chiến tranh thế giới đã đến gần. Chính phủ Pháp ngày càng ngả về phía hữu. Chính quyền thuộc địa Đông Dương cũng bắt đầu trở mặt, bắt bớ, khủng bố những người hoạt động trong phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Bọn chúa ngục Côn Đảo thiết lập lại chế độ cấm cố.

Ngày 2-3-1938, Quản đốc Bouvier cho lập danh sách 48 tù chính trị thuộc loại nguy hiểm (dangereux) ở Banh I đưa vào cấm cố, trong đó có đồng chí Nguyễn Duy Trinh, số tù 6642.

Tháng 9-1939, Chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ, bọn chúa ngục Côn Đảo bỏ hẳn chế độ "tù chính trị" và "nửa chính trị", cấm đọc sách báo, cấm hội họp, bớt khẩu phần ăn hàng ngày... Không khí khủng bố ngày càng nặng nề. Đảng ủy theo dõi sát tin tức, tình hình, củng cố tổ chức và chuẩn bị cho những cuộc đấu tranh sắp tới. Lợi dụng mỗi lần bọn gác ngục điều động tù nhân, Đảng ủy lại vận động cho một số đảng viên được nhận vào làm ở các kíp: Nhà bếp, Sở Tẩy, Bản Chế, Nhà thương, Sở Lưới, Nhà đèn và một số sở ngoài.

Nhờ đó mà Đảng ủy trong cấm cố vẫn nắm được tin tức hàng ngày trên đảo, liên hệ được với các cơ sở và liên

lạc được với Xứ ủy Nam Kỳ. Khi được tin Liên Xô ký hiệp ước không xâm phạm với phát xít Đức (23-8-1939), anh em tù chính trị đã tranh luận rất nhiều ngày. Có người cho rằng, Liên Xô ký hiệp ước đó là đúng. Những người không tán thành thì bi quan, bực bội, cho rằng Liên Xô thỏa hiệp với bọn phát xít. Vì không đủ cơ sở để nhận định nên cuộc thảo luận kéo dài, nhiều người băn khoăn lo lắng. Với thái độ thận trọng, đồng chí Nguyễn Duy Trinh đã phân tích một cách xác đáng rằng trong điều kiện thiếu thông tin, chúng ta chưa đủ cơ sở để đánh giá đúng vấn đề, song một điều có thể tin tưởng chắc chắn rằng, Liên Xô là thành trì của cách mạng thế giới, việc ký hiệp ước Xô - Đức là cần thiết để tránh tổn thất cho cách mạng, để có thời gian củng cố, xây dựng lực lượng... Đảng ủy đa thống nhất nhận định trên, ổn định một bước về tư tưởng cho cán bộ đảng viên. Phải đến khi phát xít Đức bội ước tấn công Liên Xô thì mọi người mới thật sự nhất trí với nhận định của Đảng ủy.

Ngày 22-6-1940, Chính phủ Pêtanh (Pétain) đầu hàng phát xít Đức, để cho quân đội Đức chiếm đóng nước Pháp. Quản đốc Buviê ra lệnh xiềng toàn bộ khám tù cộng sản (khám 6 Banh I). Đảng ủy phát động một cuộc đấu tranh quyết liệt với hình thức tuyệt thực, tuyệt ẩm trong khám 6 đòi tháo xiềng, đòi ăn rau, ăn thịt đúng khẩu phần quy định. Cuộc đấu tranh kéo dài 3 ngày rưỡi thì phải ngừng lại. Nhịn ăn và nhịn uống cùng một lúc là một hình thức đấu tranh quá cao, nhất là khi kẻ thù đang đi vào con đường phát xít hóa, trong khi đó ta lại chưa tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi. Rút kinh nghiệm cuộc tuyệt thực này, Đảng ủy thận trọng hơn mỗi khi đưa ra khẩu hiệu tranh đấu.

Lấy lý do chiến tranh, Quản đốc Buviê cứ tăng dần từng mức khổ sai và bớt dần khẩu phần ăn của tù nhân. Trong tình hình không thuận lợi, đồng chí Nguyễn Duy Trinh thuyết phục các đồng chí trong Đảng ủy về chủ trương đấu tranh nên hướng vào mục tiêu duy trì các quyền lợi mà tù nhân đã giành được trong những năm trước đây bằng một thái độ ôn hòa hơn. Nên sử dụng hình thức lãn công, duy trì mức khổ sai như trước. Đảng ủy hết sức chú ý theo dõi tình hình ở trong nước và tình hình thế giới để có chủ trương thích ứng kịp thời.

Mùa thu năm 1940, nhận được tài liệu của Xứ ủy Nam Kỳ gửi ra, trong đó có bản Nghị quyết Hội nghị Trung ương tháng 11-1939 về vấn đề giải phóng dân tộc, Đảng ủy đã tổ chức học tập ngay bản nghị quyết quan trọng này. Những vấn đề về tình hình thế giới, tình hình trong nước, những điều kiện khách quan và chủ quan để nổ ra vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền được thảo luận rất kỹ. Các vấn đề thành lập Mặt trận Thống nhất Dân tộc Phản đế Đông Dương, vấn đề sách lược phân hóa kẻ thù, chĩa mũi nhọn vào kẻ thù nguy hiểm nhất là đế quốc và tay sai... cũng được thảo luận nhiều buổi và đi đến nhất trí theo tinh thần Nghị quyết Trung ương. Đảng ủy còn dự kiến tình hình trên đảo, thảo luận sách lược đấu tranh với bọn gác ngục và phương châm hành động mới, khi tình thế cách mạng trực tiếp nổ ra ở Đông Dương.

Tháng 9-1940, phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương. Bọn phản động thuộc địa đầu hàng. Khởi nghĩa Bắc Sơn (Lạng Sơn) và tiếp đó là khởi nghĩa Đô Lương (Nghệ An) và khởi nghĩa Nam Kỳ liên tiếp nổ ra. Thực dân Pháp đã dìm các cuộc khởi nghĩa trong bể máu. Bọn chúa ngục Côn Đảo cũng bắt đầu một thời kỳ đàn áp man rợ đối với tù nhân. Các lớp tù bị bắt trong các cuộc khởi nghĩa

Bắc Sơn, Đô Lương, Nam Kỳ lần lượt bị đày ra Côn Đảo. Banh I, Banh II và Banh III đều nhốt chật tù. Con số tù nhân ở Côn Đảo tăng vọt lên hơn 4.000, cao nhất trong suốt 80 năm qua kể từ khi có nhà tù.

Nhiều tên gác ngục hung ác được phái trở lại Côn Đảo, chúng đánh tù luôn tay, chẳng cần phải có lý do gì. Sáng ra điểm danh đánh, trưa ra ăn cơm đánh, chiều ra ăn cơm lại đánh. Bọn gácdang đi tuần suốt đêm, rình mò xem tù nhân có hội họp hay có ý đồ bạo động gì không. Khoảng một, hai tháng chúng lại ập vào khám xét, thấy một mảnh giấy vụn, một mẩu san hô hay gạch non là chúng đều tịch thu và đánh đập tù nhân rất tàn tệ. Xét khám không thấy gì chúng cũng vu cho là mất trật tự, đánh cả khám một trận rồi mới rút. Giữa lúc đó, Côn Đảo xảy ra hai vụ lớn, chấn động đến Nam Kỳ, khiến cho chế độ nhà ngục càng thêm khắc nghiệt.

Giữa năm 1941, tên gác ngục trẻ tên là Lăngtaly Giăng (Lentali Jean)[1] nhân một chuyến đưa tù nhân đi dọn tàu đã trốn lại dưới hầm tàu, qua Singapore và tuyên bố theo Đờ Gôn, đứng về phía Đồng Minh chống phát xít. Chúa đảo Buviê bị hiến binh đưa về Sài Gòn lập hồ sơ chờ xét xử. Thống đốc Nam Kỳ cử Bơruionnê (Brouillonnet) ra làm quản đốc thay Buviê. Là một tên quan hai sen đầm trung thành với Chính phủ Pêtanh (Pétain), Bơruionnê đã gây nhiều tội ác tại Côn Đảo. Hắn cấm tù nhân không được nhận thư từ, không được đọc sách báo, không được hội họp... Bưu phẩm từ đất liền gửi ra bị kiểm soát rất kỹ, thuốc bổ, thuốc bệnh và sách báo đều bị chúng tịch thu.

1 Côn Đảo lúc đó có hai anh em gác ngục: Lentali Jean là em, Lentali Chart là anh. Lentali Jean rất hung hãn với tù nhân nhưng có tư tưởng chống phát xít.

Sau đó không lâu, tháng 7-1941, một người tù chính trị bất mãn[1] đã vu cáo về các hoạt động của Đảng ủy và chỉ bắt các đồng chí lãnh đạo, chỉ những nơi cất giấu tài liệu và vu cáo tù cộng sản đang chuẩn bị bạo động vào dịp 14-7, vượt ngục, cướp tàu đi Xanhgapo (Singapore) gia nhập phe Đồng Minh chống phát xít, ủng hộ Liên Xô. Bọn mật thám ở Sài Gòn ra điều tra, thu được một số tài liệu, đồng chí Nguyễn Duy Trinh và một số đồng chí bị phạt xà lim, tất cả tù chính trị ở khám 6-7 bị tước hết quần áo, chiếu, đồ dùng cá nhân và bị cấm cố trở lại. Tuy nhiên, không có âm mưu bạo động nào cả, địch không khai thác được gì hơn nhưng đó là một dịp để chúng tước hết những quyền lợi mà tù nhân đã giành được trong những năm trước.

Những diễn biến tư tưởng trong nội bộ tù nhân ngày càng xấu đi. Nhiều người tù thường phạm trước đây tham gia Hội tù nhân vì Hội tù bảo vệ quyền lợi thiết thực của họ, đến nay thấy Đảng ủy và Hội tù bị khủng bố, quyền lợi của tù nhân bị tước bỏ thì họ bất mãn và trở mặt nói xấu những người cộng sản. Trong tình hình bất lợi, Đảng ủy và Hội tù nhân chủ trương tuyên bố tự giải tán.

Được sự đồng tình của Bác Tôn và các đồng chí: Phạm Hùng, Lê Văn Lương, đồng chí Nguyễn Duy Trinh đã đề xuất phương án cải tổ lại tổ chức và điều chỉnh phương thức hoạt động. Về danh nghĩa, Đảng ủy tuyên bố tự giải tán, nhưng thực chất là tổ chức lại theo phương châm bí mật và gọn nhẹ, giảm bớt hai phần ba số đảng viên, chỉ tuyển lại những đồng chí trung kiên và có năng lực hoạt động trong tù. Đồng chí Nguyễn Duy Trinh vẫn được tín

1 Người này tên là Xuân, cùng ở nhà đày Buôn Mê Thuột, bị đày ra Côn Đảo cùng chuyến với đồng chí Nguyễn Duy Trinh.

nhiệm làm Bí thư, Đảng ủy viên có Phạm Hùng, Lê Văn Lương.

Hội tù nhân trên danh nghĩa là giải tán nhưng thực ra là được tổ chức lại dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Tôn Đức Thắng, theo hình thức công khai, mỗi khám cử ra các Ban phụ trách các mặt công tác:

Ban Trật tự lo bố trí công việc cho phù hợp với sức khỏe từng người, quy định mức độ làm việc sao cho vừa sức tù nhân và đấu tranh với gácdang, ma tà, không để chúng hạch sách, đánh đập tù nhân.

Ban Học tập tổ chức cho tù nhân học tập, xóa nạn mù chữ và tổ chức học thêm các môn văn hóa, ngoại ngữ cho tất cả tù nhân trong khám.

Ban Vệ sinh lo việc giữ gìn vệ sinh trong khám và phổ biến kinh nghiệm giữ gìn sức khỏe, phòng chống bệnh tật cho anh em.

Ban Cứu tế chăm sóc những người yếu đau, bệnh tật và giúp đỡ những người có khó khăn. Tù nhân mới ra đảo đều được Ban cứu tế chăm sóc, thường nhận được khi thì 1 cái nón (mũ), 1 cuộn chỉ, có khi cả 1 bộ quần áo tù. Sau một thời gian thử thách, tù nhân được nghiên cứu chương trình, điều lệ của Hội tù nhân.

Đảng ủy tìm mọi cách bố trí cho đảng viên vào làm ở Nhà thương và Nhà bếp và Sở Tẩy (Sở Vệ sinh) để liên hệ và tiếp tế cho anh em. Nhà bếp, Nhà thương, Sở Tẩy vẫn là trung tâm liên lạc và cứu tế, giúp Đảng ủy nắm tình hình và chỉ đạo hoạt động của tù chính trị, thông qua các Ban Trật tự, Ban Vệ sinh, Ban Học tập và Ban Cứu tế các khám tù.

Việc cải tổ lại tổ chức, có nhiều đảng viên không đồng tình, song thực tế, đây là sự chuyển hướng về tổ chức và phương châm hoạt động thích hợp trong tình hình địch đánh phá ác liệt nhằm bảo vệ cán bộ, hạn chế tổn thất.

Thông qua những đảng viên làm ở Nhà bếp, Sở Tẩy và các sở tù ngoài, Đảng ủy đã liên hệ được với các đoàn tù mới ra để nắm bắt tin tức và thông báo tình hình trên đảo, phổ biến kinh nghiệm đấu tranh chống khủng bố, kinh nghiệm bảo vệ sức khỏe, chống bệnh tật trong tù. Trong tình hình địch khủng bố ác liệt và bệnh tật phát sinh nhiều, Đảng ủy đã đặt công tác cứu tế tù nhân lên hàng đầu. Đảng ủy chỉ thị cho tất cả các trại giam, các sở tù, những nơi có tù chính trị đều phải lập các tổ cứu tế, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, bằng mọi giá phải bảo vệ mạng sống của tù nhân, bảo vệ cán bộ của Đảng.

Ban trật tự phân công những đảng viên trung kiên phụ trách từng mâm cơm (mười người) để quản lý, động viên và bồi dưỡng ý chí cách mạng cho anh em. Cơm tù ngày càng ít đi, đồng chí trưởng mâm phải chia cơm cho từng người, có khi đến phần mình chỉ còn những hạt cơm cuối cùng ít ỏi. Khu vực gần cửa thoáng mát được ưu tiên dành cho những người già yếu. Một vài tia nắng lọt vào qua kẽ ngói rọi vào trong khám cũng được nhường cho các đồng chí bệnh lao sưởi ấm lá phổi trong khoảnh khắc. Những người tù cộng sản luôn sẵn lòng chia nhau từng muỗng cơm tù, từng tấm áo tù và chia sẻ với nhau cả những trận đòn đổ máu. Thương người hơn cả thương thân là phẩm chất cao quý của người cộng sản trong tù. Trước ngưỡng cửa của thần chết và sự dày đọa nghiệt ngã nhất của kẻ thù thì đức độ của những người cộng sản càng tỏa sáng. Nhiều đồng chí đã nhường nhau một vệt nắng trong khám tối, một viên thuốc khi lâm bệnh, một

miếng cháo khi đói lòng... Có những lúc, tổ chức phải phân xử cho ai được nhận phần nhường nhịn ấy.

Đảng ủy tập trung mọi nỗ lực chỉ đạo công tác cứu tế, cứu mạng sống của người tù. Chế độ cấm cố, chế độ khô mục và chế độ đánh đập hằng ngày của bọn gác ngục làm cho sức khỏe tù nhân suy sụp và bệnh tật phát triển rất nhanh. Căn bệnh phổ biến và nguy hiểm lúc ấy là kiết lỵ và ghẻ hờm (còn gọi là ghẻ hầm). Cuối năm 1941, tù nhân phát bệnh chết nhiều. Các banh ngày nào cũng có người chết. Riêng Banh II có thời gian mỗi ngày hơn 20 người tù chết. Chôn chật nghĩa địa Hàng Keo, bọn chúa ngục cho mở thêm nghĩa địa Hàng Dương để chôn tù. Nhờ mạng lưới đảng viên ở các sở tù bên ngoài, Đảng ủy đã tổ chức việc tìm kiếm và chế biến thuốc nam chữa bệnh cho tù nhân. Đảng ủy còn tổ chức làm kinh tế để đóng góp vào quỹ cứu tế. Những đồng chí có tay nghề được phân công làm các loại kim khâu, kim máy may, tiện các hộp thuốc lá bằng gỗ găng, làm tẩu thuốc lá bằng cây dương nước, làm cúc áo, vòng, lược, bằng đồi mồi v.v... để bán cho gácdang, ma tà và thủy thủ. Các sản phẩm được tập trung về một đầu mối, tiền bán được đem về nộp cả vào quỹ cứu tế.

Qua các cơ sở ở Nhà thương và Nhà bếp các banh, Đảng ủy đã gửi đến các khám tù cấm cố từng nhúm muối để ăn thay khô mực, từng trái ớt tươi, từng ngọn rau xanh đến lọ dầu xoa, viên thuốc bệnh. Nhiều đồng chí được đưa ra ngoài làm đã tranh thủ gài bẫy bắt từng con chim sẻ về góp cho Ban Cứu tế để nấu cháo cho những người yếu, bệnh. Đồng chí Tôn Đức Thắng được đưa ra Sở Lưới lái ca nô, mỗi lần đi đánh cá đều lượm những con cá nhỏ giắt vào kẽ áo tơi, về ngang qua Bản Chế gỡ ra để anh em kho nấu và chuyển vào cho khám tù cấm cố. Đảng ủy bố trí cho Lang Kiểu ra ngoài làm thuốc nam,

chữa bệnh cho anh em. Trong hoàn cảnh lao tù, ông sử dụng nhiều bài thuốc đặc trị như dùng huyết heo chữa bệnh đường ruột, dùng cơm cháy chữa bệnh bao tử, dùng cỏ tranh chữa bệnh đái đường, dùng chuối hột, cám gạo chữa bệnh kiết lỵ, thương hàn, dùng hồ tiêu, hành củ, ngải rừng chữa bệnh sốt rét... cứu sống hàng trăm người tù trong thời kỳ bị khủng bố trắng.

Cuối năm 1941, mãn hạn tù, đồng chí Nguyễn Duy Trinh được đưa về đất liền. Trước khi mãn án, đồng chí đã bàn giao lại công tác Đảng và quỹ cứu tế cho các đồng chí: Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Trần Ngọc Danh. Đêm cuối cùng, trước khi rời đảo, đồng chí còn nhờ bạn tù công kênh lên mái nhà giam, trao đổi với đồng chí Lê Văn Lương những trăn trở của mình về tình hình nội bộ tù chính trị và một số vấn đề liên quan đến phương châm, sách lược đấu tranh trong tù.

Hơn 6 năm trong nhà tù Côn Đảo, đồng chí Nguyễn Duy Trinh đã góp phần không nhỏ trong việc "biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng", đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ cho Đảng ta. Đặc biệt là trong hơn 4 năm là Bí thư Đảng bộ nhà tù, đồng chí đã có vai trò quan trọng trong việc tổ chức cho anh em tù chính trị nghiên cứu sâu lý luận, nắm vững quan điểm của Đảng, bám sát thực tiễn đấu tranh cách mạng, xây dựng quan điểm đúng đắn về tổ chức và phương châm, phương pháp đấu tranh trong tù, nhất là trong thời kỳ địch khủng bố trắng tại nhà tù Côn Đảo.

Về phần mình, đồng chí cũng đã tự rèn luyện, học tập và nghiên cứu lý luận rất cơ bản tại "trường học cộng sản sau song sắt", để tiếp tục trưởng thành trong cương vị một người lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta sau này.

ĐỒNG CHÍ LÊ HỒNG PHONG NHỮNG NGÀY Ở NHÀ TÙ CÔN ĐẢO[1]

Cuối năm 1937, Lê Hồng Phong về nước, hoạt động ở Sài Gòn - Chợ Lớn với thẻ căn cước mang tên La Anh, một thương nhân Trung Quốc, bị thực dân Pháp bắt (22-6-1938), kết án 10 tháng tù, sau đó bị quản thúc ở quê.

Lần thứ hai, Lê Hồng Phong bị bắt ngày 29-9-1939. Địch biết rõ Lê Hồng Phong là một cán bộ lãnh đạo quan trọng của Đảng, là Ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản nhưng không có chứng cứ buộc tội, chúng kết án 5 năm tù giam với một lời buộc tội vu vơ là *chịu trách nhiệm tinh thần về cuộc Nam Kỳ khởi nghĩa* và đày ra Côn Đảo.

Lớp tù nhân ra sau Nam Kỳ khởi nghĩa hầu hết bị cấm cố ở Banh III và Banh II. Ở Côn Đảo, Lê Hồng Phong bị cấm cố ở xà lim Sở Muối, trên con đường từ thị trấn đi ra mũi Cá Mập, cách trung tâm thị trấn khoảng một cây số. Mục đích của chúng là cô lập Lê Hồng Phong với tổ chức tù chính trị Côn Đảo. Tuy nhiên, qua hệ thống cơ sở tù chính trị làm khổ sai và bồi bếp, tổ chức Đảng ở Côn Đảo đã liên lạc được với đồng chí Lê Hồng Phong.

Chi bộ đặc biệt ở nhà tù Côn Đảo được hình thành từ năm 1932 đã phát triển thành Đảng ủy, có hệ thống

1 Bài in trong sách *Lê Hồng Phong - người cộng sản kiên cường*, Nxb Chính trị Quốc gia, H, 2002.

cơ sở Đảng trong các khám tù chính trị và các sở lao động khổ sai, đồng chí Nguyễn Duy Trinh là Bí thư Đảng ủy[1], các đồng chí: Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Trần Ngọc Danh, Võ Sỹ... tham gia Đảng ủy. Thông qua các đầu mối liên lạc, đồng chí Lê Hồng Phong đã truyền đạt lại tinh thần các văn kiện về Đại hội lần thứ 7 của Quốc tế Cộng sản (7-1935) cho các đồng chí có trách nhiệm. Trên cơ sở các văn kiện về Đại hội lần thứ 7 của Quốc tế Cộng sản, Đảng ủy Côn Đảo đã phân tích rõ thế yếu của chủ nghĩa phát xít, giáo dục rộng rãi cho cán bộ đảng viên lòng tin tất thắng vào sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Liên Xô và các lực lượng tiến bộ chống chủ nghĩa phát xít.

Chế độ cấm cố, chế độ khổ mục và chế độ đánh đập hằng ngày của bọn gác ngục làm cho sức khỏe tù nhân suy sụp và bệnh tật phát triển rất nhanh. Bệnh xá Côn Đảo chật, Bơruionnê cho lựa những người tù bệnh tập trung về Banh II (lúc ấy gọi là Banh Nhà thương). Do bị cấm cố khắc nghiệt và chế độ ăn uống tồi tệ, đồng chí Lê Hồng Phong bị kiết lỵ khá nặng, được chuyển về Banh II, bị cấm cố tại dãy xà lim Banh II.

Hằng ngày, thầy thuốc vào coi bệnh và phát thuốc. Căn bệnh phổ biến và nguy hiểm ở Côn Đảo lúc ấy là kiết lỵ và ghẻ hờm (còn gọi là ghẻ hầm). Nhưng bất cứ bệnh gì, thầy thuốc nhà tù cũng chỉ cho có hai thứ thuốc: nước vôi và bột than. Chỉ trường hợp cấp cứu mới đưa vào Nhà thương và được tiêm một, hai ống thuốc hồi sức.

---

1 Bí thư Chi bộ đầu tiên là đồng chí Nguyễn Hới, tiếp đó là các đồng chí: Ngô Gia Tự, Tôn Đức Thắng. Các đồng chí Nguyễn Hới và Ngô Gia Tự lần lượt vượt ngục và hy sinh. Đồng chí Tôn Đức Thắng được cử làm Hội trưởng Hội tù nhân, đặc trách cứu tế và giao thông liên lạc. Đồng chí Nguyễn Duy Trinh được cử làm Bí thư.

Thật ra, những tù nhân bệnh tật chẳng được chữa chạy gì. Họ chỉ được tập trung về một nơi và lần lượt chết ở đấy. Tất cả tù nhân bị bệnh vẫn bị xiềng chân, cấm cố, chế độ ăn uống tồi tệ, các yêu sách đều được trả lời bằng roi vọt.

Đây là thời kỳ khủng bố khốc liệt tại nhà tù Côn Đảo. Cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ (23-11-1940) đã làm rung chuyển cả nền móng của chế độ thuộc địa khiến cho bọn thực dân vừa điên cuồng khủng bố trả thù, vừa nơm nớp lo sợ. Chúng sợ cả những người tù đang bị xiềng xích, đọa đày. Bọn gác ngục vẫn tiếp tục đàn áp khủng bố tù nhân, có lần chúng đánh vào đầu đồng chí Lê Hồng Phong ngay trong bữa ăn, máu chan đỏ bát cơm. Đồng chí vẫn điềm nhiên ăn và nói với đồng đội: "*Bọn chúng muốn mình chết, mình phải ráng sống mà đấu tranh, sống để phục vụ cách mạng*".

Trong xiềng xích đọa đày, những người cộng sản Việt Nam hồi hộp và lo lắng theo dõi cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại của nhân dân Liên Xô. Nội dung các văn kiện của Đại hội lần thứ 7 của Quốc tế Cộng sản cùng những tin tức về những trận chiến đấu của Hồng quân Liên Xô ở Xmôlenxcơ và Xtalingơrát truyền đến Côn Đảo trở thành nguồn cổ vũ lớn lao đối với những người cộng sản Việt Nam trong lao tù.

Đồng chí Lê Hồng Phong đã giới thiệu những thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô để củng cố niềm tin tất thắng cho mọi người. Tin tưởng ở thắng lợi cuối cùng của cách mạng, đồng chí Lê Hồng Phong đã làm một bài thơ 8 câu vẽ nên viễn cảnh đất nước sẽ được giải phóng, "địa ngục trần gian" Côn Đảo sẽ

được xóa bỏ, Côn Đảo sẽ trở thành một thắng cảnh rất đẹp, trên bến dưới thuyền, thành nơi nghỉ mát của những người lao động. Đồng chí còn dạy cho anh em bài *Cô gái Nga* mà đồng chí sáng tác trong thời gian học ở Liên Xô[1].

Cùng bị giam trong dãy xà lim Banh II còn có nhà yêu nước Nguyễn An Ninh, lãnh tụ Tơrốtkít Tạ Thu Thâu và Huỳnh Văn Thảo (Giáo Thảo), một trong những lãnh tụ chính trị của đạo Cao Đài. Nhiều cuộc tranh luận thường xảy ra giữa Tạ Thu Thâu và Huỳnh Văn Thảo, xung quanh vấn đề có hay không một "đấng toàn năng" (Thượng Đế). Huỳnh Văn Thảo một mực quả quyết rằng mọi việc trên đời chỉ do một "đấng chí tôn" định đoạt, còn Tạ Thu Thâu thì cho rằng, không có Thượng Đế. Mọi danh từ như Trời - Phật - Thánh - Thần chỉ là mê hoặc chúng sinh.

Cuộc tranh luận nhiều khi trở nên gay gắt. Đồng chí Lê Hồng Phong và nhà yêu nước Nguyễn An Ninh cũng tham gia tranh luận và hòa giải giữa hai người. Đồng chí Lê Hồng Phong nêu quan niệm duy vật biện chứng về vũ trụ và về xã hội loài người, trình bày quan niệm mácxít về tôn giáo, về giai cấp, về vai trò quyết định của con người trong những hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Cuối cùng, đồng chí Lê Hồng Phong hướng về thực tại, về nhiệm vụ giải phóng dân tộc của mỗi người dân Việt Nam, về yêu cầu đoàn kết đấu tranh chống chế độ khủng bố trong nhà tù Côn Đảo...

Mặc dù không dễ thông suốt về tư tưởng, song việc đoàn kết đấu tranh chống chế độ lao tù hà khắc có ý nghĩa rất quan trọng, góp một phần vào cuộc đấu tranh

---

1 Bài hát được nhiều người yêu thích và phổ biến trong những năm kháng chiến chống Pháp ở Côn Đảo. (Phụ trang báo *Quân đội nhân dân*, tháng 8-1985, trang 25).

chống khủng bố của tù chính trị trong thời kỳ này. Chi bộ đặc biệt vẫn tích cực chỉ đạo chống khủng bố. Thông qua những đảng viên làm ở Nhà bếp, Sở Tẩy và các sở tù ngoài, chi bộ đã liên hệ được với các đoàn tù mới ra để nắm bắt tin tức và thông báo tình hình trên đảo, phổ biến kinh nghiệm đấu tranh chống khủng bố, kinh nghiệm bảo vệ sức khỏe, chống bệnh tật trong tù. Trong tình hình địch khủng bố ác liệt và bệnh tật phát sinh nhiều, chi bộ đã đặt công tác cứu tế tù nhân lên hàng đầu. Chi bộ chỉ thị cho tất cả các trại giam, các sở tù, những nơi có tù chính trị đều phải lập các tổ cứu tế, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, *bằng mọi giá phải bảo vệ mạng sống của tù nhân, bảo vệ cán bộ của Đảng.*

Nhiều đồng chí được đưa ra ngoài làm đã tranh thủ gài bẫy bắt từng con chim sẻ về góp cho *Ban cứu tế* để nấu cháo cho những người yếu, bệnh. Đôi lần, đồng chí Lê Hồng Phong nhận được chút thuốc Nam của Lang Kiều, những con cá vụn kho mặn mà đồng chí Tôn Đức Thắng gửi qua mạng lưới cứu tế vào khám tù cấm cố. Những nỗ lực cứu tế của Hội tù nhân và Đảng ủy Côn Đảo đã cứu được hàng trăm tù chính trị thoát khỏi bàn tay tử thần, nhưng chỉ làm vơi đi một phần tang thương, chết chóc trong thời kỳ khủng bố trắng của thực dân Pháp.

Theo số liệu tổng kết chưa đầy đủ, có khoảng 3.000 tù nhân đã chết bởi chế độ tù đày ải nghiệt ngã của thực dân Pháp trong thời kỳ này, trong đó có đồng chí Lê Hồng Phong, các nhà yêu nước Nguyễn An Ninh, Võ Công Tồn. Mỗi người chết được bó hai chiếc bao bàng[1], một chiếc trùm từ đầu xuống, một chiếc từ chân lên, sau đó được cột chặt bằng 7 nút lạt ở cổ, ở bụng và ở chân.

1 Bao đựng đồ, đan bằng một loại cỏ ống mọc nhiều ở vùng đồng trũng Nam Bộ.

Bọn gác ngục đưa tù thường phạm đến lượm xác tù nhân chất lên xe bò chở ra Nghĩa trang Hàng Dương vùi qua loa xuống cát, cảnh tượng thật là thê thảm.

Lê Hồng Phong hy sinh ngày 6-9-1942 tại khu cấm cố biệt lập Banh II. Trước khi nhắm mắt, đồng chí đã trăng trối với các bạn tù: *"Nhờ các đồng chí nói với Đảng rằng, tới giờ phút cuối cùng, Lê Hồng Phong vẫn một lòng tin tưởng ở thắng lợi vẻ vang của cách mạng."*

Những người tù chính trị và tù thường, mỗi lần đi làm khổ sai qua Hàng Dương lại đắp lên ngôi mộ của nhà yêu nước Nguyễn An Ninh và mộ đồng chí Lê Hồng Phong từng viên gạch, đá, bất chấp sự đánh đập của bọn gác ngục.

Tháng 8-1945, ngay sau khi giành được chính quyền, những người tù chính trị Côn Đảo đã viếng mộ đồng chí Lê Hồng Phong và xây cất tạm ngôi mộ bằng những viên gạch do tù nhân sản xuất tại Côn Đảo. Ngày 17-9-1945, Đoàn đại biểu của Chính phủ Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ do đồng chí Tưởng Dân Bảo dẫn đầu ra đón tù chính trị đã kính cẩn đặt vòng hoa viếng mộ đồng chí Lê Hồng Phong và mộ nhà chí sĩ yêu nước Nguyễn An Ninh. Không ai cầm được nước mắt khi đứng trước hàng ngàn nấm mồ vô danh của nhiều thế hệ, giữa một vùng cát vàng, xương trắng mênh mông.

Thời kháng chiến chống Pháp cũng như kháng chiến chống Mỹ, bọn gác ngục đã nhiều lần cho tay chân đập phá ngôi mộ đồng chí Lê Hồng Phong để hạ uy thế tù chính trị, nhưng sau mỗi lần đập phá, tù chính trị đều dựng lại mộ bia cho đồng chí Lê Hồng Phong. Sau ngày hoàn toàn giải phóng, ngôi mộ đồng chí Lê Hồng Phong đã được xây cất lại đàng hoàng, và mới đây được tôn tạo lại trong quy hoạch xây dựng Nghĩa trang Hàng Dương Côn Đảo.

ĐỒNG CHÍ LÊ DUẨN NGƯỜI HỌC VIÊN XUẤT SẮC TRONG NHÀ TÙ CÔN ĐẢO[1]

Cuối năm 1933, thực dân Pháp đày 200 tù chính trị ở Sơn La và Hỏa Lò (Hà Nội) ra Côn Đảo, trong số đó có đồng chí Lê Duẩn và một số cán bộ lãnh đạo Xứ ủy, Tỉnh ủy ở Bắc Kỳ. Đồng chí Lê Duẩn bị cấm cố ở Banh II.

Banh II lúc đó đã có *Ban Lãnh đạo* ở mỗi khám và *Ban Lãnh đạo chung* trong banh do các đồng chí: Phạm Hữu Lầu, Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Quốc Việt, Phạm Văn Đồng, Lương Khánh Thiện... phụ trách, dưới hình thức các *Ban trật tự* để che mắt địch. Trong lúc *Chi bộ đặc biệt* ở Banh I lãnh đạo tù nhân án khổ sai đấu tranh đòi giảm nhẹ mức khổ sai thì *Ban Lãnh đạo* Banh II chủ trương tổ chức học tập văn hóa, lý luận và lãnh đạo tù chính trị Banh II đấu tranh đòi cải thiện chế độ nhà tù, đòi được đọc sách báo, được nhận thư từ, bưu phẩm và đòi quy chế tù chính trị. Trên cơ sở những thắng lợi giành được qua các cuộc đấu tranh trong những năm 1933 - 1934, Ban Lãnh đạo Banh II chủ trương đẩy mạnh việc học tập nhằm nâng cao trình độ cho cán bộ, đảng viên.

---

1 Kỷ yếu Hội thảo khoa học về đồng chí Lê Duẩn do Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu tổ chức tại Vũng Tàu tháng 4-2000. Bài in trong sách *Nhà tù Côn Đảo - Nhà lao Phú Quốc*, Nxb Lao Động, Hà Nội, 2005.

Nhờ giữ vững liên lạc với Đảng ta và Đảng Cộng sản Pháp, các đồng chí ở Côn Đảo có được nhiều tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác như: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, Tư bản, Chống Đuyrinh, Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán, Làm gì? Bệnh ấu trĩ "tả" khuynh trong phong trào cộng sản, Hai sách lược của Đảng xã hội - dân chủ trong cách mạng dân chủ, Nguyên lý của chủ nghĩa Lênin, Những vấn đề của chủ nghĩa Lênin v.v...* Một số đồng chí có trình độ đã tóm tắt, lược dịch làm tài liệu học tập cho anh em.

Hai lớp triết học và kinh tế chính trị học chương trình B (trung cấp) thu hút hàng trăm tù chính trị Banh II. Các đồng chí có trình độ lý luận đã tốt nghiệp Đại học phương Đông ở Liên Xô hoặc đã qua các lớp huấn luyện ở Quảng Châu do đồng chí Nguyễn Ái Quốc mở được chỉ định làm giảng viên. Sau khi nghiên cứu kỹ bài giảng, các đồng chí trình bày trước lớp học. Những đề mục và nội dung cơ bản được viết lên nền khám bằng những mẩu san hô đã nung thành vôi. Sau mỗi bài giảng, mọi người lại thảo luận sôi nổi trong từng nhóm hay thảo luận chung trong lớp.

Lớp A (chương trình cao cấp) dành cho một số đồng chí có trình độ như: Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Bùi Công Trừng... chuyên nghiên cứu các tác phẩm kinh điển của Mác, Ăngghen, Lênin, từ nguyên bản tiếng Pháp. Đồng chí Lê Duẩn thích nghiên cứu sách kinh điển bằng cách mỗi người đọc và nghiên cứu kỹ một tác phẩm rồi trình bày nội dung cơ bản cho mọi người nghe, giải nghĩa từng chương, từng phần, trên cơ sở đó mà mọi người thảo luận rồi giải nghĩa từng đoạn, từng câu. Nhiều vấn đề được nêu lên và thảo luận sôi nổi. Các

đồng chí: Lê Duẩn, Nguyễn Văn Cừ, Bùi Công Trừng thường tranh luận với nhau hàng ngày, vấn đề gì cũng phải giải quyết triệt để mới thôi, chỗ nào chưa hiểu lại đem sách kinh điển ra đọc lại từng câu, từng ý.

Khi nghiên cứu tác phẩm *Chống Đuyrinh* (của Ăngghen), đến câu: "La violece lest? L'accouchement de toute sociétte grosse d'une nouvelle" (Bạo lực là bà đỡ của mọi xã hội cũ đang thai nghén ra một xã hội mới) thì mọi người tranh luận rất nhiều. Có đồng chí hiểu như vậy là chưa đúng chủ nghĩa Mác, xã hội mới đã thai nghén sẵn trong lòng xã hội cũ, cũng như người phụ nữ thai nghén đứa con trong bụng, cần người đỡ cho đứa con ra đời.

Học vấn đề gì đồng chí Lê Duẩn cũng thường liên hệ với thực tiễn cách mạng Việt Nam, với lịch sử dân tộc để rút ra những bài học bổ ích. Đồng chí thường nói với anh em: *"Học lý luận cách mạng là cốt để vận dụng một cách sáng tạo vào cuộc vận động cách mạng mà mình đang tiến hành; do đó mà cần phải có tình thương vô hạn với nhân dân, với dân tộc và loài người đau khổ thì mới biến lý luận thành hành động cách mạng được".*

Những năm 1935 - 1936, cùng với những thắng lợi giành được trong cuộc đấu tranh đòi giảm nhẹ khổ sai, cải thiện chế độ nhà tù và đòi quy chế tù chính trị, phong trào học lý luận và văn hóa phát triển sôi nổi khắp Banh I và Banh II. Các khám tù chính trị ban đêm đèn sáng như sao, mọi người chụm đầu vào đọc và viết. Những đồng chí án nhẹ 5 năm, 10 năm tin có ngày về nên ráng học để phục vụ cách mạng. Các đồng chí mang án chung thân lưu đày cũng tin tưởng sự thành công của cách mạng mà học. Ngay cả những người không nghĩ đến ngày về cũng lao vào học để hiểu thêm lẽ sống, để sống

lạc quan, tăng thêm sức mạnh đấu tranh với quân thù. Đồng chí Lê Duẩn và đồng chí Nguyễn Văn Cừ được anh em tù công nhận là hai học viên lý luận xuất sắc nhất, còn đồng chí Bùi Công Trừng thì được mệnh danh là "giáo sư đỏ", "lý luận gia mác xít".

Năm 1936, do thắng lợi trong phong trào đấu tranh của nhân dân ta và phong trào Mặt trận bình dân Pháp, đồng chí Lê Duẩn cùng hàng trăm tù chính trị ở nhà tù Côn Đảo được trả lại tự do, cung cấp một nguồn cán bộ lãnh đạo cho Đảng ta.

Tháng giêng năm 1940, đồng chí Lê Duẩn lại bị thực dân Pháp bắt ở Sài Gòn và sau đó bị đày ra Côn Đảo. Lần này, đồng chí bị giam ở khám 8 Banh III, khu vực dành riêng cho những người tù "nguy hiểm". Đồng chí vẫn tiếp tục giúp anh em học tập bằng cách trao đổi, giải thích các vấn đề lý luận và giảng giải các nghị quyết của Đảng.

Sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, thực dân Pháp khủng bố rất khốc liệt. Hàng ngàn tù chính trị đã chết trong thời kỳ này vì đòn roi và chế độ đày ải khắc nghiệt, vì các bệnh kiết lỵ, ghẻ hờm. Đồng chí Lê Duẩn thường khuyên anh em không nên ăn cá khô mục của nhà tù, một trong những nguyên nhân gây ra bệnh kiết lỵ. Thỉnh thoảng, Bác Tôn phụ trách công tác cứu tế khi đó lái ca nô ở Sở Lưới chuyển vào cho một ít mắm tép, cá kho, anh em chia nhau bồi dưỡng để giữ gìn sức khỏe.

Những người bạn tù trong khám 8 Banh III còn nhớ hình ảnh đồng chí Lê Duẩn không một mảnh vải trên người, trầm ngâm hàng ngày, hàng giờ, đi lại chậm rãi quanh khám giam, suy nghĩ về đường lối cách mạng giải phóng dân tộc. Khi nảy ra một ý kiến gì hay, đồng chí

trao đổi ngay với anh em, và tranh luận rất sôi nổi. Cũng tại nơi này, đồng chí đã nhận tấm áo của người bạn tù Vũ Văn Hiếu, người Bí thư đầu tiên của khu mỏ Hồng Quảng trước khi nhắm mắt với lời trăng trối: *"Ráng sống mà hoạt động cho cách mạng"*.

Từ cuối năm 1943, Bác Tôn và đồng chí Phạm Hùng bố trí cho đồng chí Lê Duẩn ra làm y tá ở nhà thương Côn Đảo, nhằm giải tỏa chế độ cấm cố, bảo vệ cán bộ. Với trí tuệ sắc sảo, đồng chí Lê Duẩn đã đóng góp với Đảo ủy nhiều ý kiến quan trọng trong các chủ trương hoạt động và đấu tranh với địch.

Tháng 8-1945, được tin phát xít Nhật bại trận và nhiều nơi trong nước đã khởi nghĩa giành chính quyền, anh em tù chính trị thảo luận sôi nổi. Nhiều người đề nghị nên cướp chính quyền ở Côn Đảo rồi tổ chức vượt biển về đất liền. Đồng chí Lê Duẩn đã đề xuất chủ trương *giành chính quyền bằng phương pháp hòa bình* để tránh đổ máu không cần thiết. Chủ trương ấy được Đảo ủy chấp nhận và giao cho đồng chí cùng các đồng chí trong Đảo ủy đi giải thích, thuyết phục anh em tù. Đồng chí cũng là một thành viên của đoàn đại biểu tù chính trị đến đấu tranh với Lê Văn Trà, quyền chúa đảo lúc ấy, đòi giao chính quyền ở Côn Đảo cho tù chính trị.

Trung tuần tháng 9 năm 1945, Ủy ban Hành chính Nam Bộ đã đưa tàu "Phú Quốc" và một đoàn ghe ra đón chính trị phạm ở Côn Đảo. Gần 2.000 tù chính trị ở Côn Đảo về đã lao vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và trở thành cán bộ lãnh đạo chủ chốt của các tỉnh Nam Bộ trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến. Đồng chí Lê Duẩn được cử làm Bí thư Xứ ủy và sau đó là Bí thư Trung ương Cục miền Nam.

CHI BỘ ĐẶC BIỆT VÀ CUỘC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 Ở CÔN ĐẢO[1]

Chi bộ đặc biệt do các đồng chí: Nguyễn Hới, Tôn Đức Thắng, Tống Văn Trân, Tạ Uyên... sáng lập tại Banh I năm 1932. Năm 1933, Chi ủy được bổ sung nhiều cán bộ có năng lực như: Ngô Gia Tự, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Nguyễn Chí Diểu, Trần Quang Tặng... Năm 1935, bổ sung Nguyễn Duy Trinh.

Ngô Gia Tự vượt ngục và hy sinh trên biển (1934), Tạ Uyên và Tống Văn Trân vượt ngục thành công về tham gia chỉ đạo cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (1940). Nguyễn Chí Diểu được ân xá (1936) về hoạt động và thường gửi thư cho các đồng chí còn bị giam giữ ngoài đảo.

Mùa thu năm 1940, Chi bộ nhận được tài liệu của Xứ ủy Nam Kỳ, trong đó có Nghị quyết Hội nghị Trung ương tháng 11- 1939 về vấn đề giải phóng dân tộc. Chi bộ đã quán triệt cho anh em tù chính trị cộng sản. Trong năm 1941, có hơn 4.000 tù chính trị tham gia Khởi nghĩa Nam Kỳ bị đày ra đảo. Hàng ngàn người đã chết thê thảm, trong đó có đồng chí Lê Hồng Phong và hai nhà yêu nước tên tuổi như: Nguyễn An Ninh, Võ Công Tồn.

---

1 *Thông tin Công tác Tuyên giáo Bà Rịa - Vũng Tàu*, số tháng 8-1996.

Chi ủy họp, cử Phạm Hùng làm Bí thư thay Nguyễn Duy Trinh vừa mãn án. Một số đồng chí có năng lực được bổ sung vào cấp ủy như: Trần Ngọc Danh, Võ Sỹ, Văn Viên. Chi bộ tập trung mọi nỗ lực vào hoạt động cứu tế tù nhân. Nhiều đảng viên được vận động ra làm các sở ngoài bằng cách lót tiền cho Giám thị trưởng. Bác Tôn được trở lại Sở Lưới. Trần Xuân Độ ở Banh II ra làm ở Bản Chế. Lê Văn Lương, Phạm Hùng cũng được làm khổ sai trong sân Banh I, Lang Kiều ra chữa bệnh cho Sở Recherche (Sở Truy tầm tù trốn)...

Lang Kiều sinh trưởng ở Cao Lãnh, nổi tiếng là thần đồng về Đông y từ năm 17 tuổi, bị án 20 năm khổ sai trong vụ đánh cướp tàu Nguyễn Văn Kiệu, làm "kinh tế mạo hiểm", lấy của nhà giàu tài trợ cho cách mạng. Bọn gác ngục mỉa mai: "*D.M. Thầy lang mà cũng đi ăn cướp*". Lang Kiều hóm hỉnh đẩy dóc một câu: "*Ăn cướp cũng có ba bảy đường. Tôi bị buộc tội ăn cướp vì muốn đánh lấy một bộ sách thuốc quý của Việt Nam mà một tay lang băm đánh cắp bán cho ngoại bang. Nghề thuốc của tôi dư sống, cần gì phải ăn cướp*".

Bọn gác ngục bán tín bán nghi, nhưng chúng phục tài Lang Kiều chữa bệnh. Mười năm ở đảo, Lang Kiều tổ chức vượt ngục hơn 10 lần, có lần về đến đất liền lại bị bắt đày ra đảo. Mỗi lần vượt ngục không thành, bị Toustou săn đuổi bắt được là một lần bị phạt. Lần này, chính Toustou, Chủ sở Recherche đưa Lang Kiều từ hầm cấm cố ra chữa bệnh cho Sở Truy tầm tù trốn. Toustou chẳng thiện cảm gì nhưng hắn cần Lang Kiều ra chữa bệnh cho nhân tình của hắn, cũng là vợ của một tên gác ngục khác, đang có vấn đề phụ khoa mà thầy thuốc Tây bó tay. Nhân thể, sử dụng Lang Kiều chữa bệnh cho đám nhân viên Recherche.

Tương kế tựu kế, Lang Kiều tranh thủ cơ hội này kiếm thuốc chữa bệnh cho anh em. Lang Kiều đề xuất, Toustou đồng ý điều thêm người, cho lập tổ bào chế thuốc Nam, cứu sống hàng trăm sinh mạng tù chính trị. Lang Kiều thạo chữ Hán, đọc nhiều sách thuốc, rành y lý phương Đông, giỏi về Nam dược. Trong hoàn cảnh lao tù, anh sử dụng nhiều bài thuốc đặc trị như: dùng huyết heo chữa bệnh đường ruột, dùng cơm cháy chữa bệnh bao tử, dùng cỏ tranh chữa bệnh đái đường, dùng chuối hột, cám gạo chữa bệnh kiết lỵ, thương hàn, dùng hồ tiêu, hành củ, ngải rừng chữa bệnh sốt rét... Đối với bọn nhân viên Recherche gian ác, anh cũng có luật chơi. Anh bốc thuốc công hiệu nhanh nhưng công phạt mạnh để hành hạ chúng.

Nhật đảo chính (9-3-1945), bắt giam toàn bộ lính Pháp ở Côn Đảo. Riêng số gác ngục, chúng tước vũ khí, tiếp tục cho coi tù dưới sự điều khiển của gác ngục người Việt và số tù thân Nhật. Chi bộ giao cho Lang Kiều, bằng mọi cách tranh thủ Toustou, tổ chức một cuộc vượt ngục đưa một số cán bộ có năng lực về tiếp sức cho Đảng, đón thời cơ lớn. Toustou nói với Lang Kiều rằng, trước đây hắn ghét cộng sản nhưng bây giờ hắn thấy cộng sản đứng đắn, không trả thù cá nhân, không giống đám thân Nhật... Một bữa gặp Toustou, Phạm Hùng chủ động tấn công:

- Quân Nhật thua đến nơi rồi. Sự thất bại của Nhật có lợi cho cả chúng tôi và các ông. Chúng ta không thể ngồi yên mà chờ được. Ông có thể ủng hộ một số anh em chúng tôi vượt ngục về hoạt động chống Nhật được không?

- Các anh muốn làm gì thì làm, tôi không ủng hộ được.

Phạm Hùng trao đổi với Lê Văn Lương: tín hiệu được đấy, lặng lẽ mà làm và nhắn Lang Kiều khẩn trương

chuẩn bị. Con thuyền hạ thủy vào trung tuần tháng 4-1945, chi ủy phân công Lang Kiều đi cùng Bác Tôn, Phạm Hùng, Cẩm Tài, Văn Viên. Toustou lờ đi nhưng không may, tên Quản Liễn đã cho quân vây bắt lại để tăng công với quân Nhật. Lần này Toustou không đánh, không phạt, chỉ bắt phơi nắng chiếu lệ rồi cho về khám.

Bọn Nhật thất trận thất thểu xuống tàu về Sài Gòn chờ giải giáp. Chúng đưa tất cả binh lính và gác ngục Pháp về để bàn giao cho quân Đồng Minh sắp kéo vào. Hôm đó là ngày 25-8-1945. Trước đó chúng đã trao quyền cai trị quần đảo và nhà tù cho Lê Văn Trà trong một lễ trao trả độc lập giả hiệu. Hai trung đội lính bảo an người Việt được phái ra đảo làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự. Người sĩ quan chỉ huy tên là Bao tìm gặp Phạm Hùng để thông báo tình hình trong nước và truyền đạt chủ trương của Xứ ủy về việc nắm thời cơ, giành chính quyền. Bao cho biết, Hà Nội và nhiều tỉnh ngoài Bắc, chính quyền đã về tay Việt Minh. Trong này thì Long An làm rồi, Sài Gòn có lẽ chỉ nay mai. Bao khẳng định rằng, anh em bảo an binh có cảm tình với cách mạng.

Lực lượng bảo an trở thành hậu thuẫn đắc lực cho tù chính trị. Hôm sau, Lê Văn Lương, Phạm Hùng, Bác Tôn, Trần Ngọc Danh, Văn Viên, Võ Sỹ, Lã Vĩnh Lợi gặp Chúa đảo Lê Văn Trà, yêu cầu bàn giao chính quyền trên đảo cho tù chính trị. Trà không chịu, viện cớ chưa có lệnh của chính phủ. Nhiều anh em nôn nóng, muốn bạo động cướp chính quyền. Lê Văn Lương, Phạm Hùng, Bác Tôn giữ thái độ kiên quyết nhưng mềm mỏng, tránh đổ máu. Khi biết lực lượng bảo an đã ngả theo tù chính trị, Lê Văn Trà chịu lui một bước, để nghị thành lập chính quyền liên hiệp, gọi là Hội đồng Liên hiệp Quốc dân Côn Đảo.

Phạm Hùng tổ chức ngay lực lượng võ trang, gọi là Đoàn phòng thủ Côn Lôn với hơn 300 đội viên, nhiều người từng tham gia khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ, tham gia Cứu quốc quân. Bác Tôn cùng một nhóm thợ giỏi lao vào sửa chiếc ca nô mà bọn Nhật phá hỏng trước khi rút để liên lạc với đất liền và sửa radiô để nghe tin tức. Lê Văn Trà vẫn được sử dụng điều hành các hoạt động hành chính quản trị dưới sự giám sát của Trần Ngọc Danh và Lã Vĩnh Lợi. Lê Văn Lương được Chi ủy giao nhiệm vụ lập danh sách toàn bộ tù chính trị cùng những tù thường phạm đã được giác ngộ chuẩn bị cho ngày trở về.

Sau những ngày tháng trông mong cháy bỏng, đoàn ghe tàu của Ủy ban Hành chánh Nam Bộ ra rước chính trị phạm đã cập bến Côn Đảo ngày 17-9-1945. Đêm 22-8-1945, doàn ghe tàu nhổ neo, đưa những người con ưu tú bị lưu đày trên hòn đảo địa ngục trở về đất liền. Trần Ngọc Danh, Lã Vĩnh Lợi, Tô Thúc Rịch đại diện cho chính trị phạm cộng sản trên tàu Phú Quốc; Lê Văn Lương đi trên chiếc ca nô mang tên Giải Phóng do chính người thủy thủ Tôn Đức Thắng cầm lái, đưa Phạm Hùng và Ban Chỉ huy Đoàn Phòng thủ Côn Lôn đi hộ tống đoàn ghe.

Bác Tôn quả là người cầm lái vĩ đại, không phải chỉ trên chiếc ca nô này mà trong suốt 15 năm trong ngục Côn Đảo. Bên cạnh Bác là hai chàng trai trẻ Lê Văn Lương - Phạm Hùng đầu đội án chém, gan góc và thông minh khiến cả đám gác ngục Tây - tà đều kính nể, mà với đồng chí mình rất đỗi thân thương. Lương siết chặt tay Hùng, ngắm nhìn gió biển lướt trên mái tóc bạc bồng bềnh của Bác Tôn trong bình minh của Tự do - Độc Lập.

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 VÀ SỐ PHẬN CỦA HAI NGƯỜI BỊ TÙ OAN[1]

Mùa hè năm 1944, thực dân Pháp đày 140 tù chính trị án nặng (trên 15 năm) từ Sơn La và Hỏa Lò (Hà Nội) ra Côn Đảo. Nhiều đồng chí trong đoàn tù từng là cán bộ lãnh đạo cấp Trung ương, Xứ ủy, Tỉnh ủy đã có những đóng góp tích cực vào các hoạt động của Đảo ủy Côn Đảo trong giai đoạn này. Trong đoàn tù, có 2 người bị bắt chung một vụ, bị Pháp vu oan là cộng sản, mặc dù cả hai chưa hề biết cộng sản là gì. Đó là Mẫn Xiếc và Trạng sư Khuê, cùng quê ở Phú Thọ.

Anh Mẫn bị bắt trong một lần đưa gánh xiếc lên Đền Hùng biểu diễn. Gặp ngày hội đông người, Việt Minh rải truyền đơn cách mạng. Mật thám Pháp nghi Mẫn là Việt Minh, lợi dụng gánh xiếc để rải truyền đơn nên bắt anh và khép vào tội "tuyên truyền cộng sản". Bị đánh nhiều trận như tử, chết đi sống lại, Mẫn không chịu nổi đòn, đành nhận bừa là cộng sản. Chúng lại đánh nữa tra hỏi tổ chức, hoạt động, người lãnh đạo, Mẫn chẳng biết ai, bèn khai cho ông Khuê, một trạng sư có tiếng trong vùng, hy vọng được ông cãi cho khỏi tội.

Đến lượt Trạng sư Khuê bị bắt, cũng không chịu xiết đòn mật thám, đành nhận khống tội làm cộng sản. Đòn tới đâu, ông khai tới đó. Chúng hỏi liên hệ với ai? Ông

1 *Thông tin Công tác Tuyên giáo Bà Rịa - Vũng Tàu* số tháng 8-1995.

khai: Với Xitalin. Chúng đánh nữa, ông khai cả Mao Trạch Đông, rồi Chu Ân Lai, Chu Đức. Chúng hỏi liên hệ thế nào, ông bảo qua đường dây bí mật mà ông cũng không biết ra sao cả. Đòn mật thám thì ông thua, có chăng là ra tòa mới hy vọng cãi được. Nhưng rốt cuộc, lý lẽ của trạng sư An Nam cãi không lại quan toà Tây. Ông Khuê và Mẫn mỗi người lãnh một án chung thân cấm cố, đày đi Côn Đảo.

Nằm trong Banh III cấm cố, ông Khuê oán hận cộng sản, rằng vì cộng sản mà ông bị tù, bị tội, mất nghiệp, mất gia tài. Không chịu nổi cảnh đày ải khắc nghiệt, ông lâm bệnh nặng, mắc chứng kiết lỵ, người chỉ da bọc xương, thoi thóp nằm chờ chết. Ban Lãnh đạo tù chính trị tập trung thuốc men chữa trị, cứu sống ông. Từ ấy, ông có cảm tình với những người cộng sản. Sau ngày giành chính quyền, Đảng ủy Côn Đảo đã bố trí cho ông về đất liền trong chuyến tàu đầu tiên. Xứ ủy Nam Kỳ đã tạo điều kiện đưa ông về quê đoàn tụ với gia đình.

Khác với Trạng sư Khuê, Mẫn Xiếc hòa nhập rất nhanh vào các sinh hoạt của tù chính trị. Mẫn tham gia học văn hóa, lý luận và sinh hoạt văn nghệ. Tết Ất Hợi (1945), Mẫn tổ chức một gánh xiếc, biểu diễn 28 tiết mục điêu luyện trong sân Banh III. Bọn gác ngục Pháp ngạc nhiên, tưởng như cả một gánh xiếc bị bắt vào tù. Sau ngày giành chính quyền, Mẫn tham gia kháng chiến, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

Cách đây nhiều năm, tôi gặp cụ Mẫn trên giường bệnh. Cụ bảo, cụ đến với cách mạng một cách tình cờ, nhờ mấy trận đòn của mật thám Pháp. May sao, những người tù chính trị ở Côn Đảo đã giác ngộ cụ, đưa cụ đến với lẽ sống cao cả: chiến đấu cho độc lập, tự do của dân tộc.

TRẦN XUÂN ĐỘ
NGƯỜI CÁN BỘ CỤ HỒ TRƯỞNG THÀNH TỪ NHÀ TÙ CÔN ĐẢO[1]

Chỉ thêm vài năm nữa thôi, ông đã là người sống qua ba thế kỷ. Những người đã từng biết ông đều mong ông sống thật lâu, như một cây đại thụ không chỉ về tuổi tác mà đặc biệt về nhân cách, họ rất đỗi tự hào, kính trọng và noi theo.

* * *

Tôi lặng lẽ đi trong dòng người đến viếng ông. Sau lớp kính dày, ông nằm bình thản như vừa chìm vào giấc ngủ. Tôi biết, ông đã chuẩn bị cho ngày này từ rất lâu, nhưng nhìn ông, tôi vẫn bàng hoàng như khi nghe tin ông mất[2].

Mới đây, gặp ông trong dịp đón nhận danh hiệu "Anh hùng Liệt sĩ Dương Văn Mạnh" ở Bà Rịa, ai cũng nghĩ rằng ông sẽ sống thêm ít nhất vài ba năm nữa. Ông sẽ trở thành con người của ba thế kỷ, để chiêm nghiệm những đổi thay, thăng trầm, sống trọn trong ngưỡng mộ của đồng chí, đồng bào, vậy mà...

---

1 In trong sách *Những người đi qua hai thế kỷ* (GS. Đinh Xuân Lâm chủ biên), Nxb Lao Động, Hà Nội, 2001.

2 Ông từ trần lúc 9h30' ngày 3-12-1997, thọ 105 tuổi.

Nhà lễ tang Quân khu 7 đầy chật một sân xe. Xe đưa vòng hoa của Tổng Bí thư đến viếng; xe các cơ quan Trung ương và Thành phố đến viếng; xe từ các tỉnh đến... Bạn bè, đồng chí, cơ sở cách mạng của ông và cả những người chỉ nghe kể về ông đều đem lòng kính trọng đến viếng. Không ồn ào, không nhiều tiếng khóc. Họ lặng lẽ vào, lặng lẽ cúi đầu, chậm rãi đi quanh linh cữu ông, chia buồn với thân nhân ông, rưng rưng tiếc nuối...

Ông ra đi cũng đột ngột như ngày ông về Bà Rịa. Hồi ấy cách mạng vừa thành công, Ủy ban Hành chính Nam Bộ đón tù chính trị Côn Đảo về Sóc Trăng, Trần Xuân Độ được Xứ ủy điều về phụ trách công tác Đảng ở Bà Rịa. Dương Bạch Mai đưa ông về giới thiệu với các đồng chí ở Bà Rịa (10-1945). Cùng về đợt ấy, còn có ông Nguyễn Tấn Phúc được Xứ ủy giao phụ trách công tác Đảng ở Vũng Tàu. Cuối năm, Vũng Tàu sáp nhập vào Bà Rịa, ông Độ vẫn phụ trách công tác Đảng, ông Phúc phụ trách Mặt trận Việt Minh.

Năm 1984, tôi ra Hà Nội, tìm đến ông, hỏi chuyện về vụ "Phan Đình Tân - Trịnh Ngọc Hiển" ở Bà Rịa hồi 1945 - 1946. Ông bảo: *"Vụ này phức tạp. Ở đây còn ông Phúc biết chuyện. Đồng chí nên gặp mà hỏi chuyện. Ông Phúc yếu lắm rồi"*. Ông Độ cùng tôi đến bệnh viện Việt - Xô trên chiếc xe đạp cọc cạch, giữa mùa đông giá rét. Nằm trên giường bệnh, ông Phúc kể, tôi ghi, ông Độ nghe, đôi lúc ông xác nhận, bổ sung hoặc gợi ý một điều gì, nhưng ít khi ông nói về mình...

* * *

Điều ân hận nhất là tôi không được gặp ông lần cuối. Còn biết bao sự kiện lịch sử, bao nhiêu chuyện về nhân

tình thế thái mà ông chưa một lần nào nói. Mỗi lần gặp, ông chỉ hỏi về đồng chí, đồng bào nơi ông từng công tác, xem ai còn, ai mất, xem con cháu họ sinh sống và công tác ra sao. Ông từng là thế hệ cách mạng tiền bối, bị thực dân Pháp bắt đày ra Côn Đảo từ trước ngày thành lập Đảng đến tận ngày Cách mạng tháng Tám thành công. Rồi ông về xây dựng và lãnh đạo Đảng bộ Bà Rịa - Vũng Tàu từ ngày đầu kháng chiến chống Pháp...

Vậy mà tôi chưa viết được gì về ông.

Tôi đã tiếp xúc với biết bao nhiêu người, nhưng vẫn nhớ mãi hai tiếng *"đồng chí"* thật thân thương, thường được nghe mỗi lần tiếp chuyện ông. Tôi đã đến với ông thật nhiều lần, mà lần nào cũng đầy bỡ ngỡ.

Có nhiều điều về ông, tôi chỉ nghe qua lời kể. Có người bảo, gan góc trước kẻ thù như ông, ít có người sánh bằng. Chỉ một cái tên, bọn mật thám đánh ông 7 ngày, 7 đêm, mấy chục trận ông vẫn không khai một lời. Ông bất tỉnh, chúng dội nước, dựng dậy đánh tiếp. Chúng hỏi tên gì? Làm gì? Ở đâu? Ông chỉ lắc đầu. Chúng hỏi có câm không? Có điếc không? Ông tức khí quát vào mặt chúng: *"Chúng mày không biết tên tao, không biết tao làm gì, sao dám bắt tao!"*.

Bọn mật thám phát khùng, đánh ông nứt hộp sọ, ông lịm đi, chúng quăng ông vào nhà xác. Hôm sau, những người tù thường phạm đem ông đi chôn, thấy ông còn thoi thóp thở, họ báo cho một bác sĩ có lương tâm. Nhờ thế ông được cứu sống. Bạn ông còn kể rằng, cái tên Trần Xuân Độ không phải tên cúng cơm của ông. Bọn mật thám không khai thác được ở ông một lời, đành lấy tên của một người mà chúng đã đánh chết, lập thành hồ sơ về ông. Tôi hỏi lại, ông chỉ cười và bảo: *"Chuyện ấy xưa quá rồi"*...

Có người lại nói, sống tận tụy, chí công vô tư, vì nước, vì dân, vì Đảng như ông không phải là nhiều, mà ngay lúc sống cũng chỉ muốn chết cho Đảng như ông là hiếm có.

Trong một cuộc hội thảo về lịch sử nhà tù Côn Đảo, tháng 5-1986 tại Vũng Tàu, ông Lê Toàn Thư kể về ông: Năm 1943 ông bệnh gần chết, Ban cứu tế tù nhân trích quỹ mua được mấy quả trứng gà gửi cho ông. Thuở ấy, ở tù, được quả trứng gà còn quý hơn vàng, hơn bạc. Chỉ một viên thuốc, một mẩu khoai lang, vài đọt bàng đã cứu sống được mạng người. Vậy mà ông nhất quyết không ăn, lại đem chia cho mấy bạn tù trẻ nhất. Ông thủ thỉ: *"Mình lớn tuổi, lại yếu lắm rồi, ăn chưa chắc đã sống. Các đồng chí cần phải ăn mà sống, sống mà phấn đấu cho Đảng, cho sự nghiệp cách mạng"*.

Nghe chuyện, tôi nghẹn lời. Đêm ấy tiếp chuyện ông đến khuya, tôi trách, sao lâu nay ông không kể. Ông lại cười: *"Chuyện xưa rồi"*.

* * *

Chuyện về ông tôi đọc trong sách báo, tài liệu. Tôi biết ông từng bị các lãnh tụ cực đoan của Quốc dân Đảng kết án tử hình cùng Tưởng Dân Bảo, Nguyễn Đức Chính, Nguyễn Văn Xuân về tội tuyên truyền Chủ nghĩa Mác-Lênin, làm tan rã hàng ngũ Quốc dân Đảng trong nhà tù Côn Đảo. Đội Lãng được giao nhiệm vụ giết Tưởng Dân Bảo rồi giết ông, nhưng Đội Lãng chết trong khi giết Tưởng Dân Bảo.

Chuyện về ông, sử Côn Đảo ghi, sử Bà Rịa - Vũng Tàu ghi, hồi ký của các bạn tù ghi, có người là Ủy viên Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị. Nhưng rồi một lần ông gọi

tôi đến. Ngồi rất lâu, ông vẫn chưa hỏi chuyện gì. Tôi cũng chẳng biết nói chuyện gì. Uống hết ba tuần trà, ông mới chậm rãi nói: *"Chuyện đã lâu rồi, mình chẳng nói với ai, nhưng đồng chí làm sử, mình không muốn đồng chí hiểu lầm. Trong hồi ký, đồng chí Hoàng Quốc Việt viết mình là Quốc dân Đảng, sau giác ngộ cộng sản, thế là không đúng"*.

Dần dà ông kể, ông sinh năm 1894, ở Bình Lục, Hà Nam. Ông mồ côi mẹ từ bé, lên năm tuổi thì mồ côi bố, phải đến ở với một bà thím ác nghiệt, không chịu nổi, ông phải tìm đường ra Hải Phòng, trèo me, trèo sấu, đập hột bàng ăn thay cơm, gánh nước, đổ rác, giặt đồ mướn kiếm ăn qua ngày...

Cứ như thế, ông lớn lên và trở thành người thợ của thành phố cảng lúc nào không hay, rồi đi làm thuê, lưu lạc sang Lào, Thái Lan, được Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tuyên truyền, rồi trở lại Hải Phòng. Nơi ông làm việc có nhiều đảng viên Quốc dân Đảng. Họ tuyên truyền, vận động ông vào Việt Nam Quốc dân Đảng. Ông tham gia và hoạt động rất tích cực, vì nghĩ rằng đây là một tổ chức cách mạng. Nhưng rồi ông nhận ra những điều không ổn của Quốc dân Đảng. Chuyện tổ chức bắt cóc, tống tiền và chuyện tham nhũng, lừa gạt của một số lãnh tụ Quốc dân Đảng khiến ông không thể tin đây là một tổ chức cách mạng chân chính. Và ông đã quyết định từ bỏ hoạt động trong tổ chức này để hướng theo thanh niên. Giữa lúc ấy thì ông bị bắt.

Ở xưởng Carông, tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên hoạt động rất mạnh, trong đó có Hạ Bá Cang, tức đồng chí Hoàng Quốc Việt, sau này cùng bị giam chung

ở Côn Đảo với ông. Ông tìm hiểu về Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và ngày càng tin rằng Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên mới là tổ chức cách mạng chân chính. Ông quyết chí đứng sang hàng ngũ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, nhưng chưa có điều kiện liên hệ thì ông bị bắt cùng một vụ với Quốc dân Đảng, và ai cũng nghĩ ông là Quốc dân Đảng. Riêng ông, ông đã tự coi mình đoạn tuyệt với Quốc dân Đảng và đứng hẳn về lập trường của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Ở các nhà lao, từ Hải Phòng đến Hỏa Lò rồi ra Côn Đảo, ông đều bị giam cùng khám với Quốc dân Đảng. Ông thật băn khoăn vì đã giác ngộ đường lối của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên mà không được sinh hoạt với các đồng chí của mình. Gặp Ngô Gia Tự trong tù, ông đem điều băn khoăn ấy ra trình bày. Ngô Gia Tự nói với ông rằng: *"Người cộng sản ở đâu cũng phấn đấu cho chủ nghĩa cộng sản. Nếu đồng chí đang bị giam chung với các đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng thì đấy là dịp tốt để đồng chí giác ngộ, làm cho anh em hiểu chủ nghĩa cộng sản"*. Thế là ông yên tâm và âm thầm hoạt động trên một trận tuyến mới.

Cuộc đấu tranh về tư tưởng, chính trị và lý luận giữa những người cộng sản và Quốc dân Đảng đã diễn ra sôi nổi, quyết liệt, từ Hỏa Lò ra Côn Đảo, từ "thiệt chiến" (tranh luận) đến "bút chiến" (viết báo) rồi "huyết chiến". Thấy quần chúng ngả sang hàng ngũ cộng sản ngày càng nhiều, những thủ lĩnh Quốc dân Đảng cực đoan vu cáo những người cộng sản làm tan rã hàng ngũ của họ. Từ sai lầm này dẫn đến sai lầm khác, họ coi *"cộng sản là kẻ thù số 1, đế quốc là kẻ thù số 2"*.

Cùng với Tưởng Dân Bảo và một số hạt nhân giác ngộ trong Quốc dân Đảng, Trần Xuân Độ đã kiên trì giải thích, tuyên truyền, vận động quần chúng, bất chấp sự đe dọa của số lãnh tụ cực đoan. Kết quả là một bộ phận ưu tú của Quốc dân Đảng đã giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin, tự nguyện chiến đấu dưới ngọn cờ của Đảng Cộng sản; một bộ phận khác thấy rõ sự bế tắc về đường lối của Quốc dân Đảng nhưng cầu an không hoạt động hoặc đi ngược dòng với dân tộc.

Cuộc đấu tranh về tư tưởng, chính trị và lý luận giữa những người cộng sản và Quốc dân Đảng trong nhà tù Côn Đảo đã xác định bá quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Đảng Cộng sản ngay trong nhà tù. Trần Xuân Độ là một trong những chiến sĩ xung kích trên mặt trận ấy. Tôi chợt hỏi: *"Sao ông không gửi thư đến đồng chí Hoàng Quốc Việt và những người có trách nhiệm hoặc viết bài đính chính sự kiện này?"*.

Ông cười đôn hậu: *"Việc của mình là việc nhỏ, việc của Đảng là việc lớn. Đồng chí Hoàng Quốc Việt là một người bạn tốt, một đồng chí lãnh đạo đáng kính trọng, lại đang giữ trọng trách của Đảng. Nói ra việc này, không có lợi cho đồng chí Việt"*.

Tôi lại nghẹn lời vì tấm lòng nhân hậu của ông.

* * *

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, ông cùng hơn hai ngàn tù chính trị được Chính phủ đón về Sóc Trăng, đúng vào ngày thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn - Gia Định, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai. Không được hưởng trọn một ngày độc

lập, ông cùng những người tù chính trị lại lao ngay vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Ngày 25-10-1945, Xứ ủy triệu tập hội nghị cán bộ Đảng tại Thiên Hộ (Mỹ Tho). Đây là hội nghị lớn nhất, gồm các thành viên Xứ ủy và đại diện các tỉnh thành bàn việc đẩy mạnh công cuộc kháng chiến và đặc biệt là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang. Đồng chí Hoàng Quốc Việt, Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng tham dự và chỉ đạo hội nghị.

Hội nghị quyết định thành lập Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ do đồng chí Tôn Đức Thắng phụ trách. Đồng chí Lê Duẩn được cử làm Bí thư Xứ ủy. Đồng chí Hoàng Quốc Việt truyền đạt chỉ thị của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, nhằm tăng cường nguồn lực cho tiền tuyến, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định phân công một phần lớn trong số hơn 2.000 tù chính trị vừa từ Côn Đảo trở về ở lại Nam Bộ, làm nòng cốt cho Đảng bộ, chính quyền, lực lượng vũ trang và đoàn thể các cấp.

Sau hội nghị Xứ ủy, ông cùng Nguyễn Tấn Phúc, Hồ Tri Tân, Trần Ánh Sáng về Bà Rịa và Vũng Tàu với nhiệm vụ củng cố tổ chức Đảng và Mặt trận Việt Minh. Bà Rịa và Vũng Tàu đều chưa thành lập Tỉnh ủy. Ông chỉ đạo tập hợp số đảng viên cũ và một số cán bộ có năng lực đưa vào nắm giữ các cương vị chủ chốt của chính quyền, lực lượng vũ trang, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể tập trung nỗ lực hoạt động vào việc xây dựng chính quyền, xây dựng Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể, tuyên truyền và huấn luyện cán bộ.

Lực lượng vũ trang Bà Rịa khi ấy do Trịnh Ngọc Hiển và Phan Đình Tân nắm. Trịnh Ngọc Hiển và Phan Đình

Tân vốn là đạo quân ô hợp thuộc lực lượng của Đệ tam sư đoàn thời Nhật, biết trở cờ khi Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, nhưng khi nắm quyền chỉ huy, chúng trở lại bản chất lưu manh, quân phiệt, và tha hóa. Chúng không tổ chức luyện quân, đánh giặc mà chuyên bắt nhân dân đóng góp tiền của, tài sản cho chúng tiêu xài.

Ngay từ khi mới về Bà Rịa, bằng sự nhạy cảm của người từng trải, Trần Xuân Độ đã không tin Trịnh Ngọc Hiển và Phan Đình Tân. Vận dụng những kinh nghiệm tổ chức tự vệ chiến đấu thời hoạt động bí mật cùng những kinh nghiệm tổ chức Đoàn Phòng thủ Côn Lôn ở nhà tù Côn Đảo tháng 8-1945, Trần Xuân Độ đã giao cho Hồ Tri Tân xây dựng một hệ thống Tự vệ chiến đấu quân và dân quân bán vũ trang ở hầu khắp các xã, các đồn điền cao su; tuần tra canh gác, bảo vệ trật tự an ninh và bố trí phòng thủ trên các địa bàn trọng yếu. Nhờ hệ thống tự vệ chiến đấu quân và các đội tuyên truyền xung phong được xây dựng đều khắp nên khi thực dân Pháp tái chiếm Bà Rịa, lực lượng vũ trang Trịnh Ngọc Hiển và Phan Đình Tân rút chạy, Bà Rịa có cơ sở để tổ chức lại lực lượng vũ trang cách mạng.

Ngày 11-11-1945, Đảng ta ra tuyên bố tự giải tán, thực chất là rút vào hoạt động bí mật dưới danh nghĩa là Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương nhằm tránh đòn phản kích của quân đội Tưởng Giới Thạch đang viện cớ trực tiếp lật đổ Chính phủ Hồ Chí Minh. Ở Bà Rịa chưa kịp thành lập Đảng bộ, Trần Xuân Độ cùng các đảng viên trung kiên quyết định đẩy mạnh cuộc vận động thành lập Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc trong toàn tỉnh, bắt đầu từ trung tuần tháng 11-1945.

Trong cương vị người lãnh đạo cao nhất, Trần Xuân Độ thường xuyên cùng các đảng viên và cán bộ cốt cán về các địa bàn trọng điểm tuyên truyền vận động, xây dựng tổ chức quần chúng và cơ sở Việt Minh. Với vốn lý luận được học tập trong nhà tù Côn Đảo, Trần Xuân Độ, Nguyễn Tấn Phúc đã mở nhiều lớp huấn luyện chủ nghĩa Mác-Lênin và chương trình Việt Minh ở Bà Rịa và Vũng Tàu.

Trần Xuân Độ đặc biệt chú trọng công tác đào tạo, huấn luyện cán bộ. Ông là người thầy đầu tiên về lý luận của cả một thế hệ cán bộ Bà Rịa - Vũng Tàu trong những ngày đầu kháng chiến chống Pháp. Ít ai biết được rằng ông vốn là đứa trẻ mồ côi, thất học, lang thang kiếm sống, cầu bất cầu bơ, học lõm bõm được dăm ba chữ khi làm thợ, được xóa mù chữ trong tù và tự học lý luận tại "trường học sau song sắt", một trong những "cái nôi" đào tạo cán bộ khi ấy: nhà tù Côn Đảo.

* * *

Cuối tháng 3-1946, được lệnh của Xứ ủy, Trần Xuân Độ về nhận nhiệm vụ Chủ nhiệm Chính trị bộ Khu 7. Ông với Tư lệnh Khu 7 Nguyễn Bình vốn đã cùng ở tù ngoài Côn Đảo, cùng góp phần đắc lực trong việc chuyển hóa tư tưởng đông đảo quần chúng Quốc dân Đảng sang hàng ngũ cộng sản.

Nguyễn Bình đánh giặc giỏi nhưng tác phong "chưa hết máu giang hồ". Ông đức độ, chí cốt chí tình và có phần khắc khổ. Xứ ủy cần ông bên cạnh Nguyễn Bình. Đảng điều là ông đi, ông vốn không ham quyền ham chức.

Đầu tháng 10-1946, trong cương vị Chủ nhiệm Chính trị bộ Khu 7, Trần Xuân Độ trở về Chiến khu Long Mỹ

trực tiếp chỉ đạo, củng cố chính quyền và các đoàn thể ở Bà Rịa. Lúc về Khu, gặp các đồng chí: Nguyễn Đức Thuận, Nguyễn Văn Linh, ông mới biết mình hiểu sai chủ trương "giải tán Đảng".

Lần này về Bà Rịa, ông bàn với các đảng viên trung kiên sửa chữa sai lầm, bắt đầu bằng việc thành lập Hội nghiên cứu Mácxít tỉnh (tháng 1-1946), với nhiệm vụ đẩy mạnh việc tuyên truyền Chủ nghĩa Mác - Lênin, chuẩn bị điều kiện cần thiết để thành lập Đảng bộ. Ông mở hàng chục lớp huấn luyện, truyền bá rộng rãi Chủ nghĩa Mác - Lênin trong cán bộ và nhân dân.

Ông không giấu dốt, thường xuyên lắng nghe, coi trọng cán bộ trẻ. Biết khả năng mình có hạn, ông đến gặp Xứ ủy xin cán bộ trẻ tuổi, có năng lực về xây dựng Đảng bộ. Theo đề nghị của ông, Xứ ủy cử Nguyễn Kế Hoa vừa học xong lớp cán bộ Liên Tỉnh ủy về tăng cường cho Bà Rịa. Ông giao cho Nguyễn Kế Hoa xem xét lại nguồn gốc đảng viên, tổ chức việc kết nạp lại hoặc công nhận đảng viên chính thức. Các đảng viên do Xứ ủy cử về là đảng viên đương nhiên, còn các đảng viên từ nhiều nơi chuyển về hoặc việc kết nạp trước đây chưa rõ ràng đều phải xem xét lại nguồn gốc và tổ chức kết nạp lại. Bản thân ông cũng xin không được công nhận là đảng viên vì thực tế ông cũng chưa được công bố kết nạp Đảng bao giờ.

Hội nghị thành lập Tỉnh ủy Bà Rịa lâm thời được tổ chức tháng 4-1947 tại căn cứ Long Mỹ, mọi người đề nghị ông làm Bí thư, ông kiên quyết không nhận, ông giới thiệu Nguyễn Kế Hoa, một cán bộ trẻ, được đào tạo bài bản, có năng lực hơn ông làm Bí thư. Hội nghị xem ý kiến của ông là quyết định của cấp trên và suy tôn ông là

cố vấn tối cao của các cơ quan quân - dân - chính - Đảng trong toàn tỉnh.

Ông không giữ một chức vụ cụ thể nào trong tỉnh, nhưng là trụ cột của Đảng bộ, của các cơ quan quân - dân - chính - Đảng ở Bà Rịa thời ấy. Ông gặp các đoàn thể, chấn chỉnh nội dung, phương pháp công tác, mở lớp huấn luyện, góp ý cho từng việc, từng người.

Ông đặc biệt quan tâm và có nhiều đóng góp trong việc xây dựng và tổ chức phong trào phụ nữ tỉnh. Tại các hội nghị cán bộ của tỉnh, ông thường nhấn mạnh: "*Muốn kháng chiến thắng lợi phải dựa vào dân, nhất là lực lượng phụ nữ*"; Bà Rịa lúc ấy rất đói. Ông thường nhắc mọi người: "*Muốn có gạo phải xây dựng được phong trào phụ nữ*".

Ông đến các đơn vị trong lực lượng vũ trang, động viên anh em đánh giặc, thúc đẩy việc phát triển Đảng trong quân đội. Ông đi vào dân, vận động đồng bào ủng hộ kháng chiến, góp gạo nuôi quân, động viên con em họ tòng quân giết giặc. Ông ở nhà nào, lu nước luôn đầy, nhà sân sạch bóng, ông giúp việc ruộng vườn, tắm rửa, cắt tóc, kể chuyện cho các em thiếu nhi, tình cảm thắm thiết như cá nước. Đi công tác về, ông lục nồi vét cơm nguội ăn, đồng bào thương ông, dành cho ông thứ gì ngon, ông đều đem chia cho cán bộ, bộ đội.

Ông là trung tâm đoàn kết của cán bộ, nhân dân và phong trào kháng chiến ở Bà Rịa khi ấy. Ông khắc khổ trong sinh hoạt, nhưng không biệt phái trong tư tưởng. Nhiều anh em trí thức có chân trong Đảng dân chủ, khi tham gia kháng chiến cũng còn mặc cảm ít nhiều. Cán bộ đảng viên thời ấy phần đông xuất thân từ quần chúng lao động cũng khó hòa hợp với trí thức khác

đảng phái. Chính quyền tay sai ở Bà Rịa âm mưu tranh giành ảnh hưởng của một số trí thức đang có chân trong chính quyền kháng chiến, trong quân đội và công an cách mạng. Không ít xung khắc đã xảy ra, mỗi lần như vậy, mọi người lại tìm đến ông, và tìm được ở ông một lời khuyên có tình có lý.

* * *

Ông quan tâm xây dựng lực lượng vũ trang, đào tạo được nhiều cán bộ chủ chốt và có ảnh hưởng lớn đến hầu hết cán bộ chiến sĩ trong Chi đội 16. Anh em trong Chi đội 16 coi ông như là chính trị viên đích thực của đơn vị. Đơn vị hầu như toàn là lính tình nguyện, thanh niên chăn bò mới lớn, bỏ bò, trốn nhà, chú tiểu bỏ chùa, cu li đồn điền cao su bỏ sở theo bộ đội, đi đánh giặc mừng như được theo mẹ đi chợ, sốt rét run cầm cập cũng không chịu ở nhà. Ai đánh giặc giỏi, được nêu gương, được kết nạp vào Đảng. Sau mỗi trận chiến đấu thắng lợi đều bình công và tổ chức kết nạp Đảng hàng loạt. Các buổi bình công, kết nạp Đảng của Chi đội 16 đều có ông, kể cả các buổi lễ kết nạp tập thể, cả tiểu đội, cả trung đội.

Ông coi trọng phẩm chất hơn là nguyên tắc. Thủ tục phát triển Đảng không quan trọng, ít ai để ý đến thủ tục, thường là Chính trị viên giới thiệu danh sách, ông cho ý kiến với tư cách là Chủ nhiệm Chính trị bộ Khu 7, rồi tổ chức kết nạp tập thể trong lễ mừng công, có đại diện Tỉnh ủy hoặc Chi đội ủy đến dự và chứng kiến. Đảng viên là người gương mẫu, sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp của dân tộc và giai cấp, ai làm được như thế đều đủ điều kiện thành đảng viên.

Khi ấy có đồng chí được trên điều về Bà Rịa, hăng hái hoạt động, được ông giao nhiều nhiệm vụ, có lúc làm chính trị viên Chi đội 16, từng giới thiệu kết nạp nhiều cán bộ chiến sĩ vào Đảng. Khi ra miền Bắc chỉnh huấn mới biết là chính đồng chí ấy cũng chưa được ai giới thiệu và cũng chưa tổ chức kết nạp Đảng. Ông để nghị tổ chức cho đồng chí được kiểm điểm và được công nhận là đảng viên từ lúc bắt đầu hoạt động cho Đảng. Sau này kiểm điểm lại, hầu như các đồng chí được kết nạp thời kỳ đó đều phấn đấu tốt, nhiều đồng chí trưởng thành ở cương vị chủ chốt cấp tỉnh, thành tướng lĩnh trong quân đội ta.

Cán bộ, nhân dân Bà Rịa ai cũng biết Trần Xuân Độ là một mẫu mực tư cách về phẩm chất chính trị và tư cách đạo đức. Song Trần Xuân Độ lại là người ít thành kiến với những thiếu sót trong tác phong sinh hoạt. Nhiều cán bộ thời ấy thành kiến với Chi đội trưởng Huỳnh Văn Đạo, nhất là trong tác phong, lối sống. Ngược lại, Trần Xuân Độ vẫn đánh giá cao Chi đội trưởng Huỳnh Văn Đạo, người đóng góp nhiều cho việc xây dựng tinh thần chiến đấu và chiến thuật đánh giặc cho Chi đội 16.

Huỳnh Văn Đạo không hợp với lối sống khắc khổ của Trần Xuân Độ nhưng kính trọng ông. Hai người có một điểm chung là chí cốt với cách mạng, hết mình vì kháng chiến. Bởi thế, hầu như những bất đồng trong Chi đội (thường là với chính trị viên), hay điều tiếng trong các đoàn thể (thường là về tác phong của Chi đội trưởng Huỳnh Văn Đạo), chỉ có Trần Xuân Độ giảng giải, anh em mới nghe ra. Dù chưa phải là đảng viên, Huỳnh Văn Đạo vẫn có nhiều phẩm chất tốt: không bè phái, ghét thói ươn hèn, cơ hội, bợ đỡ, đạo đức miệng. Huỳnh Văn Đạo thường đến thăm các phân đội, thấy anh em sửa soạn đi

đánh giặc là xách súng, cơm nắm lận lưng đi cùng, xung phong như người lính, không ngại chuyện sống chết. Vốn thích ăn ngon mặc đẹp, nhưng rách rưới, cực khổ mức nào Huỳnh Văn Đạo cũng chịu được; là người không ít khuyết điểm, không ít ham mê riêng, nhưng mê đánh giặc hơn hết. Đối với người cách mạng lúc này, phẩm chất cần đề cao hàng đầu là quên mình, vì nước, vì dân, hăng say đánh giặc...

* * *

Trong cương vị nào, Trần Xuân Độ cũng đều gắn bó với dân, với cơ sở, sâu sát quần chúng, sâu sát phong trào, chăm lo đào tạo bồi dưỡng văn hóa, lý luận, nghiệp vụ cho anh em. Giữa năm 1947, theo gợi ý của ông, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh mở trường quân chính, huấn luyện quân sự và chính trị cho anh em. Đồng chí Nguyễn Lương và Nguyễn Văn Ái giảng về quân sự; Trần Xuân Độ với cương vị là Chủ nhiệm Chính trị bộ Khu 7 cùng Nguyễn Kế Hoa (Bí thư Tỉnh ủy Lâm thời) giảng chính trị cho các lớp huấn luyện này.

Trần Xuân Độ trọng nhân tài, biết học hỏi và biết sử dụng cán bộ giỏi hơn mình. Tháng 4-1948, Khu ủy miền Đông cử đồng chí Vũ Tấn về Bà Rịa mở lớp huấn luyện quân chính, đào tạo cán bộ xã đội và cán bộ chủ chốt các ngành, giới cho hai tỉnh Bà Rịa và Biên Hòa. Lớp học được tổ chức trong 10 ngày, trang bị những kiến thức cơ bản trong công tác lãnh đạo tổ chức và tư tưởng cho cán bộ. Nội dung huấn luyện là lý luận về Đảng và công tác xây dựng Đảng của Lênin, đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện và trường kỳ.

Trần Xuân Độ đến dự khóa huấn luyện, thấy Vũ Tấn giảng hay, lý luận sâu, kết hợp được thực tiễn cách mạng Việt Nam bèn đề nghị Khu ủy cho mở tiếp một lớp riêng cho Bà Rịa. Ông bàn với Tỉnh ủy bố trí cho các đồng chí cán bộ chủ chốt chưa có điều kiện dự lớp trước đến học và mở rộng đối tượng đến cán bộ chủ chốt cấp cơ sở và các ban ngành. Anh em qua đào tạo đều trưởng thành lên một bước. Mãn khóa, ông xin Khu cử Vũ Tấn ở lại tăng cường cho Bà Rịa để tiếp tục đào tạo cán bộ, đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng.

* * *

Dáng dấp nông dân nhưng ông rất nhạy cảm. Thấy các em thiếu nhi có tinh thần cách mạng cao, ông gợi ý Chi đội 16 tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong, giáo dục, rèn luyện các em, hướng dẫn các em tham gia kháng chiến, tùy theo sức của mình. Ban Chính trị Chi đội 16 cử cán bộ chăm lo công tác thiếu niên. Đội Thiếu niên Tiền phong có đoàn ca kịch hoạt động rất sôi nổi, tham gia tuyên truyền văn nghệ, ra báo *Tiền phong*, tự lập các mặt với sự giúp đỡ một số điều kiện vật chất của Ban Chính trị Chi đội 16. Em Tòng lúc đó mới 14 tuổi vừa làm chủ bút vừa quản lý tờ báo. Các đội viên còn tham gia hoạt động cách mạng như trinh sát ở thị trấn Đất Đỏ, chợ Phước Hải, nắm tin tức địch và đột kích lấy súng đạn của binh sĩ ngụy.

Phong trào du kích chiến tranh ở tỉnh cuối năm 1947, đầu năm 1948 phát triển mạnh, ông chỉ đạo thành lập Ban dân quân, tổ chức lớp huấn luyện dân quân lưu động đi các xã trọng điểm của tỉnh để phục vụ phong trào du kích chiến tranh, mở rộng vùng du kích, thu hẹp vùng

tạm chiếm của địch. Về chính trị, các lớp huấn luyện học tập tài liệu *Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi* của đồng chí Trường Chinh; kể chuyện và học tập cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác Hồ; về chiến thuật, học tiểu đội chiến đấu, tổ chiến đấu, cách sử dụng vũ khí súng trường, lựu đạn, mìn và các vũ khí thô sơ như: hầm chông, hố chông và cung tên có thể giết giặc. Người đội viên trẻ tuổi Võ Thị Sáu là học viên khóa đầu của lớp huấn luyện du kích chiến tranh, sau trở thành người anh hùng của vùng Đất Đỏ Bà Rịa - Vũng Tàu.

* * *

Ông chú ý đến mọi tầng lớp nhân dân, trực tiếp đi cùng cán bộ đoàn thể đi vận động đồng bào dân tộc ít người. Ông bàn với Đảng bộ và chính quyền chăm lo cải thiện đời sống của đồng bào, đưa cán bộ y tế đến từng sóc, từng nhà trị bệnh, phổ biến cách ăn ở vệ sinh, phòng bệnh; tổ chức đưa gạo, muối và một số hàng hóa thiết yếu đến cung cấp cho đồng bào nghèo túng, từng bước cải thiện đời sống văn hóa, tổ chức học văn hóa, xóa nạn mù chữ, giáo dục tinh thần đoàn kết, giúp đỡ nhau sản xuất, sẵn sàng đánh giặc giữ làng.

Nhiều con em của đồng bào dân tộc ít người ở đây đã tham gia lực lượng võ trang của tỉnh. Nhiều người đã trở thành cán bộ trung kiên, khắc phục mọi khó khăn gian khổ trong hai cuộc kháng chiến, không ngại hy sinh. Đồng bào dân tộc hăng hái tham gia phục vụ kháng chiến, đi dân công, phá hoại giao thông địch, phá hoại kinh tế địch. Nhiều xã trở thành căn cứ vững chắc tin cậy cho cuộc kháng chiến. Năm 1948, hơn 80% đồng bào trong vùng căn cứ đã thoát nạn mù chữ. Đồng bào rất

tích cực tăng gia sản xuất, tham gia kháng chiến. Phong trào du kích chiến tranh đã có bước phát triển vượt bậc.

Ông còn chỉ đạo Tỉnh ủy mở lớp bổ túc văn hóa cho cán bộ, Ty Giáo dục cử cán bộ đến giảng dạy, từ xóa mù cho đến phổ cập tiểu học. Không ít người từ kiếp ở đợ, thất học được ông giác ngộ và đào tạo từ thời ấy đã trưởng thành, bổ túc văn hóa từng bậc đến cấp III, vào đại học, thành cán bộ lãnh đạo hoặc chuyên viên cao cấp các bộ, các ngành. Bản thân ông cũng là một tấm gương về tự học, từ cậu bé mồ côi, mù chữ, trở thành bậc thầy về lý luận và nhân cách của cán bộ và đồng bào Bà Rịa - Vũng Tàu thời ấy. Ông tự học ở trường đời, trường đấu tranh cách mạng, trường học trong nhà tù, tự trưởng thành rồi đào tạo mọi người.

Ông đi đến đâu, phong trào lên đến đấy, ông phát động thi đua tăng gia sản xuất, chống giặc đói, thi đua tham gia dân quân tự vệ, du kích; thanh niên tòng quân giết giặc cứu nước; vận động nhân dân mỗi gia đình có hũ gạo nuôi quân, nhân dân giúp đỡ bộ đội, nuôi dưỡng thương binh, bệnh binh. Hội Phụ nữ Cứu quốc, Hội "Mẹ Chiến sĩ" được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia và đóng góp công sức của cải rất lớn lao, là nguồn giúp đỡ, động viên quan trọng cho lực lượng vũ trang cách mạng và các cán bộ, cơ quan quân dân - chính - Đảng.

Cuối năm 1948, đồng chí Phạm Hùng và Hà Huy Giáp trên đường ra Bắc, và truyền đạt ý kiến của Xứ ủy, đưa đồng chí Trần Xuân Độ, một cán bộ trung kiên đã từng bị tù đày 15 năm Côn Đảo ra miền Bắc để bồi dưỡng, đào tạo. Mặc dù là cán bộ của Khu, biệt phái về Bà Rịa, nhưng gắn bó với Bà Rịa lâu năm, sinh hoạt cùng

Đảng bộ, ông nói với đồng chí Phạm Hùng, nhất thiết phải báo cáo với Tỉnh ủy, Tỉnh ủy đồng ý thì đi, nếu tỉnh yêu cầu ở lại thì ông ở lại. Từ nhiều năm qua, ông đã là trụ cột, cố vấn cho cả quân - dân - chính - Đảng, được tín nhiệm tuyệt đối. Đảng bộ và các ngành có gì khó khăn vướng mắc đều xin ý kiến ông giải quyết. Việc gì khó, có ông là xong. Ông đi, ai cũng tiếc, lúc khó khăn không biết cậy ai, nhưng chính sách đối với cán bộ trung kiên, không thể không thực hiện.

Ông đi, ai cũng cảm thấy hụt hẫng. Ông không thuộc lớp người thông minh xuất chúng nhưng đức độ, tài năng trong ông kết hợp hài hòa, được nuôi dưỡng trong một tâm hồn trong sáng, một lòng vì nước vì dân. Đức độ và tấm lòng trong sáng của ông đã tỏa sáng cho tất cả từ cán bộ, đảng viên, quần chúng, trí thức, quân đội và kể cả với Đảng Dân chủ, mọi người rất kính trọng và tin tưởng ông.

* * *

Từ ngày ông đi, dân Bà Rịa chỉ biết ông được Đảng đào tạo, cử giữ nhiều trọng trách, làm đến Đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên rồi nghỉ hưu. Những năm cuối đời, ông sống trong một ngõ hẻm sau chợ Tân Định (Thành phố Hồ Chí Minh). Ông về Bà Rịa - Vũng Tàu trong những dịp họp mặt truyền thống của các đơn vị, những buổi hội thảo nhân chứng lịch sử hay những buổi trọng lễ của tỉnh nhà. Mọi người thường gọi ông một cách thân thương: Cụ Độ. Các bậc già làng còn nói Cụ Độ là ông Phật sống, nhưng tôi nhìn ông chẳng có dáng Phật chút nào, dáng dấp ông hao hao như một ông lão vùng quê.

Một dạo thấy ông ít về, có người trách yêu, ông bảo là nhớ anh em, nhớ đồng bào lắm, rất muốn về, nhưng ngại. Ông ngại tuổi cao sức yếu một phần, nhưng ngại hơn là mỗi lần về, các đồng chí lãnh đạo địa phương đón tiếp trọng thể, từ tỉnh về huyện, về làng, nơi nào cũng vậy, rồi khách ba, chủ nhà bảy, vừa mất việc của các đồng chí, vừa tốn kém cho dân. Mỗi lần có người mời về thăm, ông ngại...

Lần họp mặt Chi đội 16 ở làng chài Phước Hải (Đất Đỏ), anh em nằn nì mãi để ông bằng lòng đi. Ông là người lãnh đạo, là bậc thầy, bây giờ ông vẫn là cây đại thụ về nhân cách. Ông đi chậm, nói chậm hơn xưa, nhưng vẫn hoàn toàn minh mẫn. Ông đính chính một điều mà đến lúc ấy, nhiều người mới ngỡ ngàng, rằng ông không phải là Bí thư Tỉnh ủy đầu tiên, cũng không phải là Chính trị viên đầu tiên của Chi đội 16, chưa bao giờ và chưa ai giao cho ông làm Bí thư Tỉnh ủy cũng như làm Chính trị viên Chi đội 16. Ông trung thực đến trọn đời, từ việc lớn đến việc nhỏ, cả việc chung lẫn việc riêng.

Mùa xuân 1994, tôi gặp lại ông trong một buổi lễ thật long trọng. Hội đồng hương Bà Rịa - Chợ Lớn chúc thọ ông, nhân dịp ông tròn 100 tuổi đời, 64 tuổi Đảng. Ông bị bắt từ thuở còn là Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Tuổi Đảng của ông được tính từ ngày Đảng ta ra đời. Ông lại nhắc tôi: *"Chuyện đồng chí Hoàng Quốc Việt nói mình là Quốc dân Đảng hồi ấy cũng chẳng nên nói ra làm gì. Mình chỉ muốn các đồng chí làm lịch sử không hiểu lầm lịch sử".*

Tôi không dám thưa với ông, rằng tôi đã có dịp thưa chuyện với đồng chí Hoàng Quốc Việt, khi góp ý cho bản

thảo cuốn *Chặng đường nóng bỏng*. Lúc ấy, đồng chí Hoàng Quốc Việt ngạc nhiên đến sững sờ: *"Chết thật. Thế mà lúc ấy, mình và nhiều đồng chí vẫn cứ tưởng ông ấy vẫn là Quốc dân Đảng"*.

* * *

Còn nhiều chuyện về ông, đến hôm nay tôi mới được nghe. Bên căn phòng đón tiếp của Nhà lễ tang Quân khu 7, bạn bè, đồng chí của ông vẫn kể chuyện về ông. Có người kể, họ đã được nghe ông huấn luyện về Chủ nghĩa Mác - Lênin, về chương trình Việt Minh từ ngày đầu kháng chiến. Đó là bài học vỡ lòng mà đến nay họ còn nhớ như in. Có người bảo, bài học sâu sắc nhất họ học được ở ông là chí công vô tư, vì nước quên thân, vì dân quên mình. Có người lại học ở ông bài học về công tác dân vận, người thì bảo học được ông bài học về công tác cán bộ. Và có người bảo rằng, học được ở ông *bài học làm người*.

Dân Bà Rịa xưa không nhiều lý luận, họ coi ông như một lão làng, như một cán bộ tối cao của Đảng ở xứ sở này. Họ gọi ông với cái tên rất đỗi thân thương và đầy lòng kính trọng: Cụ Độ. Ông đến là dân tin, ông nói là dân nghe, ông đi là dân nhớ. Đối với họ, Trần Xuân Độ là hình ảnh người Cán bộ Cụ Hồ xuất sắc nhất mà họ đã được gặp, từ thuở ấy...

Có một chuyện còn ít người biết tới, là những gì họ học được ở ông, là những điều ông đã học tập và rèn luyện được trong 15 năm ở nhà tù Côn Đảo.

HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ Ở NHÀ TÙ CÔN ĐẢO TRONG NHỮNG NĂM 1947 - 1950[1]

Bước vào năm 1947, tù nhân kháng chiến Côn Đảo tập trung vào nhiệm vụ xây dựng tổ chức, đấu tranh đòi cải thiện đời sống, đẩy mạnh các hoạt động binh dân học vụ, văn hóa văn nghệ... Báo chí trong nhà tù Côn Đảo cũng bắt đầu nở rộ.

Vào thời điểm đó, Nhà thương, Nhà bếp, Bán Chế, Sở Củi, Lò Vôi, Sở rẫy An Hải, Sở Chỉ Tồn... là những sở tù sớm có tổ chức. Những chuyến lưu đày tù nhân trong năm 1948 đã tăng cường cả số lượng và chất lượng của tù nhân kháng chiến. Đây là lớp tù nhân đã trưởng thành trong thời kỳ hoạt động và đấu tranh hết sức sôi nổi ở Khám Lớn - Sài Gòn sau "cách mạng khám đường".

Nhiều người đã tham gia Ban Chấp hành tù nhân ở các khám, từng dự các lớp huấn luyện chính trị, quân sự ngắn hạn do các anh: Tưởng Dân Bảo, Phan Trọng Bình, Vũ Huy Xứng và Huỳnh Tấn Phát tổ chức. Họ còn được bồi dưỡng những kinh nghiệm hoạt động bình dân học vụ, làm báo, văn nghệ từ thực tiễn trong tù.

Từ giữa năm 1948, tù nhân Côn Đảo đã hình thành tổ chức ở hầu hết các khám tù, sở tù. Anh Nguyễn Đình

1 Tập san *Người làm báo Bà Rịa - Vũng Tàu* số Xuân 2002.

Thâu được giao nhiệm vụ dự thảo Điều lệ của Liên đoàn tù nhân để trình Hội nghị lâm thời của đại biểu tù nhân Côn Đảo. Trên cơ sở Điều lệ, các sở tù tổ chức bầu Ban Chấp hành Liên đoàn tù nhân ở các sở (cơ sở) và Ban Chấp hành Liên đoàn tù nhân Côn Đảo - cơ quan lãnh đạo cao nhất của tù nhân Côn Đảo. Bản Điều lệ dự thảo được các anh: Trịnh Xuân Hà, Lê Ngọc Hương, Trương Anh Tuấn cùng một vài tù nhân kháng chiến gần gũi thảo luận và góp ý kiến. Hoàn cảnh nhà tù khi ấy không còn cho phép triệu tập Hội nghị lâm thời. Các anh: Nguyễn Đình Thâu, Trịnh Xuân Hà, Lê Trung Khá, Tư Ba Đào, Phan Văn Đại đã nhân danh Hội nghị lâm thời tù nhân Côn Đảo để chỉ đạo việc bầu Ban Chấp hành tù nhân ở các khu.

Tháng 7-1949, anh Nguyễn Đình Thâu được giảm án tử hình về Khám 6 Banh I, góp sức cùng anh em đẩy mạnh việc xây dựng tổ chức Liên đoàn tù nhân. Anh Phan Văn Đại sau một thời gian làm Thư ký Thường trực Hội nghị lâm thời chỉ đạo việc bầu Ban Chấp hành ở các khu cũng bị phạt xà lim rồi về khám 6. Hai anh: Lê Ngân và Trần Quốc Phiên mới ra Sở Chỉ Tồn được cử làm Thư ký Thường trực để chỉ đạo các khu hoàn thành việc bầu cử.

Tháng 11-1949, các khám tù, sở tù (cơ sở lao động khổ sai) đã hoàn thành việc bầu cử Ban Chấp hành khu. Tạp chí *Côn Đảo mới*, tiếng nói của Liên đoàn tù nhân ra đời, công bố danh sách Ban Chấp hành gồm: Chủ tịch Tư Ba Đào, Phó Chủ tịch kiêm Tổng đại diện Trịnh Xuân Hà, Trưởng ban Tuyên truyền Trương Anh Tuấn, Trưởng ban Huấn học Lê Ngọc Hương, Trưởng ban Xã hội Nguyễn Tiếp, và Nguyễn Ngọc Sớm - Ủy viên phụ trách giao thông liên lạc... Tờ *Côn Đảo Mới* do Trưởng ban Tuyên truyền

Trương Anh Tuấn phụ trách, ra hàng tháng, đăng các chủ trương, chỉ đạo của Liên đoàn tù nhân cùng những hoạt động, tranh đấu của tù nhân kháng chiến trên toàn đảo.

Từ khi có Liên đoàn, phong trào "Bình dân học vụ" phát triển mạnh theo khẩu hiệu: "Biến khám đường thành học đường". Ban huấn học tích cực vận động mọi người học tập theo phương châm "*Không để một ai ngồi không mà không học, không đọc*". Phong trào học văn hóa lôi cuốn nhiều người tham gia. Người chưa biết chữ học chương trình xóa mù chữ; người biết chữ rồi thì chuyển qua chương trình phổ cập cấp I (thường gọi là chương trình phổ cập).

Ngoài tờ *Côn Đảo Mới* của Liên đoàn tù nhân Côn Đảo, Ban Chấp hành các khu (khám tù, sở tù) còn sáng tạo ra hình thức báo nói, thông qua chương trình phát thanh mỗi tối. Buổi tối, sinh hoạt của tù nhân ở các khu mở đầu bằng buổi phát thanh ở từng khu. Khi tiếng chuông miệng *"boong!... boong!"* của trật tự viên vang lên, mọi người đều ngồi ngay ngắn và yên lặng. Từ góc khám vang lên tiếng nói: *"Đây là đài phát thanh khu... Tiếng nói của tù nhân khu..."*. Chương trình phát thanh thường ngắn gọn, nhằm phổ biến chủ trương, chỉ thị của Liên đoàn. Kế đó là phát thanh viên đọc tin, điểm báo. Thứ bảy hoặc ngày lễ có chương trình văn nghệ truyền thanh.

Buổi phát thanh ở khu thường diễn ra trong khoảng 30 đến 60 phút. Đó là một hình thức sinh hoạt tập thể có tính giáo dục cao của Liên đoàn tù nhân. Nó không chỉ bó hẹp ý nghĩa trong việc thông tin, giải trí, phát thanh mà còn biểu hiện sự trưởng thành của ý thức tập thể, của sự thống nhất lực lượng và hiệu quả của sự giáo dục, rèn luyện hằng ngày. Sau buổi phát thanh, tù nhân mới

tản ra theo các nhóm học tập, nhóm viết thông báo, chỉ thị, tổng hợp tin tức tình hình, in ấn tài liệu. Ban trật tự cử người canh gác để phòng bọn gácdang tuần tra, rình mò để kịp thời báo động cho anh em trong khám, và các khám bên cạnh.

Các hoạt động báo chí - văn nghệ đã có tác động tích cực đối với hoạt động của tù nhân, Ngoài tờ *Côn Đảo Mới*, tiếng nói của Liên đoàn, Ban Tuyên huấn còn xuất bản tờ *Đời Sống Mới* nhằm phục vụ công tác tuyên truyền và cổ động phong trào "đời sống mới" trên Côn Đảo. Các anh: Trương Anh Tuấn, Trịnh Xuân Hà vừa là người lãnh đạo vừa là chủ bút và là người viết bài chính; họa sĩ Nam Hải - trình bày; Trần Quốc Phiên - Thư ký Tòa soạn; Lê Tam, Hoàng Phúc, Đỗ Văn Đích, Vũ Ngọc Toàn là những cộng sự đắc lực trong việc biên tập, chế bản, in ấn phát hành. Báo in bột, khổ nhỏ cỡ tập vở học trò.

Hội văn nghệ tập hợp những anh em văn nghệ sĩ trong tù, động viên hướng dẫn phong trào sáng tác. Công tác báo chí, văn hóa, văn nghệ tập trung vào nhiệm vụ xây dựng khối đoàn kết tù nhân. Báo tường và kịch ngắn là loại hình chủ yếu mà phổ biến là kịch "cương"[1]. kịch "cương" đáp ứng được hoàn cảnh trong tù, sáng tác nhanh, biểu diễn nhanh, phản ánh một cách trực tiếp cảnh sinh hoạt của tù nhân, cổ vũ tình đoàn kết chiến đấu, đả kích bọn thống trị. Ngoài kịch "cương" còn có kịch thơ và thơ là những món ăn tinh thần được anh em say sưa sáng tác và thưởng thức.

Anh Lý Tiến Vinh là một diễn viên hài kịch nổi tiếng ở sân khấu Bản Chế với câu xưng danh muôn thuở: "*Tôi*

1 Không có kịch bản mà định ra nội dung tư tưởng, phân vai rồi tự "cương" lên mà diễn.

sinh ra vào năm cátto (quattorze)...". Mỗi lần anh xuất hiện là anh em được những trận cười thoải mái, xua tan không khí ảm đạm, đen tối của nhà tù. Anh đã từng bị chủ sở đánh bể đầu vì diễn kịch châm biếm chúng.

Tờ báo *Văn Nghệ* là tiếng nói của Hội Văn nghệ tù nhân. Các anh: Phan Văn Đại, Nguyễn Kim Diễn, Nguyễn Văn Nhã, Nguyễn Thanh Nhơn, Lê Đăng Tam, Đỗ Văn Đích, Phước Đồng Mạ, Lý Tiến Vinh, Nguyễn Sáng, Vũ Đắc Bằng, Nguyễn Văn Mẹo, Hoàng Phúc... vừa là các chiến sĩ đi đầu trên mặt trận văn hóa, văn nghệ báo chí trong tù, vừa là những người lãnh đạo của Ban Chấp hành tù nhân các khu, phụ trách các tờ báo ở các khu. Báo chí là công cụ cổ vũ tích cực cho sáng tác. Hằng trăm bài thơ đã được đăng rải rác trên các báo, với những cây bút thân thuộc của tù nhân Côn Đảo như: Song Việt, Văn Quý, Tô Lịch, Đồng Mạ, Lê Đình, Sóng Hồng, Văn Lân, Kim Diệu Lý...

Báo tường các khu có từ tờ: *Cởi Áo Giang Hồ* của tù thường phạm; *Bạn Tù* của Khám tử hình; *Đoàn Kết* của Sở rẫy An Hải; *Tiến Lên* của kíp Lò Vôi; *Xây Dựng* của kíp Thợ Hồ; *Thắng Lợi* của Sở Củi; *Tiền Phong* của Sở Chỉ Tồn... Riêng khu Bản Chế, ngoài tờ báo *Lao Động*, còn có tập san *Công Nhân* ra hàng tháng. Báo thường được chép tay trên 2 trang giấy học trò. Tập san (tạp chí) từ 4 đến 8 trang được in bột thành nhiều bản. Báo được chuyền tay nhau xem, được đọc trên đài phát thanh của các khu trong buổi tối.

Tờ *Bạn Tù* của Khám tử hình có nhiều bài viết sắc sảo và cảm động, được tù nhân trân trọng. Tờ *Cởi Áo Giang Hồ* trước đây xuất bản ở Khám Lớn (Sài Gòn) là tiếng nói của tù tư pháp, nay tái xuất bản ở Côn Đảo do

Tư Ba Đào chủ trì, với sự cộng tác đắc lực của các anh Phan Văn Đại, Nguyễn Văn Mẹo. Tờ báo có xu hướng giải thích quá khứ giang hồ bắt nguồn từ sự nghèo đói, bất công, bế tắc của con người trong xã hội thực dân, phong kiến, đồng thời khơi lên những đức tính đáng quý của một số người trong giới giang hồ là trọng nhân nghĩa thủy chung, có khát vọng được sống trong một xã hội công bằng, bác ái, từ đó cắt nghĩa việc thức tỉnh ý thức dân tộc của những người tù tư pháp, theo gương các "Anh Lớn" Ba Dương, Tám Mạnh đi kháng chiến... kêu gọi các bạn tù tư pháp biểu quyết cởi bỏ tấm áo giang hồ để đi theo kháng chiến, ủng hộ Liên đoàn.

Âm nhạc cũng nở rộ và được "mùa". Nguyễn Sáng có nhiều thành công trong sáng tác và đóng góp tích cực cho phong trào. Các ca khúc: *Ngày giải phóng, Mộng thoát ly, Học nhạc, Tình không biên giới, Mùa gió chướng, Ma Thiên Lãnh*... của anh và đồng nghiệp đã đi vào tâm hồn của người tù, trở thành máu thịt của họ, gây niềm lạc quan thôi thúc họ tranh đấu với kẻ thù. Các sáng tác của Nguyễn Sáng được in trên tờ *Văn Nghệ* của Ban Văn hóa Văn nghệ Liên đoàn tù nhân và phổ biến cho các khám.

Hoạt động báo chí khá sôi nổi trong nhà tù Côn Đảo góp phần đắc lực củng cố tổ chức và tuyên truyền, phát động tù nhân kháng chiến đấu tranh quyết liệt với kẻ thù trong những năm 1948 - 1950.

Từ tháng 2-1951, địch phản ứng quyết liệt, thực hiện chế độ cấm cố biệt lập, đưa phần lớn số tù nhân kháng chiến vào khu biệt lập Banh II.

VƯỢT NGỤC VỀ KHÁNG CHIẾN[1]

Tháng 10-1946, ba tù nhân vượt ngục trên một chiếc thuyền nhỏ. Hai lính Pháp dùng chiếc thuyền 6 tay chèo đuổi theo. Sau vài giờ, chúng đuổi kịp tốp vượt ngục, nhưng rồi tất cả không trở về. Một con sóng lớn đã nhận chìm hai chiếc thuyền vào dòng xoáy của hải lưu. Tình cờ, một chiếc tàu chở dầu của Hoa Kỳ đã vớt được mấy người lính và tù nhân đang hấp hối. Họ được đưa cả về Thái Lan.

Cũng trong mùa gió chướng năm ấy, ông già Huệ, người tù án lưu quê ở miền Tây Nam Bộ đã trốn lên núi đóng bè thân cây chuối rừng, một mình vượt biển, lênh đênh trên biển 16 ngày liền, nắng thiêu cháy da. Hết lương thực, cạn nước ngọt, ông phải rình bắt những con cá vô tình nhảy lên bè mà ăn sống cầm hơi. Khi sức tàn, lực kiệt thì sóng đẩy dạt vào bán đảo Mã Lai.

Những người du kích Malayxia đã cứu ông. Ông ở lại chiến đấu trong đội quân du kích chống thực dân Anh và bị bắt trong một trận càn. Thực dân Anh trao trả ông cho chính quyền Pháp và ông bị đày trở lại Côn Đảo. Ít lâu sau, ông lại vượt ngục rồi mất tích.

---

1 Bài in trong sách *Nhà tù Côn Đảo - Nhà lao Phú Quốc*, Nxb Lao Động, Hà Nội, 2005.

Anh Mười Bù cùng một tốp thường phạm cũng đã thả bè vượt ngục vào cuối mùa gió chướng. Năm ấy gió chướng hết sớm, bè các anh bị trôi ra phía biển Đông. Hết nước ngọt và lương thực, cùng đường, người hấp hối sắp chết phải trở thành nguồn sống cho những người còn lại. Một chiếc tàu tuần dương hạm của nước Anh trên đường tới Singapore đã vớt được những người sống sót và trao trả cho Pháp. Bị đày trở lại Côn Đảo, Mười Bù lại tiếp tục chuẩn bị vượt ngục.

Ngày 31-1-1947, tàu chở hàng Goeland của Pháp đã vớt được 2 tù nhân vượt ngục trên một chiếc bè. Báo cáo số 774/P ngày 7-2-1948 của giám đốc nhà tù cho biết, hai tù nhân này trên một hòn đảo nhỏ, ngắt lá rừng và bắt cá biển để ăn, chờ đến khi gió chướng thổi mạnh mới thả bè về đất.

Mỗi mùa gió chướng, bọn gác ngục lại tăng cường các biện pháp chống vượt ngục. Ngoài bộ máy gác ngục Pháp, Việt giám sát chặt chẽ hàng ngày, nhà tù còn tổ chức một mạng lưới tù gian làm tay sai, ở lẫn lộn trong từng kíp tù để rình mò, phát hiện. Ở mỗi bãi biển, Sở Rờsẹc (Sở Truy tầm tù trốn) bố trí hai nhân viên truy tầm tù trốn. Bọn này đã thông thạo từng loại gỗ nổi có thể đóng bè, từng vạt mây có thể làm thuyền, những địa điểm mà tù nhân thường kết bè, hạ thủy, phát hiện các âm mưu vượt ngục của tù nhân. Nhiều tù nhân bị phạt xiềng, phạt xà lim và đưa về những sở khổ sai nặng nhọc.

Vượt ngục là cuộc chạy đua giữa tính mạng với tử thần. Nhưng không có hiểm nguy nào ngăn được ý chí vượt ngục của người tù, cho dù chết chìm dưới biển khơi hay vỡ thuyền, bị bắt lại. Xà lim, xiềng xích, kỷ luật của

nhà tù chỉ nung nấu thêm khát vọng vượt ngục của họ mà thôi.

Chuyến vượt ngục thành công sớm nhất của tù chính trị thời kỳ này là chuyến của hai anh Diễn và Phong. Hai anh đã cập bến an toàn vào vùng biển Bạc Liêu và ở lại công tác ngay tại Tỉnh đội Bạc Liêu.

Chuyến thứ hai do anh Nguyễn Ngọc Luật tổ chức vượt biển bằng thuyền ván. Nguyễn Ngọc Luật bị đày ra Côn Đảo ngày 5-8-1947, lọt được vào Sở Rờsẹc, canh bãi Ông Đụng. Anh đã liên hệ với Tuấn, Dưỡng ở Sở Cũi, móc nối được Khánh và Khương là dân đánh cá vùng Gò Quao (Rạch Giá). Các anh đã tháo được mấy tấm cánh cửa gỗ ở một căn nhà bỏ không phía Sở Tiêu và đóng thuyền ở bãi Ông Đụng, ngay tại khu vực Nguyễn Ngọc Luật kiểm soát. Chập tối 15-11-1947, thuyền hạ thủy. Chiếc thuyền gỗ nhỏ đưa 5 chiến sĩ cách mạng về vùng biển Rạch Giá sau 3 ngày đêm vượt biển.

Chỉ ít ngày sau, Ba Rùm đã cùng 4 tù nhân sở Bản Chế cướp ghe vượt ngục ngay tại Cầu Tàu. Ba Rùm là cựu tù thường phạm ở đảo. Tháng 8-1945, anh được tù chính trị giải phóng đưa về đất liền rồi tham gia kháng chiến, bị bắt lại đầu năm 1946. Ra Côn Đảo lần thứ 2, anh đã tìm cách xin về Bản Chế và nuôi chí vượt đảo. Mùa gió chướng năm ấy, một chiếc ghe câu ở Cấp (Vũng Tàu) trôi dạt vào Côn Đảo. Ba ngư dân được gửi theo tàu của hải quân Pháp về trả cho chính quyền địa phương, còn chiếc ghe tam bản chúng giao cho Sở Lưới. Rạng sáng một ngày cuối tháng 11-1947, Ba Rùm cùng Bảy Vượng, Tư Sỏi, Năm Bé và Võ Văn Xê đã cướp ghe về Cà Mau. Ba Rùm được phân công trở lại lực lượng võ trang Bình Xuyên, tham gia nhiều trận đánh trên sông Lòng Tàu.

Nhóm tù nhân ở Sở rẫy An Hải và Sở Củi rủ nhau lên núi kết bè vượt đảo vào chiều 11-1-1948. Do tổ chức lộ liễu nên bị phát hiện ngay từ khi vừa trốn trại. Nguyễn Sáng kịp lên về trước giờ điểm danh, còn mười mấy người đã trốn lên núi bị truy lùng gắt gao. Ông già Trị chém trọng thương một tên Rờsẹc truy đuổi. Bọn lính bủa vây, súng trường, tiểu liên nổ ra khắp rừng An Hải suốt đêm ấy. Chúng vây ráp cả tuần lễ, bắt lại từng người. Có người đói khát đã chết khô trong hang Núi Chúa, hàng tháng sau mới tìm thấy xác.

Ngay trong đợt vây ráp và truy lùng ráo riết ấy, một chuyến vượt ngục duy nhất của tù áo trắng đã thành công vào ngày 14-1-1948. Trong lúc nhà tù tập trung lực lượng truy lùng trên núi và canh gác chặt chẽ bãi biển phía Tây thì tốp tù áo trắng táo bạo xuống thuyền ở phía Đông, ngay tại bãi Nhà Thờ, trước mũi dinh chúa đảo và nhân viên nhà tù. Nhờ sự chuẩn bị nỗ lực của anh em áo trắng, còn phải kể đến tài nghệ của "vua vượt ngục" Mười Bù cùng sự tham mưu và chỉ đạo của anh Năm Nghĩa ở Sở Củi nên chuyến vượt ngục này đã thành công.

Năm Nghĩa (còn gọi Nghĩa Sứt, Nghĩa Cơm Cháy) là một chiến sĩ tham gia từ Nam Kỳ khởi nghĩa (11-1940). Anh ủng hộ và giúp đỡ chí tình cho nhiều cuộc vượt ngục của tù nhân. Chính Năm Nghĩa đã giới thiệu Mười Bù cùng 2 tù thường phạm có sức khỏe và kinh nghiệm vượt ngục cho nhóm tù áo trắng. Năm Nghĩa là người giữ mối liên hệ thường xuyên giữa Mười Bù và Phạm Gia, thư ký kho bạc trong suốt quá trình chuẩn bị làm thuyền và góp nhiều ý kiến chỉ đạo.

Chuyến ấy đi bằng thuyền khung mây bọc vải. Trúc Quỳnh (bồi bếp) và Võ Xuân Phong (Hợp tác xã tiêu thụ)

lo mua sơn, vải. Hoàng Hữu Kình, Lê Huy Báu (Văn phòng Giám thị trưởng) thì nghiên cứu con nước thủy triều và quy luật bố phòng của địch. Phạm Gia (kho bạc) làm nhiệm vụ tiếp tế và liên hệ giữa các nhóm. Toàn bộ công việc làm thuyền do Mười Bù và 2 thường phạm đảm nhiệm. Tay lái thiện nghệ của "vua vượt ngục" Mười Bù đã đưa thuyền cập đúng mũi Cà Mau sau 2 ngày, 3 đêm trên biển. Mười Bù giác ngộ, trở thành một chiến sĩ can đảm trong lực lượng võ trang và hy sinh anh dũng trong cuộc kháng chiến ở miền Tây Nam Bộ.

Chưa đầy một tháng sau, nhóm kéo cây do Lê Quỳnh Vân, Nguyễn Năng Tảo và Lâm Quang Xuân lại tổ chức vượt đảo bằng thuyền khung mây bọc vải. Chuyến này có 4 tù thường phạm làm Rờsẹc cạnh bãi Cỏ Ống và 12 tù chính trị ở Sở Kéo cây. Ngày 2-2-1948, các anh xuống thuyền ở bãi Cỏ Ống và cặp vào vùng biển thuộc huyện Giá Rai (Bạc Liêu) an toàn.

Mồng 2 tết Mậu Tý (11-2-1948), 7 tù chính trị ở Sở Băn Chế do Nguyễn Việt Hùng tổ chức đã cướp chiếc ca nô duy nhất ở Côn Đảo vượt ngục về Cà Mau. Nguyễn Việt Hùng còn có bí danh là Hùng Vịt (tức Nguyễn Văn Thịnh, Mười Thái), nguyên là cán bộ công vận hoạt động ở Sài Gòn từ năm 1944. Bị đày ra Côn Đảo từ ngày 5-8-1947, Việt Hùng cùng một số tù trẻ có chí hướng vượt ngục tìm đến Năm Nghĩa ở Sở Củi học hỏi kinh nghiệm. Khi được làm thợ máy trên chiếc ca nô Poulo - Condore, anh đã chuẩn bị một kế hoạch cướp ca nô vượt đảo. Mồng 2 tết năm ấy, có 2 tàu tuần tiễu của Pháp ghé Côn Đảo.

Sau khi chở đám sĩ quan, thủy thủ Pháp lên bờ xem kịch và dự tiệc, Nguyễn Việt Hùng được lệnh chuẩn bị

xăng nhớt và trực đêm để đón chúng về tàu. Thừa dịp ấy anh đã đưa cả nhóm là Nguyễn Công Lý, Cù Trung Sơn, Nguyễn Văn Thước, cùng các anh Đệ, Miên, Niên xuống ca nô về đất liền. Chiều mồng 4 tết, các anh cập vào đúng mũi Cà Mau.

Noi gương tù vượt ngục ở Sở Bản Chế, tù nhân Sở Lưới trên đường sang Hòn Tài bất vích đã bắt trói Chủ sở Machiơ (Mathieu) cùng 1 lính Pháp và 1 tù binh Nhật Bản (lái ca nô) vứt lên bãi cát rồi trở về đất liền. Chuyến ấy do các anh: Chánh, An, Đạt và 1 tù nhân nữa thực hiện.

Giám đốc Bruylê tỏ ra hoang mang trước các cuộc vượt ngục liên tiếp xảy ra. Trong Phúc trình số 93-C ngày 20-3-1948, y đã viện dẫn nhiều lý do khiến cho nhà tù bất lực trước các cuộc vượt ngục. Đó là tỷ lệ tù chính trị tăng lên một cách đáng kể, sự thiếu nhân viên quản tù, sự khủng hoảng tinh thần của những gác ngục Pháp, Việt và sự phá sản của Sở Truy tầm tù trốn. Bruylê cũng không giấu giếm rằng, chính tình hình chính trị và quân sự (ở Đông Dương) đã ảnh hưởng sâu sắc đến nhà tù, khiến cho các nhân viên coi ngục người Việt Nam hoài nghi, co mình lại, những giám thị Pháp chán nản và kém hiệu lực. Đáng ngại hơn cả là chính những nhân viên truy tìm tù trốn lại đồng lõa với tù vượt ngục. Y đã đề nghị thay thế Sở Truy tầm bằng những trạm kiểm soát của lính Partisans người Lào hoặc Miên.

Bruylê chưa kịp thay đổi gì thì cuộc vượt đảo thứ 2 của tù nhân Sở Lưới lại bồi tiếp cho hắn một đòn choáng váng. Cuộc vượt đảo này được tổ chức chặt chẽ, do anh Nguyễn Văn Chì, đội viên Ban công tác 4 thành phố Sài

Gòn - Gia Định chỉ huy, có sự nội ứng của 2 giám thị Việt Nam là Nguyễn Văn Đang và Nguyễn Văn Ngọc. Tối 7-5-1948, 25 tù nhân Sở Lưới ra khơi đánh cá. Hai gácdang Bare (Barère) và Muộc (Muogues) cùng thày chú[1] Nguyễn Văn Đang với 3 tù nhân ngồi trên chiếc ghe máy mượn của Sở Hải Đăng và Hoa Tiêu, kéo theo một chiếc ghe chèo chở 27 tù nhân và thày chú Nguyễn Văn Ngọc.

Khoảng 21 giờ đêm, ghe ra đến gần Hòn Tre, giảm tốc độ, chuẩn bị bủa lưới thì trên chiếc ghe đầu, giám thị Nguyễn Văn Đang, 1 tù nhân kháng chiến đoạt cây tiểu liên của Muộc. Muộc chống cự và nhảy xuống biển hòng thoát thân nhưng hắn bị bắn chết. Trên ghe thứ 2, tù nhân cũng nhanh chóng làm chủ tình thế rồi chuyển qua ghe máy, mở hết tốc lực, nhằm hướng đất liền.

Ngày hôm sau (8-5-1948), không thấy thuyền Sở Lưới về, Bruylê mới vội vã tổ chức truy tìm, nhưng vô vọng. Tàu tuần tiễu và thủy phi cơ của hải quân Pháp được huy động vào cuộc truy tìm trên biển. Bọn Rừsọc cùng binh lính, giám thị sục sạo khắp các bến bãi cũng không tìm được dấu vết gì. Giám đốc Côn Đảo điện báo cho Sở cảnh sát Cộng hòa và Bộ Nội vụ ngụy quyền, Công điện số 30/ATS ghi: *"Trân trọng báo cáo, 25 phạm nhân vượt ngục nhân buổi đánh cá đêm 7 rạng 8-5-1948 trên một thuyền gắn máy. Hai giám thị người Âu và một người gác ngục Việt mất tích cùng với vũ khí. Dự đoán họ bị bắt làm con tin - stop - đã truy tìm lập tức bằng thủy phi cơ, tàu tuần tiễu, ở biển và trên bộ, không có kết quả - stop -"*

Ký tên: Bruylê

1 Giám thị người Việt.

Công điện gửi đi vào lúc đoàn tù vượt ngục đã ung dung trên đất liền. Xuồng của họ cặp vào cửa biển Mỹ Thanh (nay thuộc tỉnh Hậu Giang). Họ bàn giao vũ khí, chiến lợi phẩm và tù binh cho chính quyền cách mạng. Hai thày chú Nguyễn Văn Đang và Nguyễn Văn Ngọc đã được tù nhân giác ngộ, tích cực nội ứng cho cuộc vượt ngục tình nguyện tham gia vào đội ngũ kháng chiến. Sau này Ngọc hy sinh ở chiến trường miền Đông Nam Bộ. Gácdang Bare bị chính quyền cách mạng kết án tử hình vì có dự phần vào những tội ác đối với tù nhân trong cuộc đại khủng bố năm 1940 - 1945, thảm sát trên 3.000 người ở Côn Đảo; song những người tù vượt ngục đã xin tha chết cho y. Bare thật sự cảm động nói với vị đại diện của chính quyền kháng chiến: "*Lẽ ra các ông ấy phải vứt tôi xuống biển mới xứng với tội lỗi của tôi. Tôi rất biết ơn Cụ Hồ đã giáo dục các chiến sĩ Việt Nam dũng cảm và nhân đạo*".

Cuộc vượt ngục của tù nhân Sở Lưới lần này gây một tổn thất nặng nề cho nhà tù: Bruylê đã phải gọi là "tấn bi kịch thảm khốc". Chiếc ca nô được bổ sung giao cho Sở Lưới đã bị một nhóm tù chính trị vượt ngục đoạt mất cách đó không lâu. Lần này, chiếc xuồng máy vừa mượn của Sở Hải Đăng và Hoa Tiêu để áp tải ghe đánh cá lại mất trắng. Hàng loạt cuộc vượt ngục nối tiếp nhau trong mùa gió chướng này đã sớm kết thúc sự nghiệp coi tù của Bruylê.

LIÊN ĐOÀN TÙ NHÂN CÔN ĐẢO[1]

Từ năm 1947, tù nhân Côn Đảo ở các sở đã tự tập hợp dưới nhiều hình thức theo nhu cầu bảo vệ quyền sống và nhân phẩm con người. Xây dựng tổ chức, chống sự ngược đãi của nhà tù; cải thiện đời sống, đẩy mạnh các phong trào bình dân học vụ, văn nghệ và vượt ngục về kháng chiến là những đặc trưng cơ bản của thời kỳ này.

Nhà thương là sở tù sớm có tổ chức. Ngoài số tù nhân nằm điều trị, chủ sở Pêtrônali (Pétronali) còn quản lý kíp tù nhân phục vụ tại Nhà thương (y tá, hộ lý, bồi bếp tại sở); kíp vệ sinh quét đường và kíp đổ thùng cầu (tinette). Nhiều chiến sĩ Cô Tô sau khi giải tỏa vụ Côngplô được điều về Nhà thương, trong đó có cả 2 cán bộ của Đại đội Ký Con là Lê Phú (Đại đội trưởng) và Nhâm Ngọc Bình (Trung đội trưởng) vừa được giảm án tử hình. Anh Phạm Giang Doanh được cử làm đại diện. Anh Trần Nhật Quang phụ trách phong trào bình dân học vụ. Anh Lê Phú chỉ đạo bếp ăn, nuôi dưỡng những người tù bệnh. Anh Nguyễn Văn Khang (Khang Đen) làm y tá, lo tìm kiếm thuốc men, trị bệnh. Anh Nguyễn Kim Diễn, y tá phiên dịch ngoại trú làm nhiệm vụ tranh thủ viên bác sĩ người Pháp.

1 Bài in trong sách *Nhà tù Côn Đảo - Nhà lao Phú Quốc*, Nxb Lao Động, Hà Nội, 2005.

Cuối năm 1947, anh Nguyễn Kim Diễn với vai trò thư ký đã soạn thảo điều lệ của tổ chức tù nhân khu dưỡng đường (Nhà thương), phỏng theo những nguyên tắc của Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và thừa kế mô hình tổ chức của tù nhân Khám Lớn. Ban Chấp hành tù nhân khu dưỡng đường gồm 5 người đã được bầu ra theo điều lệ. Anh Nguyễn Văn Hiền (Hiền già, người Bình Định) là Chủ tịch.

Bản Chế là một sở quan trọng của nhà tù có nhiệm vụ quản lý các phương tiện giao thông, cung cấp nước ngọt, chế tạo công cụ lao động, sửa chữa máy móc các loại, sản xuất đồ dùng mỹ nghệ. Tù nhân Bản Chế phần lớn xuất thân là những người thợ tham gia cách mạng. Anh Nguyễn Văn Năm (Năm Mên) và anh Hai Nhị vốn là những người tù chính trị trước năm 1945, từng trải và thận trọng, biết cách đoàn kết, tập hợp anh em đã cùng với Nguyễn Văn Giỏi, Trần Văn Minh tổ chức nhóm nghiên cứu mácxít ở Bản Chế.

Ban Chấp hành tù nhân khu Bản Chế gồm 5 người, được hình thành từ giữa năm 1947, đã tổ chức việc tăng gia cải thiện đời sống và xóa nạn mù chữ cho anh em. Các anh: Nguyễn Hòa Nhã, Vũ Đắc Bằng, Nguyễn Văn Huệ, Triệu Lý, Lý Tiến Vinh... đã góp phần tích cực vào các hoạt động văn nghệ, báo chí và bình dân học vụ trong thời gian sau đó. Tù nhân kháng chiến ở các Sở Tồn, Sở Củi - Chuồng Bò, Sở rẫy An Hải, các kíp cắt cỏ, thợ hồ, Nhà bếp, Sở Tẩy, Lò vôi cũng cử ra đại diện trật tự rồi lần lượt bầu ra Ban Chấp hành để bảo vệ quyền lợi của tù nhân.

Chuyến lưu đày thứ 3 và các chuyến tiếp theo trong năm 1948, đã tăng cường cả số lượng và chất lượng của tù

nhân kháng chiến. Đây là lớp tù nhân đã trưởng thành trong thời kỳ hoạt động và đấu tranh hết sức sôi nổi ở Khám Lớn - Sài Gòn sau "cách mạng khám đường". Nhiều người đã tham gia Ban Chấp hành tù nhân ở các khám, hoặc một số cương vị của Liên đoàn tù nhân Khám Lớn, từng dự các lớp huấn luyện chính trị, quân sự ngắn hạn do các anh Tường Dân Bảo, Phan Trọng Bình, Vũ Huy Xứng và Huỳnh Tấn Phát tổ chức. Họ còn được bồi dưỡng những kinh nghiệm hoạt động bình dân học vụ, làm báo, văn nghệ từ thực tiễn trong tù.

Phong trào bình dân học vụ phát triển sôi nổi ở Côn Đảo trong những năm 1947 - 1948. Người học phần nhiều là tù thường phạm hoặc những người xuất thân là nông dân, dân nghèo thành thị, phu phen thất học mới tham gia kháng chiến. Người dạy có một số đã tham gia phong trào truyền bá quốc ngữ ở Khám Lớn. Các anh: Trần Nhật Quang ở Nhà thương, Phạm Gia, Nguyễn Ngọc Lân, Trần Đống ở Khám 1; anh Nguyễn Văn Mẹo ở Khám 3, Trần Văn Sử, Nguyễn Văn Giỏi ở An Hải, Nguyễn Sáng, Lưu Văn Lê, Võ Văn Nguyệt ở Chí Tôn... đã có nhiều đóng góp cho phong trào xoá nạn mù chữ của tù nhân Côn Đảo. Anh Trần Nhật Quang từng bị tra tấn đến mù một con mắt vẫn cặm cụi thức khuya dưới ngọn đèn tù mủ chép những bài tập đọc, chính tả cho anh em.

Ban Chấp hành tù nhân ở mỗi khám đều có một ủy viên phụ trách bình dân học vụ để tổ chức và chỉ đạo phong trào. Các hoạt động văn nghệ, báo chí cũng góp phần tích cực cổ động tù nhân học tập.

Từ giữa năm 1948, tù nhân Côn Đảo đã hình thành tổ chức ở hầu hết các khám tù, sở tù. Trong dịp kỷ niệm

Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh (2-9) năm ấy, các anh: Nguyễn Đình Thâu (Khám tử hình), Trịnh Xuân Hà (Sở rẫy giám đốc), Lương Văn Thắng (thư ký kho bạc), Tư Ba Đào (Khám 3), Trương Anh Tuấn (Chỉ Tồn), Lê Ngọc Hương (Nhà bếp), Phan Văn Đại, Nguyễn Văn Mẹo (Khám 2), Lê Trung Khá (Khám 6), Nguyễn Văn Năm (Bản Chế), Nguyễn Ngọc Sớm (Nhà bếp)... đã liên hệ với nhau bàn việc bầu ra Ban Lãnh đạo thống nhất của tù nhân Côn Đảo.

Anh Nguyễn Đình Thâu được giao nhiệm vụ dự thảo Điều lệ của Liên đoàn tù nhân để trình Hội nghị lâm thời của đại biểu tù nhân Côn Đảo. Trên cơ sở đó, tiến hành bầu Ban Chấp hành Liên đoàn tù nhân, cơ quan lãnh đạo cao nhất của tù nhân Côn Đảo. Vài tháng sau, bản Điều lệ dự thảo được các anh: Trịnh Xuân Hà, Lê Ngọc Hương, Trương Anh Tuấn thảo luận cùng một vài tù nhân kháng chiến gần gũi. Hoàn cảnh nhà tù khi ấy không còn cho phép triệu tập Hội nghị lâm thời. Các anh Nguyễn Đình Thâu, Trịnh Xuân Hà, Lê Trung Khá, Tư Ba Đào, Phan Văn Đại đã nhân danh Hội nghị lâm thời tù nhân Côn Đảo để chỉ đạo việc bầu Ban Chấp hành tù nhân ở các khu.

Ở Khám 5 (Chỉ Tồn), Ban Chấp hành tù nhân đã tự quản được trong công việc khổ sai. Anh em tù thuyết phục được Tám Nhỏ, người cầm đầu nhóm tù án tư pháp ở đây bỏ lệ nấu nướng, uống trà buổi tối để tham gia sinh hoạt, học tập với tù kháng chiến. Khám 5 có 3 tù nhân kháng chiến người Lào. Ban Chấp hành đã bố trí cho họ chỗ nằm tốt, hướng dẫn việc trật tự vệ sinh và sinh hoạt, học tập theo quy định.

Khám còn hình thành nhóm nghi lễ do các anh: Lê Tam, Đỗ Văn Đích, Nguyễn Sáng và Hoàng Phúc làm nòng cốt, tổ chức chào cờ các buổi sáng, có hát *Quốc ca, Lãnh tụ ca, Hồn tử sĩ*. Được nhạc sĩ Lưu Hữu Phước hướng dẫn từ ngày đầu Cách mạng tháng Tám (1945), Nguyễn Sáng trở thành hạt nhân nòng cốt trong hoạt động âm nhạc của tù nhân Côn Đảo. Ca khúc *Ngày giải phóng* được anh sáng tác tại Khám 5 Banh I trong những ngày vận động thành lập Liên đoàn đã củng cố niềm lạc quan cách mạng cho tù nhân Côn Đảo.

Ở hầu hết các khám, tù kháng chiến đã đoàn kết được với tù tư pháp (thường phạm). Một số tư pháp giác ngộ lợi ích chung của tù nhân và phục tùng sự lãnh đạo của tập thể đã được cử vào Ban Chấp hành, được bầu làm chủ tịch hoặc đại diện. Riêng Sở Lưới, nhóm tù tư pháp do Tô Minh Nhật tức Mười Võ Sĩ cầm đầu vẫn gây khó khăn cho việc bầu Ban Chấp hành. Nhật ấm ức vì bị tù kháng chiến đánh đổ khi làm cặp rằng ở Khám Lớn - Sài Gòn. Trước tình hình đó, Ban Lãnh đạo Hội nghị lâm thời đã bố trí anh Phạm Trọng Hồng mãn hạn điều trị ở nhà thương được về làm ở kíp xe chỉ - vá lưới, góp phần xây dựng tổ chức tù nhân ở Sở Lưới.

Phạm Trọng Hồng có biệt hiệu là Hồng Năm Căn, Hồng Võ Sĩ, nổi tiếng trong những trận đụng độ với tù tư pháp ở Khám Lớn - Sài Gòn. Khi ở Sở rẫy An Hải (đầu năm 1948), anh đã có kinh nghiệm hòa giải với tù tư pháp, liên kết được với Bảy Lửa để xây dựng Ban Chấp hành tù nhân ở đó. Về Sở Lưới, anh cùng Hà Triệu Quý xây dựng khối đoàn kết tù nhân, đồng thời tranh thủ được Tám Gáo là cặp rằng phó, Ba Đạt (dân anh chị ở Tân Định), Ba Hạnh (dân anh chị ở Cầu Muối) và tổ chức

hòa giải với Tô Minh Nhật. Ban Chấp hành tù nhân Sở Lưới đã được bầu: Tô Minh Nhật là Chủ tịch kiêm đại diện; Phạm Trọng Hồng là Phó Chủ tịch, phụ trách tổ chức nội bộ; Hà Triệu Quý là Thư ký.

Đoàn kết giữa tù kháng chiến và tù tư pháp là nhân tố quyết định thành công trong việc bầu ra Liên đoàn tù nhân Côn Đảo. Tù kháng chiến đã cảm hóa tù tư pháp bằng nhiều cách. Nhưng quan trọng hơn cả là cảm hóa bằng chính đạo đức, nhân cách của người tù kháng chiến; cảm hoá bằng sức mạnh độc lập tự do của một dân tộc đang gan góc chống ngoại xâm.

Tư Ba Đào khi làm cặp rằng Khám 3 - Khám Lớn Sài Gòn đã được các đồng chí Vũ Huy Xứng và Phan Trọng Bình giác ngộ. Tư Ba Đào khuyên anh em tù tư pháp nên đoạn tuyệt với quá khứ của mình mà đoàn kết với tù kháng chiến để sau này ra tù, khỏi hổ thẹn với các bậc "Anh Lớn". Trong những ngày vận động thành lập Liên đoàn tù nhân, Tư Ba Đào ra lời kêu gọi các bạn tù tư pháp: "*Các bạn hãy quên đi quá khứ giang hồ mã thượng của chúng ta, tích cực ủng hộ Liên đoàn, tiến tới Đại hội bầu ra một cơ quan lãnh đạo thống nhất trên toàn đảo*".

Trong những ngày sôi nổi vận động thành lập Liên đoàn tù nhân Côn Đảo, Sở Củi đi đầu trong phong trào đấu tranh đòi hạ mức khổ sai. Đốn củi là một loại công việc khổ sai nặng nhọc và nguy hiểm. Tù nhân Sở Củi bị đòn như cơm bữa vì thiếu củi, vì xuống núi trễ giờ hay vì củi không đủ quy cách; nhưng họ được tương đối tự do trong giờ kiếm củi. Đó là cơ hội hiếm có để hội họp, thảo luận hoặc chuẩn bị vượt ngục. Tù Sở Củi vượt ngục nhiều, mà số "bất trị" cũng không ít nên bọn chúa ngục bố trí

Lần đầu tiên toàn thể tù nhân Côn Đảo đã đồng tâm nhất trí đấu tranh, không phân biệt là tù kháng chiến hay tư pháp, là tù áo xanh (khổ sai) hay áo trắng (thư ký, bồi bếp). Họ biểu thị nỗi đau thương và lòng căm thù bằng một sự im lặng sắt đá.

Ngày hôm ấy, toàn bộ các sinh hoạt trên đảo đều ngừng trệ. Lá bàng rụng đầy đường, nhà cầu của giám thị, công chức ngập phân không người quét dọn. Giám thị, binh lính, công chức, sĩ quan Pháp đều phải ăn đồ hộp hoặc chui vào bếp tự nấu. Mọi cơ chế sinh hoạt trên đảo đều dựa vào sức lao động khổ sai của tù nhân, đến lúc này trở nên bế tắc. Giám đốc Laphốt (Henri Lafosse) mới tới nhận chức còn lo sợ hơn. Y ra lệnh báo động toàn đảo, đặt trung đội lính Pháp trong tình trạng chiến đấu. Tất cả gác ngục Pháp, Việt đều phải thường trực và được võ trang với cơ số đạn tối đa. Số tù nhân ở các cơ sở ngoài cũng bị dồn cả vào trong Banh I. Cửa khám luôn luôn khóa chặt.

Mặc dù tù nhân chỉ tuyên bố đình công, tuyệt thực một ngày, Laphốt vẫn thận trọng cho cấm cố và bỏ đói họ thêm 2 ngày nữa. Khi đã yên tâm vì không có dấu hiệu bạo động, ngày 14-11-1948, y mới ra lệnh mở cửa cho tù nhân đi làm và phạt xà lim 7 người: Trịnh Xuân Hà, Vũ Ngọc Toàn, Hoàng Phúc, Trần Nhật Quang, Lê Tam, Đỗ Văn Đích và anh Bát. 7 anh quyết định tuyệt thực ngay tại xà lim Banh I. Sau 7 ngày tuyệt thực, giám đốc xuống thanh minh rằng chuyện phạt là vì tình nghi các anh cầm đầu tổ chức, xúi giục tù nhân đấu tranh. Nay thấy không có chứng cứ nên hủy bỏ lệnh phạt.

Cuộc tuyệt thực đình công toàn đảo lần đầu tiên này đã chứng tỏ sức mạnh đoàn kết của tù nhân Côn Đảo;

đánh dấu bước phát triển về ý thức chính trị, ý thức tổ chức và ý chí đấu tranh của họ. Đó là dấu hiệu cho thấy điều kiện chín muồi để ra đời một tổ chức thống nhất của tù nhân Côn Đảo.

Tháng 7-1949, anh Nguyễn Đình Thâu được giảm án tử hình về Khám 6 Banh I, góp sức cùng anh em đẩy mạnh việc xây dựng Liên đoàn tù nhân Côn Đảo. Anh Phan Văn Đại sau một thời gian làm Thư ký Thường trực Hội nghị lâm thời chỉ đạo việc bầu Ban Chấp hành ở các khu cũng bị phạt xà lim rồi về Khám 6. Hai anh Lê Ngân và Trần Quốc Phiên mới ra sở Chỉ Tồn được cử làm Thư ký Thường trực để chỉ đạo các khu hoàn thành việc bầu cử. Tháng 11-1949, các khám đã hoàn thành việc bầu cử. Tạp chí *Côn Đảo mới,* tiếng nói của Liên đoàn tù nhân đã công bố danh sách Ban Chấp hành gồm: Chủ tịch Tư Ba Đào, Phó Chủ tịch kiêm tổng đại diện Trịnh Xuân Hà, Trưởng ban Tuyên truyền Trương Anh Tuấn, Trưởng ban Huấn học Lê Ngọc Hương, Trưởng ban Xã hội Nguyễn Tiếp và Nguyễn Ngọc Sớm - ủy viên phụ trách giao thông liên lạc...

Bản Điều lệ của Liên đoàn tù nhân quy định rõ nhiệm vụ và chức năng của các thành viên Ban Chấp hành Côn Đảo. Điều lệ qui định Liên đoàn được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Tù nhân các khu trực tiếp bầu ra Ban Chấp hành khu và bầu đại biểu vào Hội đồng tù nhân Côn Đảo. Hội đồng sẽ cử ra Ban Chấp hành Liên đoàn tù nhân nhưng hoàn cảnh trong tù không cho phép hội họp tự do dân chủ như vậy. Trên thực tế là tù nhân các khu đã bầu thẳng các thành viên của Ban Chấp hành Côn Đảo, phần nhiều là chấp nhận bản danh sách để cử mà Thư ký Thường trực Lâm thời gửi đến.

Khi chuẩn bị tranh đấu, ở mỗi cấp bầu ra Ủy ban tranh đấu để chỉ đạo cuộc đấu tranh theo yêu cầu mà Ban Chấp hành Liên đoàn đề ra. Ủy ban tranh đấu là cơ quan lãnh đạo cao nhất trong đợt đấu tranh. Sau khi kết thúc đấu tranh, Ủy ban tranh đấu mới giao quyền lãnh đạo lại cho Ban Chấp hành Liên đoàn tù nhân các cấp.

Điều lệ cũng qui định mỗi tổ chức cơ sở của Liên đoàn (khám tù, sở tù) là một khu; mỗi trại giam (banh, gọi là một liên khu, và cấp cao nhất là Ban Chấp hành Liên đoàn. Buổi đầu, do số lượng tù nhân ít nên hệ thống tổ chức của Liên đoàn chỉ có 2 cấp: Cấp cơ sở (khu) và cấp Liên đoàn (toàn đảo); cấp liên khu có tên mà chưa có Ban Chấp hành.

Ban Chấp hành tù nhân ở các khu cũng có cơ cấu tương tự như cấp Liên đoàn nhưng có thêm Ban trật tự. Công tác trật tự rất quan trọng. Kể từ lúc anh em thức dậy cho đến khi đi làm, ăn uống, nghỉ ngơi, đều cần có sự điều khiển của Ban trật tự. Khi cuộc tranh đấu nổ ra, nhiệm vụ của Ban trật tự rất quan trọng cả về phương diện tổ chức, an ninh nội bộ cũng như đối phó với giám thị. Khi địch đàn áp, Ban trật tự sẽ câu tay nhau chịu đòn ở vòng ngoài, bảo vệ lãnh đạo và những người ốm yếu. Đối với nội bộ, Ban trật tự theo dõi những người sa sút tinh thần và ngăn cản có hiệu lực những trường hợp bỏ cuộc, nhảy ra đầu hàng địch.

Các khu tự chọn phiên hiệu cho đơn vị mình để dùng trong Văn bản giao dịch nội bộ, không dùng tên gọi của nhà tù. Banh I mang tên Liên khu Võ Nguyên Giáp, vị Tổng tư lệnh các lực lượng võ trang kháng chiến. Banh II mang tên Liên khu Nguyễn Bình, vị Tư lệnh các lực lượng

võ trang ở Nam Bộ. Sau những cuộc thảo luận dân chủ, tù nhân các khu đều chọn tên cho đơn vị mình. Có khám mang tên một vị anh hùng dân tộc, hoặc mang tên những đồng chí lãnh đạo Đảng, Chính phủ, Quân đội... Có khám mang tên một chiến sĩ ưu tú đã hy sinh anh dũng.

Nhân dịp Liên đoàn tù nhân Côn Đảo ra đời, Chủ tịch Tư Ba Đào ra lời hiệu triệu, in trên tạp chí *Côn Đảo Mới*, kêu gọi toàn thể tù nhân: "*Đoàn kết nhất trí xung quanh Ban Chấp hành, tạo thành một lực lượng vững chắc đối phó với mọi âm mưu đen tối của nhà tù. Mọi hành động cử chỉ của tù nhân đều tuân thủ theo sự chỉ đạo của các Ban Chấp hành khu, Ban Chấp hành khu thực hiện đúng các chủ trương, đường lối của Ban Chấp hành Côn Đảo. Đẩy mạnh các hoạt động, không ngừng nâng cao ý chí chiến đấu, cải thiện sinh hoạt vật chất và tinh thần*"[1].

Liên đoàn tù nhân Côn Đảo ra đời đã tạo nên một bước chuyển biến lớn lao trong đời sống chính trị của lớp tù nhân kháng chiến. Liên đoàn vừa là hình ảnh của khối đoàn kết dân tộc trong tù, vừa giống như một chính quyền của tù nhân, trên thực tế có đầy đủ hiệu lực với khối tù trong hoạt động bí mật cũng như khi tranh đấu công khai. Ngay cả kẻ thù, dù không thừa nhận nhưng trong nhiều trường hợp đã không thể bác bỏ được vai trò của Liên đoàn tù nhân Côn Đảo.

Từ năm 1950, Liên đoàn tù nhân Côn Đảo được bổ sung một lực lượng đông đảo tù binh từ các chiến trường

1 Tham luận của đồng chí Trịnh Xuân Hà (tức Trịnh Văn Hà), nguyên Tổng đại diện của Liên đoàn tù nhân Côn Đảo tại cuộc hội thảo tháng 8-1990 tại Thành ủy Hà Nội. Hồ sơ lưu trữ tại Phòng Lịch sử Đảng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bắc - Trung - Nam mới bị đày ra Côn Đảo. Lực lượng tù binh đã góp phần tích cực xây dựng Liên đoàn tù nhân Côn Đảo và xây dựng Đảng bộ Nhà tù Côn Đảo, đặc biệt là xây dựng tác phong quân sự hóa cho tổ chức Liên đoàn tù nhân, có tổ chức chặt chẽ từ cấp toàn đảo đến các liên khu (các banh), các khu (khám tù, kíp tù) đến các toán (mâm ăn) và đến từng tổ 3 người, quản lý và lãnh đạo khối tù nhân toàn diện, từ nội quy, kỷ luật của tù nhân kháng chiến trong lao động khổ sai, đấu tranh với địch cho đến học tập, sinh hoạt cả đêm lẫn ngày. Từ năm 1951, Liên đoàn tù nhân đổi tên thành Liên đoàn tù nhân kháng chiến Côn Đảo, như một hình thức chính quyền kháng chiến, lãnh đạo toàn thể lực lượng kháng chiến ngay trong nhà tù đế quốc, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảo ủy Côn Đảo.

NGỌN CỜ ĐỎ SAO VÀNG TRÊN CÔN ĐẢO[1]

Cuối tháng 4-1949, Đặng Xuân Hà cùng 43 anh em trong số tù mới bị lưu đầy từ Khám Lớn - Sài Gòn ra Côn Đảo bị đưa đi sửa pha (Hải Đăng) Bãi Cạnh, trong đó có 23 tù thường phạm và 21 tù chính trị. Trước ngày xuống tàu đi Côn Đảo, Đặng Xuân Hà được Liên đoàn tù nhân Khám Lớn cử vào Ban Lãnh đạo chuyến đi đày và khi ra Côn Đảo, anh được anh Trần Quốc Phiên truyền đạt Ủy nhiệm của Liên đoàn tù nhân Côn Đảo, giao trách nhiệm lãnh đạo đoàn Bãi Cạnh với nhiệm vụ tổ chức bầu cử Ban Chấp hành tù nhân khu Bãi Cạnh.

Đặng Xuân Hà quê ở thôn Vỹ Dạ (Huế), tham gia cách mạng từ 23-9-1945 tại Sài Gòn, sau đó chuyển về Huế, theo học lớp Thông tin Duyên Hải do Bộ Tham mưu Quân khu 4 tổ chức. Mãn khóa (tháng 11-1945), anh tình nguyện chiến đấu ở mặt trận đường 9 Nam Lào nên anh em thường gọi là Hà Lèo. Hoạt động trong Ban Đặc vụ (quân báo), Hà Lèo mang bí danh La Tùng, tên ghép của hai đồng đội anh đã hy sinh anh dũng trong trận một phản kích tại Động Héne (Lào)[2].

---

1 Bài in trong sách *Nhà tù Côn Đảo - Nhà lao Phú Quốc*, Nxb Lao Động, Hà Nội, 2005.

1 Sau ngày đình chiến, Đặng Xuân Hà là cán bộ của Ty Lâm nghiệp Hà Tĩnh, hiện nay nghỉ hưu tại 21 Lê Hồng Phong, thị trấn Bảo Lộc, Lâm Đồng.

Tháng 8-1946, Hà Lèo được điều động về Khoa Tình báo Khu VI, là Ủy viên tổ chức Khoa. Trước yêu cầu cấp bách của chiến trường, tháng 10-1947, Hà Lèo tình nguyện nhận nhiệm vụ đột nhập vào thành phố Nha Trang với nhiệm vụ xây dựng và trực tiếp chỉ đạo tổ tình báo chiến lược hoạt động bí mật ngay trong nội thành. Anh bị bắt ngày 8-1-1948 tại Nha Trang, bị kêu án 7 năm khổ sai đi đày Côn Đảo.

Nhà pha (Hải Đăng) Bảy Cạnh được xây dựng trên một diện tích hẹp của đỉnh núi, 3 phía thềm đá lởm chởm dựng đứng xuống tận biển, phía còn lại có cổng đúc là cửa ra vào pha, có hai con đường, một đường dẫn xuống bãi đậu thuyền từ Côn Đảo qua, một đường xuống bãi cát rộng có kho chứa vật liệu lợp tranh tre.

Nhà pha chỉ có một trệt, mái đúc, trên đặt ngọn hải đăng. Tầng trệt có nhiều phòng, là nơi ở và làm việc của bọn gác pha. Hông nhà trước cổng vào là phòng giam tù, mỗi khi có đợt khổ sai. Pha liên lạc với đảo chính bằng điện dài theo định kỳ. Mỗi tuần có hai chuyến tàu chở lương thực và thực phẩm tiếp tế cho pha.

Sau khi vận chuyển hết đồ đạc lên pha, kíp tù được ăn cơm và nghỉ trưa. Buổi chiều, mọi người sửa sang dụng cụ lao động và nghe Brasiller phổ biến nội quy và công việc. Hắn giao cho mỗi người một ngày phải vận chuyển 200 kg vật liệu từ bãi lên pha. Buổi sáng phải dậy từ 5 giờ, ăn cháo rồi xuống bãi, ngày phải đi 6 chuyến, phải xong việc mới được nghỉ. Pha cao hơn 200 m so với mặt biển, vách đá quanh co, lởm chởm, hơn 30 kg vôi, gạch trên vai, người tù phải bấm chân thật chặt, nhích chân từng bước. Công việc khổ sai ở Bảy Cạnh xưa nay đều là nỗi kinh hoàng của người tù.

Khổ nhục là vậy nhưng Hà Lèo qua Bãi Cạnh chuyến này với biết bao hy vọng. Khi còn bị giam ở Khám Lớn, Hà Lèo đã say mê nghe chuyện vượt ngục ly kỳ của tù nhân Côn Đảo. Nỗi đam mê vượt ngục trong anh lớn dần, ngày nào anh cũng chỉ mong sao sớm được ra tòa lãnh án đi đày Côn Đảo để vượt ngục. Đến Bãi Cạnh, Hà Lèo sực tỉnh, vượt ngục đâu có dễ như nghe chuyện. Sóng to, gió lớn dội vào vách đá ầm ầm, tìm được một chỗ đóng thuyền kín đáo, có thể hạ thủy được đâu phải là chuyện dễ. Bãi Cạnh rất hiếm song mây, vách núi dựng đứng, không chỗ ẩn mình, giấu thuyền, ba bề vách đá, sóng lớn, không thể hạ thủy. Chỉ có một bãi duy nhất, nơi các anh đang làm khổ sai. Không lẽ bất lực? Hà Lèo chợt nhớ đến số gỗ ván trong nhà kho, có thể đủ đóng vài con thuyền vượt biển. Chỉ có một cách duy nhất là bạo động, chiếm pha, đóng thuyền cho tất cả cùng về. Phải tổ chức bạo động, lấy sức mạnh đoàn kết thống nhất của tù nhân, đồng loạt tấn công, bắt lính và giám thị, chiếm pha rồi nhanh chóng vận chuyển gỗ ván, vật liệu, phương tiện xuống bãi đóng ghe, vượt biển. Ý tưởng táo bạo chợt lóe lên trong giây phút không ngờ lại trở thành phương án tối ưu cho cuộc vượt ngục.

Lực lượng địch chỉ có Giám thị Brasiller, Charton, Chủ pha Chevalier, vợ chồng gác pha Duyfay và một thày chú. Trong khi đó, lực lượng tù nhân có 44 người, vấn đề cốt tử là phải đoàn kết chặt chẽ toàn thể tù nhân, thống nhất hành động, bí mật, bất ngờ, đánh chắc thắng và đóng thuyền thật nhanh, không để bọn chúa ngục ở Côn Đảo kịp trở tay. Đặc biệt là phải tuyệt đối giữ bí mật, cảnh giác, nhất là đối với số thường phạm, cọp rằng (cai tù) hung hãn.

Bọn gác ngục tuy ít người nhưng rất cảnh giác, kiểm soát chặt chẽ mọi hoạt động của tù nhân. Tất cả những tên gác ngục, gác pha được điều đến đây đều không quên thảm họa của những tên thực dân lớp trước trên hòn Bãi Cạnh ngay từ khi xây dựng ngọn Hải Đăng. Tháng 8-1883, 150 tù nhân được điều sang làm khổ sai xây dựng pha đã đồng loạt nổi dậy giết 8 lính canh cùng viên sĩ quan Chỉ huy Gaston Cabillic, Kiểm định viên Công chánh Junes Pierre Dulong, đâm bị thương Đốc công Bidault, cướp đi 15 khẩu súng mousquetons, 3 súng lục và 2 súng săn, đoạt chiếc ca nô trở về Bình Thuận[1].

Tấn thảm kịch từ hơn nửa thế kỷ trước đã được bọn gác ngục, gác pha ghi xương tạc cốt, để rồi trút lên đầu tù nhân. Bởi vậy, làm khổ sai ở Bãi Cạnh thời ấy là một nỗi kinh hoàng: gùi nặng, dốc cao, nắng rát và đòn roi không hạn chế.

Sau ba ngày lao động khổ sai nặng nhọc, kíp tù được nghỉ ngày chủ nhật. Chiều chủ nhật, Hà Lèo tổ chức cuộc họp trong số anh em trung kiên, bầu Ban Chấp hành tù nhân khu Bãi Cạnh trong một khu rừng cây kín đáo xa nhà pha. Hà Lèo đắc cử Chủ tịch Ban Chấp hành. Anh Khai được bầu làm Phó Chủ tịch, các anh Năm, Nhiều, Giỏi, Vôn, Tám Sún, Bảy Sủng, Châu Sún tham gia vào các Ban: Trật tự, Thông tin, Văn hóa, Vệ sinh. Sau khi bầu cử, các đại biểu vừa đắc cử Ban Chấp hành ở lại bàn bạc các công việc cụ thể trước mắt, nhân cuộc họp này, Hà Lèo đã gợi ý một cuộc vượt ngục tập thể và được anh em trong Ban Chấp hành nhiệt liệt hưởng ứng.

1 Lê Hữu Phước, *Lịch sử Nhà tù Côn Đảo 1862 - 1930*, Luận án Phó Tiến sĩ Khoa học Lịch sử, Viện Khoa học Xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh, 1992, tr 118-120.

Ngày đầu của tuần khổ sai thứ hai, nhiều người đã đuối sức, bị cảm sốt li bì. Lúc điểm danh vào khám, Hà Lèo đã đứng ra yêu cầu Brasiller giảm bớt chỉ tiêu khối lượng trong ngày. Không đếm xỉa đến yêu sách, Brasiller túm tóc đập đầu anh vào tường đá, sưng u một cục. Thái độ của Brasiller làm cho cả kíp tù hết sức phẫn nộ.

Tối ấy, trong khám giam, Hà Lèo đau buốt với cục u sưng to trên trán, nhưng trong lòng anh, nỗi uất ức và tủi nhục còn đau hơn gấp bội. Không chỉ riêng anh mà thái độ bất bình của tập thể tù nhân đã trở nên sôi sục. Nhận thấy tình thế đã chín muồi, Hà Lèo mò trong đêm tối, nhóm họp số anh em trung kiên, công bố kết quả bầu Ban Chấp hành tù nhân và thông báo về dự kiến tổ chức một cuộc vượt ngục tập thể bằng cách chiếm pha, đóng thuyền vượt biển. Hà Lèo yêu cầu anh em tuyệt đối giữ bí mật, bám sát đội hình trong lúc làm khổ sai và tuyệt đối chấp hành sự chỉ đạo của Ban Lãnh đạo.

Ban Lãnh đạo cuộc vượt ngục gồm 8 người, do Hà Lèo chỉ huy. Bảy người còn lại sẽ chọn người, tổ chức thành bảy nhóm hành động, mỗi nhóm ba người, làm nhiệm vụ bắt giữ và tước khí giới 4 tên gác ngục, gác pha, 1 tên thầy chú, vợ con gác ngục, gác pha và chiếm giữ điện đài. Hai anh: Bảy Sủng và Tám Sún chỉ huy việc đóng thuyền và dò tìm bãi hạ thủy. Anh Khai chịu trách nhiệm tìm hiểu quy ước liên lạc giữa pha và Côn Đảo bằng điện đài để có cơ sở chọn ngày giờ khởi sự[1]. Tất cả đều cắn răng chịu đựng công việc khổ sai nặng nhọc và sự hành hạ man rợ của bọn gác ngục, hồi hộp chờ đợi từng giờ, từng phút.

1 Biên bản Hội thảo về lịch sử nhà tù Côn Đảo 1945 - 1954 tại Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 10-1986, Hồ sơ lưu trữ của Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công tác bảo mật vẫn được quán triệt thường xuyên. Ngoài số 21 tù chính trị, chỉ có 2 tù thường phạm được tổ chức vào các nhóm hành động là anh Năm và Châu Sún. Số còn lại đều chưa được giác ngộ và thử thách. Tâm trạng chung, nhiều người tù thường phạm đều có nguyện vọng và ý chí vượt ngục, song tính tổ chức, tính tập thể và tính kỷ luật không cao. Trong số họ, nhiều người có quan hệ với hai cặp rằng (tù tay sai) là Chánh và Đại nên việc cảnh giác đề phòng là hết sức cần thiết.

Chiều ngày thứ năm của tuần thứ hai, anh Khai cho biết pha liên lạc với Côn Đảo bằng vô tuyến hàng ngày, sau khi đã nhốt tù vào khám. Anh cho rằng bạo động là phiêu lưu, mạo hiểm. Hà Lèo lặng người. Gió chướng đã cuối mùa. Sang tháng 5 là chuyển mùa gió Nam, nếu có chiếm được pha, đóng được thuyền thì cũng không thể vượt biển về đất liền được mà chỉ mua lấy cái chết. Nếu không chớp được thời cơ trong những ngày cuối tháng 4, đầu tháng 5 này thì hoài bão vượt ngục sẽ tắt theo mùa gió chướng.

Không thể trì hoãn được nữa, vả chăng, cuộc vượt ngục nào mà không mang yếu tố phiêu lưu. Trăn trở suốt đêm, Hà Lèo chợt nảy ra sáng kiến, khởi sự vào chiều thứ bảy, khi chiếc ca nô tiếp tế từ Bãi Cạnh quay về Côn Đảo thì bọn chúa ngục đã có tin tức rồi, việc liên lạc bằng vô tuyến có trục trặc cũng không làm chúng ngờ vực nữa.

Sáng hôm sau, Ban Lãnh đạo phấn khởi tiếp nhận quyết định và ngày giờ phát khởi cuộc bạo động. Các nhóm hành động soát xét lại lực lượng và bám sát các đối tượng được phân công. Hà Lèo để nghị các trưởng nhóm động viên anh em cố gắng hoàn thành chỉ tiêu

sớm, ăn cơm trưa và sẵn sàng vào vị trí lúc 15 giờ 30. Hà Lèo sẽ phát hiệu lệnh bằng một hồi kẻng vào thời điểm quyết định.

Giây phút chờ đợi vô cùng căng thẳng. Thời gian chậm chạp trôi. Đúng 15 giờ 30, các nhóm hành động đã vào đúng vị trí, bám chắc đối tượng; Hà Lèo đã ở bên kẻng chuẩn bị phát lệnh, một nhóm hành động được phân công đã có mặt ở bốn góc nhà pha để quan sát tình hình và truyền ám hiệu, nhưng oái oăm thay, chiếc ca nô chưa chịu quay mũi. Chủ pha Chevallier đưa vợ con về đảo chính. Chờ đến 16 giờ 30, có hai người từ ca nô đến mang đồ đạc xuống, hắn mới đưa vợ con đi.

Đợi khi chiếc ca nô đi khuất dạng, Hà Lèo mới truyền miệng lệnh chuẩn bị sẵn sàng, song hiệu lệnh kẻng thống nhất hành động không sao phát ra được. Như một trò chơi trốn tìm, bọn gác ngục sau giờ làm việc không sinh hoạt theo một quy luật nào cả, đứa đi ra, đứa đi vô làm cho các nhóm hành động bám mục tiêu rất khó. Lúc phía này phát ám hiệu thuận lợi thì phía bên kia lại không thuận. Tình trạng ấy kéo dài trong không khí hết sức căng thẳng, cho đến khi tiếng còi tập hợp của gác ngục vang lên. Tất cả 44 tù nhân chợt bừng tỉnh, từ bốn góc sân ào lên, tất cả đều đang trong tư thế sẵn sàng hành động.

Tên gác ngục Brasiller cao to, cặp cây súng tiểu liên, vẻ mặt nghiêm trọng tuyên bố: "*Vì tình hình khẩn cấp, Giám đốc ra lệnh cho các anh phải đi làm ngày mai (chủ nhật) và được nghỉ bù vào ngày khác*". Chớp lấy thời cơ, Hà Lèo đứng ra nhận lời ngay. Thật là một dịp may hiếm có. Không riêng Hà Lèo mà mọi người đều thở phào nhẹ nhõm như vừa trút bỏ được một mối hiểm nguy. Lúc sắp

hàng trước mặt Brasiller, anh Khai đã rót vào tai Hà Lèo lời chỉ trích nặng, vì sự đe dọa đối với mạng sống của 44 tù nhân ở Bãi Cạnh.

Hà Lèo bối rối, lẳng lặng xếp vào hàng mà lòng tê tái trước sự việc có nguy cơ bại lộ mà hiểm nguy ập đến khôn lường. Bước chân vào phòng giam, tiếng ồn ào nổi lên, nhiều người lên tiếng phản đối và chỉ trích Ban Lãnh đạo, vì chỉ chút xíu nữa thôi là sự việc bại lộ, ít ra, những hành động và thái độ bất thường của anh em trong buổi chiều ấy cũng dễ làm cho địch nghi ngờ. Hơn thế nữa, hầu hết anh em trong Ban Lãnh đạo và số tù nhân trung kiên đã sẵn sàng hành động, tỏ rõ quyết tâm chiến đấu với tinh thần: "*Dù có thất bại, được chết trên ghe vượt ngục cũng thỏa nguyện rồi*". Thời ấy, anh em ở Côn Đảo thường truyền nhau câu cửa miệng: "*Chưa vượt ngục một lần, chưa phải tù nhân Côn Đảo.*"

Hà Lèo phải đứng ra xin lỗi tất cả anh em. Cũng may là bọn gác ngục không nghi ngờ gì. Điều đó làm cho cơn giận dữ của anh em mau lắng xuống, song mối nguy cơ bại lộ vẫn còn đó. Các hành động và thái độ bất thường của các nhóm hành động buổi chiều ấy đã khiến số tù thường phạm còn lại nhận biết một cuộc bạo động, vượt ngục sắp xảy ra. Con đường sống duy nhất là phải hành động ngay trong buổi sáng hôm sau, trước khi những biến cố tồi tệ xảy đến. Ca lao động ngày chủ nhật mà Brasiller vừa tuyên bố, Hà Lèo đã biết trước, nhưng không ngờ lúc này lại trở thành cứu cánh cho cuộc giải thoát của kíp tù nhân khổ sai Bãi Cạnh lần này.

Đêm ấy, chờ cho anh em yên giấc, Hà Lèo rỉ tai từng người trong Ban Lãnh đạo, quyết định khởi sự vào ca khổ sai sáng hôm sau. Trằn trọc suốt đêm, hầu như

không ngủ, Hà lèo phác họa kế hoạch bạo động trong ca khổ sai ngày mai, lường trước mọi tình huống có thể xảy ra cùng các biện pháp đối phó thích hợp, nhất là việc để cao cảnh giác, tránh được sự quá khích của số tù thường phạm, tránh được sự kiểm soát và hoài nghi của bọn gác ngục, tạo được tình huống bất ngờ, bắt gọn bọn gác ngục, gác pha, dành nhiều thời gian cho việc vận chuyển vật liệu, phương tiện và đóng thuyền, kịp ra khơi trong đêm. Một phút sơ hở trong lúc này có thể dẫn đến tác hại khó lường.

Sáng sớm hôm sau, trên một đoạn đường khuất từ pha xuống bãi, Hà Lèo đã tập hợp 23 anh em tù nhân trung kiên đã được tổ chức trong các nhóm hành động, nhân danh Chủ tịch Ban Chấp hành tù nhân khu Bãi Cạnh tuyên bố: cuộc bạo động bắt đầu từ giờ phút này, với các điều quy định như sau: *Tất cả tù nhân phải tuyệt đối chấp hành mệnh lệnh của Ban Lãnh đạo, xuống bãi, lên pha cùng một lượt, theo đội hình, không ai được tự ý lên xuống như thường ngày. Tất cả anh em phải phụ lực với các nhóm hành động bắt giữ gác ngục, thày chú, gác pha khi có hiệu lệnh, không ai được tự ý hành động. Nghiêm cấm việc đánh đập trả thù bọn Pháp và thày chú, nghiêm cấm cướp bóc tư trang, tài sản và xâm phạm thân thể vợ con chúng; không được có lời lẽ hay cử chỉ lố lăng, gây tiếng xấu cho người tù. Sau khi bạo động thành công, tất cả phải dồn hết sức mình vào việc vận chuyển gỗ ván, vật liệu trên pha xuống bãi đóng thuyền, dưới sự chỉ đạo của hai anh Bảy Sủng và Tám Sún. Thuyền phải đóng xong trong ngày để khởi hành vào buổi tối.*

Chấp hành lệnh của Ban Lãnh đạo, số anh em lấy xi măng trong kho ra đều ngồi ở bãi, chờ tất cả lấy xong

hàng mới cùng lên. Giữa lúc ấy, một đội viên cho biết, nhóm hành động của anh lợi dụng cơ hội thuận tiện đã bắt trói tên thày chú trên đường và giấu hắn trong một lùm cây kín đáo. Cuộc bạo động đã bắt đầu.

Tên gác ngục Charton cặp súng lao từ trên dốc xuống bãi. Hắn chửi bới om sòm, hối thúc những người đã lấy hàng ra khỏi kho phải vận chuyển ngay lên kho. Hà Lèo chạy lại đón Charton, báo với hắn là xi măng bị vỡ bao rất nhiều, anh em đang phải thu dọn lại. Charton vừa bước vào cửa kho thì bị Hà Lèo đạp mạnh từ phía sau. Hắn ngã sấp mặt xuống sàn, nhóm hành động trong kho trói gọn. Vĩnh Yên tước súng và canh giữ Charton trong kho. Các nhóm hành động đều xông lên pha.

Nhóm các anh: Giỏi, Vôn, Nhiều ghì chặt Brasiller xuống bàn trong lúc hắn đang giở sổ chấm công lao động khổ sai. Khẩu tiểu liên của Brasiller được chuyển giao cho nhóm bắt Gác pha Duyfay. Hắn đang bước từ trên pha xuống và giơ tay chịu trói. Hà Lèo hỏi ngay chiếc điện đài thì được Duyfay cho biết là Chevallier đã đem về Côn Đảo sửa chữa từ hôm qua rồi. Một lần nữa kíp tù Bãi Cạnh lại gặp may. Các anh sẽ không phải lo lắng về những ca liên lạc bằng điện đài giữa Côn Đảo và Bãi Cạnh nữa. Cuộc bạo động đã hoàn toàn thắng lợi.

Tất cả số gác ngục, gác pha và vợ con chúng đều được tập trung vào một phòng của nhà pha, giao cho anh Vĩnh Yên trông coi. Vĩnh Yên quê ở Thừa Thiên - Huế, cán bộ tình báo Khu 6, đặc trách hoạt động trong lòng địch ở Ninh Hòa (Khánh Hòa), bị bắt tháng 1-1948. Cùng ra đảo một chuyến, Vĩnh Yên trở thành người bạn và cộng sự tin cậy của Hà Lèo trong cuộc chiếm pha, vượt ngục.

Công việc vận chuyển gỗ ván, vật liệu đóng thuyền được tập trung nhân lực, tiến hành rất khẩn trương. Hai anh Bảy Sủng, Tám Sún được trang bị một cây súng rouleau, chỉ huy việc này.

Nhóm các anh: Giỏi, Vôn, Nhiều chọn một tiểu đội quyết tử, sử dụng số vũ khí chiếm được tổ chức phòng thủ tại khu vực bến ca nô từ đảo chính sang. Trong trường hợp quân Pháp phát hiện hoặc tuần tiễu định kỳ, các anh sẽ quyết chiến để bảo vệ cuộc vượt ngục. Anh Châu Sún sử dụng ống nhòm từ nóc nhà pha quan sát.

Hai người tù làm bồi bếp có sáng kiến lấy vải trong kho may một lá cờ đỏ sao vàng treo trước cổng nhà pha để ghi nhận sự kiện hiếm có trên Côn Đảo. Lá cờ đỏ sao vàng có tác dụng cổ vũ lớn lao, thôi thúc mọi người hăng say lao vào công việc đóng thuyền vượt ngục về kháng chiến. Đã lâu lắm rồi, kể từ ngày các anh bị bắt, đây là lần đầu tiên các anh được nhìn lá cờ đỏ sao vàng tung bay ngạo nghễ, lá cờ đỏ sao vàng do chính tay mình dựng lên, trên một mảnh đất mà mình vừa nối dậy làm chủ giữa "địa ngục trần gian" Côn Đảo.

Xế chiều, tin vui đến với mọi người: thuyền đã đóng xong. Chiếc thuyền gỗ dài 6 m, rộng 2,5 m, cao 1,5 m, có bánh lái, hai buồm, gỗ đóng thuyền được ép vải quét sơn, bên ngoài bọc một lớp thiếc lấy từ thùng đựng vật liệu. Từ trước đến nay, tù nhân Côn Đảo hiếm khi có điều kiện đóng một con thuyền chắc chắn như vậy. Anh em đã tập trung đông đủ trên bãi. Ba tên Pháp được áp giải theo. Vợ Brasiller tình nguyện đi theo chồng, vợ con Duyfay và tên thầy chú bị giam lại trên khám, có đầy đủ thức ăn cho đến khi ca nô ở Côn Đảo sang cứu.

Nhìn con thuyền gỗ bọc thiếc chắc chắn, có đủ buồm chèo, ai cũng phấn khởi muốn nhảy phắt lên, giong buồm nhằm hướng đất liền thẳng tiến. Oái oăm thay, con thuyền lại nằm ỳ trên bãi cát, nước thủy triều đã rút xa. Càng chờ đợi, càng sốt ruột, anh em hè nhau chặt phi lao làm đà, xúm toàn lực vào đẩy. Rốt cuộc, con thuyền đã được hạ thủy vào lúc quá nửa đêm, nhưng chưa ai kịp mừng thì đã tiếp nỗi lo. Con nước bắt đầu lên, gió thổi mạnh, luồng hải lưu giữa Hòn Cau và Bãi Cạnh chảy siết, xô những đợt sóng lớn dội ngược con thuyền vào bờ.

Tất cả anh em ép người vào hai bên mạn thuyền, ráng sức đẩy, nhưng con thuyền chìm dần. Đáy thuyền đã bị thủng trong khi lăn trên những đà gỗ gồ ghề. Trời sáng dần, con thuyền vẫn chưa thoát ra khỏi dòng nước xoáy quẩn quanh bờ. Mọi người đều kiệt sức. Cuối cùng, một cơn sóng lớn quật thuyền vào một mỏm đá, vỡ tan tành.

Thất vọng và kiệt sức, anh em nằm lăn ra bãi, không ai buồn nói lời nào. Bao nhiêu hy vọng và sinh khí tưởng chừng như đã tan biến theo con thuyền. Đến lúc ấy, Hà Lèo mới thấm thía câu nói cửa miệng của người tù thuở ấy: *những ai chưa từng một lần vượt ngục, chưa phải tù nhân Côn Đảo.*

Vượt ngục Côn Đảo là lao vào cuộc đấu tranh một mất một còn cho sự sống với muôn vàn thử thách hiểm nghèo mà không lường hết được. Nhưng chính trong thử thách nghiệt ngã nhất, người chiến sĩ cách mạng mới có dịp phát huy cao độ trí tuệ, năng lực và bản lĩnh của mình.

Không thể khoanh tay chờ chết, Hà Lèo động viên anh em, phải đóng lại con thuyền. Rút kinh nghiệm thất bại vừa qua, lần này đóng thuyền ngay tại mép nước,

nước rút tới đâu, giòng thuyền theo tới đấy. Anh em lần lượt trở dậy, thu gom gỗ ván, vật liệu, đóng lại thuyền. Vĩnh Yên, Hà Lèo áp giải bọn Pháp lên pha.

Trên đường lên pha, Gác pha Duyfay níu áo Hà Lèo, phân trần hoàn cảnh: Vợ chết, con gái ở với dì ghẻ, vợ hai đang bị ho lao mà hắn chưa có điều kiện đưa về Sài Gòn điều trị và khẩn khoản xin gia ân cho hắn ở lại, nếu không thì vợ con hắn sẽ chết mất. Hà Lèo động lòng, bàn với anh em trong Ban Lãnh đạo, thuận tình cho tất cả số gác ngục, gác pha ở lại. Đấy cũng là một giải pháp cho nhẹ thuyền, và tránh bớt sự trả thù của bọn chúa ngục đối với tù nhân Côn Đảo.

Vì sự sống còn của mình và tập thể, anh em lại quên mệt nhọc, lao vào công việc, vận chuyển tiếp thêm vật liệu cho hai anh Bảy Súng và Tám Sún chỉ huy đóng lại con thuyền. Riêng hai anh Đại và Chánh, tù thường phạm, từng làm cặp rằng lại quen thói, đã không làm còn sai bảo, nạt nộ anh em khác. Hà Lèo nóng mặt, lớn tiếng áp đảo, buộc Đại và Chánh phải làm việc như mọi người. Anh em báo lại, Đại và Chánh rất ấm ức, họ tuyên bố, nếu không đưa bọn gác ngục Pháp đi theo thì họ sẽ đâm lủng thuyền. Hà Lèo nghĩ, họ sẽ không thể làm như vậy. Song anh không thể lường được tai họa mới sắp ập đến.

Xế chiều, thuyền được hoàn tất buồm lái, giòng theo con nước xa bờ. Hà Lèo dặn hai người bồi bếp chuẩn bị thức ăn, nước uống đưa xuống thuyền rồi vào báo tin cho số gác ngục, gác pha và vợ con chúng biết, Ban Lãnh đạo đã thuận tình cho chúng ở lại. Tất cả phải ngồi yên trong khám, chờ ngày mai có ca nô của đảo sang giải thoát, nếu tìm cách phá khám ra ngoài hoặc có hành

động chống lại cuộc vượt ngục thì tính mạng sẽ không được an toàn.

Bọn gác ngục và vợ chồng Gác pha Duyfay tỏ vẻ biết ơn. Từ khi tù nhân bạo động, họ không bị ngược đãi, và bây giờ, họ được ở lại, vẹn toàn tính mạng, tài sản. Họ cầu chúc cho đoàn tù được thuận buồm xuôi gió, trở về an toàn, với vẻ mặt thành tâm của những kẻ chịu ơn cứu mạng.

Nhưng oái oăm thay, Hà Lèo dẫn anh em xuống bãi thì trời đã tối, thuyền ra xa bờ chừng hai trăm thước, càng gọi, con thuyền càng ra xa, mất dạng. Sau này, anh em nói lại, có người xuống bãi từ sớm đã thấy hai tù thường phạm làm cặp rằng là Đại và Chánh đã đoạt được súng, chỉ huy con thuyền, giòng theo con nước ra xa. Hai anh Bảy Sủng và Tám Sún khi ấy ngồi ủ rũ trước mũi thuyền.

Trên bờ còn lại cả Hà Lèo là 19 người, chỉ có hai tù thường phạm, 17 người là tù chính trị, trong đó có 6 anh trong Ban Lãnh đạo cuộc vượt ngục. Đây là số anh em làm các nhiệm vụ trên bờ, canh giữ tù binh, quan sát địch và phòng thủ bảo vệ. Hà Lèo quyết định cho tất cả bơi ra thuyền, nhưng trời đã tối sẫm. Trước mắt họ chỉ có đêm đen và sóng dữ. Đuối sức, họ dìu nhau vào bờ.

Đau xót và thất vọng tột cùng, nhiều người nằm bất động trên bãi. Càng thấm thía với nỗi đau xót tận cùng của anh em, Hà Lèo càng thấm thía với trách nhiệm của mình. Phần vì sơ suất, phần vì chủ quan, phần vì nóng giận, anh đã chuốc lấy thất bại không tiền khoáng hậu này.

Nghĩ đến trách nhiệm với 18 anh em bị bỏ lại, Hà Lèo ân hận vô cùng. Anh động viên anh em, cứ đổ tội cho Hà

Lèo là chủ mưu, buộc anh em theo, có gì một mình Hà Lèo chịu, nhưng lúc này không ai nghe nữa. Họ túm năm tụm ba bàn xem còn cách gì có thể cứu vãn được tình hình. Bàn đi tính lại, chỉ còn hai cách: trốn vào rừng chặt gỗ đóng ghe hoặc cướp chuyến ca nô tiếp tế ngày mai vượt đảo, song cả hai cách đều không dễ dàng. Không có dụng cụ cưa xẻ gỗ, không có người biết đóng ghe. Cướp ca nô càng không dễ vì ca nô bao giờ cũng dậu xa bờ.

Hết cách, đành trở lên pha, vừa mở cửa bước vào thì cả bọn Pháp và vợ con chúng đều chắp tay lạy van, xin đừng đưa chúng đi. Hà Lèo bình tĩnh thăm dò thái độ bọn chúng. Anh bảo rằng thuyền đã đi rồi, số anh em ở đây đã bị bỏ lại vì đồng tình với quyết định không đưa tù binh Pháp đi cùng. Cả bọn mừng ra mặt. Gác pha Duyfay nói:

- Những người đã ra đi, tôi cầu chúc họ về được đến nơi, đến chốn, còn số anh em ở lại đây, tôi xin hứa sẽ không một ai đụng đến các anh, vì các anh đã không hề đụng đến chân tơ kẽ tóc chúng tôi và vợ con chúng tôi.

Hà Lèo dự cảm rằng tình thế chưa đến nỗi bi đát. Anh mở còng. Bọn Pháp đứng dậy bắt tay và cảm ơn từng người. Vẻ mặt đầy cảm kích, Brasiller nói:

- Người ta nói Việt Minh thế này thế nọ, nhưng những gì tôi chứng kiến ở đây thì hoàn toàn khác hẳn. Cử chỉ của các anh là vô cùng trong trắng. Tôi có thể thú nhận rằng, nếu cuộc bạo động vừa qua là của quân đội Pháp thì chuyện cướp bóc, hãm hiếp, giết người khó mà tránh khỏi. Nếu có dịp về Pháp, tôi sẽ nói cho nhân dân Pháp hiểu các anh.

Vợ chồng Duyfay cố gắng làm mọi điều để tù nhân yên tâm. Hắn nói rằng, Giám đốc Lafosse rất có cảm tình với vợ chồng hắn, rằng vợ chồng hắn sẽ làm mọi việc để bảo vệ anh em. Vợ Duyfay là một người đàn bà có nhan sắc, có mối quan hệ thân tình với Giám đốc Lafosse.

Duyfay tỏ ra lo lắng khi thấy lực lượng tù nhân bạo động còn giữ cây súng tiểu liên. Hắn đề nghị, bây giờ hoặc là anh em giữ súng, hắn giữ đạn, hoặc là quăng hết súng đạn xuống biển. Hà Lèo bàn với anh em, Giỏi không chịu. Đưa súng, nhỡ chúng bắn vào anh em thì sao?

Thật ra, điều khó xử nhất lại là vấn đề danh dự. Giỏi là một thanh niên Nam Bộ, bộc trực, can đảm và đầy nhiệt huyết, luôn xung phong đi đầu trong mọi hoạt động của tù nhân. Lúc này anh chưa thể bình tâm trước thất bại cay đắng, bất ngờ. Hơn nữa, do bất đồng ngôn ngữ, anh không nghe được cuộc đối thoại giữa Hà Lèo với Brasiller và vợ chồng Duyfay, không cảm nhận được lòng thật tâm của chúng, không gạt bỏ được ấn tượng thù ghét và ngờ vực vốn có xưa nay.

Hai chiến hạm của Pháp chạy vòng quanh pha Bãi Cạnh thăm dò, tìm bãi đổ quân. Trước đó, Gác pha Duyfay đã đốt lửa làm hiệu cho Côn Đảo biết, trên pha đang gặp nguy hiểm. Duyfay dùng cờ hiệu báo tin cho tàu. Hà Lèo biết rằng chỉ vài giờ nữa quân Pháp sẽ đổ bộ lên Bãi Cạnh. Khẩu súng trong tay Giỏi làm cho tình hình thêm căng thẳng. Chỉ một sơ suất trong lúc thần kinh bị kích động sẽ trở thành mối hiểm nguy cho tính mạng của 19 anh em còn lại, song thật khó để thuyết phục đồng đội mình hạ vũ khí, ngay cả khi biết chắc rằng súng đạn không giải quyết được vấn đề. Mắt Giỏi đỏ ngầu, giọng gay gắt khi nghe Hà Lèo thuyết phục:

- Anh muốn giao súng thì hãy bắn tất cả anh em đi đã.

- Được, tôi sẽ bắn tất cả và dành viên cuối cùng cho mình.

Hà Lèo đón khẩu súng trong tay Giỏi và hô anh em tập hợp. Lập tức 18 anh em tập hợp thành hai hàng, nghiêm trang, đầu ngẩng cao, hiên ngang đón nhận cái chết không nuối tiếc. Giờ đây, chỉ còn cái chết mới làm tan đi nỗi đắng cay vì thất bại vừa qua. Anh Vĩnh Yên, người chiến sĩ tình báo Khu VI, người cộng sự đắc lực của Hà Lèo hiên ngang ưỡn ngực, ngẩng cao đầu, như người lính sẵn sàng chờ lệnh, như phút nguy nan, sẵn sàng chấp nhận hy sinh. Bọn gác ngục, sau này đã bộc lộ rằng, trong suốt cuộc đời cầm súng, chưa bao giờ chúng thấy một đạo quân có tổ chức và kỷ luật như vậy. Hà Lèo day qua Brasiller và vợ chồng Duyfay đứng cạnh đấy nói:

- Chúng tôi sẽ tự sát để không bao giờ phải trở về Côn Đảo chịu nhục hình.

- Đừng, đừng làm như vậy, sẽ không ai động đến các anh đâu. Vợ chồng Duyfay rối rít nói:

- Các anh không thể chết như vậy được. Máu các anh phải đổ vì lợi ích Tổ quốc các anh kia chứ. Brasiller cũng khẩn khoản nói. Hắn đã cảm kích đến nghẹn lời.

Dường như chợt bừng tỉnh, anh Năm từ trong hàng bước lên ôm chầm lấy Hà Lèo. Hà Lèo vội ghếch nòng súng lên trời, cùng lúc Gác ngục Charton nhanh tay chộp lấy. Cuộc bàn giao vũ khí đã diễn ra trong một tình huống hợp lý, tránh được mặc cảm cho những chiến sĩ trung kiên khi đã sa cơ thất thế.

Chấp nhận thất bại, trở lại đời tù, họ trở lại phòng giam với một tâm trạng nặng nề khó tả. Mãi đến nhiều năm sau này, những người tù còn lại trên pha bữa ấy vẫn không quên được cảm giác xót xa, đau đớn khi phải hạ vũ khí trước kẻ thù, trên mảnh đất mà mình vừa giành quyền làm chủ. Sau này, Hà Lèo càng thấm thía rằng, sống, chiến đấu trong cảnh sa cơ, khốn cùng, còn khó khăn hơn nhiều so với một cái chết tự nguyện.

Đã từng trải qua nỗi khổ đau của đời tù trong 2 ngày đêm, vợ chồng Duyfay lấy giẻ quấn vào cổ chân anh em trước khi xỏ còng, lấy nệm trong kho trải cho anh em nằm. Vợ Duyfay tự tay sửa soạn cho anh em một bữa tối thịnh soạn, có rượu vang Pháp khai vị và càfê sữa, trái cây tráng miệng.

Đêm ấy, vợ chồng Gác pha Duyfay và Gác ngục Brasiller ngồi lại với 19 người tù thất thế khá lâu. Họ bày tỏ thái độ ân cần, biết ơn và lo lắng thật sự đến sự an toàn tính mạng của số anh em còn lại. Brasiller nhiều lần khuyên anh em với giọng nói gần như khóc rằng, đừng nên tự sát, rằng anh em xứng đáng được sống, rằng hắn sẽ hết sức bảo vệ anh em... Trong khi đó, Gác ngục Charton vẫn lăm lăm khẩu súng, đi đi lại lại bên ngoài.

Hôm sau, vào lúc điểm danh để xuống ca nô về Côn Đảo, Gác pha Duyfay rỉ tai Hà Lèo: "*Anh đừng dại gì mà nhận cầm đầu vụ này. Hãy đổ mọi chuyện cho những người đã ra đi. Về Côn Đảo tôi sẽ khai như vậy.*"

Chiếc ca nô cặp vào cầu tàu sau 2 giờ vượt biển. Giám đốc Henry Lafosse đón ở mũi ca nô, chìa tay dìu vợ Duyfay lên bờ. Đoàn tù nhân được đưa đến một gốc bàng cạnh cầu tàu ngồi đợi phán quyết, trong lúc Lafosse nói chuyện với Gác pha Duyfay.

Lát sau, một tên gác ngục Pháp được lệnh đưa cả kíp tù về khu điều dưỡng, không ai bị tra hỏi, đánh đập, cúp phạt. Có lẽ bọn gác ngục, gác pha, nhất là vợ chồng Duyfay đều thật sự cảm kích nghĩa cử cao thượng của anh em trong những ngày kinh hoàng của chúng ở Bãi Cạnh nên đã báo cáo có lợi cho anh em trước giám đốc nhà tù.

Sáng hôm sau, Giám đốc Lafosse đích thân tới thăm. Cuộc đối thoại ngắn giữa Lafosse và Hà Lèo thật thú vị:

- Các anh là những người tốt. Người Pháp cũng không phải xấu cả, có người tốt, người xấu.

-...

- Hôm ở pha, các anh định tự sát phải không?

- Đúng vậy.

- May mà việc ấy đã không xảy ra.

-...

- Các anh ở lại để cứu những người Pháp phải không?

- Không phải như vậy. Chúng tôi phản đối việc đập phá ngọn đèn pha và những hành động trả thù thô bạo nên bị bỏ lại.

Lafosse gật đầu tỏ ý đồng tình rồi quay ra. Hôm sau, Lafosse đến cùng Giám thị trưởng Passi, trịnh trọng tuyên bố: "*Nhân danh một sĩ quan quân đội Cộng hòa Pháp, tôi sẽ đề nghị trả tự do cho các anh. Hôm nay, tôi đã viết văn bản gửi tàu về, chuyến tàu sau, các anh sẽ được tự do*".

Đó là một bất ngờ lớn mà không ai có thể nghĩ tới. Trong một tình huống hết sức bi đát và hiểm nghèo, các anh đã cảm hóa được gác ngục, gác pha và chúa đảo bằng

một chính sách tù hàng binh đúng đắn và bằng nhân cách cao quý của người chiến sĩ cách mạng, chuyển bại thành thắng.

Tròn một năm sau, Bộ trưởng Bộ chiến tranh Pháp quốc chuẩn y đề nghị của giám đốc nhà tù, trả tự do cho tất cả 19 anh em. Giám đốc Lafosse tiễn anh em ra tận cầu tàu, nói lời từ biệt: *"Các anh không nên tham gia vào cuộc chiến kỳ cùng chống chúng tôi"*.

Hà Lèo mỉm cười chào tạm biệt. Đây không phải là lúc tranh cãi với hắn. Các anh đã không quản hiểm nguy bạo động vượt ngục là cốt trở về kháng chiến. Các anh cắn răng chịu đựng bao đắng cay nghiệt ngã trong tù cũng là để tạo cơ hội sống trở về tiếp tục kháng chiến. Các anh không đập phá nhà pha, không cướp bóc tài sản và ngược đãi bọn Pháp là thực hiện đúng chính sách tù hàng binh của Chính phủ ta, đâu phải vì thế mà quên thù nhà, nợ nước, đâu phải để từ bỏ khát vọng độc lập tự do.

Sau khi được trả tự do ở Sài Gòn, tất cả đã tìm đường ra căn cứ kháng chiến. Trước đó, trong một năm chờ đợi ở Côn Đảo, 19 anh em được hưởng chế độ đỡ phần khắt khe, hàng ngày làm những công việc khổ sai nhẹ trong khuôn viên dinh giám đốc, dưới sự trông coi của một giám thị người Việt. Hà Lèo liên lạc và báo cáo toàn bộ tình hình bầu cử Ban Chấp hành tù nhân và cuộc bạo động vượt ngục của tù nhân khu Bãi Cạnh.

Đồng chí Nguyễn Văn Tư tức Trịnh Văn Hà, Tổng đại diện Liên đoàn tù nhân Côn Đảo đã gửi cho Hà Lèo một bức thư, trong đó có dòng chữ ghi bằng mực đỏ: *"Các đồng chí đã tô lên hải đảo một vết son mà sau này lịch sử*

sẽ ghi lại"[1]. Hà Lèo vẫn thường xuyên nhận được chỉ thị của Liên đoàn và phổ biến cho anh em cùng thực hiện. Tuy vậy, không tránh khỏi những ánh mắt thiếu thiện cảm của nhiều anh em đối với 19 người được giám đốc nhà tù ưu đãi. Điều đó làm các anh đau xót hơn cả đòn roi và hình phạt.

Cuộc bạo động chiếm pha vượt ngục tại Bãi Cạnh là một sự kiện độc đáo trong lịch sử nhà tù Côn Đảo. Chỉ trong vòng 10 ngày bị đưa đi làm khổ sai ở Bãi Cạnh, các anh đã tổ chức thành công cuộc bạo động chiếm pha, vượt ngục, giải phóng 44 tù nhân trong kíp khổ sai và 2 người tù làm bồi bếp nhà pha, trong đó có 27 anh em theo thuyền về đất liền sau 4 ngày đêm vượt biển và 19 người bị bỏ lại đã được trả tự do sau đó một năm.

Sau ngày nước nhà thống nhất, Hà Lèo vào Sài Gòn nhận công tác mới, anh gặp lại được Vĩnh Yên, Bửu Toàn trong số những người bị bỏ lại và Nguyễn Hùng Quang trong số theo thuyền về. Những người khác không biết đã nằm lại nơi nào trên những chặng đường kháng chiến. Khi Hà Lèo còn công tác ở ngành Lâm nghiệp, Trịnh Văn Hà, người Tổng đại diện Liên đoàn tù nhân Côn Đảo năm xưa, khi ấy là Vụ phó Vụ Tài vụ - Kế hoạch Bộ Nông Lâm đã viết giấy xác nhận: "*Vụ nổi dậy làm chủ hòn Bãi Cạnh trong hai ngày (5-1949) là sự kiện lớn nhất, quy mô rộng rãi nhất từ trước tới đó. Anh Đặng Xuân Hà tức La Tùng, tức Hà Lèo lãnh đạo được cuộc cướp chính quyền này là một thành tích đáng kể. Anh có mưu trí và anh Dũng. Tôi đề nghị nên có khen thưởng đối với anh Hà*

1 Tài liệu lưu trữ của Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu.

để ghi nhớ một thành tích của anh em tù nhân Côn Đảo, để ghi nhớ sự cống hiến của anh Hà đối với cách mạng"[1].

Cuốn Lịch sử Nhà tù Côn Đảo 1945 - 1954 do Nhà xuất bản Sự Thật xuất bản năm 1987 đã đánh giá về cuộc chiếm pha vượt ngục cũng như về đạo đức, nhân cách cao thượng của những người tù chính trị ở Bãi Cạnh như sau: "*Thắng lợi của cuộc bạo động pha Bãi Cạnh (5-1949) không chỉ dừng lại ở việc giải thoát một số đông tù nhân mà còn có ý nghĩa trên lĩnh vực địch vận. Thái độ nhân đạo và đúng đắn của những người tù chính trị trong cuộc vượt ngục đã nâng cao uy tín của tù chính trị trong giới cầm quyền Pháp*"[2].

Còn một vài chi tiết về cuộc bạo động chiếm pha, vượt ngục ở Bãi Cạnh (5-1949) mà có những anh em hiểu lầm đã được giải tỏa trong hàng chục cuộc Hội thảo khoa học về *Lịch sử Nhà tù Côn Đảo giai đoạn 1945 - 1954* do Đặc khu ủy Vũng Tàu Côn Đảo phối hợp với Ban Liên lạc tù chính trị các tỉnh tổ chức trong năm 1986.

Giờ đây, mỗi khi lần giở lại kỷ niệm một thời về cuộc bạo động chiếm pha vượt ngục năm ấy, Hà Lèo vẫn nhớ như in hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng tung bay ngạo nghễ và không khỏi ngậm ngùi nhớ đến những người tù chính trị trung kiên, nhất là các anh: Vôn, Nhiều, Khai, Bảy Sủng, Tám Sún đã từng sát cánh bên nhau ngay từ khi mới đặt chân lên hòn Bãi Cạnh, anh Vĩnh Yên ngẩng đầu hiên ngang, vươn ngực trước hàng quân mà nước mắt ròng ròng trên má; anh Giỏi, người thanh niên Nam

1 Xác nhận của đồng chí Trịnh Văn Hà. Tài liệu lưu trữ của Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu.

1 *Nhà tù Côn Đảo 1945 - 1954*, Nxb Sự Thật, Hà Nội 1991, tr 66.

Bộ đã suýt nổi xung trong tình thế buộc phải hạ vũ khí; anh Năm, anh Châu Sún, hai người tù thường phạm chí cốt với tập thể, vững vàng ngay cả trong những lúc nguy nan... 44 anh em từ cõi chết trở về năm ấy giờ đây chỉ còn lại mình anh[1].

2 Bài viết này ông Dụng Xuân Hà đã kịp đọc lại vào mùa hè năm 1995. Rất tiếc là ông chưa được đọc khi cuốn sách này xuất bản.

BỐN LẦN ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG Ở CÔN ĐẢO (1950 - 1954)[1]

CHI BỘ NHÀ TÙ

Ngay từ năm 1946, các đồng chí đảng viên ở nhà tù Côn Đảo đã liên hệ với nhau, bàn bạc việc xây dựng tổ chức Đảng trong tù. Đợt khủng bố toàn đảo kéo dài gần nửa năm (vụ Compot) đã làm gián đoạn công tác tổ chức. Năm 1947, lực lượng đảng viên còn rất mỏng. Một số đồng chí nhiều tuổi Đảng, có trình độ tổ chức còn bị cấm cố trong khám tử hình. Những đảng viên ở các sở tù khổ sai chủ trương "tự giải phóng" bằng cách vượt ngục. Nhiều chuyến vượt ngục thành công đã đưa hàng trăm tù nhân, trong đó có hàng chục đảng viên trở về tham gia kháng chiến.

Từ cuối năm 1948, một số đảng viên được giảm án từ tử hình xuống chung thân khổ sai đã thảo luận với những đảng viên ở các sở tù khổ sai trên đảo, hình thành nhóm nghiên cứu mác xít tại nhà tù Côn Đảo. Dưới sự lãnh đạo của những người tù kháng chiến trung kiên. Liên đoàn đã xây dựng tổ chức cơ sở ở khắp các sở tù và đẩy mạnh các mặt công tác tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ xây

1 Bài in trong sách *Nhà tù Côn Đảo - Nhà lao Phú Quốc*, Nxb Lao Động, Hà Nội, 2005.

dựng nếp sống mới, bảo mật trừ gian, đấu tranh chống lại sự đàn áp và bóc lột tù nhân. Sự phát triển của tổ chức cách mạng và các phong trào hoạt động của tù nhân đòi hỏi trình độ lãnh đạo ngày càng cao, có khả năng đối phó với những thủ đoạn ngày càng xảo quyệt của bọn thống trị.

Nhiều đảng viên muốn thành lập chi bộ Đảng để lãnh đạo phong trào nhưng rất lúng túng vì thiếu sự chỉ đạo của tổ chức Đảng ở trong đất liền, nhất là trong tình hình Đảng ta phải tuyên bố "tự giải tán", rút vào hoạt động bí mật dưới hình thức các Hội nghiên cứu mác xít. Tháng 3-1950, trên đường đến Côn Đảo, 2 nhóm nghiên cứu mác xít của đoàn tù Chí Hòa đã hợp thành 1 chi bộ do đồng chí Trần Chính Quyền phụ trách. Ngày 9-5-1950, thực dân Pháp đày 50 tù nhân từ miền Trung ra Côn Đảo. Đoàn tù miền Trung đã thành lập chi bộ Đảng từ nhà lao Huế lấy tên là chi bộ Nguyễn Chí Diểu do đồng chí Lê Trọng Bộ (tức Lê Doãn Thiết) làm Bí thư. Hai chi bộ này đã liên hệ với đồng chí Nguyễn Đình Thâu đề nghị thành lập chi bộ Đảng ở nhà tù Côn Đảo.

Cuối tháng 4-1950, đại diện của các chi bộ và nhóm nghiên cứu mác xít ở Côn Đảo đã thống nhất quan điểm thành lập một Ban cán sự (gọi là Ban cũ tập) để tập hợp những đảng viên cũ, chuẩn bị thành lập chi bộ Đảng.

Cuối tháng 5-1950, đoàn tù chính trị đầu tiên từ Hà Nội bị đày ra Côn Đảo. Ba đoàn tù liên tiếp ra trong những tháng đầu năm 1950 không chỉ tăng một lượng đáng kể tù nhân chính trị ở Côn Đảo mà còn đem lại những thay đổi cơ bản về cơ cấu và chất lượng tù nhân. Đoàn tù chính trị Hà Nội cũng đã thành lập chi bộ

Đảng từ nhà lao Hỏa Lò, do đồng chí Lê Đình Cẩu làm Bí thư.

Ba chi bộ Đảng từ các nhà tù ở 3 miền đất nước đã sớm thống nhất với các đồng chí cũ ở Côn Đảo về sự cần thiết phải thành lập chi bộ Đảng ở nhà tù Côn Đảo. Ban cán sự được bổ sung gồm hơn 10 đồng chí, đại diện cho 3 chi bộ mới ra và nhóm nghiên cứu mác xít ở Côn Đảo. Đồng chí Lê Trọng Bộ, Trưởng Ban cũ tập được bố trí ra nằm nhà thương với bệnh án ho lao, đồng chí Trần Khắc Du, Ủy viên Ban cũng ra nằm nhà thương với bệnh án kiết lỵ.

Hai đồng chí đã phối hợp với đồng chí Trần Văn Minh, y tá của nhà thương hình thành bộ phận thường trực thảo ra chương trình hoạt động của chi bộ, quy định tiêu chuẩn của đảng viên trong tù, xác định các nguyên tắc và thảo văn bản chỉ đạo các cơ sở Đảng. Những đảng viên được tập hợp với điều kiện là khi bị bắt không khai báo, vào tù không "trùm chăn" (cẩu an, thủ tiêu đấu tranh). Mỗi đảng viên phải được 2 đảng viên khác biết và giới thiệu. Trường hợp không có ai giới thiệu thì phải tự khai báo. Nhưng dù có người giới thiệu, bảo đảm hay chỉ tự khai báo thì *nguyên tắc cao nhất để công nhận đảng viên là phải qua thực tiễn đấu tranh trong tù, thể hiện được phẩm chất đảng viên được tập thể trong tù công nhận.* Cơ sở Đảng trong các đoàn tù, các cơ sở tù giới thiệu và nhận xét đảng viên, sau đó gửi danh sách về Ban Cán sự để xem xét và làm quyết định công nhận đảng viên. Trong tháng 7-1950, Ban đã chỉ đạo hoàn thành việc tập hợp đảng viên cũ, công nhận được khoảng hơn 30 đảng viên.

Tháng 8-1950, các cơ sở tiến hành Đại hội lần thứ nhất, thành lập chi bộ nhà tù Côn Đảo. Bộ phận thường trực ở nhà thương soạn dự thảo nghị quyết chi bộ, lấy ý kiến đồng chí trong Ban Cán sự, tổng hợp lại rồi mới gửi đến các tổ đảng tham gia ý kiến. Sau đó bộ phận thường trực tập hợp ý kiến của các tổ đảng gửi về, hình thành nghị quyết của chi bộ. Đại hội đã xác định phương hướng hoạt động của chi bộ trong tù.

Kế thừa kinh nghiệm của chi bộ đặc biệt ở nhà tù Côn Đảo trước đây và kinh nghiệm hoạt động ở nhiều nhà tù khác, Đại hội đã xác định nhiệm vụ hàng đầu của chi bộ là lãnh đạo đấu tranh đòi cải thiện đời sống tù nhân và biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng. Đại hội uốn nắn tư tưởng của một số đảng viên trước đây, quá say sưa với chủ trương "tự giải phóng", chỉ tìm cách vượt ngục mà không chú ý đến việc xây dựng tổ chức, lãnh đạo đấu tranh trong tù. Việc vượt ngục của quần chúng, chi bộ không hạn chế, nhưng đối với đảng viên thì việc củng cố tổ chức, lãnh đạo trong tù phải là nhiệm vụ hàng đầu. Đảng viên muốn vượt ngục phải xin phép và được chi bộ đồng ý, giao nhiệm vụ. Đại hội đánh giá cao hoạt động của Liên đoàn tù nhân Côn Đảo, và đặt các tổ chức Liên đoàn thành một đoàn thể quần chúng dưới sự lãnh đạo trực tiếp của chi bộ Đảng, thay cho hình thức tổ chức theo kiểu đại nghị trước đây. Một số cán bộ hoạt động tích cực của Liên đoàn tù nhân Côn Đảo đã được bồi dưỡng và kết nạp lớp đảng viên tháng 8-1950. Trước khi kết nạp, số cán bộ này đã được bồi dưỡng về chủ nghĩa cộng sản, qua đấu tranh, thể hiện được lòng trung thành với sự nghiệp của Đảng, được 2 đảng viên trong chi bộ giới thiệu.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành gồm 7 đồng chí, do đồng chí Lê Trọng Bộ làm Bí thư, Nguyễn Đình Thâu là Phó Bí thư phụ trách tuyên huấn, Trần Khắc Du (tức Nguyễn Ngọc Cảnh) phụ trách dân vận, các đồng chí: Nguyễn Văn Năm, Trần Chính Quyền, Lê Quang Thuyết, Nguyễn Văn Thương là Ủy viên phụ trách các cơ sở. Sau nhiều ngày tích cực chuẩn bị và bí mật tổ chức, Đại hội lần thứ nhất chi bộ Côn Đảo đã thành công tốt đẹp. Đại hội quyết định lấy ngày 5-8-1950, kỷ niệm ngày hy sinh của đồng chí Lê Hồng Phong làm ngày thành lập chi bộ[1]. Chi bộ biên soạn các tài liệu Cách mạng dân chủ mới; Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi và Sửa đổi lối làm việc huấn luyện cho cán bộ, đảng viên. Văn phòng chi bộ vẫn đặt tại nhà thương.

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ LẦN THỨ HAI

Tháng 2-1951, chi bộ nhà tù Côn Đảo tổ chức Đại hội lần thứ hai. Chi ủy chuẩn bị báo cáo và gửi xuống các tổ Đảng thảo luận, góp ý kiến bổ sung gửi về văn phòng chi ủy. Báo cáo của chi ủy đánh giá trong nhiệm kỳ 6 tháng đã xây dựng được tổ chức Đảng thống nhất trên toàn đảo. Chi bộ đã phát triển số đảng viên tăng lên gấp rưỡi, tăng cường lực lượng lãnh đạo của Đảng đối với Liên đoàn. Chi bộ đã biên soạn tài liệu và giáo dục đường lối kháng chiến cho cán bộ, đảng viên, nâng cao nhận thức và lòng tin vào thắng lợi của cuộc kháng chiến. Chi bộ chú ý xây dựng khối đoàn kết giữa tù áo xanh (khổ sai) với tù áo trắng (bồi bếp, thư ký), giữa các nhóm tù, các địa phương. Về sách lược đấu tranh,

1 Sau này, ngày hy sinh của đồng chí Lê Hồng Phong được xác minh lại là ngày 6-9-1942.

chi bộ đã phân biệt đối tượng cụ thể, từng loại kẻ thù từ chúa đảo đến xếp banh, chủ sở, lính gác, thày chú để tranh thủ hoặc có sách lược đấu tranh cụ thể. Chi bộ cũng đánh giá những mặt yếu trong công tác cảm hóa quần chúng, tranh thủ những người trong hàng ngũ địch, trong việc chỉ đạo thiếu sâu sát đối với Liên đoàn tù nhân Côn Đảo.

Do sự tăng thêm số lượng đảng viên, nhiều tổ Đảng đã phát triển thành chi bộ, Đại hội lần thứ hai đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 7 đồng chí, đồng chí Lê Trọng Bộ là Bí thư Đảng ủy.

Sau Đại hội, bọn chúa ngục Pháp đã sử dụng lực lượng tù gian trong tổ chức Liên xã làm tay sai, phát hiện và bắt giam trên 200 tù nhân trung kiên vào khu biệt lập, trong đó có nhiều đồng chí trong Đảng ủy và Ban Chấp hành Liên đoàn tù nhân Côn Đảo. Đảng ủy bổ sung thêm một số đồng chí và tích cực chỉ đạo cuộc đấu tranh chống Liên xã, chống chế độ biệt lập.

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ LẦN THỨ BA

Ngày 3-5-1951, chuyến tù binh đầu tiên ở các tỉnh miền Bắc (135 người) bị đưa ra Côn Đảo. Đoàn tù binh thứ hai gồm 135 người tù Bắc Bộ đến đảo ngày 6-10-1951. Đoàn tù binh ra tháng 10-1951 có đồng chí Văn (tức Hiến, tức Ý), nguyên Tỉnh ủy viên, Trưởng Ban Chính trị Tỉnh đội Hải Dương. Sau khi liên lạc được với Đảng ủy Côn Đảo, đồng chí đã báo cáo lại nội dung cơ bản của Đại hội lần thứ hai của Đảng (2-1951) và bàn bạc với Đảng ủy Côn Đảo việc củng cố tổ chức Đảng ở Côn Đảo. Đồng chí Văn được Đảng ủy Côn Đảo giao

nhiệm vụ tập hợp đảng viên thuộc khối tù binh và tham gia chuẩn bị văn kiện cho Đại hội lần thứ ba của Đảng bộ Côn Đảo. Trung tâm lãnh đạo của Đảng bộ Côn Đảo nằm ở Banh II. Khu vực biệt lập (các khám 8, 9, 10) là nơi tập trung nhiều đồng chí có trình độ lý luận, dày dạn kinh nghiệm đấu tranh. Khu vực tù binh (các khám 1, 2, 3, 6, 7) tập trung một lực lượng chiến đấu mới, vừa được tiếp thu những chủ trương mới nhất từ Đại hội toàn quốc lần thứ hai của Đảng. Các Đảng ủy viên ở Lò Vôi, Chuồng Bò, Sở Củi, Chỉ Tồn... hàng ngày vẫn liên lạc và báo cáo tình hình về trung tâm.

Giữa năm 1952, Đại hội lần thứ ba Đảng bộ Côn Đảo được tổ chức. Lúc này Đảng bộ đã có khoảng 400 đảng viên. Lần này không tổ chức toàn thể mà tiến hành Đại hội đại biểu. Khu vực biệt lập, các đại biểu họp thuận lợi hơn cả.

Khu vực tù binh, các đại biểu báo ốm nghỉ ở nhà, và đổi chỗ cho nhau để tập trung về một khám họp. Ở các sở khổ sai, tùy theo điều kiện cụ thể mà họp ở trong khám hay tại nơi làm. Từng nhóm như vậy đều có người phụ trách, nhận tài liệu và hướng dẫn thảo luận. Ngày đầu, các đại biểu nghe và thảo luận phần "Đánh giá tình hình". Sau khi góp ý kiến, gửi đi rồi hôm sau liên lạc mới đưa phần "Phương hướng nhiệm vụ". Cuối cùng là bầu Ban Chấp hành Đảng ủy thống nhất giữa tù binh và tù án.

Đại hội nhấn mạnh việc đấu tranh đòi quyền sống hàng ngày, đòi phải thực hiện đúng quy chế, đối với tù binh phải đối xử theo công ước quốc tế. Mức độ đấu tranh phải nâng cao hơn, khi cần thì tiến hành tổng đình công, bãi thực. Đại hội chủ trương tiếp tục vạch mặt

bọn tù gian đầu sỏ làm tay sai cho Pháp, tranh thủ số quần chúng Liên xã, đẩy lùi các hoạt động khiêu khích của chúng, tiến tới lập lại tổ chức Liên đoàn ở các khu bị chúng chiếm đóng. Đại hội chú trọng đến công tác vận động binh lính và công chức địch, tập trung vào số lính da đen. Trước mắt hướng hoạt động đấu tranh đòi quyền lợi hàng ngày, nhưng bao trùm lên là kế hoạch bí mật, tích cực chuẩn bị cho một cuộc giải thoát lớn, quy mô toàn đảo. Đại hội đánh giá cuộc kháng chiến 3 giai đoạn đã chuyển sang giai đoạn cuối cùng. Tù nhân kháng chiến không thể ngồi chờ cách mạng giải phóng cho mà phải tích cực chuẩn bị tự giải thoát. Với lực lượng tù nhân trên 2.000 người, nhất là lực lượng tù binh đã thành thạo trong chiến đấu, việc cướp đảo không khó, nhưng không thể lập được chiến khu ở Côn Đảo mà phải kết hợp một dịp thuận tiện, cướp luôn tàu chở hàng ra đảo để đưa toàn bộ tù nhân về đất liền.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng ủy gồm 11 đồng chí, đồng chí Văn làm Bí thư, với bí danh là Vũ Chính, 1 đồng chí ở khối tù án làm Phó Bí thư, đồng chí Phan Du là Ủy viên phụ trách quân sự. Mỗi Banh có 1 Ban Chấp hành chi ủy gồm 5 đồng chí, mỗi khám có 1 Phân Chi ủy 3 đồng chí. Các tiểu ban của Đảng có: Ban Tuyên huấn, Ban Kinh tế - Xã hội, Ban Tuyên truyền văn nghệ và Ban Thi đua. Ban Tuyên huấn giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ đảng viên, phổ biến đường lối, chính sách của Đảng và các chủ trương của Đảng ủy.

Ban Tuyên truyền văn nghệ nắm tin tức, tình hình thời sự, chiến sự phổ biến cho anh em và chỉ đạo công tác văn hóa, văn nghệ. Ban Kinh tế - Xã hội chỉ đạo việc chăm lo đời sống vật chất cho tù nhân. Ban Thi đua chỉ

đạo thực hiện các phong trào hoạt động và tranh đấu của quần chúng. Công tác binh vận, địch vận do Đảng ủy trực tiếp chỉ đạo, lực lượng gồm các đồng chí đại diện kíp, đại diện khám, đại diện chung và tổng đại diện cùng một số tù nhân làm ở các bộ phận có điều kiện tiếp xúc với binh lính, nhân viên và công chức nhà tù.

Đại hội quyết định đổi tên Liên đoàn tù nhân Côn Đảo thành Liên đoàn tù nhân kháng chiến Côn Đảo, nhằm đoàn kết toàn bộ tù nhân trung kiên kháng chiến, cô lập và vạch mặt bọn tù gian Liên xã. Ở cấp toàn đảo, thực hiện nhất nguyên chế trong lãnh đạo, Ban Chấp hành Đảng ủy kiêm luôn Ban Chấp hành Liên đoàn tù nhân kháng chiến Côn Đảo. Ở mỗi Banh, bên cạnh Ban Chấp hành chi bộ Đảng có thành lập Ban Chấp hành Liên khu của Liên đoàn tù nhân kháng chiến. Mỗi khám có một Ban Chấp hành Phân Chi ủy và Ban Chấp hành khu của Liên đoàn. Liên đoàn được xem là một tổ chức quần chúng đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng. Trong đó, mỗi đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là một thành viên của tổ chức này với đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi. Ở cấp Liên khu và cấp khu, các đồng chí Chủ tịch Ban Chấp hành Liên đoàn tù nhân thường được bầu vào cấp ủy. Ban Chấp hành khu còn tổ chức tù nhân thành từng tổ 10 người theo mâm ăn, có người phụ trách. Mỗi mâm ăn chia thành từng tổ 3 người, trực tiếp giúp đỡ nhau và kiểm soát lẫn nhau việc thực hiện nhiệm vụ của tổ chức.

Đại hội lần thứ ba đánh dấu một bước trưởng thành của Đảng bộ nhà tù Côn Đảo. Đại hội đã kiện toàn tổ chức Đảng trên toàn đảo sau đợt khủng bố, xáo trộn kéo dài hơn một năm của địch (từ tháng 12-1950), thực hiện

sự lãnh đạo toàn diện và trực tiếp của Đảng trên mọi lĩnh vực hoạt động của tù nhân Côn Đảo. Đại hội đã kết hợp được những kinh nghiệm của lực lượng tù ấn trong nhiều năm lăn lộn xây dựng phong trào với trình độ tổ chức chặt chẽ và những chủ trương mới mà lực lượng tù binh vừa đem ra, kết hợp được quá trình kiện toàn tổ chức Đảng với củng cố tổ chức Liên đoàn.

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ LẦN THỨ TƯ

Cuộc vượt đảo ngày 12-12-1952 của trên 200 tù binh ở Bến Đầm không thành. Đồng chí Văn - Bí thư Đảng ủy, cùng hơn 100 đồng chí hy sinh trên biển. Đảng ủy được củng cố lại, vẫn gồm 11 người, do đồng chí Thanh Xương làm Bí thư. Các đồng chí Nguyễn Văn Thi (Khu ủy viên Sài Gòn - Gia Định), Hồng Vũ (Tỉnh ủy viên Hải Dương), Vũ Hạnh (Đảng ủy trung đoàn), Lý Thái Học (Đảng ủy trung đoàn) mới ra chuyến tháng 7-1953 tích cực giúp Đảng ủy làm công tác xây dựng Đảng, chuẩn bị cho Đại hội.

Trong lúc chuẩn bị Đại hội, Đảng ủy đã tiến hành một đợt chỉnh huấn trong tù cho 500 đảng viên và 1.837 quần chúng. Cuộc chỉnh huấn bắt đầu ở Banh III (tù binh) sau đó chuyển sang Banh I và Banh II, phê phán các biểu hiện cầu an, quân phiệt, tự cao tự đại, cá nhân chủ nghĩa, quan liêu, xa rời quần chúng... Cùng với việc khắc phục các khuyết điểm ấy, Đảng ủy xây dựng tư tưởng cách mạng tiến công theo phương châm "tích cực công kích địch".

Nhà tù được xem như một mặt trận ngay trong lòng địch, cần phải liên tục đấu tranh bằng mọi hình thức,

mức độ làm cho địch lúng túng, bị động đối phó. Đảng ủy còn giáo dục tư tưởng tự giải phóng và xây dựng phương án tự giải thoát, tổ chức đạo quân ngầm, bí mật luyện tập và tự tạo vũ khí, tích cực đón thời cơ.

Đại hội Đảng bộ lần thứ tư cuối năm 1953 đã tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trên toàn đảo. Sau khi các cơ sở Đảng thảo luận góp ý dự thảo nghị quyết, đại biểu các chi bộ khai bệnh để gặp nhau tại nhà thương Côn Đảo, để thảo luận các ý kiến khác nhau và bầu Đảng ủy. Đại biểu phải thuộc làu để án nghị quyết và chỉ nêu những điều gì nhất trí và chưa nhất trí rồi thảo luận nhanh chóng và biểu quyết ngay tại chỗ. Một số tù nhân trung kiên được bố trí đi khám bệnh, ngồi rải rác bảo vệ cho đại biểu. Đại hội quyết định tăng cường công tác xây dựng lực lượng (trong Đảng và ngoài quần chúng), công tác củng cố Liên đoàn tù nhân kháng chiến, công tác binh vận, địch vận và tăng cường công tác phòng gian bảo mật, tích cực chỉ đạo xây dựng đạo quân ngầm. Đồng chí Nguyễn Văn Thi được bầu làm Bí thư Đảo ủy, với bí danh là Vũ Đồng.

Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 4 đã lãnh đạo thắng lợi cuộc đấu tranh đòi thi hành Hiệp nghị Giơnevơ (7-1954), buộc thực dân Pháp phải trao trả hoàn toàn 593 tù binh và trên 1.200 tù án cho Chính phủ ta.

CUỘC VÕ TRANG GIẢI THOÁT NGÀY 12-12-1952[1]

Từ khi lớp tù chính trị cộng sản bị đày ra Côn Đảo (1930), tù nhân được tổ chức lại dưới các hình thức Hội tù nhân, Liên đoàn tù nhân... dưới sự lãnh đạo của các chi bộ, Đảng bộ, Đảo ủy hoặc Ban lãnh đạo, tổ trung tâm ở cấp toàn đảo hay từng trại, từng phòng giam. Quan điểm chung của các Ban Lãnh đạo hay tổ chức Đảng ở mỗi thời kỳ đều hướng các hoạt động của tù nhân vào việc đấu tranh đòi cải thiện chế độ lao tù, bảo vệ khí tiết, phẩm giá của người chiến sĩ cách mạng, tổ chức học tập văn hóa, lý luận để nâng cao trình độ và tổ chức vượt ngục khi có điều kiện.

Tư tưởng võ trang giải thoát được lớp tù nhân kháng chiến chống Pháp khởi xướng là một bước phát triển lớn, khác hẳn về chất so với các cuộc vượt ngục từng bộ phận. Nghị quyết Đại hội lần thứ ba của Đảng ủy nhà tù Côn Đảo đầu năm 1952 đã xác định: *"Trước hết, hướng hoạt động của khối tù nhân vào các cuộc đấu tranh hàng ngày, đồng thời phải bí mật chuẩn bị cho các cuộc giải thoát lớn, qui mô toàn đảo khi có điều kiện"*[2]. Tư tưởng này đã được cụ thể hóa bằng **Phương án võ trang giải thoát**, mà kíp tù binh ở Bến Đầm là lực

1 Nguyệt san Côn Đảo Ngày nay, số tháng 12-1998.

2 *Nhà tù Côn Đảo 1945 - 1954*, Nxb Sự Thật, Hà Nội 1991, tr. 115.

lượng xung kích. Đó là một cuộc võ trang giải thoát quy mô lớn nhất trong lịch sử nhà tù.

Phương án võ trang giải thoát được đặt ra sau khi nghiên cứu kỹ tình hình tương quan lực lượng địch ta trên toàn chiến trường cũng như tại Côn Đảo; nghiên cứu tất cả các phương thức vượt ngục, phương tiện vượt ngục, các loại vật liệu có thể có được trên đảo, từ sợi mây trên rừng đến tấm ván trên vách nhà xưởng; tính toán việc bố trí lực lượng và những khả năng thời cơ. Khác hẳn các cuộc vượt ngục tập thể lớn hay nhỏ (có tổ chức) trước đó, toàn bộ kế hoạch giải thoát (kể cả giải thoát bộ phận) đều do Thường vụ Đảo ủy trực tiếp chỉ đạo. Mục đích đặt ra là giải phóng cho một lực lượng cách mạng bị giam giữ chứ không mang ý nghĩa giải thoát cho sinh mạng cá nhân.

Các cuộc vượt ngục lẻ thì tùy theo điều kiện của từng nhóm, còn phương án võ trang giải thoát thì cá nhân, bộ phận đều phải tuyệt đối phục tùng tập thể.

Năm 1952, lực lượng địch chỉ có 104 lính Âu Phi, 10 sĩ quan và thủy thủ Pháp, 47 gácdang quốc tịch Âu *(Báo cáo số 2270-P ngày 5-1-1953 của Giám đốc quần đảo và nhà tù Côn Đảo)*. Trong tương quan lực lượng lúc đó, việc võ trang chiếm đảo không phải là chuyện khó. Theo báo cáo của Đảo ủy *(ngày 9-12-1953 lưu tại Cục lưu trữ Trung ương Đảng)*, năm 1952 Côn Đảo có 548 tù binh và 1.739 tù án. Có đến quá nửa số tù án là những chiến sĩ trong lực lượng vũ trang (công an xung phong, biệt động, tự vệ thành, vệ quốc đoàn, bộ đội địa phương...).

Lực lượng tù binh có nhiều sĩ quan, chiến sĩ trong các trung đoàn chủ lực, từng tham gia các chiến dịch lớn ở

đồng bằng, trung du và miền núi Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ, từng bắt sống cả tướng tá Pháp. Địch có nhà tù, có súng đạn, đòn roi, còn tù nhân thì có tổ chức, có lòng căm thù, có khát vọng giải phóng và nhiều mưu mẹo. Đảo ủy đã xây dựng được hệ thống cơ sở ở tất cả các trại tù, các kíp tù khổ sai, lãnh đạo toàn thể tù nhân thông qua hệ thống Liên đoàn tù nhân có tổ chức chặt chẽ từ cấp toàn đảo đến tận mâm ăn, tổ, nhóm.

Tháng 5-1952, địch đưa một kíp tù binh hơn 100 người ra mở con đường từ mũi Cá Mập ra Bến Đầm. Chúng cho kíp tù binh dựng lán ở trong một thung lũng nhỏ. Kíp tù binh thứ hai khoảng 100 người rải đá đoạn đường từ Sở Muối ra mũi Cá Mập, sáng có ô tô đưa đi, chiều đón về. Số tù binh còn lại tập trung khá đông ở công trường khai thác đá gần đó. Một vài kíp lẻ tiếp tục xẻ gỗ và tu sửa Banh III.

Yếu tố thời cơ đã xuất hiện, các Đảo ủy viên trong khối tù binh đã xây dựng một **Phương án võ trang giải thoát** với mục tiêu là đưa toàn bộ tù nhân trở về. Bộ phận làm ở Bến Đầm sẽ tổ chức bí mật đóng thuyền và là lực lượng xung kích phát động cuộc khởi nghĩa, tước vũ khí của trung đội lính Âu Phi canh giữ, kíp rải đá ở mom Cá Mập sẽ đồng thời hưởng ứng, tước vũ khí tốp lính áp giải, đóng giả lính, đoạt ô tô cơ động đánh chiếm ngay trại lính, dinh chúa đảo, trạm vô tuyến điện ở cầu tàu, hiệp đồng với lực lượng xung kích tại chỗ (đạo quân ngầm) đánh chiếm tất cả các cơ sở trên đảo, bắt tù binh, thu vũ khí, kết hợp lúc có tàu chở hàng ra, chiếm tàu và tận dụng toàn bộ phương tiện trên đảo đưa tất cả tù nhân trở về. Trại lính, dinh chúa đảo và trạm vô tuyến điện tại cầu tàu là ba mục tiêu quan trọng nhất, được xây

dựng thêm ba đội xung kích tại chỗ, gồm những chiến sĩ trung kiên được bố trí về làm khổ sai ở đây, sẽ là lực lượng nội công, kết hợp với ngoại kích để nhanh chóng tiêu diệt gọn mục tiêu. Tiếng súng đánh vào trại lính sẽ là hiệu lệnh tiến công trên toàn đảo.

Năm 1952, Đảo ủy và Liên đoàn tù nhân đã chỉ đạo tập trung toàn bộ nỗ lực vào **Phương án võ trang giải thoát.** Bộ phận xung kích ở Bến Đầm tổ chức đào hầm bí mật ngay bên dưới nền trại. Họ khoét đất bằng muỗi múc cơm, bằng những mẩu tôn tự tạo, chuyển đất lên bằng áo quần, bằng rổ rá tự đan, thay phiên nhau suốt đêm, từ đêm này qua đêm khác, cần mẫn như đàn kiến tha mồi, mò mẫm trong lòng đất với ánh sáng của độc lập tự do tỏa sáng trong tâm hồn họ. Những người lính xuất thân từ thợ lò Hòn Gai, Cẩm Phả đã thiết kế hai căn hầm rộng rãi, được chèn chống theo kiểu hầm lò; gỗ rút từ sạp nằm đưa xuống, đất moi lên rải đều ra sàn. Ngày chủ nhật, đại diện kíp tù binh đề nghị với tên quản Bordessouille cho làm vệ sinh, nhân đó mà dọn đất ra ngoài, xin chặt cây về củng cố lán sạp, ken dày vào sạp nằm để đêm đến rút xuống hầm chèn chống, lại trồng dừa xung quanh trại, tập văn nghệ suốt đêm để nghi binh, khiến địch chủ quan. Năm con thuyền khung gỗ cạp phên mây, bọc vải, quét sơn và nhựa đường đã ra đời trong hai căn hầm bí mật.

Công tác binh vận, địch vận, ngoại giới vận (vận động công chức và gia đình họ) được thực hiện tốt trong nhiều năm đã đem lại hiệu quả. Hàng chục hộp sơn, hàng trăm ký nhựa đường và nhiều vật dụng như: dao, búa, cưa, đục... đã được công chức, giám thị, binh lính mua giúp và bí mật vận chuyển ra Bến Đầm, đưa xuống hầm

bí mật an toàn cùng hơn một trăm mũi mác xung kích do tù nhân sở Bản Chế (công xưởng) chế tạo.

Các đội xung kích cũng được bí mật hình thành ở tất cả các trại tù, các cơ sở khổ sai, các công sở thiết yếu trên đảo. Các đội xung kích đều điều nghiên nắm chắc mục tiêu, rèn luyện võ thuật, chiến thuật, học tập chính sách tù hàng binh, kỷ luật chiến trường. Tất cả chỉ còn đợi *gió chướng* về.

Chưa có năm nào mà hàng ngàn con người ở tất cả các trại tù binh, tù án lại cùng lúc hồi hộp đợi chờ, bồn chồn khắc khoải đón *mùa gió chướng* như năm ấy. Bộ phận sơn vải bọc thuyền phát hiện một nguy cơ: vải để lâu dưới hầm đã có dấu hiệu ẩm mục; sơn để lâu cũng giảm phẩm chất; mây đan mê cũng đã khô tóp lại, thưa roãng ra. Kíp đóng thuyền quyết định dan thử một chiếc thúng, cắt một mảnh vải sơn bọc thử, đem ra Đầm hạ thủy, nước không thấm nhưng vẫn lo, vẫn mong *gió chướng* đến cháy gan cháy ruột. Năm ấy gió chướng đến muộn. Cuối tháng 11 mới có một vài đợt gió, lúc nổi, lúc lặng. Tàu ra ít. Thường vụ Đảo ủy quyết định: sang tháng 12, gió chướng thổi sòng sẽ khởi sự. Chiến thuật chủ đạo là tay không bắt địch (ba người đánh một); Phương châm tác chiến là bắt sống tất cả, hết sức tránh đổ máu, thực hiện tốt chính sách tù hàng binh.

Tuy nhiên, các nhân tố thời cơ có thể không đến cùng một lúc, vì thế, **Phương án võ trang giải thoát** đặt ra nhiều tình huống và giải pháp linh hoạt. Nếu đủ điều kiện bảo đảm cho toàn đảo thì đi toàn đảo, không đủ điều kiện thì đi bộ phận. Nếu có tàu ra thì chiếm tàu, không có tàu ra thì trù liệu tất cả các phương tiện trên đảo, sử dụng tất cả vật liệu sẵn có đóng thuyền bè.

Sau khi võ trang bạo động thành công sẽ cử một đội cảm tử ở lại khống chế đài vô tuyến điện phát tín hiệu an toàn theo định kỳ cho anh em có đủ thời gian vượt biển. Đội cảm tử sẽ trở về sau cùng bằng chiếc ca nô của đảo, sau khi một phần lớn tù nhân đã vượt biển về đất liền. Đảo ủy cũng dự kiến trước những tình huống trắc trở vì gió không sòng, vì tàu không ra, vì bộ phận xung kích đánh không gọn thì cũng sẽ đi bộ phận để bảo đảm an toàn cho những người ở lại.

Vấn đề đặt ra và day dứt nhất trong lãnh đạo là võ trang bạo động tất sẽ có tổn thất hy sinh, tổ chức vượt ngục tất sẽ có thành có bại. Vì thế, Đảo ủy chỉ đạo phải chuẩn bị thật chu đáo, giáo dục chiến sĩ tinh thần quyết tâm, quả cảm nhưng hết sức thận trọng và kỷ luật. Nếu phải chết vì bàn tay vấy máu của kẻ thù thì can đảm hy sinh như người lính trên chiến trường, nhưng tuyệt đối không được phép sơ suất đưa mình vào con đường tự sát.

Ngày 12-12-1952, cuộc võ trang giải thoát đã nổ ra. Trước đó ba ngày, đợt gió chướng thứ ba đã thổi về khá mạnh. Phan Du, thường vụ Đảo ủy, Tổng chỉ huy các lực lượng vũ trang toàn đảo trực tiếp chỉ đạo lực lượng xung kích ở Đầm và quyết định tình thế khi khởi sự. Phan Du là người rất kiên quyết trong hành động. Bí thư Đảo ủy Lê Văn Hiếu (tức Văn), được bố trí vào kíp rải đá ở đầu mom Cá Mập. Anh Văn thận trọng, việc gì cũng tìm hiểu thấu đáo, phân tích có lý, có tình. Bên cạnh các anh còn có Hoàng Tiễn, Chỉ huy phó Lực lượng vũ trang toàn đảo kiêm Chỉ huy trưởng Đại đội Quyết Thắng ở Đầm; Phạm Quý Tuyển, Đại diện kiêm Chỉ huy trưởng Đại đội xung kích thứ hai ở mom Cá Mập. Các anh: Lê Mai, Lưu Trí Viễn trong Đảo ủy, Lê Văn Ngo, một đồng chí nhiều tuổi

Đăng, dày dạn kinh nghiệm hợp thành **Bộ tư lệnh tiền phương** của **Cuộc võ trang giải thoát.**

Tại kíp Đầm, 11 giờ trưa, chiếc khăn lệnh tung bay trên tay Phan Du cùng tiếng thét *xung phong* vang dội. Bằng những thế võ hiểm, các chiến sĩ xung kích đã quật ngã những tên lính Âu Phi to khỏe gấp hai lần. 28 tổ xung kích của Đại đội Quyết Thắng đã trói gọn 28 lính Âu Phi, thu vũ khí, không phải nổ phát súng nào. Trong khi đó, do không bám sát địch nên kíp đầu mom Cá Mập đã xảy ra vật lộn quyết liệt và nổ súng. Ta chết một (Nguyễn Thế Hăn), địch chết hai, một tên chạy thoát vào rừng, hai tên bị bắt, hai tên nữa lăn xuống vực.

Trưa ấy gió lặng dần. Không ai tính hết được những bất ngờ. Cuộc bạo động đã nổ ra rồi, không thể dừng lại được. Ban Chỉ huy tiền phương hội ý cấp tốc và quyết định không đánh về đảo mà chuyển sang phương án đi bộ phận. Trong khi đó, các đội xung kích ở Côn Đảo vẫn bám sát mục tiêu, nóng lòng chờ đợi. Bọn địch ở đảo vẫn không biết gì. Tên lính bị sổng trốn biệt trên rừng, đêm mới dám mò về. Chiều tối, không thấy xe chở lính và kíp rải đá về, chúng cho lính lên tìm mới biết.

Khi ấy, 5 con thuyền đã hạ thủy, ra khơi. Gió lặng dần rồi đổi hướng. Lớp *sóng đất* đội ngược khiến đoàn thủy thủ chật vật suốt đêm. Hai thuyền bị vỡ cách bờ không xa, một số bơi được vào bờ. Ba thuyền còn lại đi được đến mờ sáng thì mây ngấm nước rão ra, nước vào lưng thuyền. Sáng hôm sau, máy bay và tàu chiến địch truy đuổi bắt lại. Những người trên hai chiếc thuyền chìm gần bờ bị dạt lên các hòn đảo cũng bị chúng bắt được sau cuộc vây ráp 12 ngày đêm. Theo Báo cáo số 2270-P ngày

5-1-1953 của giám đốc nhà tù, có 198 tù nhân tham gia cuộc **võ trang giải thoát,** trong số đó có 4 tù án (2 lái ô tô và 2 lái xe lu); con số bị bắt lại cho đến ngày 5-1-1953 là 117 người; số còn lại có lẽ bị chết đuối cả (81 người).

Tuy không thành công trong việc giải thoát và chịu nhiều tổn thất nhưng cuộc **võ trang giải thoát** ngày 12-12-1952 là một đòn tiến công vào tận sào huyệt kẻ thù, một cuộc biểu dương tinh thần chiến đấu và **ý chí tự giải phóng** của tù chính trị Côn Đảo. Nhân cách cao thượng và chính sách binh địch vận đúng đắn của Đảo ủy trong quá trình chuẩn bị cũng như khi tiến hành võ trang giải thoát đã có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng của binh lính và gác ngục trên đảo.

Mười ba năm sau, cuộc võ trang vượt đảo của 57 tù chính trị Sở Lưới (27-2-1965) thành công rất ngoạn mục. Trong vòng chưa đầy 10 phút, lực lượng tù chính trị vượt ngục đã bắt trói hơn 40 thủy thủ, thuyền viên của tàu TCS.131 cùng 1 giám thị, 2 trật tự, 4 lính bảo an, 4 viên chức của nhà tù áp tải ngay trong vịnh Côn Đảo, sau đó cướp chiếc xà lúp mang tên Cần Thơ - Sóc Trăng của Sở Lưới trở về vùng giải phóng an toàn. Phương án chiếm tàu vượt đảo của tù nhân Sở Lưới được hình thành trước đó một năm, được điều chỉnh lực lượng sau 4 lần đánh hụt. Trận đánh diễn ra đúng dự kiến, giành thắng lợi trọn vẹn và bất ngờ ngay trong vịnh Côn Đảo, nơi mà hệ thống bố phòng của địch tập trung mạnh nhất.

Đó là một bằng chứng xác đáng cho khả năng hiện thực của ***tư tưởng võ trang giải thoát***.

VÕ THỊ SÁU
CON NGƯỜI VÀ HUYỀN THOẠI[1]

NGÔI MỘ HUYỀN THOẠI

Ngôi mộ Võ Thị Sáu nằm ở trung tâm khu B Nghĩa trang Hàng Dương Côn Đảo. Trước mộ Chị có một cây dương già, ngọn đã khô, chỉ còn lại một cành lớn xanh tươi vươn thẳng về hướng Bắc. Ngôi mộ Chị được xây dựng sau ngày giải phóng. Tấm bia mộ là di vật còn lại mang hàng chữ: *"Võ Thị Sáu tức Nguyễn Thị Sáu, sinh năm 1933 tại Bà Rịa, mất ngày 23-12-1952"*. Sách báo căn cứ vào đấy mà viết. Đến bây giờ, người ta mới biết tấm bia mộ Chị cũng chứa nhiều huyền thoại.

Cuối năm 1983, một đoàn cựu tù chính trị từ thành phố Hải Phòng đến thăm Côn Đảo và quây quần bên gốc dương già. Họ bàn luận và băn khoăn, vì ngày Chị Sáu hy sinh không đúng với ngày ghi trên bia mộ. Họ đều có mặt ở Côn Đảo trong năm 1952 và không quên được cái ngày đau thương ấy. Toàn đảo đã thao thức suốt đêm. Mờ sáng, bọn lính giải Võ Thị Sáu ra pháp trường, các trại tù đã đứng cả dậy, hát bài *Chiến sĩ ca* đưa tiễn Chị.

Gần một năm sau, nhiều người đã tham gia cuộc vượt ngục có một không hai thời ấy, nổ ra ngày 12-12-1952 tại

1 Báo *Thiếu niên Tiền phong*, từ số 37 đến số 41, tháng 5-1997.

Bến Đầm. Họ quyết tâm vượt đảo về chiến đấu trả thù cho Chị Sáu và những đồng đội đã ngã xuống. Vậy mà tấm bia mộ còn đây lại ghi Chị mất ngày 23-12-1952? Cuộc hành quyết Võ Thị Sáu, cuộc vượt ngục Bến Đầm và tấm bia mộ trong mắt những nhân chứng lịch sử dường như còn chứa đựng nhiều uẩn khúc. Cuộc hành hương năm ấy đã khởi đầu cho một hành trình đi tìm lại những dấu vết đích thực về cuộc đời và dũng khí của người anh hùng Võ Thị Sáu.

Kho lưu trữ hồ sơ của nhà tù đặt trong một gian nhà cũ, thuộc Dinh Chúa đảo. Bảy giá gỗ cao chất đầy những bó tài liệu chưa phân loại. Cô nhân viên bảo tàng tìm được cuốn "*Sổ giám sát tử vong của nhà tù*", khổ (22x30) cm, bìa đen, bụi phủ dày. Cuốn sổ ghi tên những người tù đã chết từ năm 1946 đến năm 1975, có họ tên, năm sinh, quê quán, án tiết, số tù, ngày chết, lý do chết. Cô nhân viên thận trọng phủi bụi, lật từng trang và dừng lại trên trang giấy kẻ carô ghi ngày chết của Võ Thị Sáu (bằng tiếng Pháp): "*Võ Thị Sáu tự Nguyễn Thị Sáu, sinh năm 1933 tại Bà Rịa, án tử hình, số tù G.267, chết lúc 7 giờ ngày 23-1-1952*".

Cuốn sổ còn ghi, cùng ngày, chúng xử bắn anh Hồ Văn Năm (tự Năm Đen), quê Vĩnh Long, số tù G.248. Nhiều người còn nhớ, anh Hồ Văn Năm là đội viên Ban Công tác số 4 Sài Gòn - Gia Định, bị bắn cùng đợt với Võ Thị Sáu. Trở lại Nghĩa trang Hàng Dương, đoàn tù đã tìm được ngôi mộ anh Hồ Văn Năm, ngay cạnh mộ Võ Thị Sáu. Bia mộ đã sẫm màu, rêu phong loang lổ nhưng còn đọc rõ hàng chữ: "*Hồ Văn Năm... mất ngày 23-1-1952*". Có lẽ bia mộ anh còn giữ được nguyên vẹn từ đạo ấy. Nó không phải chịu nhiều thăng trầm như bia mộ Chị Sáu.

Tấm bia đầu tiên do kíp tù nhân làm thợ hồ (khám 2 Banh I) đúc bằng xi măng, dựng lên ngay đêm 23-1-1952. Ngày hôm sau, Chúa đảo Jatty cho giám thị, trật tự lên đập nát tấm bia, cào bằng ngôi mộ. Lạ thay, sau một đêm, ngôi mộ lại được đắp cao hơn, một tấm bia giống y chang lại được dựng lên trang trọng. Chúa đảo Jatty tức sùi bọt mép, ra lệnh cho Giám thị trưởng Passi phải tìm cho ra người đúc bia. Passi dẫn quân lên đập bia rồi đánh đập dã man cả khám thợ hồ nhưng không ai khai báo.

Sau trận ấy, nhiều người phải nằm bệnh xá, song những người đi làm khổ sai vẫn giấu từng nhúm xi măng, gom lại. Vợ con gác ngục người Việt cũng tiếp tay cho tù chính trị trong việc dựng bia, đắp mộ. Bọn chúa ngục không thể nào hiểu nổi, cứ sau mỗi lần chúng đập bia, phá mộ thì ngôi mộ và tấm bia lại hiện lên y chang như trước. Dân đảo bắt đầu lan truyền rằng, Cô Sáu rất linh thiêng, không ai có thể phá được mộ Cô; rằng Cô đã hiện về, Cô sẽ vặn cổ những thằng ác bá. Bọn gác ngục và tù gian bắt đầu chùn tay.

Không ai nhớ hết đã có bao nhiêu tấm bia dựng trên mộ Chị. Thời Mỹ - ngụy, mỗi đợt tố cộng, bọn cải huấn lại kích động đám tù tay sai đập bia mộ Chị để hạ uy thế những người cộng sản. Nhưng chúng vừa đập xong thì lại có tấm bia khác được dựng lên, khi bằng gỗ, bằng đá, khi bằng xi măng, đất nung, và có cả tấm bia bằng đá cẩm thạch đặt từ Chợ Lớn chở ra nữa. Kẻ thù hèn hạ có thể đập phá những tấm bia, nhưng không thể xóa được lòng tôn kính của tù nhân và dân đảo đối với người con gái mà họ đã phong thần. Chúng càng đập phá thì Chị càng linh thiêng. Ngôi mộ Chị trước ngày giải phóng

được xếp bằng hàng ngàn, hàng vạn viên đá lớn nhỏ, với vô vàn chân nhang cháy đỏ hàng ngày và những nhánh hoa rừng cắm vội.

Bằng những tư liệu xác thực do những nhân chứng trực tiếp thời ấy cung cấp, từ những trang hồ sơ gốc được mở ra và hiện trạng bia mộ anh Hồ Văn Năm còn lưu lại được, Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu đã có Văn bản số 02/ HDTV ngày 9-1-1992 xác định Võ Thị Sáu hy sinh ngày 23-1-1952 và tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm lần thứ 40 vào đúng ngày hy sinh của Chị (23-01-1952 - 23-01-1992) tại quê hương Đất Đỏ. Đó là một nén hương thơm tưởng niệm người thiếu nữ anh hùng.

NGƯỜI TRINH SÁT TRẺ TUỔI

Võ Thị Sáu sinh năm 1933 tại xã Phước Thọ, quận Đất Đỏ, nay là huyện Đất Đỏ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thân sinh ra Võ Thị Sáu là ông Võ Văn Hợi và bà Nguyễn Thị Đậu. Ông Hợi làm nghề đánh xe ngựa, bà Đậu bán bún bì - chả giò, một món ăn truyền thống ở chợ Đất Đỏ. Hai ông bà sinh được sáu người con, chị Sáu là con thứ năm. Anh Võ Văn Mẹ tham gia cách mạng từ những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, các chị gái đi lấy chồng, Võ Thị Sáu sớm phải phụ giúp gia đình cùng cô em út Võ Thị Bảy sinh năm 1934.

Tuổi thơ Võ Thị Sáu không có những ngày đuổi bướm, hái hoa, thả diều, hóng gió. Bữa nào hàng ế, Sáu mới xin má lại chơi nhà Chí, cô bạn học cũ ở gần nhà. Hai cô bé thường tha thẩn trong vườn, nhặt những cánh hoa Lêkima rụng xâu thành chuỗi, quàng vào cổ nhau, chơi trò cô dâu chú rể.

Năm 1947, thực dân Pháp kiểm soát phần lớn các vùng tập trung dân cư, các thị trấn, thị xã trong tỉnh. Ông Năm Hợi đưa cả gia đình lên chiến khu, bất hợp tác với giặc. Một bữa, Trưởng Công an huyện Võ Văn Thiết cùng Hồ Hiệp, Phó Công an huyện đến nhà, đề nghị cho Võ Thị Sáu tham gia lực lượng công an huyện. Mười Thiết là đảng viên kỳ cựu ở vùng này, biết ông Năm Hợi từ thời trai trẻ. Mười Thiết cũng phát hiện cô bé Sáu mới 14 tuổi này có phẩm chất của một trinh sát quả cảm. Chuyện trò tới khuya, ông Năm Hợi mới thủng thẳng bảo: "*Con Sáu đã lớn, tôi gửi cách mạng, mấy chú coi nó làm được việc chi thì giao*".

Mười Thiết cảm động ôm chầm lấy ông Năm Hợi. Võ Thị Sáu trở thành chiến sĩ trinh sát trong Đội Công an xung phong do Mai Văn Láng làm Đội trưởng. Đội có nhiệm vụ luồn sâu vào vùng tạm chiếm, trừ gian, phá rã bộ máy tề ngụy, phát động đồng bào ủng hộ kháng chiến. Gan dạ và mưu trí, Võ Thị Sáu thường đi trinh sát địa bàn. Khi trong vai người đi chợ, khi lẫn vào tốp thợ cấy, thợ gặt, Sáu luôn thay hình đổi dạng, trinh sát các địa bàn trọng điểm. Từ ngày có Võ Thị Sáu làm trinh sát, Đội Công an xung phong ít bị địch phục kích, đỡ tổn thất, hy sinh.

Năm 1948, Đội Công an xung phong được lệnh phá cuộc mít tinh kỷ niệm quốc khánh Pháp do Tỉnh trưởng ngụy Lê Thành Tường tổ chức tại Đất Đỏ. Võ Thị Sáu đề xuất một phương án táo bạo: Chị đảm nhiệm mũi xung kích, đột nhập vào góc chợ sát khán đài ém lại từ đêm trước. Đây là địa bàn Chị rất quen thuộc. Trận đánh ấy diễn ra đúng như dự kiến. Sáng ra, khi xe đưa Tỉnh

trưởng và bọn sĩ quan Pháp đến chuẩn bị khai mạc thì Võ Thị Sáu đã liệng liên tiếp hai trái lựu đạn vào khán đài. Hai tổ công an chốt ở hai ngả đồng loạt nổ súng vào các tốp lính gác yểm trợ cho Chị rút và tạo áp lực giải tán cuộc mít tinh. Các cơ sở bố trí lẫn trong đoàn người dự mít tinh đã hô hoán làm rối loạn đội hình và hướng dẫn đồng bào giải tán. Đồng bào Đất Đỏ rất phấn khởi, khen Việt Minh "xuất quỷ nhập thần".

Chị Sáu được tuyên dương trước toàn Đội. Đội trưởng Mai Văn Láng đề xuất cho Võ Thị Sáu được tham gia diệt ác và được Trưởng Công an huyện Võ Văn Thiết đồng ý. Sáu đề xuất phương án diệt Cai tổng Tòng ngay tại dinh của hắn.

Một buổi sáng, Võ Thị Sáu theo đoàn người vào làm căn cước, trái lựu đạn gọn lỏn trong cơi đựng trầu. Giữa buổi, người thưa dần, Sáu rút chốt lựu đạn, liệng thẳng vào mặt Tổng Tòng rồi hô: "*Việt Minh tấn công*" và kéo mấy chị ngồi cùng hàng chạy thoát.

Tổng Tòng té sấp và chợt nhận ra mối hiểm nguy, chui vội vào gầm bàn. Tiếng nổ chát chúa kèm theo ánh chớp xanh lè làm Tổng Tòng quằn quại trong vũng máu nhưng không chết. Bọn lính và hội tề sợ khiếp vía, không dám sục sạo vào xóm vắng như trước. Mỗi khi đi đâu, chúng phải kéo năm bảy đứa cùng đi.

Võ Thị Sáu thận trọng hơn trong những lần về Đất Đỏ trinh sát. Cơ sở cho Chị biết, sau lần chết hụt, Tổng Tòng thận trọng và biết sợ hơn trước. Đối tượng mới nổi lên là Cả Suốt và Cả Đay. Hai tên này ngày càng tác oai tác quái. Chúng thường dẫn lính đi xét chợ, cướp đồ, gây khó dễ cho bà con. Chúng kiểm soát cả người đi chợ, lùng

bắt Việt Minh. Bà con cũng cho biết, Tổng Tòng đã treo giải thưởng lớn cho tên nào bắt được Võ Thị Sáu.

Trở về căn cứ, Võ Thị Sáu trình bày phương án diệt Cả Suốt và Cả Đay, trừ họa cho dân chợ Đất Đỏ. Phương án được cấp trên thông qua, Đội Công an xung phong khẩn trương làm công tác chuẩn bị. Ai cũng lo cho Võ Thị Sáu. Cô bé nhỏ tuổi nhất đội bao giờ cũng đưa ra ý kiến táo bạo: Đánh địch ngay tại hang ổ của chúng, ngay tại nơi chúng gây tội ác. Đó là lối đánh riêng của Võ Thị Sáu và dường như đã trở thành định mệnh cho người con gái xứ Đất Đỏ này.

ĐỐI MẶT VỚI KẺ THÙ

Thị trấn Đất Đỏ nhộn nhịp từ trước phiên chợ Tết Canh Dần (1950). Dân miệt biển từ Long Hải, Phước Hải, Phước Tỉnh đưa lên đủ loại cá tươi, cá khô, tôm, mực... Dân các xã miệt rừng chở thịt, măng, lá dong, nấm mèo; từ miệt vườn đổ về đủ các loại heo, gà, hoa trái, bún bánh. Không khí chợ Tết làm cho người ta quên cả chiến tranh. Dù có bom rơi đạn nổ thì Tết vẫn là Tết.

Người ta vẫn đi chợ, mua sắm nhiều hơn mọi năm, nhân dịp Tết mua đồ gửi cho con em trong căn cứ. Tết mua sắm nhiều, tụi nó không có cớ hạch sách. Võ Thị Sáu mặc bộ đồ bà ba đen, chân đất như một cô thôn nữ trong vùng, lẫn trong đoàn người tay xách nách mang vào chợ. Mọi người chen nhau mua bán, mặc cả, lựa đồ, không ai để ý tới cô bé nhỏ nhắn cứ len lỏi từ hàng này qua hàng khác mà chẳng mua thứ gì. Trong giỏ đồ của Chị chỉ có hai trái lựu đạn để dưới vài thứ đồ lặt vặt. Cả

Suốt và Cả Đay cùng tốp lính xuất hiện. Bọn chúng đi đến đâu là náo động đến đó. Đứa hạch sách chủ hàng, đứa giựt cặp vịt, công khai cướp chợ giữa ban ngày.

Chị Sáu bám theo bọn lính, giữ một khoảng cách an toàn, dự liệu mọi tình huống. Chợ đang đông, không thể nổ lựu đạn trong chợ được. Bọn lính vẫn cướp bóc, dân chợ dạt ra. Sáu lách người trong đám đông, bám sát đối tượng. Lão lính Kể cũng theo sát sau lưng Võ Thị Sáu. Mụ Tám (mật báo) vừa lẻn vào đồn cho lão hay là Võ Thị Sáu đang ở trong chợ. Lão vọt ngay ra chợ, mắt liến láo. Con nhỏ Việt Minh đây rồi! Đằng trước là Cả Suốt, Cả Đay và tốp lính, phía sau là lão, có mà chạy đằng trời. Lão có thể dấn lên vài bước, tóm gọn con nhỏ Việt Minh, nhưng Cả Suốt và Cả Đay sẽ quay lại, giành công của lão. Lão tính chờ cho bọn lính ra khỏi chợ mới vồ con nhỏ và lãnh trọn phần thưởng. Lần này thì lão giàu rồi...

Võ Thị Sáu cũng đang chờ bọn lính ra khỏi chợ. Chị không biết hiểm nguy đang ở sau lưng mình. Bọn lính đã no nê, mỗi đứa một giỏ đồ lễ mễ xách về. Dân chợ tránh xa chúng như một thứ dịch bệnh. Sáu nép vào một góc khuất, như vẻ xếp lại đồ trước khi ra về. Lão lính Kể thận trọng bước lại gần, thu mình trong tư thế "cọp vồ mồi". Chỉ còn ba bước nữa thôi, lão nín thở, chồm tới... Chợt lão xây xẩm mặt mày, té ngửa, mắt trợn ngược, miệng ú ớ, không nói được lời nào. Trái lựu đạn trong tay Võ Thị Sáu đang xì khói.

Sáu không để ý đến lão Kể, Chị vung tay vụt trái lựu đạn vào tốp lính. Chớp lửa xanh lè và tiếng nổ kinh hoàng. Cả Suốt và Cả Đay giãy giụa trong vũng máu. Sáu vụt chạy về phía ấp Hiệp Hòa. Lão Kể lồm cồm nhổm

dậy đuổi theo. Lão gào lên: *"Bắt lấy... Bắt lấy con nhỏ"*. Bọn lính trong đồn ùa ra. Sáu rẽ vào một ngõ hẻm, rút chốt trái lựu đạn thứ hai liệng lại. Bọn lính hoảng hồn la lên, đứa té xuống ao, đứa xô bờ dậu, nhưng nghiệt ngã thay, trái lựu đạn lép, không nổ.

Hai tổ Công an xung phong nổ súng yểm trợ cho Sáu rút nhưng khẩu đại liên trong đồn vãi đạn như mưa áp đảo. Bọn lính đã bủa vây các ngả. Lão Kề nhào tới chụp được Sáu. Lão túm tóc giựt Sáu bổ ngửa rồi bẻ quặt tay Chị về phía sau, giải về đồn. Dân Đất Đỏ đổ ra chật hai bên đường, thương cảm và kính phục người thiếu nữ chưa đến tuổi thành niên.

BẢN ÁN TỬ HÌNH

Ba ngày tra tấn tại bót Đất Đỏ không khai thác được gì, Tổng Tòng giải Võ Thị Sáu về Bà Rịa. Lại ba tháng tra tấn, khai thác nữa không kết quả, địch chuyển Chị về khám Chí Hòa (tháng 4-1950). Chị bị giam ở Khám 9 cùng nhiều chị lớn tuổi như: chị Cầm, chị Hồng, chị Trầm, chị Quý... Các chị rất thương, chia cho Sáu quần áo, đồ dùng và dạy Sáu học văn hóa. Sáu được ưu tiên một chỗ nằm gần cửa, thoáng mát, được chia một mét vuông sàn khám làm bảng học, thay cho vở viết.

Giờ tắm nắng, Sáu kiếm cục đá xanh vào chà nhám ô bảng của mình, khi viết rất ăn phấn. Phấn là những mẩu gạch non được mài nhỏ cho sắc nét. Nửa năm sau, Sáu đã theo hết chương trình phổ cập cấp I mà Liên đoàn tù nhân Khám Lớn - Chí Hòa phát động. Sáu rất thích những bài văn, bài sử về Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... Tổng kết phong trào học văn

hóa trong tù năm 1950, Sáu được nhận phần thưởng của Liên đoàn. Phần thưởng là 1 cây bút chì, 1 cuốn tập và 1 đôi bông tai bằng mảnh gáo dừa mài công phu, đen bóng như sừng, xen lẫn hoa văn tự nhiên trông rất đẹp. Sáu thích lắm. Đôi bông tai vừa là phần thưởng thành tích học tập, vừa là đồ trang sức đẹp nhất của Chị. Suốt một thời ấu thơ, Chị chỉ biết đến những chuỗi cườm xâu bằng những cánh hoa Lêkima rụng.

Đôi bông tai còn là kỷ vật của đời tù. Chỉ có những người tù mới làm ra những kỷ vật độc đáo như vậy. Những mảnh gáo dừa bình dị và dễ kiếm được mài, gọt thành bông tai, nhẫn, con chim, bông hoa để tặng nhau. Họ gửi gắm vào kỷ vật nhỏ bé ấy một niềm tin, một lời hẹn ước, truyền cho nhau hơi ấm cuộc đời, sát cánh bên nhau, vững tin, chiến đấu và chiến thắng.

Tháng 4-1951, thực dân Pháp đưa Võ Thị Sáu ra tòa án binh. Phiên tòa không có luật sư, không có công chúng, chỉ có chánh án, bồi thẩm, công tố, hiến binh. Võ Thị Sáu bước ra tòa hiên ngang, bình tĩnh, tự tin. Hơn một năm trong tù, các chị lớn tuổi đã truyền cho Sáu kinh nghiệm sống trong tù: với mình phải lạc quan, kiên trì, vững chí; với bạn phải thương yêu chia sẻ hết mình; với kẻ thù phải hiên ngang và cảnh giác trước bạo lực, cạm bẫy. Các chị dạy Sáu cách đối phó với kẻ thù: lúc thẩm vấn phải nhất quán một lời cung; lúc ra tòa phải vạch tội ác, tố cáo cuộc chiến tranh phi nghĩa của chúng; và khi cần phải chết, phải biết chọn một cái chết xứng đáng.

Cai Tổng Tòng và lão lính Kề ngồi ghế nhân chứng. Tổng Tòng tố cáo: Võ Thị Sáu là Việt Minh nhà nòi, cả nhà theo Việt Minh, còn chính bị cáo đã ném lựu đạn

vào nhà việc, sát thương nhà chức trách... Lão lính Kẻ thì khoe khoang chiến tích đã tổ chức được lưới tình báo theo dõi hành tung của Việt Minh Đất Đỏ và bắt tại trận tên Việt Minh này trong vụ mưu sát Cả Suốt và Cả Đay. Lão đề nghị tòa nghiêm trị hành động tội phạm nguy hiểm nói trên để răn đe dân chúng. Chánh án hỏi bị cáo có nhìn nhận tội lỗi như cáo trạng không? Chị không trả lời câu hỏi của hắn mà hỏi lại: "*Là quan tòa, ông có thể kết án những người Pháp yêu nước chống phát xít Đức chiếm đóng nước Pháp không?*"

Chánh án đứng dậy rung chuông ngắt lời: "*Bị cáo chỉ có thể trả lời có hoặc không*". Võ Thị Sáu cũng nghiêm giọng nói:

- Tôi không có tội. Yêu đất nước mình, chống bọn thực dân xâm lược không phải là một tội!

Chánh án lại rung chuông ngắt lời Chị và đứng lên luận tội, buộc Võ Thị Sáu can tội "*giết người, phá rối trị an, chống lại nền bảo hộ của nước Pháp*" và tuyên án "tử hình, tịch thu toàn bộ gia sản". Võ Thị Sáu thét vào mặt tên chánh án thực dân:

- Tao có mấy thùng rác ở khám Chí Hòa, vào đó mà tịch thu.

- Đả đảo thực dân Pháp!

- Kháng chiến nhất định thắng lợi!

CHUYẾN LƯU ĐÀY

Bản án tử hình người con gái chưa đủ tuổi thành niên làm xôn xao dư luận. Thực dân pháp đã đem quân xâm lược Việt Nam còn ngang nhiên mở tòa án phi pháp

Đại tướng Đờ Tatxinhi bị bắn chết trong chiến dịch Hà-Nam-Ninh. Tháng giêng 1952, Trung úy Lơcléc, con trai Đại tướng Lơcléc bị bắt sống trên phòng tuyến Sông Đáy. Quân Pháp sa lầy trên mặt trận Hòa Bình. Tướng Đờ Tátxinhi về Pháp trần tình rồi chết. Thủ tướng Etga Phô tuyên bố trước Quốc hội Pháp (17-1-1952): *"Chiến tranh vẫn được thúc đẩy, mặc dù Đờ Tátxinhi qua đời"*.

Để tỏ rõ dã tâm thúc đẩy chiến tranh và trả thù cho những trận thua đau, thực dân Pháp đã xử bắn hàng loạt các chiến sĩ cách mạng. Riêng năm 1952, chúng đã xử bắn 35 người tại Côn Đảo, chiếm 56,4% số người bị bắn tại đảo trong suốt 9 năm kháng chiến. Tháng giêng 1952, chúng bắn ba đợt, tổng cộng 16 người, trong đó có người thiếu nữ anh hùng Võ Thị Sáu.

Những ngày cuối cùng ở khám Chí Hòa, Võ Thị Sáu vẫn học văn hóa, ca hát, thêu thùa. Kẻ run sợ trước bản án tử hình lại là thực dân Pháp. Chúng không dám xử tại Sài Gòn mà phải lén lút đưa Chị ra Côn Đảo hành hình. Vụ giết hại trò Ơn (1950) đã làm cả Sài Gòn phẫn nộ, nửa triệu người xuống đường. Sáng 21-1-1952, thực dân Pháp đưa Võ Thị Sáu xuống tàu. Cùng ra Côn Đảo chuyến ấy còn có 40 tù án chính trị và ba tử tù khác. Trưa hôm sau, tàu neo tại Vũng Tàu. Chiếc ca nô của Sở Hoa tiêu đưa cố đạo và chánh án ra thi hành bản án. Võ Thị Sáu ngước nhìn về dãy núi Châu Viên. Phía sau dãy núi ấy là Đất Đỏ, quê hương Chị. Mùa hoa Lêkima đang nở.

Ba hồi trống dài gióng lên từ Sở Lưới làm tù nhân Côn Đảo tỉnh giấc. Trống báo có tàu cập đảo. Chỉ còn năm ngày nữa là Tết. Tù nhân Côn Đảo bồn chồn. Tàu ra có thêm thực phẩm, có người nhận được thư, bưu phẩm

của gia đình, nhưng lần này họ còn bồn chồn vì một lẽ khác. Năm ngày trước, một người tù làm bồi ở văn phòng giám đốc nhà tù cho biết, trong danh sách những người đưa ra đảo xử bắn đợt này có Võ Thị Sáu. Liên đoàn tù nhân đã chỉ thị cho tù nhân kíp bồi bếp phải tìm cách tiếp xúc, động viên Chị giữ vững khí tiết, đồng thời tìm hiểu hồ sơ Chị làm bằng chứng tố cáo thực dân Pháp.

Võ Thị Sáu là thiếu nữ đầu tiên và duy nhất trong lớp tù nhân kháng chiến bị đày ra đảo và hành hình tại đảo.

MỘT NGÀY TRÊN CÔN ĐẢO

Rặng bàng ven Cầu Tàu đã rụng gần hết lá. Gió chướng thổi từng cơn, quăng quật những cành bàng trơ trụi và gầy guộc. Người thiếu nữ mảnh mai khó nhọc bước lên những tảng đá gập ghềnh. Theo sau Chị là tốp lính Lê dương, cố đạo, chánh án. Tất cả theo ra để giết hại người con gái bị kết án tử hình từ tuổi vị thành niên. Đó là hình ảnh của tự do, bình đẳng, bác ái mà thực dân Pháp nhân danh bảo hộ đất nước này.

Chúa đảo Jatty ra tận Cầu Tàu đón cố đạo và chánh án. Hắn ra lệnh giải Võ Thị Sáu về xà lim Sở Cò. Chuông nhà thờ giồng lên một hồi dài. Cố đạo dừng bước làm dấu. Tượng Chúa Giêsu đặt phía trước nhà thờ. Chúa nhân từ nhìn bọn đao phủ giải người thiếu nữ về nơi hành hình. Bình minh vừa hé lên, chiếu tia nắng ấm áp trên gương mặt Chị.

Buổi trưa, người tù làm bồi của Sở Cò đưa cơm vào xà lim. Anh chuyển lời chào của Đảo ủy và Liên đoàn tù nhân đến Võ Thị Sáu, động viên Chị nêu cao khí tiết trước kẻ thù và trước cái chết. Chị xúc động trả lời: "*Em*

kết án những người Việt Nam yêu nước. Trong lúc Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đối xử nhân đạo với tù binh Pháp thì thực dân Pháp lại ngược đãi những người bị bắt, không thực hiện chế độ tù binh, tù chính trị mà coi họ như những kẻ phiến loạn. Đó là sự chà đạp lên cả luật pháp nước Pháp, một nước từng có nền dân chủ, văn minh, tiến bộ.

Phong trào chống chiến tranh ở Pháp nổi lên mạnh mẽ. Chị Raymôngđiêng nằm ngay trên đường xe lửa chặn một đoàn tàu chở vũ khí cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Anh Hăngry Máctanh phản chiến bị tòa án binh Pháp kết án tù. Đại úy Quân y Đuyarít bị bắt trong chiến dịch Biên Giới (thu đông 1950) được Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp giáo dục và ân xá đã tố cáo Chính phủ Pháp lừa gạt, đẩy thanh niên Pháp vào cuộc chiến tranh xâm lược đầy tội lỗi. Đuyarít yêu cầu Chính phủ Pháp phải đối xử nhân đạo với tù binh Việt Minh, chấm dứt chiến tranh, trao trả tù binh, tù chính trị.

Sau khi kết án tử hình, thực dân Pháp giam Võ Thị Sáu tại khu Cabanon, khám Chí Hòa cùng chị Đinh Thị Rớt. Anh Lý Hải Châu, Tổng đại diện của Liên đoàn tù nhân đã gửi thư thăm hỏi, động viên Chị. Võ Thị Sáu viết thư trả lời, lạc quan, sôi nổi: "*Chúng em vẫn "Bất Tử". Kính chúc anh cũng "Bất Tử" như chúng em*". Anh Lý Hải Châu cũng bị kết án tử hình. Hồi ấy tù chính trị gọi khám giam tù tử hình là "*Khám Bất Tử*".

Thực dân pháp chưa dám xử bắn chị. Những biến động trên chiến trường Đông Dương 1951 - 1952 đã để lại nhiều dấu ấn trong chính sách cai trị của thực dân Pháp. Mùa hè 1951, Trung úy Bécna Đờ Lát, con trai

đã chọn con đường chiến đấu cho độc lập, tự do của dân tộc thì em cũng sẽ biết chọn cho mình một cái chết xứng đáng. Em gửi lời chào hết mấy anh".

Vợ cò bảo người bồi mang cho Chị cà phê sữa và bánh ngọt. Hai vợ chồng cò Vol Peter đều là người Pháp gốc Đức. Vợ cò thường liếc nhanh mỗi lần cánh cửa xà lim hé mở rồi bần thần. Dường như cuộc hành quyết người thiếu nữ trẻ tuổi này đã làm thức dậy trong lòng bà một cảm xúc khó tả. Luật ở nước Pháp không áp dụng án tử hình đối với phụ nữ và tuổi vị thành niên.

Chiều ấy Võ Thị Sáu xin nước tắm gội. Người bồi hỏi Chị cần gì nữa không? Sáu tần ngần. Chị chỉ ước ao được ra sân một lát. Người bồi nhanh trí đến chỗ hai vợ chồng cò, lễ phép nói:

- Thưa ông bà! Người tử tù kia sớm mai bị hành quyết. Cô ấy muốn xin ông bà một ân huệ nhỏ.

Vợ cò sốt sắng lên tiếng:

- Cô ấy muốn gì?

- Thưa bà, cô ấy muốn được vài phút ra sân tắm nắng để được ngắm đất trời quê hương mình.

- Ồ...

Vợ cò thốt lên khe khẽ rồi nhìn chồng như muốn nói rằng: việc này đâu có gì khó. Bà ta rất muốn bằng quyền lực của chồng mình, ban cho con người sắp từ giã cõi đời kia một ân huệ gì đó. Thật lòng, bà ta cũng muốn nhìn rõ mặt người con gái bé nhỏ mà dám làm một việc tày đình, đến nỗi phải mang bản án tử hình khủng khiếp. Cò Vol Peter miễn cưỡng gật đầu với vợ rồi bảo người bồi: *"Năm phút".*

Võ Thị Sáu vừa tắm gội xong. Chị xõa tóc ra hong gió. Tia nắng chiều yếu ớt rọi qua những nhánh bàng gầy guộc, in trên nền cát những đốm màu vàng nhạt. Vợ chồng cò và người bồi đứng ở hành lang cạnh đó, không ai nói lời nào. Sáu dạo vài bước đến bên khóm hoa dừa đất, ngắt một bông. Hương sắc xuân sớm của đất trời đọng lại trên nhành hoa bé bỏng ấy.

Vợ cò trở về phòng, úp mặt xuống giường thổn thức. Gương mặt trẻ trung và nhánh hoa đồng nội khiến bà ta bối rối. Bà ta linh cảm rằng chính nghĩa thuộc về người thiếu nữ này, thuộc về dân tộc này. Bà ta nhổm dậy và lắng nghe. Từ phía xà lim, một giọng hát trẻ trung và sôi nổi. Bà chưa sõi tiếng Việt, nhưng bà hiểu rằng những giai điệu hào hùng ấy chứng tỏ dân tộc này không dễ gì khuất phục.

Đêm ấy tù nhân trong các khám đều họp. Ban Chấp hành tù nhân phổ biến tiểu sử tóm tắt của Võ Thị Sáu mà Liên đoàn tù nhân vừa chuyển đến. Đại diện các khám cử người thảo đơn phản đối cuộc hành hình phi pháp của thực dân Pháp. Kíp thợ hồ được Liên đoàn giao nhiệm vụ đúc bia mộ Võ Thị Sáu đã hạ quyết tâm đúc xong trong ngày mai và đặt lên mộ Chị ngay lúc chiều tối.

Vợ con gác ngục cũng không ngủ. Họ túm năm tụm ba bàn tán ở từng nhà. Họ đồn rằng, cô ấy dường như mới 15 tuổi, trông thật hiền, cặp mắt trong veo nhưng nhìn vào thấy lóe lên ánh lửa. Cô ấy mới liếc mắt một cái mà bà vợ cò đã xây xẩm mặt mày; rằng Quốc hội Pháp đã bàn suốt một ngày ròng, tranh luận nảy lửa. Nhiều người phản đối, cho rằng hành hình phụ nữ là chà đạp lên luật pháp và truyền thống văn minh của nước Pháp. Có

người sợ rằng, cuộc hành quyết có thể dẫn đến hậu quả xấu đối với tình hình chính trị ở Pháp và Đông Dương. Việt Minh có thể trả thù, bắn tù binh Pháp, nhưng cuối cùng Thủ tướng Pháp bảo: "*Chiến tranh là chiến tranh. Để thắng trong cuộc chiến tranh này, nước Pháp không từ một thủ đoạn nào*".

MÙA XUÂN CHƯA KỊP ĐẾN

Bốn giờ sáng ngày 23-1-1952, Chủ Sở Cò áp giải Võ Thị Sáu về văn phòng Giám thị trưởng. Chúa đảo, chánh án, đội lính hành quyết và cố đạo đã chờ sẵn. Tên chánh án làm thủ tục thi hành án trước sự chứng kiến của Chúa đảo Jatty. Viên cố đạo ôn tồn lên tiếng: "*Bây giờ cha sẽ rửa tội cho con...*".

Sáu gạt phắt:

- *Tôi không có tội! Nếu cha muốn rửa tội, xin hãy rửa tội cho những kẻ sắp giết tôi đây.*

- *Lạy chúa! Trước khi chết con có ân hận gì không?*

- *Tôi chỉ ân hận là chưa tiêu diệt hết bọn thực dân cướp nước và tay sai bán nước.*

- *Lạy chúa tôi!*

Cố đạo làm dấu và quay mặt trong khi bọn lính còng tay giải Võ Thị Sáu đi. Gió chướng rít từng hồi. Bình minh chưa lên. Mùa xuân chưa kịp đến. Con đường ra Nghĩa địa Hàng Dương cây cỏ xác xơ, không một nhành hoa, mầm lá. Chỉ có tiếng hát trầm hùng của hai ngàn tù nhân đưa tiễn Chị.

Trước phút hành hình, Võ Thị Sáu yêu cầu không bịt mắt để Chị được nhìn đất nước mình lần cuối. Chị cất

lời hát bài *Tiến quân ca* trong khi bọn lính giương súng đợi lệnh. Võ Thị Sáu vẫn hát. Chị không nghe tiếng bọn lính lên đạn, không nghe lệnh của những tên đao phủ. Chị nhìn đăm đắm như muốn thu cả đất trời và đôi mắt mình, để rồi giây phút nữa thôi, Chị cũng tan biến vào trời đất. Khúc hát vừa dứt, chị nhìn thẳng vào bảy tên đao phủ, chỉ cách có mười thước. Bảy nòng súng đen ngòm ngọ nguậy. Võ Thị Sáu ngừng hát và thét lớn:

- *Đả đảo thực dân Pháp!*

- *Việt Nam độc lập muôn năm!*

- *Hồ Chủ tịch muôn năm!*

Bảy tên đao phủ giật nảy người. Bảy tiếng súng khô khốc chuệch choạc nổ. Một tiếng rú ghê rợn thốt lên từ đồi cát phía Nam gần đó.

Bầy đao phủ hoảng hốt quay lại. Bốn chị vợ giám thị túm tụm dưới lùm cây, mặt xám ngoét. Họ đã núp ở đây để mục kích cuộc hành hình. Người vừa rú lên là Nguyễn Thị Liễu, vợ Giám thị Ruby. Chị ta vừa bất tỉnh sau loạt súng.

Khi đã hiểu điều gì xảy ra sau tiếng rú ghê người, bọn đao phủ quay lại pháp trường. Khói súng đã tan nhưng chúng kinh hoàng. Võ Thị Sáu vẫn đứng đó. Chị nhìn chúng, ngạo nghễ và giễu cợt. Chị hát tiếp khúc *Tiến quân ca*. Hai vệt máu từ vai và sườn chị tuôn đỏ vạt áo. Tên chánh án gầm lên chửi bọn lính là đồ ăn hại và ra lệnh bắn tiếp. Bọn lính chống súng lắc đầu. Chưa bao giờ bọn đao phủ lại rơi vào tâm lý hoảng loạn như lần này. Cặp mắt trong trẻo của người thiếu nữ kia như có một ma lực xoáy vào tim gan, khiến chúng nôn nao run rẩy.

Nhiều tên đã nhắm mắt bóp cò. Loạt đạn ấy chỉ có hai viên găm vào bả vai và sườn trái Chị, một viên sượt mang tai. Tên Đội Lê dương lầm lũi bước đến gí khẩu súng ngắn vào tai Chị bóp cò. Cả bọn đều nháo nhác khi nghe tiếng hô la phản đối rần rần của hơn hai ngàn tù nhân vọng tới:

- *Đả đảo thực dân Pháp!*

- *Đả đảo hành hình!*

- *Tinh thần Võ Thị Sáu bất diệt!*

MỘT CON NGƯỜI GANG THÉP

Tốp lính Lê dương trở lại Công Quán đợi tàu về Sài Gòn. Ngôi nhà kiến trúc kiểu Tây phương nằm dưới tán bàng cạnh Cầu Tàu mát mẻ. Công quán là nơi dừng chân cho lữ khách đến thi hành công vụ tại đảo. Nhạc sĩ kỳ tài người Pháp Camille Saint Saens đã từng lưu lại đây tròn một tháng, từ ngày 20-3 đến ngày 19-4-1895 để hoàn tất vở nhạc kịch nổi tiếng Brunehilda. Đó là dấu ấn đẹp đẽ duy nhất của nước Pháp văn minh trên hòn đảo tù. Những dấu ấn còn lại là của nước Pháp thực dân.

Toán lính Lê dương đang sám hối dưới vòm nhà này là một bằng chứng. Sáng 24-1-1952, người bồi đến Công Quán pha cà phê thấy bọn lính còn ngủ lăn lóc, chỉ có một người lính Lê dương già ngồi trên phiến đá cạnh Cầu Tàu, dáng thẫn thờ, mắt trũng sâu, gương mặt hốc hác. Ông ta đã bỏ ăn suốt ngày qua, nằm khóc và ngồi đấy từ đêm. Người bồi đặt ly cà phê trên phiến đá, lễ phép mời:

- *Ông dùng cà phê.*

- Cảm ơn. Ngồi xuống đây một chút, anh bạn.

- Dường như đêm qua ông không ngủ?

- Không sao ngủ được. Đôi mắt cô gái ấy đã ám ảnh tôi và sẽ ám ảnh tôi suốt đời. Tôi phải bỏ nghề, không bắn được nữa.

- ...

- Tôi bắn không tồi, nhưng hôm qua tôi đã nhắm mắt, ghếch nòng súng lên trời.

- ...

- Tôi đã gặp nhiều kẻ phát điên phát khùng, nhiều kẻ sợ hãi đến ngất lịm phải dựng lên bắn. Còn cô ấy bình thản đến lạ lùng, yêu đời đến phút chết, dũng khí tỏa ra ngay cả khi đã ngã xuống rồi. Đó mới chính là một người anh hùng.

- ...

- Cô ấy tin vào chính nghĩa của dân tộc mình, còn chúng tôi thì chỉ biết bắn giết...

Người lính Lê dương già thẫn thờ nhìn ra biển mà nói với những tảng đá. Người tù làm bồi đã lui về làm phận sự của mình.

Ngày hôm ấy, bất cứ nơi nào có người trên đảo, người ta cũng nói chuyện về Võ Thị Sáu. Bác sĩ Dương Thúc Huy vừa tốt nghiệp ở Pháp về, được bổ nhiệm làm lương y trưởng tại nhà thương Côn Đảo. Làm nhiệm vụ khám nghiệm tử thi, ông chứng kiến từ đầu đến cuối cái chết anh hùng của Võ Thị Sáu. Ông từng được nghe chuyện về Jeanne d'Arc, nữ anh hùng của nước Pháp. Chuyện xảy ra vào thế kỷ XV, Jeanne d'Arc đã dũng cảm cầm vũ khí

chống thực dân Anh, bảo vệ nước Pháp. Kẻ thù bắt được và chất củi thiêu sống chị. Chị đã hát cho đến khi ngọn lửa cháy đến miệng chị mới ngừng hát. Từ miệng chị, một con bồ câu bay ra.

Bác sĩ Huy gỡ cặp kiếng, lấy khăn chấm những giọt nước mắt và nói với những người tù chính trị phục vụ tại nhà thương: *"Chuyện con bồ câu bay ra chỉ là huyền thoại. Còn ở đây, tôi đã tận mắt thấy một người anh hùng thật sự, một người anh hùng bằng xương bằng thịt. Chị ấy đã hát cho đến lúc chết"*.

Từ lòng ngưỡng mộ Võ Thị Sáu, Bác sĩ Dương Thúc Huy ngày càng có cảm tình với tù chính trị, cảm tình với cuộc kháng chiến của dân tộc. Ông giúp đỡ tù chính trị ngày càng nhiều, từ việc điều trị, cấp thuốc cho đến liên lạc, tiếp tế, nhận chuyển giúp sách báo, tài liệu cho tù chính trị. Mỗi lần nhắc đến Võ Thị Sáu, ông lại xúc động nói: *"Thật là một con người gang thép"*.

BÔNG HOA DỪA ĐẤT

Trong lúc Chúa đảo Jatty ra lệnh đập bia, phá mộ Võ Thị Sáu thì vợ con gác ngục đồn đại rằng, Cô Sáu hiện về. Nguyễn Thị Liễu (vợ Giám thị Ruby), người đã té xỉu khi chứng kiến cuộc hành hình kể rằng, sẩm tối 30 Tết Nhâm Thìn (1952), cô lén chồng đem hương hoa lên viếng mộ Võ Thị Sáu. Liễu thoáng thấy bóng một người con gái mặc quần áo trắng từ ngôi mộ đi ra, thong thả dạo bước về phía thị trấn. Liễu sụp lạy hồi lâu rồi mới dám bước tới mộ dâng hương hoa.

Trên đường về nhà, đi đến đâu, Liễu cũng thấy bóng người con gái áo trắng trước mặt. Thế là Tết ấy, bên

cạnh bàn thờ Trời, thờ Phật, thờ tổ tiên, Liễu lập bàn thờ Cô Sáu. Không có hình ảnh, hiện vật, hoành phi, câu đối, nhưng bàn thờ Cô Sáu đặt ở nơi trang trọng, hương khói sớm tối, hoa trái bốn mùa.

Chuyện Cô Sáu hiện về lan rất nhanh. Nhiều gia đình gác ngục người Việt lập bàn thờ Cô Sáu. Họ tin rằng một người con gái chết trẻ và chết thiêng như vậy ắt sẽ hóa thần. Ai ăn ở hiền lành Cô sẽ phù hộ, ai độc ác Cô sẽ trừng phạt.

Tết ấy, Nghĩa trang Hàng Dương có nhiều bóng người qua lại, thoắt đến, thoắt đi. Người đặt lên mộ Chị một viên đá, người thắp một nén nhang hay cắm vài bông hoa rừng, đặt nải chuối hoặc vài trái mận. Có người là tù án, tù binh, tù chính trị, tù thường phạm; có người là công chức, gác ngục, đàn ông, đàn bà; họ lui tới vào lúc bình minh và hoàng hôn, thoắt ẩn thoắt hiện, như người, như ma.

Sáng mồng một Tết, cô Vol Peter tháp tùng vợ lên Nghĩa trang Hàng Dương, ngôi mộ Chị Sáu đã rực rỡ đủ loại hoa rừng, khói hương nghi ngút. Cô Vol Peter mang súng ngắn, tay chống can, vẻ như thị sát. Vợ cô xới đất quanh mộ Chị Sáu, vụng về trồng mấy khóm hoa Dừa đất mà bà ta vừa bứng trong sân Sở Cô rồi bần thần đứng ngắm ngôi mộ còn tươi cát mới cùng những khóm hoa đồng nội. Bà nhớ mãi hình ảnh người thiếu nữ nhỏ nhắn xõa tóc bên khóm hoa dừa đất trong sân Sở Cô. Bà không hiểu được vì sao cho đến phút ấy, cô gái vẫn hồn nhiên như bông hoa, quên cả xà lim, xiềng xích và bản án tử hình đang đợi.

Cho đến nay, những khóm hoa dừa đất vẫn trổ bông bên mộ Võ Thị Sáu. Loài hoa đồng nội ấy có sức sống

diệu kỳ. Nó thản nhiên trước thời gian, nắng gió và cát bỏng Hàng Dương.

CÁI CHẾT BÍ ẨN CỦA MỘT TÊN TÙ GIAN VÀ CUỘC BẠO ĐỘNG, VƯỢT NGỤC CỦA 200 TÙ BINH LÀM CHẤN ĐỘNG CÔN ĐẢO

Dân đảo xôn xao về cái chết đầy bí ẩn của tên tù gian Nguyễn Văn Tân. Một buổi sáng, người ta thấy xác hắn co quắp treo trên cây bằng lăng trong vườn Giám thị trưởng Passi. Tân cầm đầu đám tù gian làm tay sai cho bọn chúa ngục chống lại Liên đoàn tù nhân kháng chiến. Có người bảo hắn bị bức tử để bịt đầu mối vụ thất thoát 200.000 đồng của nhà tù mà hắn là kế toán. Có người lại quả quyết rằng, Tân bị Cô Sáu bắt tội vì hắn đã cho tay chân đập phá bia mộ và chỉ điểm những người dựng bia, đắp mộ Cô. Chuyện thực hư thế nào chỉ có trời mới biết.

Tân chết, đám tù gian như rắn mất đầu, hoảng loạn, không dám đập bia, phá mộ nữa. Cũng trong thời gian ấy, Thiếu tá Jatty rơi lon, mất chức vì vụ võ trang giải thoát của 200 tù binh ở Bến Đầm. Chỉ trong khoảnh khắc, trung đội lính Âu Phi canh giữ bị tước hết vũ khí. Năm con thuyền lớn, khung gỗ, ken mây, bọc vải quét sơn đã đưa đoàn tù vượt ngục ra khơi. Lần ấy gió không thuận, chuyến vượt biển không thành, song cuộc võ trang giải thoát có một không hai ấy đã làm rung chuyển nền thống trị của bọn thực dân trên đảo. Điều lạ lùng mà bọn thực dân không sao hiểu nổi là những người tù kháng chiến đã đào hầm và đóng thuyền ngay dưới nền trại giam, trước sự kiểm soát ngặt nghèo của chúng. Hai căn hầm bí mật dài 20 m, rộng 2,6 m, cao 1,8 m được chèn chống theo kiểu hầm lò thợ mỏ là nơi năm con thuyền gỗ ra

đời. Bằng cách nào mà tù nhân có thể chuyển được hàng trăm mét khối đất đá lên và đưa hàng chục khối tre gỗ, mây song cùng hàng chục thùng sơn, hàng trăm ký nhựa đường xuống hầm qua được lưới kiểm soát của nhà tù?

Bọn hiến binh từ Sài Gòn ra điều tra ba tháng ròng không có kết quả. Đám gác ngục thì kháo nhau rằng Việt Minh có phép thần thông, xuất quỷ nhập thần, có Cô Sáu phù trợ.

THỂ CÓ CÔ SÁU

Từ thuở ấy, dân đảo không còn thề có trời đất quỷ thần nữa mà thề có Cô Sáu chứng giám. Lời thề ấy linh thiêng và ứng nghiệm, từ người tù đến công chức, gác ngục và chúa đảo. Thiếu tá Bạch Văn Bốn, tên chúa đảo thời Mỹ - ngụy bày trò cưỡng bức tù chính trị ly khai Đảng Cộng sản. Bốn sùng bái bạo lực, lấy việc đánh giết tù để tiến thân. Bốn không tin có thánh thần. Chuyện Cô Sáu linh thiêng chỉ là luận điệu tuyên truyền của Việt cộng. Hắn thường bảo tụi đàn em như vậy.

Cho đến một đêm khuya, Bạch Văn Bốn thấy bóng người con gái áo trắng dạo bước ra Cầu Tàu. Bán tín bán nghi, hắn rút súng cầm tay, lăm lăm bước ra cổng. Chợt cô gái quay phắt lại, nhìn thẳng vào mặt hắn, đôi mắt Cô có những tia sáng sắc lạnh tỏa ra. Bạch Văn Bốn rụng rời chân tay, để rớt khẩu súng. Hắn chới với chạy vào dinh, đóng chặt cửa lại. Từ đó, Bốn để tai nghe những lời đồn đại về Cô Sáu. Không ít lần, hắn bắt thuộc cấp và cả tù nhân thề có Cô Sáu chứng giám khi thấy hoài nghi.

Năm 1959, hắn phạt xà lim 50 tù chính trị đã nhiều lần chống học tố cộng, chống ký kiến nghị phản động.

Sau một tuần lễ, Bốn xuống xà lim dụ dỗ: *"Bây giờ mấy người kêu tên Cô Sáu thề rằng, nếu được trả tự do, mấy người về sẽ không chống đối nữa, tôi sẽ làm giấy để nghị trả tự do cho mấy người liền"*.

Hấn đi đi lại lại, gạn hỏi mấy lần, không ai nói lời nào. Bất lực, hấn đành bảo: *"Thôi, lấy đồ về trại. Mấy người có kêu tên Cô Sáu thề thì Cô Sáu cũng ủng hộ mấy người thôi"*.

Cũng trong năm ấy, vợ Giám thị Đỗ Văn Phục đang bụng mang dạ chửa bỗng lên cơn sốt cao, vật vã vặn mình, trợn mắt, sùi bọt mép. Thấy mặt Phục là bà ta chồm dậy túm cổ áo, xỉa xói vào mặt chồng, miệng thét: *"Đồ ác ôn! Mày đã hại bao nhiêu người rồi? Bà bảo cho mà biết, nếu mày không hối cải thì bà sẽ vặn cổ"*.

Tư Phục chết đứng hồi lâu rồi sực tỉnh, chạy lên nhà thương gọi thầy thuốc. Hấn rước được thầy thuốc về thì không thấy vợ đâu, hỏi lối xóm không ai biết. Hấn hớt hải chạy dọc bãi biển tìm nhưng vô vọng. Như có linh tính mách bảo, Phục chạy lên nghĩa trang và thấy vợ nằm bất tỉnh trước mộ Võ Thị Sáu. Hấn toát mồ hôi, lạnh cả người và nhớ tới lời cảnh tỉnh của một tù chính trị: *"Lẽ đời có nhân quả, ông gieo gì gặt nấy, ông ác với anh em thì mạng ông không vẹn toàn mà vợ con ông chưa chắc đã yên. Tôi nói có Cô Sáu chứng giám..."*.

Không chừng lời tiên đoán ấy đã chiêm nghiệm, Cô Sáu nhập hồn để dằn mặt hấn. Phục sụp lạy trước mộ, hứa sẽ ăn năn hối cải, xin Cô Sáu tha tội.

Hồi lâu, vợ Phục tỉnh lại, hấn sụp lạy lần nữa, hứa hậu tạ rồi dìu vợ về. Hôm sau, Phục sắm đầu heo, xôi gà, hương hoa, đưa vợ lên mộ lễ tạ Cô Sáu. Lễ xong, hai vợ

chồng chia lộc cho tù nhân và bất cứ ai gặp trên đường về. Tỉnh trưởng Lê Văn Thể biết chuyện cũng lờ đi, không khiển trách, mặc dù lúc đó chính quyền Ngô Đình Diệm đang đẩy mạnh chiến dịch tố cộng ở Côn Đảo.

Sau vụ này, không riêng vợ chồng Tư Phục mà hầu hết vợ con gác ngục, binh lính đều hương hoa, lễ tạ Cô Sáu. Mỗi lần gặp chuyện vui buồn, rủi may, họ đều đến cầu xin và tạ ơn trước mộ. Đối với họ, Cô Sáu là Trời, là Phật, là sự hiển linh trên hòn đảo này.

CÔ SÁU ƠI! EM LỠ DẠI

Thiếu tá Lê Văn Thể làm Chúa đảo kế vị Bạch Văn Bốn từ tháng 4-1960. Thể tàn bạo và hiếu thắng, hắn quyết đẩy cuộc tố cộng, cưỡng bức ly khai cộng sản trong tù đến tận cùng. Nhằm đề cao chế độ "quốc gia", hạ uy thế cộng sản, Lê Văn Thể cho trùng tu ngôi mộ nhà yêu nước Nguyễn An Ninh, đập phá bia mộ Lê Hồng Phong và Võ Thị Sáu.

Bọn tù tay sai sợ. Khét tiếng ác ôn như Tỉnh trưởng Bạch Văn Bốn, Trưởng Ban An ninh Đỗ Văn Phục còn phải kiêng sợ. Gia đình công chức, gác ngục trên đảo này, hầu như không ai dám xúc phạm oai linh Cô Sáu. Chẳng dè bữa đó có tên Nghị, tù thường phạm từ Phú Lợi bị đày ra đảo. Được tuyển vào làm trật tự an ninh của nhà tù, Nghị huênh hoang: "*Để tôi đập coi ai làm gì nổi tôi*".

Hắn hùng hổ xách búa lên Nghĩa trang Hàng Dương, đập nát tấm bia, đập luôn cả bát nhang và bình cắm hoa đặt bên bia mộ. Bọn giám thị, trật tự xì xào: "*Thằng này hung hăng chắc chết.*"

Hôm sau, một tấm bia mới lại được dựng lên, có cả bát nhang và bình cắm hoa như trước. Nghị lẳng lặng xách búa lên đập rồi tìm chỗ kín đáo ngồi rình xem ai dám dựng lại bia. Hấn mang theo một chai rượu, một bịch heo quay, một ổ bánh mì. Hấn ngồi suốt trưa rồi đến chiều trên đồi cát, ăn hết thịt, uống hết rượu, vẫn không thấy một bóng người, chỉ có ánh lửa chói chang dội xuống đầu và hơi cát nóng hầm hập bốc lên mặt.

Nghị khát cháy cổ mà vẫn chưa hết cay cú. Nắng hè và cát bỏng đã rút kiệt mồ hôi, hấn thấy hoa mắt, đầu óc quay cuồng. Xế chiều, gió biển thổi mạnh, hấn ớn lạnh, rùng mình, ngất nghểu ra về.

Sáng hôm sau, một tấm bia y chang lại mọc lên trên mộ Chị Sáu, nhưng Nghị hết đập nổi. Hấn sốt ly bì, không ăn uống gì được, không thuốc gì chữa nổi. Người hấn gầy tóp, tóc tai bờm xờm, quái dị, vật vờ, đi dọc con đường cạnh nhà thương, hồi lâu lại gào lên thảm thiết: "*Tội nghiệp em! Cô Sáu ơi, em lỡ dại.*" Nhà thương Côn Đảo hết cách chữa trị, làm giấy chuyển hấn về nhà thương Chợ Quán, được ba hôm thì chết.

CHUYỆN CÔ SÁU XỬ KIỆN

Thiếu tá Tăng Tư (tự Sao) kế vị chức Tỉnh trưởng năm 1964 đã sớm có mặt và chứng kiến những biến cố trên đảo. Tăng Tư người Việt gốc Hoa, sinh năm 1925 tại Sa Đéc. Ra Côn Đảo từ giữa năm 1960, Tăng Tư đã nghe nhiều chuyện ly kỳ về Võ Thị Sáu và âm thầm thờ Cô Sáu như một vị thần hộ mệnh. Tăng Tư lập bàn thờ Cô tại tư dinh, hàng ngày có hương hoa, ngày một, ngày rằm có ngũ quả. Y tin vào số mệnh và thành tâm phó thác phần hồn cho Cô Sáu linh thiêng.

Khi làm Phó Tỉnh trưởng phụ trách nội an, Tăng Tư đã xử một vụ kiện bằng oai linh Cô Sáu. Lần ấy hai tên giám thị trong cư xá cũ kéo đến dinh thưa kiện. Hai tên ở cạnh nhà đều tố cáo nhau ăn trộm gà. Tăng Tư đọc hai lá đơn, nghe hai đứa tố một hồi vẫn chưa biết đứa nào là thủ phạm. Y nghĩ ra một kế, bèn khoát tay bảo hai bị cáo:

- Thôi khỏi nói! Tụi bay đi theo tao. Lên xe!

- Đi đâu vậy? Thưa đại úy!

Hai tên nhìn chiếc xe jeep rồi lại nhìn Tăng Tư, khi ấy mới mang lon đại úy.

- Lên mộ Cô Sáu. Hai đứa thề trước mộ Cô tao coi, rồi đứa nào ngay, đứa nào gian sẽ rõ.

Tức thì một tên quỳ sụp xuống run rẩy van xin:

- Em van đại úy. Đại úy phạt gì em cũng chịu, chỉ xin đại úy đừng bắt em lên mộ Cô Sáu thề. Em van đại úy.

Mặt hắn méo mó, xám ngoét, thảm thương. Tăng Tư mỉm cười rồi bảo tên trộm gà đứng lên, bảo tên mất gà về trước, nội vụ sẽ giải quyết sau. Đợi cho tên đàn em hoàn hồn, Tăng Tư mới chậm rãi nói:

- Mày trót bắt gà thì đền cho nó. Để nó thưa nữa là tao phạt. Rõ chưa?

- Dạ... Em đội ơn Đại úy.

- Còn điều này tao hỏi... Vì sao mày không dám lên mộ Cô Sáu thề?

- Trời ơi! Lên mộ Cô mà thề sai thì chết. Em đã lỡ rồi...

- Lỡ sao?

Hắn ngồi thừ người ra một lát rồi kể: Lần ấy, đưa tù nhân đi làm khổ sai về ngang Sở Lưới, thấy có mấy cần xé cá vừa khiêng lên, nhân lúc lộn xộn, em thó con cá hường to nhất, đưa cho tên trật tự đàn em bọc áo đem về. Có người trông thấy, thưa Giám thị Thâm, Phó chủ Sở Lưới. Thâm đến cự em, bảo có con cá ngon định biếu tỉnh trưởng mà em trộm mất. Thâm dọa thưa em...

Cãi lộn không xong, em liều thể độc "*Thề có Cô Sáu chứng giám*", Thâm mới bỏ qua, nhưng suốt đêm ấy em không sao ngủ được. Cứ nhắm mắt lại là thấy bóng Cô Sáu hiện về, Cô dỡ mùng lên, nhìn vào mặt em trừng trừng. Em hoảng hồn la lên, tỉnh giấc thì không thấy Cô đâu. Suốt đêm chập chờn, gần sáng em thiếp đi thì thấy tức ngực đến nghẹt thở như có tảng đá vô hình đè nặng. Em thét lên một tiếng rồi ngất lịm. Hôm sau, em phải dâng lễ trên mộ Cô, rập đầu lạy Cô chín lạy, vậy mà cả tháng trời mới hoàn hồn. Lần này mà thề sai chắc Cô vật chết...

Kể xong câu chuyện, mồ hôi hắn vã ra như tắm. Nghe chuyện, Tăng Tư cũng đổ mồ hôi hột. Khác với Bạch Văn Bốn và Lê Văn Thể, Tăng Tư không cấm đoán việc viếng mộ, tảo mộ. Việc quan trọng nhất đối với Tăng Tư là giữ gìn tù nhân trong vòng nội quy, và giữ lễ với Cô Sáu. Bốn năm Tăng Tư ở Côn Đảo là những năm bão tố của nguỵ quyền. Hơn mười cuộc đảo chính; Diệm - Nhu chết; tướng tá rơi sao, mất chức, ngồi tù; riêng Tăng Tư cứ lừng lững thăng tiến, từ Phụ tá Tỉnh trưởng lên Phó Tỉnh trưởng rồi Tỉnh trưởng.

Ngày nhậm chức Tỉnh trưởng, Tăng Tư làm lễ tạ ơn vị thần hộ mệnh một con heo quay. Hắn thắp nhang, thành kính xưng tên tuổi, quê quán, tên vợ, tên con và

lòng ngưỡng mộ, xin được trùng tu mộ Cô bằng gạch đá, xi măng. Sau một hồi lẩm rẩm khấn vái, Tăng Tư thận trọng gieo quẻ. Không được. Hắn toát mồ hôi.

Đợi hết một tuần nhang, Tăng Tư sửa lại y phục, kiên nhẫn khấn vái, nài nỉ: *"Trăm lạy Cô, ngàn lạy Cô, Cô đã thương em thì thương cho trót. Nếu Cô không đồng ý cho trùng tu mộ thì xin Cô cho em đắp lại mộ và đặt một tấm bia đá cho Cô".*

Quẻ ấy gieo được, Tăng Tư mừng lắm, cho vợ về ngay Chợ Lớn đặt một tấm bia bằng đá cẩm thạch đưa ra, làm lễ đặt bia long trọng. Đó là tấm bia đẹp nhất và tồn tại lâu nhất trên mộ Võ Thị Sáu thời ấy. Từ khi chế độ gia đình trị họ Ngô sụp đổ, những trò tố cộng, cưỡng bức ly khai đã bị dẹp bỏ. Những tên tay sai liều mạng nhất ở Côn Đảo cũng khiếp vía oai linh Cô Sáu rồi.

CHUYỆN CÔ SÁU BẮT TỘI

Mặc dù Tăng Tư thành tâm và tin vào số mệnh, vận may cũng ở lại với hắn không lâu. Làm Tỉnh trưởng chưa đầy năm thì Tăng Tư mất chức và bị phạt 50 ngày trọng cấm[1] vì vụ chiếm tàu vượt ngục thành công của 57 tù chính trị Sở Lưới (27-2-1965). Tấm bia mộ bằng cẩm thạch mà Tăng Tư thành kính đặt từ khi nhậm chức tồn tại được thêm 8 năm nữa.

Năm 1970, ngụy quyền Sài Gòn cho phép Chúa đảo Nguyễn Văn Vệ thành lập một Tiểu đoàn Tâm lý chiến thí điểm với sự trợ giúp của cố vấn Mỹ và cố vấn Trung Hoa Dân quốc (Đài Loan). Vệ chọn 800 tù thường phạm, quân phạm[2] và tù chính trị biến chất, đào tạo đội ngũ

1 Hình phạt cho sĩ quan ngụy tắc trách trong công vụ.

2 Lính ngụy phạm tội, bị tòa án binh kết án tù.

Tâm lý chiến tay sai theo bài bản của Mỹ và Đài Loan, cung cấp cho các nhà tù ở miền Nam. Cuối khóa huấn luyện, chúng bắt Trại Tâm lý chiến làm tờ phản tỉnh, ký giấy chiêu hồi, ký khế ước cam kết cộng tác và trắc nghiệm bằng những hành động lập công chuộc tội.

Cố vấn Mỹ và Đài Loan khơi lại chuyện phá mộ Lê Hồng Phong, đập bia mộ Võ Thị Sáu. Trại Tâm lý chiến không dám làm. Nhưng thời nào cũng có kẻ liều mạng. Thằng Sước, tù quân phạm, trật tự Trại VII xung phong. Hắn hùng hổ cầm búa đập tan tấm bia mộ bằng cẩm thạch trước sự chứng kiến của cố vấn Mỹ, Đài Loan, Chúa đảo Nguyễn Văn Vệ và Tiểu đoàn Tâm lý chiến thí điểm.

Tối ấy Sước lãnh tiền thưởng mua rượu uống. Bọn quân phạm, trật tự chỉ ngồi coi, không đứa nào dám uống cùng. Chúng đều linh cảm chuyện chẳng lành. Một đứa lên tiếng:

- Sước, mày không sợ Cô Sáu vật à?

- Sợ đếch gì, Cô Sáu mà vật nổi thì Sước này thường hẳn một con vích 100 ký[1].

Cả bọn sợ xanh mặt. Xưa nay, chưa có đứa nào táo tợn, dám hỗn với Cô Sáu như vậy. Chúng lảng dần. Dây dưa với thằng liều mạng có ngày vạ lây. Trước khi giải tán, một tên còn cảnh cáo Sước:

- Coi chừng, tối nay loạng quạng, Cô Sáu kéo xuống biển cho vích ăn thịt đấy.

- Hà hà... Để tối nay tao ra biển cho tụi bay coi.

Hắn ra biển thật, chẳng biết điều gì xui khiến. Ngồi uống rượu một mình thì thật là vô vị. Sước ngửa cổ tu ừng

1 Một loại rùa biển lớn, rất nhiều ở Côn Đảo.

ực cho đến cạn chai rượu. Hắn cảm thấy bực bội. Trên đời này, hắn ghét nhất là những kẻ hèn. Một lít rượu ngấm vào từng thớ thịt. Sước thấy nóng ran như có lửa đốt trong người. Đêm mùa hè oi ả. Hắn bỗng thèm một làn gió.

Hắn cởi áo vắt vai, ngật ngưỡng đi ra biển. Trời vẫn lặng gió và oi bức. Hắn mò mẫm leo lên một tảng đá, vo áo làm gối rồi nằm xuống. Sáng hôm sau, không thấy Sước điểm danh, bọn trật tự nháo nhác chia nhau đi tìm, thấy hắn đã chết cứng, lưng dính chặt vào tảng đá. Cả bọn đều tin rằng, Sước bị Cô Sáu bắt tội.

BÊN MỘ NGƯỜI ANH HÙNG

Sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng (1975), hàng ngàn tù chính trị ở các trại đã tổ chức thành nhiều đoàn đi tảo mộ và dâng hương trước mộ Võ Thị Sáu. Ngôi mộ Chị cũng được trùng tu cùng lúc với mộ anh Lê Hồng Phong để tỏ lòng thành kính, nhưng những ai đã từng biết đến ngôi mộ Chị ngày ấy đều không sao quên hình ảnh một ngôi mộ được xếp bằng hàng ngàn, hàng vạn tảng đá lớn nhỏ, với vô vàn chân nhang, ngày nào cũng có những nhánh hoa rừng cắm vội. Họ cũng không quên được những tấm bia làm bằng bất cứ chất liệu gì có được của một thời.

Những viên đá, những tấm bia ấy là lòng thành kính của hàng ngàn, hàng vạn con người, thuộc nhiều thế hệ, trong đó có tù chính trị, tù thường phạm, vợ con gác ngục, binh lính, công chức trên hòn đảo tù này. Mỗi lần có dịp đi ngang, họ đều không quên đặt lên mộ Chị một viên đá, thắp một nén nhang hay cắm một bông hoa vừa ngắt được ven đường, bất chấp đòn roi và hình phạt.

Cho đến bây giờ, vẫn còn vài chục gia đình công chức, gác ngục thời ấy còn ở đảo. Họ vẫn thờ Cô Sáu như vị thần hộ mệnh. Họ vẫn kêu Cô chứng giám khi cần phải thề thốt điều gì hệ trọng. Khi đã kêu tên Cô thì điều đó cũng thiêng liêng như Trời - Phật - Thánh thần. Cô Sáu là hiện thân của sự thiêng liêng, chứng giám mọi điều rủi may mà họ không sao hiểu hết. Không ít lần, họ cho con em mình đến mộ Cô dâng hoa trước khi làm đám cưới.

Khác với lễ tưởng niệm tại đài liệt sĩ như nhiều nước ở châu Âu, lễ dâng hoa Cô Sáu không có bạn bè, hai họ hoặc cơ quan đại diện. Chỉ có đôi trẻ với lòng thành tâm cầu nguyện trước sự chứng giám của Cô. Đôi bạn trẻ chở nhau đến Nghĩa trang Hàng Dương vào lúc bình minh vừa hé lên. Họ thắp nhang, dâng hoa và thề thốt trước mộ Cô. Họ trao hoa cho nhau và cùng cầu nguyện trước lúc hóa thân vào nhau.

Hơn nửa thế kỷ đã trôi qua, những người anh, người chị và bạn chiến đấu của Võ Thị Sáu tóc đã bạc trắng mái đầu. Họ thường gặp nhau vào dịp kỷ niệm ngày hy sinh của người em gái Đất Đỏ. Ngày ấy hàng năm, từ mọi miền đất nước, họ tụ hội về Đất Đỏ hoặc Côn Đảo để tìm lại kỷ niệm đẹp hơn trăng rằm, ngát hương hơn bất cứ đóa hoa nào thơm nhất về người đồng đội, người em gái thân thương.

Đến một ngày nào đấy, những nhân chứng lịch sử cuối cùng biết về Võ Thị Sáu sẽ ra đi, nhưng cuộc đời và huyền thoại về Chị còn được lưu truyền mãi mãi. Tên tuổi Võ Thị Sáu đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc đến trân trọng như những bậc anh hùng liệt sĩ tiền bối của dân tộc ta. Cuộc đời và sự nghiệp Võ Thị Sáu đã được ghi vào Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Lịch sử Phụ nữ Nam

Bộ, Lịch sử Nhà tù Côn Đảo, Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Lịch sử huyện Long Đất và hàng trăm cuốn sách, hàng ngàn bài báo, thơ ca...

Tên Chị đã trở thành tên trường, tên đường, tên đoàn, tên đội ở khắp mọi miền đất nước. Chị vẫn đang sống cùng các thế hệ hôm nay.

HÀNH TRÌNH TÌM LẠI NGÀY HY SINH CỦA VÕ THỊ SÁU VÀ SẮC PHONG NGƯỜI THIẾU NỮ ANH HÙNG[1]

Tôi ra Côn Đảo lần đầu tiên vào tháng 10-1984, trong chuyến tháp tùng đoàn tù chính trị đến từ thành phố Hải Phòng. Trưởng đoàn tù chính trị là bà Hoàng Thị Nghị, Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân, vốn là chiến sĩ điệp báo của thành phố cảng, được điều vào Nam hoạt động, bị Mỹ - Diệm bắt đày ra Côn Đảo. Các thành viên còn lại trong đoàn hầu hết là tù chính trị - tù binh giai đoạn kháng chiến chống Pháp, có nhiều người từng tham gia cuộc vũ trang giải thoát ngày 12-12-1952 không thành. Đây là cuộc bạo động vượt ngục rất nổi tiếng mà nhà văn Phùng Quán đã tiểu thuyết hóa thành tác phẩm "Vượt Côn Đảo".

Nhiều nhân chứng lịch sử trong đoàn tù chính trị của thành phố Hải Phòng đã khẳng định là ngày hy sinh của Võ Thị Sáu ghi trên bia mộ là không chính xác. Chuyến đi thăm Côn Đảo lần đầu đã mở cho tôi một hành trình mới, đi tìm một lời giải đáp: chị Võ Thị Sáu hi sinh ngày nào?

---

1 Bài đăng trên Tạp chí *Lịch sử Đảng* số tháng 5-2012.

1. SỰ HOÀI NGHI CỦA CÁC NHÂN CHỨNG LỊCH SỬ

Đoàn cựu tù chính trị dừng lại khá lâu tại Khu B Nghĩa trang Hàng Dương, nơi có phần mộ chị Võ Thị Sáu và nhiều chiến sĩ cách mạng đã hy sinh trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp. Sau khi thắp nhang, tưởng niệm, các cựu tù chia nhau đi thắp nhang cho phần mộ đồng đội trong Khu B.

Một tốp cựu tù nhân ngồi dưới gốc dương già đã cụt ngọn bên ngôi mộ Võ Thị Sáu, chỉ còn lại một cành xanh tốt vươn về hướng Bắc. Cô thuyết minh say sưa kể những truyền thuyết về Võ Thị Sáu, về cây dương, về một nhánh cây như cánh tay vươn về phương Bắc, như tấm lòng người thiếu nữ anh hùng luôn hướng về Thủ đô, hướng về Bác Hồ.

Nhưng đoàn cựu tù chính trị lại quan tâm đến một chuyện khác, rằng ngày chị Sáu hy sinh không đúng như ngày ghi trên bia mộ. Tấm bia trước mộ mang hàng chữ: *"Võ Thị Sáu tức Nguyễn Thị Sáu, sinh năm 1933 tại Bà Rịa, mất ngày 23-12-1952"*.

Những người tù chính trị ngồi dưới gốc dương đều có mặt tại Côn Đảo trong năm 1952 đầy biến động. Họ không thể nào quên được cái ngày đau thương ấy.

Năm 1952, Côn Đảo có 548 tù binh và 1.739 tù án, phần đông là án chính trị[1]. Khi đó, tù nhân đã có tổ chức Đảng (Đảo ủy) bí mật và tổ chức công khai mang tên Liên đoàn tù nhân kháng chiến Côn Đảo. Biết tin địch đưa Võ Thị Sáu ra Côn Đảo hành hình, Đảo ủy và

1 *Lịch sử Nhà tù Côn Đảo 1862 - 1975*, Nxb Lao Động, 2008, tr. 370.

Liên đoàn tù nhân kháng chiến đã chỉ đạo tù chính trị ở tất cả các trại giam phản đối cuộc hành hình Võ Thị Sáu. Kíp tù nhân làm bồi bếp nhận được chỉ thị liên hệ với Võ Thị Sáu, động viên chị giữ vững khí tiết khi ra pháp trường[1], đồng thời nắm rõ tiểu sử của chị để tố cáo hành vi giết người phi pháp của giặc (luật pháp nước Pháp không áp dụng án tử hình với phụ nữ và tuổi vị thành niên).

Mờ sáng hôm sau, khi bọn lính giải chị Sáu ra trường bắn, tất cả tù nhân đã đứng dậy hát bài *"Chiến sĩ ca"* đưa tiễn chị và đồng thanh hô vang các khẩu hiệu: *Đả đảo thực dân Pháp! Đả đảo hành hình! Tinh thần Võ Thị Sáu bất diệt!*

Theo sự chỉ đạo của Đảo ủy và Liên đoàn tù nhân kháng chiến Côn Đảo, toàn đảo đã bỏ ăn một bữa để phản kháng cuộc hành hình người thiếu nữ Võ Thị Sáu.

Gần một năm sau, 198 tù binh đã tham gia cuộc võ trang giải thoát ngày 12-12-1952 tại Bến Đầm. Đảo ủy đã chỉ đạo bộ phận tù binh làm công tác chính trị tư tưởng, xây dựng quyết tâm vượt đảo về kháng chiến, trả thù cho chị Sáu và những đồng đội đã ngã xuống. Vậy mà tấm bia mộ lại ghi ngày mất của chị là ngày 23-12-1952.

Nhóm tù binh trong đoàn tù chính trị thành phố Hải Phòng khẳng định ngày mất của Võ Thị Sáu ghi trên tấm bia là sai, vì các nhân chứng có mặt tại đây đã chứng kiến cuộc hành hình trước khi tham gia vượt ngục (12-12-1952) cả năm trời. Đây cũng là một trong những kiến nghị của đoàn tù chính trị trước khi rời đảo.

---

1 *Lịch sử Nhà tù Côn Đảo 1862 - 1975*, Nxb Lao Động, 2008, tr. 361.

2. CUỐN SỔ GIÁM SÁT TỬ VONG

Câu chuyện về tấm bia mộ Võ Thị Sáu và những kiến nghị của đoàn tù chính trị thành phố Hải Phòng chỉ rộn lên trong những ngày đoàn tù có mặt tại Côn Đảo, rồi chìm vào trong lãng quên của những công việc thường ngày. Ở khu di tích lịch sử Côn Đảo thời ấy, còn có hàng ngàn sự kiện cũng mơ hồ như vậy. Việc xác minh không dễ dàng gì khi hàng tháng mới có một chuyến tàu ra vào và điều kiện đi lại khi đó không dễ dàng gì.

Riêng với tôi, câu chuyện chị Võ Thị Sáu hy sinh ngày nào như một nỗi ám ảnh khôn nguôi, như một nỗi day dứt trong cuộc hành hương lần đầu tiên về Côn Đảo. Các cuốn sách viết về Võ Thị Sáu thời ấy đều ghi ngày hy sinh của chị như trên tấm bia. Tôi ước gì có thể tìm được đúng ngày chị hy sinh, như một nén hương lòng thành kính dâng lên chị.

Năm 1985, Đặc khu ủy Vũng Tàu - Côn Đảo cử tôi tháp tùng đoàn cán bộ của Xí nghiệp thiết kế quy hoạch tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh ra khảo sát phục vụ dự án quy hoạch lại Côn Đảo. Anh Mười Nhàn phụ trách Ban Quản lý Di tích lịch sử Côn Đảo cho biết, trong lúc sắp xếp lại kho hồ sơ, anh chị em nhân viên mới phát hiện ra cuốn Sổ Giám sát tử vong ở Nhà tù Côn Đảo. Tôi mừng như bắt được vàng.

Cuốn sổ bìa đen dày, khổ (22 x 35) cm, biên chép tên những người đã chết tại Côn Đảo từ năm 1947 đến năm 1975, chia từng cột ghi rõ họ tên, năm sinh, quê quán, án tiết, số tù, nơi giam giữ, ngày chết, lý do chết. Trang ghi ngày mất của chị Võ Thị Sáu (bằng tiếng Pháp): *"Võ Thị Sáu tức Nguyễn Thị Sáu, sinh năm 1933, tại Bà*

Rịa, án tử hình; số tù G.267, chết lúc 7 giờ ngày 23-1-1952, do việc thi hành án tử hình"[1].

Theo biên chép trong cuốn sổ, cùng ngày *23-1-1952*, thực dân Pháp còn xử bắn anh Hồ Văn Năm tức Năm Đen, quê ở Vĩnh Long, số tù G.248.

Trở lại Hàng Dương, chúng tôi tìm được mộ anh Hồ Văn Năm, ngay cạnh mộ Võ Thị Sáu. Tấm bia mộ anh đúc bằng xi măng đã sẫm màu, rêu phong loang lổ, trên đó còn đọc rõ hàng chữ: *"Hồ Văn Năm... Mất ngày 23-1-1952"*. Có lẽ tấm bia mộ anh còn được giữ nguyên vẹn từ dạo ấy. Nó không phải chịu số phận thăng trầm như tấm bia mộ chị Sáu[2].

3. LỄ TƯỞNG NIỆM VÕ THỊ SÁU VÀO ĐÚNG NGÀY HY SINH CỦA CHỊ

Sau khi tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được thành lập (8-1992) và đi vào hoạt động (10-1992), anh Trần Quang Huy, nguyên Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin về phụ trách Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy. Trần Quang Huy từng làm Tổng Biên tập báo, có kinh nghiệm sử dụng báo chí làm công cụ tuyên truyền. Anh trao đổi với tôi, tỉnh mới thành lập, phải củng cố đoàn kết trong cán bộ và nhân dân giữa các địa phương hợp thành. Không gì bằng giáo dục truyền thống. Ta nên viết về truyền thống của các địa phương. Tôi hưởng ứng ngay bằng loạt bài in trên Báo *Bà Rịa - Vũng Tàu* về thành phố Vũng Tàu, xã đảo

1 Cuốn sổ còn lưu tại Ban Quản lý Di tích lịch sử Nhà tù Côn Đảo.

2 Tấm bia mộ Hồ Văn Năm vẫn còn được lưu lại đến nay, sau khi Nghĩa trang Hàng Dương được tôn tạo lại.

Long Sơn, xã Long Phước kiên trung bất khuất (thị xã Bà Rịa), xã Hắc Dịch - căn cứ địa cách mạng (huyện Tân Thành), ông già Cao Văn Ngọc (huyện Long Đất) và bài *"Chị Võ Thị Sáu hy sinh ngày nào?"*[1]...

Bài *"Chị Võ Thị Sáu hy sinh ngày nào?"* nhận được sự quan tâm đặc biệt, không phải chỉ vì sự nổi tiếng của Võ Thị Sáu mà vì những vấn đề đặt ra khác hẳn với những tư liệu trước đó, khác với hiểu biết xưa nay của cán bộ và nhân dân quê hương chị - khác với cả năm sinh, ngày mất của chị đã tạc vào tượng đài Võ Thị Sáu sừng sững giữa ngã tư Đất Đỏ.

Đã có những phản ứng khác nhau từ một số cán bộ của huyện Long Đất. Trần Quang Huy hơi chột dạ, nhưng sau khi tôi trình bày các cơ sở tư liệu đã thu thập được từ các nhân chứng và các kho lưu trữ thì anh yên tâm và nói với tôi: *anh tin em, cứ làm tới.*

Chỉ còn không đầy một tháng nữa là tròn 40 năm ngày hy sinh của Võ Thị Sáu (23-1-1952 - 23-1-1992), tôi làm tờ trình đề nghị tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm 40 năm ngày hy sinh của Võ Thị Sáu vào đúng ngày hy sinh của chị (23-1-1952 - 23-1-1992). Trần Quang Huy trực tiếp trình bày với Thường trực Tỉnh ủy, được Bí thư Tỉnh ủy Phạm Văn Hy ủng hộ, Thường trực Tỉnh ủy phê duyệt.

Lần đầu tiên sau 40 năm, lễ kỷ niệm ngày hy sinh của Võ Thị Sáu được tổ chức trọng thể vào đúng ngày hy sinh của chị (23-1-1952 - 23-1-1992) tại quê hương Đất Đỏ. Buổi lễ có đủ mặt Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đại

2 Tham khảo Báo *Bà Rịa - Vũng Tàu* các số ra trong tháng 10 và tháng 11-1992.

diện các huyện, thị xã, thành phố. Ông Phạm Văn Hy, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu, đọc diễn văn khai mạc lễ tưởng niệm với niềm tự hào, xúc động và thành kính[1].

Anh Trần Quang Huy rất phấn khởi về chủ trương xây dựng tinh thần đoàn kết thông qua việc giáo dục truyền thống trong những ngày đầu thành lập tỉnh đã đạt kết quả đáng khích lệ. Với tôi, niềm vui là được thắp nén nhang thơm vào đúng ngày hy sinh của chị Sáu, âu cũng là duyên tình, tâm tư của người viết sử với những nhân chứng và vong hồn các anh hùng liệt sĩ.

4. VÕ THỊ SÁU - CON NGƯỜI VÀ HUYỀN THOẠI

Nữ nghệ sĩ Kim Chi đến văn phòng tìm tôi, đề nghị viết cho chị một kịch bản phim về Võ Thị Sáu. Chị đã nộp hồ sơ xin thành lập một hãng phim tư nhân mang tên Hải Đăng tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Chị muốn có một bộ phim nhựa ra mắt hãng phim về người nữ Anh hùng Võ Thị Sáu. Tôi từ chối vì chưa từng viết kịch bản phim, nhưng hứa sẽ viết cho chị "Những mẩu chuyện về Võ Thị Sáu".

Năm tuần sau, tôi gửi đến cho Kim Chi bản thảo cuốn "*Võ Thị Sáu - Con người và huyền thoại*", khoảng 70 trang viết tay trên giấy A4. Chị đọc ngay và hôm sau mời tôi uống cà phê, chị nói: "*rất xúc động. Tôi sẽ nhờ nhà văn Nguyễn Quang Sáng chuyển thể thành kịch bản*".

---

1 Hồ sơ hoạt động lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu. Có thể tham khảo bài diễn văn của Bí thư Tỉnh ủy Phạm Văn Hy trên Báo *Bà Rịa - Vũng Tàu*, số ra ngày 24-1-1992.

Ít lâu sau, chị Kim Chi buồn rầu thông báo: hãng phim Hải Đăng không thành. Bộ chưa cho phép lập Hãng phim tư nhân.

Trần Quang Huy lại ra tay cứu cho Kim Chi một bàn thua trông thấy: *"để anh tìm cách xuất bản cuốn sách này"*.

Cuốn sách *"Võ Thị Sáu - Con người và huyền thoại"* ra đời nhờ sự vận động của Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Trần Quang Huy, theo hình thức các đơn vị, địa phương đặt mua sách theo giá bìa, 10.000 bản đã phát hành hết ngay trong đợt đầu tiên năm 1993. Theo phương tức ấy, đã có 3 đơn vị, 4 Nhà xuất bản tái bản đến lần thứ 12, tổng cộng 35.000 bản.

5. DANH HIỆU ANH HÙNG

Anh Năm Năng (Trần Văn Triệu), Giám đốc Công an Bà Rịa - Vũng Tàu bảo tôi là cuốn sách *"Võ Thị Sáu - con người và huyền thoại"* có tác dụng tốt, nhưng bây giờ mới biết, Võ Thị Sáu chưa được phong anh hùng. Ta phải làm thủ tục để nghị phong danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân cho liệt sĩ Võ Thị Sáu để xây dựng truyền thống của lực lượng.

Ý kiến của anh Năm Năng phù hợp với chủ trương của Ban Bí thư, theo công văn chỉ đạo rà soát lại các trường hợp còn tồn đọng trong chiến tranh, phong tặng và truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân cho các tập thể và cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc.

Hồ sơ để nghị truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân cho liệt sĩ Võ Thị Sáu được

Giám đốc Công an Bà Rịa - Vũng Tàu trình ký, được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ngày 2-8-1993, Chủ tịch nước Lê Đức Anh đã ký Quyết định 149 KT/CTN truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho liệt sĩ Võ Thị Sáu[1].

Buổi lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân liệt sĩ Võ Thị Sáu được tổ chức trọng thể tại quê hương Đất Đỏ. Trong tiệc liên hoan, một cán bộ huyện nêu ý kiến: *"theo sự tôn vinh của nhân dân, Võ Thị Sáu đương nhiên là anh hùng rồi, điều đó quan trọng và có ý nghĩa lớn hơn sắc phong hôm nay"*.

Anh Năm Năng trao đổi lại: Nhân dân đã ngưỡng mộ và tôn vinh Võ Thị Sáu thì cơ quan Nhà nước càng phải có trách nhiệm làm đúng chức trách của mình.

Với tôi, hành trình đi tìm lại ngày hy sinh của Võ Thị Sáu cho đến việc xây dựng hồ sơ truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân cho người thiếu nữ anh hùng không chỉ là lòng ngưỡng mộ mà còn là trách nhiệm của một người cầm bút: trung thực với lịch sử - trung thực với cuộc đời.

---

1 Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xuất bản 1994, trang 138.

THẮNG LỢI CỦA CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ TIẾP THÊM SỨC MẠNH CHO CUỘC ĐẤU TRANH ĐÒI TRAO TRẢ TÙ BINH, TÙ CHÍNH TRỊ TẠI CÔN ĐẢO[1]

1. TÌNH HÌNH TÙ NHÂN CÔN ĐẢO TRƯỚC THÁNG 5-1954

Tính đến cuối tháng 4-1954, tổng số tù nhân bị giam giữ tại Côn Đảo là 2.252 người, trong đó có 593 tù binh và 1.659 tù án, trong đó có vài trăm là tù án tư pháp (thường phạm), còn lại là tù chính trị. Bị giam giữ trong 3 trại giam chính và một số trại phụ.

Tổ chức Đảng được thành lập từ năm 1950 tại Banh I, phát triển thành Đảo ủy năm 1953, với hệ thống tổ chức cơ sở Đảng toàn đảo. Mỗi Banh (trại tù) có Liên chi ủy, mỗi khám (phòng giam) có chi ủy - chi bộ. Đồng chí Nguyễn Văn Thi là Bí thư Đảo ủy.

Tổ chức Liên đoàn tù nhân Côn Đảo đã hình thành từ năm 1947, đến năm 1952 đổi thành Liên đoàn tù nhân kháng chiến Côn Đảo. Liên đoàn tù nhân kháng chiến

1 Tham luận tại hội thảo khoa học về Điện Biên Phủ với chiến trường miền Đông Nam Bộ tại Quân khu 7 ngày 22-4-2004. Bài in trong kỷ yếu Hội thảo khoa học về "Chiến thắng Điện Biên Phủ và chiến trường miền Đông Nam Bộ, Cực Nam Trung Bộ. Nxb Chính Trị Quốc gia. 2004.

tập hợp toàn thể tù nhân, không phân biệt tù binh, tù chính trị, tù án tư pháp (thường phạm) dưới sự lãnh đạo của Đảo ủy, đấu tranh chống lại bọn thống trị[1]. Liên đoàn tù nhân kháng chiến đã xây dựng hệ thống tổ chức từ cấp toàn đảo (Ban Chấp hành Liên đoàn) đến các trại (Ban Chấp hành Liên khu) và đến tận từng phòng giam (Ban Chấp hành khu)[2]. Qua đấu tranh nhiều năm, bọn thống trị ở Côn Đảo đã phải thừa nhận vị trí của tù binh, tù chính trị, công nhận đại diện từng khám, đại diện từng trại, Tổng đại diện tù án và Tổng đại diện tù binh do tù nhân cử ra.

Ở mỗi khám giam, Ban Chấp hành khu còn tổ chức tù nhân thành từng toán (10 người) theo mâm ăn, có Trưởng toán (Trưởng mâm) phụ trách. Mỗi toán chia thành từng tổ 3 người (tổ tam chế), quản lý đến từng người tù. Toàn bộ mọi hoạt động của tù nhân, từ lao động khổ sai cho đến nghỉ ngơi, sinh hoạt, học tập, tranh đấu đều được tổ chức chặt chẽ theo sự chỉ đạo của Đảo ủy, thông qua Liên đoàn tù nhân kháng chiến. Tất cả mọi chủ trương của Đảo ủy đều được truyền đạt nhanh chóng đến từng người tù thông qua hệ thống tổ chức của Liên đoàn. Đó là những thuận lợi rất lớn để phát động các cuộc đấu tranh trong tù.

Đại hội lần thứ tư của Đảng bộ Côn Đảo (tháng 12-1953) đã xác định ***nhà tù là một mặt trận trong cuộc kháng chiến, tù nhân là một lực lượng của kháng chiến***. Trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong cuộc

---

1 "Bọn thống trị" là từ thường dùng lúc đó, chỉ bọn cầm quyền cai trị trực tiếp ở Côn Đảo nói riêng và nói chung, bọn thực dân Pháp và tay sai.

2 Lực lượng tù binh ở Banh III là Liên khu I. Tù án ở Banh I và Banh II và các sở tù khổ sai. Banh I là Liên khu II. Banh II là Liên khu III. Các sở tù là Liên khu IV.

chiến tranh giải phóng này là dù bất kỳ ở đâu, trong hoàn cảnh nào, đảng viên cũng phải tổ chức lại, lãnh đạo quần chúng đấu tranh với kẻ thù.

Trong lúc chiến dịch Điện Biên Phủ đang gần ngày thắng lợi, Đảo ủy chỉ đạo tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5-1954 trọng thể trên phạm vi toàn đảo để phát huy khí thế, phát động tư tưởng chuẩn bị cho một đợt đấu tranh mới. Tổng đại diện tù binh công khai thông báo cho giám đốc nhà tù biết để giữ thế hợp pháp.

Chiều 7-5-1954, qua rađiô, Đảo ủy được tin quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ. Tối ấy, các khám đều liên hoan mừng chiến thắng. Đảo ủy bàn ngay phương hướng chuẩn bị một đợt đấu tranh quy mô đòi trao trả ngay, trao trả hết toàn bộ tù binh, tù chính trị về cho Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Văn phòng Đảo ủy khẩn trương lập danh sách toàn thể tù nhân, phân loại cán bộ, đảng viên, chuẩn bị đấu tranh đòi trao trả.

Trong lúc đang chuẩn bị cuộc đấu tranh, Đảo ủy nắm được tin tức ta đã trao trả cho Pháp 858 thương binh ngay tại Mặt trận Điện Biên Phủ ngày 12-5-1954. Đáp lại, phía Pháp cũng trao trả cho ta 267 thương bệnh binh tại Cầu Giỏ (Bắc Giang) vào ngày 16-6-1954. Đại diện 2 bên đã mở đầu cuộc tiếp xúc chuẩn bị cho hội nghị quân sự 2 bên giữa Bộ Tổng tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam và Bộ Tổng tư lệnh Quân đội Pháp ở Đông Dương và thỏa thuận mở hội nghị chính thức tại Trung Giã vào đầu tháng 7-1954, song song với Hội nghị Giơnevơ.

Đảo ủy nhận định rằng Hội nghị Giơnevơ có triển vọng giải quyết vấn đề Việt Nam bằng con đường hòa bình, những người bị địch bắt trong chiến tranh sẽ được

trao trả cho Chính phủ kháng chiến, song lại phức tạp đối với tù án. Vì vậy, yêu cầu chính của cuộc đấu tranh này là đòi hủy bỏ các bản án, nhìn nhận là tù chiến tranh, trao trả cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cơ sở pháp lý là khi Pháp đã nhìn nhận chủ quyền độc lập của dân tộc ta thì việc tòa án Pháp xét xử công dân Việt Nam trở nên bất hợp pháp, dù là án tư pháp.

Đảo ủy nhận định yêu sách này vượt qua quyền hạn của bọn cầm quyền Côn Đảo cho nên không chĩa mũi nhọn của cuộc đấu tranh vào chúng, nhưng phải làm cho chúng rối loạn hoang mang, buộc chúng phải thúc ép bọn đầu sỏ trong đất liền nhanh chóng giải quyết. Muốn vậy, phải dùng ưu thế tuyệt đối của ta là tinh thần cứng rắn, bền bỉ để đánh vào nhược điểm của địch là vấn đề nhân công. Ta phải thống nhất lực lượng, cương quyết đình công tranh đấu. Một cuộc đấu tranh như vậy chắc chắn sẽ phải lâu dài và gay go, cần phải chuẩn bị tốt cả vật chất, tinh thần và lực lượng.

Đảo ủy huy động lực lượng tranh đấu lần này gồm toàn thể tù nhân trên Côn Đảo, không phân biệt tù binh hay tù án, trong tù án cũng không phân biệt tù kháng chiến hay tù tư pháp. Tổng số tù nhân được huy động tham gia tranh đấu là 2.252 người, trong đó có 593 tù binh và 1.659 tù án. Lực lượng đấu tranh được chia làm 2 bộ phận:

- Bộ phận đình công gồm tù nhân ở tất cả các sở huyết mạch của nhà tù như: Sở Củi, Sở Lưới, Bản Chế, Chỉ Tồn, Lò Vôi, Sở Rẫy...

- Bộ phận không đình công, chỉ đưa yêu sách, kiến nghị gồm các kíp tù làm ở Nhà bếp, Nhà thương, công nhân tư gia, thư ký các văn phòng và một số ít tù nhân

ở các sở. Bộ phận này đảm nhiệm các công tác hỏa thực, giao thông liên lạc, ngoại vận, địch vận.

Đêm 20-7-1954, Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương đã được ký kết tại Giơnevơ. Bộ phận ngoại vận chép được nội dung Hiệp định qua bản tin đọc chậm. Thường vụ Đảo ủy họp bất thường để gấp rút chuẩn bị tiến hành tranh đấu. Đảo ủy quyết định dành hẳn 10 ngày để chuẩn bị thật chu đáo.

Thực hiện nhất nguyên chế trong lãnh đạo chỉ đạo, các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảo ủy, Liên khu ủy và Chi ủy đều kiêm Ban Chấp hành Liên đoàn, Ban Chấp hành Liên khu và Ban Chấp hành khu. Đảo ủy quyết định cho Ủy ban Kháng chiến - Hành chính Côn Đảo ra công khai. Đảo ủy cũng dự kiến trường hợp thực dân Pháp và đế quốc Mỹ câu kết với nhau, tráo trở không thi hành Hiệp định thì sẽ thực hiện phương án giải thoát, khi cần sẽ dùng đến bạo lực cách mạng, phối hợp với đất liền tổ chức cho anh em lần lượt trở về, trước khi Mỹ nhảy vào Việt Nam.

Chớp thời cơ thuận lợi, phát động cuộc tranh đấu

Ngày 30-7-1954, Trung tướng Gilô (Gilót), thanh tra các trại tù binh, ra nắm tình hình tại Côn Đảo. Theo sự chỉ đạo của Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Côn Đảo, đồng chí Vũ Hạnh, Tổng đại diện tù binh đã đưa đơn tố cáo sự hà khắc của chúa ngục ở Trại tù binh, yêu cầu Bộ Tổng tư lệnh Pháp can thiệp thực hiện đúng điều 21 Hiệp định Giơnevơ và những cam kết ở Hội nghị Trung Giã về việc cải thiện chế độ tù binh, tù chiến tranh và trao trả toàn bộ tù nhân Côn Đảo về cho Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Gilô nhận đơn và khiển

trách tên quan ba bác sĩ phụ trách nhà thương cùng tên quan hai Gácđét, Trưởng Trại tù binh.

Tối 30-7-1954, theo sự chỉ đạo của Đảo ủy, toàn đảo tổ chức lễ phát động tranh đấu, đọc mệnh lệnh của Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Côn Đảo. Sáng 31-7-1954, đại diện các khám tù nhất loạt đưa đơn, tuyên bố không ra điểm danh, không đi lao động khổ sai. Đồng chí Trịnh Văn Hà, Tổng đại diện tù án đã gửi hai lá đơn cho Bộ tư lệnh Pháp và Ủy hội quốc tế, yêu cầu xóa bỏ toàn bộ án tiết; nhìn nhận là tù chiến tranh; thực hiện đúng quy chế tù chiến tranh. Kèm theo đó là bức thư gửi Giám đốc nhà tù Côn Đảo trình bày rõ nội dung và hình thức tranh đấu của tù nhân. Giám đốc Côn Đảo không trả lời; phải đợi ý kiến của Sài Gòn.

Ngày 2-8-1954, không một ai đi làm. Giám đốc nhà tù ra lệnh phạt tất cả theo chế độ xà lim, nghĩa là chỉ cấp 500 gr gạo mỗi người, mỗi ngày, ăn cơm nhạt, uống nước lã và cấm cố, không được ra sân chơi, tắm rửa.

Ở Sở rẫy Chuồng Bò, chúng nhốt tới 118 người trong một khám. Tuyên bố của Giám đốc Blăng về số phận tù tư pháp (thường phạm) không có gì thay đổi làm cho tù tư pháp hoang mang. Trước sự dọa dẫm, cưỡng phạt của Blăng, 46 tù tư pháp ở các Sở Lò Vôi, Sở rẫy An Hải đã nhảy ra đi làm. Địch bóp nghẹt đời sống, kiểm soát gắt gao để chặn đứng mọi thông tin. Thường vụ Đảo ủy ra chỉ thị khẳng định quyết tâm đến cùng để hủy bỏ hết án tiết, buộc địch công nhận tất cả là tù chiến tranh, nêu thêm khẩu hiệu trao trả toàn bộ tù nhân Côn Đảo về cho Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 14-8-1954, tại Ủy ban liên hợp 2 bên, đại diện Bộ Tổng tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam và đại diện Bộ Tổng tư lệnh quân đội Liên hiệp Pháp ở Đông Dương đã ký kết quy ước phóng thích và trao trả tù binh, tù chiến tranh, nội dung chính gồm các điểm:

- Hai bên thông báo cho nhau ngay số lượng tổng quát tù binh và thường dân mà mình giam giữ.

- Người bị bắt ở chiến trường nào thì trao trả ở chiến trường đó.

- Cam kết trao cho nhau danh sách toàn bộ tù binh và thường dân mỗi bên giam giữ, chậm nhất là vào ngày 20-8-1954.

- Sau khi trao đổi danh sách, sẽ bắt đầu tiến hành trao trả.

Ngày 16-8-1954, giám đốc trả lại sinh hoạt bình thường cho tù nhân sau 2 tuần phạt vô lý. Giám đốc cũng cho Sở Kho Bạc lập danh sách những người từng bị câu lưu tại các trại PG (Prison de Guerre) và PIM (Prison Inténé Militaire) và những người bị xử tại các tòa án Pháp, những người án tiết có dính dáng ít nhiều đến hoạt động kháng chiến.

Thời ăn cướp và kết án bậy của thực dân Pháp ở Việt Nam đã vĩnh viễn qua đi. Nhân dân Việt Nam đã nói lời cuối cùng với chủ nghĩa thực dân Pháp bằng chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy, bằng Hiệp định Giơnevơ chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Giờ đây, những người tù Côn Đảo cũng nói lời cuối cùng với chúng bằng cuộc đấu tranh quy mô nhất trên toàn đảo để hủy bỏ toàn bộ những bản án phi pháp của chúng. Ngày 20-8-1954, 512 tù binh quê ở Bắc Bộ

và Trung Bộ đã xuống tàu về trao trả. Đảo ủy và Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Côn Đảo đã giao cho đoàn tù binh 3 nhiệm vụ:

1. Trình bày về cuộc tranh đấu của tù nhân Côn Đảo với Chính phủ, với Ủy hội Trung lập Quốc tế để yêu cầu Bộ Tổng tư lệnh Pháp gấp rút giải quyết.
2. Tố cáo những hành vi dã man của thống trị Côn Đảo để chặn đứng sự tàn bạo của chúng.
3. Vận động ủng hộ cuộc đấu tranh tại Côn Đảo.

Trước khi rời đảo, đại diện đoàn tù binh đã đến viếng mộ Lê Hồng Phong, Võ Thị Sáu, Nguyễn An Ninh và các liệt sĩ ở Nghĩa trang Hàng Dương.

Tàu đến địa phận miền Trung vào ngày 22-8-1954. Một tù nhân cao hứng treo ngay lá cờ đỏ sao vàng phía lái tàu. Tàu tuần viễn Vulcain số 656 của Pháp phát hiện ra cờ Việt Minh treo trên tàu Taurus nên chúng đã dọa bắn đại bác nếu không dừng lại. Tên thuyền trưởng tàu Taurus đã dừng tàu, hạ cờ, giam tất cả tù nhân xuống hầm tàu rồi mới tiếp tục hải trình.

Ngay dưới hầm tàu, theo sự chỉ đạo của đồng chí Hồng Vũ, Thường vụ Đảo ủy, đồng chí Vũ Hạnh đã thảo ngay một lá đơn gửi Ủy ban Quốc tế và Ủy ban Liên hợp Pháp - Việt tố cáo sự đày ải đoàn tù trên đường về; yêu cầu Ủy ban can thiệp thả ngay 81 tù binh còn bị giam ở Banh III và 1.659 tù án ở Banh II. Đơn viết bằng tiếng Việt, kèm một bản sao tiếng Pháp và một bản sao tiếng Anh, trao cho đại diện Ủy ban Liên hợp quân sự 2 bên và Ủy ban quốc tế ngay khu làm thủ tục trao trả tại Sầm Sơn (Thanh Hóa). Đoàn tù đã cởi hết quần áo nhà tù Pháp, ném trả cho chúng rồi giương cao biểu ngữ, ảnh

Bác, cờ đỏ sao vàng bước lên đất liền trong sự chào đón của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

2. TIẾP TỤC GIAI ĐOẠN II CUỘC ĐẤU TRANH

Ở Côn Đảo, sau khi tù binh xuống tàu, trong số tù án có người lo ngại, cho rằng lực lượng đấu tranh yếu đi, nhà tù dễ dàng đàn áp. Tù tư pháp thì tuyệt vọng vì không có khả năng được giải quyết. Đảo ủy kiên quyết duy trì cuộc đấu tranh cho đến toàn thắng.

Ngày 21-8-1954, tàu Edmond Papin chở hàng tiếp tế đến Côn Đảo. Giám đốc đưa 70 lính và gần hai chục gácdang vào Banh II bắt tù nhân đi dọn tàu. Tù nhân Sở Lưới kiên quyết không đi. Địch bắn 18 quả lựu đạn cay, phun nước rồi xông vào đánh đập dã man. Tất cả 68 tù nhân Sở Lưới đều bị thương tích, 30 người bị thương nặng, 3 người bị nguy kịch đến tính mạng. Khám 4 cũng bị bắn 4 trái lựu đạn cay. Khu biệt lập bị đàn áp nặng vì có Tổng đại diện tù án ở đó, địch xem là Khu đầu não chỉ đạo đấu tranh. Các khám khác cũng bị đàn áp nặng để cưỡng bức nhân công.

Ngay trong đợt đấu tranh, Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Côn Đảo đã cấp giấy khen cho hàng chục người có thành tích xuất sắc. Giấy khen cấp cho ông Đặng Văn Chuyết, khu Bắc Sơn, do Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Côn Đảo Trần Quốc Minh ký ngày 10-8-1954 đã xác nhận thành tích "tận tụy công tác, xung phong gương mẫu, tinh thần vững vàng trong suốt cuộc đấu tranh". Nhiều anh em làm công tác liên lạc văn thư, trật tự, xã hội và Ban Chấp hành tù nhân ở các khu cũng được khen thưởng. Đồng chí Trần Đình Việt (tự Cao Văn Tám), Toán trưởng Liên lạc được Đảo

ủy chuẩn y kết nạp Đảng ngày 19-8-1954 và tuyên bố chính thức ngay hôm đó.

Ngày 23-8-1954, lấy cớ hết củi, bọn chúa ngục không cho ăn cơm mà phát cho mỗi tù nhân 500gr gạo sống. Tình hình rất căng, tù nhân kiên quyết đình công đến cùng để đòi giải quyết yêu sách. Riêng việc làm củi và dọn tàu, Đảo ủy đồng ý là nếu nhà tù muốn làm thì phải điều đình với Tổng đại diện của tù nhân. Blăng không thừa nhận và không điều đình với tổng đại diện. Tình hình này kéo dài sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của toàn bộ Côn Đảo, kể cả gác ngục, binh lính, công chức và tù nhân. Từ ngày 28-8-1954, chúng bỏ đói toàn đảo.

Tình hình khá căng thẳng cho cả hai phía, sau cùng, hai bên đều đi đến nhượng bộ, thỏa thuận chỉ định 5 tù nhân làm thư ký ở Văn phòng giám thị trưởng và Kho Bạc làm trung gian cho cuộc thương lượng giữa giám đốc và tù nhân. Kết quả là phía tù nhân đồng ý cho Sở Củi đi làm củi. Người khỏe đi làm, người yếu nghỉ, làm tùy sức. Khu Hoàng Sâm (dọn tàu) cũng được phép đi làm tàu khi có tàu ra, dọn hết hàng lại tiếp tục đình công. Phía nhà tù cam kết cho ăn uống và ra sân chơi trở lại; cho người ra ngoài trại lấy rau cải thiện, cho mua hàng, trả lại thư từ, bưu kiện mà chúng còn giữ.

Ngày 30-8-1954, thực dân Pháp đưa 81 tù binh quê ở Nam Bộ về Sài Gòn trao trả. Còn tù án thì chúng chưa công nhận là tù chiến tranh, chưa nói đến việc trao trả. Đảo ủy đã quyết định đưa cuộc đấu tranh đến mức cao hơn là tuyệt thực. Trong một cuộc đấu tranh dài ngày, sức khỏe và tinh thần anh em đã mệt mỏi nên Đảo ủy chỉ

đạo các khám thay phiên nhau, lần lượt tuyệt thực để đủ sức kéo dài thời gian tranh đấu.

Ngày 4-9-1954, ta đã hoàn tất việc trao trả tù binh cho Pháp ở Việt Trì và Nam Bộ, rút ngắn thời gian trao trả ở Nam Bộ trước hạn định 7 ngày. Ta đã trao cho Pháp tổng số hơn 12.000 tù binh và tù chiến tranh, trong đó có 9.247 lính Âu Phi, 1 tướng, 55 tá, 530 cấp úy. Trong khi đó, Pháp chưa trả hết tù chính trị của ta ở Chí Hòa, chưa trả người tù chính trị nào ở Côn Đảo.

Chiều ngày 9-9-1954, Chúa đảo Blăng mới tuyên bố là quan thầy hắn đã chấp nhận yêu sách của tù nhân, công nhận là tù chiến tranh và trao trả cho Chính phủ Hồ Chí Minh. Đại diện Bộ Tổng tư lệnh các lực lượng Liên hiệp Pháp đã trao cho đại diện Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam bản danh sách 1.092 tù chính trị ở Côn Đảo sắp trao trả. Cuộc tổng đình công kết hợp với bãi thực ở Côn Đảo kết thúc thắng lợi, sau 40 ngày tranh đấu.

Đây là cuộc đấu tranh dài ngày nhất, quy mô nhất và tổ chức chặt chẽ nhất của toàn thể tù nhân Côn Đảo. Để có được phút giây thắng lợi này, những người tù kháng chiến phải trải qua 9 năm trường kỳ tranh đấu, bất chấp các hình phạt tàn khốc, kể cả cái chết. Tổng kết cuộc tranh đấu, từ ngày 12 đến 25-9-1954, Đảo ủy đã chuẩn y đơn xin vào Đảng của 16 người có thành tích xuất sắc trong cuộc đấu tranh 40 ngày. Trong không khí thắng lợi, tù kháng chiến đã trồng cột cờ trong sân Banh II, buổi sáng ra tập hợp, chào cờ và mở phòng thông tin triển lãm của tù nhân Côn Đảo. Lá cờ đỏ sao vàng của Tổ quốc ngạo nghễ tung bay trên hòn đảo chưa hết ngục tù và chưa hết quân xâm lược.

Quan tư Blăng cho lính đến áp đảo, bắt Tổng đại diện Trịnh Văn Hà và buộc tù nhân phải hạ cờ. Tù nhân Banh II kiên quyết không hạ cờ và đấu tranh bằng hình thức ngồi ngoài sân, không chịu vào khám cho đến khi chúng trả Tổng đại diện mới kết thúc.

Những người tù chính trị có tên trong danh sách trao trả được tập trung về Banh I. Trước đó, họ được phát quần áo nhà binh, được cử đại biểu đi viếng mộ liệt sĩ tại Hàng Dương. Chiều 26-9-1954, hơn một ngàn tù chính trị đã xuống tàu về đất liền, 11 tù nhân người Khơme và 4 tù chính trị người Lào được đưa về Sài Gòn, còn lại tất cả được đưa về Sầm Sơn, Thanh Hóa.

Ban Lãnh đạo đoàn tù án trên đường về trao trả có các đồng chí: Đỗ Hoàng Trừ (quyền Bí thư Đảo ủy), Trần Công Hiệu, Lê Khắc Thành, Trần Khắc Du (tức Nguyễn Ngọc Cảnh). Đồng chí Trịnh Văn Hà là Tổng đại diện, Lê Văn Thống, Phó Tổng đại diện, Nguyễn Trí Tuệ, Trưởng Ban An ninh trật tự, Hoàng Phúc là Phó ban.

Biết tin tàu Sơn Tây chở tù nhân về Sầm Sơn trao trả, sau đó sẽ ra Hải Phòng chở dân di cư vào Nam, Ban Chấp hành Liên đoàn tù nhân đã tổ chức viết hàng trăm truyền đơn tố cáo chế độ thực dân Pháp, kêu gọi đồng bào đừng để chúng lừa bịp, hãy tin tưởng ở Chính phủ Hồ Chí Minh, tích cực đấu tranh cho thống nhất nước nhà. Truyền đơn được để vào chỗ dễ thấy ở ghế và sàn tàu. Một số thủy thủ tàu Sơn Tây cũng nhận giữ và chuyển giao cho đồng bào di cư.

Sáng 1-10-1954, tàu vào cửa sông Chu (Thanh Hóa), Ban Chỉ huy của tù nhân đã chuẩn bị sẵn cờ, ảnh Bác Hồ, khẩu hiệu cách mạng. Theo kế hoạch đã chỉ đạo, khi

xà lan cập bờ, hạ bửng thì đoàn tù sẽ lột hết quần áo tù trả lại, trương cờ, khẩu hiệu và ảnh Bác Hồ đi lên bờ.

Tàu vào gần bờ thì đã thấy hai bên bờ sông, từng đoàn thuyền, rừng người, rừng cờ và biểu ngữ của nhân dân Thanh Hóa đón chờ những người con ưu tú của Tổ quốc. Trong phút xúc động bột phát, một số tù nhân đã tung cờ, khẩu hiệu và ảnh Bác Hồ ngay trên xà lan khi chưa cập bến. Như một phản ứng dây chuyền, chỉ vài phút sau trên boong tàu cũng rợp cờ, khẩu hiệu và ảnh Bác.

Tên Trung úy Thuyền trưởng yêu cầu Tổng đại diện tù nhân phải cho hạ tất cả cờ đỏ sao vàng xuống, nếu không hắn sẽ cho tàu quay ra biển, không trao trả nữa. Tù nhân không hạ cờ, Thuyền trưởng cho tàu dừng lại và từ từ lùi ra. Đảo ủy hội ý rồi ra lệnh cho anh em, ai biết bơi thì nhảy xuống biển, bơi vào bờ. Nhiều người nhảy ào xuống biển, tiếng hò la phản đối náo động cả boong tàu. Thuyền trưởng phải cho tàu dừng lại và quay mũi vào bờ. Trong khi đó, thuyền của nhân dân Thanh Hóa đã lao ra vớt những người dưới biển. Có người đã ngất ngay trên thuyền. Các đồng chí Tính, Phụng, Cá đã chìm hẳn trên dòng sông Chu.

Tàu vừa cặp bờ, đoàn tù chính trị cởi bỏ tất cả quần áo mà chúng mới phát, quăng xuống biển trước khi bước chân lên đất mẹ.

Các đồng chí trong Đảo ủy đem theo cả con dấu và danh sách các đảng viên, có nhận xét chi tiết trong thời kỳ sinh hoạt tại đảo và giấy giới thiệu để giới thiệu từng người về giao cho Trung ương và các Đảng bộ địa phương. Song những cuộc chỉnh đốn tổ chức và cải cách ruộng đất sau đó đã làm gián đoạn ý đồ của Đảo ủy. Một số đánh

giá sai lầm của Trung ương đối với những người tù kháng chiến đã làm cho Đảo ủy Côn Đảo không thực hiện được đầy đủ trách nhiệm đối với cán bộ, đảng viên trong tù.

Chiến thắng Điện Biên Phủ và thắng lợi tiếp theo của Hiệp định Giơnevơ đối với tù binh, tù chính trị Côn Đảo là một bước ngoặt quan trọng. Theo dõi sát tình hình, nhạy bén về chủ trương, chặt chẽ trong tổ chức, lực lượng tù binh, tù chính trị Côn Đảo đã phát động cuộc đấu tranh quy mô nhất (toàn đảo), dài ngày nhất (40 ngày) và giành thắng lợi lớn nhất. Toàn bộ tù binh và một phần lớn tù chính trị đã được trao trả về với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, kể cả rất nhiều người trước đây đã bị kết án phi pháp với các tội danh cướp của, giết người, phá rối trị an...

Đây cũng là một mốc son trong lịch sử đấu tranh cách mạng ở nhà tù Côn Đảo giai đoạn này, tô đậm thêm những "chấn động" lan tỏa từ Điện Biên Phủ.

PHẦN THỨ BA

NHÀ TÙ CÔN ĐẢO DƯỚI THỜI MỸ - NGỤY (1954 - 1975)

ĐẤU TRANH BẢO VỆ KHÍ TIẾT Ở NHÀ TÙ CÔN ĐẢO THỜI CHỐNG MỸ[1]

TÓM TẮT: *Trong bản "Kế hoạch chống chi bộ Nhà lao" do Nha Cải huấn Chính quyền Việt Nam Cộng hòa soạn thảo có đề cập đến 82 hình thức đấu tranh của tù chính trị. Con số ấy thể hiện phần nào tính phong phú, sáng tạo của tù chính trị về hình thức đấu tranh. Tuy nhiên, thực chất chế độ cải huấn thời Mỹ ngụy là vấn đề tố cộng diệt cộng trong tù, là triệt hạ chính trị - tư tưởng của tù chính trị. Vì vậy, đấu tranh chính trị là nội dung cơ bản nhất mà thực chất, như những người tù chính trị thường gọi, là cuộc đấu tranh bảo vệ khí tiết. Chuyên luận này đề cập đến những biến thái sinh động và những cung bậc thăng trầm của cuộc đấu tranh bảo vệ khí tiết ở nhà tù Côn Đảo 1957 - 1975.*

I. NHÀ TÙ CÔN ĐẢO THỜI MỸ - NGỤY

1. Tổ chức hành chánh: Tháng 3-1955, Thiếu tá A.Blanck bàn giao để lao Côn Đảo cho Bạch Văn Bốn, Thiếu tá quân đội Sài Gòn, chấm dứt gần một thế kỷ cai trị của thực dân Pháp[2]. Ngày 24-10-1956, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa ban hành Sắc lệnh 147-NV thành lập tỉnh Côn Sơn. Thiếu tá Bạch Văn Bốn được cử làm Tỉnh

1 Hội thảo Côn Đảo - 150 năm đấu tranh, xây dựng và phát triển tổ chức tại Vũng Tàu tháng 8-2012.

2 Nửa năm sau, chức Giám đốc nhà tù về tay Trần Văn Thiều. Ngày 6-5-1956, ngụy quyền Sài Gòn đưa Đại úy bảo an Hồ Chí Thiện ra nhận chức Giám đốc quần đảo và đề lao Côn Đảo, kiêm Chỉ huy trưởng Liên đội Bảo an.

trưởng của "tỉnh tù". Tỉnh không có quận, huyện, phường, xã, không có cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội, chỉ có tù nhân và bộ máy trị tù. Tháng 4-1965, ngụy quyền Sài Gòn ra Sắc lệnh 75-NV, bãi bỏ tỉnh Côn Sơn, thiết lập một Cơ sở hành chính trực thuộc Trung ương, đứng đầu là một sĩ quan quân đội với chức danh Đặc phái viên hành chánh kiêm Quản đốc Trung tâm Cải huấn Côn Sơn. Từ tháng 3-1955 đến tháng 4-1975, có 14 đời chúa đảo cai trị.

2. Hệ thống trại giam: Nhà tù thời Pháp có 3 trại giam chính: Trại I, Trại II, Trại III và nhiều Trại phụ. Riêng Trại III có một Trại chính, một Trại phụ và 2 dãy biệt lập (còn gọi là Chuồng Cọp Pháp). Trại III chính được sửa chữa và sử dụng vào tháng 7-1959, mang tên Trại IV[1]. Trại V được xây dựng từ năm 1962, cùng kiểu cấu trúc như 4 trại trước. Trại VI, Trại VII và Trại VIII được Mỹ chi tiền, thiết kế và thầu xây cất. Ba trại này được xây dựng vào năm 1968, hoàn thành cơ bản vào năm 1970 - 1971. Trại IX và Trại X đã được đổ móng, đúc cột, xây vài bức tường rồi bỏ dở sau Hiệp định Paris 1973.[2]

3. Số lượng tù nhân: tính đến ngày 26-12-1956, số tù tư pháp từ thời Pháp chuyển giao còn lại 674 người. Tháng 1-1957, ngụy quyền Sài Gòn thanh lọc tù chính

1 Trại là tên gọi chính thức của nhà tù. Trong các báo cáo của tù chính trị gửi về đất liền thường gọi là Lao. Năm 1960, ngụy quyền đặt lại tên các trại: Trại I là Trại Cộng Hòa, Trại II là Trại Nhân Vị, Trại III và Trại IV là Trại Bác Ái và chi nhánh Trại Bác Ái. Năm 1964, các trại lại mang tên theo số hiệu: Trại I, Trại II, Trại III, Trại IV... Ngày 1-11-1974, ngụy quyền Sài Gòn cải tên Đặc khu hành chánh Côn Sơn thành thị xã Phú Hải, đặt trực thuộc tỉnh Gia Định và đổi tên: Trại I thành Trại Phú Thọ; Trại II thành Trại Phú Sơn; Trại IV thành Trại Phú Tường; Trại V thành Trại Phú Phong; Trại VI thành Trại Phú An; Trại VII thành Trại Phú Bình; Trại VIII thành Trại Phú Hưng.

2 Ngoài các trại giam chính cố còn có nhiều trại giam phụ, được xây dựng bán kiên cố ở Sở Lưới, Công Xưởng, Nhà Đèn, Lò Than, Lò Vôi, Chuồng Bò. Một số cơ sở khác có trại dựng bằng gỗ lá như Sở ruộng Quang Trung, Lò Gạch, Sở rẫy An Hải, Sở Muối, Cô Ông, Bến Đầm, Sở Chăn nuôi...

trị ở các nhà tù trong đất liền đày ra Côn Đảo, tù không có án tiết, được gọi là tù chính trị câu lưu (câu thúc, lưu giữ, giam giữ). Tháng 12-1959, số tù câu lưu tăng lên mức cao nhất là 4.061 người rồi giảm dần từ năm 1960, do chuyển về đất liền và trả tự do, đến tháng 7-1963 chỉ còn lại 519 người. Trong khi đó thì tù án ngày càng tăng lên, cuối năm 1960, số lượng tù án là 2.415 người. Tháng 7-1963 là 3.355 người. Số lượng tù nhân thời chống Mỹ lúc cao nhất xấp xỉ 10.000 người vào năm 1972.[1] Sau Hiệp định Paris (1973), chính quyền Sài Gòn trao trả 5.081 nhân viên dân sự, trong đó có 4.075 người ở nhà tù Côn Đảo. Trước ngày giải phóng (30-4-1975), Côn Đảo có 7.448 tù nhân, trong đó 4.234 là tù chính trị (có 494 phụ nữ) và 3.214 là tù thường phạm, quân phạm.

4. Phân loại tù nhân: trước hết, tù nhân được phân loại theo án tiết thành tù có án và tù không án (câu lưu). Tù có án còn được phân theo loại án (án tù giam, án khổ sai hữu hạn, khổ sai chung thân, tử hình) và phân theo màu sắc chính trị (Chính trị cộng sản, Chính trị quốc gia, Thường án, Quân phạm thường án, Quân phạm chính trị). Những đặc điểm phân loại được cụ thể hóa bằng màu sắc, kí hiệu, số hiệu ghi trên thẻ bài của mỗi tù nhân để chúng dễ kiểm soát.[2] Sự phân biệt giữa tù án và tù câu lưu chỉ là tương đối. Tù câu lưu theo luật, bị câu lưu tối đa là 2 năm, song chúng có thể gia hạn nhiều lần, hoặc bị truy tố ra tòa vì bất cứ tội gì mà chúng muốn gán

1 Tháng 7-1972, Côn Đảo có 9.667 tù nhân, trong đó: tù án: 4237 (4 nữ); câu lưu: 2.924 (313 nữ); nghi can: 1.226. Số nghi can (1.226) phần đông là thường dân ở Quảng Trị-Thừa Thiên vừa bị địch bắt trong các cuộc hành quân mùa hè năm 1972. Ngoài ra có 53 trẻ em từ 1 đến 9 tháng tuổi bị bắt theo mẹ.

2 Có 5 loại thẻ bài tương ứng với 5 loại án tù: vàng ròng là thường án; xanh vàng là quân phạm thường án; xanh đỏ là quân phạm chính trị; vàng đỏ là chính trị quốc gia; đỏ ròng là chính trị cộng sản.

ghép.[1] Tù án cũng có thể bị chuyển thành câu lưu ngay khi mãn án. Dưới thời Mỹ - ngụy, vấn đề *khí tiết hệ trọng hơn án tiết*. Người mang án tử hình vẫn có thể giảm xuống chung thân, dưới mức chung thân và trả tự do trước mỗi biến động chính trị. Ngược lại, nhiều người bị câu lưu cho đến chết (như án tử hình), bị câu lưu suốt đời (như án chung thân) vì chống ly khai, chống chào cờ ngụy, chống nội quy nhà tù, giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cách mạng.

5. Thủ đoạn cai trị: Tiếp tục thủ đoạn và các cơ sở lao động khổ sai do thực dân Pháp để lại, ngụy quyền Côn Đảo bóc lột lao động khổ sai của tù nhân, lấy tù nuôi tù, xây dựng trại giam, sân bay và các công trình trên đảo. Dù bị hành hạ, chế độ khổ sai vẫn dễ chịu hơn là cấm cố. Âm mưu sâu xa của địch trong việc bóc lột khổ sai nhằm phân hóa và cải huấn tù chính trị. Thực chất của chế độ cải huấn là tố cộng trong tù. Việc phân loại tù nhân, áp dụng các chế độ giam giữ, chế độ kỉ luật, cưỡng bức khổ sai, đàn áp và khủng bố nhằm mục đích đày đọa, làm kiệt quệ về thể xác, mòn mỏi về tinh thần, triệt hạ khí tiết cách mạng, biến người tù chính trị thành kẻ phản bội, trở thành tay sai cho chúng. Không làm được như vậy, chúng đánh đập, đày ải đến tàn phế, để khi mãn hạn tù, họ sẽ thành kẻ tật nguyền, không còn khả năng hoạt động. Các thủ đoạn cơ bản của Mỹ - ngụy đều nhằm mục đích triệt hạ khí tiết của tù chính trị, vì vậy, nội dung cơ bản của phong trào đấu tranh trong tù là đấu tranh bảo vệ khí tiết, với những hình thức, mức độ khác nhau ở mỗi trại tù.

---

1 Năm 1973, thực hiện âm mưu ém giấu tù chính trị, không trao trả theo Hiệp định, ngụy quyền Sài Gòn đã đưa "Tòa án Quân sự Mặt trận Quân khu III" ra Côn Đảo xử một cách phi pháp hàng ngàn tù chính trị với các án "gian nhân hiệp đảng", "giữ vũ khí bất hợp pháp", "ám sát", "bắt cóc"...

II. TÙ CHÍNH TRỊ CÂU LƯU ĐẤU TRANH CHỐNG LY KHAI CỘNG SẢN VÀ CHỐNG HỌC TỐ CỘNG THỜI KỲ 1957 - 1964

1. Tù chính trị câu lưu đấu tranh chống ly khai Đảng Cộng sản: Từ tháng 5-1957, địch tiến hành cưỡng bức ly khai Đảng Cộng sản đối với tù chính trị câu lưu. Những người chống ly khai bị giam tại Trại I, chúng gọi là "Trại Cộng sản". Trên 1.000 tù chính trị câu lưu Trại I đã kiên cường đấu tranh chống ly khai Đảng Cộng sản, chống hô khẩu hiệu xúc phạm Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hàng trăm người đã hy sinh anh dũng, còn lại 59 người kiên cường chống ly khai, địch đưa về Chuồng Cọp và khủng bố vô cùng man rợ (4-1960). Tháng 3-1961, lực lượng chống ly khai chỉ còn 17 người. Địch tập trung những tên ác ôn nhất để đàn áp, dụ dỗ và cưỡng bức. Từng người đã viết bản xác định lập trường, cam kết thà chết không ly khai cộng sản, không đả đảo lãnh tụ Hồ Chí Minh, không từ bỏ con đường đấu tranh vì độc lập tự do và thống nhất Tổ quốc. Địch đàn áp khốc liệt, đánh chết tại chỗ 7 người,[1] tàn phế 3 người và tiếp tục đày ải, hành hạ cao hơn đối với 7 người còn lại. Hai anh Trần Trung Tín và Lưu Chí Hiếu đã tuyệt thực đến chết để phản đối hành động khủng bố man rợ và ngăn chặn bàn tay khát máu của kẻ thù. Năm chiến sĩ còn lại tiếp tục giương cao ngọn cờ chống ly khai cho đến ngày toàn thắng, kẻ thù phải chịu thua và trả tự do cho các anh sau ngày Ngô Đình Diệm bị lật đổ, đó là: Nguyễn Đức Thuận, Phan Trọng Bình, Phạm Quốc Sắc, Nguyễn Minh và Lê Văn Một,

1 Trong số đó có ông Cao Văn Ngọc đã được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân.

được tập thể tù chính trị Côn Đảo tôn vinh là **"Năm ngôi sao sáng"** và nêu gương học tập trong tù.[1]

2. Tù chính trị câu lưu đấu tranh chống học tố cộng: Những người chấp nhận ly khai bị đưa về Trại II, gọi là "Trại Quốc gia", buộc phải học tố cộng, chào cờ "quốc gia", hô khẩu hiệu phản động, ký kiến nghị phản động, nhằm triệt hạ khí tiết, biến người tù chính trị thành kẻ phản bội, làm tay sai cho chúng. Tuy vậy, chỉ có một số ít tù chính trị thuộc loại khuất phục, đầu hàng, còn đại bộ phận tù chính trị chấp nhận ở lại Trại II là do sức chịu đựng yếu và có những quan điểm khác nhau về mức độ và phương pháp đấu tranh. Trình độ giác ngộ và tinh thần chiến đấu của mỗi người đều có sự khác biệt, bởi thế, trước những thủ đoạn khủng bố ác liệt của kẻ thù, sự phân hóa về quan điểm đấu tranh trong lực lượng tù chính trị là không tránh khỏi. Thực tiễn tranh đấu trong tù không loại trừ hình thức, mức độ đấu tranh nào, không loại trừ việc tập hợp lực lượng rộng rãi, kể cả những người chỉ đủ sức tham gia những hình thức đấu tranh ở những mức độ khác nhau.

Ngày 7-7-1957, đợt chống kí kiến nghị ủng hộ Ngô Đình Diệm có 442 tù chính trị câu lưu Trại II tham gia.[2] Đợt thứ 2, ngày 6-6-1958, có 908 tù chính trị câu lưu Trại

1 Lưu Chí Hiếu, Nguyễn Đức Thuận, Phạm Quốc Sắc, Nguyễn Minh và Lê Văn Một đã được truy tặng và phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân.

2 Theo Báo cáo ngày 29-7-1957 của Quản đốc Bùi Văn Năm, có 422 trong tổng số 1.375 tù nhân chống kiến nghị. Đây là cuộc đấu tranh chính trị đầu tiên của tù chính trị Trại II. Đợt chống kiến nghị phản động khẳng định rằng một bộ phận tù chính trị ở Trại II đã xác lập cuộc đấu tranh bảo vệ khí tiết với hình thức, mức độ và trình độ nhận thức của họ lúc đó.

II chống kí kiến nghị phản động.[1] Hai đợt chống kiến nghị ngày 7-7-1957 và ngày 6-6-1958 đã khởi đầu cuộc đấu tranh vươn lên bảo vệ khí tiết của tù chính trị Trại II.[2] Ngày 15-7-1959, địch chuyển toàn bộ tù chính trị Trại I đưa về giam tại Trại III, Trại IV và Chuồng Cọp. Tháng 1-1960, 40 tù chính trị bị bắt trong vụ bể bạc "Đảng ủy Trại II" bị biệt giam Chuồng Cọp. Tháng 2-1960, địch thanh lọc 285 tù chính trị Trại II đã tham gia 3 đợt chống kí kiến nghị về giam tại Trại III, áp dụng chế độ khủng bố giống như tù chính trị chống ly khai. Đến thời điểm này, một bộ phận tù chính trị Trại II đã vươn lên sát cánh cùng Trại I trong cuộc đấu tranh bảo vệ khí tiết.

Tháng 4-1960, chính quyền Sài Gòn mở một chiến dịch quy mô, do Thiếu tướng Mai Hữu Xuân cầm đầu, đưa một lực lượng chống cộng dày dạn kinh nghiệm từ Sài Gòn ra đánh phá, đánh rã hơn 1.000 tù chính trị câu lưu, kể cả số tù chính trị câu lưu chống ly khai cộng sản (Trại I) và 285 tù chính trị câu lưu chống ký kiến nghị phản động ở Trại II trước đó[3] chỉ còn lại 59 người kiên cường nhất, giữ vững vị trí bảo vệ khí tiết, đậu được trong chiến dịch này bị đưa về Chuồng Cọp.[4] Kết thúc

1 Địch tăng cường khủng bố, cưỡng ép được 232 người chịu ký. Phúc trình không số của công an biệt phái Nguyễn Văn Hòa ngày 6-6-1958 đã xếp những người này vào diện kém tinh thần ký kiến nghị. Tất cả bị biệt giam, cấm cố trong các phòng 1, 2, 3. Một thời gian sau, 352 người không chịu nổi cảnh cấm cố phải xin ra, còn 324 người, kiên quyết chống bản kiến nghị phản động. Cũng trong bản phúc trình nói trên, địch phát hiện số can cứu không ký kiến nghị ngày 7-7-1957 và ngày 6-6-1958 "*hầu hết là người miền Trung, họ có tổ chức kết cấu từ tỉnh để tranh đấu mọi hình thức khi cần thiết*".

2 Ngày 26-10-1959, tù chính trị câu lưu Trại II tiếp tục đấu tranh chống ký kiến nghị phản động lần thứ ba.

3 59 người quyết tử chống ly khai cộng sản tiếp tục cuộc chiến đấu cho đến khi còn lại 5 người toàn thắng, được tôn vinh là Năm Anh - 5 ngôi sao sáng.

4 59 người quyết tử chống ly khai cộng sản tiếp tục cuộc chiến đấu cho đến khi còn lại 5 người toàn thắng, được tôn vinh là Năm Anh - 5 ngôi sao sáng.

chiến dịch, địch xóa sổ cả "Trại Cộng sản" và "Trại Quốc gia", thiết lập Trung tâm Cải huấn I gồm các trại: Nhân Vị (Trại II cũ), Bác Ái (Trại III - IV cũ) và chi nhánh ở Cỏ Ống, Bến Đầm, Sở ruộng Quang Trung.

Thấm thía thất bại đau xót, thấm thía nỗi cay đắng tủi nhục khi bị khuất phục, những người có trách nhiệm đã nung nấu ý chí vươn lên khôi phục lại vị trí đấu tranh bảo vệ khí tiết. Các anh Lương Chi (Lương Thạnh), Đặng Ngọc Cảnh, Nguyễn Hào (Nguyễn Thành), Nguyễn Ngọc Cao (Trần Văn Cao), Nguyễn Văn Nghĩa, Phan Xuân Nhị (tự Bình), cùng những người có trách nhiệm ở Trại I vừa bị đánh rã đã tập hợp lại lực lượng, bàn phương án đấu tranh vươn lên, khôi phục lại vị trí bảo vệ khí tiết của Trại I - Trại Cộng sản, từng bước chống học tố cộng, chống ký kiến nghị phản động, chống chào sĩ quan, chống khổ sai nặng nhọc, chống hô khẩu hiệu phản động để khi có thời cơ, vươn lên đấu tranh chống chào cờ ngụy và chống toàn bộ nội quy nhà tù, kiến tạo lại vị trí bảo vệ khí tiết.

3. Chi bộ Lê Hồng Phong và cuộc đấu tranh vươn lên: Từ tháng 8-1962, lực lượng tù chính trị câu lưu bước vào thời kỳ đấu tranh vươn lên khôi phục toàn bộ khí tiết. Anh Lương Chi quê Quảng Ngãi, nguyên là cán bộ tỉnh Plâyku được tập thể tín nhiệm trong cương vị lãnh đạo chung. Anh Đỗ Hằng (ở Plâyku) được cử cùng Trần Thám (ở Bình Định) và một số người có trách nhiệm soạn thảo tài liệu **Vươn lên khôi phục toàn bộ khí tiết**, mục tiêu đấu tranh là **Toàn bộ khí tiết**, nghĩa là không chỉ chống chào cờ ngụy, chống khẩu hiệu phản động nữa mà chống mọi thủ đoạn cưỡng bức tư tưởng tù chính trị. Ngày 1-5-1963, tại phòng 4, Trại IV, chi bộ

mang tên Lê Hồng Phong được thành lập, gồm: Lương Chi - Bí thư, Đặng Ngọc Cảnh - Phó Bí thư phụ trách tổ chức; Đỗ Hằng - Đảng viên phụ trách tuyên huấn; Hoàng Phùng - Đảng viên, đại diện đấu tranh; các đảng viên Trần Thám, Nguyễn Quýnh, Nguyễn Hài được phân công phụ trách từng bộ phận.[1] Chi bộ đề ra ba nhiệm vụ trước mắt: (1) *Củng cố nòng cốt ở các phòng giam, các kíp tù; (2) Tiếp tục đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ; (3) Chuẩn bị thực lực khi có điều kiện sẽ chống chào cờ.*

Sáng 2-11-1963, được tin giới quân sự ở Sài Gòn làm đảo chính, Chi bộ Lê Hồng Phong đã phát động cuộc đấu tranh chống hô khẩu hiệu phản động. Các anh Lê Quang Ba, Phạm Minh Sáu, Nguyễn Văn Sâm (tức Lê Thành Tâm) đứng ra tuyên bố không ủng hộ bất cứ tổ chức nào của chế độ Sài Gòn. Ba anh bị biệt giam Chuồng Cọp. Khi đó có 13 người khác, trong đó có những đảng viên của Chi bộ Lê Hồng Phong[2] bị địch biệt giam ở Chuồng Cọp, tất cả 16 anh đã tuyên bố chống chào cờ theo chủ trương của Chi bộ Lê Hồng Phong. Những ngày tiếp theo, địch đưa thêm 22 người nữa vào biệt giam. Các phòng còn lại đều bị cấm cố, bớt cơm, bớt nước uống, không cho tắm giặt (trừ phòng Nhà bếp). Gần một tháng bị cấm cố, các phòng trao đổi và quyết định đấu tranh bằng hình thức tuyệt thực vào ngày 22-12-1963, đòi được tự do tư tưởng và giải quyết các yêu sách dân sinh dân

1 Chi bộ Lê Hồng Phong chỉ phân công Bí thư, Phó Bí thư và các đảng viên phụ trách từng mặt công tác hay phụ trách từng khối tù chính trị mà không cử ra cấp ủy. Tháng 10-1963, Chi bộ tập hợp thêm Nguyễn Thiện, Nguyễn Văn Chấn, Bùi Dục (Bùi Dừa). Ngày 6-1-1964, Chi bộ kết nạp Lê Quang Ba, một đoàn viên thanh niên lao động tiêu biểu trong tranh đấu.

2 Như: Lương Chi, Đặng Ngọc Cảnh, Nguyễn Hài, Nguyễn Xuân Tốn...

chủ.[1] Cuộc tuyệt thực nổ ra đúng vào đỉnh cao của cuộc khủng hoảng chính trị tại Sài Gòn làm cho ngụy quyền Côn Đảo rất hoang mang. Sau 3 ngày tuyệt thực, ngày 25-12-1963, Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Sáu chấp nhận bỏ hô khẩu hiệu lúc chào cờ, và giải quyết các yêu sách, cho tù nhân được tự do tư tưởng, cải thiện đời sống, cho bầu Đại diện và Tổng Đại diện, riêng việc trả tự do và đưa về đất liền phải chờ ý kiến của Sài Gòn. Cuộc đấu tranh giành được thắng lợi, đạt các yêu cầu cơ bản mà chi bộ đã đề ra.[2]

Ngày 20-1-1964, địch lật lọng, bắt tù chính trị câu lưu phải chào cờ ngụy. Tất cả đều nhất loạt phản đối, địch đàn áp, bắt 25 người biệt giam Chuồng Cọp, 38 người bị cấm cố tại phòng 8 và đưa 100 người về cấm cố tại Hầm Đá Trại II và Trại III. Chi bộ Lê Hồng Phong chủ trương dù địch phân tán đi đâu, thực hiện những thủ đoạn khủng bố nào cũng phải kiên định mục tiêu khôi phục toàn bộ khí tiết. Sau 73 ngày đấu tranh quyết liệt, ngày 4-4-1964, địch phải trả toàn bộ tù chính trị câu lưu bị phân tán ở Chuồng Cọp, Hầm Đá Trại II, Trại III về Trại IV và đổi tên Trại IV thành Trại I, với ý nghĩa là Trại Cộng sản trước đây, Trại cứng đầu, không thể khuất phục được, chỉ có thể "xây thêm nhà lao để giam giữ họ suốt đời". Chi bộ Lê Hồng Phong đã hoàn thành nhiệm vụ lãnh đạo lực

1 Các yêu sách gồm: (1) Giải tỏa cấm cố; (2) Tự do tư tưởng, bỏ hô khẩu hiệu, bỏ chào cờ; (3) Trả tự do cho tù chính trị câu lưu, trong lúc chờ đợi phải đưa tất cả về đất liền; (4) Cơm ăn đủ no, có đủ thức ăn, có rau tươi, thịt cá; (5) Đau ốm có thuốc chữa bệnh, được đi bệnh xá; (6) Được bầu Đại diện phòng, Tổng Đại diện trại.

2 Ngày 27-12-1963, lần đầu tiên trong lịch sử nhà tù Côn Đảo, cuộc bầu cử dân chủ, công khai của tù chính trị đã diễn ra tại sân Trại IV, trước sự chứng kiến của Ban Quản đốc nhà tù. Anh Nguyễn Văn Thọ quê Bến Tre được bầu làm Tổng Đại diện. Anh Thọ chuyển bệnh chết đột ngột (14-1-1964), tù chính trị Trại IV đã tổ chức lễ truy điệu trọng thể rồi đưa anh về nơi an nghỉ. Hồ Sĩ Phan (quê Quảng Trị) được tập thể tín nhiệm giữ cương vị Tổng Đại diện.

lượng tù chính trị câu lưu vươn lên đấu tranh khôi phục toàn bộ vị trí bảo vệ khí tiết. Trong những năm tiếp theo, Chi bộ Lê Hồng Phong cùng những cốt cán lãnh đạo của đoàn tù chính trị câu lưu từ nhà lao Thanh Tân Ồ Ồ (Quảng Trị) bị đày trở lại Côn Đảo (5-2-1964) đã lãnh đạo và rèn luyện lực lượng đấu tranh của lực lượng tù chính trị câu lưu từ năm 1964 trong gần 6 năm ròng rã địch phân tán ở Chuồng Cọp để giữ vững vị trí bảo vệ khí tiết. Các thành viên Chi bộ Lê Hồng Phong có vai trò lãnh đạo, rèn luyện lực lượng tù chính trị câu lưu và là hạt nhân hình thành Đảng bộ Lưu Chí Hiếu sau này.

III. TÙ ÁN CHÍNH TRỊ ĐẤU TRANH CHỐNG CHÀO CỜ NGỤY 1965 - 1970

1. Phong trào đấu tranh chống chào cờ ngụy 1965 - 1967 và sáu ngọn cờ đầu: Khi tù chính trị câu lưu khẳng định được vị trí bảo vệ khí tiết, chống ly khai Đảng Cộng sản cũng là lúc tù án chính trị phát khởi cuộc đấu tranh chống chào cờ ngụy. Chào cờ "quốc gia" là nội quy bắt buộc của nhà tù, đồng thời là một thủ đoạn tố cộng. Khi chào cờ, chúng buộc tù nhân phải hô khẩu hiệu phản động: "Ủng hộ Ngô Tổng thống", "Đả đảo Hồ Chí Minh"[1] nhằm triệt hạ khí tiết và bôi vết đen lên phẩm chất những người tù chính trị. Từ cuối năm 1964, tù án chính trị đã đấu tranh chống chào cờ ngụy. Đầu tháng 4-1967, số tù án chống chào cờ tăng lên 180 người. Chúa đảo Nguyễn Văn Vệ quyết định mở đợt đàn áp, bức hàng. Không chịu nổi chế độ đàn áp quá khắc nghiệt, 77 người rớt trong tuần đầu, còn lại 103 người

1 Từ khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ, khẩu hiệu đổi là "Ủng hộ Việt Nam Cộng hòa", "Đả đảo cộng sản xâm lược".

tiếp tục chiến đấu. Từ ngày 7 đến ngày 11-4-1967, lần lượt có 27 người tham gia tuyệt thực đòi: *Được tự do tư tưởng; Không được đánh đập; Tăng khẩu phần ăn; Cho về trại để được rộng rãi; Tăng giờ ra chơi.* Địch đàn áp quyết liệt. Cuộc tuyệt thực kéo dài 19 ngày, nhiều người đã phải bỏ cuộc, còn lại sáu người quyết tử bảo vệ khí tiết là: Hoàng Thanh, Phan Văn Huệ, Nguyễn Tử Tòng, Nguyễn Văn Trường, Phạm Thông và Ngô Đình Thời. Ngô Đình Thời năm ấy chưa đầy 18 tuổi. Chúa đảo Nguyễn Văn Vệ phải chấp nhận các yêu sách, để cho 6 người được tự do tư tưởng, trả lại mọi sinh hoạt bình thường. Đó là **Sáu Ngọn Cờ Đầu** thôi thúc lực lượng tù án chính trị vươn lên đấu tranh.

2. Đường càng đi đội ngũ càng đông: Tháng 10-1967, lực lượng chống chào cờ ngụy tăng lên 15 người, địch chuyển qua Chuồng Cọp I, giam ở các chuồng 57, 58 và 59, mỗi chuồng 5 người, còng một chân, không cho tắm giặt, không cho ăn rau.[1] Những người đã từng chống chào cờ ngụy bị đánh "rớt" trong đợt tháng 4-1967 cũng lần lượt đấu tranh vươn lên, nâng số chống chào cờ ngụy lên 38 người. Ngày 8-2-1968, chuyến đầu tiên lưu đày 300 tù nhân sau cuộc tổng tiến công ra Côn Đảo, bị khủng bố phủ đầu tại Trại II, có 68 người tuyên bố chống chào cờ ngụy, bị tách riêng giam ở hầm đá Trại III, sau 4 ngày đàn áp dã man, còn lại 30 người, chúng đưa qua nhốt ở Hầm Đá Trại II, đánh đập cả ngày lẫn đêm. Cuối

1 Côn Đảo có 2 khu kỷ luật lớn được xây dựng từ thời Pháp, gọi là Chuồng Cọp I và Chuồng Cọp II, mỗi khu có 2 dãy đấu lưng vào nhau, mỗi dãy 30 chuồng. Từ năm 1970, Mỹ - ngụy đưa khu biệt lập Trại VII - còn gọi là Chuồng Cọp Mỹ vào sử dụng gồm 8 khu, mỗi khu có 48 chuồng, tổng cộng 384 chuồng.

cùng còn lại 10 người, bị đưa về Chuồng Cọp Côn Đảo.[1] Mỗi chuyến tù lưu đày ra Côn Đảo, địch đều đàn áp khốc liệt phủ đầu để phân hóa. Sau mỗi đợt đàn áp như vậy, chỉ còn một vài người "đậu" được. Giống như học trò đi thi, cặp từ **"đậu"** và **"rớt"** đã trở thành phổ biến đối với lực lượng tù án chính trị chống chào cờ ngụy. Cuộc **"thi"** này không chỉ đòi hỏi có trí tuệ mà cả phẩm chất chính trị, tư tưởng, nhân cách và sức chịu đựng bền bỉ kiên cường. Mỗi vinh quang và cay đắng trong sự thành bại của cuộc "thi" này, người tù đều phải trả giá bằng máu và tính mạng mình.

Ngày 14-2-1968, địch mở trận khủng bố bức hàng. Chúng đổ nước ngập các chuồng rồi trút vôi bột xuống đầu người tù. Vôi gặp nước sôi lên làm phỏng da thịt. Tù nhân bị bỏng toàn thân, sặc sụa trong bụi vôi mù mịt. Ngày 15-2-1968, địch chuyển toàn bộ số chống chào cờ về Chuồng Cọp 2, tổng số 84 người, giam một chuồng - để trống một chuồng nhằm ngăn cách, không cho gõ morse qua tường liên hệ với nhau,[2] còng chân, đánh đập suốt ngày đêm.[3] Địch tìm cách khuất phục từng người. Các anh Hoàng Thanh, Phan Văn Huệ, Nguyễn Tử Tòng là những ngọn cờ đầu "đậu" được từ tháng 4-1967, nổi tiếng về chịu đòn bị lôi ra đánh nhiều lần đến ngất xỉu.

1 Trong đó có: Nguyễn Thới (Đại đức Thích Hạnh Tuệ) quê Quảng Nam, Lê Tùng quê Quảng Nam, Trần Việt Hùng quê Cà Mau, Đặng Trung Tâm quê Bình Dương, Lê Văn Ngọc (Bảy Bê) quê Bình Thuận...

2 Anh em tù chính trị lại có sáng kiến dùng ký hiệu bằng quạt tay, đánh chéo góc từ dãy phòng bên này với góc phòng dãy bên kia, duy trì đường dây liên lạc, thông báo tình hình, thống nhất chủ trương tranh đấu (khu Chuồng Cọp có 60 phòng, 30 phòng bên này đấu lưng với 30 phòng bên kia).

3 Tám Kính - Trưởng trật tự và các tên nổi tiếng ác ôn như Cới, Ba Đen, Mông, Một, Phi Hùng, Ốm, Đào Thanh Huy, được tập trung về đàn áp. Trưởng Ban An ninh Lê Văn Khương chỉ huy chiến dịch; Phó Ban An ninh Nguyễn Văn Rồng là Chỉ huy phó.

Nguyễn Tử Tòng bị đánh đập nhiều nhất, sáng đánh, trưa đánh, chiều đánh, buổi tối đánh nữa, bất kể lúc nào. Sức khỏe anh suy kiệt dần, tâm thần bất ổn, nhưng anh luôn đứng vững ở vị trí chống chào cờ ngụy, nêu tấm gương sáng ngời trong phong trào bảo vệ khí tiết.[1]

Trong vòng 10 ngày đầu của chiến dịch khủng bố sau Mậu Thân, 3 tù chính trị câu lưu đã chết vì đòn roi, bệnh tật và suy kiệt tại Chuồng Cọp là Trần Tùy (quê ở Quảng Nam), Ngô Khá (Bến Tre), Nguyễn Quyên (Khánh Hòa). Ông Tôn (ở Cần Thơ) bị đánh hộc máu, ngất xỉu. Đoàn Văn Sạng bị đánh đập dã man cho đến khi tắt thở.[2] Tính đến ngày 1-5-1968, nhiều anh em trong lực lượng tù án chính trị chống chào cờ ngụy bị đánh chết và đánh "rớt", nhưng con số chống chào cờ ngụy vẫn tăng lên 71 người. Đây là những hạt nhân của tù án chính trị, thôi thúc cuộc đấu tranh chống chào cờ ngụy, đúng như phương châm của những người tiên phong: ***Đường càng đi, đội ngũ càng đông***.[3]

---

1 Nguyễn Tử Tòng quê Bình Định, sinh năm 1937. Cha anh là cụ Nguyễn Kiệt, mẹ anh là cụ bà Nguyễn Thị Thao. Anh hoạt động cách mạng bị địch bắt ngày 22-7-1963. Tòa án quân sự Sài Gòn xử ngày 17-8-1965, 10 năm khổ sai, 8 năm quản chế. Anh bị lưu đày ra Côn Đảo ngày 26-2-1966.

2 Anh Đoàn Văn Sạng, một trong những thanh niên hăng hái chống chào cờ ngụy bị đánh đập mang bệnh thần kinh. Ngày 12-4-1968, địch đưa Đoàn Văn Sạng về còng chân giam riêng ở Hầm Đá Trại II. Người anh gầy đét, chân tay teo tóp, lọt lỗ còng, anh tháo được còng chân, thừa lúc trật tự mở cửa, anh lao ra, đánh bọn trật tự ác ôn. Bọn trật tự vây anh ở một góc tường phía sau Hầm Đá Trại II. Anh cố thủ tại một đống gạch vụn, dùng làm vũ khí tự vệ. Qua nhiều lần tấn công, bọn trật tự đều bị anh đánh bật ra, đứa bể đầu, đứa bể trán. Nguyễn Văn Thà, Giám thị trưởng Trại II trực tiếp chỉ huy cuộc phản kích. Ba chục tên trật tự dùng cần xé làm vật chắn né gạch đá, tiến vào. Sau nhiều lần bị đánh bật ra, chúng lại xiết vòng vây, cuối cùng Đoàn Văn Sạng bị hạ gục trong thế cô, đuối sức, anh bị còng hai tay, 2 chân vứt trên hành lang phía sau Hầm Đá Trại II, bị đánh từ sáng đến tối cho đến khi anh tắt thở. Đoàn Văn Sạng hy sinh khi mới bước qua tuổi 20.

3 Những đoạn dẫn, in nghiêng trích trong tài liệu cung cấp của các nhân chứng Ngô Đình Thời, Nguyễn Văn Chánh, Võ Huy Quang, tài liệu lưu trữ tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Những kỷ lục trong đấu tranh chống chào cờ ngụy: Tháng 5-1968, Đợt II cuộc Tổng tiến công diễn ra trên toàn Miền. Bọn chúa ngục đàn áp tù chính trị bằng các thủ đoạn: bớt cơm, bớt nước, không cho tắm giặt, cấm ngặt không cho ăn rau. Bữa cơm chỉ có một loại mắm ruốc đen, nặng mùi. Các yêu sách của tù nhân đều bị đàn áp đẫm máu. Tên Giám thị Nguyễn Văn Rồng - Phó Ban Chuyên môn đã thẳng thừng tuyên bố trước đòi hỏi cấp rau của tù nhân Chuồng Cọp: "*Ranh giới giữa các anh với nội quy nhà tù là rau. Muốn ăn rau phải chịu chào cờ quốc gia*". Không chịu đựng nổi sự khốc liệt, nhiều người bị đánh rớt. Việc không cấp rau trong nhiều tháng liền làm cho cơ thể tù nhân suy sụp nghiêm trọng, phát sinh bệnh táo bón, kiết lị, phù thũng khiến nhiều người tù kiệt sức, teo cơ, bại liệt, không còn đứng nổi trên đôi chân của mình. Anh Phan Đình Tựu (quê ở Điện Bàn, Quảng Nam) bị đánh dập đến phát bệnh tâm thần, luôn miệng hát những bài ca cách mạng. Địch còng cả hai tay, hai chân, khớp miệng và đánh anh cho đến chết. Anh trút hơi thở cuối cùng lúc 23 giờ ngày 28-5-1968 tại hầm số 28 khu Chuồng Cọp 2, tròn 36 tuổi.[1]

---

1 Là một trong những người kiên trì quan điểm vươn lên đấu tranh chống chào cờ ngụy, sẵn sàng hy sinh vì thanh danh của Đảng, Phan Đình Tựu bị đánh dập nhiều lần, tâm thần phân liệt. Điều đặc biệt là từ khi anh có dấu hiệu phát bệnh tâm thần, anh chỉ gọi tên anh em đồng đội rồi hát những bài ca cách mạng, đọc những bài thơ mang tính chiến đấu như lời như nhắc nhở, dặn dò, như động viên, khích lệ tập thể vững tin, quyết tâm chiến đấu và chiến thắng. Mỗi lần nghe anh hát những bài ca cách mạng là bọn trật tự an ninh lại lôi anh ra đánh, Phan Đình Tựu ngất đi, bọn chúng còn hè nhau: "Đánh cho nó chết luôn". Nhưng mỗi lần tỉnh dậy, anh lại gọi tên đồng đội thân quen trong tập thể chiến đấu, lại hát những bài ca cách mạng, ngâm những bài thơ khí tiết, động viên cuộc chiến đấu tại Chuồng Cọp Côn Đảo trong những ngày đấu tranh ác liệt. Tên Tám Kính - Trưởng toán trật tự ác ôn gác Chuồng Cọp sau khi được lệnh thẳng tay đàn áp liền tuyên bố với lũ đàn em: "Tao ký hẹn đêm nay đánh cho nó chết", và hắn đánh Phan Đình Tựu đến chết trong đêm ấy.

Lực lượng chống chào cờ ngụy còn lại 25 người. Anh Nguyễn Văn Trường và anh Hồ Văn Sắc đã tuyên bố tuyệt thực đến chết để chặn bàn tay khủng bố của kẻ thù. Hồ Văn Sắc rớt sau 10 ngày, một mình Nguyễn Văn Trường tiếp tục cuộc tuyệt thực ròng rã hơn 2 tháng. Khi anh lả đi, bọn trật tự đè ra bơm sữa vào hậu môn. Tỉnh lại, anh tiếp tục tuyệt thực.[1] Nguyễn Văn Chánh và Sầm Thanh Liêm cũng tuyên bố tuyệt thực, phản đối kỷ luật tàn bạo. Công văn số 341/CSQG CS/CSĐB/M ngày 31-7-1968 của Trưởng Ty Cảnh sát Quốc gia Côn Sơn cho biết, ngày 24-7-1968, Ty Cảnh sát Quốc gia Côn Sơn đã cử nhân viên đến "*chứng kiến cuộc tuyệt thực của 3 chính trị phạm VC tên Nguyễn Văn Trường đinh bài số C.18526, Sầm Thanh Liêm số A.3564 và Nguyễn Văn Chánh CT.610 đang bị biệt giam tại Khu biệt lập II để phản đối nội qui Trung tâm... Can phạm Nguyễn Văn Trường tuyệt thực đến nay đã 2 tháng 6 ngày, được đưa về bệnh xá Trại IV vào sáng 23-7-1968... Hai can phạm Sầm Thanh Liêm và Nguyễn Văn Chánh tuyệt thực tính đến nay đã 18 ngày, vẫn còn ngoan cố, chưa chịu tuân theo nội qui Trung tâm, nhưng cũng đã được đưa về bệnh xá Trại IV ngày 26-7-1968*".[2]

Nguyễn Văn Trường tuyệt thực đến ngày thứ 72. Khi ấy anh đã bị liệt cột sống, nằm bất động. Nguyễn Văn Chánh và Sầm Thanh Liêm tuyệt thực đến ngày thứ 26, nêu tấm gương bền bỉ tự lực đấu tranh chống chào cờ ngụy với kỷ lục tuyệt thực dài ngày nhất. Đến khi địch tuyên bố ngừng đợt khủng bố tại Chuồng Cọp,

1 Nguyễn Văn Trường và Hồ Văn Sắc tuyệt thực giữa tháng 5-1968 để phản đối đàn áp, đòi tôn trọng tự do tư tưởng, thực hiện quy chế tù chính trị và tuyên bố, nếu không giải quyết yêu sách, các anh sẽ tuyệt thực đến chết để phản đối.

2 Hồ sơ lưu trữ tại Ban Quản lý Di tích lịch sử Côn Đảo.

các anh mới ăn uống trở lại. Khi đó, ngoài Phan Đình Tựu đã anh dũng hy sinh và ba anh tuyệt thực thắng lợi là Nguyễn Văn Trường, Nguyễn Văn Chánh, Sầm Thanh Liêm, còn 21 anh "đậu" được trong đợt đàn áp này. Đó là: Hoàng Thanh, Ngô Đình Thời, Nguyễn Tử Tòng, Phan Văn Huệ, Võ Huy Quang, Đoàn Văn Khét, Bùi Văn Me, Liêu Văn Bé, Trương Văn Lành, Nguyễn Tấn Ngọc, Nguyễn Thới (đại đức Thích Hạnh Tuệ), Lê Văn Ngọc (Bảy Bê), Đặng Quốc Tuấn, Ngô Văn Thiều, Trần Việt Hùng, Đặng Trung Tâm, Phạm Ngọc Minh, Cao Văn Chín, Hồ Văn Minh, Lê Tùng, Tào Tựu, tổng số 24 người.[1] Nếu như cuộc đàn áp khốc liệt mùa hè 1967 chỉ có sáu anh "đậu" được thì đợt đàn áp đẫm máu giữa năm 1968, con số đậu được là 24. Điều đó chứng tỏ sức sống mãnh liệt của phong trào bảo vệ khí tiết.

4. ĐỒNG KHỞI ĐẤU TRANH CHỐNG CHÀO CỜ VÀ CHỐNG KHỔ SAI

Chúa đảo Nguyễn Văn Vệ duy trì chế độ còng tại Chuồng Cọp cho đến cuối năm 1968.[2] Từ cuối năm 1968, phong trào chống chào cờ ngụy lại bùng lên mạnh mẽ. Nhiều đợt lưu đày tù chính trị từ nhà lao Chí Hòa ra Côn Đảo đã bổ sung lực lượng chống chào cờ ngụy. Tháng

1 Nguyễn Văn Trường, Hoàng Thanh, Ngô Đình Thời, Nguyễn Tử Tòng, Phan Văn Huệ là năm trong sáu ngọn cờ đầu chống chào cờ ngụy đậu được trong đợt đàn áp khốc liệt tháng 4-1967. Người thứ sáu là Phạm Thông đã mãn án, địch chuyển qua chế độ "cấu lưu", giam chung với tù chính trị cấu lưu.

2 Tháng 10-1968, địch lựa một số tù chính trị bị bệnh nan y đưa về nhà tù Tân Hiệp. Về Tân Hiệp, anh em tù chính trị Côn Đảo giữ vững vị trí chiến đấu, bảo vệ khí tiết, từng bước phá vỡ cái nội quy khắt khe ở nhà lao Tân Hiệp, đưa phong trào chống chào cờ ngụy ở nhà lao này từng bước vươn lên. Đặc biệt, trong dịp Bác Hồ qua đời (9-1969), anh em tù chính trị Côn Đảo về Tân Hiệp tổ chức để tang Bác, mang băng tang suốt 3 ngày. Không khuất phục được, tháng 12-1969 chúng đày tất cả trở ra đảo, ngoài số tù chính trị Côn Đảo về bị đày trở lại, địch còn đày thêm số anh em ở Tân Hiệp mới vươn lên chống chào cờ ngụy.

8-1966, ngụy quyền Sài Gòn đày 36 phụ nữ từ các nhà lao đất liền ra Côn Đảo, giam ở Trại V. Các chị tuyên bố chống chào cờ, chống nội quy, chịu chế độ cấm cố khắc nghiệt. Cuối năm 1968, địch đưa 36 chị về nhà lao Thủ Đức. Sau cuộc tổ chức lễ tang Bác tại các nhà lao Thủ Đức, Chí Hòa (9-1969), ngụy quyền Sài Gòn đày 342 phụ nữ và 2 cháu bé ra Côn Đảo ngày 29-11-1969. Tất cả bị giam ở Chuồng Cọp, mỗi chuồng 5 người. Bất chấp nội qui, các chị đã công khai hát những bài ca cách mạng, đấu tranh đòi tăng khẩu phần ăn, đòi trả quần áo, vận dụng vệ sinh, đòi được tắm giặt, có thuốc trị bệnh, đòi cho các chị có thai ra bệnh xá sinh nở.

Tháng 6-1970, một Ủy ban điều tra của Hạ nghị viện Mỹ đã đến Sài Gòn để điều tra về các khoản viện trợ Mỹ cho Nam Việt Nam. Ngày 2-7-1970, hai dân biểu Mỹ Augustus Hawkins và William Anderson và nhà báo Don Luce đã tách khỏi đoàn, bay ra Côn Đảo điều tra.[1] Tường thuật trước báo giới, hai dân biểu Mĩ khẳng định rằng, các ông đã tận mắt chứng kiến *"sự đối xử kinh khủng nhất đối với con người mà chúng tôi chưa bao giờ được thấy..."*[2]. Bài viết về Chuồng Cọp Côn Đảo của John Helmul và Don Luce đăng trên tạp chí *TIME*, phát hành hàng triệu bản trên toàn cầu cuối tháng 7-1970 đã làm chấn động dư luận thế giới về sự khủng khiếp của nhà tù Mỹ - ngụy tại Nam Việt Nam.

---

1 Cùng thời điểm đó, Bản tường trình của 5 sinh viên học sinh Cao Nguyên Lợi, Nguyễn Thanh Tòng, Nguyễn Tuấn Kiệt, Trần Văn Long, Nguyễn Minh Trí về một địa ngục có thật tại Chuồng Cọp Côn Đảo mà họ vừa trải qua đã được đọc trước Liên Ủy ban Nội vụ - Tư pháp định chế - Xây dựng nông thôn của Hạ nghị viện ngụy, phiên họp ngày 19-6-1970. Bản tường trình được in rônêo, phân phát trong hội nghị và giới báo chí. Nhờ đó mà nhà báo Don Luce đã tìm cách gặp những sinh viên này và được họ chỉ dẫn sơ đồ Chuồng Cọp Côn Đảo

2 Tập bản tin Việt Nam Thông tấn xã tháng 7-1970.

Tinh thần đấu tranh kiên quyết của nữ tù chính trị, của tù chính trị chống chào cờ và tù bại lết ở Chuồng Cọp, Chuồng Bò, nhà dù (nhà dựng tạm, chưa xây xong) Trại VII dồn dập từ đầu năm 1970 đã tạo khí thế mới, thôi thúc phong trào, nhất là từ khi vụ "Chuồng Cọp Côn Đảo" được phơi bày trước dư luận quốc tế. Nhận thấy tình hình trong nước và quốc tế có nhiều thuận lợi, Ban lãnh đạo các trại tù án chính trị đã phát động cao trào Đồng Khởi chống khổ sai và chống chào cờ ngụy với hơn 4.000 người tham gia vào tháng 8-1970. Phong trào đấu tranh trong tháng 8-1970 đã diễn ra sôi nổi với các hình thức trực diện, đưa yêu sách, bãi công đòi hạ mức khổ sai, cải thiện đời sống, loại trật tự, mật báo ra khỏi phòng, bầu đại diện, làm chủ sinh hoạt trong các phòng giam kết hợp chống chào cờ.[1] Phong trào đấu tranh đồng loạt chống khổ sai và chống chào cờ tháng 8-1970 được tù chính trị Côn Đảo gọi là **"phong trào Đồng Khởi chống khổ sai và chống chào cờ ngụy"**. Theo một bản báo cáo của tù chính trị Côn Đảo gửi về Trung ương cục miền Nam, hơn 4.000 tù chính trị đã tham gia đấu tranh trong đợt này. Sau 3 tháng đàn áp, có đến một phần ba số tù chính trị chống chào cờ bị bức rời hàng ngũ, còn "đậu" được 2.640 người. Đó là con số kỉ lục về chống chào cờ sau những trận đàn áp khốc liệt từ trước đến nay.

IV. PHÁT HUY VỊ TRÍ BẢO VỆ KHÍ TIẾT TRONG THỜI KỲ 1970 - 1975

1. Chống kế hoạch chiêu hồi sản xuất, xé phòng dồn trại: Bất lực trước phong trào Đồng Khởi

1 Sơ kết tình hình nhà lao Côn Đảo, tài liệu do tù chính trị Côn Đảo báo cáo, lưu trữ của Ban Tổ chức Trung ương Cục miền Nam.

chống khổ sai và chống chào cờ, Nguyễn Văn Vệ bị cách chức. Trung tá Cao Minh Tiếp ra Côn Đảo nhận chức tháng 2-1971[1] thực hiện chương trình chiêu hồi sản xuất và phân vùng giam giữ. Chương trình chiêu hồi sản xuất đưa ra chiêu bài "hợp tác sản xuất" giữa tù nhân và nhà tù, nêu khẩu hiệu "tự túc tự cấp - có làm, có hưởng", tăng mức hưởng lợi từ 25% lên 40%, 60%, 80% rồi 100%. Áp dụng nhiều thủ đoạn, Cao Minh Tiếp vẫn bất lực. Tù chính trị tẩy chay khẩu hiệu "tự túc, tự cấp - có làm, có hưởng". Bất chấp sự đàn áp, khủng bố, lừa mị, số tù chính trị chống chào cờ vẫn tăng lên đến hơn 3.000 vào tháng 7-1971. Thất bại trong chương trình chiêu hồi sản xuất, Cao Minh Tiếp ráo riết thúc đẩy việc xây dựng khu biệt lập Trại VII (Chuồng Cọp Mỹ), và thanh lọc tù nhân, thực hiện chiến lược phân vùng giam giữ. Trong tháng 11 và tháng 12-1971, địch tổ chức đàn áp, xé phòng dồn trại, đưa trên 1.000 tù án chính trị mà chúng xem là cốt cán, biệt giam về Trại VII, đưa hơn 800 tù chính trị câu lưu từ Trại I về Trại VI khu B.[2]

2. Chống "Chương trình tâm lí chiến Côn Sơn": Phiên họp Hội đồng Nội các ngụy ngày 26-9-1969 phê duyệt Chương trình **tâm lí chiến Côn Sơn,** trưng dụng 300 sĩ quan tâm lí chiến của quân đội ngụy để thành lập

---

1 Cao Minh Tiếp đã được tu nghiệp nhiều khóa huấn luyện tình báo ở Mỹ, từng làm Giám đốc Trung tâm tình báo hỗn hợp Việt - Mỹ phụ tá Tổng Thư ký Ủy ban Phượng hoàng Trung ương.

2 Chiến lược phân vùng giam giữ của Cao Minh Tiếp chia Côn Đảo thành 3 khu vực:
- Khu vực I gồm Trại II, Trại III và các Sở tù là nơi giam giữ số tù nhân chấp hành nội quy, chịu làm khổ sai.
- Khu vực III gồm Trại VI, Trại VII, và Trại VIII là nơi cấm cố các phần tử cốt cán, cầm đầu, khó cải tạo.
- Khu vực II gồm Trại I, Trại IV và Trại V là khu đệm,vừa có cấm cố, vừa khổ sai, chờ thanh lọc, phân loại.

10 tiểu đoàn tâm lí chiến, trước mặt cho thành lập một tiểu đoàn thí điểm tại Côn Đảo. Tổng cục chiến tranh chính trị ngụy tuyển chọn 30 sĩ quan tâm lí chiến, đưa qua Đài Loan huấn luyện, rồi đưa ra Côn Đảo, tuyển lựa 800 tù chính trị chưa có biểu hiện chống đối thành lập Tiểu đoàn tâm lí chiến thí điểm. *Trong số 800 trại sinh thuộc Tiểu đoàn tâm lí chiến thí điểm, có 426 người đã chống lại dưới nhiều hình thức, còn lại 374 người theo học hết chương trình. Mãn khóa (từ 31-8-1970 đến 29-10-1971), 368 trại sinh đủ điểm để phóng thích.*[1] Trung tá Nguyễn Mẫu, Trưởng Khối Cảnh sát đặc biệt đã lập phiếu trình ngày 25-12-1971, đề nghị Tư lệnh Bộ Chỉ huy Cảnh sát Quốc gia: "*Tăng cường và bành trướng đoàn cán bộ Tâm lí chiến để có thể cung ứng ít nhất cho 4 trung tâm ở đất liền là Thủ Đức, Tân Hiệp, Sài Gòn và Trung tâm thiếu nhi Đà Lạt*". Theo chủ trương này, Tiểu đoàn Tâm lí chiến khóa II đã được thành lập vào tháng 4-1972, song tiểu đoàn này chết yểu sau đó một tháng do phong trào đấu tranh của tù chính trị Côn Đảo ngày càng mạnh mẽ.

3. Thành lập Đảng bộ Lưu Chí Hiếu: Ngày 20-12-1971, hơn 800 tù chính trị câu lưu Trại I bị đưa về giam tại Trại VI khu B. Lực lượng tù chính trị câu lưu đã thành lập Chi bộ Lê Hồng Phong từ năm 1963, đấu tranh vươn lên khôi phục vị trí bảo vệ khí tiết từ năm 1964, giữ vững vị trí bảo vệ khí tiết qua 5 năm địch đày ải nghiệt ngã tại Chuồng Cọp Côn Đảo. Thế hệ tù chính trị bị đày ra Côn Đảo những năm 1969 - 1970 trở đi đã

1 Phiếu trình số 4456/BNV/CH/10 ngày 12-12-1971 của Giám đốc Nha Cải huấn Nguyễn Phú Sanh gửi Thủ tướng ngụy. Hồ sơ lưu trữ tại A27 Bộ Công an. Bản sao lưu tại Phòng Lịch sử Đảng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu.

được các chú, các anh lớp trước giáo dục, rèn luyện, sớm trưởng thành, góp phần xây dựng đội ngũ ngày càng vững mạnh. Kế thừa truyền thống đấu tranh của Trại I và sự tiếp nối, phát huy của Chi bộ Lê Hồng Phong, một Ban Vận động thành lập Đảng bộ tại Trại VI khu B được thành lập do Trần Văn Cao làm Trưởng ban[1]. Ban Vận động soạn thảo quy ước và tuyên bố thành lập Đảng bộ mang tên Lưu Chí Hiếu vào ngày 3-2-1972, Trần Văn Cao là Bí thư, Đào Văn Trân là Phó Bí thư, Mai Xuân Cống là Ủy viên Thường vụ, kiêm Trưởng Ban Điều hành trại;[2] Phó Ban Điều hành kiêm Tổng đại diện là Hoàng Phùng. Đợt đầu, Đảng bộ kết tập 11 người, sau đó xây dựng 10 chi bộ trong 10 phòng của Trại VI khu B, mỗi chi bộ từ 5 đến 10 đảng viên. Đến cuối năm 1972, có tổng số 62 đảng viên được kết tập. Việc thành lập Đảng bộ Lưu Chí Hiếu đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của tù chính trị cải lưu. Đảng bộ Lưu Chí Hiếu thực sự trở thành bộ tham mưu chiến đấu lãnh đạo toàn bộ các hoạt động và tranh đấu tại Trại VI khu B. Nhiều đảng viên của Đảng bộ sau này đã được cử vào Đảng ủy lâm thời, góp phần quan trọng trong thời điểm nổi dậy giải phóng hoàn toàn Côn Đảo.

4. Đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Paris: Theo tài liệu do bộ phận Đường dây Côn Đảo gửi về Trung ương Cục, vào thời điểm Hiệp định Paris có hiệu lực (3-1973), ở Côn Đảo có 9.892 tù nhân, trong đó có 274 là

1 Trần Văn Cao còn có tên là Trần Văn Đa, Nguyên Ngọc Cao, nguyên cán bộ Huyện ủy của tỉnh Bình Thuận, bị bắt 1956, bị đày ra Côn Đảo đầu năm 1959, tham gia lực lượng đấu tranh chống ly khai cộng sản, bị giam ở Trại I, bị đánh rớt đợt tháng 4-1960, sau đó tiếp tục là hạt nhân lãnh đạo cuộc đấu tranh vươn lên. Trước đó, năm 1958, Trần Văn Cao đã cùng với Nguyễn Đức Thuận được Liên chi ủy Nhà lao Gia Định giao soạn thảo Chỉ thị bảo vệ khí tiết (1958).

2 Nguyễn Vui và Trịnh Văn Tư là Ủy viên.

thường phạm, 940 quân phạm thường tội, 636 quân phạm chính trị, 4.020 can phạm đặc biệt (chính trị phạm có án), 3.498 an trí đặc biệt (tù chính trị không có án), 37 nghi can, 487 chưa phân loại. Trong khi đó, ngụy quyền Sài Gòn chỉ công bố danh sách trao trả 5.081 nhân viên dân sự (tù chính trị) toàn miền Nam, trong đó ở Côn Đảo có 4.075 người. Ngụy quyền Sài Gòn điều một tiểu đoàn cảnh sát dã chiến ra Côn Đảo làm nhiệm vụ thanh lọc được 4.075 tù nhân có tên trong danh sách trao trả, lập tòa án quân sự đặc biệt để "xử" những người không có tên trong danh sách trao trả thành thường án với các tội danh "phá rối trị an", "gian nhân hiệp đảng", "giữ vũ khí bất hợp pháp"... Cuộc đấu tranh diễn ra quyết liệt ở các trại, 4 tù chính trị hy sinh vì lựu đạn cay, phi tiễn và đòn thù. Cuối cùng, không thể cưỡng bức bằng bạo lực, địch phải chấp nhận yêu sách của tù chính trị, ***phải rút toàn bộ quân đội, cảnh sát và trật tự an ninh ra khỏi trại,*** công bố Hiệp định Paris và Nghị định thư, đưa danh sách cho đại diện ta gọi những anh em có tên ra tập trung về nơi trao trả.

5. Nổi dậy giải phóng Côn Đảo: Tháng 4-1975, nhà tù Côn Đảo có 7.448 tù nhân, trong đó có 4.234 tù chính trị (494 phụ nữ). Bộ máy kìm kẹp của địch gồm một tiểu đoàn bảo an (khoảng trên 500 tên), một Đại đội cảnh sát (gần 100 tên), 89 giám thị, 130 công chức và gần 1.000 trật tự an ninh, tất cả khoảng 2.000 tên. Như vậy cứ hơn 2 tù chính trị thì có 1 tên trong bộ máy kìm kẹp. Ngày 29-4-1975, khi quân giải phóng tiến công vào Sài Gòn, ở Côn Đảo các trại tù cấm cố bị canh gác chặt chẽ. Sáng 30-4-1975, ngụy quyền ở Côn Đảo tổ chức di tản ra tàu và âm mưu thủ tiêu toàn bộ tù chính trị bằng lựu đạn vào giờ chót. Nhưng bão táp cách mạng ập đến

khiến bọn ác ôn chưa kịp thực hiện tội ác cuối cùng. Tin Dương Văn Minh đầu hàng, thành phố Sài Gòn hoàn toàn giải phóng đã làm cho bọn ác ôn kinh hoàng tháo chạy hỗn loạn cho đến nửa đêm. Tù thường phạm quân phạm làm trật tự sổng chuồng ra cướp bóc tài sản của các gia đình binh sĩ, công chức còn kẹt lại. Trong bối cảnh đó, Linh mục Phạm Gia Thụy cùng một nhóm sĩ quan, binh sĩ và công chức trên đảo đã bàn phương án mời tù chính trị ra quản lý an ninh trật tự trên đảo.

Bằng nhiều nguồn tin, tù chính trị ở các trại đều phán đoán trong đất liền có biến động lớn. Ban lãnh đạo các trại tù đều chuẩn bị tổ chức kỉ niệm trọng thể ngày Quốc tế lao động (1-5) để phát huy uy thế cách mạng, đồng thời thăm dò phản ứng của địch. Vào lúc 23 giờ ngày 30-4, nhóm sĩ quan, công chức đã mở phòng 24 khu H, báo tin Dương Văn Minh đầu hàng, Sài Gòn được giải phóng, bọn ác ôn trên đảo đã bỏ chạy hết, bọn trật tự an ninh gốc thường án, quân phạm, lưu manh đang cướp bóc, gây rối loạn trên đảo và yêu cầu anh em tù chính trị ra giải phóng Côn Đảo, duy trì trật tự an ninh và đảm bảo tính mạng, tài sản cho những người còn lại trên đảo. Sau khi thẩm tra nguồn tin qua rađiô và cử người ra ngoài trại nắm tình hình, những người có trách nhiệm ở Khu H quyết định hành động, chớp thời cơ giải phóng Côn Đảo. Sau khi ra khỏi phòng giam, Đảo ủy lâm thời được thành lập tại Trại VII đã chỉ đạo thành lập lực lượng vũ trang và cử người đi mở cửa cho các trại. 10 giờ ngày 1-5-1975, Đài truyền thanh Côn Đảo phát sóng, báo tin Côn Đảo hoàn toàn giải phóng và công bố danh sách các thành viên trong chính quyền cách mạng. Chính quyền được tổ chức theo tinh thần "hòa hợp -

hòa giải dân tộc", gồm 15 người, lấy tên là Ủy ban Hòa hợp - Hòa giải Dân tộc tỉnh Côn Sơn.[1]

Chiều 1-5-1975, Trung tướng Lê Trọng Tấn, Tư lệnh cánh quân Duyên Hải đã họp với đại diện Bộ tư lệnh Hải quân, Khu ủy miền Đông, Sư đoàn Sao Vàng (F3) và Thành ủy Vũng Tàu, bàn phương án giải phóng Côn Đảo bằng một cuộc hiệp đồng quân chủng Hải - Lục - Không quân. Khi tàu hải quân chở bộ đội ra đến nơi thì những người tù chính trị Côn Đảo đã tự nổi dậy giải phóng và ổn định tình hình trên đảo. Ủy ban quân quản Côn Đảo được thành lập, bố trí kế hoạch đưa tù chính trị trở về đất liền. Theo yêu cầu nhiệm vụ, một số tù chính trị tình nguyện ở lại công tác tại Côn Đảo cho đến ngày hôm nay.

V. MỘT VÀI NHẬN XÉT

1. Chế độ khủng bố của Mỹ - ngụy trong nhà tù Côn Đảo giống như một loại "hàn thử biểu" phản ánh tương quan lực lượng trên chính trường và trên chiến trường miền Nam. Mỗi khi phong trào cách mạng miền Nam phát triển, mỗi khi ta đánh mạnh trên các chiến trường thì Mỹ - ngụy lại mở rộng qui mô nhà tù và tăng cường đàn áp, khủng bố tù chính trị. Nhưng bất chấp các thủ đoạn khủng bố của địch, phong trào đấu tranh của tù chính trị vẫn phát triển không ngừng, từ thấp đến cao, từ những hạt nhân, những ngọn cờ tiêu biểu phát triển thành đội ngũ ngày càng đông, chất lượng ngày càng được củng cố.

1 Linh mục Phạm Gia Thụy được cử làm Chủ tịch. Bảy ủy viên là tù chính trị vừa được giải phóng, trong các chức vụ: Phó Chủ tịch thứ nhất, Tổng Thư ký, Ủy viên Quân sự, Ủy viên An ninh, Ủy viên Chính trị và Thông tin, Ủy viên Kinh tế và Xã hội; 7 ủy viên khác là sĩ quan, công chức, giám thị đã tham gia giúp tù chính trị trong cuộc nổi dậy giải phóng Côn Đảo.

2. Bảo vệ khí tiết là mức độ đấu tranh cao nhất của tù chính trị. Trong tù, có nhiều hình thức, mức độ đấu tranh, từ các khẩu hiệu dân sinh dân chủ (chống khủng bố, đòi nới rộng chế độ sinh hoạt trong tù) đến các yêu sách chính trị (chống các thủ đoạn truy bức tư tưởng, triệt hạ khí tiết tù chính trị). Khẩu hiệu đưa ra trong các cuộc đấu tranh chính trị tùy thuộc vào thủ đoạn cụ thể của địch trong mỗi thời kỳ, từ đấu tranh chống ly khai của tù chính trị câu lưu Trại I, đấu tranh chống các thủ đoạn tố cộng của tù chính trị câu lưu Trại II trong giai đoạn 1957 - 1963 cho đến phong trào đấu tranh chống chào cờ ngụy của tù án chính trị phát khởi từ năm 1964. Mục tiêu của các cuộc đấu tranh này đều nhằm chống các thủ đoạn tố cộng, diệt cộng của địch, bảo vệ khí tiết của người chiến sĩ cách mạng. Đây là mức độ đấu tranh cao nhất, thủ thách quyết liệt nhất đối với tù chính trị.

3. Chống ly khai cộng sản và chống chào cờ ngụy là trung tâm phong trào đấu tranh của tù chính trị Côn Đảo. Từ sau khi chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm bị lật đổ (11-1963), lực lượng tù chính trị câu lưu Trại II đã phát động phong trào đấu tranh chống chào cờ ngụy, và giành thắng lợi quyết định sau cuộc tuyệt thực kéo dài 23 ngày vào tháng 6-1964 (4 người hy sinh anh dũng) khẳng định vị trí chính trị bảo vệ khí tiết của tập thể tù chính trị câu lưu. Khi đó, đội ngũ trực diện chống ly khai của tù chính trị câu lưu Trại I đã giành toàn thắng với Năm ngôi sao sáng (Nguyễn Đức Thuận, Phan Trọng Bình, Phạm Quốc Sắc, Nguyễn Minh, Lê Văn Một), và hàng trăm người đã hy sinh anh dũng, vẹn toàn khí tiết. Kể từ thời điểm này, Mỹ - ngụy bỏ hẳn các thủ đoạn cưỡng bức ly khai cộng sản, bỏ chương

trình học tố cộng trong tù, công nhận vị trí chính trị, bảo vệ khí tiết của tập thể tù chính trị câu lưu, giam giữ họ trong vòng kỷ luật. Chúng tập trung cưỡng bức chào cờ "quốc gia" và tập trung bọn ác ôn đàn áp, khuất phục lực lượng tù án chính trị bị kết án và đày ra đảo ngày càng đông. Phong trào đấu tranh chống chào cờ ngụy của tù án chính trị bùng lên từ năm 1964, từ vài ba người đến hàng chục, hàng trăm người rồi "đậu" được 6 người - 6 ngọn cờ của tù án chính trị vào tháng 4-1967 sau rất nhiều cuộc đàn áp quyết liệt của địch. Từ 6 hạt nhân được xem là "những hạt gạo cội" trên sàng, cuộc đấu tranh chống chào cờ ngụy của tù án chính trị được phát động thành phong trào mạnh mẽ và quyết liệt, dẫn đến phong trào đồng khởi chống khổ sai và chống chào cờ ngụy tháng 8-1970 với 4.000 người tham gia, sau đó phần lớn lực lượng đấu tranh giữ vững đội ngũ cho đến ngày giải phóng.

4. Chống ly khai cộng sản và chống chào cờ ngụy là cuộc đấu tranh mang ý nghĩa chính trị, tư tưởng sâu sắc, là một mặt trận đấu tranh khốc liệt và không cân sức, phần thắng cuối cùng thuộc về những người tù chính trị biết phát huy giá trị to lớn của vũ khí tinh thần. Đấu tranh trong tù là một mặt trận đấu tranh đặc biệt, nơi diễn ra cuộc chiến đấu vô cùng ác liệt, một mất một còn. Người tù, khi bị biệt giam cô độc giữa xà lim, khi trần trụi giữa bầy ác ôn say máu, phải chống trả sự tàn bạo, thâm độc vô hạn độ. Trong lao tù, xiềng xích và chế độ khủng bố bạo tàn, những người tù chính trị vẫn công khai phủ nhận ngụy quyền Sài Gòn bằng "vũ khí tư tưởng", tuyên bố không thừa nhận chế độ Sài Gòn, công khai bảo vệ lý tưởng độc lập tự do và Chủ nghĩa Xã hội, tuyên bố Mặt trận Dân

tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam là người đại diện hợp pháp duy nhất của nhân dân miền Nam. Không giống như lời tuyên bố của một tổ chức chính trị, một phái đoàn ngoại giao mà đây là lời tuyên bố của những con người bị cầm tù trong xiềng xích đọa đày cùng cực, trong nanh vuốt và cạm bẫy của kẻ thù, trong sự đày ải, khủng bố triền miên và căng thẳng tột độ, từng bị đánh đập chết đi sống lại hàng trăm lần. Mỗi một lời tuyên bố của họ đều phải trả giá bằng máu và mạng sống. Hàng trăm người đã hy sinh vô cùng anh dũng để năm người toàn thắng và tỏa sáng, hàng ngàn người đã vấp ngã, thấm thía nỗi đau của mỗi lần thất bại tạm thời lại đứng dậy đấu tranh, giành lại vị trí bảo vệ khí tiết. Đó là những người hàng trăm lần anh hùng.

5. Đấu tranh bảo vệ khí tiết có nhiều hình thức và mức độ khác nhau. Tập thể tù chính trị tham gia phong trào đấu tranh bảo vệ khí tiết, trong đó có **"Năm ngôi sao"** toàn thắng cùng với **"Sáu ngọn cờ đầu"** chống chào cờ ngụy của tù án chính trị cùng hàng trăm người đã hy sinh vô cùng anh dũng là những trang sử hào hùng nhất của lịch sử nhà tù Côn Đảo. Các anh đã đưa cuộc chiến đấu bảo vệ khí tiết của tù chính trị Côn Đảo lên đỉnh cao của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam và để lại những bài học vô cùng quý giá, trở thành ngọn cờ, thành những ngôi sao sáng cho cả một thế hệ tù chính trị noi theo, vươn lên giành thắng lợi hoàn toàn. Cuộc chiến đấu của lực lượng trực diện chống ly khai cộng sản và chống chào cờ ngụy luôn nhận được sự cổ vũ, chia lửa, hỗ trợ và bổ sung lực lượng từ trận tuyến thứ hai. Phong trào đấu tranh bảo vệ khí tiết trong tù luôn diễn ra với nhiều hình thức và mức độ đấu tranh khác nhau. Có người vì sự khủng bố, đày ải

quá sức chịu đựng mà chấp nhận ly khai, chấp nhận chào cờ ngụy trên danh nghĩa mà lòng không theo "quốc gia", không chống lại cộng sản. Sự chấp nhận ấy chỉ là nhất thời. Xót xa, hổ thẹn với sự yếu hèn của mình, họ nghiêm khắc tự kiểm điểm, tự rèn luyện, và ngẩng đầu đứng dậy, tuyên bố chống trở lại, giành lại bằng được vị trí khí tiết. Phải tích hợp đủ dũng khí mới dám công khai tuyên bố lập trường không ly khai cộng sản, không thừa nhận lá cờ ba que của ngụy quyền trong khi họ đang bị xiềng xích, đối đầu với một chế độ khủng bố tàn bạo vô hạn độ. Phải tích hợp đủ ý chí kiên cường mới dám đem thân xác mình chịu đựng đau đớn về thể xác, dày vò về tâm lý, giằng xé về tư tưởng hàng trăm lần để vươn lên đấu tranh vì phẩm giá con người. Phải kết tinh được phẩm chất anh hùng và hun đúc nhiều lần phẩm chất anh hùng ấy mới có thể chịu đựng được hàng ngàn ngày đày ải khốc liệt, đến mức chết đi sống lại hàng ngàn lần mà vẫn không sờn lòng, nhụt chí. Phải có một nhân cách lớn, một lẽ sống cao cả mới có thể vượt lên mọi sự đọa đày mà tận hiến cho lý tưởng cao đẹp. Sự vươn lên của tập thể tù chính trị câu lưu, giành lại vị trí bảo vệ khí tiết vào năm 1964 và sự phát triển của phong trào chống chào cờ ngụy của tù án chính trị những năm 1968 - 1970 chính là thành quả khai hoa, kết trái từ phẩm chất anh hùng của **"Năm ngôi sao"** chống ly khai cộng sản, **"Sáu ngọn cờ đầu"** chống chào cờ ngụy. Đó là sự phát triển biện chứng của phong trào, chính vì thế mà cách mạng đã thắng, đế quốc đã thua.

6. Diễn biến của phong trào đấu tranh bảo vệ khí tiết đồng hành với quá trình xây dựng tổ chức và tự rèn luyện của mỗi cá nhân. Cuộc đấu tranh vươn lên của tù chính trị câu lưu 1960 - 1964 xuất hiện

yêu cầu cần có một tổ chức Đảng để lãnh đạo thì những người tiên phong trong cuộc đấu tranh vươn lên đã thành lập Chi bộ Lê Hồng Phong (1963) làm tròn nhiệm vụ lãnh đạo tập thể tù chính trị câu lưu đấu tranh vươn lên giành lại vị trí bảo vệ khí tiết (1964). Các thành viên trong Chi bộ Lê Hồng Phong cùng với thế hệ tù chính trị từng trải qua cuộc đấu tranh khốc liệt 1957 - 1964 đã lấy những kinh nghiệm mà chính họ đã từng vấp ngã và vươn lên thành công để giáo dục, rèn luyện cho thế hệ tù chính trị bị đày ra sau đó, để lớp sau sớm trưởng thành, và sát cánh cùng tập thể đấu tranh vươn lên. Các thành viên trong Chi bộ Lê Hồng Phong và những người từng vấp ngã, từng đấu tranh vươn lên thành công cũng là những người đứng ra vận động thành lập Đảng bộ Lưu Chí Hiếu, giữ vai trò lãnh đạo chủ chốt trong Đảng bộ Lưu Chí Hiếu mà nhiều công trình nghiên cứu đã đánh giá rất cao.

Trong một diễn biến khác ở lực lượng tù án chính trị, khi phong trào đấu tranh chống chào cờ ngụy nổ ra (1965), ở các trại giam, phòng giam và các sở tù khổ sai đều có những hình thức tổ chức và chỉ đạo khác nhau, dưới hình thức Ban lãnh đạo, Tổ trung tâm, có nơi hình thành tổ chức danh xưng Chi ủy, Đảng ủy, Đảo ủy. Song, cho đến lúc đó, Ban lãnh đạo ở các phòng, ngay cả những tổ chức danh xưng là Chi ủy, Đảng ủy, Đảo ủy ở các trại tù án đều chưa chủ trương chống chào cờ ngụy. Một số người từng có cương vị ở ngoài đời từng tham gia bộ phận trách nhiệm ở trong tù đem uy tín, lý lẽ và kinh nghiệm của mình ra thuyết phục số anh em đang chủ trương chống chào cờ ngụy chấp hành ý kiến tập thể, ở lại cùng tập thể, cho rằng chống chào cờ ngụy là phiêu lưu, manh động, vô tổ chức, anh hùng cá nhân vì điều kiện hiện tại chưa cho phép.

Những người tiên phong (phần lớn là trẻ tuổi) vẫn kiên trì quan điểm chống chào cờ ngụy, cho rằng trong lúc kẻ thù dùng mọi thủ đoạn để triệt hạ khí tiết thì những người tù chính trị phải đặt mục tiêu đấu tranh bảo vệ khí tiết lên hàng đầu, phải chiến đấu bằng mọi hình thức, phải gầy dựng phong trào, nhen nhúm từ những đốm lửa nhỏ thì mới có cao trào đấu tranh. Học hỏi kinh nghiệm của lớp người đi trước và bằng kinh nghiệm của chính mình, những chiến sĩ tiên phong đã xác lập phương châm và nguyên tắc đấu tranh trong tù: **"Trong đấu tranh dân sinh dân chủ thì cá nhân phục tùng tập thể, nhưng trong đấu tranh chính trị, bảo vệ khí tiết thì mỗi người tự quyết định sinh mạng chính trị của mình; có tập thể thì cùng tập thể đấu tranh, không có tập thể thì tự mình quyết định"**. Họ tâm niệm một cách sâu sắc rằng, mỗi người tù chính trị đều phải tự mình chịu trách nhiệm trước Đảng: Đảng đã trao Đảng cho ta, ta phải giữ ta cho Đảng.[1] Trong đấu tranh dân sinh dân chủ, cá nhân phục tùng tập thể nhưng phải là tập thể tiên phong chiến đấu. Còn về phương diện bảo vệ khí tiết thì mỗi cá nhân tự khẳng định lập trường khí tiết, tự bảo vệ sinh mạng chính trị của mình, có tập thể thì đi cùng tập thể, không có tập thể thì cá nhân tự lực chiến đấu; khi cần thiết, sẵn sàng hy sinh tánh mạng của mình để bảo vệ khí tiết, bảo vệ lý tưởng, nêu cao gương bất khuất kiên trung. Đó chính là phẩm chất của những người anh hùng mang chí lớn mà nhiều năm sau, tập thể tù án chính trị mới nhận ra và vươn lên, noi theo.

1 Những đoạn dẫn, in nghiêng trích trong tài liệu cung cấp của các nhân chứng Ngô Đình Thời, Nguyễn Văn Chánh, Võ Huy Quang, tài liệu lưu trữ tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu.

LƯU CHÍ HIẾU
NGƯỜI CHIẾN SĨ QUYẾT TỬ
CỦA TIỂU ĐOÀN QUYẾT TỬ[1]

I

Lưu Chí Hiếu, người chiến sĩ quyết tử chống ly khai Đảng Cộng sản, hy sinh đêm 24-12-1961 tại Chuồng Cọp Côn Đảo đã được cả thế hệ tù chính trị Côn Đảo thời chống Mỹ (1955-1975) tôn vinh, cùng với ông già Cao Văn Ngọc, là những ngôi sao sáng nhất. Lưu Chí Hiếu, người thợ của Thành phố mang tên Bác, tuy trình độ văn hóa mới chỉ lớp 3 trường làng, cương vị cao nhất mới tương đương Tiểu đội trưởng nhưng Anh được Đảng bộ trong nhà tù mang tên, lấy phẩm chất khí tiết của anh làm tôn chỉ mục đích, làm nhiệm vụ hàng đầu cho Đảng bộ.

Lưu Chí Hiếu sinh năm 1913 tại làng Hương Cát, xã Trực Thành, huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Hà, con ông Lưu Chí Trung và bà Nguyễn Thị Mễ. Cha mẹ mất sớm, anh được người chú ruột là Lưu Sĩ Nghị nuôi dưỡng, cho học đến lớp 3 trường làng rồi đưa ra Hải Phòng học nghề

1 Bài đoạt giải Ba (không có giải nhất, giải nhì) cuộc thi viết về Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh 300 năm do Hội Khoa học Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 1998. Báo *Bà Rịa - Vũng Tàu*, số ra từ ngày 16-11-1998 đến ngày 27-11-1998.

thợ giày, sau lên Hà Nội làm ăn rồi lưu lạc vào Sài Gòn từ 1942, sinh sống bằng nghề thợ giày.

Giống như cả một thế hệ thanh niên Sài Gòn thời ấy, Lưu Chí Hiếu bị cuốn vào cơn lốc cách mạng thời tiền khởi nghĩa. Anh tham gia Thanh niên Tiền phong (5-1945), giành chính quyền ở Sài Gòn - Gia Định (8-1945), gia nhập Ban Công tác số 4 (4-1946), rồi đơn vị anh sáp nhập vào Tiểu đoàn quyết tử 950 (12-1949). Lưu Chí Hiếu được phiên chế vào Đại đội 3824 do Bùi Việt Hương làm Đại đội trưởng, Trần Anh Linh là Chính trị viên. Gương mẫu trong mọi công tác, Lưu Chí Hiếu được kết nạp vào Đảng Cộng sản (1949), được bầu là Chiến sĩ thi đua (1952).

Sau ngày đình chiến, Lưu Chí Hiếu được bố trí ở lại, làm cán bộ tổ chức của Quận ủy Quận 1, Thành ủy Sài Gòn - Gia Định, trực tiếp phụ trách các nghiệp đoàn. Anh bị bắt ngày 3-7-1955 khi đang chỉ đạo cuộc biểu tình của nghiệp đoàn thợ giày tại đường Nancy. Cuộc biểu tình do Ủy ban Cứu trợ - Bảo vệ tài sản dân chúng thành phố Sài Gòn phát động, với những khẩu hiệu rất hòa bình, đòi mở Hội nghị Hiệp thương Tổng tuyển cử, đòi tự do cứu tế cho những đồng bào bị nạn. Cuộc biểu tình diễn ra một cách trật tự, cùng những yêu sách thiết thực về dân sinh dân chủ lại khiến cho ngụy quyền lo sợ. Chúng bắt trên 150 người, tất cả đều bị khép vào "tội danh" là "tham gia cuộc bạo động chống chánh phủ quốc gia do Việt cộng tổ chức". Riêng Lưu Chí Hiếu và 4 người nữa bị kết tội là "chỉ huy đám biểu tình". Địch giam anh ở đề lao Gia Định một thời gian rồi chuyển về Trung tâm Huấn chính Biên Hòa.

Sau cuộc vượt ngục của 500 tù chính trị tại nhà lao Biên Hòa (2-12-1956), Ngô Đình Diệm quyết định thành lập Ủy ban Liên bộ Nội vụ - Tư pháp - Quốc phòng, thanh lọc những tù nhân nguy hiểm ở tất cả các nhà lao trên toàn miền Nam, đày ra Côn Đảo. Lưu Chí Hiếu nằm trong danh sách 305 chính trị phạm bị lưu đày ra Côn Đảo ngày 20-3-1957 với tội danh "Chỉ huy đám biểu tình ngày 3-7-1955".

II

Lưu Chí Hiếu đã đứng ngay trong đội ngũ những chiến sĩ trung kiên, chống thủ đoạn cưỡng bức ly khai Đảng Cộng sản, bị địch cấm cố tại Trại I. Chống ly khai Đảng Cộng sản là hình thức đấu tranh cao nhất, là không thừa nhận chế độ độc tài Ngô Đình Diệm, là đấu tranh cho hòa bình thống nhất nước nhà, là bảo vệ đường lối giải phóng dân tộc của Đảng, bảo vệ lý tưởng Cộng sản, bảo vệ uy tín của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đấu tranh chống ly khai là ngọn cờ, là linh hồn trong phong trào đấu tranh của tù chính trị Côn Đảo trong thời kỳ này.

Những người tù chính trị chống ly khai đã phải trải qua nhiều cực hình đày đọa. Kẻ địch đã đánh đập truy bức họ vô hạn độ, cấm cố trường kỳ, cúp cơm, bớt nước, không cho ăn rau trong nhiều tháng, làm rối loạn các chức năng tiêu hóa; chúng đã giam giữ trong điều kiện hết sức tồi tệ (250 đến 320 người trong một phòng giam rộng 100 m^2), đóng chặt cửa cây, bịt các lỗ thông hơi khống chế từng hơi thở của người tù; chúng đã phạt không cho đổ thùng cầu để phòng giam ngập ngụa phân, nước tiểu lẫn dòi bọ; chúng không cấp thuốc và chăm sóc những người ốm đau, để tình trạng bệnh xá giống như một nhà xác.

Lưu Chí Hiếu bị giam ở phòng 6 Trại I, phòng bị cấm cố khắt khe, cũng là phòng có nhiều đồng chí lãnh đạo: Hoàng Dư Khương - Phó Bí thư Xứ ủy, Nguyễn Oanh - Bí thư Xứ ủy, Ngô Đến - Tỉnh ủy viên Khánh Hòa... Nghe các đồng chí trao đổi, tranh luận, Lưu Chí Hiếu hiểu thêm nhiều điều về lý luận, quan điểm, phương châm, phương pháp trong đấu tranh. Nhưng có một cái lớn hơn mà anh học được là tinh thần chiến đấu kiên cường của tập thể tù chính trị Trại I, của những con người vốn rất bình thường, thuộc đủ mọi lứa tuổi, tầng lớp, thậm chí những người chưa phải là đảng viên cộng sản.

Đó là, ông Nguyễn Văn Mua 62 tuổi, nông dân ở Thủ Đức, bị bắt vì bị vu oan là hoạt động cộng sản đã chống ly khai từ đầu, anh Nguyễn Hiền - đảng viên Đảng Đại Việt cũng chống ly khai từ ngày đặt chân lên đảo[1].

Giống như những người nông dân như Nguyễn Văn Mua, Nguyễn Hiền, Huỳnh Văn Mau[2], đối với Lưu Chí Hiếu, lý tưởng độc lập dân tộc, sứ mệnh của Đảng Cộng sản và Bác Hồ đều hòa làm một. Anh không mấy khi tranh luận về lý luận, quan điểm, phương châm, phương pháp, anh chỉ lắng nghe và bền bỉ đấu tranh. Kẻ thù cưỡng bức ly khai Đảng Cộng sản, bôi nhọ Đảng Cộng sản, xúc phạm Chủ tịch Hồ Chí Minh là xúc phạm vào điều thiêng liêng nhất trong lòng anh. Đấu tranh chống ly khai là bảo vệ lẽ sống, khát vọng của chính mình, là lẽ tự nhiên như buổi đầu anh cầm súng cùng nhân dân Sài Gòn chiến đấu bảo vệ thành phố mang tên Bác.

---

1 Xem thêm về ông Nguyễn Văn Mua và anh Nguyễn Hiền tr. 396 - 397 sách này.

2 Xem thêm về ông Huỳnh Văn Mau ở tr. 397 - 398 sách này.

III

Trong bốn năm đày ải và truy bức (1957 - 1960), gần 500 tù chính trị câu lưu (trong số 4.080 người) đã hy sinh, hàng ngàn người khác không chịu nổi thử thách ác liệt đã phải bỏ cuộc, chuyển hướng, ly khai. Tháng 4-1960, ngụy quyền Sài Gòn tổ chức một chiến dịch đánh phá quy mô lực lượng tù chính trị chống ly khai ở Trại I Côn Đảo. Chiến dịch do Thiếu tướng Mai Hữu Xuân chỉ huy với sự phụ tá của Nguyễn Văn Y - Đại tá, Tổng Quản đốc các Trung tâm Cải huấn; Dương Văn Hiếu - Trưởng đoàn công tác đặc biệt miền Trung tại Sài Gòn và một đạo quân chống cộng sừng sỏ được tuyển mộ tại Sài Gòn.

Sau ba ngày ba đêm chống trả với những thủ đoạn "chuyển hướng" mới của địch, chỉ còn 59 người kiên cường nhất giữ được ngọn cờ chống ly khai. Tất cả bị đưa vào Chuồng Cọp. Lưu Chí Hiếu cùng đoàn người lặng lẽ đi vào "cửa tử thần". Tất cả đều tự nguyện chấp nhận cái chết để vẹn toàn khí tiết, họ sẵn sàng hy sinh để bảo vệ lý tưởng cộng sản, bảo vệ tư tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khai sáng.

Kẻ thù dùng mọi thủ đoạn để tra tấn, hành hạ, truy bức tư tưởng những người tù chính trị. Chúng tra tấn, truy bức họ một cách man rợ, kết hợp với những thủ đoạn tâm lý tinh vi, thâm độc. Chuồng Cọp trở thành nơi đối đầu cao nhất giữa những người cộng sản trung kiên và những tên đao phủ của một chế độ cực đoan, đã đưa "tố cộng", "diệt cộng" lên hàng "quốc sách".

Ngay sau chiến dịch, ngụy quyền cải tổ lại bộ máy nhà tù, tăng cường bóc lột khổ sai và cưỡng bức học tố cộng đối với tù chính trị đã ly khai, đồng thời tiếp tục mở

Chiến dịch Bác Ái nhằm thanh toán dứt điểm số can cứu chống ly khai còn lại. Bác Ái là một trong những chiêu bài của chủ nghĩa "Cần lao", "Nhân vị" mà Diệm - Nhu đem ra lừa mị. Bác Ái là tên mới mà chúng đặt cho Trại III và Trại IV trong đó có hai dãy Chuồng Cọp đang giam giữ những chiến sĩ chống ly khai kiên cường nhất, song thực chất Chiến dịch Bác Ái là chiến dịch đẫm máu.

Mỗi ngày, bọn công an, trật tự khủng bố tù nhân ở Chuồng Cọp 3 lần vào buổi sáng, buổi trưa và buổi chiều. Ngoài ba trận đánh theo thường lệ, người tù Chuồng Cọp còn bị đánh bất kỳ lúc nào, không nhất thiết phải có lý do gì. Thường là buổi chiều uống rượu say, chúng lôi tù ra đánh. Bị cấp trên khiển trách, chúng trút uất ức lên đầu người tù. Không có chuyện gì, chúng đánh tù để tiêu khiển. Bọn công an trật tự, cải huấn được chúng tuyển chọn từ những tên đầu hàng, phản bội, có tinh thần chống cộng và được kích thích bản năng thú tính để cắn xé đồng loại. Thấy người tù nào còn sức chịu đựng, chúng đánh cho kiệt quệ, người nào ốm yếu, chúng tăng đòn cho mau chết. Không khuất phục được thì chúng đánh cho tàn tật, mãn tù về cũng không bốc nổi hột cơm mà ăn. Bọn gác ngục đã nhiều lần công khai tuyên bố ý đồ của quan thầy chúng như vậy.

Trong gần 3 tháng đầu của chiến dịch Bác Ái, nhiều chiến sĩ trung kiên đã chết thê thảm ở Chuồng Cọp. Người đầu tiên là Nguyễn Văn Mai (tức Nguyễn Thiện), tiếp đó là Lương Bằng (tự Trần Cửu) quê Bình Thuận. Anh Trần Văn Vị, bị đánh đến hấp hối, bọn trật tự khiêng anh ra bệnh xá chữa trị. Anh kiên quyết không đi và nói: *"Tao thà chết ở Chuồng Cọp, ở vị trí chống ly khai này chứ không đầu hàng tụi bay"*. Vài giờ sau, anh tắt thở. Sinh

viên y khoa Trần Hữu Đại bị đánh đến dập nát phổi, ho ra máu và sau đó đã hy sinh tại nhà thương Chợ Quán (Sài Gòn) khi chúng chuyển số người mang bệnh nan y về điều trị tại đây.

Anh Nguyễn Thanh Tâm bị đánh đập đến phát điên. Vài ngày trước khi chết, anh thường kêu tên mẹ, tên cha, tên vợ. Kêu nhiều đến nỗi Lưu Chí Hiếu và số anh em ở Chuồng Cọp lúc ấy thuộc hết tên tuổi, cha, mẹ, vợ anh. Tiếng kêu gào của anh cồn cào, đau đớn, nghe xé ruột xé gan giữa đêm âm u trong Chuồng Cọp lạnh vắng: *"Ba má ơi! con thương ba má lắm nhưng bè lũ Mỹ Diệm chúng giết con rồi"*. Thấy mặt bọn gác ngục là anh hô: *"Đả đảo Ngô Đình Diệm"*. Gặp người tù chính trị nào anh cũng tuyên bố: *"Tao chưa phải là đảng viên nhưng tao chiến đấu cho chủ nghĩa cộng sản. Đứa nào ly khai tao bắn. Đứa nào động đến Hồ Chí Minh tao bắn"*. Anh bắn súng miệng: *"pằng, pằng, pằng... pằng, pằng, pằng.."* cho đến lúc giọng anh nhỏ dần và lịm hẳn. Anh ngã xuống khi mới ngoài hai mươi, độ tuổi đầy sức sống yêu đời.

IV

Cơ thể con người ai cũng bằng xương bằng thịt, đòn roi đánh vào đều đau. Tư tưởng, ý chí con người có thể tôi luyện, bền vững sánh với sắt đá, thép gang nhưng không thể không chịu tác động của hoàn cảnh. Đối đầu với thủ đoạn thâm hiểm và tội ác tột cùng của kẻ thù, không phải ai cũng có được sức chịu đựng phi thường, nhất là khi một mình trong Chuồng Cọp, không có đồng chí đồng đội bên mình, không có một tấc vũ khí trong tay, không có một chút thông tin về ta và địch, không có một lời chỉ dẫn hoặc cổ vũ nào của tổ chức và đồng đội.

Theo Báo cáo đặc biệt ngày 28-6-1960 của Trưởng Ty Công an Côn Sơn, từ ngày 25-5 đến ngày 25-6-1960 *"có 4 người đã chết tại Chuồng Cọp. Nhân số của Trung tâm Cải huấn I lúc đó là 2.884. Riêng Trại Bác Ái có 2.591 trong đó có 40 người bị phạt kỷ luật và 53 người chưa ly khai"*.

Dám chết cho lý tưởng cao đẹp đã khó, nhưng sống, chiến đấu bảo vệ lý tưởng trong xiềng xích, nanh vuốt, cạm bẫy của kẻ thù cũng khó khăn không kém phần. 53 chiến sĩ còn lại đã xác định lập trường dứt khoát không ly khai cộng sản, không đả đảo lãnh tụ của mình. Họ đã sẵn sàng hy sinh để vẹn toàn khí tiết, để bảo vệ lý tưởng cộng sản, song kẻ thù lại không cho họ chết một cách dễ dàng. Chúng buộc họ phải chết dần chết mòn, chết lay chết lắt, chết từng lần da thớ thịt, chết trong đau đớn dày vò triền miên, chết đi sống lại nhiều lần.

Khi thử thách vượt quá giới hạn chịu đựng của thể xác và tinh thần, đội ngũ trung kiên chống ly khai vơi dần, có người chết đau đớn, thê thảm, có người không chịu đựng được phải rời đội ngũ. Mỗi người một cảnh ngộ. Anh Phan Kiệm (tự Năm Thành) nguyên là Phó Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Gia Định trong một lần trao đổi tình hình với anh Nguyễn Đức Thuận thì bị địch phát hiện. Chúng bắt anh đi điều tra và sau đó anh chịu chuyển hướng, ly khai.

Anh Hoàng Dư Khương, nguyên Phó Bí thư Xứ ủy bị đánh đến tàn phế, nằm liệt rồi chịu ra bệnh xá điều trị. Ngụy quyền Côn Đảo đã hạ thấp yêu cầu xuống mức tối thiểu để phân hóa đội ngũ trung kiên nhất. Chúng không bắt ký giấy ly khai, học tố cộng, hô khẩu hiệu, ký kiến nghị ủng hộ Diệm như trước.

Bọn cải huấn chỉ yêu cầu "ra bệnh xá" trị bệnh, ai gật đầu hoặc im lặng thì chúng khiêng đi liền và xem như đã thanh toán được một "phần tử ngoan cố" tại Chuồng Cọp. Gần hai chục người đã rời khỏi đội ngũ vì thủ đoạn này. Đi bệnh xá lúc ấy đồng nghĩa với việc chịu ly khai. Việc ra đi của các anh Phan Kiệm, Hoàng Dư Khương và một số chiến sĩ trung kiên là một tổn thất lớn, gây tác động tâm lí đối với số chống ly khai còn lại ở Chuồng Cọp và số đã ly khai ở các trại đang vươn lên phục hồi khí tiết.

V

Cuộc đảo chính của Nguyễn Chánh Thi (11-11-1960) đã báo hiệu sự khủng hoảng trầm trọng của chế độ độc tài Ngô Đình Diệm. Dẹp xong cuộc đảo chính, Diệm - Nhu lại tiếp tục đàn áp các phe phái đối lập và những người kháng chiến. Nội bộ ngụy quân ngụy quyền Sài Gòn trong tình trạng phân hóa sâu sắc. Để tỏ rõ lòng trung thành với chế độ Diệm, Tỉnh trưởng Lê Văn Thể đã tổ chức một đợt khủng bố đẫm máu nhằm thanh toán bằng được 18 người chống ly khai còn lại.

Đại úy Tăng Tư thay Trung úy Nguyễn Văn Út làm Phó Tỉnh trưởng theo Nghị định 129-NV ngày 26-12-1960. Vừa lên chức, Tăng Tư tổ chức ngay đợt khủng bố với mức độ tàn bạo vượt xa những lần trước. Tăng Tư cho bọn trật tự khiêng lu lên nóc Chuồng Cọp, gánh nước đổ đầy vào. Đêm đến, bọn này bắt từng người ngồi yên một chỗ rồi xối nước lên đầu. Hơn một tháng dầm mình trong nước lạnh, đêm đông gió rét, da dẻ ai cũng nhợt nhạt, lở loét, bầm tím, sưng phù. Lưu Chí Hiếu thường xuyên ho ra máu, người chỉ còn da bọc xương.

Hàng ngày, bọn công an thường xuyên rình rập, theo dõi phản ứng, bọn cải huấn thăm dò diễn biến tư tưởng, bọn trật tự đánh đập ban ngày, ban đêm xối nước. Mỗi ngày ở Chuồng Cọp, người tù phải lãnh đủ 24/24 giờ, căng óc ra mà đối phó. Hầu như lúc nào cũng có cặp mắt rình mò, soi mói. Bất thần chúng hiện ra, thấy một tiếng thở dài là bám riết tác động, có cử chỉ núng thế là lôi ra đánh ngay, phản ứng yếu ớt là chúng tăng đòn, lấn tới.

Trong cảnh ngộ đó, người tù phải cân nhắc mỗi ý nghĩ, hành vi, cử chỉ, khi nào ăn, khi nào không ăn, nói điều gì, không nói điều gì, lúc chịu đựng, lúc phản đối, sao cho không mắc cạm bẫy của kẻ thù, cố sống thêm từng giờ, từng phút mà đấu tranh, đẩy lùi tội ác, giành lại sự sống. Mỗi người tù chống ly khai còn lại đều ý thức được rằng, sự tồn tại của họ không chỉ có ý nghĩa cho riêng mình mà là hiện thân của chính nghĩa trước bạo tàn, của cái thiện trước cái ác.

Cuộc đấu tranh chống ly khai là nơi đối đầu cao nhất giữa những người cộng sản trung kiên và những tên đao phủ của một chế độ cực đoan đã đưa tố cộng, diệt cộng lên hàng "Quốc sách". Kẻ địch thường đẩy người tù đến bên miệng hố tử thần, để họ phải day dứt, trăn trở, chết dần mòn từng giờ từng phút. Thế rồi chúng lại cho ăn uống bình thường để bản năng sinh tồn trỗi dậy, khát khao sự sống. Chập chờn giữa hai thái cực, giữa sự sống và cái chết, tư tưởng con người bị căng thẳng cao độ. Hầu như mỗi người tù Chuồng Cọp đều đã trải qua hàng chục, hàng trăm lần trăn trở, dao động, tìm đủ mọi thứ lý luận để biện hộ cho sự sống và cái chết, cho việc ly khai hay không ly khai.

Anh Phan Trọng Bình, một trong năm người vẹn toàn khí tiết, toàn thắng trở về thường nói với các bạn tù rằng: *"Trong chúng ta, nếu có người không phút giây nào dao động thì người đó là Lưu Chí Hiếu và ông già Cao Văn Ngọc. Đó là 2 con người mà tâm hồn, tư tưởng, phẩm chất sáng trong như viên ngọc quý"*. Hai con người này chỉ lựa chọn có một lần thôi và trọn đời hy sinh phấn đấu, tận hiến cho lý tưởng cách mạng.

Ngày 11-3-1961, Tỉnh trưởng Lê Văn Thể đã ký Sự vụ lệnh số 042/CS/VP/SVL nhằm thanh toán 18 can cứu chống ly khai ở Chuồng Cọp. Sau hai tuần dùng đủ các thủ đoạn đường mật dụ dỗ không kết quả, bọn cải huấn bắt từng người viết bản xác nhận lập trường, cam kết chịu trách nhiệm về việc không ly khai cộng sản để chuyển giao cho công an, trật tự thanh toán bằng bạo lực. Trong đợt xác định lập trường ấy, anh Phan Trọng Bình viết ngắn nhất. Bản xác định lập trường của anh vẻn vẹn có 6 từ: **Tôi không thể ly khai được** và ký tên: Vũ Văn Mậu (tên trong tù của anh).

Anh Nguyễn Đức Thuận viết dài nhất, kín hai mặt tờ giấy ô vuông khổ lớn. Mỗi người một tâm tư, một đối sách với kẻ thù. Ai cũng khẳng định lập trường không ly khai Đảng, Bác. Từng nét chữ, từng gương mặt, từng cuộc đời đều gợi lên vẻ đẹp của những tấm lòng trung hiếu. Anh Nguyễn Minh (tự Sơn), sinh năm 1928 tại phường Đức Thắng ở thị xã Phan Thiết khẳng định đường lối kháng chiến chống Pháp và đường lối đấu tranh thống nhất nước nhà của Đảng Lao động Việt Nam và lãnh tụ Hồ Chí Minh là hoàn toàn đúng đắn, vì vậy anh dứt khoát không ly khai, dẫu có chết cũng vui lòng. Anh Phạm Thành Trung (tự Đua) quê làng

Mỹ Thuận, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho đã xác nhận lập trường như sau: **"Tôi không thể ly khai Bác và Đảng Cộng sản được. Tôi không biết Quốc gia là gì. Vì vậy mà không ly khai".**

Anh Lê Văn Một (tự Phan Thành Trung) sinh năm 1928 tại Sóc Trăng viết: **"Tôi không thể đả đảo Hồ Chí Minh được..."**. Cùng nhóm với Lê Văn Một còn có Hoàng Chất và Phạm Quốc Sắc. Tờ xác nhận lập trường của Phạm Quốc Sắc nội dung như sau: **"Tôi tên Phạm Quốc Sắc, xin xác nhận là không ly khai Đảng Cộng sản vì tư tưởng tin tưởng vào đường lối của cộng sản..."**.

Bản cam kết lập trường của Lưu Chí Hiếu vẻn vẹn có một câu: **"Tên tôi là Lưu Chí Hiếu, không ly khai Đảng Cộng sản được, tôi xin chịu trách nhiệm không ly khai."** Tên cán bộ cải huấn Ngô Tứ Trung đã bất lực phản ánh qua tờ trình ngày 27-3-1961, như sau: *"... trong thời gian công tác, các can y được tôi săn sóc chu đáo, giải quyết thỏa mãn các nhu cầu, giải thích cặn kẽ, ân cần khuyên nhủ, nhưng đến kết luận là các can y vẫn một mực tôn thờ chủ nghĩa cộng sản đến cùng cũng như không thể đả đảo Hồ Chí Minh được. Trân trọng phúc trình thiếu tá để có thái độ trừng trị thích ứng đối với các can y đã tỏ thái độ ngoan cố này".*

Anh Nguyễn Văn Vinh (tức Vạn) quê ở Bình Định bị đánh đập và truy bức tư tưởng đến phát bệnh tâm thần. Có lúc anh ngẩn ngơ như người mất hồn, có lúc lại thương vợ nhớ con, gào khóc thảm thiết. Lúc tỉnh ra anh lại trăn trở, tâm tư cùng anh em. Bị giằng xé giữa hai thái cực, ly khai thì có tội với Đảng với Bác mà chống ly

khai thì chết không thấy mặt vợ con. Anh đã chọn cái chết khi không đủ sức chịu đựng, chết để trọn lòng trung với Đảng, để khẳng định niềm tin tất thắng vào con đường đấu tranh, chết để chặn bàn tay tội ác của kẻ thù.

Một tối, anh dùng đũa mài nhọn cứa cổ lấy máu viết lên khẩu hiệu "Hồ Chủ tịch muôn năm". Sau đó anh hô to ba lần khẩu hiệu đó rồi thọc sâu vào cắt cuống họng để kết thúc nhưng không thành. Bọn trật tự xông vào Chuồng Cọp, đưa anh đi cấp cứu rồi tách riêng, tác động mạnh. Chúng đã thành thạo việc lợi dụng từng khe rạn nứt trong tư tưởng - tình cảm của mỗi người để đánh phá. Anh Vinh chấp nhận ly khai ngày 13-3-1961, sau 3 ngày của chiến dịch "can vận". Kể từ đó, anh cấm khẩu luôn, không nói năng, không làm gì có hại cho Đảng, cho tập thể. Trường hợp của anh Vinh là một bi kịch thật xót xa.

17 chiến sĩ chống ly khai còn lại đều phải trả giá bằng máu và mạng sống cho việc xác định lập trường. Trận khủng bố đêm 27-3-1961 đẫm máu. Ông già Cao Văn Ngọc (Bà Rịa), các anh Phạm Thành Trung (Mỹ Tho), Ngô Đến (Khánh Hòa), Hoàng Chất (Hà Nội), Nguyễn Công Tộc (Bạc Liêu) hy sinh ngay trong đêm ấy. Anh Nguyễn Văn Mười (tự Hoàng Sơn) hấp hối, sáng hôm sau thì tắt thở. Anh Nguyễn Văn Định ngấm đòn đến 16 ngày sau mới chết. Lưu Chí Hiếu bị đánh dập phổi, ho ra máu suốt 9 tháng ròng.

Lưu Chí Hiếu rất cảm phục gương chiến đấu của anh em trong đội ngũ chống ly khai, đặc biệt là Hoàng Sơn và ông già Ngọc. Nguyễn Văn Mười (tự Hoàng Sơn) sinh năm 1917 tại Cai Lậy (Mỹ Tho), xuất thân là dân giang hồ, theo kháng chiến làm Tiểu đoàn phó Bộ đội Hoàng

Thọ. Anh xóa dần đi dấu vết giang hồ vẽ xăm lên ngực hàng chữ "Suốt đời trung thành với Hồ Chủ tịch". Bọn gác ngục điên cuồng đánh đập anh không biết bao nhiêu trận. Chúng tuyên bố là sẽ đánh cho đến khi anh "từ bỏ lãnh tụ" mới thôi. Hoàng Sơn bộc trực, thẳng thừng nói: *"Chúng mày có lột da, xẻo thịt, róc xương thì tao cũng không từ bỏ lãnh tụ, tao cũng không ngừng chiến đấu"*. Trong trận đòn thù đêm 27-3-1961, anh luôn miệng hô khẩu hiệu **"Hồ Chủ tịch muôn năm"** cho đến khi tắt thở. Lòng tôn kính vị "Cha già dân tộc" đã nâng anh từ một kẻ giang hồ thành chiến sĩ cách mạng và anh đã đi trọn lẽ sống của mình.

Ông Cao Văn Ngọc sinh năm 1897 tại làng An Ngãi, quận Long Điền, tỉnh Bà Rịa (nay là tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Xuất thân là hương quản, tham gia kháng chiến làm thư ký nông hội xã, khi bị bắt chỉ là cơ sở của chi bộ xã, nhưng ông là một trong số những người kiên cường nhất trong cuộc đấu tranh chống ly khai Đảng Cộng sản, chống hô khẩu hiệu đả đảo Hồ Chí Minh.

Bọn cải huấn đã nhiều lần khiêu khích, chất vấn vì sao ông không là đảng viên mà chống ly khai Đảng cộng sản, ông duyên nợ gì với Hồ Chí Minh mà lại phải chống hô khẩu hiệu? Ông đã hóm hỉnh trả lời: *"Cụ Hồ giải phóng cho dân tộc khỏi ách nô lệ, tôi mang cái nợ đó, tôi phải trả suốt đời"*.

Khi chỉ còn vài chục người chống ly khai trong Chuồng Cọp, không ít người đã dao động, suy tính chuyện sống hay chết thì ông động viên anh em: *"Mấy chú là đảng viên, mấy chú được chiến đấu cho lý tưởng cộng sản, được chết cho lý tưởng cộng sản thì còn vinh*

dự nào bằng". Ông già Cao Văn Ngọc và sau đó là Lưu Chí Hiếu đã được tù chính trị xếp vào hàng những ngôi sao sáng nhất.

VI

Hơn một tháng sau trận đòn thù, 10 người còn lại vẫn chưa gượng dậy được. Kẻ thù tiếp tục đày ải và đánh đập để truy bức, nhanh chóng xóa sổ những "phần tử ngoan cố" cuối cùng. Anh Trần Trung Tín đã tuyệt thực đến chết để phản đối đợt khủng bố man rợ này. Anh tuyệt thực được 20 ngày thì Tỉnh trưởng Tăng Tư ra lệnh cúp nước. Anh trút hơi thở cuối cùng vào ngày 13-8-1961.

Gương chiến đấu và hy sinh cao đẹp của Trần Trung Tín đã để lại ấn tượng sâu sắc trong tập thể các chiến sĩ kiên cường đang trực diện chống ly khai ở Chuồng Cọp Côn Đảo. Có lúc ở chung một chuồng với Lưu Chí Hiếu, Trần Trung Tín đã từng viết lên tường gian Chuồng Cọp hai chữ "**LY KHAI**" và một dấu **"?"** rõ to. Anh nằm dưới sàn Chuồng Cọp, nhìn lên hai chữ ấy thật lâu, nhiều ngày, không nói năng gì. Một hôm, anh đứng dậy, xóa đi hai chữ "**LY KHAI**" và xóa luôn dấu **"?"**. Từ khi ấy, anh bền bỉ chiến đấu và cương quyết hy sinh, vẹn toàn khí tiết. Lúc anh hấp hối, bọn cải huấn đem thư của vợ anh ra đọc, lấy hình vợ con vừa gửi đến cho xem, anh nhắm mắt, lặng im. Anh quyết tử để giữ vẹn tấm lòng trung với Đảng với Bác Hồ, chết để chặn tội ác kẻ thù.

Cái chết của Trần Trung Tín đã chấm dứt đợt khủng bố ghê rợn của địch. Chúng mở cửa Chuồng Cọp, cho 9 người còn lại ra sân chơi, tắm giặt, ăn uống bình thường. Kẻ địch đã ngó cửa, hạ thấp điều kiện đến tận cùng hòng

thanh toán những can cứu chống ly khai ngoan cố nhất bằng các thủ đoạn lừa lọc. Ai khai bệnh là chúng đưa đi bệnh xá ngay, cho chữa trị dài ngày, không động đến chuyện ly khai, không bắt ký kiến nghị, hô khẩu hiệu như trước. Bọn cải huấn xúm vào vận động những người còn lại ra bệnh xá trị bệnh để chúng "đóng cửa Chuồng Cọp, dùng vào việc khác". Ngày 8-8-1961, anh Nguyễn Đình Đông xin ra bệnh xá điều trị. Ngày 21-8-1961, anh Nguyễn Văn Điển cũng chấp nhận ra bệnh xá.

VII

Việc ra đi của Nguyễn Đình Đông và Nguyễn Văn Điển khiến những người còn lại phải lượng sức chiến đấu của mình, của đồng đội. Mỗi người lúc này không chỉ thuộc về mình mà còn thuộc về cả một tập thể chiến đấu. Trong đợt địch ngưng khủng bố, 7 người còn lại đã thảo luận về hai nguy cơ đặt ra lúc ấy là **cái chết** và **sự ly khai**. Nếu người cuối cùng trong họ không chết tại Chuồng Cọp mà ly khai thì có nghĩa là cuộc đấu tranh chống ly khai cộng sản trong gần 6 năm qua hoàn toàn thất bại.

Bảy người còn lại là những "hạt gạo cội" trên sàng, là ngọn cờ cho hàng ngàn người tù chính trị đang vươn lên phục hồi khí tiết. Nếu họ đều vững vàng, kiên cường chiến đấu đến hơi thở cuối cùng rồi hy sinh tất cả thì kẻ thù phải cam chịu thất bại, rằng tất cả mọi âm mưu thâm độc nhất, mọi thủ đoạn tàn bạo nhất của một chế độ chống cộng cực đoan nhất vẫn không thể khuất phục được trái tim và khối óc của những người cộng sản. Song, đối với mỗi người, với cả tập thể chiến đấu, với phong trào cách mạng thì đây là một tổn thất lớn. Có

nên chấp nhận một sự hy sinh như vậy hay không? Và, lỡ ra, một người nào đó trong họ lại rơi rớt, và không may lại là người cuối cùng thì thật là đau xót. Đành rằng, ai cũng phải thừa nhận, chiến đấu đến cỡ đó là kiên cường lắm rồi, là vượt xa hàng ngàn, hàng vạn người khác rồi...

Theo báo cáo của đồng chí Nguyễn Đức Thuận tại Trung ương Cục khi được trả tự do (5-1964), Nguyễn Đức Thuận, người có cương vị lãnh đạo cao nhất trước khi bị bắt đã trao đổi với Phan Trọng Bình rồi đưa ra chủ trương *"Nhượng bộ một phần trăm để cứu mạng sống"*. Nếu anh em nhất trí chủ trương này thì sẽ tiếp tục bàn bạc, nhân lúc địch đã hạ thấp điều kiện, không nói đến chữ "ly khai", không bắt ký giấy cam kết, làm tờ phản tỉnh..., chỉ yêu cầu ra bệnh xá trị bệnh thì bố trí cho anh em ra, để bảo tồn lực lượng, để lãnh đạo phong trào, để còn có cơ hội trở về báo cáo với Đảng những thủ đoạn vô cùng thâm độc của kẻ thù cùng những kinh nghiệm và tinh thần chiến đấu vô cùng anh dũng của đội ngũ chống ly khai tại Chuồng Cọp Côn Đảo. Theo phương án này, chỉ để lại một hoặc hai người ở lại Chuồng Cọp, quyết tử chiến đấu, khi cần sẽ hy sinh để tố cáo kẻ thù, rằng chúng đã không thể nào khuất phục được những người cộng sản, rằng chúng đã phải giết tất cả những người trực diện chống ly khai...

Nghe xong chủ trương, phương án, Lưu Chí Hiếu là người phản đối đầu tiên. Anh lết đến gặp Nguyễn Đức Thuận và Phan Trọng Bình tại sân tắm nắng trước cửa Chuồng Cọp nói: *"Các anh bàn gì thì bàn, nhưng đừng bàn chuyện ly khai Đảng"*. Nói xong, anh lết về chuồng mình, lòng nặng trĩu nỗi buồn bực mà anh không đủ lý

luận, lời lẽ để diễn tả. Dường như chưa được yên tâm, giờ tắm nắng ngày hôm sau, anh lết lại nói với hai anh Nguyễn Đức Thuận và Phan Trọng Bình: "*Các anh đừng quyết định cho tôi ly khai, tôi không chấp hành đâu. Đảng dạy chúng ta chiến đấu chứ không dạy chúng ta đầu hàng, dẫu chúng ta có hy sinh đến người cuối cùng thì thời gian và lịch sử sẽ báo cáo lại với Đảng, với Bác. Không thể ly khai được. Ly khai là làm sai tiếng nói lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng ta. Ly khai là cướp không xương máu của những người đã hy sinh*".

Sau Lưu Chí Hiếu, các anh Nguyễn Minh, Lê Văn Một, Phạm Quốc Sắc và Huỳnh Văn Khi cũng phát biểu ý kiến, bày tỏ lập trường quyết tử chống ly khai. Cuộc thảo luận trong những ngày ngắn ngủi giữa hai đợt khủng bố trở thành một đợt sinh hoạt chính trị vô cùng quan trọng, góp phần củng cố lập trường quan điểm cho 7 chiến sĩ kiên cường. Họ không nhượng bộ một phần trăm nào nữa mà cùng nhau **Cam kết quyết tử chống ly khai** với tinh thần tự lực chiến đấu, còn một người cũng chiến đấu, trong bất kì hoàn cảnh nào đều phải chống ly khai, chống tố cộng, chống chào cờ, bảo vệ bằng được khí tiết của người cách mạng, bảo vệ lý tưởng cộng sản, bảo vệ uy tín của Đảng, của Bác Hồ kính yêu. Lưu Chí Hiếu đã thể hiện nổi bật bản lĩnh của người cộng sản trong lần quyết định vận mệnh cuộc đấu tranh chống ly khai vào lúc hiểm nghèo. Những ý kiến của anh đã trở thành linh hồn cho **Cam kết quyết tử chống ly khai**.

Cam kết quyết tử chống ly khai giống như một nghị quyết quan trọng nhất mà sau 6 năm với biết bao tổn thất hy sinh, những người tù chính trị đã có được. **Cam kết quyết tử chống ly khai** là lời tâm huyết của

7 con người đã sức cùng lực kiệt, đã chết đi sống lại hàng trăm lần trong đọa đày cùng cực. Họ đang chết dần, chết mòn từng phần trên cơ thể để rồi hội tụ tất cả tinh hoa, khí phách anh hùng của chính mình và của đồng đội mình đã ngã xuống, tận hiến cho cuộc đấu tranh bảo vệ lý tưởng cộng sản quyết liệt nhất trong lao tù.

Bảy thân hình tiều tụy siết chặt tay nhau trước dãy Chuồng Cọp. Họ ôm hôn, vĩnh biệt nhau. Từ giờ phút ấy, không ai còn thuộc về mình nữa. Họ đã tự nguyện đi vào cõi vĩnh hằng để gieo mầm cho lý tưởng cộng sản chiến thắng ngay trong ngục tù đế quốc.

VIII

Mùa đông năm 1961, địch xối nước nhiều hơn. Có đêm, chúng còn múc cả phân, nước tiểu, nước dơ, dầu nhớt xối xuống người các anh. Anh Huỳnh Văn Khi bị tàn phế, địch đưa về đất liền. Những trận đòn không kỳ hạn cùng cơm gạo trắng với mắm thối làm suy sụp nghiêm trọng cơ thể 6 ngọn cờ chống ly khai còn lại. Mạng sống của 6 người mong manh, lay lắt.

Thấy Lưu Chí Hiếu ói ra máu mỗi ngày vài lần, địch tăng cường khủng bố hòng buộc anh hoặc là chết, hoặc ly khai. Lưu Chí Hiếu đã chọn con đường quyết tử. Anh chọn cái chết để chặn bàn tay khủng bố của kẻ thù. Sáng 24-12-1961, anh gọi Năm Trọng, Công an biệt phái, Trưởng ca gác đến tố cáo chế độ khủng bố tại Chuồng Cọp và yêu cầu chúng phải chấm dứt khủng bố hành hạ, tôn trọng tự do tư tưởng của tù chính trị. Anh tuyên bố rằng nếu đêm nay còn xối nước, anh sẽ đập đầu chết ngay cho chúng biết, người cộng sản không sợ chết.

Năm Trọng trả lời cộc lốc: "*Đêm nay đếch phải phiên tao*". Đêm 24-12-1961, phiên thằng Vân, Công an biệt phái làm Trưởng ca gác. Hắn hối bọn trật tự xối nước lẹ đi để hắn còn đi lễ ở nhà thờ. Lưu Chí Hiếu ôn tồn nói với hắn, yêu cầu ngưng ngay kiểu khủng bố man rợ này, nếu không anh sẽ đập đầu chết ngay tại đây để phản đối. Thằng Vân cười hô hố rồi ra lệnh cho bọn trật tự xối mạnh tay vào. Lưu Chí Hiếu vịn tường đứng dậy, lớn tiếng chào vĩnh biệt đồng đội và dồn hết tàn lực lao đầu xuống sàn Chuồng Cọp, nhưng không chết được. Anh giận dữ la lớn: "*Quân dã man! Lôi tao ra mà đánh cho chết đi. Đồ năm bảy chục thùng cho chết ngay đi. Tao không thèm ly khai Đảng của tao đâu, Đảng của Bác Hồ vĩ đại*".

Thằng Vân hét như điên như dại: "*Xối! Xối nữa! Xối liền tay!*" Bọn trật tự điên cuồng xối xuống đầu anh 44 thùng nước. Anh hy sinh ngay trong đêm Chúa giáng sinh. Bọn trật tự thở hổng hộc rồi lôi rượu ra uống. Thằng Vân bỏ gác, đi dự lễ Noel ở nhà thờ. Không ai biết hắn cầu nguyện điều gì, cầu cho oan hồn vừa bị hắn giết hại hay cầu Chúa tha thứ cho tội lỗi của hắn hôm nay để rồi lại lao vào cuộc đánh giết ngày mai? Liệu Chúa có tha thứ không?

Sáng hôm sau, Năm Trọng đến đổi gác sớm hơn thường lệ. Năm Trọng không chửi bậy, nói chuyện tục tĩu như mọi khi mà lầm lũi đi thẳng một mạch lên cầu thang Chuồng Cọp, đứng trên nóc chuồng giam Lưu Chí Hiếu, lặng lẽ nhìn xuống hồi lâu rồi thảng thốt gọi: "*Hiếu ơi... Hiếu à...*" Không có tiếng trả lời. Hắn lẩm bẩm: "*Chết rồi...*" và gọi trật tự Phan Phước mở cửa, cho hai anh Nguyễn Đức Thuận và Phan Trọng Bình nằm ở hai chuồng cạnh đó sang thăm.

Lưu Chí Hiếu ngồi dưới sàn, đầu gục vào hai bàn tay tỳ trên bệ Chuồng Cọp, trần truồng gầy đét, lạnh cứng, tóc lởm xởm xõa đến vai. Anh Nguyễn Đức Thuận bật khóc hu hu. Anh Phan Trọng Bình ôm lấy bạn, nước mắt giàn giụa mà khóc không thành tiếng. Anh Phạm Quốc Sắc ở cách đó một gian cũng khóc nấc lên.

Lưu Chí Hiếu là người chống ly khai cuối cùng hy sinh tại Chuồng Cọp. Cái chết oanh liệt của Lưu Chí Hiếu đã chặn đứng đợt khủng bố của kẻ thù. Khi ấy, đội ngũ chống ly khai chỉ còn lại Năm anh: Nguyễn Đức Thuận, Phan Trọng Bình, Phạm Quốc Sắc, Nguyễn Minh, Lê Văn Một. Địch mở cửa Chuồng Cọp, cho các anh ra sân chơi, không đánh đập, không xối nước và cho ăn uống bình thường trở lại. Năm Trọng, Công an biệt phái gác Chuồng Cọp thay đổi hẳn tính tình, bớt uống rượu, bớt chửi bậy, chuyển sang ăn chay và làm đơn xin đổi về Sài Gòn, bỏ nghề gác ngục.

Đại úy Bùi Văn Tám, ra Côn Đảo nhận chức Phụ tá Tỉnh trưởng, phụ trách an ninh đã bỏ kiểu khủng bố, truy bức tư tưởng đối với năm chiến sĩ chống ly khai còn lại: Nguyễn Đức Thuận, Phan Trọng Bình, Phạm Quốc Sắc, Nguyễn Minh, Lê Văn Một. Hắn đã nói với Năm anh vào buổi sáng 11-1-1962 trước cửa Chuồng Cọp rằng: "*Vũ lực không thể thắng được trái tim những người cộng sản*". Toàn thể tù chính trị đã tôn vinh các anh là **Năm anh - Năm ngôi sao sáng**. Riêng Lưu Chí Hiếu và ông già Cao Văn Ngọc được suy tôn là **Những ngôi sao sáng nhất**.

Cuộc đời chiến đấu của Lưu Chí Hiếu, của ông già Cao Văn Ngọc, Trần Trung Tín và những đồng chí, đồng

đội đã ngã xuống trong Chuồng Cọp Côn Đảo là những bản anh hùng ca bất diệt. Năm trăm người đã ngã xuống nhưng năm người còn lại cuối cùng vẫn giương cao ngọn cờ quyết tử chống ly khai. Họ tồn tại như một chiến lũy của chủ nghĩa cộng sản giữa sào huyệt kẻ thù, giữa bốn bể nanh vuốt khủng bố của một chế độ chống cộng cực đoan và tàn bạo nhất.

IX

Sau khi Ngô Đình Diệm bị đảo chính (11-1963), **Năm anh** được đưa về đất liền và trả tự do cùng nhiều tù chính trị khác. **Tám kinh nghiệm chiến đấu của Năm anh** và gương chiến đấu của Trần Trung Tín, Lưu Chí Hiếu, ông già Cao Văn Ngọc được toàn thể tù chính trị học tập, noi theo. **Tám kinh nghiệm** do các anh Nguyễn Đức Thuận, Phan Trọng Bình cùng tập thể chiến đấu trong Chuồng Cọp tổng kết, phổ biến truyền miệng, trở thành bài học "nằm lòng" vô cùng quý giá cho lực lượng tù chính trị đang đấu tranh vươn lên. Nội dung cơ bản của Tám kinh nghiệm là: "*Đặt lên hàng đầu nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ khí tiết; Thống nhất tư tưởng, ý chí và hành động; Đoàn kết chiến đấu; Biết tranh thủ, thuyết phục kẻ thù; Tránh bộc lộ lực lượng, hạn chế tổn thất; và kinh nghiệm quan trọng nhất là* ***Quyết tâm - Quyết tử - Tự lực - Trường kỳ***".

Không quán triệt sâu sắc khẩu hiệu này thì không bao giờ chiến thắng trên mặt trận bảo vệ khí tiết trong tù. Mỗi một từ, một ý trong **Tám kinh nghiệm** đều được từng nhóm tù nhân thảo luận thật kỹ, trân trọng và quán triệt như là học tập các nghị quyết của Đảng. Hàng ngàn người đã ly khai, vấp ngã đều vươn lên đấu tranh, kiến

tạo lập trường khí tiết. Bằng cuộc tuyệt thực tranh đấu kéo dài 23 ngày (6-1964), 4 người hy sinh, tù chính trị câu lưu đã giành được thắng lợi, buộc kẻ địch tôn trọng tự do tư tưởng của tù chính trị, không cưỡng bức ly khai cộng sản, không học tố cộng, không chào cờ ngụy quyền.

Bền bỉ đấu tranh, bảo vệ khí tiết của người tù chính trị, tập thể tù chính trị câu lưu đã từng bước củng cố đội ngũ, thống nhất tư tưởng và hành động và tiến tới thành lập tổ chức Đảng trong nhà tù vào ngày 3-2-1972. Tất cả đều nhất trí đặt tên là Đảng bộ Lưu Chí Hiếu. Đồng chí Trần Văn Cao là Bí thư, đồng chí Trịnh Văn Tư là Phó Bí thư, đồng chí Mai Xuân Cống là Ủy viên Thường vụ[1]. Đợt đầu, Đảng bộ kết tập 11 người, sau đó xây dựng 10 chi bộ trong 10 phòng của Trại VI khu B, mỗi chi bộ từ 5 đến 10 đảng viên, cuối năm 1972 tổng số 62 đảng viên được kết tập.

Đảng bộ xác định rõ nhiệm vụ là lãnh đạo toàn diện về chính trị, tư tưởng, tổ chức, hoạt động và tranh đấu của lực lượng tù chính trị câu lưu. Mang tên Lưu Chí Hiếu, người chiến sĩ kiên cường trong cuộc đấu tranh chống ly khai và hy sinh anh dũng tại Chuồng Cọp (24-12-1961), vẹn toàn khí tiết, Đảng bộ đã đặt lên hàng đầu nhiệm vụ lãnh đạo cuộc đấu tranh chính trị, bảo vệ khí tiết của lực lượng tù câu lưu.

Đảng bộ tổ chức ra Đoàn Thanh niên Lao động mang tên Nguyễn Văn Trỗi, ra tập san *Xây Dựng*, giáo dục

1 Sau ngày giải phóng, Đồng chí Trần Văn Cao là chuyên viên cao cấp của Ban tổ chức Trung ương Đảng; đồng chí Trịnh Văn Tư (Tư Lâu, Tư Cần) giữ các chức vụ: Chủ tịch tỉnh, Bí thư Tỉnh ủy Cửu Long, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Ban kiểm tra Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Tây Ninh, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long, hiện đã nghỉ hưu; đồng chí Mai Xuân Cống là Ủy viên Thường vụ, Trưởng Ban Kiểm tra Tỉnh ủy Phú Khánh, từ trần năm 1994.

chính trị, lý luận, nhân cách, và rèn luyện lực lượng tù chính trị trong tranh đấu. Các Nghị quyết của Đảng ủy được toàn thể tù nhân chấp hành nghiêm túc. Ngày thành lập Đảng và các ngày lễ kỷ niệm của cách mạng, của dân tộc đều được tổ chức trọng thể, công khai treo cờ của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, bảo đảm tính giáo dục cao, bất chấp sự khủng bố của kẻ thù. Mọi sinh hoạt trong trại giống như một vùng giải phóng giữa lao tù Mỹ - ngụy.

Việc thành lập Đảng bộ Lưu Chí Hiếu đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của tù chính trị câu lưu. Đảng bộ Lưu Chí Hiếu thực sự trở thành bộ tham mưu chiến đấu lãnh đạo toàn bộ các hoạt động và tranh đấu tại Trại VI khu B. Nhiều đảng viên của Đảng bộ đã được cử vào Đảng ủy lâm thời, đóng góp xuất sắc trong thời điểm nổi dậy giải phóng hoàn toàn Côn Đảo sau này. Đảng bộ Lưu Chí Hiếu thành lập ở Trại VI khu B (3-2-1972) là một Đảng bộ vững mạnh, thật sự có vai trò lãnh đạo vì được sinh ra từ cuộc đấu tranh bảo vệ khí tiết của tù chính trị câu lưu, hội tụ được những tinh hoa tiêu biểu trong cuộc đấu tranh ấy. Đảng bộ Lưu Chí Hiếu là nòng cốt của Đảo ủy lâm thời Côn Đảo trong đêm nổi dậy (đêm 30 rạng ngày 1-5-1975). Các đảng viên được Đảng bộ tập hợp và kết nạp mới trong tù về đều được Đảng công nhận và phát huy tác dụng tốt.

Bằng khí phách kiên cường, người chiến sĩ quyết tử Lưu Chí Hiếu đã chiến đấu đến hơi thở cuối cùng cho lý tưởng cộng sản, cho độc lập tự do của Tổ quốc. Lưu Chí Hiếu đã làm rạng danh cho những người tù chính trị Côn Đảo, cho giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam, cho Tiểu đoàn Quyết tử Sài Gòn - Gia Định.

Cho đến bây giờ, chưa có một tấm huân chương, chưa có một danh hiệu cao quý nào được tặng cho những chiến công trên Mặt trận: Nhà tù, chưa có ai khắc bia, tạc tượng về Lưu Chí Hiếu, nhưng tên tuổi anh đã sống mãi trong lòng những người tù chính trị Côn Đảo. Anh được cả một thế hệ tù chính trị Côn Đảo thời chống Mỹ tôn vinh và ngưỡng mộ. Lưu Chí Hiếu và ông già Cao Văn Ngọc được tù chính trị Côn Đảo xếp vào hàng **những ngôi sao sáng nhất**.

Giáo sư Sử học Trần Văn Giàu đã nhận xét về Lưu Chí Hiếu, về già ông Cao Văn Ngọc và những chiến sĩ tiên phong trên mặt trận chống ly khai trong tù rằng: "**Đó là những người anh hùng thật sự, hàng trăm lần anh hùng**". Giáo sư đã trang trọng đưa tên ông (Cao Văn Ngọc), cùng những mẩu chuyện về cuộc đời chiến đấu của ông vào chương sách mang tên **Vàng trong lửa**, chương sách cùng tên cho cuốn **Vàng trong lửa** về "chương trình đề tài Chủ tịch Hồ Chí Minh với miền Nam Tổ quốc" mà giáo sư là chủ nhiệm.

Lưu Chí Hiếu đã đi vào những trang đẹp nhất của bộ lịch sử Nhà tù Côn Đảo do Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia ấn hành. Tên anh đã được đặt cho một con đường thật đẹp ở Côn Đảo và mới đây, thành phố Vũng Tàu cũng đang chọn một con đường trong quy hoạch mới để đặt tên anh, người cộng sản kiên cường của Thành phố Hồ Chí Minh, đã tỏa sáng bản lĩnh và nhân cách trong ngục tù Côn Đảo.

HUỲNH VĂN KHI
TRỌN MỘT LỜI THỀ[1]

Nhân chuyến đi thăm lại Côn Đảo cách đây hơn 10 năm, ông Phan Trọng Bình đã kể về "Cam kết quyết tử chống ly khai ở Chuồng Cọp". Đó là lời thề thiêng liêng mà 7 chiến sĩ kiên cường trong cuộc đấu tranh chống ly khai Đảng Cộng sản đã tự nguyện cam kết, bền bỉ đấu tranh, dâng hiến vẹn toàn cuộc đời mình cho lý tưởng cộng sản. Chống ly khai cộng sản là một mặt trận đấu tranh đặc biệt, có một không hai trong lịch sử chiến tranh.

Giáo sư Sử học Trần Văn Giàu từng nhận xét về những chiến sĩ chống ly khai cộng sản ở Chuồng Cọp Côn Đảo: "*Đó là những người anh hùng thật sự, hàng trăm lần anh hùng*".

Tôi đã bỏ công đi tìm ý nghĩa hiện thực tiềm ẩn trong lời cam kết thiêng liêng, được ghi đậm như một nghị quyết quan trọng nhất của những người tù chính trị Côn Đảo thời Mỹ - ngụy.

Bảy người hồi ấy, Lưu Chí Hiếu đã hy sinh anh dũng tại Chuồng Cọp. Bốn người khác đã lần lượt ngã xuống trên mọi nẻo đường. Giờ đây, chứng kiến lời thề linh thiêng ấy cùng Phan Trọng Bình, chỉ còn lại ông Huỳnh Văn Khi.

---

1 Bài in trong sách "*Nhà tù Côn Đảo - Nhà lao Phú Quốc*", Nxb Lao Động, Hà Nội, 2005.

Lần đầu tiên, tôi gặp ông Khi tại Huyện uỷ Long Thành (tỉnh Đồng Nai), ngày 21-9-1987. Cuộc họp hôm ấy do ông Tám Hải, Bí thư Huyện uỷ chủ trì, với sự tham gia của ông Lê Minh Hà, Uỷ viên Ban Thường vụ Đặc khu uỷ Vũng Tàu - Côn Đảo; ông Hà Huy Giáp, Nhà sử học cũng là người tù chính trị Côn Đảo lớp trước và hơn hai chục người bạn tù cùng thời với Huỳnh Văn Khi.

Với những chứng cứ đáng tin cậy, Hội nghị đã đi đến sự thống nhất cao với kết luận: Đồng chí Huỳnh Văn Khi không ly khai cộng sản, đính chính lại một nhầm lẫn đáng tiếc của tác giả cuốn *Bất Khuất*. Kết luận ấy không chỉ minh chứng cho một con người mà còn góp phần đánh giá đúng tầm vóc về một cuộc chiến đấu đặc biệt kiên cường của những chiến sĩ tiên phong trên trận tuyến đấu tranh vì độc lập, tự do, vì lý tưởng cộng sản, vì lẽ sống nhân văn, chống chủ nghĩa thực dân, chống áp bức, cường quyền.

Nhà tù Côn Đảo là nơi tập trung lưu đày phần lớn cán bộ và quần chúng trung kiên, được thanh lọc từ các nhà tù trên toàn miền Nam. Mỹ - ngụy đã tiến hành một chiến lược chống cộng trong tù vô cùng tàn bạo và thâm độc. Chúng đánh vào tận gốc tư tưởng tù chính trị bằng cách cưỡng bức họ ly khai Đảng Cộng sản; chúng đánh vào tận cùng nhân cách, biến người tù thành kẻ phản bội; chúng đánh vào tận đáy sâu tâm hồn, nơi ngưỡng mộ thiêng liêng của một dân tộc bằng cách cưỡng bức những người đã ly khai phải hô khẩu hiệu "đa đảo Hồ Chí Minh". Chính vì thế, cuộc đấu tranh chống ly khai Đảng cộng sản, chống tố cộng trong tù đã diễn ra vô cùng quyết liệt. Người tù, khi bị kềm kẹp trong cũi, xiềng, khi bị biệt giam trong xà lim, chuồng cọp, khi trần trụi

giữa bầy ác ôn với đầy đủ phương tiện khủng bố và sự tàn bạo vô hạn độ. Đó là nơi đối đầu cao nhất giữa ý chí đấu tranh cho độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội với một thế lực chống cộng quốc tế do đế quốc Mỹ cầm đầu.

Vào những lúc thử thách cao nhất của cuộc chiến đấu, đương đầu với sự khủng bố man rợ tột cùng, không phải ai cũng có đủ bản lĩnh chịu đựng. Tháng 8-1961, đội ngũ chống ly khai chỉ còn lại 7 người. Hàng trăm người đã hy sinh anh dũng trong cuộc chiến đấu. Hàng ngàn người không chịu nổi thử thách khốc liệt đã bị đánh bứt khỏi vị trí. Huỳnh Văn Khi còn lại trong số 7 người. Trong đợt địch ngưng khủng bố, 7 người còn lại đã thảo luận về hai nguy cơ đặt ra lúc ấy là cái chết và sự ly khai. Nếu người cuối cùng trong họ không chết tại Chuồng Cọp mà ly khai thì có nghĩa là cuộc đấu tranh chống ly khai cộng sản trong gần 6 năm qua hoàn toàn thất bại. Bảy người còn lại là những "hạt gạo cội" trên sàng, là ngọn cờ cho hàng ngàn người tù chính trị đang vươn lên phục hồi khí tiết.

Theo báo cáo của đồng chí Nguyễn Đức Thuận tại Trung ương Cục khi được trả tự do (5-1964), Nguyễn Đức Thuận, người có cương vị lãnh đạo cao nhất trước khi bị bắt, đã trao đổi với Phan Trọng Bình rồi đưa ra chủ trương "Nhượng bộ một phần trăm để cứu mạng sống". Lưu Chí Hiếu là người đầu tiên phản đối chủ trương này một cách quyết liệt.

Sau Lưu Chí Hiếu, các ông Nguyễn Minh, Lê Văn Một, Phạm Quốc Sắc cũng phát biểu ý kiến, bày tỏ lập trường quyết tử chống ly khai. Ông Huỳnh Văn Khi đã cấm khẩu từ tháng trước, lúc đó cũng phều phào nói với Nguyễn Đức Thuận: "*Các anh sao tôi vậy*".

Cuộc thảo luận trong những ngày ngắn ngủi giữa hai đợt khủng bố trở thành một đợt sinh hoạt chính trị vô cùng quan trọng, góp phần củng cố lập trường, quan điểm cho 7 chiến sĩ kiên cường. Họ không nhượng bộ một phần trăm nào nữa mà cam kết cùng nhau Quyết tử chống ly khai với tinh thần tự lực chiến đấu, còn một người cũng chiến đấu, trong bất kỳ hoàn cảnh nào đều phải chống ly khai, chống tố cộng, chống chào cờ, bảo vệ bằng được khí tiết của người cách mạng, bảo vệ lý tưởng cộng sản, bảo vệ uy tín của Đảng, của Bác Hồ kính yêu.

Cam kết Quyết tử chống ly khai giống như một nghị quyết quan trọng nhất mà sau 6 năm với biết bao tổn thất hy sinh, những người tù chính trị đã có được.

Cam kết Quyết tử chống ly khai là lời tâm huyết của 7 con người đã sức cùng lực kiệt, đã chết đi sống lại hàng trăm lần trong đọa đày cùng cực. Họ đang chết dần, chết mòn từng phần, từng phần trên cơ thể để rồi hội tụ tất cả tinh hoa, khí phách anh hùng của chính mình và của đồng đội đã ngã xuống, tận hiến cho cuộc đấu tranh bảo vệ lý tưởng cộng sản quyết liệt nhất trong lao tù.

Bảy thân hình tiều tụy siết chặt tay nhau trước dãy Chuồng Cọp. Họ ôm hôn, vĩnh biệt nhau. Từ giờ phút ấy, không ai còn thuộc về mình nữa. Họ đã tự nguyện đi vào cõi vĩnh hằng để gieo mầm cho lý tưởng cộng sản chiến thắng ngay trong ngục tù đế quốc.

Trong số bảy người, tình trạng sức khỏe của ông Huỳnh Văn Khi là bi đát nhất. Huỳnh Văn Khi (tự Nguyễn Văn Chi), sinh năm 1917 tại xã An Phước, quận Long Thành, tỉnh Biên Hòa (nay thuộc tỉnh Đồng Nai). Trận đòn thù đêm 27-3-1961, ông bị gãy 11 xương sườn, 2 xương quai

xanh, mang thêm chứng kiết lỵ mãn tính. Hơn ba tháng ròng ông chỉ ngồi bó gối cạnh thùng cầu tiêu.

Khi tấm thân tàn phế không còn lết được trên hai cánh tay gầy guộc nữa, địch khiêng Huỳnh Văn Khi ra bệnh xá (5-9-1961). Sau 10 tháng bệnh tình không thuyên giảm, địch đưa Huỳnh Văn Khi và sinh viên Trần Hữu Đại, cùng mang bệnh nan y bởi những trận đòn Chuồng Cọp về nhà thương Chợ Quán. Trần Hữu Đại đã trút hơi thở cuối cùng ở nhà thương này, còn Huỳnh Văn Khi bị trả về lao xá vì tình trạng thương tật của ông vượt quá khả năng điều trị.

Tháng 3-1964, Ty Cảnh sát ngụy tại Biên Hòa làm thủ tục trả về cho gia đình ông một nắm xương bọc da còn thoi thóp thở. Nhờ sự chăm lo hết lòng của người bạn đời thủy chung, ông đã hồi sinh. Nay ông là thương binh hạng 1/4 (hơn 80% thương tật).

Tôi gặp lại ông cách đây hai năm trong một căn nhà gạch mới cất, một phần do sự trợ giúp của chính quyền tỉnh Đồng Nai và huyện Long Thành, một phần chắt chiu từ khoản tiền thương tật và lương hưu ít ỏi, một phần nhờ sự quyên góp nghĩa tình của những người tù Côn Đảo mà ông Phan Trọng Bình, người đồng đội chí cốt ở Chuồng Cọp năm xưa, đứng ra lo liệu. Căn nhà cũ ông ở từ 20 năm trước, vách lá, lợp tôn đã xiêu vẹo, mái thủng lỗ chỗ, mỗi cơn mưa phải căng ni lon tứ bề. Từ khi ở tù về, ông phải dùng thuốc nhiều hơn cơm, những cơn đau quằn quại hành hạ ông nhiều hơn là giấc ngủ. Bây giờ thì ông mãn nguyện. Ông phều phào nói vậy. Nước mình độc lập rồi. Ông chỉ mong có vậy.

Lời thề với non sông, với đồng đội, với lòng mình, ông đã trọn vẹn rồi. Tôi gạn hỏi đôi lần, ông mới hé ra

chút nuối tiếc là ông chưa được ra thủ đô viếng Cụ Hồ và chưa có dịp thăm lại Côn Đảo, thắp nén nhang cho những người bạn đã cam kết cùng ông Quyết tử chống ly khai, nay nằm lại Hàng Dương.

Cho đến bây giờ, ở nước Mỹ vẫn có những thế lực thù địch chống Việt Nam, đòi nhân quyền cho hài cốt gần 300 lính Mỹ mất tích trong cuộc chiến tranh xâm lược. Nhân dân Mỹ có biết chăng, chỉ riêng ở Côn Đảo thôi, đã có hàng trăm tù chính trị chết mất xác trong cuộc chiến tranh chống bọn xâm lược Mỹ. Và, hàng ngàn người khác từ nhà tù này trở về với thân thể bại xụi, tàn phế, quằn quại trong những cơn đau đớn triền miên như Huỳnh Văn Khi. Họ là nạn nhân của súng đạn Mỹ, còng xiềng Mỹ, nhà tù kiểu Mỹ, và đồng đôla viện trợ bẩn thỉu của Mỹ.

Vào giờ phút đang ngồi viết những dòng này, những người tù chính trị Côn Đảo ở Thành phố Hồ Chí Minh thông báo cho tôi biết ông Huỳnh Văn Khi vừa trút hơi thở cuối cùng[1]. Vậy là ông không còn dịp để thực hiện 2 ước nguyện cuối cùng. Ông Phan Trọng Bình, người cùng ông thực hiện lời thề năm xưa đã kịp có mặt trong đoàn tù đến viếng Huỳnh Văn Khi tại Long Thành. Ông vừa trải qua một cơn đau nặng vì những vết thương tái phát.

Ông đã thầm lặng chịu đựng nỗi đau từ vết thương chiến tranh để dân tộc được yên vui trong hòa bình, tự do và độc lập.

1 Ông trút hơi thở cuối cùng vào ngày 15-6-1995.

NHỮNG MẨU CHUYỆN CỦA TÙ CHÍNH TRỊ CÔN ĐẢO ĐỐI VỚI BÁC HỒ KÍNH YÊU[1]

CHÚNG TÔI THEO HỒ CHÍ MINH

Ngày 11-1-1957, Mỹ - ngụy đày chuyến tù chính trị đầu tiên ra Côn Đảo. Trong năm 1957, chúng đày ra 10 chuyến, tổng cộng 3.080 tù nhân. Ổn định xong bộ máy cai trị, Mỹ - ngụy tiến hành các thủ đoạn tố cộng trong tù. Trước hết chúng phân loại tù chính trị: ai nhận theo cộng sản, theo Hồ Chí Minh thì chúng giam ở Trại I; ai chịu nhận theo "quốc gia", theo Ngô Đình Diệm, chúng giam ở Trại II. Tỉnh trưởng Bạch Văn Bốn tuyên bố: "*Ai theo "quốc gia" sẽ đối xử bằng bàn tay nhung, ai theo cộng sản sẽ đối xử bằng bàn tay sắt*".

Mặc cho kẻ địch dụ dỗ và hăm dọa, đa số tù chính trị vẫn tình nguyện về Trại I. Nhiều người thẳng thắn khẳng định lập trường không ly khai Đảng Cộng sản và Bác Hồ kính yêu:

- *Tôi theo cộng sản;*
- *Tôi theo Hồ Chí Minh;*

1 Bài in trong sách "*Nhà tù Côn Đảo - Nhà lao Phú Quốc*", Nxb Lao Động, Hà Nội, 2005.

- Tôi chỉ biết Hồ Chí Minh là lãnh tụ duy nhất của dân tộc Việt Nam, Ngô Đình Diệm theo Mỹ, chúng tôi không ủng hộ.

Địch khủng bố và cưỡng bức tù chính trị chống ly khai bằng nhiều thủ đoạn: cấm cố, nhốt chật, đóng cửa phòng suốt ngày đêm, bớt cơm, bớt nước, bệnh không cho thuốc... Trong vòng 14 tháng, Trại I hy sinh 118 người. Kẻ thù lợi dụng cả những phút hấp hối của người tù để cưỡng bức ly khai. Anh Tạ Minh Trí (quê ở Biên Hòa) bị sưng gan, phù thũng trầm trọng không được một viên thuốc nào cho đến phút hấp hối. Tên y tá mật vụ Bảy Nhiên đem thuốc đến dụ: *"Chịu ly khai không? chịu hô đả đảo Hồ Chí Minh không?"*

Anh vẫy tay ra dấu cho hắn đến gần, gượng nhổm dậy, phun một bãi nước miếng vào mặt nó rồi bảo: *"Tụi bay cút đi. Tao chết ở đây chứ không ly khai gì hết"*.

Bảy Nhiên thản nhiên xịt ống thuốc xuống đất rồi bỏ đi. Tạ Minh Trí trở mình, nằm ngay ngắn trở lại, dồn chút hơi sức còn lại hô: *"Hồ Chí Minh muôn năm"* rồi trút hơi thở cuối cùng. Năm ấy anh tròn 33 tuổi.

HỒ CHÍ MINH MUÔN NĂM

Đó là lời nhắn gửi cuối cùng, lời vĩnh biệt đồng chí đồng bào, nhắc nhở nhau vững tin, chiến đấu và chiến thắng. Tạ Minh Trí, Đào Em, Hoàng Thọ, ông Bản, Thinh, Biên, Tiên và hàng trăm tù chính trị Trại I đã hy sinh như vậy.

Ông Nguyễn Văn Mua, 62 tuổi, nông dân ở Thủ Đức, bị bắt vì bị vu oan là hoạt động cộng sản cũng chống ly khai từ đầu. Ông thường nằm lặng lẽ ở một góc khám,

trầm ngâm nhìn lên mái nhà, không trò chuyện hay thổ lộ gì với ai. Khi bệnh nặng, vào phút lâm chung, ông ngồi dậy, dựa lưng vào tường, vuốt lại nếp áo, cất lời cuối cùng: "Hồ Chí Minh muôn năm" rồi từ từ nằm xuống, nhắm mắt xuôi tay, không trăng trối thêm điều gì nữa.

Anh Nguyễn Hiền, Đảng viên Đảng Đại Việt cũng chống ly khai từ ngày đặt chân lên đảo. Nguyễn Hiền đã chịu chung cảnh lon nước, lưng cơm, nằm nghiêng không lọt. Những người tù cộng sản dành cho anh một chỗ nằm thoáng mát và khẩu phần ưu tiên về cơm ăn, nước uống, thuốc chữa bệnh. Anh xúc động tâm sự: "*Tôi không phải là đảng viên cộng sản, quan điểm lập trường khác các anh. Tôi có ly khai cũng không tội lỗi gì, nhưng ngặt một nỗi là ly khai thì chúng bắt hô đả đảo Bác, đó là điều tôi không thể nào làm được. Bác Hồ là người tiêu biểu nhất cho dân tộc Việt Nam cả về đạo đức tác phong và lòng yêu nước. Bởi vậy tôi ở lại đây chiến đấu cùng các anh, nếu cần sẽ chết cùng các anh*".

Chống ly khai cộng sản, chống chế độ Ngô Đình Diệm là lập trường hết sức kiên quyết của anh. Trong con mắt của anh, Bác Hồ là một lãnh tụ vẹn toàn, tài ba siêu việt, còn Ngô Đình Diệm chỉ là một kẻ sát nhân tàn bạo. Anh hy sinh cuối năm 1957 trong vòng tay những người cộng sản. Phút hấp hối, anh nói: "*Bây giờ tôi đã hiểu cộng sản. Cộng sản là các anh*". Nói xong anh hô: "*Hồ Chí Minh muôn năm*" rồi nhắm mắt, xuôi tay.

Tập hồ sơ **Tù nhân Côn Đảo với Bác Hồ** lưu tại Phòng Lịch sử Đảng Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu cho biết, ở Trại I có trên một ngàn quần chúng cách mạng tham gia phong trào chống ly khai Đảng Cộng sản. Nhiều người đã

chiến đấu rất kiên cường và hy sinh anh dũng. Ông Huỳnh Văn Mau (tự Lẹ), một tín đồ đạo Hòa Hảo ở Long Xuyên bị đánh chết trong một trận khủng bố. Anh Dư Sanh, một tín đồ đạo Cao Đài ở Tây Ninh bị đánh đập đến lột tròng mắt. Sau lần ấy anh bỏ ăn chay và cùng tập thể kiên quyết chiến đấu đến cùng. Mỗi lần địch khủng bố, thay vì niệm thần chú, anh hô khẩu hiệu "Hồ Chí Minh muôn năm". Đối với anh cũng như hàng trăm đồng bào các tôn giáo tham gia cuộc đấu tranh chống ly khai thì tên tuổi Hồ Chí Minh cũng thiêng liêng như một tín ngưỡng trên đời. Chính khát vọng giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc mà Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng đã trở thành lẽ sống mà anh tin đến trọn đời, trọn đạo.

NHỮNG NGƯỜI ĐIÊN KỲ LẠ

Do bị tra tấn và truy bức tư tưởng nhiều năm, có hàng chục chính trị mang bệnh thần kinh nặng. Đến buổi chào cờ, khi trật tự hô "nghiêm" là những người này lên cơn động kinh té sấp, té ngửa, chân tay co giật, sùi bọt mép, mắt trợn ngược làm hàng trăm người khác phải xúm lại cấp cứu. Buổi chào cờ nào cũng rối loạn. Trưởng trại Nguyễn Văn Liêu quả quyết rằng, số tù nhân này vờ động kinh để chống chào cờ, phá nội quy và đem nhốt tất cả vào xà lim, hàng ngày cho công an, trật tự tra khảo. Ba tháng liền theo dõi, trắc nghiệm tâm lý, cuối cùng chúng phải công nhận rằng họ bị động kinh thật.

Chính sách "tố cộng" đã làm cho nhiều người đau đớn, bị dày vò đến ngơ ngẩn, mất hồn. Anh Trần Đình Hoa bị điên cứ đi lang thang các phòng. Gặp bọn công an, cải huấn là anh thét lên: *"A, Ngô Đình Diệm đây rồi, mày giết vợ tao, mày ăn thịt con tao. Bây giờ tao giết*

mày". Thế là anh lao vào chúng để cào cấu và lần nào cũng bị chúng đánh chết ngất. Anh Nguyễn Thanh Tâm, đoàn viên Thanh niên Lao động (quê ở Tân An) bị đánh đến phát điên tại Chuồng Cọp. Suốt ngày rồi suốt đêm anh không ngủ, chỉ réo tên Ngô Đình Diệm chửi. Thấy mặt bọn công an, cải huấn là anh hô: "*Đả đảo Ngô Đình Diệm*". Gặp anh em tù chính trị là anh tuyên bố: "*Tao chưa là Đảng viên nhưng tao chiến đấu cho chủ nghĩa cộng sản, đứa nào ly khai tao bắn*". Khi bóng đêm ập xuống Chuồng Cọp, chỉ còn lại một mình, anh đập rầm rầm vào cửa sắt rồi gào lên:

- Tôi là người cộng sản, tôi thương hết cả mọi người;

- Ba má ơi, con thương ba má lắm, nhưng Ngô Đình Diệm sắp giết con rồi.

Anh kêu tên mẹ, tên cha, tên vợ, kêu nhiều đến nỗi anh em ở Chuồng Cọp đều thuộc hết. Tiếng kêu của anh giữa đêm khuya thanh vắng nghe thảm thiết, cồn cào xé ruột, xé gan. Vào một đêm mùa đông 1960, các bạn tù lại nghe anh hô "Đả đảo Ngô Đình Diệm" rồi đột nhiên anh hét rất to: "*Đứa nào ly khai tao bắn, đứa nào động đến Hồ Chí Minh tao bắn*". Anh bắn súng miệng: "*Pằng... Pằng... Pằng...; Pằng... Pằng... Pằng...*" cho đến khi giọng anh nhỏ dần rồi lịm hẳn. Năm ấy anh mới 22 tuổi đời.

Sau này, trong Luận án Tiến sĩ Y khoa, bảo vệ thành công năm 1972, Bác sĩ Nguyễn Minh Triết đã gọi những căn bệnh thần kinh trong tù, bị kích động mạnh theo các phản ứng dây chuyền là bệnh Nộ Kinh. Các nhà y học có thể giải thích được hiện tượng suy nhược thần kinh, dẫn đến bệnh tâm thần do bị khủng bố, truy bức,

hoặc do đấu tranh tư tưởng quá căng thẳng. Song có một điều kỳ lạ mà bọn cai ngục không thể chấp nhận được là trong lúc thần kinh rối loạn thì ý thức chính trị của họ lại rất tỉnh. Hầu hết những người mắc bệnh tâm thần ở Côn Đảo đều chống chào cờ ngụy, chống học tố cộng, đả đảo Ngô Đình Diệm, tôn kính Chủ tịch Hồ Chí Minh.

SUỐT ĐỜI TRUNG THÀNH VỚI CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Tháng 11-1960, ở Chuồng Cọp chỉ còn lại 18 chiến sĩ kiên cường trực diện chống ly khai cộng sản. Địch giam tất cả ở Chuồng Cọp I, ngày lôi ra đánh, tối chúng xối nước lạnh xuống đầu, 2 tiếng một lần, suốt một mùa đông năm ấy. Mỗi người tù chống ly khai còn lại đều ý thức được rằng, sự tồn tại của họ không chỉ có ý nghĩa cho riêng mình mà là hiện thân của chính nghĩa trước bạo tàn, của cái thiện trước cái ác.

Tháng 3-1961, Tỉnh trưởng Lê Văn Thể quyết tâm thanh toán 18 can cứu chống ly khai còn lại ở Chuồng Cọp. Sau hai tuần dùng đủ các thủ đoạn đường mật dụ dỗ không kết quả, bọn cải huấn bắt từng người viết bản xác nhận lập trường, cam kết chịu trách nhiệm về việc không ly khai cộng sản để chuyển giao cho công an, trật tự thanh toán bằng bạo lực.

Anh Phạm Thành Trung (tự Đua) quê làng Mỹ Thuận, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho đã xác nhận lập trường như sau: "**Tôi không thể ly khai Bác và Đảng Cộng sản được**". Anh Lê Văn Một (tự Phan Thành Trung) sinh năm 1928 tại Sóc Trăng viết: "**Tôi không thể đả đảo Hồ Chí Minh được...**". Mỗi người một vẻ, 17 bản xác

định lập trường là 17 tấm lòng sắt son trung hiếu.

Các anh đều phải trả giá bằng máu và mạng sống cho việc xác định lập trường. Trận khủng bố đêm 27-3-1961 đẫm máu. Ông già Cao Văn Ngọc (Bà Rịa), các anh Phạm Thành Trung (Mỹ Tho), Ngô Đến (Khánh Hòa), Hoàng Chất (Hà Nội), Nguyễn Công Tộc (Bạc Liêu) hy sinh ngay trong đêm ấy. Anh Nguyễn Văn Mười (tự Hoàng Sơn) hấp hối, sáng hôm sau thì tắt thở. Anh Nguyễn Văn Định ngấm đòn đến 16 ngày sau mới chết.

CHỈ CÓ MỘT CỤ HỒ

Lão Năm Trọng, Công an gác Chuồng Cọp Côn Đảo là một con người kỳ lạ. Sáng sớm, mặt Năm Trọng đã đỏ gay, mồm sặc sụa hơi men, lão ngật ngưỡng bước lên nóc Chuồng Cọp, miệng lèm bèm: "Bữa nay đã có thằng nào chết chưa?".

Lão đi dọc hành lang, vừa đi vừa chửi. Lão chửi đời thằng gác ngục nhục như con chó. Lão chửi bóng chửi gió rằng có thằng lãnh tụ độc tài (Diệm - Nhu) mà sợ một con đàn bà (Lệ Xuân).

Năm Trọng tiếp tục chửi, lão chửi mọi sự đều cáng ở trên đời. Gần hết ca gác hắn thủng thẳng nói: "*Nè, chuyện này đó nghe, đến tay thiếu tá là tụi bay chịu đó nghe. Tụi bay là tù, có sao tụi bay chịu. Tau là quốc gia, tau không chịu đâu. Tau chỉ có một thôi...*".

Đã nhiều lần nghe Năm Trọng nói: "*Tau chỉ có một*", "*Tau chỉ một thôi*", Phan Phước lấy làm lạ hỏi:

- *Thầy Năm ba vợ, sao lại "chỉ có một thôi?".*

- *Mày ngu lắm...*

Lão lại chửi bâng quơ một chặp rồi xuống giọng, nói bâng quơ như chỉ để Phan Phước nghe: "*Tao chỉ một... là chỉ một Cụ Hồ*".

Phan Phước ngỡ ngàng. Nhưng rồi hắn kể. Lão từng đi lính cho Bảo Đại, lâm trận bị thương, bị bắt làm tù binh. Nhờ chính sách nhân đạo của Cụ Hồ, lão được cứu chữa, được đối xử tử tế, rồi được thả về làm ăn. Cụ Hồ đã tái sinh cho lão, Cụ Hồ nhân hậu nhất nước Việt Nam này. Việt Nam chỉ có một Cụ Hồ. Lão nói với Phan Phước như vậy.

Mùa đông năm 1961, địch đánh đập và xối nước dữ hơn để tiêu diệt nốt 6 người chống ly khai còn lại ở Chuồng Cọp, nếu không khuất phục được. Anh Lưu Chí Hiếu quyết định hy sinh để chặn bàn tay ác độc của kẻ thù. Sáng 24-12-1961, anh Hiếu nói với Năm Trọng:

- *Cho tôi gặp Trưởng Ty Công an.*

- *Trưởng Ty bận không gặp được.*

- *Nếu đêm nay còn xối nước thì tôi đập đầu chết đấy.*

- *Đêm nay không phải phiên tau.*

Đêm Noel, phiên thằng Vân, Công an gác. Nó hối bọn trật tự xối nước sớm để còn rảnh rang đi nhà thờ dự lễ. Chúng xối được mấy thùng thì anh Hiếu la: "*Tao đập đầu đây!*".

Anh Hiếu dùng hết tâm lực, đứng trên bệ lao đầu xuống sàn mà không chết được. Anh phẫn nộ la lớn: "*Lôi tao ra mà đánh cho chết đi. Đổ năm bảy chục thùng nước cho chết đi. Tao không thèm ly khai Đảng của tao đâu, Đảng của Bác Hồ vĩ đại*".

Thằng Vân thét bọn trật tự: "*Xối nữa. Xối luôn tay tụi bay*". Bọn trật tự chạy huỳnh huych chuyển nước lên Chuồng Cọp. Đêm ấy chúng xối anh Hiếu 44 thùng nước lạnh. Anh hy sinh ngay đêm Chúa giáng sinh.

Sáng hôm sau, Năm Trọng đổi gác sớm, mặt vẫn đỏ nhưng không la lối, không chửi thề như mọi khi. Lão lầm lũi lên cầu thang, bước một mạch tới chuồng anh Hiếu, đứng hồi lâu rồi gọi: "*Hiếu ơi.... Hiếu à!*".

Gọi liền 3 câu không thấy trả lời, Năm Trọng lẩm bẩm:

- "*Chết rồi còn đếch gì nữa*".

Năm Trọng đột ngột quát:

- *Phước!*

- *Dạ.*

- *Xuống coi!*

Phan Phước hồi hộp mở cửa chuồng, lay vai Lưu Chí Hiếu. Anh ngồi bất động, chổm hổm dưới sàn, tì hai cườm tay vào bệ Chuồng Cọp, úp mặt vào hai bàn tay tóc xõa xuống vai lờm xờm, toàn thân trần truồng lạnh cứng. Phan Phước thẫn thờ thốt lên:

- *Chết... rồi...*

Năm Trọng nhìn một hồi rồi day qua chuồng anh Phan Trọng Bình, chậm rãi nói:

- *Mậu à! Thằng Hiếu nó chết rồi đấy, ra mà coi!*

Năm Trọng bảo Phan Phước mở cửa cho Phan Trọng Bình và Nguyễn Đức Thuận lết qua thăm.

Nguyễn Đức Thuận bật khóc hu hu. Phan Trọng Bình nước mắt giàn giụa mà khóc không thành tiếng. Phạm

Quốc Sắc ở gian bên cũng nấc lên nghẹn ngào. Năm Trọng đột ngột quát vọng xuống:

- *Thôi! Về chuồng.*

Từ hôm anh Hiếu chết, Năm Trọng thay đổi hẳn tính tình, ít say rượu, bớt chửi thề, trầm ngâm hơn trước. Riêng ân tình với tù chính trị thì không thay đổi. Đôi khi lão vẫn lẩm bẩm điệp khúc: *"Tau chỉ một"*, *"Tau chỉ một thôi"*. Ít lâu sau, Năm Trọng đổi về đất liền, từ ấy bặt tin, không ai rõ Năm Trọng ở đâu, nay còn hay mất.

Noi gương Lưu Chí Hiếu, Trần Trung Tín, Cao Văn Ngọc và hàng trăm đồng chí, đồng bào đã hy sinh anh dũng. Năm chiến sĩ trung kiên còn lại là Nguyễn Đức Thuận, Phan Trọng Bình, Phạm Quốc Sắc, Nguyễn Minh và Lê Văn Một đã duy trì cuộc đấu tranh chống ly khai Đảng Cộng sản, chống hô khẩu hiệu phản động đả đảo Bác cho đến ngày toàn thắng.

CHIẾM TÀU ĐỊCH - VƯỢT CÔN ĐẢO (27-2-1965)[1]

Quyết tâm chiếm tàu địch, vượt Côn Đảo của kíp lưới rùng (Sở Lưới) hình thành từ đầu năm 1964. Khởi xướng kế hoạch, Nguyễn Văn Mạnh (tức Ba Đạn), nguyên Huyện ủy viên Tân Bình đã bàn với Võ Văn Thuật, nguyên là Tỉnh ủy viên Gia Định và Lê Văn Thành, cũng là cán bộ Đặc khu Sài Gòn - Gia Định về khả năng chiếm tàu vượt đảo. Mạnh ở Sở Lưới đã lâu, am hiểu qui luật của địch, có quyết tâm cao với bản tính của một con người hành động. Thành cũng ở Sở Lưới lâu ngày, chuyên theo xà lan vận chuyển, có cảm tình với nhiều tù nhân và cả giám thị trật tự. Võ Văn Thuật là Đảng ủy viên của các trại tù án, mới chuyển ra Sở Lưới. Võ Văn Thuật bàn với Nguyễn Kế Hoa (Năm Hoa), nguyên Bí thư Tỉnh ủy Bà Rịa (1955 - 1956). Phương án Chiếm tàu địch, vượt Côn Đảo đã được phác họa ngày càng chi tiết.

Võ Văn Thuật báo với Đảng ủy, được Đảng ủy duyệt lại toàn bộ kế hoạch và chỉ đạo chặt chẽ, tránh sơ hở dẫn đến tổn thất và những hậu quả của nó. Võ Văn Thuật chịu trách nhiệm trước Đảng ủy về sự thành bại của cuộc bạo động này. Kế hoạch cướp tàu phải đồng thời đánh chiếm ba bộ phận:

---

1 Bài in trong sách *Nhà tù Côn Đảo - Nhà lao Phú Quốc*. Nxb Lao Động, Hà Nội, 2005.

- Bản đội lính bảo an áp tải kịp dọn tàu.

- Toàn bộ nhân viên thủy thủ tàu hàng.

- Toàn bộ giám thị, trật tự, nhân viên xà lúp.

Phải tập kết đủ lực lượng, vũ khí, bí mật, bất ngờ, đánh nhanh, thắng gọn, đồng thời chiếm được cả tàu hàng và xà lan, xà lúp, bắt trói được toàn bộ nhân viên, thủy thủ, giám thị, binh lính, vào một thời điểm không sớm quá (bọn địch ở Cầu Tàu có thể phát hiện) mà cũng không muộn quá (trời tối, khó tiếp cận mục tiêu), tuyệt đối không được nổ súng, khống chế ngay vô tuyến điện, còi báo động, đèn hiệu trên tàu, tránh đổ máu, kể cả đối với kẻ thù. Nếu chỉ một trong các yêu cầu đó không thực hiện được, một trong các mũi tiến công không hoàn thành nhiệm vụ là có thể thất bại và đổ máu.

Công tác điều tra nghiên cứu, lập phương án, tuyển chọn nhân sự tin cậy đưa vào tổ chức, tìm kiếm vũ khí được tiến hành trong nhiều tháng. Kế hoạch cướp tàu, Ban Chỉ huy trao đổi với một số trung kiên, còn số đông trong tổ chức, chỉ giáo dục tinh thần chiến đấu, khi có thời cơ hành động mới giao nhiệm vụ cụ thể. Hàng chục mũi mác xung kích, dao nhọn, buloong được cất giấu từ nhiều nơi, từ rẫy Sở Lưới tập kết về Cầu Tàu, ém sâu trong những hốc đá, chờ ngày khởi sự. Tháng 11-1964, công việc chuẩn bị cơ bản đã hoàn tất. Đội viên các mũi xung kích đã sẵn sàng.

Từ khi tàu Lạc Hồng chìm, việc tiếp tế ra đảo do tàu TCS-131 (Thương cảng Sài Gòn 131) đảm nhiệm. Ban Chỉ huy quyết định hành động khi tàu TCS-131 chở chuyến hàng ra đảo cuối tháng 12-1964. Lần ấy không thành. Phần lớn lực lượng của Đội III nằm trên xà lan,

vào bờ từ chiều, đến 20 giờ 30 mới trở ra tàu. Lực lượng xung kích của Đội I đã sẵn sàng nhưng trời tối, địch cảnh giác hơn, ta không khống chế được. Ban Chỉ huy quyết định dừng trận đánh.

Ba lần tiếp theo, trận đánh dự kiến vẫn không nổ ra được, vũ khí mang ra tàu phải quăng xuống biển. Ban Chỉ huy tổ chức kiểm điểm, xây dựng quyết tâm, bố trí lại lực lượng. Ban Chỉ huy xác định rõ mục tiêu, phải chủ động điều hành công việc khổ sai, sao cho đúng thời điểm "Giờ G", phải tập kết lực lượng, bằng mọi giá phải khởi sự trong chuyến dọn tàu sắp tới. Lực lượng được bố trí lại như sau:

- **Đội I** *là lực lượng xung kích gồm 8 người: Nguyễn Văn Mạnh (tức Ba Đạn, Ba Thọ là Đội trưởng), Huỳnh Công Thưởng, Bùi Văn Của, Trần Xuân Dứ, Nguyễn Văn Tài, Phạm Văn Vìa, Nguyễn Văn Tuội, Nguyễn Ngọc Anh. Đội I có nhiệm vụ bắt gọn tốp lính bảo an áp tải, cướp súng uy hiếp địch, hỗ trợ cho các lực lượng còn lại hành động.*

- **Đội II** *có nhiệm vụ đánh chiếm tàu hàng, bắt gọn toàn bộ giám thị, trật tự áp tải và nhân viên thủy thủ trên tàu, lực lượng gồm 11 đội viên: Võ Văn Thuật (Đội trưởng), Nguyễn Quốc Gia, Trần Văn Bền, Nguyễn Kế Hoa, Lê Văn Chánh, Lữ Sỹ Hoa, Huỳnh Đình Danh, Tiêu Tùng Khải, Trần Văn Hằng, Nguyễn Ngọc Cẩn, Nguyễn Kim Hườn.*

- **Đội III** *gồm 9 người do Lê Văn Thành chỉ huy, có nhiệm vụ chiếm xà lan, xà lúp, bắt gọn tốp nhân viên địch trên xà lúp và làm chủ tình thế, kỹ thuật, dùng xà lúp chở lực lượng vượt đảo về đất liền. Các đội viên của*

Đội III là Nguyễn Văn Kí, Hồ Văn Lân, Lê Văn Hiếu, Nguyễn Văn Phụng, Phan Ngọc Châu, Nguyễn Văn Cứ, Đào Minh Quân, Nguyễn Thanh Danh.

Trong số 28 tù chính trị nòng cốt được tổ chức, có 7 người vốn là cán bộ của tỉnh Bà Rịa - Long Khánh gồm: Nguyễn Văn Phụng, Trần Văn Hăng, Nguyễn Kế Hoạt, Huỳnh Đình Danh, Lữ Sỹ Hoa, Nguyễn Văn Cứ và Nguyễn Thành Danh. Ban Chỉ huy phân công Nguyễn Kế Hoạt phụ trách nhóm anh em Bà Rịa - Long Khánh. Nguyễn Kế Hoạt nguyên là Bí thư Tỉnh ủy Bà Rịa (1955-1956), trên đường về Khu ủy miền Đông công tác thì bị bắt. Nguyễn Văn Phụng, Lữ Sỹ Hoa, Nguyễn Văn Cứ là cán bộ của huyện Long Đất, Trần Văn Hăng là công nhân cao su Long Khánh; Huỳnh Đình Danh và Nguyễn Thành Danh là cán bộ Ban Tuyên huấn Tỉnh uỷ. Cả 7 người đều được bố trí vào các mũi xung kích và đều lập chiến công xuất sắc.

Trận đánh được quyết định vào chuyến đọn tàu ngày 27-2-1965. Sáng 27-2-1965, tàu TCS-131 vào vịnh Côn Lôn, kéo một hồi còi dài trước khi neo đậu tại Đá Trắng, 6 giờ 30 phút, kịp đọn tàu gồm 47 tù nhân Sở Lưới xuống xà lan ra tàu. Báo cáo của nhà tù trong những ngày sau đó cho biết, kịp đọn tàu hôm ấy khu trật tự, phạm nhân làm việc tích cực, không có dấu hiệu gì nghi ngờ. Nhưng mọi việc đã được định đoạt ngay từ phút bất ngờ nhất. Ban Chỉ huy thống nhất đã truyền đạt mệnh lệnh ra quân.

Tất cả các đội viên đã được tổ chức trong các mũi xung kích đều bám chắc mục tiêu, từng người được phân công theo sát từng đối tượng tác chiến. Mỗi người có sẵn trong túi những gói tiêu, ớt bột, như là gia vị của bữa ăn

trưa, nhưng khi khởi sự có thể trở thành vũ khí lợi hại để bịt mắt đối phương. Các loại nịt quần, dải rút được chuẩn bị chắc chắn sẽ thành dây trói. Một số chìa, buloong, sắt nhọn đã được giấu sẵn trên xà lan, một số khác giấu ở khu vực Cầu Tàu, ở rẫy Sở Lưới sẽ được chuyển vào thời điểm thích hợp. Ban Chỉ huy thống nhất bí mật điều hành công việc, khi làm nhanh, làm chậm sao cho chuyến hàng tập kết đủ lực lượng vào đúng "Giờ G".

Mỗi chuyến dỡ hàng từ tàu TCS-131 xuống đầy xà lan hết 2 giờ, từ xà lan chạy vào bờ bốc hàng lên bờ rồi chạy ra cũng khoảng 2 giờ. Làm việc suốt trưa nắng giữa mùa khô gió chướng, ai cũng thấm mệt. Không chịu nổi sóng gió, buổi chiều có 5 can phạm xin lên bờ là: Cao Văn Mi (số đính bài C.14453), Trương Công Quang (A.3321), Hứa Phong Lưu (C.16764), Trương Văn Chi (C.16246), Phạm Minh Tú (C.15562) tất cả đều là thường phạm, không nằm trong tổ chức chiếm tàu vượt đảo.

Theo gợi ý khéo của Ban Chỉ huy thống nhất, Giám thị Nguyễn Văn Thâm đã đề nghị xin nhân lực của Sở Chỉ Tồn tăng cường cho kịp dọn tàu. Giám thị chủ Sở Lưới Nguyễn Văn Trương điều đình với giám thị trưởng. Khi ấy phòng 18 Chỉ Tồn có 16 phạm nhân mới lao động khổ sai về. Một người kiên quyết từ chối, còn 15 người miễn cưỡng đi theo chủ Sở Lưới.

16 giờ, xà lúp kéo luôn một lượt 3 xà lan chất đầy hàng vào bờ. Lê Văn Thành điều khiển lực lượng trên xà lan dỡ hàng thật nhanh lên bờ. Đây là chuyến hàng quyết định thời điểm cho trận đánh. Nhân lúc giải lao, Lê Văn Thành và Nguyễn Văn Ký xin phép vào Sở uống nước. Ba bó sắt nhọn bọc giẻ lăn lưng quần theo các anh

xuống xà lan. Phụ bếp tàu TCS-131 Lê Văn Bạt vào thị trấn Côn Sơn chơi, theo xà lan ra chuyến này để kịp dọn bàn ăn bữa tối cho thủy thủ. Xà lan cập mạn tàu, Bạt xem đồng hồ: 17 giờ 55 phút, rồi chạy vội vào phòng ăn. Trong bản thẩm vấn sau đó, Lê Văn Bạt khai rằng, phút kinh hoàng đã xảy ra với hắn và đồng bọn ngay khi cánh cửa phòng ăn vừa khép lại.

Theo ám hiệu của Tư Thuật, người chỉ huy cao nhất, tất cả các mũi xung kích đều lặng lẽ áp sát mục tiêu được phân công. Trên lồng cu, Hạ sĩ Bảo an Sơn Sôm, trưởng tốp gác cùng binh nhì Nguyễn Văn Liễu đang đứng tựa vào lan can ngắm cảnh xà lan cập tàu. Binh nhất Tôn Mễ nằm nghiêng, chống tay trên tấm bố cũng đang nghển cổ về phía xà lan. Cả ba đều đang ngóng binh nhất Trần Văn Đức theo xà lan mang cơm ra giờ này. Chúng không biết mối hiểm nguy đang đến từ phía sau lưng.

Tư Thuật đứng trên tàu TCS-131 vỗ tay bồm bộp hỏi với xuống người đưa cơm dưới xà lan:

- Nè, chú em, bữa nay nhà bếp cho ăn gì vậy?

- Mắm ruốc hảo hạng, khô mực, rau tần u...[1]

Tiếng trả lời, tiếng gọi nhau lao xao khiến bọn lính, giám thị, trật tự đều quay cả về phía xà lan. Nhận được tín hiệu từ Võ Văn Thuật, Nguyễn Văn Mạnh dẫn đầu các đội viên xung kích leo nhanh lên lồng cu, tiến công đội lính gác. Ba tên lính trên lồng cu đang uể oải và đói khát sau một ngày phơi nắng, đưa mắt nhìn cả về hướng xà lan, chờ bữa cơm chiều đang đưa tới. Cả bọn không biết tai họa đang ập xuống đầu chúng từ phía sau lưng.

1 Lối nói rõn của tù nhân, chỉ món mắm ruốc thối, cá khô mực, rau "tù ăn", nghĩa là những món ăn tối tệ hàng ngày.

Cẩu thang lồng cu rung nhẹ. Dường như có linh tính, Hạ sĩ Sơn Sôm (người Khmer) quay ngoắt lại thì đã thấy Ba Thọ tay cầm buloong xăm xăm lao tới. Hắn há hốc mồm, chưa kịp kêu tiếng nào thì Ba Thọ vung tay quật một đòn thẳng cánh vào đầu, trào máu. Hắn luống cuống đưa tay lên đỡ, Ba Thọ liên tiếp ra đòn khiến hắn quỵ hẳn, xin hàng.

Binh nhì Nguyễn Văn Liễu đứng cạnh Sơn Sôm nhoài người chụp cây súng dựng cạnh lan can, nhưng Bùi Văn Của đã vọt tới, quật thẳng buloong vào mặt hắn rồi giật lấy cây súng. Nguyễn Văn Liễu đưa tay xin hàng. Binh nhất Tôn Mễ đang nằm nghiêng, lồm cồm nhổm dậy, chụp khẩu carbine thì Huỳnh Văn Thưởng đã lao tới, vung chân chận khẩu súng, chĩa thanh sắt nhọn vào mặt hắn quát: "*Đầu hàng ngay, không mày chết*".

Tôn Mễ run rẩy đưa hai tay lên đầu. Tất cả chỉ diễn ra trong vòng một phút. Đội vũ trang xung kích đã trói gọn 3 tên lính, dùng ba khẩu súng vừa đoạt được khống chế boong tàu. Đội trưởng Ba Thọ bồng cây carbine trên chuồng cu dõng dạc truyền đạt tiếp mệnh lệnh: "*Anh em các đội xung phong lên*". Tất cả các đội đã áp sát mục tiêu, nhất tề hành động.

Nguyễn Kế Hoa phụ trách mũi đánh chiếm nhà bếp và phòng nhân viên tàu TCS-131 cầm sẵn chiếc ca men đứng cạnh nhà bếp định nhào vô, vờ xin nước uống để đoạt dao, khống chế nhân viên trong phòng ăn thì bất chợt, phụ bếp Lê Văn Bạt từ ngoài boong hối hả chạy vào bếp rồi đóng sập cửa lại. Hắn vào đảo chơi từ sáng, vừa theo xà lan ra để dọn bữa ăn cho thủy thủ đúng giờ. Nhà bếp chỉ có một cửa thông ra boong. Năm Hoa lập tức

quyết định đổi hướng tấn công. Anh vọt lên câu lạc bộ thủy thủ, đột nhập vào phòng ăn rồi tụt xuống bếp. Gần 30 thủy thủ đang đợi bữa ăn chiều, kẻ đứng, người ngồi quanh bàn ăn, tán chuyện gẫu. Năm Hoa xăm xăm bước tới, tay cầm ca men, miệng nói nhanh:

- *Cho tôi xin ca nước.*

Đám thủy thủ ngơ ngác, chưa kịp phản ứng, Năm Hoa đã nhào vô bếp. Người đầu bếp to cao lực lưỡng đứng ngay cửa bếp ngơ ngác nhìn Năm Hoa. Anh chìa ca vào mặt hắn nói:

- *Cho tôi xin ca nước.*

Lê Văn Bạt chưa kịp phản ứng thì Năm Hoa đã dang tay gạt hắn, nhào tới chụp con dao trên bàn, miệng nói như quát:

- *Tôi mượn con dao.*

Lê Văn Bạt phát hoảng kêu lên:

- *Ối! Ối, làm gì đó...*

Năm Hoa chĩa mũi dao nhọn vào cổ hắn, tay kia rút ngăn kéo đựng dao, chụp thêm một con dao nữa, dõng dạc ra lệnh:

- *Tất cả ngồi im! Nhúc nhích là chết! Chúng tôi chiếm tàu vượt đảo. Chúng tôi với các anh không thù oán gì, các anh phải để yên cho chúng tôi hành động thì mới được an toàn tính mạng. Nếu ai chống đối, chúng tôi buộc phải xử lý.*

Ngoài cửa phòng ăn, Lê Văn Chánh (tự Phi Hùng), đội viên trong mũi xung kích của Năm Hoa đã kịp đến tiếp ứng. Anh chụp được chiếc búa chữa lửa, thủ thế

trung bình tấn, hùng dũng như một võ sĩ nhà nghề khai đao xung trận. Gần ba chục nhân viên, thủy thủ mặt cắt không còn hột máu. Tất cả đứng im như tượng gỗ, không nói lên lời. Hầu hết họ là những người làm công ăn lương, chưa biết thế nào là chiến sự, chưa bao giờ chứng kiến một cảnh kinh hoàng như vậy.

Cùng lúc Năm Hoa vọt lên câu lạc bộ thì Trần Văn Bền (Năm Bền) cũng lao theo, chạy một mạch lên buồng lái. Hạm trưởng, hạm phó và sĩ quan vô tuyến điện vào dinh tỉnh trưởng ăn nhậu, chỉ còn sĩ quan hoa tiêu đang đứng ngoài buồng lái. Thấy Năm Bền cầm thanh sắt nhọn lao tới, hắn biết có chuyện chẳng lành, bèn chạy ngay vào buồng lái, định kéo còi báo động. Tay hắn run rẩy chạm vào công tắc, chưa kịp ấn nút thì Năm Bền thét lớn:

- *Mày đứng im.*

Hắn giật bắn người. Bền gí thanh sắt nhọn vào cổ hắn quát:

- *Bỏ tay xuống.*

Hắn run rẩy, lập cập nói:

- *Dạ... Dạ... Xin ông đừng đâm, tôi đầu hàng.*

Đội viên Lữ Sỹ Hoa kịp thời tiếp ứng. Lữ Sỹ Hoa quê ở huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa, dáng vạm vỡ, xuống thế tấn, cầm búa khua một đường ngọt như một võ sĩ nhà nghề. Thấy sợi dây nhỏ dòng từ buồng lái lên còi hụ báo động, Lữ Sỹ Hoa vung búa chặt phăng sợi dây thành ba đoạn cho chúng hết đường kêu cứu.

Ở các mũi tấn công, hầu hết giám thị, thủy thủ đều nhanh chóng đầu hàng. Riêng tên trật tự ác ôn Nguyễn

Văn Hường chống trả quyết liệt. Huỳnh Đình Danh và Trần Văn Hằng được bố trí tăng cường cho mũi tấn công tốp trật tự, giám trị. Mũi này trước đã bố trí hai người, nhưng anh em chưa yên tâm vì trật tự Hường rất khỏe và giỏi võ nghệ.

Hường là tù thường phạm, sinh năm 1930 tại Rạch Giá, theo đạo Hòa Hảo, án chung thân khổ sai, là một trật tự ác ôn có nhiều nợ máu. Hắn là một tên tay sai đắc lực của nhà tù trong các vụ đàn áp đẫm máu tù chính trị cầu lưu từ năm năm 1957 đến 1959, gây nên cái chết thảm khốc của trên 200 người.

Hường to cao, giỏi võ thuật, bản tính tàn bạo nhưng kém tinh khôn, hắn không hề phát hiện được dấu hiệu gì về cuộc vượt ngục, ngay cả khi chúng đang bị tấn công trên khắp con tàu. Khi bọn lính trên lồng cu đã đưa tay chịu trói, trật tự Hường vẫn đang lúi húi trong khoang hàng phía lái tàu Thương Cảng, lầm nhẩm xem lô hàng này có vừa chuyến xà lan không. Bỗng hắn nghe giám thị Thâm gọi giật giọng:

- Hường! Hường! Tụi nó chiếm tàu vượt đảo.

Hường quay ngoắt người lại, nhưng Trần Văn Hằng kề sát bên. Hằng móc chân vào gót Hường, giật mạnh về phía trước và vung tay chém thẳng vào ngực Hường làm hắn ngã ngửa, nửa nằm, nửa ngồi trên boong tàu.

Huỳnh Đình Danh nhào vào chụp chân Hường, đè nghiến hắn xuống. Bất ngờ, Hường trở thế, giở miếng võ hiểm, co chân đạp mạnh vào bụng Danh khiến anh bật ngửa vào thành tàu, tóe máu đầu, nổ đom đóm mắt.

Hường co giò định chạy thoát thân, nhưng Trần Văn Hằng đã chặn ngang mặt, vụt thẳng gói ớt bột vào mắt

hấn. Hường loạng quạng đưa tay ôm mặt. Bùi Minh Trực ở kíp Chỉ Tồn 18 nhào tới trợ chiến, cùng Trần Văn Hằng quật ngã tên trật tự ác ôn. Mất Hường dính cả gói ớt bột cay xè, nước mắt giàn dụa, thất thủ, hấn đành hạ giọng năn nỉ:

- Tôi xin hàng, cho tôi theo các anh.

Trần Văn Hằng điên tiết gí mũi sắt nhọn vào cổ hấn thét lên:

- Không cần mày hàng, xuôi tay xuống!

Bùi Minh Trực phụ Trần Văn Hằng trói nghiến tên trật tự khét tiếng gian ác vào trụ neo trên boong tàu. Trần Văn Hằng năm ấy mới 23 tuổi, anh sinh năm 1942 tại Long Khánh, là công nhân cao su, đoàn viên Đoàn Thanh niên Lao động tỉnh Bà Rịa - Long Khánh. Vóc dáng Hằng mảnh khảnh nhưng quyết tâm của anh rất cao. Trước đó hai tuần, bị điều đi đốn củi cho nhà bếp Sở Lưới, chút nữa là vuột mất cơ hội cướp tàu, vượt đảo. Hằng đã nghĩ mẹo, vờ trượt búa, vạt một miếng ở gót chân phải, máu chảy đỏ tươi rồi xé áo băng lại. Giám thị Thâm nghĩ là Hằng không thạo nghề đốn củi, bèn trả anh về kíp lưới rùng. Chân còn đau, Hằng vẫn lẳng lặng theo kíp đi dọn tàu, bám rất sát mục tiêu và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Giám thị Thâm tái mặt khi thấy trật tự Hường, tên tay sai trung thành và dày dạn trong nghề đàn áp tù nhân đã bó tay chịu trói. Các mũi xung kích vẫn lao vào các mục tiêu được phân công, chưa ai để ý đến hấn. Thâm luống cuống nhảy sang xà lúp, rối rít kêu tên thuyền phó xà lúp: *"Lễ, Lễ, tụi nó chiếm tàu vượt đảo. Nổ máy xà lúp chạy vào bờ ngay"*. Nhưng lưới trời đã giăng, chạy đâu cho thoát.

Tám Kỷ (quê ở Long An) hồi hộp bám sát mục tiêu, lúc ngó Ba Huê coi hắn đang làm gì, lúc ngó Tư Thành chờ hiệu lệnh. Tám Kỷ chưa xung trận lần nào, anh hồi hộp mường tượng đến giờ khởi sự sẽ vung buloong, nhào vào đánh một cái thiệt đã, Ba Huê sẽ té sấp xuống xà lúp, rồi thì lấy dải rút, trói gô hắn lại. Nhưng chuyện ấy chỉ mới thoáng qua trong đầu. Đang còn mải ngó qua ngó lại, nghe ào một cái, Tám Kỷ nhảy sang xà lúp thì Ba Huê đã bị ai đánh ngã trước rồi. Tám Kỷ xuýt xoa tiếc đứt một cơ hội lập công.

Trước đó, ngay khi Ba Thọ trên lồng cu phát lệnh xung phong, Tư Thành nhanh chân dẫn Bảy Ngày, Ba Cẩm và Lê Văn Hiếu từ xà lan số 1 vọt sang xà lúp. Thợ máy Ba Huê đang đứng bên lan can chưa kịp phản ứng gì đã bị Tư Thành vụt thanh sắt vào đầu. Ba Huê hoảng hồn la lớn:

- *Ối... Ối... Thành... Thành... Mày làm gì vậy?*

- *Chúng tôi chiếm tàu vượt đảo, đầu hàng ngay.*

- *Dạ... Dạ... Tôi xin đầu hàng.*

Tám Kỷ và Bảy Ngày lao vào buồng lái. Thuyền phó Trần Hiếu Lễ đưa tay chịu trói.

Phụ máy Trần Văn Nghiệp đang ở dưới hầm máy, nghe tiếng chân chạy huỳnh huỵch trên boong và tiếng Giám thị Thâm: *"Tụi nó chiếm tàu..."*, Trần Văn Nghiệp chụp hai con dao mổ cá, xăm xăm leo lên boong.

Ngay lập tức, đội viên Lê Văn Hiếu xông tới, tung một cú song phi, đá bay cả hai con dao trên tay Nghiệp xuống biển. Tám Kỷ và Nguyễn Văn Cẩm tiếp ứng, trói gọn tên Nghiệp. Hiếu Lùn từng là phụ máy trong hải

quân Pháp rồi đi theo kháng chiến, lúc thường chậm chạp mà khi xung trận lại xuất thần, dũng mãnh.

Trên lồng cu, Bùi Văn Của ôm khẩu carbine vừa đoạt được chĩa xuống khống chế boong tàu. Anh tuyên bố:

- Tất cả bọn bay đầu hàng ngay. Thằng nào chạy tao bắn bỏ.

Dọa vậy thôi, Ban Chỉ huy đã quán triệt một nguyên tắc nghiêm ngặt cho trận đánh này là không nổ súng, không diệt tên nào mà phải bắt sống toàn bộ. Cần phải kín tiếng với đội lính gác ở Cầu Tàu. Và, quan trọng hơn là không để địch có cớ trả thù các bạn tù chính trị còn ở trong trại giam.

Theo sự phân công từ trước, Lê Văn Thành và Nguyễn Thành Danh với hai cây chĩa nhọn trong tay án ngữ hai xà lan, để phòng tên nào liều mạng nhảy xuống biển thoát thân. Lê Văn Thành cũng là cán bộ Đặc khu Sài Gòn - Gia Định; Nguyễn Thành Danh quê ở Bình thuận, sau năm 1954 chuyển vùng vào Bà Rịa hoạt động. Hai anh mang cặp kính lặn lớn, mặc xà lỏn, ở trần, da đen bóng, hai tay lăm lăm hai chĩa nhọn, dữ dội như tay thợ săn cá mập trước đối thủ của mình, có nhiệm vụ tóm gọn những tên nào liều mình nhảy xuống biển hòng thoát thân. Bọn giám thị ở nhà tù này đều biết, Thành và Danh (B) là những tay thiện xạ bắn cá bằng chĩa và nổi tiếng về bơi lội giỏi "như rái cá". Nếu chúng liều mạng nhảy xuống biển, chắc chắn sẽ giống như số phận của những con cá trong tầm ngắm của hai tay thiện xạ này.

Ba Thọ ôm một khẩu carbine, dẫn anh em trong Đội võ trang xung kích số 1 lao xuống boong tàu, hỗ trợ các mũi xung kích khác áp đảo bọn giám thị và nhân viên,

thủy thủ, dồn tất cả bọn chúng vào phòng nhân viên. Tất cả chỉ diễn ra trong khoảnh khắc, đồng loạt, mau lẹ, toàn thắng, như một trận đánh của biệt động Sài Gòn, như một cảnh trong phim kiếm hiệp.

Trời vừa tối, bọn địch ở đảo vẫn không hề hay biết gì. Ban Chỉ huy khẩn trương chỉ đạo các công việc giải quyết tù hàng binh, phá máy và quấn chân vịt tàu Thương Cảng, chuyển vận vũ khí, lương thực, phương tiện đi biển sang xà lúp.

Huỳnh Đình Danh, chiến sĩ duy nhất bị thương trong trận đánh được dìu vào phòng băng bó. Bông băng đã sẵn có trong tủ thuốc của tàu. Huỳnh Đình Danh sinh năm 1926 tại đảo Cát Bà, theo gia đình cùng đoàn mộ phu ở Thủ Dầu Một từ trước năm 1945. Đầu năm 1954, anh được điều về công tác tại Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Bà Rịa. Sau Hiệp nghị Giơnevơ (1954), được Tỉnh ủy bố trí ở lại hoạt động hợp pháp tại Vũng Tàu, bị địch bắt ngày 20-10-1959, kết án 15 năm khổ sai. Anh là một trong những chiến sĩ được tổ chức ngay từ đầu, kiên quyết và kỷ luật. Anh xung phong vào tổ vây bắt trật tự Hưởng, một đối tượng ác ôn nguy hiểm, giỏi võ, mặc dù Danh người ốm nhom, võ nghệ không rành. Anh chỉ có chút mưu mẹo và quyết tâm chiến đấu.

Tư Thành và Danh B (Nguyễn Thành Danh) phụ trách việc phá máy và quấn chân vịt tàu Thương Cảng. Tàu Thương Cảng trước đây vốn là tàu trục vớt được cải tạo thành tàu vận tải, nay vẫn còn cuộn cáp dài hàng trăm mét. Tư Thành và Danh B đeo kính lặn, mò mẫm phá bánh lái và dùng cáp quấn chân vịt tàu Thương Cảng. Tư Thành cầm một đầu dây cáp, lặn xuống xỏ qua

lỗ chân vịt. Anh em nhả cáp đến đâu thì Thành và Danh B xoay chân vịt, quấn hàng trăm vòng cáp vào, giống như những thòng lọng thép siết chặt cổ con tàu, sau đó dùng khóa "paní", một loại khóa chuyên dụng khóa cáp khóa chặt vào, siết buloong thật chặt.

Nguyễn Kế Hoa phụ trách vấn đề giải quyết chính sách tù hàng binh. Ba Thọ đã đưa lực lượng của Đội võ trang xung kích số 1 xuống tiếp ứng cho Năm Hoa dồn tất cả binh lính, thủy thủ, giám thị vào phòng nhân viên tàu Thương Cảng. Hạ sĩ Sơn Sôm bị thương ở đầu, sĩ quan Vô tuyến điện Nguyễn Văn Nghĩa bị thương ở tay và trật tự Nguyễn Văn Hường bị thương ở mắt cũng được băng bó và săn sóc. Sơn Sôm và Nguyễn Văn Nghĩa tỏ vẻ cảm động, còn trật tự Hường giở giọng xu nịnh, giả bộ quy thuận nói:

- Các anh chiếm tàu vượt đảo mà không nói trước với tôi một tiếng, cho tôi theo giúp một tay.

- Xì... Nói trước với mày có mà nằm hầm đá mọt xương.

Năm Hoa nghĩ vậy nhưng anh không nói gì. Trước khi trói bọn chúng lại, Năm Hoa giải thích:

- Chúng tôi là những người kháng chiến, đấu tranh cho hòa bình thống nhất nước nhà, bị Mỹ - Diệm bắt đày ra đây. Nay chúng tôi chiếm tàu vượt đảo trở về tiếp tục cuộc kháng chiến. Ai chống đối, chúng tôi buộc lòng phải xử lý, ai không chống lại, chúng tôi đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản. Để yên tâm ra đi và khỏi liên lụy đến các anh, chúng tôi phải trói các anh tại phòng này, chậm lắm là sáng hôm sau sẽ có người trên đảo ra mở trói cho các anh.

Năm Hoa tuyên bố chủ trương của Ban Chỉ huy thống nhất, cho tất cả tù hàng binh được uống nước, hút thuốc, tiểu tiện trước khi trói; ai muốn trói nằm trên giường hay trói ngồi trên ghế đều được chấp thuận. Tất cả số binh sĩ bảo an và thủy thủ đều hết sức cảm động. Họ đưa tay xin chịu trói. Binh nhì Trần Văn Đức đứng trước mấy chục tù hàng binh phát biểu: "*Bây giờ chúng tôi đã hiểu, các anh là những người cách mạng chân chính, đáng cho mọi người kính phục. Cám ơn anh em đã cho chúng tôi mạng sống. Thôi, anh em đi, tôi chúc anh em thành công*".

Năm Hoa bồi thêm một đòn binh vận: "*Bây giờ các anh đã hiểu rõ chính sách khoan hồng của cách mạng, vậy tôi khuyên anh em hãy từ bỏ con đường cản trở cách mạng, trở về với gia đình, với nhân dân, các anh sẽ được đối xử khoan hồng. Hẹn gặp lại anh em vào ngày nước nhà hoàn toàn độc lập, chấm dứt binh đao*".

Cả bọn đều "dạ" thật lớn. Sau này, bọn lính và nhân viên thoát chết về tuyên truyền khắp đảo về sự thán phục đối với tù chính trị: "*Mấy ông Việt cộng ở tù lúc thường lờ đờ như gà toi, lúc xung trận thì dữ như cọp mà đối xử với kẻ bại trận thì thiệt là nhân đạo*".

Nửa đêm, một tên lính tự mở được dây trói, bơi vào bờ báo tin. Thiếu tá Nguyễn Thế Tỵ, Phó tỉnh trưởng Nội an ra lệnh báo động toàn đảo, rồi huy động nhân viên công an, binh sĩ, võ trang bằng đại liên, dùng ghe chèo cấp tốc ra tàu TCS-131. Chúng gấp rút sửa chữa tàu, cho đến 1 giờ 35 phút sáng 28-2-1965 thì nổ máy, khởi hành truy đuổi. Lúc 17 giờ ngày 28-2, tàu chạy đến Hòn Khoai, không thấy dấu vết gì, chúng quay trở về Côn Đảo.

Ngày hôm sau, Tỉnh trưởng Côn Sơn (Côn Đảo) phát BÁO THỊ TẦM NÃ Số 169/BQĐ/HC/CS/BTTN ngày 28-2-1965, nội dung như sau: TỈNH TRƯỞNG CÔN SƠN, trân trọng yêu cầu các cơ quan hành chánh và quân sự cho tầm nã 57 can phạm đã cướp xà lúp vượt đảo hồi 20 giờ ngày 27-2-1965, bắt theo cả hai can phạm trật tự, điền kê dưới đây:

TT	HỌ VÀ TÊN	ĐÍNH BÀI	NĂM SINH	QUÊ QUÁN
1	Nguyễn Văn Kỷ	A. 3289	1940	Long An
2	Lâm Minh (tự Chiêu)	A. 3223	1942	Trung Quốc
3	Nguyễn Ngọc Cẩm (tự Nai)	A. 3317	1923	Đà Nẵng
4	Phan Đình Công (tự Nghiệp)	A. 3234	1923	An Giang
5	Võ Văn Thuật (tự Năm Lai)	C.16410	1930	Bình Dương
6	Nguyễn Văn Phụng (tự Lâm)	B. 3101	1945	Phước Tuy
7	Tiêu Tùng Khải (tự Hai Lùn)	C.16824	1943	Tây Ninh
8	Nguyễn Văn Hai (tự Hải, Ty)	C.16772	1920	Vĩnh Long
9	Huỳnh Văn Xưa	C.17084	1937	Bình Định
10	Đỗ Văn Hoài (tự Thanh)	C.17358	1941	Định Tường
11	Trần Văn Bốn (tự Sơn)	C.17359	1940	Bình Thuận
12	Nguyễn Văn Ngày (tự Nam)	C.17319	1938	Long An
13	Trần Văn Bé	C.17203	1945	Bình Dương
14	Lê Chi (tự Thạch, Bích)	C.16973	1927	Phú Yên

15	Lê Văn Cường	C.16969	1932	Phú Yên
16	Đào Minh Quân (tự Trung)	A. 3355	1936	Long An
17	Bùi Minh Trực	C.16810	1934	Hưng Yên
18	Nguyễn Văn Thọ	C.16696	1934	Vĩnh Long
19	Nguyễn Văn Tròn	C.16560	1940	Vĩnh Bình
20	Bùi Văn Đực	C.17340	1939	Gia Định
21	Lê Văn Chánh (tự Phi Hùng)	C.17220	1935	Định Tường
22	Nguyễn Hạp (tự Dậu)	C.15343	1921	Bình Thuận
23	Huỳnh Văn Sáu (tự Bảy)	C.15158	1937	Bình Dương
24	Trần Xuân Du	C.15291	1925	Vĩnh Bình
25	Nguyễn Thành Danh	C.15344	1921	Bình Thuận
26	Nguyễn Văn Mẹo	C.15163	1915	Kiến Tường
27	Nguyễn Văn Lô (tự Huỳnh)	C.15393	1922	Bình Dương
28	Phạm Ngọc Châu (tự Hưng)	C.15217	1939	Kiến Hòa
29	Lê Văn Thành (tự Giá)	C.14661	1927	Gia Định
30	Nguyễn Kim Hườn (tự Luận)	C.15765	1924	Trà Vinh
31	Trần Văn Hằng	C.16849	1942	Long Khánh
32	Nguyễn Văn Bôn (tự Tư)	C.1937	1937	Xoài Riêng
33	Lê Văn Hiểu (tự Huân)	C.16040	1936	Gia Định
34	Nguyễn Văn Tài	C.16128	1933	Phong Dinh
35	Nguyễn Văn Đạn (tự Năm)	C.16037	1932	Gia Định
36	Bùi Văn Của (tự Đúng)	C.15631	1933	Bình Dương
37	Nguyễn Văn Đồng (tự Liên)	C.15374	1937	Chợ Lớn

38	Đồng Văn Nhân (tự Quý)	C.15292	1932	Bình Thuận
39	Điêu Thắng Mai (tự Bằng)	C.15932	1931	Gia Định
40	Võ Văn Diệu (tự Út)	C.14795	1923	Tây Ninh
41	Cao Văn Đức (tự Lên)	C.15051	1930	Gia Định
42	Nguyễn Văn Sớm (tự Côi)	C.15458	1909	Kiến Hòa
43	Trần Văn Hóa (tự Quá)	C.15630	1932	Bình Thuận
44	Nguyễn Ngọc Anh (tự Thọ)	C.15195	1936	Phong Dinh
45	Phạm Văn Vìa	C.15162	1919	Bình Dương
46	Phạm Văn Dư (tự Dân)	C.16636	1941	Bình Dương
47	Nguyễn Kế Hoa (tự Kiên)	C.16476	1926	Hà Nội
48	Nguyễn Văn Tuội	C.16571	1939	Kiến Tường
49	Huỳnh Đình Danh	C.16754	1926	Quảng Yên
50	Hồ Văn Lâm	C.15672	1924	An Giang
51	Nguyễn Quốc Gia (tự Đại)	C.15658	1927	Phong Dinh
52	Lữ Sỹ Hoa	C.17270	1930	Phước Tuy
53	Nguyễn Văn Cư (tự Thông)	C.16100	1936	Phước Tuy
54	Huỳnh Văn Thưởng	C.15956	1927	Long An
55	Lư Văn Đằng	C.13993	1937	Kiến Hòa
56	Trần Văn Bền	C.16143	1925	Vĩnh Bình
57	Huỳnh Đức Hối (tự Vân)	C.15485	1932	Bình Tuy

Báo thị tầm nã còn cho biết, 57 tù nhân nói trên đã chiếm tàu, vượt đảo, bắt theo 2 trật tự Nguyễn Văn Hường, số tù CT.30, Trần Văn Bảnh, số tù C.14063 cùng 6 nhân viên là: Nguyễn Văn Nghĩa, Sĩ quan Vô tuyến điện tàu TCS-131; Lý Văn Quý, Sĩ quan Cơ khí tàu TCS-131;

Thái Văn Thanh, cai Boong[1] tàu TCS-131; Trần Hiếu Lễ, Phụ tài công tiểu đĩnh; Nguyễn Văn Huê, Thợ máy tiểu đĩnh; Nguyễn Văn Thâm, Giám thị cải huấn[2].

Khi ấy, 57 tù nhân vượt đảo đã ung dung trong căn cứ của một đơn vị làm nhiệm vụ đặc biệt ở khu vực này. Sau ngày giải phóng, tìm hiểu mới biết đây là một khu vực tiếp nhận vũ khí vận tải bằng đường biển từ miền Bắc chi viện cho Nam Bộ.

Hồ sơ lưu trữ tại Ban Bảo vệ Chính trị Trung ương cho biết, khoảng gần 20 giờ tối 27-2-1965, chiếc xà lúp khởi hành, không bật đèn, lách qua eo biển giữa Hòn Trác và Hòn Tài, vòng qua Hòn Bà, Hòn Vung rồi nhằm thẳng hướng đất liền. Lê Văn Hiếu, Nguyễn Ngọc Cẩm và Nguyễn Văn Ngày thay nhau trông coi máy và chạy tàu với sự trợ giúp của Ba Huê, thợ máy xà lúp. 8 giờ sáng ngày 28-2-1965, tàu cặp vào bờ biển vùng giải phóng Bạc Liêu, cách chi khu Đầm Dơi 22 hải lí. Tàu mắc cạn cách bờ 1 km. Ban Chỉ huy cho anh em đổ bộ vào bờ, đem theo tù binh và vũ khí. Một giờ sau, khi tất cả đã vào đến bìa rừng thì máy bay địch phát hiện con tàu và oanh tạc. Toàn đội tiến sâu vào rừng, gặp một đơn vị Quân giải phóng đang làm nhiệm vụ đặc biệt tại khu vực này. Ban Chỉ huy đã bàn giao tù binh, vũ khí và tuân theo sự hướng dẫn của Quân giải phóng về địa điểm tập kết an toàn.

Có một câu chuyện trong chuyến vượt biển ấy mà Huỳnh Đình Danh và Trần Văn Hằng không sao quên được. Đó là khi đã ra ngoài khơi xa, sóng lắc nhồi con

1 Thủy thủ trưởng.

2 Danh sách tắm nã tù nhân và giám thị địch lập hồ sơ của nhà tù lúc đó.

tàu nghiêng ngả. Nhiều người say sóng, nôn nao. Huỳnh Đình Danh quấn lại sợi băng vết thương sau gáy. Anh cảm thấy bồn chồn, bước ra phía mũi tàu. Bỗng nhiên, như trong một giấc mơ, lẫn trong tiếng sóng biển, Huỳnh Đình Danh chợt nghe thoảng đâu đây như có một giọng nữ rất trong trẻo cất lên, lúc ẩn lúc hiện, thân thương, ấm áp. Danh ngơ ngác một hồi rồi mò mẫm lại phía mũi tàu, nơi phát ra giọng nữ.

Trong bóng tối, lẫn trong đống phao cứu hộ là một bóng người ngồi thu lu. Danh cảnh giác, thủ thế, căng mắt nhìn và chợt nhận ra, không phải thiếu nữ nào mà chính là người đội viên xung kích gan dạ Trần Văn Hằng, người vừa lập công đầu cùng Danh hạ gục tên trật tự ác ôn Nguyễn Văn Hường hồi nãy.

Hằng ngồi một mình, ôm chiếc máy thu thanh national cá nhân áp vào tai nghe chương trình "Đọc chuyện đêm khuya" của Đài tiếng nói Việt Nam. Chiếc máy thu thanh là chiến lợi phẩm duy nhất mà Hằng thu được. Hằng kéo Huỳnh Đình Danh ngồi xuống, thủ thỉ kể cho Danh nghe lai lịch của chiếc radiô như một "chiến công thầm lặng". Lúc trói Thuyền phó Trần Hiếu Lễ trên tàu TCS-131, khám túi thấy chiếc radiô, Hằng thủ luôn. Nguyễn Văn Phụng trông thấy, có ý nhắc Hằng về kỷ luật chiến trường. Hằng bấm tay Phụng bảo: "*Mày khỏi nói. Tao chỉ ước nghe được tiếng nói đài Hà Nội, chết cũng đã*".

Huỳnh Đình Danh quàng tay ôm lưng Hằng khen: "*Chú mày khá quá*"! Danh vốn là cán bộ tuyên huấn Tỉnh ủy Bà Rịa, thân thiết với Hằng đã lâu. Danh hơn Hằng 16 tuổi, nhưng tình cảm như anh em. Danh thích

đọc truyện tàu, có biệt tài kể chuyện, hồi làm cán bộ Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Bà Rịa rất thích nghe chương trình "Đọc chuyện đêm khuya" của Đài tiếng nói Việt Nam. Cả hai say sưa nghe radiô, lâu lâu Danh lại siết chặt tay Hằng reo lên: "*Đã quá*".

Những niềm vui ngắn ngủi của đôi bạn chợt tắt khi Ban Chỉ huy đoàn vây quanh, một người lên giọng nghiêm nghị: "*Các anh vi phạm kỷ luật chiến trường*".

Huỳnh Đình Danh giật thót, anh không lường đến tình huống này. Quả là tất cả anh em trong tổ chức đều đã được quán triệt nghiêm ngặt kỷ luật chiến đấu: Bám chắc mục tiêu, bằng mọi giá phải hoàn thành nhiệm vụ được giao; thực hiện đúng chính sách tù hàng binh; tuyệt đối không đụng đến bất cứ một thứ tư trang nào của binh lính, giám thị, nhân viên, thủy thủ trên tàu, trừ vũ khí, lương thực thực phẩm và các phương tiện đi biển cần thiết, theo đúng chỉ đạo của Ban Chỉ huy thống nhất.

Chiếc radiô không phải là chuyện lớn, nhưng kỷ luật là kỷ luật. Trần Văn Hằng phải tự kiểm điểm trước Ban Chỉ huy, nhận khuyết điểm vi phạm kỷ luật chiến trường và nộp lại chiếc radiô. Từ buồng lái, nơi đặt Chỉ huy sở của Ban Chỉ huy thống nhất bước ra, Trần Văn Hằng bặm môi vung tay chém thật mạnh vào khoảng không tối sẩm.

Ba mươi năm sau, kể lại chuyện này, Hằng vẫn còn ấm ức. Anh tâm tình: "*Mình đâu có tham. Lúc ấy không có gì khát khao hơn là tự do, vật chất chẳng có nghĩa lý gì. Lúc thấy chiếc radiô, mình chợt nghĩ những lúc nằm trong khám chỉ ước được nghe tin tức Đài tiếng nói Việt*

Nam, nghe giọng nói ấm áp từ Thủ đô Hà Nội, rồi chết cũng đã... Vậy mà các ông kiểm điểm"[1].

Hằng còn nói vui, phải tôi chỉ huy, tôi cho lái cả tàu Thương Cảng Sài Gòn TCS-131 chở tất cả chiến lợi phẩm về vùng giải phóng.

Cuộc chiếm tàu vượt đảo của 57 tù nhân kịp dọn tàu thắng lợi trọn vẹn. Lực lượng vượt đảo sau khi kiểm điểm tại chiến khu đã trở về địa phương, đơn vị cũ hoặc theo sự phân công của Tổ chức Trung ương Cục.

Trần Văn Hằng, người thanh niên can đảm có công hạ thủ tên trật tự Hường ác ôn đã được tuyên dương công trạng và kết nạp Đảng sau đó 2 tháng. Anh được trở về chiến trường Bà Rịa - Long Khánh công tác trong ngành an ninh giải phóng cho đến ngày toàn thắng. Anh phụ trách tiếp quản K4 (Long Khánh) và nghỉ hưu với quân hàm đại tá.

Huỳnh Đình Danh trở lại công tác tại Ban Tuyên huấn Bà Rịa - Long Khánh và hy sinh năm 1967.

Lữ Sỹ Hoa, Nguyễn Văn Phụng, Nguyễn Văn Cư và Nguyễn Thành Danh về lại Bà Rịa công tác cho đến ngày giải phóng. Lữ Sỹ Hoa phụ trách trạm muối của huyện Long Đất và qua đời đã hơn 10 năm trước.

Nguyễn Kế Hoa được bố trí công tác tại Ban Tổ chức Trung ương Cục, sau ngày giải phóng là chuyên viên cao cấp của Ban Tổ chức Trung ương. Khi đã nghỉ hưu, có dịp trở lại thăm Côn Đảo, Năm Hoa nhờ người quen rước Ba Huê lại chơi. Gặp nhau tại Nhà khách Huyện

1 Băng ghi âm cuộc hội thảo về *Cuộc chiếm tàu vượt đảo tháng 2-1985*, lưu trữ tại Phòng lịch sử Đảng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

ủy, Năm Hoa nắm tay Ba Huê hồi lâu rồi hỏi: "*Chú Ba có nhớ tôi không?*"

Ba Huê cứ nhìn trân trân, cho đến khi nhận ra thì ôm chầm lấy Năm Hoa. Đến lúc ấy, Ba Huê vẫn còn đầy ấn tượng. Ông tâm tình: "*Bữa đó tôi sợ tè đái ra quần. Mấy ông (tù chính trị) lúc thường lờ đờ như gà toi, lúc lâm sự thì dữ như cọp. Nhưng mà các ông tử tế, chỉ dữ với những người chống lại thôi. Phúc đức cho tôi, tôi không dám chống*"...[1].

Năm Hoa cười hồn hậu, nắm chặt tay Ba Huê mà nói: "*Chú Ba giúp anh em chúng tôi trong chuyến vượt ngục năm ấy rất nhiều. Bây giờ gặp lại, thấy chú Ba còn khỏe, con cái trưởng thành, tôi mừng lắm*"...

Hai người nắm tay nhau đi dạo ra tận cầu tàu, nói chuyện thật lâu, như là tri kỷ. Mái tóc họ đã bạc nhiều, đổ bóng xuống mặt biển trong xanh, đổi muôn sắc màu huyền ảo theo góc soi của trời chiều đang ngả dần phía sau Núi Chúa.

Giờ đây, với họ, mọi vui buồn, ân oán năm xưa chỉ còn là kỷ niệm.

---

1 Băng ghi âm cuộc phỏng vấn Ba Huê tại Côn Đảo, tài liệu của Phòng Lịch sử Đảng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

TẬP SAN *XÂY DỰNG* CỦA TRẠI VI KHU B CÔN ĐẢO[1]

Mỹ - ngụy phân chia tù nhân thành tù án và tù câu lưu (không án, bị câu thúc, giam giữ theo quyết định của Hội đồng An ninh ngụy). Tù chính trị câu lưu là lực lượng đi đầu trong cuộc đấu tranh bảo vệ khí tiết với những đỉnh cao là cuộc đấu tranh chống cưỡng bức ly khai cộng sản (1957 - 1963); cuộc đấu tranh chống chào cờ ngụy và chống nội quy phản động của nhà tù với cuộc tuyệt thực 23 ngày (6-1964); đấu tranh đòi tự do tư tưởng và thực hiện quy chế tù chính trị với các cuộc tuyệt thực 14 ngày (9-1971) và 19 ngày (9-1972).

Quá trình đấu tranh đồng thời là quá trình củng cố tổ chức, xây dựng lực lượng, phá lỏng thế kềm kẹp của địch. Đảng bộ mang tên Lưu Chí Hiếu đã được thành lập tại Trại VI, khu B ngày 3-2-1972. Đảng ủy phát động một đợt học tập chính trị, sinh hoạt văn hóa, tư tưởng nhằm nâng cao trình độ và bản lĩnh chính trị cho tập thể tù nhân. Phong trào báo chí, văn hóa - văn nghệ đã được phát động và nhân lên do nhu cầu học tập và sinh hoạt sôi nổi của tù chính trị.

Đầu tiên là những tờ báo của từng phòng. Sau cuộc tuyệt thực 19 ngày (từ ngày 12-9 đến ngày 30-9-1972),

1 *Người làm báo Bà Rịa - Vũng Tàu* số tháng 6-1997.

phòng 8 đã ra tờ *Sinh Hoạt*, số đặc biệt kỷ niệm Xuân Quý Sửu ra ngày 20-11-1972. Tiếp đó phòng 7 ra tờ *Rèn Luyện*. Mỗi tờ ra được khoảng 10 số, khổ (13x19) cm hoặc (10x15) cm, mỗi số khoảng 20 trang. Các phòng khác chưa có điều kiện thì ra "báo kẹp", khoảng 5-7 trang viết rời rồi kẹp lại với những cái tên tự chọn như: *Niềm Tin, Đoàn Kết, Tiến Lên, Phấn Đấu, Quyết Tâm*... Từ năm 1973, nhờ có radiô bí mật được đưa vào trại, Đảng ủy trại cho ra *Bản Tin* hai lần một tuần, thông tin tình hình và chủ trương qua tin tức của Đài tiếng nói Việt Nam và Đài phát thanh giải phóng, cùng những tin tức trên đảo. Sau nhiều lần thảo luận, cuối cùng, Đảng ủy quyết định ra một tập san của toàn trại, lấy tên là *Xây Dựng*. Một Ban biên tập được chỉ định, do Lê Tú (tức Nguyễn Đằng) làm Trưởng ban. Tập san *Xây Dựng* số 1 ra tháng 3-1973 đặc biệt giới thiệu về thắng lợi của Hiệp định Paris; số 2 ngày 15-4-1973, có chuyên mục kỷ niệm sinh nhật Bác; số 3 ngày 2-6-1973; số 4 ngày 1-7-1973, số 4 đặc biệt cũng được ra vào ngày 1-7-1973, kỷ niệm ngày thành lập Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam; số 5 ngày 30-7-1973, cho đến cuối năm 1973 ra được 10 số thường kỳ và 2 số đặc biệt.

Tập san *Xây Dựng* có nội dung phong phú, gồm nhiều thể loại: Xã luận, bình luận, thời sự, truyện ký, thơ ca, tiểu phẩm, kiến thức, hồi ký, phiếm luận, bút ký... mang tính chất thông tin, định hướng tư tưởng, giáo dục chính trị, sinh hoạt văn hóa, tổng kết kinh nghiệm đấu tranh. Nhiều cây bút trẻ vốn là thanh niên, sinh viên nhưng cũng không ít người lớn tuổi. Các bài xã luận thường do Bí thư Đảng ủy viết hoặc Trưởng Ban Biên tập chấp bút theo ý kiến của Đảng ủy. Lê Tú (tức Nguyễn Đằng)

vừa phụ trách biên tập vừa là cây viết chủ lực. Ban Biên tập ngoài Lê Tú còn có Nguyễn Nghiêm (tức Hoàng Văn Nghiêm), Lê Minh San, Hoàng Trọng Tấn, Hoàng Hòa, khi chế bản có thêm Châu Văn Mẫn, Trần Thanh Lê, Hoàng Thanh Quang, Đặng Thành Phong, Hoàng Văn Nghiên; Nguyễn Văn Mẫn (Tư Địa) trình bày và vẽ bìa. Hoàng Thanh Quang phụ trách kẻ chữ.

Ban Biên tập kiêm luôn nhiệm vụ in ấn, xuất bản bằng cách chép tay trên giấy học trò, đóng tập, xén cạnh (khổ 13x19) bằng loại dao cưa ống thuốc đã mài sắc, sau đó là khâu phát hành. Lúc đầu tập san chỉ ra có 2 số, phải chuyền tay, luân phiên trong 10 phòng cho 883 người đọc. Hết một vòng, anh em yêu cầu xem lại, lại luân chuyển. Khi có điều kiện, báo tăng lên được 4 - 5 bản, công tác phát hành đỡ vất vả hơn. Công đoạn cuối cùng, sau khi phục vụ hết vòng nhu cầu người đọc, các số báo được gom lại, bọc một lớp nilon, cho vào chai thủy tinh, phân công người chôn cất, không để lọt vào tay địch.

12 số tập san *Xây Dựng*, cùng những số báo ở từng phòng là đứa con tinh thần của 883 người tù chính trị câu lưu Trại VI khu B. Nó đã thực sự góp phần biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng đúng nghĩa mà những người tù chính trị hết sức tâm đắc.

Nhờ công sưu tầm, phục chế của Bùi Văn Toản, một người tù chính trị đầy tâm huyết, đồng thời là một cây viết trong tù, tập san *Xây Dựng* đã được Nhà xuất bản Trẻ cho ra mắt bạn đọc với nguyên bản 3 số (2-3-4). Buổi họp mặt ra sách tại Nhà văn hóa Thanh niên Thành phố Hồ Chí Minh cuối năm 1996 có mặt hàng trăm người tù

chính trị từ khắp mọi miền đất nước. Nhiều người tóc đã bạc phơ. Tổng Biên tập Lê Tú nay nghỉ hưu tại Huế, Biên tập viên Lê Minh San làm trong một Công ty liên doanh, Biên tập viên Châu Văn Mẫn làm Giám đốc Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nhà báo bất đắc dĩ Bùi Văn Toản, một cựu tù của Trại VI B đang tiếp tục sưu tầm để cho ra mắt những số tập san *Xây Dựng* còn lại trong thời gian tới.

HỌC VĂN HÓA - CHÍNH TRỊ TRONG NHÀ TÙ MỸ - NGỤY[1]

Thời Mỹ - ngụy, tù chính trị tổ chức học tập văn hóa, lý luận trong những điều kiện rất khắc nghiệt. Bọn gác ngục giám sát chặt chẽ các hoạt động của tù nhân, đặc biệt là ở các trại tù cấm cố. Quy chế nhà tù cấm tù nhân liên hệ với nhau dưới mọi hình thức, cấm tàng trữ bất cứ thứ gì không phải do nhà tù cấp phát.

Trong những năm 1957 - 1959, địch cấm cố những người tù chính trị chống ly khai cộng sản tại Trại I - chúng gọi là Trại Cộng sản và kiểm soát chặt chẽ. Người tù hoàn toàn bị cách biệt với thế giới bên ngoài. Nhốt chật, đóng cửa cây (cửa gỗ) suốt ngày, bớt cơm, bớt nước uống (3 lon nước mỗi ngày), không cho nước tắm, ốm đau không thuốc,... Hàng trăm người đã chết thê thảm vì bệnh tật, không được chữa trị.

Trong điều kiện đó, tù chính trị Trại I đã tổ chức học tập chính trị, nâng cao lập trường tư tưởng và dũng khí cách mạng cho anh chị em. Tài liệu học tập do các đồng chí có trách nhiệm nhớ lại và phổ biến gồm: "dũng khí cách mạng qua tấm gương của các đồng chí Hoàng Văn Thụ, Trần Phú, Nguyễn Thị Minh Khai,... học tập tinh thần đấu tranh trong tù của các thế hệ tiền bối qua

1 Bài in bản tin *Giáo dục - Khuyến học - Hội Khuyến học tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu*, số tháng 11-2008.

thơ Tố Hữu (bài *Trăng Trối*,...), học *Kinh nhật tụng* của người chiến sĩ, xem đó là tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức của người chiến sĩ cách mạng trong tù, như một "*vũ khí sắc bén để đấu tranh một mất một còn với kẻ thù, để trui rèn phẩm chất cách mạng, giáo dục tình đồng chí và nhân cách con người*". *Kinh nhật tụng* gồm 12 phần, 196 câu theo thể song thất lục bát, do Khương Hữu Dụng biên soạn với sự cộng tác của Nguyễn Đình và Nguyễn Đình Thư, xuất bản tại Liên khu V tháng 5-1946, trên cơ sở tập *Tuyên truyền Việt Minh* (Tủ sách huấn luyện, Việt Bắc, 1944). Từ năm 1958, anh em học *Chỉ thị Bảo vệ khí tiết* do Liên chi ủy nhà lao Gia Định khởi thảo đã được các đồng chí mới lưu đày ra phổ biến, và tài liệu về Đường lối cách mạng miền Nam. Cách học là phổ biến, truyền miệng trong từng phòng giam. Đây là những nội dung sinh hoạt tư tưởng thường xuyên để nâng cao ý chí đấu tranh của tập thể tù chính trị. Ở các trại tù khổ sai (tù có án và tù chính trị câu lưu đã chịu điều kiện của địch), sinh hoạt có đỡ phần khắc nghiệt hơn. Đi làm khổ sai tuy có nặng nhọc nhưng sinh hoạt thoải mái hơn là chế độ cấm cố. Được viết thư về nhà, được nhận đồ tiếp tế, được nhận sách báo, được học văn hóa, chỉ cấm các tài liệu chính trị liên quan đến tuyên truyền tư tưởng cộng sản. Nhiều người đã nhờ gia đình mua các loại sách văn hóa gửi ra để học tập. Hình thức chủ yếu là tự học vì nội quy nhà tù cấm tụ tập từ 3 người trở lên, trừ những buổi chúng tập trung học tố cộng.

Từ năm 1963, các anh: Trương Minh (Hai Khuynh), nguyên Cán bộ binh vận Trung ương Cục; Nguyễn Xuân Ký (Tám Ký), nguyên Tỉnh ủy viên Mỹ Tho từ Chí Hòa bị đày ra Côn Đảo đã chắp nối liên lạc với Trung ương Cục, nhờ đó, có được những tài liệu về tình hình cách

mạng miền Nam cũng như những định hướng của Trung ương Cục chỉ đạo đấu tranh trong tù làm tài liệu sinh hoạt chính trị tư tưởng. Được chuyển ra làm lao công ở Sở Chăn nuôi, Trương Minh (Hai Khuynh) nhờ cơ sở ở Sài Gòn mua các loại sách văn - sử, từ điển tiếng Anh, tiếng Hoa để tự học và nghiên cứu, biên soạn bộ từ điển Hán-Việt (13.000 mục từ) gửi về đất liền. Đây là một hình thức tự học và cũng để ngụy trang cho việc liên lạc về Sài Gòn. Nhiều báo cáo đã được viết bằng nước cơm theo mật mã quy ước và gửi qua những trang bản thảo này.

Anh Võ Văn Thuật (Tư Thuật), nguyên Tỉnh ủy viên Sài Gòn - Gia Định học tiếng Hoa rất kiên trì, bền bỉ. Mỗi ngày anh chép trong từ điển ra 50 từ, nghiền ngẫm rồi nuốt trọn[1] từng từ. Ngày nào cũng vậy, sau giờ làm khổ sai là anh học, học thuộc đủ 50 từ rồi mới vê một điếu thuốc rê hút cho đã cơn nghiền. Anh tóp má lại rít điếu thuốc cháy đỏ trên môi rồi phùng mang, từ từ nhả khói, mắt lơ đãng nhìn lên trần nhà. Ít người ngờ rằng, những phút giây khoan khoái giải cơn nghiền của một anh nông dân hiền như đất vừa học xong bài lại đang suy tính một việc động trời. Anh là người chỉ huy cao nhất của cuộc võ trang giải thoát. Trong chuyến dọn tàu ngày 27-2-1965, Võ Văn Thuật cùng Nguyễn Văn Đạn (Ba Thọ), nguyên Huyện ủy viên Bình Chánh Sài Gòn - Gia Định, Nguyễn Kế Hoa, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Bà Rịa (1955) và một số cốt cán ở Sở Lưới đã chỉ huy 57 tù chính trị võ trang, đánh chiếm tàu Thương Cảng Sài Gòn TCS-131, bắt sống hơn 50 tù binh, cướp ca nô mang tên Cần Thơ - Sóc Trăng của Sở Lưới vượt biển thành công, về Cà Mau, tham gia kháng chiến.

1 Học thuộc lòng (một cách nói của người tù).

Đối với những người tù chính trị bị cấm cố (chống ly khai, chống chào cờ ngụy, chống nội quy nhà tù) thì việc học tập khó khăn hơn nhiều. Một mảnh giấy trắng, một mẩu sách báo đem vào khám phải giấu diếm rất khó khăn. Một công thức toán học viết lén trên các vật dụng hàng ngày để truyền cho nhau có khi phải đổ máu nếu địch phát hiện được. Mặc dù vậy nhưng họ vẫn không ngừng học tập, ngay cả khi bị biệt giam mỗi người một gian xà lim, chuồng cọp, họ cũng gõ moọc qua tường để liên hệ, gửi bài cho nhau. Khi địch khủng bố, bớt cơm, cúp nước, không cho đổ thùng cầu, phải xỏ chân trong còng, tiểu tiện tại chỗ, họ vẫn học. Học để trau dồi tri thức, học để lạc quan cách mạng, tăng thêm sức mạnh và chiến thắng kẻ thù; học để có cơ hội trở về phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Đó là phẩm chất của những người mang chí lớn, đáng nêu gương cho thế hệ đời sau.

Từ năm 1965, tù chính trị bị biệt giam ở Chuồng Cọp đã xây dựng một quy ước mật mã bằng hệ thống moọc (morse) gõ qua tường để liên lạc với nhau và trao đổi tài liệu học tập chính trị. Hệ thống 25 chữ cái từ a đến z được sắp xếp vào một bảng gồm 25 ô vuông (mỗi chiều 5 ô), ô hàng ngang gõ bằng nhịp ngắn, ô hàng dọc gõ bằng nhịp dài, số nhịp gõ tương ứng với số thứ tự các ô theo hàng dọc, hàng ngang; trao đổi thông tin, thống nhất chủ trương tranh đấu, chuyển đạt ý kiến chỉ đạo của Trung ương Cục, trao đổi với nhau tài liệu học tập văn hóa, ngoại ngữ và các đề tài yêu thích.

Theo một nguồn tin mật báo, Ban An ninh Trung tâm Cải huấn I đã trình Quản đốc nhà tù một bản báo cáo có nội dung như sau: *tù nhân Trại I định kỳ liên lạc bằng moọc với nhau vào thời điểm sau bữa ăn trưa và*

sau bữa ăn chiều. Khi có chuyện đột xuất, họ có thể liên lạc vào giờ bất kỳ, trừ buổi tối. Nguồn tin mật báo cho biết, từ chuồng 55, Lê Mạnh Tiến dùng mooc truyền qua chuồng 49 **Tám kinh nghiệm chiến đấu của Năm anh**. *Lê Mạnh Tiến cùng Trần Văn Hương, Lê Văn Đức học toán và Pháp văn, sau đó Nguyễn Tấn Hiệp và Võ Ái Dân đến, phổ biến tài liệu Tri thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin*. Lê Mạnh Tiến từ khi ở nhà lao Chí Hòa đã được học **Chỉ thị bảo vệ khí tiết, Tám kinh nghiệm chiến đấu của Năm anh**. Ra Côn Đảo, Tiến sử dụng mooc gõ qua tường thông tin cho các bạn tù ở chuồng bên.

Một bản báo cáo khác của Ban An ninh Trung tâm Cải huấn I cho biết, *năm 1965 tại chuồng 26 (Chuồng Cọp), nhóm tù nhân lao phối nặng gồm: Phan Công Phú, Lê Quyết Chiến, Hồ Thạnh đã tổ chức kiểm điểm kế hoạch đấu tranh và học lý luận duy vật lịch sử. Phan Công Phú thuyết trình bài Lao động sáng tạo ra lịch sử xã hội loài người. Những tù nhân này bệnh nặng, sức yếu, nằm học, lúc nào mệt quá, đau ngực, khó thở thì nghỉ.* **Bản báo cáo dã dẫn cho biết chương trình Tri thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin phần Duy vật biện chứng** *có các bài: 1. Vật chất và ý thức; 2. Mối liên hệ phổ biến - Vận động và phát triển; 3. Quy luật mâu thuẫn; 4. Quy luật lượng biến-chất biến; 5. Quy luật phủ định của phủ định; 6. Các cặp phạm trù; 7. Thực tiễn luận*. Phần **Chủ nghĩa duy vật lịch sử** có các bài: *1. Sản xuất và phương thức sản xuất; 2. Giai cấp và đấu tranh giai cấp; 3. Từ Công xã nguyên thủy đến Xã hội phong kiến; 4. Xã hội tư bản; 5. Xã hội xã hội Chủ nghĩa; 6. Tồn tại xã hội và ý thức xã hội; 7. Hạ tầng cơ sở và Thượng tầng kiến trúc 8. Vai trò của quần chúng*

và cá nhân trong lịch sử; 9. Cách mạng và chính quyền. 10. Chiến tranh và quân đội".

Chương trình huấn luyện **Tri thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin** do anh Trần Ngọc Tự, cán bộ quân báo, nguyên là giảng viên chính trị Trường sĩ quan Lục quân bị đày ra đảo truyền bá cho anh em trong từng Chuồng Cọp, từng nhóm tù rồi lan rộng ảnh hưởng đến toàn Trại I, Trại IV, Chuồng Cọp của lực lượng tù chính trị câu lưu. Nhiều cặp phạm trù như: bản chất - hiện tượng, nội dung - hình thức, khả năng - hiện thực, nguyên nhân - kết quả, phổ biến - đặc thù, đã được tù chính trị vận dụng nhuần nhuyễn vào việc tổ chức và tranh đấu trong tù.

Ngày 3-2-1972, lực lượng tù chính trị Trại VI khu B đã thành lập Đảng bộ mang tên Lưu Chí Hiếu, Đảng ủy gồm: Trần Văn Cao, Bí thư phụ trách chung, kiêm công tác tổ chức; Đào Văn Trân, Phó Bí thư phụ trách dân vận mặt trận; Mai Xuân Công, Thường vụ, Trưởng Ban điều hành trại; Trịnh Văn Tư (Tư Lâu, Tư Cần), Ủy viên phụ trách tuyên huấn; Nguyễn Văn Vui, Ủy viên cùng với Đào Văn Trân phụ trách mặt trận; Hoàng Phùng, Phó Ban điều hành trại, Tổng đại diện; Phạm Xuân Minh (Phạm Huy Tưởng), Ủy viên phụ trách công tác thanh niên. Đảng bộ xây dựng 10 chi bộ trong 10 phòng của Trại VI khu B, mỗi chi bộ từ 5 đến 10 đảng viên, cuối năm 1972 có tổng số 62 đảng viên được kết tập.

Đảng bộ xác định rõ nhiệm vụ là lãnh đạo toàn diện về chính trị, tư tưởng, tổ chức, hoạt động và tranh đấu của lực lượng tù chính trị câu lưu. Đảng bộ ra tập san của toàn trại, lấy tên là *Xây Dựng*, do đồng chí Nguyễn Đằng (tức Lê Tú) làm Tổng Biên tập. Tập san *Xây Dựng* ra được 10 số thì ngưng lại do những biến động của tình

hình. Một số phòng cũng chủ động ra báo trong từng phòng, như tờ *Đoàn Kết*, tờ *Văn Nghệ*...

Đảng bộ tăng cường công tác học tập chính trị tư tưởng. Ban Tuyên huấn soạn thảo nhiều tài liệu học tập như: *Chương trình lý luận cao cấp; Tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn hiện nay; Nhận định về âm mưu của kẻ thù; Năm bước công tác cách mạng; Chép lại Di chúc Bác Hồ; Chép lại Điều lệ Đảng (cho đảng viên học); Chép lại các Điều lệ Đoàn (cho đoàn viên học); Lịch sử các ngày lễ lớn (3-2, 1-5, 19-5, 19-8, 2-9)*...

Trong các đợt sinh hoạt, Đảng bộ thường xuyên giáo dục truyền thống đấu tranh của tù nhân Côn Đảo và những tấm gương kiên cường bất khuất trong tù như: Lưu Chí Hiếu, Trần Trung Tín, Cao Văn Ngọc, tấm gương 5 anh chống ly khai toàn thắng. Anh Châu Văn Mẫn (Châu Văn Đẹp) nhớ lại: *trong điều kiện bị khủng bố, theo dõi chặt chẽ, Đảng ủy Lao 6B vẫn quyết tâm ra Nghị quyết phải tổ chức học tập chính trị, văn hóa cho anh em. Tôi vốn là chú bé nông dân Quảng Nam, theo gia đình lên Đắc Lắc rồi tham gia hoạt động cách mạng, khi đó, tôi mới học lớp 3. Khi được Đảng ủy tổ chức cho học tập ở Lao 6B, cái gì đối với tôi cũng mới mẻ. Đến nay, tôi vẫn còn nhớ bài học đầu tiên về chính trị được học trong tù với tư cách học trò là bài "bảo vệ Khí tiết người cách mạng" mà nội dung cơ bản nhất là kiên quyết không đầu hàng địch. Bài này do Ban Tuyên huấn Đảng bộ soạn thảo, biên tập. Chúng tôi nghe giảng, rồi chia tổ thảo luận say sưa, trao đổi kỹ với nhau từng đề mục. Còn bài tiếp theo là: "Năm bước công tác cách mạng", nghe giảng xong, tôi mới nhận ra rằng, trước đây đi hoạt động là theo tình cảm và lòng yêu nước, chứ bài bản thì chưa nắm được gì.*

Hơn 30 năm sau, Châu Văn Mẫn vẫn nhớ như in nội dung cơ bản của "5 bước công tác" là: *Làm cách mạng phải học tập để có nhận thức về lý tưởng và nhiệm vụ cách mạng, tiếp theo phải biết làm công tác tuyên truyền, phải biết làm công tác vận động quần chúng, biết tập hợp quần chúng vào tổ chức cách mạng, và sau cùng tổ chức cho quần chúng đấu tranh chống giặc.*

Những bài học chính trị do các đồng chí có trình độ, là lãnh đạo Đảng bộ và chi bộ ở các phòng trực tiếp giảng dạy. Còn lớp học tập trung là những giờ tắm nắng chỉ học kiến thức cơ bản, sau đó về phòng thảo luận kỹ để hôm sau giải đáp thắc mắc. Anh em tù chính trị còn được bố trí học các lớp toán, lớp ngoại ngữ. Phụ trách dạy các môn văn hóa là những tù chính trị từng là sinh viên các trường đại học ở Sài Gòn đảm nhiệm. Chuyên dạy môn toán có các thầy: Huỳnh Hùng Đước, Hoàng Văn Nghiêm, Lê Minh Sang. Huỳnh Hùng Đước vốn là sinh viên năm thứ 3 của đại học khoa học, bị địch bắt tù ở Côn Đảo. Thầy Võ Trung Tánh dạy toán kiêm dạy tiếng Pháp. Thầy Hoàng Văn Nghiêm còn có hoa tay của một họa sĩ, chính anh là họa sĩ trang trí cho tờ tập san *Xây Dựng* của Đảng bộ Lao 6B được anh em khen ngợi.

Trong gần 4 năm (1972 - 1975), Châu Văn Mẫn đã bổ túc văn hóa từ lớp 3 lên lớp 9 trung học cơ sở ngày nay. Sau ngày giải phóng, Châu Văn Mẫn công tác trong ngành an ninh, bổ túc văn hóa và học đến bậc đại học. Anh từng là Giám đốc Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nay là Thiếu tướng, Tổng cục phó Tổng cục Xây dựng lực lượng Bộ Công an. Nhiều anh em kiên trì tự học trong tù cũng là những anh em thường xuyên rèn luyện tư tưởng, lập trường, tư cách và ý chí đấu tranh, sau đều trưởng thành, học lên đại học và đảm nhiệm những công tác quan trọng của Đảng và Nhà nước ta.

HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI CÁN BỘ BINH VẬN TRONG TÙ VÀ DANH SÁCH 8.000 TÙ CHÍNH TRỊ CÔN ĐẢO[1]

Ông Dương Đình Thảo siết chặt tay từng người, thật lâu, thật chặt, miệng nói: "Cám ơn, cám ơn, nhờ có các anh...". Ông nói về cuộc đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị Paris, về bản danh sách 8.000 tù chính trị Côn Đảo, về chuyện địch rất ngoan cố, thủ đoạn và ngang ngược trong vấn đề trao trả tù binh, tù chính trị, nhưng ta lại thiếu chứng cứ, mãi đến khi bản danh sách 8.000 tù chính trị Côn Đảo có mặt tại bàn Hội nghị Paris với đầy đủ tên tuổi, án tiết, số đinh bài, ngày và nơi giam giữ, địch mới chịu khuất phục. Và đến hôm nay, ông mới biết được chiến công thầm lặng của những người tù chính trị Côn Đảo, những người đã góp phần vào từng thắng lợi của Hiệp định Paris thời ấy...

Bùi Ngọc Lạc là cán bộ binh vận thị xã Bến Tre đặc trách chỉ đạo nội tuyến, bị bắt ngày 3-5-1961, án chung thân khổ sai, bị đày ra đảo ngày 22-6-1962, bị giam ở phòng 17 Trại II cấm cố, trước đây là phòng 5, giam những người tù án nặng, đủ loại, tù chính trị, quân phạm, thường phạm, giang hồ...

1 Chuyên đề khoa học thuộc đề tài "Tổng kết công tác binh vận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu" (1998). Nguyễn Đình Thống chủ biên.

Mới ra, chưa quen ai, Bùi Ngọc Lạc nằm cạnh anh Bảy Tiên, tướng cướp nổi tiếng một thời, chia cho Bảy Tiên tôm khô, chà bông, thuốc lá... Tình bạn giữa hai người tù cùng cảnh ngộ trở nên gắn bó.

Bảy Tiên biết nhiều chuyện, biết đủ hạng người, từ giám thị, công chức, thường phạm, trật tự an ninh. Thằng nào đi qua cửa, Bảy Tiên đều chỉ cho Lạc biết: thằng này tử tế, thằng nọ là mật báo, thằng kia "đá cá lăn dưa", trúng bóc. Bảy Tiên biết hết chuyện, biết hết người, nhưng khôn ngoan, không động đến thằng nào. Bọn an ninh, mật báo, ác ôn, đểu cáng đều ngán Bảy Tiên, và vì thế, không thằng nào dám ho he với Lạc. Bảy Tiên trở thành tấm bình phong hữu hiệu, và mở đầu cho Ba Lạc một bước ngoặt trong đời tù.

Khi còn bị giam ở Chí Hòa, gặp anh em tù chính trị Côn Đảo chuyển về, chuyện trò, Bùi Ngọc Lạc đã để ý đến một chi tiết: Tù nhân Côn Đảo không được sử dụng tiền. Tất cả tiền nong mang theo hoặc gia đình gửi cho đều bị quản lý, chuyển thành phiếu mua hàng ở căn-tin. Muốn có tiền mặt để chi tiêu ngoài, không gì bằng thuốc lá. Giá một gói Rubi ngoài đảo lúc ấy là 15 đồng, trong khi đó vàng chỉ có 10.000 đồng một lượng.

Biết sắp bị đày ra đảo, Ba Lạc nhắn tin về nhà, dặn mua cho 10 cây Rubi, để có tiền chi dùng vào những việc cần thiết; lại mua thêm 2 cây Capstan dùng vào các việc ngoại giao; thêm 2 bánh thuốc rê cho mình. Ra đảo, Lạc nghĩ cách sử dụng "nguồn vốn" của mình một cách hữu hiệu. Anh đã ra mắt Bảy Tiên bằng một gói Capstan, Bảy Tiên hài lòng về sự biết điều, kết tình bang giao, sẵn lòng che chở. Bọn trật tự, mật báo đều biết chuyện, thèm thuồng, nhưng chưa đứa nào dám dòm ngó Lạc.

Để mở rộng diện ngoại giao, Ba Lạc tặng Tư Dần một gói Capstan. Dần thích lắm, pha trà mời Ba Lạc. Tư Dần là đại diện phòng, dân anh chị gốc Bình Xuyên, có uy thế với đám đàn em. Có trà, có thuốc, chuyện rôm rả. Ba Lạc "quay phim", kể chuyện Tàu cho cả bọn nghe. Chúng há miệng, lắng tai, cười khoái trá, phục lăn. Chuyện Tàu, chuyện dóc, Ba Lạc kể ngày này qua ngày khác, không hết, ngón nghề của dân binh vận mà. Rất tự nhiên, Ba Lạc được giới quân phạm, thường phạm, giang hồ nể trọng. Anh nói với Tư Dần: Tôi bị oan... Tôi bị oan. Ở tù, càng kín cạnh, càng đỡ xảy ra chuyện bất trắc.

Một bữa, nhân Bảy Tiên mải chuyện với người khác, thằng Hương, thường phạm cùng phòng qua gặp Lạc. Bảy Tiên đã bảo: thằng này là mật báo, Lạc nghiệm đúng. Hôm nào hắn lẩn vào một góc, hý hoáy viết gì thì y rằng hôm sau có người bị bắt. Hôm nay hắn đến, ắt có chuyện. Hương hỏi Ba Lạc chuyện án tiết, chuyện gia đình rồi hạ giọng, ngậm ngùi rằng: án hắn năm năm, ở tù ba năm rồi, vợ ở nhà đi lấy chồng khác, không có ai tiếp tế, hắn xin mượn hai gói thuốc lá để xài đỡ. Ba Lạc tính rất nhanh, biết đây là một kiểu xin đểu, không cho là có chuyện, mà cho nó lần này, lần sau không biết nó giở trò gì nữa đây? Ba Lạc bèn bảo: "*Thôi khỏi vay mượn, tôi biếu anh một gói, khỏi mượn*".

Hắn mừng hết biết, cảm ơn rối rít. Lạc thì tiếc đứt ruột, lại bực mình vì bị chấn lột một cách ngọt ngào. Mất một gói thuốc rồi, phải móc hắn, lấy lại một cái gì cho đỡ hận, nghĩ rất nhanh, Lạc nắm tay hắn bảo: "*Bây giờ anh phải thề độc với tôi, không được tiết lộ với bất cứ ai việc tôi đưa cho anh thuốc lá*". Hắn thề ngay, nếu sai lời sẽ "*chết rục xương trong tù*", câu thề độc lúc ấy.

Để tỏ lòng tri ân, hắn nói nhỏ với Lạc: "*Nếu có việc gì phải ra Ban An ninh, cứ bảo là anh em kết nghĩa với Hương là êm hết*". Đúng là một tên mật báo nguy hiểm, nhưng nắm được hắn cũng có lợi cho mình. Sự đời có vay, có trả, âu cũng là lẽ thường.

Không phải đợi lâu, rồi chuyện ấy cũng xảy ra. Năm 1963, địch tăng cường bóc lột khổ sai, chúng đưa tù án nặng phòng 5 cấm cố ra làm củi, chỉ tiêu 2 tấc một người, Lạc cõng không nổi. Ngày đầu đi làm về, người đau khủng khiếp, đau toàn thân, ê ẩm, đến bữa ăn, mới bới mỗi người một chén là hết cơm, Lạc bực quá, chịu không nổi, la toáng lên: "*Cho ăn dzậy chết quách đi cho xong, đem ra bắn chết hết đi*".

Bọn trật tự gườm gườm nhìn, không nói gì. Anh Hai Diệp, Tỉnh ủy viên Bến Tre bảo Ba Lạc: "*Anh có tinh thần đấu tranh là tốt, nhưng phải coi chừng, đấu tranh kiểu ấy có ngày chết*". Ba Lạc lặng im và chờ đợi. Chiều ấy có lệnh gọi anh ra an ninh. Biết rằng chuyện ấy sẽ đến, Ba Lạc đàng hoàng bước tới. Chín Khương soi mói nhìn Ba Lạc một lượt rồi cất giọng áp đảo: "*Tôi Chín Khương, Trưởng Ban An ninh nội trại*".

Đã quen những cảnh này, Ba Lạc thản nhiên chào: "*Dạ... Chào anh Chín*". Chín Khương vẫn chằm chằm nhìn vào mặt Ba Lạc hỏi:

- Có phải trưa nay anh la lớn? Xách động đấu tranh phải không?

- Không phải, tôi nói anh Chín nghe, tôi ở cấm cố, ra làm khổ sai không nổi, về trại không có cơm ăn, chuyện có dzậy, trật tự ra, tôi la dzậy...

- May cho anh, anh em báo cáo về anh tốt, chỉ chơi với thường phạm. Đây là lần đầu, tôi tha. Lần sau, nếu có chuyện gì thì báo cáo trưởng trại, ra gặp tôi.

- Dạ, cám ơn anh Chín.

Ba Lạc không ngờ rằng cuộc chạm trán lần đầu với Chín Khương, khét tiếng về thủ đoạn trị tù lại suôn sẻ. Lê Văn Khương sinh năm 1929 tại Long Xuyên, có biệt tài về tổ chức, giỏi nghề tình báo, chống cộng rất cực đoan.

Tháng 9-1963, thời Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Sáu, Lê Văn Khương được đề bạt chức Phó Giám thị phụ trách an ninh Trung tâm Cải huấn II. Sáu vốn là sĩ quan Cao Đài theo Diệm, nhưng biết "trở cờ" đúng lúc nên sau đảo chính (1-11-1963) vẫn không mất chức. Sáu có thái độ hòa hoãn nhằm xoa dịu tình hình đấu tranh của tù chính trị, rảnh tay đối phó với phe đối lập. Lê Văn Khương vào phe đối lập, tố cáo Thiếu tá Sáu về tận Sài Gòn.

Tháng 6-1964, Nguyễn Văn Sáu đổ, Thiếu tá Tăng Tư lên thay. Nhờ thành tích đàn áp tù nhân và góp phần hạ bệ cựu Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Sáu, Lê Văn Khương được tin dùng. Tăng Tư thống nhất tổ chức trật tự Trung tâm Cải huấn I và Trung tâm Cải huấn II thành Phòng Chuyên môn, Thiếu úy Nguyễn Văn Diệp làm Trưởng phòng; Lê Văn Khương là đệ nhất Phó phòng đặc trách Hệ thống chìm (mật báo). Giám thị Nguyễn Văn Đàng là đệ nhị Phó phòng, đặc trách Hệ thống nổi (trật tự). Giám thị Phạm Văn Long là Trưởng Ban Hoạt vụ, đặc trách điều tra khai thác.

Sáu Long không thuộc loại chống cộng như Chín Khương, không có ác cảm với tù chính trị. Nhiều vụ việc của tù chính trị, Sáu Long cũng xử nới tay. Đối với Ba Lạc, ngoài cảm tình về người cùng quê, thích thú vì

những câu chuyện Tàu kể rất hấp dẫn, Sáu Long được bọn tay chân báo cáo rằng người này không dính dáng gì đến chính trị, hình như anh ta bị oan.

Quả là Ba Lạc khi đó chưa nằm trong một tổ chức nào của tù chính trị Côn Đảo. Kinh nghiệm của người cán bộ binh vận đã giúp anh tạo được một vỏ bọc an toàn, nhưng chính điều đó cũng tạo cho anh một bức tường vô hình với những người tù chính trị. Ở trong phòng, Ba Lạc gần gũi với chú Hai Diệp, người cùng quê, nguyên là Tỉnh ủy viên Bến Tre. Sáu Long xin Ba Lạc ra khỏi trại, bổ sung vào bộ phận thư ký làm danh chỉ bảng[1], anh có hỏi ý kiến chú Hai Diệp. Chú Hai khuyên rất chân tình: "*Sáu Long đã xin, Chín Khương đồng ý, không ra sẽ khó cho mày, mà ra thì phải hết sức cẩn thận, kẻo có ngày chết dấy. Nếu ra thì phải nhớ điều này: một là cắt đứt mọi mối liên hệ trong trại; hai là phải móc nối với cơ sở bên ngoài, phải vào tổ chức; ba là, phải tránh hiểu lầm, phải giữ lấy thân*". Đến tận bây giờ, càng ngẫm, Ba Lạc càng thấy thấm thía.

Sau hàng loạt biến động chính trị ở Sài Gòn, nhiều tù nhân được trả tự do, nhiều người khác được giảm án. Ngày 17-2-1965, Ba Lạc được giảm án, từ chung thân xuống 20 năm khổ sai. Sáu Long đang cần người phục vụ tại Ban Hoạt vụ, xin Chín Khương đưa Ba Lạc ra luôn. Khi ấy Ba Lạc vẫn chưa ở trong tổ chức, chưa biết ai lãnh đạo, rất phân vân, vẫn có ý dò tìm. Hàng ngày, Ba Lạc ăn cơm chung với Phạm Đình Cát, quân phạm chính trị. Anh này tứ tế, có chiều ninh bợ bọn xếp để được yên thân, nhưng không hại một ai. Ba Lạc có mẹo riêng, cứ chuyện Tàu, chuyện dóc, tào lao như kiểu những tay anh

1 Một loại hồ sơ phục vụ việc quản trị tù nhân.

chị, nhưng khi cần, cũng có thể ra tay. Có một lần, tình thế cũng đưa Ba Lạc lên ngôi "anh chị".

Đầu năm 1965, do mâu thuẫn với Thiếu úy Diệp, Lê Văn Khương xin đổi về Phòng Nội an (tòa hành chánh). Diệp lộng quyền, lấn át cả Phó Tỉnh trưởng phụ trách Nội an. Đại úy Trần Hữu Khỏe ức lắm, làm mọi cách để đẩy Thiếu úy Diệp đi. Trước khi đổi về đất liền, Thiếu uý Diệp cũng chơi lại bằng một thủ thuật ngoạn mục, đưa Thiếu úy Nguyễn Văn Dũng vào kế vị, chặn con đường tiến thân của Chín Khương và hạ uy thế, triệt tay chân của Khỏe.

Thiếu úy Dũng sử dụng một thằng đệ tử là tù quân phạm rất ác ôn. Tù nhân nào phải vào phòng điều tra đều đổ máu bởi đòn tra của Khải. Đối với tù chính trị, Khải tỏ ra dữ dằn gấp bội, không biết nó có mối thâm thù hay chỉ vì để tâng công với chủ. Một bữa ở phòng điều tra ra, Nguyễn Bá Khải thở hồng hộc, chửi thề: "*DM. mấy thằng Việt cộng lỳ hết biết, đánh dzậy mà nó không khai*". Ba Lạc nóng mặt, quay phắt lại nhìn thẳng vào mặt hắn. Khải chửi luôn: "*DM. mày cũng là Việt cộng*".

Đến nước này thì không nhịn được nữa, Ba Lạc rút hai con dao, chìa về phía hắn một con, trợn mắt bảo: "*Bây giờ chỉ có hai con đường, một là mày chết, hai là tao chết, mày cầm một con, tao một con, chơi với mày*".

Ba Lạc thủ thế, nhắm khi Nguyễn Bá Khải đưa tay ra chụp cán dao là tung chân đá luôn. Bọn này phải dạy chúng bằng bài này. Thật bất ngờ, thằng ác ôn tác oai tác quái này sụp lạy, van xin rối rít, mặt xám ngoét, thảm thương. Bọn này vốn hèn, đánh tù để lập công, nhưng gặp cao thủ thì mặt cắt không còn hột máu, nhưng chưa tha được. Ba Lạc làm tới: "*Cầm lấy dao, chơi đi. Không còn đường khác đâu, mày có leo lên ngọn bàng tao cũng leo lên*".

Đến lúc này thì nó quỵ hẳn, lạy như tế sao. Cảm thấy đã đủ liều, Ba Lạc cài dao vào túi, bước ra trong lúc Nguyễn Bá Khải vẫn chưa kịp hoàn hồn. Tối ấy, bọn trật tự biết chuyện hết, chúng tin Ba Lạc là dân anh chị thứ thiệt, còn Nguyễn Bá Khải thì bớt hẳn hung hăng.

Giữa năm 1965, Tăng Tư mất chức, Nguyễn Thế Tỵ giữ quyền Tỉnh trưởng. Thừa dịp này, Đại úy Trần Hữu Khoẻ ra lệnh giải tán Phòng Chuyên môn, lập lại Ban Chuyên môn. Lê Văn Khương được cử làm Trưởng Ban Chuyên môn. Phụ tá cho Khương có Giám thị Phạm Văn Long đặc trách về sưu tra, Trần Minh Tâm, đặc trách về thư tín. Ban Chuyên môn đảm nhiệm hệ thống chìm, lo việc khai thác, sưu tra, nắm vững nhân số, xây dựng tình báo, mật báo trong nội bộ tù nhân, kiểm duyệt thư tín, thu thập tin tức.

Cuộc chơi của Ba Lạc bây giờ phải đối đầu với đối thủ đáng gờm nhất là Chín Khương. Sống ở nơi này đích thực là hang hùm, miệng sói, trên đe, dưới búa, không chỉ là với kẻ thù, mà ngay cả với đồng chí của mình. Ba Lạc đang buồn vì chưa có cách gì liên hệ được với tổ chức, mặc dù ở đây, có rất nhiều điều anh có thể giúp được anh em rất nhiều. Chỉ một thông tin thôi, có thể cứu sống một sinh mạng, cứu được sự tan vỡ một tổ chức, cứu vãn tình thế có thể thất bại của một cuộc đấu tranh. Nhưng cuộc sống ở nơi nào cũng có hai mặt, nếu không đủ bản lĩnh và trí tuệ đủ nhạy cảm và tinh tế trong ứng phó thì nguy hiểm và đổ vỡ cũng có thể bắt đầu từ đây.

Chín Khương không tin bất cứ một ai, bất cứ do ai giới thiệu. Hắn có ít nhiều cảm tình với Ba Lạc. Chưa có dấu hiệu gì để nói rằng Ba Lạc có liên hệ với tù chính trị, có hoạt động chính trị trong tù. Sau khi Nguyễn Thành Vân

mãn án, Chín Khương đưa Ba Lạc thay chân Thư ký của Ban Chuyên môn. Hắn bố trí Ba Lạc ngủ ngay tại văn phòng Ban Chuyên môn, ngay cạnh phòng của hắn, nhưng làm như không để mắt tới. Hắn có kiểu kiểm tra riêng, bất chợt, hiểm hóc, không để cho đối phương kịp trở tay.

Vốn mê môn đấu trí, Ba Lạc đủ nhạy cảm để hiểu điều đó. Anh thường quan sát và luyện trí hàng ngày. Ai đến anh, anh phán đoán ngay, họ đến vì việc gì; hai người nói chuyện với nhau, anh phán đoán xem họ nói về ai, về việc gì, rồi chờ đợi và kiểm nghiệm. Anh vẫn chờ xem, cuộc đấu trí với Chín Khương sẽ diễn ra như thế nào.

Hàng ngày, và có khi cả đêm, Ba Lạc vẫn chúi đầu vào sổ sách, ghi chép những công việc của thư ký. Khi rảnh rỗi, anh dạo chơi một mình hoặc đọc sách chưởng. Anh có cả hàng thùng sách chưởng mà gia đình mới gửi cho. Đó cũng là thú đam mê của Chín Khương. Một bữa Ba Lạc đang coi sách chưởng trên giường thì Chín Khương bất chợt bước vào, hỏi ngay: "*Chú có trốn không chú?*"

Ba Lạc trả lời ngay: "*Anh Chín à, tôi ra đây hai năm rồi, tôi ra sao, anh Chín biết; anh Chín tốt với tôi sao, tôi biết, nhưng tôi trốn*".

Chín Khương không đổi sắc mặt, nheo mắt, chờ đợi và thăm dò. Ba Lạc nói tiếp: "*Anh Chín tốt với tôi, nhưng cũng không bằng cha mẹ tôi, nên tôi trốn*".

Chín Khương vẫn không tỏ thái độ gì rõ rệt, tiếp tục hỏi:

- Chú trốn cách sao? Dùng bè hay ghe?

- Không. Thứ đó anh Chín cho tôi cũng không đi. Số tôi kỵ biển, đi là chết?

- Vậy chú đi bằng gì: tàu được không?

- Dạ được. Tàu thì tôi đi, nhưng anh Chín coi chặt chẽ vậy, làm sao đi, mà tôi lại ở với anh Chín, ai dám rủ.

Chín Khương phá lên cười, không ra đắc ý, không ra giễu cợt, rồi bỏ đi, nhưng hắn vẫn chưa tha. Một lần, thằng Hoạt, Trật tự An ninh rất ác ôn, loại con cưng của Chín Khương đánh bạc với đám lính, bị Chín Khương bắt được, giận lắm. Hắn chúa ghét việc rượu chè, đánh bạc, chim gái. Cả đời hắn, chỉ có sự đam mê đến tận cùng là chống cộng, đọc chướng. Hắn gọi Ba Lạc đến, sai lấy cung, xem thằng này đánh bạc bao nhiêu lần, với những ai... Hắn bảo Ba Lạc: "*Thằng này lỳ, phải đập dữ nó mới khai, tôi cho phép chú*".

Ba Lạc nghĩ ngay, Chín Khương chơi mình. Bây giờ nó sai đánh tù thường phạm, mai nó sai đánh tù chính trị, thế là cùng đường. Chín Khương đi rồi, Ba Lạc nói với Hoạt: "*Mày nghe rõ chưa? liệu mà khai, tao ăn chay niệm Phật, không biết đánh người. Khai láo thì mày chịu*".

Hoạt không nói gì, cầm bút khai, toàn mấy thằng ác ôn, toàn đệ tử ruột của Chín Khương. Ba Lạc cũng không nói gì. Lát sau Chín Khương quay lại, đọc bản cung, mặt tái đi, đập bàn cái "rầm" rồi quát: "*Láo! Chú thấy không? Thằng này mà không đập là nó khai láo*".

Bất thần, Chín Khương tung một chưởng, Hoạt gãy hai răng cửa, máu và nước miếng phun đỏ góc tường. Hắn túm tóc Hoạt dựng dậy, lôi vào bàn bắt khai lại. Hoạt cắn răng, nuốt cả bãi nước miếng trộn máu đang chực trào ra rồi cầm bút khai lại trước mặt Chín Khương. Chẳng biết thực hư thế nào, Chín Khương cầm tờ cung day qua Ba Lạc nói: "*Chú đã thấy chưa, thằng này không đập là không xong*".

Ba Lạc được thể nói ngay: *"Anh Chín thương, tôi nhờ, ghét tôi, tôi chịu, việc này tôi không làm được"*.

Chín Khương không nói gì, nhưng sau đó, không lần nào thử thách Ba Lạc như thế nữa. Không dùng Lạc vào việc đánh tù thì dùng vào việc khác. Tù chính trị thì hắn chỉ có khuất phục và sử dụng chứ hắn không tin, còn trong đám quân phạm, thường phạm, không thể tìm được ai như Ba Lạc. Lạc thông minh, trí nhớ thần kỳ, sổ sách làm đâu ra đó, lại không cờ bạc, rượu chè, chỉ mê chuyện chưởng. Phong trào đấu tranh của tù chính trị ngày càng mạnh và lan rộng khắp các trại, vụ việc đến Phòng Chuyên môn ngày càng nhiều, Ba Lạc vẫn đứng ở vị trí Thư ký, chưa ai thế được.

Sau vụ Trật tự Khải thời Thiếu úy Dũng, vụ Trật tự Hoạt thời Chín Khương, đám trật tự an ninh nể Ba Lạc ra mặt. Các giám thị, công chức, cảnh sát cũng mang ơn Ba Lạc. Chỉ riêng chuyện công nhân tư gia là họ phải lụy Ba Lạc rồi. Giám thị, công chức, cảnh sát thời ấy được phép xin một tù nhân về phục dịch công việc trong nhà, từ trồng rau, nuôi gà đến kèm con cái học hành, gọi là "công nhân tư gia". Nếu chọn nhầm phải người tư cách kém là tai họa, không rượu chè, cờ bạc, hút xách thì cũng chọc ghẹo, làm hư hỏng vợ con họ. Mà không dùng được, trả về trại thì không được xin nữa.

Mọi trường hợp xin công nhân tư gia đều phải qua Phòng Chuyên môn duyệt. Nhiều tù thường phạm, tù quân phạm nhờ cậy đám trật tự trong Phòng Chuyên môn tiến cử để được làm công nhân tư gia, nhàn hạ hơn đi làm khổ sai, yên thân và sinh hoạt dễ chịu. Được ra rồi, máu thường phạm lại nổi lên, và tiếp tục phạm pháp lén lút với vợ con giám thị khiến nhiều nhà điêu đứng.

Người nào tìm đến Ba Lạc, nhờ chọn cho một công nhân tư gia là êm. Người nào Ba Lạc chỉ là đều có tư cách, có văn hóa, không có điều gì đáng phàn nàn cả.

Ba Lạc đi lại dễ dàng trên đảo, có thể đến sở này, sở kia, gặp giám thị, cảnh sát không ai xét nét, gặp trật tự an ninh, trật tự bãi, trật tự tăng phái cũng không đứa nào dám ho he, vậy mà anh vẫn chưa gặp được tổ chức, thật đáng buồn và đáng lo, vì chưa ai giới thiệu mình, chưa ai tin mình. Quả là anh em trong tổ chức cũng đang muốn tìm một người có vị trí như Ba Lạc để móc nối nhưng chưa dám. Vụ bể bạc tai hại năm 1962 và những thủ đoạn thâm hiểm "dùng tù trị tù" của Chín Khương, khiến ai cũng phải dè chừng.

Quan sát và suy xét, Ba Lạc phán đoán một vài người nằm trong tổ chức, đang có một nhiệm vụ gì đó, và đến năm 1966, khi Sáu Hỏi (Trương Văn Hỏi) ra thì Ba Lạc tin chắc rằng, những người này có trong tổ chức, đang thực hiện một nhiệm vụ gì đó. Có lần Sáu Hỏi bị bắt đi điều tra, Ba Lạc biết trước 18 giờ, nhưng không biết báo cho ai. Điều đó khiến anh càng phải mạnh dạn hơn, tìm đến với tổ chức. Vụ ấy Sáu Hỏi không bể bạc gì. Anh linh cảm rằng, có thể bắt đầu từ Sáu Hỏi.

Ba Lạc phán đoán đúng. Đầu năm 1963, Ban Lãnh đạo lâm thời trại tù án được tổ chức gồm 5 người: Nguyễn Xuân Kí phụ trách chung; Nguyễn Văn Ngư (tức Hai E) phụ trách Trại I; Võ Văn Thuật phụ trách Trại II; Hai Khuynh (Trương Minh) và anh Hiển phụ trách các sở ngoài. Ban Lãnh đạo lâm thời tập hợp một số cốt cán ở các trại, tổ chức mạng lưới thu thập tin tức, binh vận, liên lạc với đất liền, xây dựng phương án đấu tranh,

bước đầu đòi các quyền dân sinh dân chủ. Hai Khuynh còn đặc trách tổ chức một đường dây liên lạc với Trung ương Cục thông qua Tỉnh ủy Tây Ninh.

Sau vài lần làm như tình cờ gặp nhau làm quen, nói chuyện, gây thiện cảm và kiểm nghiệm, Ba Lạc nói với Sáu Hỏi: "*Tôi muốn gặp các đồng chí trong tổ chức*". Sáu Hỏi gật đầu, bảo để anh liên hệ xem sao. Ít hôm sau, Sáu Hỏi bảo đã liên hệ được, tổ chức đồng ý, anh cứ liên hệ đơn tuyến với Sáu Hỏi, bí danh của anh là Y2. Sau này, anh mới biết, bí danh số Y2 là do Ngô Năng đặt cho anh.

Ba Lạc khấp khởi trong lòng. Anh đã đi được hai bước lớn: qua mặt được Chín Khương và liên hệ được với tổ chức. Tổ chức tin anh, và Chín Khương cũng tin anh. Đó là một sự trớ trêu, giống như một con dao hai lưỡi. Tình thế đã buộc anh phải nắm lấy và bắt đầu một cuộc chiến thầm lặng. Công việc đầu tiên là tìm cách bố trí một số anh em từ trong trại ra các sở, hoặc từ trại này qua trại khác theo yêu cầu của tổ chức; theo dõi, phát hiện và hạn chế những dấu hiệu bể bạc, những âm mưu thủ đoạn đánh phá của địch, kịp thời báo cho tổ chức...

Các Sở lao động khổ sai thường xuyên có yêu cầu thăng giảm nhân số, phiếu chuyển vận tù nhân đều do Ban Chuyên môn làm, hơn nữa, văn phòng Ban Chuyên môn chi phối toàn bộ trật tự các trại cho nên việc bố trí anh em chuyển trại hay ra các sở không mấy khó khăn. Khó nhất là gỡ các vụ bể bạc. Đây là chuyện chính trị, chuyện tổ chức và đấu tranh trong tù, là đối tượng trực tiếp của Chín Khương, Ba Lạc không thuộc bộ phận sưu tra, lấy cung, chuyện ấy không hỏi được, phải mưu mẹo.

Đầu năm 1967, Trương Minh mãn án, được trả tự do, Đường dây Côn Đảo do Ngô Năng (Ngô Văn Năng) phụ trách. Công việc của Ba Lạc vẫn do Sáu Hỏi trực tiếp chỉ đạo, vẫn là nắm tình hình, âm mưu của địch, bố trí cho một số anh em tù chính trị ra các sở ngoài theo yêu cầu của bộ phận chỉ đạo.

Tháng 8-1970, hơn 4.000 tù chính trị đồng loạt chống chào cờ và chống khổ sai đã tạo một uy thế chính trị vô cùng to lớn, làm chuyển biến tương quan lực lượng, mở màn cho một giai đoạn đấu tranh quyết liệt với địch. Được tăng cường một Đại đội Cảnh sát dã chiến từ Sài Gòn ra, Nguyễn Văn Vệ đưa tối hậu thư vào tất cả các phòng, buộc tù nhân đầu hàng vô điều kiện (chấp hành nội quy, chào cờ, làm khổ sai). Sau 3 tháng đàn áp, một phần ba số tù chính trị chống chào cờ bị bức rời hàng ngũ, còn 2.640 người "đậu" được. Đó là con số kỷ lục về chống chào cờ "đậu" được từ trước đến nay. Bất lực, Nguyễn Văn Vệ bị cách chức, tháng 2-1971, Trung tá Cao Minh Tiếp ra nhận chức Chúa đảo thay Vệ. Vốn là sĩ quan tình báo đã được nhiều lần tu nghiệp ở Mỹ, từng làm Giám đốc Trung tâm tình báo hỗn hợp Việt - Mỹ, Phụ tá Tổng Thư ký Ủy ban Phượng Hoàng Trung ương, Cao Minh Tiếp thực hiện nhiều thủ đoạn nham hiểm và thâm độc.

Cuối năm 1971, Cao Minh Tiếp chỉ huy nhiều trận đàn áp, xé phòng dồn trại, đưa trên 1.000 tù án chính trị biệt giam về Trại VII và đưa hơn 800 tù chính trị câu lưu từ Trại I về Trại VI khu B. Khi ấy, Sáu Hỏi đã chỉ đạo Ba Lạc nắm danh sách tù chính trị Côn Đảo, nắm chắc tình hình vận chuyển tù chính trị, xem nó đưa anh em đi đâu, giấu ở chỗ nào hay đưa về đất liền.

Sau có thêm tin tức ở Hội nghị Paris, anh nhận định, nếu ta thắng ở Hội nghị Paris thì nhất định phái đoàn ta sẽ ra Côn Đảo, ta phải nắm chắc danh sách tù chính trị để giúp phái đoàn. Trước hết là nắm nhân số từng phòng, lập danh sách từng trại.

Ba Lạc bắt đầu công việc lập danh sách, theo vần A-B-C. Lập danh sách, theo dõi nhân số là công việc của Ba Lạc, anh làm một cách bán công khai. Nhân số của các Trung tâm Cải huấn được kiểm soát trong một cuốn sổ khổ lớn, bìa đỏ, Ba Lạc lập một cuốn mới, y chang, làm riết tới chừng 7-8 tháng thì hoàn thành, chuyện ấy chỉ mình anh biết, mình anh cất giữ. Công việc đang tiến triển thì xảy ra một sự cố, do trật tự Bé mật báo, đường dây vào Trại V bị bể, Sáu Hỏi lại phải vào cấm cố, Năm Năng trực tiếp chỉ đạo các cơ sở ngoài.

Cuối năm 1972, ngụy quyền Sài Gòn đưa Tòa án quân sự mặt trận lưu động Vùng 2 và Vùng 3 chiến thuật ra Côn Đảo, xử những người tù chính trị không có tên trong danh sách dự kiến trao trả thành tù thường án với các tội danh "phá rối trị an", "gian nhân hiệp đảng"... Chúng lập sẵn các bản án rồi cưỡng bức tù nhân ký và lăn tay, chụp hình dán vào. Ba Lạc lấy xe dạp phóng lên Sở Chăn nuôi gặp Năm Năng báo tin: "*Anh Năm, tụi nó đánh tráo tù, chúng xử tất cả tù chính trị thành thường án*". Năm Năng đồng tình ngay, bảo Ba Lạc phải làm ngay toàn bộ danh sách tù chính trị để chuyển về. Trung ương Cục vừa chỉ đạo cho bộ phận Đường dây Côn Đảo phải bằng mọi cách, làm thật gấp...

Ba Lạc về kêu Phước, Thư ký Văn phòng Giám thị trưởng, làm phiếu vận chuyển anh Nguyễn Văn Y (tự Trường) về kho dụng cụ. Phước mang án quân phạm

chính trị, đã được giác ngộ và đứng trong tổ chức. Anh Khoái giữ kho dụng cụ đã là một đầu mối của ta. Đó là một nơi khá an toàn mà Ba Lạc đã chọn để chép lại bản danh sách 8.000 tù chính trị. Ba Lạc lật cuốn sổ bìa đỏ mà anh giấu kỹ từ năm trước, giao cho hai anh Phước và Y chép phần danh sách tù chính trị chưa thành án thuộc Trung tâm Cải huấn I. Danh sách này ít, chừng độ 2.000 người, còn lại toàn bộ danh sách tù án chính trị thuộc Trung tâm Cải huấn II, khoảng 6.000 người thì Ba Lạc trực tiếp làm.

Danh sách viết trên giấy pơluya mỏng khổ (27x33) cm, ghi rõ họ tên, năm sinh, quê quán, án tiết, và quan trọng nhất là đính bài. Đó là những bằng chứng xác đáng nhất để có thể đấu tranh với địch trên mặt trận ngoại giao, trong vấn đề trao trả tù binh, tù chính trị. Công việc khá nhiều, Năm Năng giục làm gấp, Ba Lạc chọn trong danh sách toàn bộ vần T, khoảng 2.000 người, giao cho anh Khoái phụ trách kho dụng cụ chép phụ.

Hai hôm sau, Khoái nộp bài, kiểm tra lại thì Ba Lạc giật thót, hỏi lại ngay anh Khoái, vì sao chuyện này giao cho mình anh mà giờ lòi ra ba tuồng chữ, hai tuồng chữ xấu và một tuồng chữ đẹp. Anh Khoái nhận ngay, việc nhiều, sợ làm không kịp, anh chia cho anh Sao ở Hợp tác xã tiêu thụ và anh Huyền làm giúp. Ba Lạc cảm thấy bất an, chuyện tày đình như vậy mà giao người tùy tiện. Anh Sao thì được, nhưng Huyền thì không ổn. Huyền là tù quân phạm, án chung thân khổ sai, số tù 156, là đệ tử ruột của Hai Tốt, Trưởng Ban an ninh. Anh ta không hại ai nhưng suốt ngày say xỉn, làm hỏng việc lúc nào không hay.

Ba Lạc quyết định chuyển toàn bộ danh sách lên cho Năm Năng ngay buổi chiều ấy. Anh cuộn tất cả lại,

vừa một lọn tay, công khai cầm đi như khi có nhiệm vụ chuyển công vụ lệnh về các sở. Dọc đường, gặp giám thị, cảnh sát, gặp anh em bạn tù hay trật tự an ninh, Ba Lạc đều dừng lại chào hỏi thật vui vẻ. Đến Sở rẫy Chuồng Bò, Chủ sở vồn vã chào hỏi: "*An ninh hả? Đi đâu vậy?*" Ba Lạc chào lại rồi bảo: "*Tôi gặp Năm Năng*". Chủ sở chỉ ra ngoài rẫy, bảo Năm Năng ngoài ấy. Đã thành lệ, các chủ sở, giám thị không can thiệp vào công việc và quan hệ của trật tự an ninh, nhất là những người làm việc ở Ban Chuyên môn gần gũi với Chín Khương.

Ba Lạc ra rẫy, trao cho Năm Năng, báo cáo cả tình hình bất an trong lúc chép lại danh sách. Lạc yêu cầu Năm Năng chuyển sớm cho chắc ăn và đề phòng mọi khả năng bất trắc. Năm Năng gật đầu. A1 (Trung ương Cục) cũng đang yêu cầu anh em ngoài đảo hoàn thành sớm nhiệm vụ này. Ba Lạc xin Năm Năng mấy tờ giấy trắng, cuộn lại thành một lọn giống như hồi nãy, ghé qua chào Chủ sở trước khi về.

Mười ngày sau, Ba Lạc gặp lại Năm Năng, thở phào nhẹ nhõm khi nghe hai tiếng: "*Rồi mày*". Năm Năng đã mua hai con đồi mồi nhỏ, giống như loại thường làm đồ lưu niệm ở đảo này, nhét tài liệu vào, may kỹ lại rồi giao cho Hai Thiện gửi cơ sở trong công chức, giám thị chuyển về Sài Gòn. Hai Thiện trước đây cũng dạy trường Pétruyký, được bố trí ra làm việc ở Ty Tiểu học, nắm số giáo chức, công chức và con em giám thị.

Người chuyển hai con đồi mồi ấy là cô Thái, con Giám thị Tý, Phó Ban An ninh Trung tâm Cải huấn Côn Sơn. Giám thị Tý có ba cô con gái, cô lớn là cô Cúc, bán hàng ở hợp tác xã, Thái đang học trung học ở Sài Gòn. Khi còn học tiểu học ở Côn Đảo, Thái được anh Hai Thiện kèm

cặp, cảm hóa và đã nhiều lần chuyển thư, chuyển tài liệu giấu trong những gói quà. Đối với cô, đó chỉ là những bức thư, những gói quà anh Hai gửi về nhà, đương nhiên, qua lời dặn của anh Hai, cô biết rằng, những thứ đó đối với anh Hai là hệ trọng.

Chuyến ấy, Thái được bố trí đi máy bay. Hai con đồi mồi cô bọc nilon cẩn thận, xách tay lên máy bay như một món quà lưu niệm. Trước đó, Hai Thiện đã nhắn về nhà là "có hàng rồi". Vợ anh túc trực, chờ đợi. Không riêng mình chị, mà nhiều người có trách nhiệm đang chờ đợi món hàng này. Anh Trần Lê Quận (tức Tư Cao), Đội trưởng Đội nội tuyến không quân của Ban Binh vận Trung ương Cục đã được điều vào Sài Gòn với nhiệm vụ mở một đường dây mới chạy thẳng về Trung ương Cục để chạy những "món hàng" quan trọng thay cho những đường dây cũ đã bị địch đánh nát trong hai năm qua. Tư Cao mở đường dây mới, về hướng miền Tây, từ Sài Gòn về Châu Đốc rồi ngược lên Trung ương Cục.

Tháng chạp năm 1972, vừa mở xong đường dây mới, chạy thử thông suốt thì chị vợ anh Hai Dần (Hứa Văn Dần), Cán bộ binh vận trong Đội nội tuyến của Tư Cao báo là "*có món hàng của Ông Giáo cần chuyển gấp*", Tư Cao nghĩ ngay là tài liệu quan trọng của anh em ở Côn Đảo chuyển về. Món hàng là một con đồi mồi nhỏ, bề ngang chừng hơn hai tấc, trông rất xinh xắn, ở phía đuôi có một đường chỉ may rất khéo. Mở ra, đó là một lọn tài liệu xếp gọn cỡ bằng cườm tay, chép danh sách những người tù chính trị Côn Đảo, ước chừng khoảng 5.000 người. Tư Cao quyết định cho chuyển món hàng quan trọng này trong chuyến giao liên đầu tiên theo đường dây mới vừa chạy thử.

Hàng được chuyển từ Chợ Gà tới bến xe An Đông. Ông Lê Văn Hợi, một Việt Kiều chuyên làm khô mắm có tiếng đã đóng hàng vào trong cần xé mắm, chuyến cho bạn hàng đã được tổ chức vào đường dây ở tận Châu Đốc. Từ Châu Đốc, hàng được chuyển đến trạm cuối đặt tại một ngôi chùa ở Tân Châu. Đấy cũng là trạm đầu mối nhận hàng chuyển thẳng cho anh Mười Thơ, Trưởng Ban Binh vận Trung ương Cục.

Chuyến hàng đầu tiên của đường dây mới thật suôn sẻ, Tư Cao nhận được tin, mừng hết biết, nhưng cùng lúc, anh nhận được tin, còn một món hàng nữa, cũng là của "Ông Giáo". Vẫn là một con đồi mồi, giống y chang con trước, nhưng mở ra thì ruột nhỏ hơn. Lật hết các trang, Tư Cao ước chừng gần 3.000 người có tên trong danh sách. Lần này thận trọng hơn, Tư Cao cho chép thành hai bản rồi mới cho chuyển đi, đề phòng bất trắc.

Anh Dương Đình Thảo khi đó là Người phát ngôn thứ nhất của phái đoàn ta ở Hội nghị Paris, anh không biết bản danh sách 8.000 tù chính trị Côn Đảo đến được phái đoàn ta bằng con đường nào, nhưng khi có được bản danh sách trong tay, các anh biết ngay rằng, đây chính là một thứ vũ khí hữu hiệu nhất mà mình đang thiếu.

Nhờ nguồn tài liệu do bộ phận Đường dây Côn Đảo chuyển về, đặc biệt là bản danh sách 8.000 tù chính trị Côn Đảo có đầy đủ những yếu tố pháp lý, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Ủy ban Vận động cải thiện chế độ lao tù tại Sài Gòn đã tổ chức nhiều hoạt động đấu tranh chính trị và ngoại giao tố cáo Mĩ - ngụy phá hoại Hiệp định Paris, đàn áp tù chính trị, hỗ trợ cho cuộc đấu tranh ở Côn Đảo.

Nhiều tờ báo đối lập ở Sài Gòn cũng lên án chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, ủng hộ cuộc đấu tranh của tù nhân. Ủy ban Vận động cải thiện chế độ lao tù miền Nam Việt Nam đã ra lời kêu gọi Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát Hiệp định Paris tại Việt Nam can thiệp để trả tự do cho tù chính trị. Khi biết tin Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu xuất ngoại xin Quốc hội Mỹ tăng viện trợ và bay sang Roma yết kiến Đức Giáo hoàng để tranh thủ sự ủng hộ, Ủy ban đã gửi bức thư ngày 4-4-1973 thỉnh cầu Đức Giáo hoàng không tiếp Nguyễn Văn Thiệu vì vụ Chuồng Cọp Côn Đảo bê bối và tráo trở trong việc trao trả 200.000 tù chính trị ở miền Nam Việt Nam. Cuộc gặp gỡ vẫn diễn ra, song vấn đề tù chính trị đã trở thành trọng tâm chính trong cuộc thảo luận giữa Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và Đức Giáo hoàng. Nguồn tin của Tòa thánh cho biết, kết quả cuộc đối thoại là bi đát.

Tại Paris, ngoài việc đấu tranh trong hội nghị và trong các phiên họp có liên quan đến Hiệp định, chị Nguyễn Thị Bình và các thành viên trong phái đoàn ta tổ chức nhiều hoạt động ngoại giao rất hiệu quả. Trong các ngày 12, 13 và 14-4-1973, đại diện của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam cùng Ủy ban Vận động cải thiện chế độ lao tù đã đến Paris, dự Hội nghị vận động trả tự do cho tù chính trị ở miền Nam Việt Nam với sự tham gia của 97 tổ chức quốc gia và quốc tế. Sau ba ngày thảo luận sôi nổi, Hội nghị đã cam kết mở một chiến dịch quốc tế đòi hỏi: *"Trao trả sớm mọi tù nhân chính trị cho Chính phủ Cách mạng Lâm thời; Chấm dứt mọi hành hạ và ngược đãi đối với tất cả tù nhân chính trị trong khi chờ đợi trao trả và phóng thích họ;Chấm dứt mọi cuộc bắt bớ và mọi hành động đàn áp và trái ngược với Hiệp định Paris"*.

Hội nghị đã cử một phái đoàn đến Việt Nam quan sát từ ngày 19-4-1973 đến ngày 1-5-1973 gồm: Giám mục Bélanger, Địa phận Valleyfield (Québec); Bà Thelma Balaer, Hội đồng các Giáo phái tại Canada; Ông Georges Lebel, Tiến sĩ giáo sư Đại học Québec; Cùng đi có Giám mục Thomas Gumbleton (địa phận Detroit của Mỹ) và Linh mục Robert Manning (dòng Tên). Trong Bản tường trình ngày 1-5-1973 do Georges Lebel soạn thảo, phái đoàn quan sát đã khẳng định rằng ở Nam Việt Nam có tù chính trị. Tuyên bố vạch rõ tính phi pháp của các Tòa án Quân sự Mặt trận với con số 27.000 người đang bị giam giữ do các tòa án này kết án.

Những chiến công thầm lặng của những cán bộ binh vận trong nhà tù Côn Đảo chính là một mắt xích quan trọng để hòa nhịp cuộc đấu tranh trong tù với cuộc đấu tranh của đồng chí, đồng bào trong nước và quốc tế; hòa nhịp các mặt trận đấu tranh giữa đấu tranh chính trị, tấn công binh vận và ngoại giao với thắng lợi trên các chiến trường. Đương nhiên, đó cũng là thắng lợi trực tiếp của chính những người tù chính trị Côn Đảo: 5.081 tù chính trị, trong đó có 4.075 người ở Côn Đảo đã được trao trả cho Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam trong ba đợt tại sân bay Lộc Ninh.

Ba Lạc cũng được về trong đợt trao trả ấy. Cuộc chơi của anh với Chín Khương đã đến hồi kết thúc, nhưng anh biết rằng kết cục của mặt trận thầm lặng và những chiến công thầm lặng luôn còn ở phía trước mặt anh.

ĐƯỜNG DÂY CÔN ĐẢO[1]

Với địa thế biệt lập, cách xa đất liền hàng trăm cây số, trên một hòn đảo không có dân cư, chỉ có tù nhân, cai ngục và sự đọa đày, bọn thực dân xem Côn Đảo là nơi lý tưởng để đày ải và giết hại tù nhân một cách man rợ nhất, bất chấp dư luận và luật pháp.

Ở Hỏa Lò (Hà Nội) hay Khám Lớn - Chí Hòa (Sài Gòn), tù nhân tuyệt thực làm chấn động dư luận, báo chí đưa tin, quần chúng và lực lượng cách mạng lên tiếng ủng hộ. Heo hút như ngục Sơn La, 43 tù nhân bị giết hại trong vòng 8 tháng (1933) đã làm xôn xao giới báo chí. Nhiều kiến nghị đã phản đối đến tận phủ toàn quyền. Để đối phó với dư luận, Toàn quyền Paskier đã ra lệnh đày tất cả số tù chính trị còn sống ra Côn Đảo. Bọn gác ngục dọa tù nhân: "*Ra Côn Đảo tha hồ mà đấu tranh. Ở ngoài ấy có sóng biển ủng hộ chúng mày*".

Bằng nghệ thuật tổ chức và ý chí kiên cường, những người cộng sản đã tập hợp lực lượng, kể cả thường phạm vào một mặt trận, đấu tranh giành quyền sống, giảm nhẹ chế độ khổ sai, đòi các quyền hợp pháp, theo quy chế nhà tù. Mạng lưới thông tin liên lạc được thiết lập, phục vụ đắc lực cho cuộc tranh đấu và các hoạt động của tù nhân. Nhà bếp, Bệnh xá, Sở Vệ sinh, Sở Lưới, Nhà đèn, Công

1 Thông tin Khoa học lịch sử Bà Rịa - Vũng Tàu số 4, tháng 4-2004.

xưởng, kíp tù áo trắng (làm bồi, bếp, thư ký công sở) là những trung tâm liên lạc của tù chính trị. Các đồng chí: Tôn Đức Thắng, Lê Thanh Nghị, Lương Khánh Thiện, Lê Đức Thọ... vừa là những người tổ chức, vừa là những giao liên xuất sắc trong một thời gian dài ở nhà tù này.

Những đảng viên Đảng xã hội Pháp trong binh lính, gác ngục cùng thủy thủ Pháp - Việt trên các tàu thuộc hàng vận tải "Năm Sao" của Pháp thường ghé lại đảo đã cung cấp sách báo và chuyển giúp thư từ cho tù chính trị. Nhờ đó mà báo *La Lutte* (Tranh Đấu) xuất bản tại Sài Gòn từ năm 1934 đã đăng một loạt bài phóng sự tố cáo chế độ lao tù Côn Đảo với tin tức cập nhật, góp phần đắc lực vào phong trào đấu tranh đòi Tổng đại xá tù chính trị ở Đông Dương (1936).

Thời kháng chiến chống Pháp, Đảo ủy Côn Đảo đã thiết lập được đường dây liên lạc với Thành ủy Sài Gòn - Gia Định qua các cơ sở của đồng chí Lê Đình Thụ (nguyên là Thành ủy viên), khi đó là Thường vụ Đảo ủy (1952 - 1954). Ngoài những bức thư trao đổi ngắn, viết bằng mực hóa học, Đảo ủy đã bố trí cho hai đồng chí Vũ Quang Đạo và Đoàn Duy Thành vượt ngục, thông qua đường dây này để trực tiếp báo cáo cho Thành ủy và Trung ương Cục toàn bộ tình hình địch ta ở nhà tù Côn Đảo, đồng thời, xin ý kiến của Trung ương về phương án võ trang giải phóng Côn Đảo.

Thời Mỹ - ngụy, ngoài bộ máy giám thị, công an, quân đội, cải huấn, địch tổ chức một hệ thống trật tự (tù tay sai) và tình báo mật báo để kiểm soát và đánh phá tổ chức tù chính trị. Mỗi lần chúng phát hiện ra hệ thống tổ chức và liên lạc của tù nhân là hàng chục người đổ máu,

bị cấm cố, còng xiềng. Không ít người đã phải hy sinh tính mạng để bảo vệ tổ chức. Thiết lập đường dây liên lạc với Trung ương Cục là một thành công lớn của tù chính trị trong giai đoạn này.

Đường dây này do Trương Minh (tức Hai Khuynh), Cán bộ Binh vận Trung ương Cục phụ trách. Trương Minh (quê Tây Ninh) và Nguyễn Xuân Ký (quê Tiền Giang) đã tham gia Đảng ủy Nhà lao Chí Hòa. Ra Côn Đảo, hai anh đã góp phần xây dựng lại tổ chức Trại tù án và chắp nối đường dây liên lạc với Trung ương Cục.

Đầu năm 1963, Ban Lãnh đạo lâm thời trại tù án được tổ chức gồm 5 người: Nguyễn Xuân Ký, Nguyễn Văn Ngư (tức Hai E), Võ Văn Thuật, Trương Minh và anh Hiển quê Bến Tre. Đường dây liên lạc với Trung ương Cục do Trương Minh tổ chức và chỉ bàn bạc với Nguyễn Xuân Ký. Ban Lãnh đạo lâm thời tập hợp một số cốt cán ở các trại, tổ chức một mạng lưới thu thập tin tức, binh vận, liên lạc với đất liền, xây dựng phương án đấu tranh, bước đầu đòi các quyền dân sinh dân chủ.

Cuối năm 1963, những bức thư liên lạc đầu tiên của tù chính trị đã về đến căn cứ của Tỉnh ủy Tây Ninh. Ban An ninh Trung ương Cục đã liên hệ được với Giám thị Nguyễn Văn Thượng, Chủ Sở Chăn nuôi của nhà tù Côn Đảo, người gốc Tây Ninh. Năm Thượng có quan hệ tốt với tù chính trị và chuyển báo cáo của tù chính trị về đất liền. Một thời gian sau, những tù chính trị phục vụ tại Ty Tiểu học và dạy học tư gia đã giác ngộ được Nguyễn Văn Đông, Trưởng Ty Tiểu học và nữ giáo viên Trịnh Thị Thu Hưng tình nguyện làm liên lạc viên đắc lực giữa Côn Đảo và đất liền cho tù chính trị. Hai học sinh Nguyễn

Thị Thu Hồng và Nguyễn Thị Thu Tâm (con Giám thị Nguyễn Văn Trương) cũng được giác ngộ và trở thành những giao liên tin cẩn.

Thư từ, báo cáo được viết bằng mực hóa học, ngụy trang trong sách, báo hoặc giấu kín đáo trong các bưu phẩm. Trương Minh đã gửi mua các loại sách văn - sử, từ điển tiếng Anh, tiếng Hoa và cần mẫn soạn bộ từ điển Hán - Việt (13.000 mục từ) gửi về đất liền. Nhiều báo cáo đã được viết bằng mực hóa học và gửi qua những bản thảo này. Cuối năm 1966, Trương Minh mãn án, bàn giao lại đường dây này cho Ngô Văn Năng.

Nhờ thiết lập đường dây đặc biệt, Trung ương Cục đã nắm được tình hình báo cáo về Trung ương và lập bộ phận theo dõi công tác nhà tù, chỉ đạo lực lượng tù chính trị Côn Đảo thông qua Tỉnh ủy Tây Ninh. Hàng năm, Trung ương Cục đều gửi thư thông báo tin tức, tình hình, chủ trương lớn của Đảng, động viên tinh thần và định hướng phương châm đấu tranh cho tù chính trị. Những bức thư của Trung ương Cục đã có tác dụng lớn giúp cho tù chính trị xác định đúng đắn phương châm và mục tiêu đấu tranh trong tù.

Thông tin là vấn đề sống còn trong tranh đấu. Trong nhiều trường hợp, mỗi người tù chính trị đều có thể trở thành những chiến sĩ giao liên. Các đoàn tù chính trị vừa bị đày ra đảo đã đem theo những tin tức mới nhất cùng những nghị quyết, chủ trương, chỉ thị của Trung ương Cục và Thành ủy Sài Gòn - Gia Định mà họ tiếp thu được trước khi bị bắt hoặc từ các nhà lao trong đất liền. Những người tù được trả tự do lại đem tin tức từ đảo về đất liền. Những tin tức được phát huy đúng lúc có

tác dụng công phá lớn bằng cả nhiều cuộc đấu tranh. Vụ "Chuồng Cọp Côn Đảo" đã phơi bày sự dính líu thối nát của chính quyền Mỹ tại Nam Việt Nam.

Vào tháng 6-1970, một Ủy ban điều tra của Hạ nghị viện Mỹ đã đến Sài Gòn để điều tra về các khoản viện trợ của Mỹ cho Nam Việt Nam. Cùng thời điểm đó, các sinh viên: Cao Nguyên Lợi, Nguyễn Thanh Tòng, Nguyễn Tuấn Kiệt, Trần Văn Long và học sinh Nguyễn Minh Trí được trả tự do ngày 23-5-1970 đã viết bản tường trình tố cáo chế độ man rợ của Mỹ - ngụy tại Côn Đảo, đặc biệt là tại Chuồng Cọp. Bản tường trình của 5 sinh viên học sinh về một địa ngục có thật tại Chuồng Cọp Côn Đảo mà họ vừa trải qua đã được đọc trước Liên ủy ban Nội vụ - Tư pháp định chế - Xây dựng nông thôn của Hạ nghị viện ngụy, phiên họp ngày 19-6-1970. Bản tường trình được in rônêô, phân phát trong hội nghị và giới báo chí. Nhờ đó mà Nhà báo Don Luce đã tìm cách gặp những sinh viên này và được họ chỉ dẫn sơ đồ Chuồng Cọp Côn Đảo.

Ngày 2-7-1970, hai dân biểu Mỹ Augustus Hawkins và Wiliam Anderson đã tách ra khỏi đoàn, bay ra Côn Đảo. Don Luce tháp tùng chuyến đi với danh nghĩa phiên dịch. Trong lời tường thuật trước giới báo chí, hai dân biểu Mỹ khẳng định rằng, các ông đã tận mắt thấy: "*Khoảng 500 người bị giam trong các Chuồng Cọp... Có những tu sĩ phật giáo... Có nhiều phụ nữ từ 15 đến 70 tuổi, có cả những bà già bị mù mắt... Họ bị giam giữ chỉ vì đấu tranh cho hòa bình... Họ bị bỏ đói, bỏ khát, bị nhốt như những con vật trong các Chuồng Cọp. Họ bị ngạt thở vì người ta tung vôi bột vào trừng phạt họ... Trong bảy tháng họ chỉ được ăn rau chỉ có 3 lần... Nhiều người trong số đó bị còng lâu ngày đến mức không thể đứng lên*

bằng đôi chân của mình được nữa... Đó là sự đối xử kinh khủng nhất đối với con người mà chúng tôi chưa bao giờ được thấy...". Dân biểu Anderson đã chỉ trích các nhân viên của cơ quan AID của Mỹ làm nhiệm vụ cố vấn cho Chính phủ Nam Việt Nam về chế độ nhà tù.

Ngày 7-7-1970, nhiều Hãng thông tin phương Tây như: UPI, AP (Mỹ), AFP (Pháp), Roitơ (Anh) đã đưa một loạt tin về cuộc họp báo của 2 dân biểu Augustus Hawkins và Wiliam Anderson cùng Nhà báo Don Luce về thực trạng kinh khủng mà những người tù chính trị đang phải chịu đựng ở Chuồng Cọp Côn Đảo. Dân biểu Hawkins, 1 trong 12 thành viên của Ủy ban điều tra Hạ nghị viện Mỹ đến Việt Nam đã tuyên bố từ chức để phản đối Ủy ban này đã bưng bít sự thật về tội ác của cố vấn Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn tại Côn Đảo, nhất là trong các Chuồng Cọp, Hawkins cho biết, trong bản báo cáo dày 70 trang của Ủy ban này, chỉ có một đoạn nói về nhà tù Côn Đảo.

Bài viết về vụ Chuồng Cọp Côn Đảo của John Helmul và Don Luce đăng trên tạp chí *TIME*, phát hành hàng triệu bản trên khắp toàn cầu cuối tháng 7-1970 đã làm chấn động dư luận thế giới về sự khủng khiếp của nhà ngục của Mỹ - ngụy tại Nam Việt Nam. Nhiều tờ báo lớn ở Mỹ - Pháp, Nhật, Italia, Cộng hòa Liên bang Đức, Cộng hòa Dân chủ Đức, Tiệp Khắc, Liên Xô... đã đưa tin và dẫn lời của 2 dân biểu Mỹ, lên án tội ác của Mỹ - ngụy tại Chuồng Cọp. Lời tố cáo của 2 dân biểu Mỹ là xác đáng, tuy nhiên, đó chỉ là một phần nhỏ về sự thật tội ác của Mỹ - ngụy mà hai ông tận mắt chứng kiến. Song sự thật bé nhỏ ấy đã thức tỉnh lương tri nhân dân Mỹ và nhân loại tiến bộ, rằng Chính phủ Mỹ đang tiến hành

một cuộc chiến tranh xâm lược đầy tội lỗi và sự nhơ bẩn của hàng chục tỷ đô la viện trợ mỗi năm để bảo hộ cho một chính quyền tay sai tàn bạo, phi nhân tính.

Bản tin *Việt Nam Thông tấn xã, Thông tấn xã giải phóng* đã đưa tin lên án tội ác của Mỹ - ngụy đối với tù chính trị Côn Đảo, chỉ trích gay gắt bọn cố vấn Mỹ, Chúa đảo Nguyễn Văn Vệ, Trưởng Ban Chuyên môn Lê Văn Khương. Tờ *Tin Sáng* xuất bản tại Sài Gòn ngày 15 và 16-7-1970 đã đăng toàn bộ thiên phóng sự của Don Luce về Chuồng Cọp Côn Đảo, khởi đầu cho phong trào đấu tranh đòi cải thiện chế độ lao tù ở miền Nam Việt Nam. Nhờ nguồn tài liệu xác thực từ Côn Đảo chuyển về, Ủy ban Vận động cải thiện chế độ lao tù và Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã tổ chức nhiều hoạt động chính trị và ngoại giao tố cáo Mỹ - ngụy phá hoại Hiệp định Paris, đàn áp tù chính trị, hỗ trợ cho cuộc đấu tranh ở Côn Đảo.

Đầu năm 1973, Bản danh sách 8.000 tù chính trị bị giam giữ ở Côn Đảo được bộ phận đường dây chuyển về đất liền đã trở thành cơ sở pháp lý cho phái đoàn ta đấu tranh tại Hội nghị Paris, đòi trao trả tù chính trị. Nhiều tờ báo đối lập ở Sài Gòn cũng lên án chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, ủng hộ cuộc đấu tranh của tù nhân.

Tờ *Đối Diện* số 49, tháng 8-1973 đã đăng danh sách 14 tù nhân chính trị chết trong các trận đàn áp từ ngày 14-4-1973 đến ngày 6-5-1973. Nhằm mục tiêu đấu tranh đòi thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Paris và hỗ trợ cho cuộc đấu tranh của tù chính trị, ủy ban Vận động cải thiện chế độ lao tù miền Nam Việt Nam đã ra lời kêu gọi Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát Hiệp định Paris

tại Việt Nam can thiệp để trả tự do cho tù chính trị. Ủy ban được thành lập ngày 30-10-1970, đại diện cho 30 tổ chức, đoàn thể quần chúng ở miền Nam Việt Nam, trong đó có nhiều giáo sư, thẩm phán, luật sư, bác sĩ, kĩ sư, dân biểu, linh mục, hòa thượng, sinh viên có tên tuổi. Từ năm 1970 đến năm 1973, Ủy ban đã có nhiều hoạt động hỗ trợ đắc lực cho cuộc đấu tranh của tù chính trị, trong đó có tù chính trị Côn Đảo.

Khi biết tin Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu xuất ngoại xin Quốc hội Mỹ tăng viện trợ và bay sang Roma yết kiến Đức Giáo hoàng để tranh thủ sự ủng hộ, Ủy ban này đã gửi bức thư ngày 4-4-1973 thỉnh cầu Đức Giáo hoàng không tiếp Thiệu vì vụ Chuồng Cọp Côn Đảo bê bối và tráo trở trong việc trao trả 200.000 tù chính trị ở miền Nam Việt Nam. Cuộc gặp gỡ vẫn diễn ra, song vấn đề tù chính trị đã trở thành trọng tâm chính trong cuộc thảo luận giữa Tổng thống Thiệu và Đức Giáo hoàng.

Nguồn tin của Tòa thánh cho biết, kết quả cuộc đối thoại là bi đát. Tại Quốc hội Mỹ, Thiệu cũng bị từ chối đề nghị tăng ngân sách viện trợ, bị chất vấn về 200.000 tù chính trị và vấn đề Chuồng Cọp Côn Đảo. Tổng thống Thiệu còn được đón tiếp bằng cà chua, trứng thối trên các đường phố ở Oasinhtơn và 24 băng chất nổ đặt tại Tòa đại sứ ngụy Sài Gòn ở Roma.

Trong các ngày 12, 13 và 14-4-1973, đại diện của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam cùng Ủy ban Vận động cải thiện chế độ lao tù đã đến Paris, dự Hội nghị vận động trả tự do cho tù chính trị ở miền Nam Việt Nam với sự tham gia của 97 tổ chức quốc gia và quốc tế. Ủy ban Vận động cải thiện

chế độ lao tù đã cung cấp tài liệu, tin tức, hình ảnh xác thực về việc tra tấn, tù đày do tờ *Tin tức lao tù* phát hành tại miền Nam Việt Nam cùng danh sách những người bị bắt giữ mà không cần xét xử gì. Một cuốn phim ngắn quay cảnh những tù nhân vừa thoát khỏi nhà tù Côn Đảo đang bò lết trên mặt đất, hai chân tê liệt vì bị còng lâu ngày trong Chuồng Cọp làm cho người ta liên tưởng đến những hình ảnh tàn bạo không phai mờ trong các trại tập trung của Hítle. Hội nghị đã cam kết mở một chiến dịch quốc tế đòi hỏi:

1. Trao trả càng sớm càng tốt mọi tù nhân chính trị đòi thuộc về Chính phủ Cách mạng lâm thời.

2. Trả tự do càng sớm càng tốt cho mọi tù nhân chính trị không đòi được thuộc một trong hai bên với sự chứng kiến của các nhân chứng có thẩm quyền (Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát, Hội Hồng thập tự Quốc gia và đại diện các tổ chức được chỉ định).

3. Chấm dứt mọi hành hạ và ngược đãi đối với tất cả tù nhân chính trị trong khi chờ đợi trao trả và phóng thích họ.

4. Chấm dứt mọi cuộc bắt bớ và mọi hành động đàn áp và trái ngược với Hiệp định Paris.

Hội nghị đã cử một phái đoàn đến Việt Nam quan sát từ ngày 19-4-1973 đến ngày 1-5-1973. Phối hợp với các hoạt động của phái đoàn quan sát Quốc tế do Hội nghị vận động trả tự do cho tù chính trị cử đến miền Nam Việt Nam, Ủy ban Vận động cải thiện chế độ lao tù tại Sài Gòn đã cung cấp nhiều tin tức, tài liệu. Bằng những tài liệu xác thực thu thập được trong thời gian đó, đặc biệt là nguồn tài liệu từ nhà tù Côn Đảo gửi về, ngày

30-6-1973, Ủy ban đã gửi thư cho: Chủ tịch Thượng nghị viện Sài Gòn, Đức Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (Sài Gòn), Chủ tịch Ủy ban Quốc tế kiểm soát và giám sát.

Công tác binh vận, địch vận đã khai thác được nguồn tin tại chỗ, chuyển thư từ ra vào các trại và từ đảo về đất liền. Thông qua việc tổ chức Đường dây Côn Đảo, công tác binh - địch vận còn đặt nền móng cho ngày thắng lợi. Vào thời điểm sụp đổ của ngụy quyền Sài Gòn, nhiều binh lính, gác ngục, được giác ngộ đã góp phần đắc lực vào cuộc nổi dậy giải phóng hoàn toàn nhà lao Côn Đảo đêm 30, rạng ngày 1-5-1975 như: Đại úy Kiều Văn Dậu, Trưởng Ty Tiểu học Nguyễn Văn Đồng, Nhân viên Hợp tác xã tiêu thụ Nguyễn Văn Sơn, gia đình Giám thị Của, Giám thị Trương... Họ đã tập hợp lại theo sự hướng dẫn của Linh mục Phạm Gia Thụy để thông tin và hỗ trợ đắc lực cho tù chính trị trong cuộc nổi dậy tự giải phóng.

Trong niềm vui trào dâng, những người tù chính trị liên tục phát sóng báo tin Côn Đảo đã được hoàn toàn giải phóng, tù chính trị sẵn sàng đợi lệnh của Trung ương. Chiều 2-5-1975, Trạm vô tuyến Côn Đảo bắt được tín hiệu liên lạc với đất liền. Đồng chí Trần Trọng Tân, Phó Bí thư Đảo ủy Lâm thời được mời đến liên lạc với Thành ủy Sài Gòn - Gia Định. Khi được hỏi Côn Đảo cần gì để Trung ương tiếp tế, đồng chí đã nghẹn ngào nói qua làn sóng điện: "*Chúng tôi cần ảnh Bác Hồ*". 500 tấm ảnh Bác in lụa đã được chuyển gấp xuống chuyến tàu đầu tiên, cùng đoàn quân giải phóng cập đảo rạng sáng 4-5-1975. Lễ rước ảnh Bác Hồ đã làm rơi nước mắt hàng ngàn tù chính trị Côn Đảo sau bao nhiêu năm đau thương và kiên cường tranh đấu trong tù.

TƯ TƯỞNG TỰ GIẢI PHÓNG CỦA TÙ CHÍNH TRỊ CÔN ĐẢO[1]

Không mấy người tù Côn Đảo lại không nghĩ đến chuyện tự giải thoát, thường là bằng cách từng nhóm liên kết với nhau, đóng thuyền, bè vượt ngục, cũng có khi bằng cách cướp súng, cướp ca nô, tàu thuyền của nhà ngục mà trở về. Từ khi lớp tù chính trị cộng sản bị đày ra Côn Đảo (1930), tù nhân được tổ chức lại dưới các hình thức Hội tù nhân, Liên đoàn tù nhân... dưới sự lãnh đạo của các chi bộ, Đảng bộ, Đảo ủy hoặc Ban Lãnh đạo, tổ trung tâm ở cấp toàn đảo hay từng trại, từng phòng giam. Quan điểm chung của các Ban Lãnh đạo hay tổ chức Đảng ở mỗi thời kỳ đều hướng các hoạt động của tù nhân vào việc đấu tranh đòi cải thiện chế độ lao tù, bảo vệ khí tiết, phẩm giá của người chiến sĩ cách mạng, tổ chức học tập văn hóa, lý luận để nâng cao trình độ và tổ chức vượt ngục khi có điều kiện.

Tư tưởng võ trang giải thoát được lớp tù nhân kháng chiến chống Pháp khởi xướng là một bước phát triển lớn, khác hẳn về chất so với các cuộc vượt ngục từng bộ phận. Nghị quyết Đại hội lần thứ 3 của Đảng ủy nhà tù

1 Chuyên đề khoa học, Đề tài cấp bộ đặc biệt 2001 - 2004: *Lịch sử đấu tranh của các chiến sĩ yêu nước và cách mạng tại nhà tù Côn Đảo (1862 - 1975)* (Chủ nhiệm đề tài: PGS-TS. Nguyễn Trọng Phúc; Thư ký đề tài: TS. Nguyễn Đình Thống - ThS. Trần Trọng Thơ).

Côn Đảo đầu năm 1952 đã xác định: *"Trước hết, hướng hoạt động của khối tù nhân vào các cuộc đấu tranh hàng ngày, đồng thời phải bí mật chuẩn bị cho các cuộc giải thoát lớn, qui mô toàn đảo khi có điều kiện"*[1].

Tư tưởng này đã được cụ thể hóa bằng phương án vũ trang giải thoát, mà kíp tù binh ở Bến Đầm là lực lượng xung kích. Cuộc vũ trang giải thoát của 198 tù binh ở Bến Đầm đã nổ ra ngày 12-12-1952, lực lượng tù binh đã hoàn toàn làm chủ tình thế. Do thời tiết không thuận, cuộc vượt biển không thành, song đó là cuộc biểu dương tinh thần chiến đấu kiên cường và ý chí tự giải phóng của những người tù kháng chiến. Phương án vũ trang giải thoát lần 2 được đề ra vào năm 1953, nhưng chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954 đã làm thay đổi tình thế. Điện Biên Phủ toàn thắng, Hiệp nghị Giơnevơ được ký kết, trên 2.000 tù binh, tù chính trị được trao trả cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Lớp tù án chính trị bị đày ra Côn Đảo sau năm 1954 được kết tập vào tổ chức Liên chi Đảng bộ tù án và Liên đoàn tù nhân giải phóng. Kế thừa tư tưởng vũ trang giải phóng của thời kỳ chống Pháp, Liên chi Đảng bộ tù án đã xác định một trong bốn nhiệm vụ của chi bộ là: *"Lợi dụng thời cơ thuận tiện của tình hình bên ngoài sẽ đứng lên cướp chính quyền, tự giải phóng"*. Tư tưởng này đã được cụ thể hóa trong một phương án cướp đảo, cướp tàu về đất.

Phương án được gọi dưới mật danh "Làm Chùa", được kíp tù khổ sai xây chùa An Hải khởi xướng nhưng không thực hiện được[2].

1 *Nhà tù Côn Đảo 1945 - 1954*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1991, tr. 137.

2 *Nhà tù Côn Đảo 1953 - 1975*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 97.

Ngày 27-2-1965, cuộc võ trang vượt đảo của 57 tù chính trị Sở Lưới thành công rất ngoạn mục. Trong vòng chưa đầy 10 phút, lực lượng tù chính trị vượt ngục đã bắt trói hơn 40 thủy thủ, thuyền viên của tàu TCS-131 cùng 1 giám thị, 2 trật tự, 4 lính bảo an, 4 viên chức của nhà tù áp tải, sau đó cướp chiếc xà lúp mang tên Cần Thơ - Sóc Trăng của Sở Lưới trở về vùng giải phóng an toàn. Phương án chiếm tàu vượt đảo của tù nhân Sở Lưới được hình thành trước đó một năm, được Đảng ủy các trại tù án thông qua, được bổ sung các tình huống, phương tiện và điều chỉnh lực lượng sau 4 lần đánh hụt. Trận đánh diễn ra đúng dự kiến, giành thắng lợi trọn vẹn và bất ngờ ngay trong vịnh Côn Đảo, nơi mà hệ thống bố phòng của địch tập trung mạnh nhất. Đó là một bằng chứng xác đáng cho khả năng hiện thực của tư tưởng võ trang giải thoát.

Bức thư của Trung ương Cục gửi các đồng chí trong nhà lao vào tháng 4-1969 đã xác định các nhiệm vụ đấu tranh dân sinh dân chủ, bảo vệ khí tiết, đồng thời phải xây dựng thực lực, sẵn sàng giải thoát khi có điều kiện. Chủ trương này đã được Đảng ủy Trại III (tù án) vận dụng như sau: "*Đẩy mạnh đấu tranh dân sinh dân chủ làm đòn xeo, mở rộng dân chủ để tạo thế. Qua đấu tranh, ra sức xây dựng thực lực, đưa phong trào tiến lên theo hướng chống chào cờ, chống khổ sai tập thể, đòi quyền tự quản trị, đòi trả tự do, đồng thời sẵn sàng tự giải thoát khi có điều kiện*".

Lực lượng tù chính trị câu lưu (không án tiết) bị cấm cố ở Trại VI khu B đã củng cố tổ chức, thành lập Đảng bộ mang tên Lưu Chí Hiếu, vào ngày 3-2-1972. Tháng 5-1973, Đảng bộ đã nhận định tình hình và dự liệu tình

huống giải phóng Côn Đảo như sau: "*Địch sẽ ngoan cố không trao trả hết tù chính trị, chúng vẫn hiếu chiến, phá hoại Hiệp định. Vì thế, có khả năng giải phóng Côn Đảo trước hoặc gần ngày giải phóng miền Nam, bằng lực lượng nội công, ngoại kích. Đảng ủy chỉ đạo, tuyển chọn trong lực lượng tự vệ bí mật một bộ phận ưu tú nhất, thành lập đội tự vệ chiến đấu dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng ủy để chuẩn bị cho phương án nổi dậy chiếm nhà lao, giải phóng Côn Đảo khi có thời cơ*".

Cùng với từng bước phát triển của cách mạng miền Nam và phong trào đấu tranh trong tù, tư tưởng võ trang giải phóng của tù chính trị Côn Đảo đã được xác định ngày càng rõ nét và trở thành ý thức thường trực trong bộ phận có trách nhiệm ở nhà tù Côn Đảo. Bị chia cắt và phân tán, tù chính trị đã hình thành các Tổ trung tâm trong từng phòng, bộ phận trách nhiệm trong từng khu, thống nhất chủ trương chỉ đạo các hoạt động của tù nhân. Qua nhận định tình hình, trao đổi chủ trương, tư tưởng võ trang tự giải phóng được thấm nhuần và tích cực chuẩn bị. Nhờ vậy mà khi nắm được tin Dương Văn Minh đầu hàng, thành phố Sài Gòn hoàn toàn giải phóng, bọn ác ôn trên đảo đã bỏ chạy thì những người có trách nhiệm ở Trại VII đã quyết định chớp thời cơ, tự giải phóng mình, giải phóng Côn Đảo.

Trong nhiều năm trước đó, lực lượng tự vệ chiến đấu đã cất giấu đồ bén nhọn làm vũ khí, luyện tập võ thuật, dùng giẻ thấm muối và nước tiểu siết mòn các song sắt, khoét gần thủng tường phòng giam rồi dùng cơm nhuyễn trét lại ngụy trang để khi có thời cơ sẽ bẻ song, đạp tường, phá ngục. Nhờ đó, khi Ban Lãnh đạo phát động

nổi dậy, nhiều phòng đã nhanh chóng bẻ song, phá tường ra. Thường trực tư tưởng võ trang tự giải phóng, Đảo ủy lâm thời được thành lập vào thời điểm nổi dậy ở Trại VII đã quyết định tổ chức ngay lực lượng võ trang làm hậu thuẫn cho cuộc nổi dậy nhanh chóng giành thắng lợi.

Cuộc nổi dậy mùa Xuân 1975 ở nhà tù Côn Đảo là bước phát triển cao nhất của tư tưởng võ trang tự giải phóng của tù chính trị. Cuộc nổi dậy là biểu hiện sinh động giữa các hình thức đấu tranh chính trị, binh vận và võ trang trong nhà tù. Trong lúc phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng vào cuộc đấu tranh chính trị bảo vệ khí tiết, đấu tranh chống khổ sai đòi quyền dân sinh dân chủ, tù chính trị đã đặc biệt chú trọng duy trì và phát triển tư tưởng bạo lực cách mạng.

Đấu tranh võ trang được sử dụng một cách hạn chế trong một số cuộc vượt ngục tập thể đã từng bước phổ biến dưới hình thức võ trang tự vệ trong thời kỳ đấu tranh trên cơ sở pháp lý Hiệp định Paris rồi phát triển thành hình thức đấu tranh vũ trang kết hợp với nổi dậy tự giải phóng vào mùa Xuân 1975. Công tác binh vận, địch vận thực hiện từ nhiều năm trước đã phát huy tác dụng và trở thành một nhân tố tạo ra tình thế trực tiếp giúp tù chính trị nổi dậy tự giải phóng. Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đã tạo ra thời cơ lớn cho cuộc nổi dậy giải phóng Côn Đảo. Tư tưởng võ trang tự giải phóng là một trong những yếu tố quan trọng giúp những người tù chính trị Côn Đảo chớp được thời cơ, giành thắng lợi.

MỤC LỤC

Lời Nhà xuất bản.....5

Côn Đảo từ góc nhìn lịch sử.....9

Phần thứ nhất
TỔNG QUAN VỀ CÔN ĐẢO

- Quần đảo Côn Lôn và nhà tù Côn Đảo 21
- Một vài truyền thuyết về Côn Đảo.....71

Phần thứ hai
NHÀ TÙ CÔN ĐẢO
DƯỚI THỜI THỰC DÂN PHÁP
(1862 - 1954)

- Cuộc bạo động vượt ngục của tù nhân tại Hải Đăng Bảy Cạnh ngày 27-8-1883.....85
- Sự chuyển biến tư tưởng của đội ngũ sĩ phu yêu nước bị đày ra Côn Đảo sau cuộc vận động Duy Tân và chống thuế ở Trung Kỳ (1908).....93
- Biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng 110
- Ngô Gia Tự - Người lãnh đạo xuất sắc trong nhà tù Côn Đảo.....118
- Nhân cách Bác Tôn 129

- Đồng chí Nguyễn Duy Trinh
  Người Bí thư Đảng ủy trong nhà tù Côn Đảo 142
- Đồng chí Lê Hồng Phong
  Những ngày ở nhà tù Côn Đảo 167
- Đồng chí Lê Duẩn - Người học viên xuất sắc
  trong nhà tù Côn Đảo 173
- Chi bộ đặc biệt và cuộc cách mạng
  tháng Tám 1945 ở Côn Đảo 178
- Cách mạng tháng Tám 1945
  và số phận của hai người bị tù oan 183
- Trần Xuân Độ - Người cán bộ Cụ Hồ
  trưởng thành từ nhà tù Côn Đảo 185
- Hoạt động báo chí ở nhà tù Côn Đảo
  trong những năm 1947 - 1950 206
- Vượt ngục về kháng chiến 212
- Liên đoàn tù nhân Côn Đảo 220
- Ngọn cờ đỏ sao vàng trên Côn Đảo 232
- Bốn lần Đại hội của tổ chức Đảng
  ở Côn Đảo (1950 - 1954) 255
- Cuộc võ trang giải thoát ngày 12-12-1952 266
- Võ Thị Sáu - Con người và huyền thoại 274
- Hành trình tìm lại ngày hy sinh của Võ Thị Sáu
  và sắc phong người thiếu nữ anh hùng 308
- Thắng lợi của Chiến dịch Điện Biên Phủ
  tiếp thêm sức mạnh cho cuộc đấu tranh
  đòi trao trả tù binh, tù chính trị tại Côn Đảo 317

Phần thứ ba
NHÀ TÙ CÔN ĐẢO DƯỚI THỜI MỸ - NGỤY (1954 - 1975)

- Đấu tranh bảo vệ khí tiết ở nhà tù Côn Đảo thời chống Mỹ 333
- Lưu Chí Hiếu người chiến sĩ quyết tử của tiểu đoàn quyết tử 364
- Huỳnh Văn Khi trọn một lời thề 389
- Những mẩu chuyện của tù chính trị Côn Đảo đối với Bác Hồ kính yêu 395
- Chiếm tàu địch vượt Côn Đảo (27-2-1965) 405
- Tập san *Xây Dựng* của trại VI khu B Côn Đảo 429
- Học văn hóa - chính trị trong nhà tù Mỹ - ngụy 433
- Hoạt động của người cán bộ binh vận trong tù và danh sách 8.000 tù Chính trị Côn Đảo 441
- Đường dây Côn Đảo 462
- Tư tưởng tự giải phóng của tù chính trị Côn Đảo 472

CÔN ĐẢO
từ góc nhìn LỊCH SỬ

NGUYỄN ĐÌNH THÔNG

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Biên tập: HỒNG LAM

Sửa bản in: KHẮC DUY

Trình bày: MẠNH HẢI

Bìa: VÕ ANH KHÔI

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 38296764 - 38256713 - 38277326

Fax: 84.8.38222726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Website: http://www.nxbhcm.com.vn - http://www.fidbooks.com

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 38256804 - Fax: 84.8.38222726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Website: http://www.nxbhcm.com.vn - http://www.fidbooks.com

In 500 bản, khổ 14,5×20,5cm

tại Xí nghiệp in Fahasa

GPXB số: 674-12/CXB/10-80/THTPHCM cấp ngày 15/06/2012

In xong và nộp lưu chiểu quí IV năm 2012

CON DAO

TỪ GÓC NHÌN LỊCH SỬ



Giá: 125.000đ